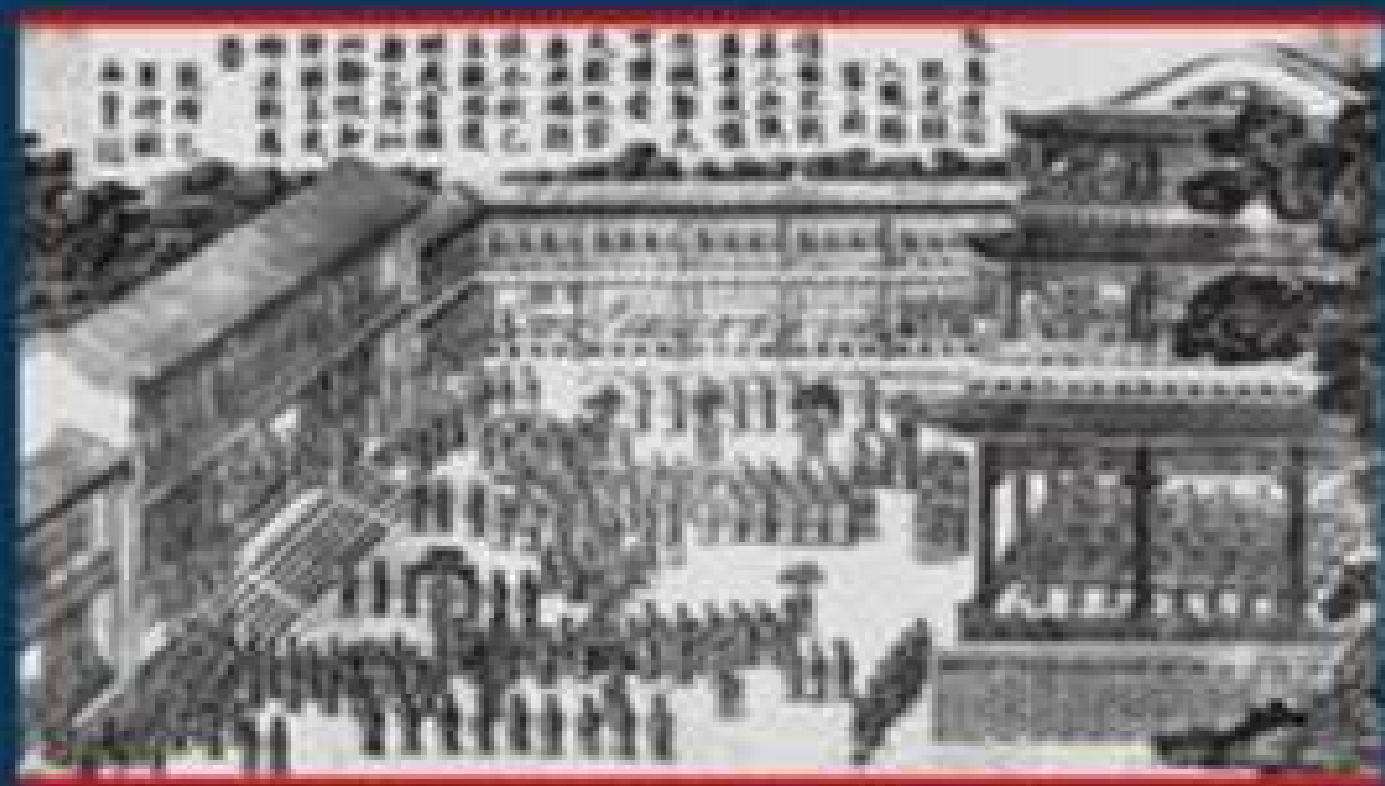


TẠCHÍ ĐẠI TRƯỜNG

VIỆT NAM THỜI TÂY SƠN

LỊCH SỬ
NỘI CHIẾN
1771-1802



NGHỆ THUẬT BẮN CÔNG ANH HỒN DÂN

Mục Lục

LỜI GIỚI THIỆU

MỞ ĐẦU

PHẦN THỨ NHẤT - TAN RÃ Ở NAM HÀ (1771 - 1785).

Chương 1. CÁC LỰC LƯỢNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC ĐẾN KHOẢNG 1775

Tiết 1

Tiết 2

Chương 2 - GIA ĐỊNH, ĐẤT TRANH CHIẾM QUYẾT LIỆT

Tiết 3

Tiết 4

Tiết 5

Tiết 6

PHẦN THỨ HAI - SỰ TAN RÃ Ở BẮC HÀ VÀ PHẢN ỨNG DỘI NGƯỢC KHI TY SƠN BÀNH TRƯỚNG (1786 – 1789).

Chương 3 CHIẾN TRANH BẮC HÀ 1

Tiết 7

Tiết 8

Tiết 9

Chương 4 - HỌ NGUYỄN TRUNG HƯNG

Tiết 10

Tiết 11

Tiết 12

PHẦN THỨ BA - GIAI ĐOẠN THANH TOÁN NGUYỄN - TY SƠN (1789-1802)

Chương 5. SỰ CÙNG CỐ ĐÔI BÊN Ở THẾ GIẢNG CO

Tiết 13

Tiết 14

Tiết 15

Chương 6 - GIA ĐỊNH VÀ PHÚ XUN ĐỐI ĐẦU

Tiết 16

Tiết 17

Tiết 18

Tiết 19

Chương kết

Tiết 20

Chú thích

LỜI GIỚI THIỆU

Khởi nghĩa Tây Sơn là một đề tài luôn luôn hấp dẫn giới nghiên cứu Việt Nam. Đây không phải chỉ là một cuộc khởi nghĩa đã đánh đổ được hai dòng họ phong kiến trị vì trong nhiều thế kỷ ở Đàng Trong và Đàng Ngoài, mà còn hoàn thành sự nghiệp chống ngoại xâm đánh lui hai kẻ thù hùng mạnh ở miền nam và miền bắc. Vì vậy trong những năm đầu Chiến tranh thế giới thứ hai, khi tinh thần dân tộc được nâng cao do tác động của các phong trào đấu tranh giải phóng, thì cuộc khởi nghĩa lại trở thành trọng tâm chú ý của nhiều nhà sử học. Tiếp đến trong những năm sau chiến tranh chống Pháp, trong xu hướng đề cao vai trò động lực lịch sử của nông dân, cuộc nổi dậy của những người anh hùng áo vải lại tăng thêm sức hấp dẫn các nhà sử học Mác xít ở miền Bắc, muốn chứng minh cho một định đề có sẵn. Thậm chí có tác giả còn đi đến nhận định đây là một cuộc cách mạng nông dân, hoặc đi xa hơn, cho đây là cái mốc đánh dấu sự hình thành của dân tộc Việt Nam. Cho đến nay, trong thư mục của Thư viện Quốc gia Hà Nội, đã có không dưới 60 cuốn sách của các tác giả Việt Nam nghiên cứu về phong trào này, đấy là chưa kể hàng trăm hàng ngàn bài báo và tạp chí cứ mỗi năm đến ngày Tết nguyên đán lại nhắc đến chiến thắng Đống Đa lịch sử và đưa ra những đánh giá mới về cuộc khởi nghĩa.

Nhưng rồi những suy nghĩ cảm tính dần dần cũng lắng đọng để đi đến những phân tích lý trí. Các nhà nghiên cứu quan tâm hơn đến những tài liệu bổ trợ ngoài lịch sử chính thống, đặc biệt là những tài liệu dân gian và những văn bản của thời đó còn sót lại, mong dựng lại một bức tranh chính xác về bản chất cuộc khởi nghĩa. Phải thừa nhận rằng trong mấy thập niên qua, chúng ta đã sưu tập được khá nhiều tài liệu mới về Tây Sơn, từ những văn bia bị bỏ quên, những gia phả trong các dòng họ, đến những văn thư trao đổi ở các đồn biên cảnh còn lưu giữ được, và nhất là những câu chuyện kể dân gian rất phong phú. Nhưng lúc này chúng ta đang đứng

trước một thách thức, đó là tài liệu về thời Tây Sơn còn lại không đầy đủ, nhiều lỗ hổng chưa được chứng minh. Chẳng hạn riêng chuyện các viên tướng Tây Sơn chỉ huy các mũi tấn công Thăng Long năm 1789, cũng đã làm tốn bao giấy mực tranh luận mà vẫn chưa làm người đọc thỏa mãn.

Chính vì vậy mà việc tái bản cuốn Việt Nam thời Tây Sơn của Tạ Chí Đại Trường là một đóng góp mới đối với việc nghiên cứu lịch sử cuộc khởi nghĩa. Có lẽ đây là một trong những công trình sớm nhất đã cố gắng thu thập tối đa những tư liệu viết về Tây Sơn của đủ các loại người, từ các sử gia chính thống, đến những người trong cuộc đương thời, và quan trọng hơn là lời chứng của các giáo sĩ, thương nhân và bọn phiêu lưu nước ngoài đã có mặt ở Đại Việt trong những thời kỳ đó (sách xuất bản lần đầu năm 1970 tại Sài Gòn). Tác giả đã làm công việc khảo cứu một cách có hệ thống, đi từ việc giám định các tư liệu được sử dụng, xác định tính chân xác của các tư liệu đó, từ tài liệu chữ Hán Nôm, đến các ghi chép và bút ký của người nước ngoài. Những địa danh bằng chữ Hán Nôm được xác định lại như Bân Thiết là Mang Thít, Xuy Miệt là Xoài Mút, Thán Lung là Thang Trông. Những tên người tên đất được người nước ngoài ghi lại bằng, những cái tên kỳ quặc như Ou doi be, Hoe Hanh Loie, Choya, cua Heo đã được tác giả đối chiếu, tìm quy luật chuyển âm để dựng lại chính xác hoặc đưa ra giả định mới. Qua tham khảo một khối lượng tài liệu phong phú mà tác giả đã dựng lại được cả một giai đoạn lịch sử kể từ khi nổ ra cuộc khởi nghĩa ở Tây Sơn cho đến khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, kết thúc cuộc chiến tranh hơn 30 năm. Mỗi một sự kiện đều có sự so sánh giữa tài liệu ghi lại của các đại thần nhà Lê, đến các sử quan nhà Nguyễn, và tham chiếu những ghi chép của các nhân chứng ngoại quốc và tư liệu Trung Hoa. Tác giả không bỏ qua những tư liệu văn học và truyền thuyết dân gian để hiểu rõ thêm tình cảm của nhân dân đối với từng nhân vật và từng sự kiện lịch sử.

Nếu trong lần xuất bản đầu tiên tác giả lấy tên công trình là Lịch sử nội chiến ở Việt Nam, thì trong khi trình bày, tác giả không dừng lại ở những

xung đột giữa các tập đoàn quân sự Bắc Hà, Nam Hà và quân khởi nghĩa, mà còn đề cập đến nhiều hoạt động khác của xã hội mà nổi lên trên hết là hai cuộc chiến chống ngoại xâm vang dội ở Rạch Gầm-Xoài Mút và ở Đống Đa. Vì vậy trong lần tái bản này, được sự đồng ý của tác giả, chúng tôi đã đổi lại tên sách là Việt Nam thời Tây Sơn, mang tính bao quát hơn. Như tác giả đã nhận định trong lời kết là “Tất cả đã tạo nên một hoàn cảnh sôi sục trong phát triển ở Nam Hà. Địa phương và trung ương trông chừng nhau ở cả hai bên sông Gianh, nhưng sức mạnh địa phương miền Bắc đã yếu thế nhiều vì quá khứ 10 thế kỷ kết tập chung sống. Cho nên biến cố có tên là Tây Sơn lại nổ bùng ra ở Nam Hà và đủ sức mạnh để đảo lộn tất cả: chiến tranh 32 năm chỉ là cái gút để tóm thâu kết quả của mấy trăm năm gầm gừ phân tranh, mấy trăm năm biến đổi dần dà trong xã hội Đại Việt (...). Cho nên phải nói rằng những thừa hưởng của quá khứ, của trận chiến kết thúc phân tranh, đậm hay nhạt, nhiều hay ít rồi sẽ hợp với những điều kiện mới nảy sinh để bắt đầu lịch sử Việt Nam. Đất nước sẽ càng ngày càng phức tạp hơn để theo những biến động thế giới mà bước vào thời cận đại với Gia Long”.

Việt Nam thời Tây Sơn là một giai đoạn bản lề trong lịch sử đất nước ta. Đó là sự bùng nổ của những xung đột ngấm ngầm bên trong một xã hội đang trên đà phát triển, để san bằng tất cả mọi trở ngại trên con đường thống nhất dân tộc, phát triển quốc gia. Mong rằng việc tái bản cuốn sách này sẽ đáp ứng được nhu cầu của bạn đọc, muốn hiểu sâu thêm về một giai đoạn đầy biến động của dân tộc, có được cái nhìn đầy đủ hơn về những nhân vật anh hùng cũng như những kẻ phiêu lưu của một thời kỳ lịch sử.

ĐÀO HÙNG

Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam

MỞ ĐẦU

Hậu bán thế kỷ XVIII là một trong những giai đoạn rối ren nhất và cũng là một trong những giai đoạn hiểm hoai mà người Việt sau khi chịu được cơn chuyển mình, thấy đất nước lớn mạnh hơn, dồi dào sinh lực hơn ngày trước. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, biến cố tàn Lê, diệt Trịnh, sự phục hồi của họ Nguyễn, tất cả đầy sinh động, hấp dẫn, khiến cho người đương thời vội vã ghi chép, người sau kiên nhẫn lục lọi làm nên những tổng hợp chuyên biệt, khoa học mà chúng ta chú ý ở đây. Hãy kể lấy một vài trường hợp. Thời đại lịch sử kể trên tràn một phần khá lớn trong quyển *Histoire moderne du pays d' Annam (1529 - 1820)* của Ch. Maybon [1] là “quyển sách có giá trị đặc biệt”, “một công trình có giá trị trong học giới” như Phạm Quỳnh đã tán tụng [2].

Không khí phục cổ do báo Tri Tân (1940-1945) đưa tới phía người Việt, dưới sự thúc đẩy của ảnh hưởng Trường Viễn đông Bác cổ qua các ông Ứng Hoè Nguyễn Văn Tố, Biệt Lam Trần Huy Bá, Mãn Khánh Dương Kỳ ... hợp với không khí nghiêm trọng của Thế chiến thứ hai nuôi dưỡng ý hướng khảo sát, khiến thấy xuất hiện giữa những tác phẩm lịch sử khác, quyển *Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc của Hoa Bằng* [3]. Cũng được sửa soạn thành hình trong thời kỳ đó, nhưng xuất hiện muộn màng trong thời chiến tranh (1945-1954) để nhân dịp biện hộ cho thái độ soạn giả trước thời cuộc là quyển *La Sơn Phu Tử của Hoàng Xuân Hãn* [4]. Hiện nay theo với sự tạo lập các chứng chỉ Sử học ở trường Đại học Huế, giáo sư Nguyễn Phương cũng khảo sát biến động Tây Sơn đăng đàn trên các tạp chí Đại học, Bách khoa, Đại học Sư phạm Huế [5]. Và bắt đầu chúng tôi cũng thu nhặt tài liệu để khảo sát giai đoạn này trong tính cách toàn thể của nó dưới nhan đề là: “Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802”.

Các thư viện: Thư viện quốc gia, Tổng thư viện và đặc biệt Thư viện Khảo cổ đã cung cấp tài liệu cho chúng tôi. Các bài chỉ dẫn thư tịch của L. Cadière và P. Pelliot, E. Gaspardone, Trần Văn Giáp, Huỳnh Khắc Dụng, ở các sách tổng hợp cẩn thận theo tinh thần khoa học đã giúp chúng tôi dễ

dàng trong khi tìm tòi. Nhưng ở đây chúng tôi vẫn vấp phải một điều mà người trước đã lưu ý tới: tài liệu khiếm khuyết.

Lê Quý Đôn ngày trước đã thống trách về tình trạng sách vở lưu lạc, mất mát ở nước ta [6]. Hay nói như L. Cadière và P. Pelliot [7], “không ở đâu mà cái gia tài kiến thức của một dân tộc lại tan biến nhanh như vậy”. Thực ra, tình trạng hiếm hoi sách vở, nhất là sử ký, cũng được người xưa công nhận là tại người ta ít chuyên tâm chú ý sáng tác. Tham tụng đời Trịnh Khải là Bùi Huy Bích viết: “Nước ta về môn sử ký rất là sơ lược. Chép sử có hai lối, một là kỷ truyện, hai là biên niên. Lối kỷ truyện thời đã không có rồi, đến lối biên niên cũng lại thiếu thốn, nhiều chỗ sai lầm ... Học giả có biết nghĩ đến cũng nên sửa sang lại sử, hay là làm lời bàn bạc, chứa vào kho vua để đợi hậu thế” [8].

Thế mà khí hậu và chiến tranh tàn hại lại đua nhau phá hoại những sách vở ít ỏi đã ra đời. Hai tác giả Cadière và Pelliot từ năm 1904 còn có giọng bi quan huống là chúng ta bây giờ, trải qua chiến tranh tiêu thổ 1945-1954 và 1956 - ?. Bộ Thực lục chính biên đệ nhất kỷ của Viện Khảo cổ thiếu mất từ quyển 14 tới quyển 32 là một trong những ví dụ. Có những sách không dùng được hoặc thiếu hụt hiệu quả xác thực: quyển Hoàng Lê nhất thống chí theo bản dịch của Ngô Tất Tố có những lỗi in thật là tai hại. Tài liệu hiếm hoi dẫn đến sự cách biệt người và tài liệu: có thể thư viện ở Huế còn giữ những bộ Thực lục thiếu sót trên [9]. Vì lẽ đó mà tài liệu thường phải rải rác khiến chúng ta sử dụng không đều phần sách tham khảo đã liệt kê.

Nhưng nếu bằng lòng với thực tế thì chúng ta cũng có thể sử dụng phần hiện có được. Tài liệu gồm có hai phần xét từ nguồn gốc: những giấy tờ, sử sách của người nước ta để lại hay của các nhân vật Tây phương có liên lạc với công cuộc truyền giáo, buôn bán với xứ này cung cấp.

Loại thứ nhất, phần thuộc những tài liệu xác đáng nhất, có thể là các đồng tiền Cảnh Hưng, Chiêu Thống, Quang Trung, Cảnh Thịnh, các bộ giáp, khí giới của tướng binh Chà-và của Nguyễn Ánh (trưng bày ở Hội chợ Sài

Gòn, khu lịch sử 1942), bản chụp ảnh các thư Nguyễn Ánh gửi người Tây phương, chiếu truyền La Sơn Phu Tử của Quang Trung, sắc phong thần đời Quang Trung (trưng bày ở Hội chợ Hà Nội, khu lịch sử, 1940-1941) [10] ... Trong những thứ này thì chính chúng tôi cũng chỉ thấy tận mắt, trong hình trạng thực của nó, các đồng tiền, các thư và tờ sắc thuộc Nguyễn Huỳnh Đức về chuyến đi sứ năm 1797 thôi. Tài liệu này cất trong nhà thờ Đức Nhuận hầu ở làng Khánh Hậu, tỉnh Long An và cảm giác đầu tiên của chúng tôi khi nhìn thấy là xứ sở đương thời quả thực nghèo nàn, từ đó mới hiểu rõ hơn nỗi thất vọng của bọn phiêu lưu Olivier, Barizy.

Cũng thuộc loại thứ nhất nhưng tiếp theo những tài liệu kể trước trong thứ tự cổ điển về tính cách xác thực là các thi văn, lời thuật của các nhân vật lịch sử (Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Trịnh Hoài Đức ...). Phần nhiều những loại này vì tính cách tiêu khiển, ngâm vịnh của chúng và một số những bản văn vì hình thức vần đối của chúng vẫn được kể là tài liệu văn học. [11] Nhưng nếu nói như H. I. Marrou [12] “mọi thứ đều có thể là tài liệu”, thì ta vẫn dùng được chúng bởi vì, các văn bản của chúng ta ngày xưa làm thơ văn là để diễn tả mối xúc động của họ trước sự kiện xảy ra, nghĩa là tính cách nhân chứng lịch sử của họ vẫn có ngay khi họ để hồn mơ mộng. Đọc câu thơ Lê Ngọc Hân khóc Quang Trung:

“Mà nay áo vải cờ đào”

trong một tiếng kêu thất vọng dài 164 câu, triền miên nỗi niềm đau xót, ta thấy xúc động trước cảnh tử biệt sinh ly. Nhưng nếu dừng ở lãnh vực sử học, thì hai chữ “cờ đào” là một chứng cứ hoạt động của quân tướng Tây Sơn, chứng cứ thấy ở nơi khác, nơi các bức thư của L.M (linh mục) D. de Jumilla và L. Barizy.

Đương thời có một quyển lịch sử ký sự là quyển Hoàng Lê nhất thống chí. Theo giáo sư Dương Quảng Hàm, quyển “lịch sử tiểu thuyết” [13] này còn có tên An Nam nhất thống chí chia làm 7 hồi, chép công việc nhà Hậu Lê từ Trịnh Sâm đến lúc nhà Trịnh mất ngôi Chúa (1767- 1787). Một bản tục

biên (hồi 7 - 17) chép tiếp từ lúc Chiêu Thống chạy sang Tàu đến khi di hài được đem về chôn ở Thanh Hoá. Giáo sư thắc mắc “không biết có phải Ngô Du đã soạn 7 hồi sau không” mà không lưu ý rằng bản tục như giáo sư dẫn có đến 10 hồi. Trong khi đó bản dịch của Ngô Tất Tố có đến 19 hồi tất cả. Xét theo hơi văn và chủ đích lộ ra, sách chắc phải do 3 tác giả viết. Ngô Thì Chí chắc viết 7 hay 8 hồi đầu với dụng ý hiểu chữ nhất thống là gồm-một-về-Lê nhân dịp Tây Sơn diệt Trịnh. Các hồi sau (đến trang 277 trong bản Ngô Tất Tố) có lẽ của Ngô Du viết trong thời kỳ họ Ngô có Ngô Thì Nhậm là sủng thần của Quang Trung, giọng văn đầy tính cách thần phục viên chủ tướng này. Giọng văn từ trang 277 đổi đi gọi Quang Toàn là vua “Ngụy Tây”, quân Gia Định là “quân của Hoàng Triều” khiến Ngô Tất Tố phải chú thêm là “dịch theo nguyên văn”. Tác giả đoạn này rõ là một kẻ bề tôi Nguyễn viết ra nổi bản văn trước để cường ép ý nhất thống do Ngô Thì Chí đề ra, quay về phục vụ cho công cuộc xây dựng sự nghiệp của Nguyễn Ánh.

Bài thơ dài Hoài nam khúc thì thuần nhất hơn. Người ta biết tác giả là Hoàng Quang và sự việc ghi lại vào khoảng 1774-1775. Khung cảnh là xứ Huế và đóng vai trò là đám quan liêu thất cơ lỡ vận của Chúa Nguyễn. Sự ghi khá rõ: tính cách chuyên quyền của Trương Phúc Loan, ngày Kinh thành thất thủ, cảnh khổ nhục trong khung cảnh đói rét chung ở Thuận Hoá ... Nhưng đáng chú ý hơn là thái độ biểu lộ của tác giả khiến ta hiểu được một phần khuynh hướng chung của đương thời: người mà tác giả trông cậy không phải là Duệ Tông, càng không phải là Nguyễn Phúc Ánh mà là Hoàng tôn Dương. Lúc nào cũng là Hoàng tôn.

Mười mấy năm sau, bài thơ lại có một tác dụng khác. Nó nung nấu trong vùng Tây Sơn một khuynh hướng trông chờ ở Gia Định và thành một chất liệu kích thích tinh thần binh sĩ nơi này. Đến đây ta có một ghi nhận thích thú: giá trị minh chứng của một tài liệu không phải chỉ ở nội dung đã định rồi, lúc ban đầu, mà còn ở trong đời sống của nó, ở cách hiểu tài liệu của những người sau biểu lộ thái độ lịch sử của họ nữa.

Lịch sử trong thời đại này liên quan tới công nghiệp của ông vua khai sáng triều Nguyễn nên các sử quan chăm chú trước tập khá nhiều. Theo hai ông Cadière và Pelliot thì Quốc sử quán thiết lập năm 1821, đến năm 1841 viết xong Liệt Thánh thực lục tiền biên, Thực lục chính biên đệ nhất kỷ gồm 60 quyển và một quyển thủ. Năm 1852, Đại Nam liệt truyện tiền biên xong và in ngay, còn Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập (33 quyển) thì làm tiếp sau đó, nhưng mãi đến năm 1889 mới in.

Một quyển sách mà hai tác giả trên khen là tác phẩm quan trọng nhất về toàn thể lịch sử Việt Nam là Khâm định Việt sử thông giám cương mục. Dụ sai làm ra ngày 23-1-1856. Người coi sóc là Tổng tài Phan Thanh Giản, phụ tá có một Phó Trọng tài, 6 Toàn tu góp tài liệu, viết lên, 6 Khảo hiệu xét lại và 6 Đăng tả viết chữ ngay ngắn. Sách soạn trong 3 năm 1856-1859, dâng lên Tự Đức coi lại các lần 1871, 1872, 1876, 1878 và có lời phê bên trên.

Sách có lần phép biên niên và cương mục. Cương mục là một hình thức ghi chép lịch sử có tính cách tổng hợp cao hơn phép biên niên. Người ta tóm thâu ý chính của việc làm trong một tiêu đề (cương, bài cái) rồi thuật tự sự rõ ràng tiếp theo đó (mục, bài con) [14]. Trong các sách người ta có những lời chú chỉ rõ vị trí địa dư hiện tại, nhắc lại các việc liên quan nơi khác.

Lỗi biên niên đã khiến cho mọi người phàn nàn là làm cho độc giả khó thấy được mối liên lạc giữa các sự kiện có liên quan mà lại xuất hiện rải rác trong thời gian. Tuy nhiên chúng ta cũng lưu ý rằng sử quan cũng thường hay tóm lược câu chuyện sắp kể bằng một câu ngắn. Ví dụ:

“Tháng 8 ngày Đinh Dậu, lấy Gia Định: Vương tử Tam phụ về Nghi Giang, Phạm Văn Sâm bày dinh từ chợ Điều Khiển đến chợ Khung Dung. Sai Võ Tánh đi vòng ra đồng tập trận..” [15].

Đối lại sự bất tiện kể trên, ta giữ được các việc còn nguyên tính cách sơ khởi của chúng, mới qua được chủ quan người ghi chép, chưa phải biến đổi

lần nữa qua người tổng hợp. Ở điểm về sự chính xác này, người ta phân biệt dã sử và chính sử. Người ta hay chê chính sử có nhiều thiên lệch như trường hợp sử quan nhà Nguyễn gọi Tây Sơn là nguy Tây, Tây tặc, gọi các cuộc chiếm đóng của anh em họ là “nhập khẩu” (vào ăn cướp) ... Sử quan chỉ chép những sự việc của Tây Sơn, Trịnh - Lê khi chúng có liên quan tới Chúa của họ thôi. Dã sử sẽ bổ khuyết vào sự thiếu sót đó.

Nhưng ta không nên quá tách bạch hai nguồn tài liệu để chúng chống đối nhau về quan điểm, từ đó, về giá trị sự kiện ghi chép. Điều trước nhất là người viết dã sử cũng là những nhà nho có tài. Chính sử quan nhà Nguyễn cũng biết bổ khuyết tài liệu mình có được bằng cách tham bác dã sử khi viết về tổ chức quân chính triều Tây Sơn chẳng hạn [16]. Họ cũng đã dùng những chữ rất kêu để khen tài Nguyễn Huệ, cũng không giấu tội xấu say sưa của Nguyễn Văn Thành, tội ham chơi trong tình trạng chiến tranh của Thành, Duyệt, Huỳnh Đức ... Cho đến cả việc quan quân Gia Định có người đi cướp của dân, sách nhiễu dân chúng, họ cũng ghi rõ.

Thiếu sót có chăng là do không khí hiểu biết, tình trạng bế tắc của kinh tế tạo sự thấp kém kỹ thuật mà các sử gia xưa phải đắm chìm vào đó. Thực ra, có những nhà nho như Bùi Huy Bích quá già lại ở trong mặt kiếp của một triều đại nên làm Tế tướng bị người ta chê trách [17], nhưng cũng đã tỏ ra có kiến thức hơn người. Theo lời Kính phủ Nguyễn Ánh, năm 1740, Bùi làm Đốc đồng đem quân đến biên giới Ai Lao giữ giặc, đã “bắc thang trèo lên núi xem bài văn bia chữ to bằng bàn tay, khắc vào đá sâu một tấc, lấy mực in bài bia về”⁶. Phương pháp khảo sát thực là mới mẻ, không phải là mới mẻ ở hành động mà là ở ý tưởng áp dụng: người xưa in chữ ở các bài bia để lấy mẫu viết thiếp (tháp), còn ông in chữ bia để làm tài liệu như đã chứng tỏ ở luận cứ của ông về việc khảo sử. Chính ông đã bàn về một cách ghi chép sử sách sao cho chính xác, bao gồm nhiều sự kiện, bày tỏ được tình trạng sinh hoạt kinh tế, văn hoá trong nước: “Các việc sau này cũng là cần lắm: tra xét nguồn gốc sông núi, địa danh biến đổi, nhân vật kẻ hay người dở, phép tắc lúc đổi khi theo, thói dân nơi tốt nơi xấu, sản vật chỗ ít

chỗ nhiều, hay là phép châu, cách đón các nước láng giềng, chữ tốt văn hay của các người đời trước, cùng là phép tắc thường dùng của các quan, nhà dân, những điều ích lợi về việc canh cửi, người lành kẻ ác, chuyện hay chuyện lạ mà có báo ứng từ trước đến nay, rất nhỏ cho đến tờ buồm vụn vặt, bài thuốc kinh nghiệm, chia ra từng loại, biến ra từng pho sách để cho người sau có chỗ mà dò. Làm những công việc ấy, so với nặn nọt các câu vô dụng chẳng ích lợi gấp mấy mươi ru?

“Đành rằng thế, những nhà trước thuật cũng nên tra xét cho rõ ràng chỗ nào nghi ngờ thì nên bỏ ngờ, có thể mong rằng sau này có người biết chẳng. Ví bằng ngờ mà cũng cho là tin, nhiều ít có không cũng chỉ nghe theo người ta nói, như thế không phải là cách làm sách? Các bậc quân tử có thể khen sao được?” [18].

Ý tưởng chỉ dẫn đành rằng khá tiến bộ nhưng cũng cho ta thấy tính cách vụn vặt, tản mát của phương pháp. Nhất là chủ đích luân lý trong sự biên chép còn đè nặng ở đây: “người lành người ác, chuyện lạ chuyện hay mà có báo ứng từ trước đến nay”. Quan điểm của sách Xuân Thu đó chi phối rất nhiều các nhà viết sử xưa từ sử quan của triều đình tới những nhà nho sáng tác riêng tư nhưng vẫn có ý định dùng lịch sử làm gương đạo đức cho người đời. Thế rồi đứng trước sự thử thách của thực tế, giáo lý trung trinh của họ bị lung lay, khiến họ phải lúng túng. Kẻ theo thì tán tụng triều mới nhưng còn nhớ triều cũ, kẻ chống lại vì đã trót làm tôi một ông chúa nhưng cũng thấy đối phương có nhiều khả năng ...

Tuy nhiên trở ngại vẫn không hẳn là giới hạn của quan niệm đạo đức lúng túng đó. Tài liệu đòi hỏi được giải thích. Và lịch sử là sự hiểu thấu tài liệu của sử gia. Điều này lại còn tăng tiến và tùy thuộc theo với kiến thức, khuôn mẫu tư tưởng mà người đọc sách chịu thu nhận. Chính vì lẽ đó, lịch sử triều Tây Sơn với các sử quan phải chịu tùy thuộc vào hành động của Nguyễn Phúc Thuần, Nguyễn Phúc Dương, Phúc Ánh. Vậy mà dưới ảnh hưởng của các thuyết cách mạng Tây phương và những biến động mới đây,

nó đã trở thành một triều đại với Trần Trọng Kim, rồi bỏ chữ “triều đại” còn mang dấu tích phong kiến, nó trở thành lịch sử một cuộc cách mạng, để nhân tiện tác giả quyển sách đặt chen vào đó những ý tưởng chính trị giai đoạn bây giờ [19].

Vì lẽ đó, tuy sử quan trong Thực lục kể chuyện quan chức thuyên chuyển lòng thông, chép việc chính trị, quân sự nhiều, ta vẫn có thể tìm được ở đây những ý nghĩa kinh tế, văn hoá. Qua sự sắp đặt cai trị Ba Thắc, Trà Vinh, ban đầu Nguyễn Ánh giết tù trưởng phản kháng Ốc-nha Ốc, cai trị bằng quân tướng rồi rút lui đi để “phiên liêu” Gia-tri-giáp coi sóc, dẹp loạn rồi cho họ tự trị một phần qua chính quân đội, một phần qua đám người Trung Hoa ngụ cư, chúng ta biết được mối tăng tiến tiếp xúc của các nhóm chủng tộc, trình tự Việt hoá của các nhóm thiểu số vùng Hậu Giang (tiết 14). Qua vụ định cư lưu dân Phú Yên, Bình Thuận ở Gia Định, ta biết được chênh lệch kinh tế giữa 2 vùng thù nghịch ...

Có những giải thích phải được chứng thực thêm khi phối hợp với những tài liệu Tây phương để có tầm ảnh hưởng quan trọng hơn. Tài liệu thuộc loại này gồm một phần là những hình ảnh, đồ bản ... của người Tây phương về những nhân vật đương thời, ghi bằng những con số chính xác các vị trí sông biển trong xứ. Nhờ có thói quen làm việc đúng đắn của họ, ta biết được hình ảnh trung thực của cậu bé Hoàng tử Cảnh non trẻ mà vẫn làm dáng oai nghiêm, khuôn mặt một Nguyễn Phúc Ánh rắn rỏi rõ ra của một vị vua từng trải phong sương, khuôn mặt một Bá-đa-lộc đầy tự tin và đáng chú ý vì hoàn cảnh hơi khác lạ là hình dáng một Chaigneau có vẻ Việt Nam hẳn đi với chiếc khăn quần đầu, bộ áo quần rộng nhiều nếp, thắt chên ngang lưng và chân quần xà cạp, đi đất. Ta thấy được các bản đồ vụng về của Thi Nại, cửa Thuận An của L. Barizy kề bên các bản đồ khá chính xác do J.M. Dayot cung cấp tài liệu. Một sự phối hợp nhỏ bé của các tài liệu ta và Tây xuất hiện trong đồ bản thành Diên Khánh có hình thức một công sự Vauban mà bên góc lại ghi 4 chữ Hán “Diên Khánh đại đồn”.

Vì sự có mặt của giáo sĩ ở khắp nơi, của những nhà buôn, lính tráng Tây phương trên đất nước này mà chúng ta có thêm một lô những tài liệu gồm những bức thư kể cho nhau nghe về tình hình trong, ngoài nước, nhận xét của họ về những nhà cầm quyền bản xứ, về tương quan giao tiếp giữa chính quyền, dân chúng bản xứ và người ngoại quốc. Các giáo sĩ Phăng-xi-cô: Diego de Jumilla, J.M. de Castuera, Ginestar ... , thương nhân Chapman ... đã làm nhân chứng cho những ngày đầu Tây Sơn khởi nghĩa, những ngày lao đao của Duệ Tông, rồi những ngày đầu phục hưng của Nguyễn Ánh. Các giáo sĩ De Gire, Serard, Ceram ... ở vùng Trịnh, Labartette, Doussain ở vùng Tây Sơn, Lelabousse, Lavoué, J. Liot - không cần kể tới Pigneau - và các tướng Olivier, J.M. Dayot, L. Barizy ... ở vùng Nguyễn đều làm đầy đủ nhiệm vụ quan sát với thói quen đòi hỏi tính cách xác thực và với sự tò mò được kích thích thêm vì thấy gì chung quanh cũng lạ, cũng mới. Giá trị chứng nhân được ghi nhận ngay lúc đương thời: Nguyễn Ánh sai Olivier viết thư cho người đại diện các phái đoàn Truyền giáo là Letondal ở Macao đã lâu để xin dò xét về chi tiết cuộc giao thiệp hoà bình hay chiến tranh giữa Tây Sơn và nhà Thanh vì những tài liệu do ông này cung cấp thì “chắc chắn hơn từ những nơi khác đưa đến”.

Chuyện họ ghi lại thường nhiều chi tiết. Điều đó có một phần là do họ có những tiếp xúc cá nhân trong những vụ liên quan đến họ. Lelabousse, Pigneau, Lavoué ... ghi rất rõ hành vi, cử chỉ của Hoàng tử Cảnh lúc mới về, thay đổi như thế nào lúc lớn lên và sự xung đột giáo sĩ - nho sĩ trong triều một cách tỉ mỉ, chân xác trong khi sử quan chỉ nhắc nhở bên lề vụ chống tăng chúng rằng: “Nghe Ngô Tòng Châu bài bác tả đạo, Bá-đa-lộc cũng ghét”, hay vụ Tống Viết Phước bị cách chức vì thường “hay nói hỗn với Bá-đa-lộc” nhưng quên luôn ý định cải giáo của Hoàng tử.

Sự tỉ mỉ còn từ quan điểm nhận xét của nhân chứng nữa. Ta thấy sử quan cũng đã tỉ mỉ trong việc liệt kê quan tước, thuyên chuyển chức vụ, chăm chú trong khi ghi chép lời vàng ngọc của vua họ. Trong khi đó, L.M. Jumilla tỉ mỉ khi kể cuộc khởi loạn, không lưu ý đến chính, nguy, Chapman

cho thấy tình trạng lúng túng của nền kinh tế Tây Sơn qua sự vuốt ve thương nhân này của Nguyễn Nhạc, qua cảnh tàn phá ở Hội An kéo theo sự biến mất lớp người Hoa làm trung gian buôn bán với bên ngoài. Các giáo sĩ vùng Trịnh khiến chúng ta lưu ý đến một tầng lớp thương nhân các lái ở Thanh, Nghệ, xứ “cây thế, cây thần”, vạch rõ sự cấu kết của một thứ thương ban không chính thức với văn, vũ, giám ban của họ Trịnh.

Nhưng không phải những tài liệu này không có khuyết điểm. Những khuyết điểm này chính là bề trái của điều mà ta khen là ưu điểm. Đứng ngoài một khuôn mẫu văn hoá, người Tây phương có những nhận xét khách quan, nhưng đồng thời, họ cũng bị bó trong những thành kiến sinh ra vì giáo dục đã hấp thụ được, nên những thiên lệch trong phán đoán lại xảy ra. giống như bề tôi Tây Sơn khinh bỉ gọi người Tây phương là “những xác chết trôi từ biển Bắc xuống”, các giáo sĩ cũng chê trách những tay phù thuỷ, gọi đạo Phật là “đạo Thần tượng”, lễ Văn Miếu, tục thờ cúng tổ tiên là “dị đoan, mê tín”. Họ không ngớt lời dài dòng ca tụng một ông Hoàng hứa cải giáo, một ông Giám quân tỏ thiện ý với Bá-đa-lộc trong khi họ đã kích mạnh những nho sĩ chống đối lại họ là những Sa tăng tranh đấu vì tước vị, quyền lợi mà không thấy trong đó một chống đối vì lý tưởng, vì ý thức hệ. Đó là chưa kể họ cũng theo thời mà gọi Tây Sơn là “bọn phản loạn”, “bọn vô đạo”, “tên bạo chúa” ...

Một khuyết điểm nữa cũng do nơi tính cách ngoại quốc của họ. Họ quan sát, ghi trung thành sự việc - tuy qua lăng kính văn hoá của họ - kiểm điểm được ngày tháng chính xác mà không làm sao ghi đúng được tên người, tên xứ nên có khi bỏ luôn không thềm nói tới. May mắn là khi nhắc về một người có thành tích, họ chỉ tên bằng cách nói vòng quanh đến công việc của những người này nên ta cũng dễ biết: ví dụ như khi L. Barizy nói đến một ông Giám quân từng qua Pháp (Phạm Văn Nhân), ông tướng thuỷ quân trước kia theo Tây Sơn (Nguyễn Văn Trương). Còn ngoài ra là những tên người kỳ quái: Ou doi be, Hoe Hanh Loie, Noe Hau Loée, Dou Doue Cane,

Bahaa, les Sang leys (lính của Lý Tài), những tên đất tức cười: Dou hau, Choya, ong Datte, cua Heo ...

Để chỉ định người, vật họ đã dùng những chữ không tương đương vì thế có nghĩa hoặc thiếu sót, hoặc dư thừa. Những người Pháp dùng chữ “oncle maternel du roi” để chỉ một viên tướng tài ba của Tây Sơn (ta đoán là Trần Quang Diệu) mà không lưu ý rằng với sự minh định quá tỉ mỉ trong tông tộc Việt Nam xưa, chữ đó có thể chỉ từ Bùi Đắc Tuyên sang Phạm Văn Sâm, Phạm Văn Hưng đến Trần Quang Diệu, ông dượng của Cảnh Thịnh (bà con qua Bùi Thị Xuân, nếu có thể gọi là bà con vì Bùi Đắc Tuyên là anh em cùng cha khác mẹ với Phạm Hoàng hậu, mẹ Cảnh Thịnh). Thấy những tên to lớn “Tây dương dạng thuyền”, “Đại hiệu thuyền”, “Hải đạo thuyền”, sử quan dùng mà không tả ra, ta muốn tìm ở các tài liệu Tây phương để rõ hơn thực lực thủy quân Nguyễn Ánh, thì lại không khỏi ngỡ ngẩn trước các tên: frégate, corvette, chaloupe canonnière, demi-canonnière ... lẫn lộn với Thao, ghequienne ... trong các bức thư.

Nho sĩ và Tây nhân thường không chú ý lắm hoặc ghi sót những câu ca dao, truyền thuyết của dân chúng. Có khi loại tài liệu này xuất hiện dưới hình thức những sấm ký có mục đích “tuyên truyền chính trị”, nói theo lối bây giờ. Chẳng hạn như câu:

Đầu cha lấy làm chân con,

Mười bốn năm tròn, hết kiếp thì thôi.

Hay:

Cha nhỏ đầu, con nhỏ chân,

Đến năm Nhâm Tuất (1802) thì thân chẳng còn.

[Chữ “tiểu” trên đầu chữ “quang” (trung) xuất hiện dưới chữ “cảnh” (thịnh)].

Có khi là một ước mơ thốt nên lời, chứng tỏ được chuyển biến tâm lý trong dân chúng:

Đục cùn thì giữ lấy tông (tên Trịnh Khải),

Đục long, cán (Trịnh Cán) gãy còn mong nổi gì.

Có khi là lời ghi nhận sự kiện, một sự sự ngăn, trống trơn hoặc bao gồm cả nguyên nhân, kết quả:

- Binh Triều: Binh Quốc phó; Binh ó: Binh Hoàng tôn.

- Thanh cậ thế, Nghệ cậ thân.

- Sự này chỉ tại Bà Chè (Đặng Thị Huệ),

Cho Chúa mất nước, cho nghề làng xiêu.

Nguồn tin từ dân chúng tuy mơ hồ và lẫn lộn cả pháp thuật vì tính cách thần thánh hoá do óc tôn sùng của họ dựng lên, nhưng ta cũng không thể từ đó mà tước bỏ, không công nhận phút sự thực nào. Về việc Nguyễn Nhạc tự ngồi vào cũi để chiếm thành Quy Nhơn trong tay Tuần vũ Nguyễn Khắc Tuyên, có người như ông Nguyễn Phương [20] nghi ngờ và bài bác hẳn. Việc này Cương mục (144. 22b) có chép và Chính biên liệt truyện thì ghi lại bằng chữ nhỏ. Liệt truyện viết ra xây dựng trên các tài liệu lấy ở sách vở cũ đã đành mà còn thu nhặt ở các gia phả, tin tức trong dân chúng nữa [21]. Việc Liệt truyện viết bằng chữ nhỏ không phải là tỏ ý hoài nghi tính cách xác đáng của nguồn tin nhưng là ghi thêm một lời nói cho dồi dào, cho xác thực hơn câu chuyện như chính sử quan đã chú về việc “khuyết họ”, về địa điểm đích xác lúc họ viết sách. Có thể Liệt truyện nhặt được câu chuyện Nhạc chui vào cũi ở Bình Định vì dư luận truyền thuyết còn mạnh tới nỗi cuối thế kỷ XIX một người Pháp tới xứ này còn nghe đồn về chuyện ấy [22]. Sự thực là mưu đó có thể đem ra dùng thực như những mưu cướp thành có nhan nhản trong truyện xưa, với ai ngồi trong cũi không biết

nhưng Nguyễn Nhạc ở địa vị chủ tướng thừa hưởng sự thán phục gan dạ đó từ dân chúng. Dân chống đối vốn có những hành động bất ngờ mà luận lý thông thường không thể bàn tới được [23].

Chính từ những nguồn tài liệu khác nhau đó mà chúng tôi phối hợp với những nhận xét riêng tư để lập nên quyển sách.

Phải nhận rằng công việc đã nhẹ bớt một phần: phần phê bình ngoại diện tài liệu, về xuất xứ và điều kiện khả tín của nó. Điều này có nguyên nhân là giai đoạn lịch sử tương đối gần cận, sách vở sáng tác hoặc có cơ quan chính thức như Quốc sử quán in ra, hoặc dễ dàng xác định tác giả, thời gian sáng tác như Hoài nam khúc. Mặt khác, thời kỳ này, như đã nói ở đầu, kích thích được óc tìm tòi của học giả. Về phía người Pháp, thời kỳ này với sự can thiệp của Bá-đa-lộc và bọn phiêu lưu Tây phương ở Gia Định, như là một chứng minh cho lòng tốt của “mẫu quốc” với thuộc địa, hay đứng đắn hơn, là sự kiện đánh dấu kéo dài sự thành lập đế quốc Đông Pháp lùi về trước trên dưới 100 năm, một giai đoạn mà sự tiếp xúc Đông - Tây, rụt rè từ trước đó mấy trăm năm, bỗng trở nên mạnh mẽ, mật thiết hơn. Họ gia công tìm tòi tài liệu, hình ảnh, thư từ. Chúng ta có hình ảnh xưa cũ trong tập *Iconographie historique de l'Indochine* của P. Boudet và A. Masson. Chúng ta có các thư từ trong *Correspondance générale* (Paris 1906-1907, E.J.Vrill) của H. Cordier, 3 tập *Histoire de la Mission de Cochinchine* của A. Launay mà ta dùng tập 3 (1925) rất nhiều ... Một tài liệu đưa ra dù ít ỏi vẫn được biên chính kỹ càng về giá trị xác tín cũng như về nội dung sự kiện: chúng ta hãy xem việc làm đầy tính chất khoa học của L. Cadière khi đưa ra những bức thư Nôm của Nguyễn Ánh.

Về phía người Việt, chiến thắng Đống Đa như là một chứng minh trong thời kỳ ngoại thuộc (Pháp thuộc) về tính chất quật cường của dân tộc; cuộc khởi nghĩa Tây Sơn có đáng một cuộc khởi nghĩa của dân chúng, quyển rũ, dễ say mê trong thời kỳ tư tưởng cách mạng, dân chủ lôi cuốn con người. Được đào luyện trong lò khoa học Pháp, một số học giả tiếp tục truyền

thống cũ, đi về các nơi thôn dã sưu tập tài liệu, cung cấp cho đám quần chúng ưa men say ái quốc quá khứ oai hùng của dân tộc, dĩ vãng phức tạp, dồi dào sinh lực của quốc gia. Nhưng phải nên nhận rằng trên bước đầu chủ quan đó, tinh thần khoa học vẫn có để chứng minh giá trị của tác phẩm.

Việc tìm lại sự thực lịch sử căn cứ vào sự đối chiếu các loại tài liệu tìm ra đó. Phương pháp luận giáo khoa vẫn bảo ta rằng một tài liệu được chứng bày ở nơi các tài liệu khác xuất xứ thì được công nhận là đúng. Song một đòi hỏi khắt khe về nguyên tắc như vậy không bao giờ áp dụng được vì những căn cứ luận lý chung và tâm lý người chứng. Hơn nữa nguyên tắc đòi phải có sự đồng ý của các tài liệu khiến cho sự sự trở nên nghèo nàn thực chất hơn [24]. Đẳng khác, như ở trường hợp tập sách này, tài liệu có khi chỉ một, hay cùng một loại của người cùng phe. Từ đó, người ta nêu ra một phương pháp xét định như sau:

“Khi chúng ta đứng trước một tài liệu, một người chứng, điều quan tâm lớn của chúng ta không phải là tự hỏi xem có thể đem đối chiếu với những thứ khác không (thực ra ... (...) chứng cứ hầu như luôn thuộc cùng một loại, cùng nội dung, cùng khuynh hướng), không phải là xem thử người chứng có muốn lừa ta không ... , nhưng trước hết là phải hiểu xem hắn ta có hiểu những gì hắn nói với chúng ta hay không (hay là nếu đó không phải là một chứng cứ cố ý mà là một chứng tích tài liệu dính líu tới thì phải xem thử hắn ta trình bày ra được không), đến mức nào thì hắn ta hiểu hay đã trình bày ra, đến độ chính xác nào, nghĩa là về sự dồi dào phức tạp sâu sắc mà hắn ta phản chiếu, ghi nhận, từ đó đã chuyển cho chúng ta sự thực tế nhị của con người mà chúng ta muốn nắm lấy”.

Bằng vào thái độ rộng rãi đó - rộng rãi sau khi thấu suốt tính cách phức tạp của vấn đề, chứ không vì không giải quyết được mà dễ dãi, buông thả - một tài liệu đơn độc có thể đứng tạm để người ta đào sâu ý nghĩa nội tại của nó, hay qua khả năng của người chứng. Lúc bấy giờ mới kiến thức tổng quát hay chuyên môn của các khoa học bàng phụ sẽ giúp ích ta rất nhiều để cho

tài liệu thêm vững vàng giá trị. Ví dụ sử quan kể chuyện Nguyễn Ánh gặp nước ngọt giữa biển như là một bằng chứng về đế mệnh của ông ta, Nguyễn Văn Thành cũng có nhắc tới bằng chữ “hải lễ” (nước ngọt ở biển) trong bài “Văn tế trận vong tướng sĩ” đọc ở Bắc thành cuối năm 1802. Nhưng tài liệu gồm lại chỉ là của một phe: bề tôi Nguyễn Ánh. Chứng cứ đã đơn độc lại khoác thêm cái vỏ huyền hoặc như có dụng ý bày ra để lôi kéo ông Trời về phe mình. Bỏ đi chẳng? Không, sử sự vẫn có thật duy trình độ hiểu biết của sử quan không tới, mới giải thích theo một lối vừa dễ dãi vì có sẵn, vừa có lợi cho họ thôi. Dùng một mớ kiến thức về địa lý thiên nhiên, nhìn vào địa điểm lênh đênh (từ cửa Ma Ly đi ra), xét lưu lượng sông Cửu Long là ta có thể hiểu rõ sự kiện ngay.

Mở rộng nguyên tắc xét đoán tài liệu đã xong, ta phải đi sâu vào chi tiết. Trong những khảo luận đã thành, những kê cứu của người Pháp, có khi phải bỏ lơ những chi tiết về tên người, tên đất để chỉ chú ý tới sử sự vì người ta cũng gặp phải những xa lạ khó giải quyết như người trước. Về phía các soạn giả Việt, tên người tên đất lại có vẻ quen thuộc quá nên không chú ý tới vấn đề nêu ra, nhất là khi vấn đề không hẳn dễ giải quyết.

Tuy nhiên, đặc tính của đối tượng sử học là tính cách độc nhất trong thời gian, với những người có tên họ riêng tham gia, nơi một địa điểm có thực. Cho nên phải giải quyết vấn đề trong chừng mực và phương tiện có được. Tên họ các tướng Gia Định nhiều lúc còn phải tìm mới ra. Vì sử quan sau này thì chép cả tên lẫn họ, nhưng thư từ, sắc chỉ đương thời chỉ kê tên tước mà thôi. Có may chút ít là khác với triều Lê và về trước, chức tước Nguyễn được hợp bằng tên và một tính từ thành một danh xưng có ý tốt đẹp như Chấn Võ hầu Nguyễn Văn Chấn (Vannier), Tĩnh Thành hầu Ngô Nhân Tĩnh, Đức Nhuận hầu Nguyễn Huỳnh Đức. Thế mà điều này còn làm cho L.M. Cadière tuy biết trước, vẫn tưởng Khiêm Quang hầu là Nguyễn Văn Liêm mà người ta đã viết lộn khi sao lại (謙 và 廉) và phân vân không biết Quý Ngọc hầu, Long Chính hầu ai là Phạm Văn Nhân [25]. So với Thực lục, Liệt truyện, tìm hiểu hành động những người can dự đến, ta biết

Khiêm Quang hầu là Nguyễn Văn Khiêm, Quý Ngọc hầu là Ngô Công Quý và Long Chính hầu là Nguyễn Long.

Thế còn tránh sao được những lầm lộn về phía Tây Sơn, nguy triều! Thực Lục, Liệt truyện đầy rẫy những lời chú “khuyết tính” (thiếu họ). Nguyễn Trấn của Trịnh Hoài Đức, Đặng Văn Chân, Đặng Văn Chấn, Nguyễn Văn Chấn của sử quan, Ngô gia văn phái là một. Tên người cũng bất nhất trong cùng một xuất xứ của sách: Phạm Văn Hưng, Phạm Công Hưng, Nguyễn Văn Hưng. Tên Chân hay Trấn sai lạc là do giọng đọc, khó mà có thể nói tên nào là đúng. Nhưng họ Nguyễn thì sai là chắc vì ta nhớ tới thói quen cải họ theo dòng vua ngày trước. Giữa Phạm Văn Hưng và Phạm Công Hưng, ta lấy tên Phạm Văn Hưng vì chữ “công” có ý nghĩa tôn trọng hơn là ý nghĩa một chữ lót trong khi những người đồng họ giữ địa vị quan trọng (chắc xuất thân từ phía ngoại Quang Toản) đã có tên là Phạm Văn Sâm, hay trống trơn: Phạm Ngạn. Tên của những người chưa được xác định đành phải chịu viết theo thói quen đã thành trong khi chờ các chứng cứ khác để quyết định rõ ràng hơn. Trường hợp Phạm Văn Sâm là một may mắn. Tên viên Thái bảo của Nguyễn Lữ này rất ít khi được đọc là Sâm mà vẫn được gọi là Tham, không chút phân vân nào giữa hai lối đọc cho cùng một chữ 參. Thư của G.M (giám mục) Labartette ở vùng Bố Chính gửi ngày 23-7-1788 khiến ta bỏ thói quen để thích nghi với chữ mới. Trường hợp của Vũ Văn Nhậm cũng vậy Sử quan nhà Nguyễn phân vân giữa hai tên Nhậm 任 và 仕 Sĩ của người con rể Nhạc. Không có chữ “Chuông Nha” (Chường Nhậm) của các giáo sĩ thì ta còn lầm lâu.

Địa danh mới còn gây nhiều lộn thoi hơn nữa. Ông Arousseau khi phê bình Ch.B. Maybon đã chỉ trích rằng ông này không lưu ý đến khoa học địa lý lịch sử để viết lịch sử Việt Nam cho chính xác hơn. Ông còn có nhã ý chỉ cho Maybon một số sách địa lý Việt, Hoa để kê cứu [26]. Thực ra vấn đề không dễ dàng như ông tưởng. Lê Quý Đôn đi sứ Tàu bị người ta hỏi vị trí tùy thuộc của một địa điểm xưa mà không trả lời được. Phạm Đình Hồ kể

lại chuyện đó để làm bằng chứng cho công trình tìm tòi của ông về sự thay đổi duyên cách, địa lý [27].

Đằng khác, địa danh cũng không được ghi trong sử sách như tên gọi thông thường: các làng Mọc, làng Tó ... ở Bắc đều có tên “chữ” khác. Thế mà sử sách lại viết bằng chữ Hán để ghi nhưng âm Nôm, tất có sự sai lạc khó hiểu, nhất là khi sự chuyển âm lại không theo một tiêu chuẩn nhất định theo thói quen viết chữ Nôm.

Có những địa danh được phiên âm bằng những chữ Hán đọc gần cận: Bân Thiết ... 切 là Mang Thít, Phan Thiết, Xuy Miệt 吹蔑 là Xoài Mút, Trà Luật 茶律 là Trà Lọt, Mỹ Thu 夷秋 là Mỹ Tho ... Có những địa danh phải được dịch ra mới hiểu. Lam Kiều 藍嬌 là Cầu Chàm (Bình Định), Lộ Cảnh giang 鷺勁江 là sông Cổ Cò (An Xuyên), Tam Phụ 三埠 là Ba Giồng, Giá Khê 架溪 là Rạch Giá. Có khi sự ghi nhận địa danh thật bất ngờ: Thán Lung 炭籠 thật vô nghĩa khi ta muốn dịch ra, mà thực không kết quả khi ta muốn dò âm gần cận. Đó là địa điểm ấp Thang Trông do sự kết hợp của một chữ dịch nghĩa theo giọng miền Nam và một chữ Nôm lạ (lung tín đọc là trông tin).

Khó khăn càng đi sâu càng hiện ra. Một vài chữ là một trường hợp khác nhau. m Hán không có vần R nên Bà Rịa phải viết là Bà Địa, Hà Riêu là Hà Liêu, nhưng Đồng Lam nếu không tìm được địa điểm Đồng Chàm thì có phải gọi là Đồng Ram như sông Xích Ram ở Phước Hải bây giờ mà sách viết là Xích Lam? Có những khó khăn gây ra chính vì thói quen không quy định một chữ có nghĩa đích xác, dùng trong những trường hợp nhất định (có lẽ bất cứ dân tộc nào cũng vấp phải). Bởi vậy, bắt đầu bằng chữ “hòn” mà các địa điểm Hòn Đất, Hòn Chông (Hà Tiên), Hòn Khoi (Khánh Hòa) lại ở trên đất liền, trong khi hòn Tre, hòn Thổ Châu (Nam Phần), hòn Ngang, hòn Đất (Bình Định) lại là những hòn đảo, làm sao người ta không phân vân trước các tên Điệp Thạch Dự, Chông Dự ... ? Và trước một dãy chữ “dự” để dịch chữ “hòn” (chỉ cần sát nghĩa), làm sao người ta hiểu rằng

Yên Cương là Hòn Khói nếu không tìm được lý lẽ chứng dẫn thêm? Chưa đủ rắc rối, Phú Quý Cương (Bình Định) lại là một ngọn đèo ở giữa núi rừng trùng điệp.

Có những khó khăn vì thay đổi duyên cách, địa lý. Tên xứ ở ta luôn luôn thay đổi vì chính quyền sau tỏ ý không phải kế tục chính quyền trước nên đổi thay để giữ riêng biệt cho mình. Trường hợp rõ rệt khi Nguyễn Ánh chiếm lấy Quy Nhơn (1799) bèn đổi tên là thành Bình Định rồi sau này cất thêm một thành mới gần đó lại chuyển tên về vị trí mới. Phần nữa vì tính cách khai thác những vùng đất đai càng ngày càng sâu rộng. Hưng Phúc ngày xưa đã phải chia thành Phước Hưng thượng, Phước Hưng hạ ...

Lịch sử thêm ý nghĩa khi địa danh được xác định vị trí của nó, như khi thấy Phước Hưng là một tiền đồn của Nguyễn Ánh ta mới thấy thế lực của ông còn quanh quẩn ở vùng Bà Rịa.

Việc xác định địa danh đòi hỏi nhiều tài liệu. Có khi với một bản đồ cỡ nhỏ (1/2.000.000 của Service Géographique de Dalat in ra), chúng ta cũng tìm được địa điểm Hòn Khói, Ba Ngòi (Khánh Hoà), Vũng Liêm (Vĩnh Bình)... Có khi cần những bản đồ lớn hơn, những chuyên thư hàng tỉnh (loại của nhà cầm quyền Pháp trước đây, của chính quyền VNCH và của Hội Nghiên cứu Đông Dương), nhờ đấy chúng tôi xác định được cửa Xích Lam chứ không đọc Xích Lam, Ba Vác chứ không là Ba Việt ... Những sách địa chí xưa (Gia Định thành thông chí với các bản dịch của Aubaret và Trần Kinh Hoà, Phương đình dư địa chí của Nguyễn Văn Siêu, Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán) cũng góp phần xác định tuy nhiên phải được kiểm chứng trong hiện tại: địa điểm Quang Hoá thuộc xã Cẩm Giang tỉnh Tây Ninh thấy ở sách Phương đình cũng như ở chuyên thư về tỉnh Tây Ninh; Lương Phú Giang là rạch ở quận lỵ Bến Tranh cũ (Lương Phú, tên chợ, tên ấp chiến lược), Nhất thống chí còn gọi là Tranh Giang 爭江, phân biệt với rạch Chanh (Tranh Giang 橙江) ở Đồng Tháp, Long An, Định

Tường (nhưng vẫn còn có chỗ phân vân: rạch Lương Phú được đề cập, lúc nào ở Bến Tranh, lúc nào chỉ một phụ lưu của sông Hàm Luông?)

Có trở ngại là ngay đến những bản đồ quân sự cũng không ghi hết các tên đất trong khi khoa địa danh học ở ta chưa phát triển mấy. Các chuyên thư địa phương vẫn thường mang khuyết điểm chung: các tác giả vốn là nhân viên hành chánh hay không chuyên môn nên yếu về kỹ thuật đồ bản và không biết tìm tòi sâu trong quá khứ. Nên để ý rằng các địa điểm nổi danh ngày xưa trải qua những biến thiên có khi đã mất tích trên bản đồ ngày nay để các tên mới thay thế vào. Ví dụ trên các bản đồ Bình Định dù lớn đến đâu cũng không có các tên Nước Mặn, An Thái. Chỉ có các làng Nho Lâm, Mỹ Thạnh thôi. Phải tìm hiểu đến tận nơi mới moi ra các sự kiện tương tự. Vậy mà các chuyên thư ta đang có phần nhiều lại chỉ là những loại vẽ ranh giới hành chánh, ngay đến những địa điểm có bàn đến trong sách cũng không xác định đủ.

Ở đây chiến tranh cũng có đôi chút ích lợi: các trận đánh xảy ra tận hang cùng ngõ hẻm - cũng như ngày xưa, nên cột tin tức chiến sự trên báo cũng là một nguồn kiểm nhận quý giá. Tất nhiên không phải khi tìm ra một địa điểm trong thực tế đúng in hay gần giống như trong sách là ta vội quyết xác ngay.

Do những trở ngại đó, các địa danh có khi còn một khoảng trống xác định khá lớn để chờ đợi các bằng cứ khác. Cùng trong tỉnh Định Tường có 2 con rạch Trà Tân và Trà Lọt mà các sử quan hình như cũng không phân biệt rõ ràng. Họ nói nhiều đến Trà Tân và chỉ một lần Trà Lọt nhưng lại đúng vào cùng một sự kiện xảy ra. Biết rằng chữ “tân” 津 có thể lẫn với chữ “luật” 律 ta dựa vào chữ “trà luật” nơi bức thư Nôm của Nguyễn Ánh mà xác định một chuyện ở một con rạch chảy từ Mỹ Lợi (Đồng Tháp) ra Tiền Giang qua chợ Cái Nứa, tuy không biết rõ là sự việc xảy ra ở vào khúc nào.

Nhiều khi lý luận phải bạo một chút. Thị Dã 棉野 của Thục lục mà Barizy gọi là Dung Thi (Đồng Thị) là nơi nào? Theo chi tiết các trận đánh vùng

này phải ở miền núi phía nam Bình Định ngày nay ăn thông với con đường liên tỉnh Bình Phú mà Nguyễn Văn Thành kéo quân ra. Đó chỉ có thể là đồng Cây Cầy (Gò Cầy) nằm cách đường tiến quân bằng đèo Phú Quý ở phía nam. Tên Cây Cầy lấy từ một chút biến đổi âm đọc khi dịch chữ “thị” là “cây cầy” cũng như vùng Mã Cảnh Sơn mà dân Phú Yên đọc không phân biệt Cổ ngựa (dịch đúng chữ trên) hay Cỏ ngựa. Trường hợp chữ Thán lung trên cũng có thể sắp vào đây nếu Đại Nam nhất thống chí (Lục tỉnh Nam kỳ) không ghi rõ là Vọng Thê 望梯 (Thang Trông).

Những xác định trên không bao gồm được hết các địa danh. Tập sách còn phải dành cam chịu ghi nguyên văn chữ dùng của sách vở xưa để chờ kết quả những tìm tòi tiếp sau, nếu phương tiện cho phép mở rộng kiến thức và chờ công việc của người khác phụ thêm vào. Những thành quả thu được về địa danh được tập trung một phần lớn vào 2 bản đồ đính kèm.

Tiến lên một mực nữa là việc xác định sử sự. Ta đã nói đến 2 nguồn tin tức, tài liệu cùng tính chất và ưu khuyết điểm của chúng. Nhưng thực là may khi ta có được 2 tài liệu khác nhau như vậy. Chúng sẽ bổ túc cho nhau để lịch sử mà chúng ghi nhận thêm dồi dào sắc thái, chất liệu.

Sự thực, ngay những tài liệu trong nước đã có sự bổ túc đó rồi. Lịch sử Tây Sơn chỉ là phụ vào sử nhà Nguyễn đối với sử quan của triều này, nhưng quyển Hoàng Lê nhất thống chí lại đặt trọng tâm để các sự việc xoay quanh là sự hưng vong của triều đình Lê, Trịnh ở Thăng Long. Chính vì phối hợp hai nguồn tài liệu này với tài liệu của các văn võ thần Tây Sơn ở Phú Xuân mà ông Hoa Bằng viết tỉ mỉ về Quang Trung thành 2 tập sách dày.

Ta thấy tài liệu trong nước nêu rõ những người, sự việc này một cách tỉ mỉ nhưng lại bỏ quên sự việc khác. Ví dụ sử quan chỉ nói một cách sơ sài về trận Bến Ván ở đó quân Nguyễn Nhạc bị đánh lui phải về Bến Đá. L.M Diego de Jumilla lại kể một trận đánh “gần Tiên Đoả” với ngày tháng, chi tiết về tiến lui, tỉ số thương vong, các hàng rào làm chiến lũy chống cự. May mắn hơn những lần khác như lúc xem ai là “hai người bà con với

Chúa”, lần này ta nhìn vào địa điểm Bến Ván (Quảng Nam), thấy câu “dựa lũy chống cự” của Thực lục, ta có toàn bộ chi tiết trận đánh Bến Ván ngày 22-12-1773. Trong cuộc xung đột ý thức hệ ở Gia Định năm 1795, thư các giáo sĩ nói đến đầu mối là một ông Giám quân có đi trấn Diên Khánh, không về tới Gia Định mà chết dọc đường. Liệt truyện đoạn Tống Phúc Đạm cùng Thực lục thời gian xảy ra chuyện vây cứu, cho ta biết đó là ông này. Thư giáo sĩ cũng nhắc tới 2 viên quan trong số 19 người tố cáo Bá-đa-lộc làm hư Hoàng tử Cảnh, đã bị cầm ngục vì bỏ quân bạn khi Tây Sơn tiến đánh. Thực lục cho ta biết đó là 2 ông Tổng trấn sau này: Nguyễn Huỳnh Đức và Nguyễn Văn Thành. Tuy họ không nhắc gì đến vụ Tống Phúc Đạm cả, nhưng ta thấy rõ là Nguyễn Ánh nhân dịp hài tội, cho lệnh tổng giam 2 người để làm vừa lòng Bá-đa-lộc. Như vậy, ta chấp nối được một câu chuyện xung đột ở Gia Định, hình thức đại giá của sức mạnh nơi này (tiết 17).

Sử quan chú trọng đến chính trị, quan chức, việc kế vị, nhưng một thương nhân như Chapman tất nhiên phải quan sát về tài nguyên trong nước, nhận xét về điều kiện buôn bán tương quan với thái độ của chính quyền bản xứ như thế nào. Nhờ Chapman mà ta biết được tình hình Quy Nhơn vào khoảng 1778 khi sử quan Nguyễn chú ý vào việc Nguyễn Ánh vội vã xây dựng quyền binh sau chuyến tàn sát diệt tộc của Nguyễn Huệ, còn Hoàng Lê thì đang lo kể chuyện tranh giành phe trưởng lập thứ ở Phú Liêu, Thăng Long. Nhìn tình hình chung ta thấy Tây Sơn trong thời gian này có đủ yên ổn để củng cố và lo bành trướng thực lực. Nhưng qua Chapman cho biết, Tây Sơn cũng phải lúng túng, tuy đó là sự khủng hoảng lớn lên: Lý Tài vừa đi mang cả 1/2 thủy quân của họ, họ hết cả tiền vì phải nhập cảng thực phẩm, họ định quân binh lại khủng hoảng và nếu có thể, phát triển xứ sở hơn bằng gạ Chapman đến buôn bán không lấy thuế, nhắc cho người Anh rằng họ sẵn sàng mời giúp, đổi bằng một thương điểm trên đất họ. Qua tình trạng lúng túng đó, ta mới hiểu vì sao họ không chiếm hẳn được Gia Định mà chỉ vào rồi ra, ta mới thấy chữ “vào cướp bóc” (nhập khẩu) của sử quan dùng, tuy có dụng ý thiên lệch nhưng đã tả đúng được thực trạng.

Nhưng điều quan trọng hơn, chính là từ những khó khăn đó, ta thấy rõ nhược điểm của triều Tây Sơn, nhược điểm mà họ cố gắng khắc phục để xây dựng một chế độ quân chính mạnh mẽ từ Phú Xuân trở ra, nhược điểm làm suy yếu chính họ và nhất là đám anh em còn để lại ở Quy Nhơn, Gia Định. Nguyễn Ánh len vào lợi dụng nhược điểm đó để lớn mạnh. Tây Sơn không dùng được thương nhân Trung Hoa, giáo sĩ để làm trung gian thu nhận kỹ thuật Tây phương thì Nguyễn Ánh phục hưng được vậy. Tắt một lời, đứng nhìn từ Quy Nhơn năm 1778, với nhân chứng Chapman, ta phăng lần ra sợi dây cộng thông lịch sử giải rõ sự lớn mạnh của Tây Sơn để xô đổ Nguyễn, Trịnh, Lê, thắng trận Đống Đa, giúp ta hiểu sự thất bại của Nguyễn Hữu Chỉnh cũng như chính sự thất bại của Tây Sơn có những liên quan nào đưa đến thành công cho Nguyễn Phúc Ánh.

Bằng vào các ý tưởng hướng dẫn, ta bắt tay vào việc tổng hợp các tài liệu để vẽ lại lịch sử hậu bán thế kỷ XVIII theo những đường nét lớn, gạt sang bên những ân oán, hờn giận riêng tư, phe phái của người đương thời và về sau.

Đây là giai đoạn kết thúc phân tranh, một cuộc phân tranh kéo dài mấy trăm năm, bề ngoài là sự tranh giành địa vị của các họ phong kiến mà bề trong là một phần do sự phân rã của xã hội Đại Việt mà dân tộc phản ứng lại bằng con đường về Nam. Phân tranh lại cũng có nguyên cớ từ trong giải pháp xây dựng đó mà sự tiến bộ kỹ thuật của quốc gia, sự tăng tiến ý thức của dân chúng chưa đủ trưởng thành để nối kết nhau lại.

Tình trạng đó phải gây ra một sự đổ vỡ lớn lao. Tây Sơn tưởng như là lực lượng đáp ứng nhu cầu của tình thế. Cho nên ta không lấy làm lạ về sức tàn phá của họ. Khởi nghĩa ở Quy Nhơn, họ đánh tan quân chúa Nam Hà đang chia kéo bè phái, họ nã tróc kẻ thù đến tận hang cùng ngõ hẻm, diệt Duệ Tông, Tân Chính Vương và xô đổ cố gắng trung hưng của Nguyễn Ánh. Từ Nam họ ra Bắc bởi vì chính trong bản thân và quân ngũ họ đã chứa mầm mống làm tan rã họ phong kiến Bắc Hà (tiết 7). Chiếm rồi nhả, họ phải

lưỡng lự vì chống đối với thành kiến địa phương, tông tộc, vì sự phân rã ngay trong lực lượng của họ. Cho nên cuối 1786, đầu 1787, ta thất đất nước chia 5: Nguyễn Lữ ở Gia Định, Nguyễn Nhạc ở Quy Nhơn, Nguyễn Huệ ở Phú Xuân. Hữu quân ly khai của Tây Sơn, Nguyễn Hữu Chỉnh ở Nghệ An và Trịnh Bồng gượng gạo ở Thăng Long. Chính đó là điều mà ta gọi là “phản ứng dội ngược” trong sự bành trướng của Tây Sơn vậy. Nguyễn Huệ cố vươn lên bằng trận thắng Đống Đa để đưa dòng họ mình lên hàng một triều đại Việt Nam. Lại chính “phản ứng dội ngược” kia đã nuôi sống một triều cũ: Nguyễn Phúc Ánh ở Vọng Các lần về Gia Định.

Tất nhiên không nên quên cố gắng riêng của ông ta. Hậu bán thế kỷ XVIII có 3 họ phong kiến bị biến cố xua đuổi. Thế mà Trịnh Bồng khóc than “chẳng may đẻ vào nhà Chúa (...) bị một lũ tiểu nhân xúi khôn, xúi dại ...” Lê Chiêu Thống không có phản ứng nào trước sự thay đổi của vua tôi nhà Thanh nên phải ngậm ngùi chết ở đất khách. Chỉ có Nguyễn Ánh theo quân Xiêm về nước mà vẫn có một đạo quân riêng, lưu vong vẫn có quân khai thác đồn điền, gặp dịp thì lên trốn về phục nghiệp. Ta phải nghĩ rằng hoàn cảnh Chiêu Thống và Nguyễn Ánh khác nhau. Tây Sơn ở Gia Định yếu kém không đủ làm áp lực với Xiêm vương như Nguyễn Huệ ở Thăng Long đã gần như là yêu sách với Càn Long vậy. Tuy thế, Ánh cũng đã phải chịu những khổ nhục vì các đối xử của bộ tướng Xiêm, chịu đựng sự nghi ngờ của vua Xiêm, nghĩa là những yếu tố đã gây nên thất vọng cho Trịnh Bồng, Lê Chiêu Thống.

Chính khả năng vượt khó khăn đó của Nguyễn Ánh và bề tôi khi gặp dịp Tây Sơn không giải quyết được khó khăn của họ, đã giúp ông trở về Gia Định tổ chức quân lính mở rộng chiến tranh phục thù đưa đến trận thắng cuối cùng.

Trong tập sách có những tiểu mục của mỗi tiết tóm thâu những vấn đề phải xét đến. Ví dụ:

TIẾT 13: NHỮNG LỰC LƯỢNG CHIẾN ĐẤU

Tính cách chung của đôi bên * Tổ chức quân chính của Tây Sơn * Vai trò bổ khuyết của những chiếc thuyền Tề Ngôi * Tổ chức khai thác Gia Định * Ưu thế vũ khí, công sự phòng thủ và thủy quân của Nguyễn Ánh.

Trong tiết này, ta sẽ xét, như đã nói, “những lực lượng chiến đấu” mà hai kẻ thù mạnh nhất, Nguyễn Huệ và Nguyễn Ánh nắm giữ. Tất nhiên những lực lượng đó được đặt trên một căn bản tổ chức kinh tế, chính trị ... dựa theo điều kiện khả đặc của từng đối phương. Cho nên, ở Phú Xuân ta xét đến chế độ quân chính của Tây Sơn và ở miền Nam ta nói đến công cuộc khai thác đất đai ở Gia Định. Chế độ quân chính đó bắt nguồn từ đâu, phát triển như thế nào, kết hợp với những điều kiện mới (tổ chức nông nghiệp, thương nghiệp ở Phú Xuân, Bắc Hà, sự hợp tác của Lê thần ...). Trong vị trí đó ta giải thích được mối bang giao Tây Sơn - Thanh cùng ý định đánh chiếm Lưỡng Quảng, ta hiểu thấu được lực lượng Tây Sơn cùng vai trò kỳ lạ của bọn cướp biển Tề Ngôi như là lực lượng thủy quân phụ tá và một đội thương thuyền có vũ trang, trong một chừng mực giống như loại của bọn Corsaire Anh, Pháp những thế kỷ trước. Nhưng cũng từ đó, ta chớm thấy nhược điểm của chế độ Phú Xuân mà mãi đến tiết 16 ta mới phải bàn đến.

Về phía Gia Định, ta xét tới việt quy thuận của nhóm nho sĩ Bình Dương như là một nhắc nhở, kêu dậy ý thức tổ chức xã hội trên cơ sở Khổng giáo, nông nghiệp “dĩ nông vi bản”, nơi một vùng mà đất, người đang chờ đón khai thác. Phát triển nông nghiệp đi đôi với sự phát triển thương nghiệp có trợ giúp của các tay phiêu lưu Tây phương (tiết 12) quy định tính chất và khả năng lực lượng của Nguyễn Ánh. Cho nên ta có thể nói đến “ưu thế vũ khí, công sự phòng thủ và thủy quân của Nguyễn Ánh” vậy.

Gọi đó là những “vấn đề” không phải là để chối bỏ tính cách biến động trong thời gian nhưng là để nhấn mạnh rằng lịch sử không xảy ra quá rời rạc, tách biệt với nhau như phép biên niên đã cho ta có cảm tưởng như vậy. Những sự kiện về con người xã hội không nên được kết tập theo quy định

của năm tháng, quy ước để tính xoay vần của vũ trụ, mà là theo những điều kiện lịch sử, văn hoá của tập đoàn đó.

Cho nên lịch sử “nội chiến” không phải chỉ xét về giai đoạn 1771-1802 của Nam Hà, Tây Sơn, Bắc Hà hay rõ hơn, của Đại Việt cô lập trong thời gian, không gian. Vượt trên tính cách quy ước của sự phân chia giai đoạn lịch sử, lịch sử nội chiến từ 1771- 1802 chỉ là nối tiếp của lịch sử phân tranh của Đại Việt, không phải bắt đầu vào năm 1558, năm Nguyễn Hoàng trốn vào Nam mà là manh nha từ sau triều đại huy hoàng của Lê Thánh Tông (1460 - 1497), bộc phát khi Trần Cao nổi loạn dẫn đến việc Mạc Đăng Dung cướp ngôi để Nguyễn Kim, Trịnh Kiểm mưu đồ chống lại ở Thanh Hoá.

Bài trừ được thành kiến riêng biệt, tự tôn hay tự ty, về quốc gia chủng tộc, ta sẽ thấy lịch sử Đại Việt trong giai đoạn này tương quan với mối liên hệ văn hoá của dân Việt khi tiếp xúc với các dân tộc phương Nam, các dân tộc xa tận phương Tây theo thương thuyền tràn đến. Đồng thời họ cũng vẫn đào sâu những khả năng văn hoá từ phương Bắc đem lại đã lâu đời.

Hiện tượng này không phải là riêng rẽ độc nhất. Lịch sử các dân tộc vẫn để chúng ta lấy ra được những ví dụ chứng dẫn về sự phối hợp văn hoá: lịch sử văn minh Trung Hoa qua sự thành lập các triều Đường, Nguyên, Thanh chẳng hạn, nói rõ đặc điểm phối hợp của vùng Trung Nguyên với các dân tộc phía tây, phương bắc. Nhưng trong tính cách đặc thù của một trường hợp giao tiếp, chúng ta cũng vẫn thấy có sự riêng biệt: vì lẽ đó, chúng tôi coi biến động Tây Sơn như một kết quả của cuộc phối hợp văn hoá, chủng tộc ven biển Đông từ thế kỷ XV, biến động được tiếp nối một cách oái oăm bởi một nhân vật còn sót lại của dòng chúa phong kiến cũ.

Ta thấy trung tâm những biến động chính trị quy mô của Đại Việt cứ dời dần về phương Nam: Nguyễn Kim, Trịnh Kiểm ở Thanh Hoá, con cháu họ Nguyễn ở Phú Xuân, Tây Sơn ở Quy Nhơn, cuối cùng Nguyễn Ánh ở Gia Định. Nhắc lại, trong giai đoạn phá vỡ phân tranh này, lịch sử nhìn theo sự nảy nở của Tây Sơn, biến động kết hợp sự thu nhận văn hoá phương Nam

và văn hoá kỹ thuật Tây phương do thương thuyền đưa đến. Xếp Nguyễn Nhạc, Châu Văn Tiếp, Nguyễn Hữu Chinh vào cùng bọn thương nhân nội địa kết tập phần nào do phong trào giao thương u - Á đem lại, không phải ta đã mắc vào lý luận quá thô thiển của Nguyễn Bách Khoa chỉ nhìn thấy một trong hai yếu tố văn hoá gây biến động thôi. Ở đây, chúng ta không nói đến sự thành lập một giai cấp thương nhân, phú hào, nhưng là sự chớm phát những nhà giàu vì buôn bán, buôn với trên nguồn, buôn với dưới biển. Không thể nào chối cãi được tính chất đại biểu của những người cầm đầu một biến động.

Duy ở đây không phải chỉ có yếu tố tư sản mà thôi. Những nhà giàu, thương nhân xuất hiện ở Đại Việt vào thế kỷ XVIII tất nhiên mang dấu vết đặc thù của xã hội này, không thể nào là khuôn mẫu in lại của những nhà tư sản Tây phương đã làm Cách mạng 1789 cả. Sự nồng nhiệt, lòng hăng say của Tây Sơn có tính chất rừng rú thật đặc biệt. Khi phát triển ra, họ sẽ đem tính chất này truyền thụ cho những người mới kết hợp. Nhưng thảm hoạ của Tây Sơn đã bắt đầu ngay từ bản chất của tập thể họ đại diện. Xúi được nông dân nổi loạn, họ phải lấn át hoặc bỏ rơi nho sĩ - hay bị nho sĩ bỏ rơi. Thế mà trong khuôn khổ ý thức hệ truyền thống, nho sĩ chính là lớp người hướng dẫn chính sách nông nghiệp trong nước. Bỏ rơi nho sĩ, không có chính sách nông nghiệp trong buổi đầu, họ lại gặp những biến động do họ gây ra khiến cho chính sách thương nghiệp của họ phải thất bại. Mất hướng tiến hợp với bản chất phát sinh của họ, họ quay về phủ dụ được nho sĩ đầu hàng thì chính sách nông nghiệp truyền thống lại tỏ ra thiếu sinh khí vì được thi hành đi lại mãi trên đất cũ: Tây Sơn Nguyễn Huệ bỏ đất Quy Nhơn đi về phía Bắc, có hùng mạnh hơn thực đấy nhưng phải chui vào lề lối sinh hoạt cũ để khiến phải tự tan rã. Nguyễn Ánh thừa hưởng được tất cả những thiếu sót Của Tây Sơn: một chính sách nông nghiệp mới trên đất Gia Định chứng tỏ hiệu lực của nó, một chính sách thương nghiệp trông chừng cho không làm hại cơ cấu chính thể mà vẫn có ích, tất cả đã làm dồi dào sinh lực quốc gia, điều hoà tạm thời cho không có mâu thuẫn trong

quốc gia. Công trình đó đã thêm một bước cho sự hoàn thiện cuộc thống nhất (xem kết luận).

Cho nên, lịch sử, nhìn qua là lịch sử chiến tranh mà thực mang đầy ý nghĩa văn hoá. Ta có dịp dừng lại để nhìn - một cách thiếu sót - sinh hoạt của dân Đại Việt vào cuối thế kỷ XVIII (tiết 14). Ta dành một tiết (tiết 17) để bàn về mỗi dao động có thể gọi là ý thức hệ ở Gia Định. Từ đó, chiến sự không phải nổ bùng một cách lẻ loi mà hoặc là kết thúc của một chuyển biến văn hoá, hoặc là mở ra cho một chuyển biến văn hoá mới, lúc tiến, lúc lùi, chuyển đổi lạng lẽ hay ồ ạt: lịch sử diễn tả sẽ có đủ chiều sâu, chiều rộng, sống động, dồi dào hơn. Chúng ta đã gắng đem lại ý nghĩa đích thực, đặt đúng giá trị của quan niệm lịch sử về biến cố văn thường hoặc được quá chú trọng hoặc bị quá coi thường vậy.

Trên đây là trình bày tất cả lẽ lối làm việc cùng những ý tưởng hướng dẫn việc xây dựng tập sách này. Không có người ghi chép con người vẫn mang sử tính - nhưng ta không hiểu được lịch sử nếu nó không xuất hiện trên trang giấy. Ấy thế mà có biết bao nhiêu khó khăn cho người thu xếp: giới hạn số lượng tài liệu còn lại, khả năng phê phán, tổng hợp mở tài liệu ấy, giới hạn gặp phải khi diễn đạt thành lời ...

Nhưng những điều đó không phải để ngăn một giai đoạn lịch sử mang hình thức diễn tả là tập sách này. Chúng ta chỉ tạm dừng lại, chờ những tổng hợp khác gần với sự thực của quá khứ hơn.

Lời phụ thêm:

Tập sách này được viết vào các năm 1962, 1963, 1964. Đến 1969, một số tài liệu được phổ biến thêm nên chúng tôi có sửa chữa một ít chi tiết cho rõ ràng hơn. Còn đại thể, dàn bài, những ý tưởng giải thích giai đoạn lịch sử vẫn còn như cũ, không đổi.

PHẦN THỨ NHẤT - TAN RÃ Ở NAM HÀ (1771 - 1785)

Chương 1. CÁC LỰC LƯỢNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC ĐẾN KHOẢNG 1775

Tiết 1

BIẾN CHUYỂN TỚI 1775: TÂY SƠN KHỞI NGHĨA

Biến động Tây Sơn và những bạo động ở Bắc Hà * Sự suy đồi quyền bính ở Nam Hà với khả năng phản kháng của dân chúng * Chiến tranh Tây Sơn - Nguyễn. * Quân Trịnh vào Phú Xuân * Chúa Nguyễn vào Đồng Nai.

Sự kiện quan trọng nhất xảy ra trong lịch sử Đại Việt vào giữa hậu bán thế kỷ XVIII là “loạn” Tây Sơn. Từ trước không phải không có những người thường dân lên làm vua, dựng nên một triều đại mới, nhưng họ lập nghiệp bằng cách đánh đuổi ngoại xâm (Lê Lợi), hoặc bằng cách phụ tá triều đại trước, mang quan tước của dòng họ này rồi tìm cách soán đoạt (Trần, Mạc). Chỉ riêng có anh em Tây Sơn truất quyền các triều đại có mặt bằng mưu mô binh lực, đem vào lịch sử những tên mà bình thường là anh buôn trâu, chị đàn bà giữ con, ông thầy đồ ở làng và cả những kẻ sống ngoài vòng pháp luật nữa [28].

Biến động Tây Sơn có tính cách dân chúng làm ta liên tưởng những cuộc chống đối ở Bắc Hà dưới thời Trịnh Doanh, Trịnh Giang. Những Nguyễn Cừ. Nguyễn Tuyển, Nguyễn Danh Phương ... đều dựa vào đám nông dân cùng khổ, lập riêng triều đình có khi đến hàng 10 năm trời. Tuy nhiên, họ làm loạn sát kinh đô, trong một xã hội quá thuần nhất về kỹ thuật, ý thức, nên phải chịu thất bại, ngậm thở ngùi than:

Hỏi sao sao luy cơ trần,

Bận tài bay nhảy, xót thân tang bồng?

Nào khi vỗ cánh rĩa lông?

Hót câu thiên túng trong vòng lao lung?

(Nguyễn Hữu Cầu)

Họ không đủ sức phá vỡ chính quyền Trịnh, nhưng ngược lại họ Trịnh nằm trong sự đổ nát của chính mình, trong sự rạn nứt của thời đại cũng không thể nào bóp nghẹt được sức phản kháng của dân chúng vốn lúc nào cũng hi vọng, chờ đợi:

Mặc bay đông ngừ, tây đàm,

Chờ khi phong tiện dứt dầm vân lung.

(Nguyễn Hữu Cầu)

Trong khi ở Bắc Hà chính quyền và dân chúng trông chừng nhau thì ở Nam Hà nhóm lên loạn Tây Sơn ngang ngựa, tàn bạo dứt đứt những gì tạo lập thể phân tranh kéo dài 200 năm có hơn. Tất nhiên đã có những điều kiện chủ quan và khách quan đem đến sự thành công cho họ, giúp họ từ một tiền đồn di dân hẻo lánh ào xuống xô đổ ngôi vị Nguyễn, trườn ra đất Bắc chấm dứt Trịnh, Lê, cũng như sau này có những điều kiện mới nảy sinh đưa đẩy họ tới thất bại, trao công trình thống nhất lần đầu mà họ mở lối kiến tạo vào tay một ông hoàng còn sót lại của Nam Hà.

Trước nhất là sự rối loạn ngay trong triều chúa Nguyễn ở Thuận Hoá. Ở đây mọi tội lỗi đều được bề tôi họ Nguyễn trút vào đầu Trương Phúc loan. Xử sĩ Hoàng Quang kể tội Loan với giọng hậm hực, có khi ngây ngô: quan Quốc phó đem tinh binh giữ biệt thự Phấn Dương của mình, để binh lão

nhược ra ngoài chống giặc; quan thu thóc lúa, bạc vàng cho đầy túi bằng những mưu mô làm suy bại nước: quan thu dụng, mua chuộc triều thần để họ phải chịu “giọng miệng xôi chùa” ...[29]

Võ vương Nguyễn Phúc Khoát mất đi (1765), Hoàng trưởng tử Chương đã qua đời (1763) mà Thái tử Hiệu, con thứ 9, lại còn mất trước đó nữa (1760) [30]. Đáng lẽ cha Nguyễn Phúc Ánh là Chương Võ, con thứ 2 Võ vương lên cầm quyền, nhưng bị Trương Phúc Loan giam vào ngục “ưu uất mà mất”. Việc này hại lây đến cả 2 đại thần: Trương Văn Hạnh và Lê Cao Kỳ [31]. Phúc Thuần con thứ 16 của Võ vương được lên ngôi (12 tuổi), chiếm địa vị của con Thái tử Hiệu thường được gọi là Hoàng tôn Dương. Rối loạn trong việc thế tập này còn ảnh hưởng rất lâu, đến mãi khi họ Nguyễn chạy vào Đồng Nai.

Đã được Duệ Tông phong làm Quốc phó, quản Tượng cơ, kiêm Tầu vụ, Trương Phúc Loan còn đặt vây cánh bên ngoài, cho các con lấy công chúa Ngọc Nguyện, Ngọc Chú để làm thế lực bên trong. Quyền uy có thì tiền cũng theo đó mà dồi dào. Chúa cho ông lấy sản thuế các nguồn Thu Bồn, Trà Sơn, Trà Vân, Đồng Hương làm bổng riêng, mỗi năm thu bạc đến 200 lượng có dư với ngà voi, sáp vàng, mật trắng, “đồ quý chất như núi” [32]. Gọi là “Chúa cho”, nhưng chắc gì Chúa đủ trí khôn và đủ quyền để biết và có thể làm gì? Gia tư của Phúc Loan lại được tăng bội bằng nhiều hình thức ám muội khác. P. Poivre đã cho ta biết việc ông gạt tiền của người khách thương này [33].

Vai trò của Trương Phúc Loan trong việc xô đẩy triều chúa Nguyễn đi vào chỗ suy sụp thật không thể chối cãi [34]. Nhưng không phải chỉ mình ông thối nát.

An làm nơi chuyển tiếp ra ngoài. Nguồn Đồng Hương ở Bình Khang (Khánh Hoà, vùng Vạn Ninh) mà ĐNNTC tỉnh Khánh Hoà gọi Động Hương, là nơi sản xuất sáp ong vàng với các đội Hoàng lập hoạt động thường xuyên. Như vậy có thể nói Trương Phúc Loan đã bao thầu hết các

nguồn lợi trên rừng của Nam Hà và còn nắm quyền xuất cảng nữa (ông coi chức Tàu vụ). Sự việc này còn chứng tỏ sinh hoạt rộn rịp của ngành buôn nguồn, khai thác lâm, khoáng sản vào thế kỷ XVII, XVIII ở vùng này.

6. L. Cadière, “Quelques figures sous la Cour de Võ vương”, BAVH, 1918, t. 262-264.

7. L.M Cadière (bđd, t.270, 271) không phủ nhận lầm lỗi của Trương Phúc Loan, nghĩ rất đúng rằng người chung quanh ông cũng làm vậy như vậy, nhưng lại cho rằng sở dĩ sử quan nhà Nguyễn ghét ông vì ông đã gạt cha Gia Long không cho lên ngôi và vì ông một phần nào có cảm tình với người ngoại quốc. L.M không lưu ý rằng Trương Phúc Loan đón tiếp niềm nở P. Poivre chẳng hạn là để lợi dụng đối tiền lấy bạc và khi thấy Poivre đòi ông tha mãi việc đổi bạc riết quá, ông bèn tìm cách tống khứ đi ngay. Thêm nữa có nhiều chứng cứ cho biết mọi người đã kết tội Loan từ lúc Nguyễn Ánh chưa ló diện trên chính trường (Trịnh đưa hịch kể tội Loan để làm cố tiến quân, Tây Sơn tôn phù Hoàng tôn Dương).

Không đợi đến Duệ Tông mới có trò hư hỏng vì Loan dạy cho cách ăn chơi. Võ vương lúc sanh tiền cũng chỉ nghĩ tới lạc thú riêng, P. Poivre được một ông Cai bộ cho biết như thế. Người khách thương đại diện cho Dupleix này được cho biết rằng các quan dưới quyền Võ vương có đủ cách đối gạt Chúa để cản trở Poivre. Đến nỗi ông phải kêu lên một cách tức giận: “Phải cho họ hiểu rằng chúng ta từ hơn 6.000 dặm lại đây không phải chịu mất cơ nghiệp làm giàu cho cả bày háu dối này” [35]. Chúa có nhiều con bèn nghĩ ra cách gây dựng bằng cách bắt các quan nuôi các hoàng tử và phải chia của cho họ. “Nhưng họ không thiệt thòi vì nhờ sự che chở của Chúa họ sẽ được những gì họ muốn ... Họ cướp bóc mà không bị trừng phạt và khi có của, họ sẽ đem giấu đút cho các con riêng của họ, bù ngay lúc bọn này còn sống phần gia tài mất đi kia” [36] (phần chia cho các hoàng tử). Binh lính, tướng lãnh bấy giờ thì lão nhược, nhút nhát, nghe đến phải đi đánh giặc vội vàng đem vàng bạc đút lót quan Quốc phó để cắt đặt người khác thay [37].

Tất nhiên tiền đó trong lúc trên không tuân cương kỷ này thì dưới, người ta không nề hà gì mà không vơ vét của dân đen.

An ninh không được chính quyền lưu tâm, trộm cướp tha hồ hoành hành. Rồi đói khổ, mất mùa càng làm cho dân chúng cùng quẫn. Chưa phải những trận đói kinh hồn của Cương mục, Thực lục tả văn tấu, của các giáo sĩ ở Huế, Quảng Nam kể từ cuối năm 1774, đầu 1775. Đó là hậu quả của chiến tranh hơn là nguyên nhân của chiến tranh. Đói kém bắt đầu từ năm 1768 vì một sự sai lầm về chính sách tiền tệ: tiền kẽm được tha hồ đúc từ vua chí dân gây nên một tình trạng lạm phát khiến dân chúng mất tin tưởng, đua nhau với đám đúc tiền lậu mua lúa tích trữ, trong khi nhà giàu không dám tung gạo ra. Tệ trạng ấy kéo dài từ Phú Xuân đến Ba Thắc trong cả những năm không mất mùa [38]. Lại thêm tham vọng của Mạc Thiên Tứ, vùng Hà Tiên phải lâm vào cảnh chiến tranh với Xiêm, ảnh hưởng đến tình trạng sản xuất của một vùng vốn được coi là “vựa lúa của quốc gia” [39].

Rối cục trong triều Chúa phân rẽ, năm phe ba phía. Chất men lý tưởng trung trinh không có đối tượng để nối kết lòng người. Dân chúng không nhờ cậy được ở chính quyền, phải quay về những người nào hứa hẹn và thực hiện được một phần nào hứa hẹn đem lại ấm no cho họ.

Nhưng không phải sự rối loạn triều chính, sự oán ghét của dân chúng đủ đem lại sự sụp đổ cho họ Nguyễn. Quan lại những nhiều hầu như là một chứng bệnh kinh niên của xã hội xưa, trước đó và mãi sau này nữa (cả dưới thời Tây Sơn). Ta đã thấy Nguyễn Hữu Cầu đồng minh, Nguyễn Danh Phương bền dai với dân chúng Bắc Hà phụ họa cũng không phá được họ Trịnh. Trái lại tình thế Nam Hà lúc này thuận tiện cho một cuộc nổi dậy thành công cho những người chống đối có mộng tưởng, có khả năng làm việc lớn.

Những điều kiện đó, anh em Tây Sơn đã có đủ, và nếu thiếu, đã biết tạo ra. Bởi vì đồng thời phản đối Trương Phúc Loan không phải chỉ có họ. Mùa hạ

1770, vùng Quảng Nam có loạn [40]. Những cuộc loạn không có ngày mai. Chỉ còn anh em Tây Sơn.

Họ là 3 người: Nguyễn Văn Nhạc, Nguyễn Văn Lữ, Nguyễn Văn Huệ. Sử quan nhà Nguyễn không cho biết rõ hơn. Nhưng trong một bức thư, giáo sĩ Labartette thêm một ít chi tiết: Nhạc là anh lớn, người thứ hai là “Đức ông bảy”, người thứ ba là “Đức ông tám”[41]. Nhiều tài liệu cho ta biết “Đức ông tám” là Nguyễn Huệ [42]. Lúc mới khởi nghĩa, Huệ mới 18 tuổi đầu. Cách biệt thứ bậc với người em nhỏ cho ta thấy Nhạc là người chủ xướng cuộc chống đối.

Anh em Tây Sơn là dòng dõi Hồ Quý Ly. nguyên quán ở đất Hưng Nguyên (Nghệ An). Ông bà họ bị quân Nguyễn bắt vào Nam nhân lúc Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật đem quân ra lấy 7 huyện phía nam sông Cả, thời Thịnh Đức nhà Lê (1653-1657, nhưng trận chiến kéo dài từ 1655-1661). Một nhân vật chính trong họ bị bắt có thể là Hồ Phi Phúc. Họ được đưa về làng Tây Sơn thuộc huyện Phù Ly, phủ Quy Nhơn [43] Đến đời cha Nhạc mà Liệt truyện gọi tên là Phúc, mới dời xuống ấp Kiên Thành sinh ra 3 anh em, lấy mẫu tính để gọi Nguyễn Văn Nhạc, Nguyễn Văn Lữ, Nguyễn Văn Huệ [44].

Cứ theo sử sách thì nguyên nhân khởi loạn của Nhạc rất tầm thường: ông làm biện lại ở đất Vân Đồn (?) gá bạc, tiêu lạm tiền thuế, bị Đốc trưng Đàng đòi hỏi gặt gao “mới trốn vào rừng tụ đảng ăn cướp”. Chi tiết đòi tiền thuế phù hợp với bằng chứng của Chapman cho biết một nguyên nhân bùng ra rối loạn: Trương Phúc Loan đã đánh thuế vào khoảng một dollar espagnol cho tất cả mọi người, không phân biệt già trẻ, giàu nghèo gì hết [45] L.M Jumilla kể chuyện vào khoảng tháng 5-1773, một viên quan đi thu thuế ở Quy Nhơn có mang lính hộ tống, bị quân Tây Sơn chặn lại đòi giấy tờ, tiền bạc, đâm cho một nhát ở vai trái phải cùng lính hầu bỏ chạy [46].

Nhạc thua bạc, quyết thuế, túng cùng làm loạn hay đứng về phía dân chúng chống đối chế độ thuế má khắt khe rồi bị chính quyền vu cáo? Chúng ta đã có đủ tài liệu để trả lời dứt khoát. Việc viên quan thu thuế bị đâm thủng 5-1773 và việc Đốc trưng Đăng thúc thuế ở Nguyễn Nhạc rõ là một. Nhưng Tây Sơn đã khởi loạn từ năm 1771 và kéo nhau xuống đồng bằng cả lúc ban ngày từ tháng 4-1773 thì vụ gọi là quyết thuế đâu phải là nguyên nhân của cuộc nổi dậy? Vả lại, địa vị của Nhạc không phải của một anh cờ bạc tầm thường: một người đứng đầu công cuộc làm ăn buôn bán của cả một vùng mới được chính quyền trung ương cho coi việc thu thuế rồi lại nhờ vào chức phận này mà tăng uy tín với dân địa phương [47], thì chống đối với chính quyền - tất nhiên là sống ngoài vòng pháp luật - đâu có phải đợi đến cái thế cùng mới bạo gan làm việc?

Quan sát vùng đất và cư dân, ta thấy rõ sự thực hơn. Làng Tây Sơn có thể coi như một tiền đồn di dân Việt ở về phía Tây, sâu vào trong xứ người Thượng. Là một tiền đồn di dân, thực vậy, vì tuy sử sách không nói rõ hơn, nhưng việc bắt người Hưng Nguyên đem lên vùng này có thể coi là họ Nguyễn đã áp dụng chính sách khai phá cổ truyền trên đất mới với tính cách cưỡng bách mà thôi. Có lẽ đợi đến 2 đời sau, thành người địa phương, thoát tính cách tù binh cưỡng bách kia, họ Hồ mới dời xuống Kiên Thành, sửa soạn cho con dựng nghiệp lớn.

Vị trí cư trú mới lại đặc thế cho công cuộc làm ăn của họ này. Kiên Thành cũng ở trên bờ sông Côn như các sông nhỏ miền Trung khác, nối liền đồng biển và núi rừng, đóng vai trò rất quan trọng về nhân văn, kinh tế. Những sông này tạo nên những vùng đất nhỏ hẹp nhưng rất phì nhiêu. Chúng là con đường giao thông trao đổi phẩm vật trên rừng, dưới biển. Trên rừng có mật ong, trầm hương, măng le, vàng ... chuyển xuống đồng đổi lấy gạo, chế phẩm (vải lụa, đồ sắt ...). Lâm sản, lúa gạo lại đưa xuống các vùng biển để chuyên chở ngược về nguồn những loại cá, mắm, muối, đồng sắt [48]. Vùng ba huyện có địa điểm Kiên Thành như một giao điểm tụ hội của phẩm vật các nguồn Kim Sơn Đồng Hới, An Tượng ... chuyển xuống

Nước Mặn, Thi Nại để ra biển và cũng là chỗ phân phối ngược lên các tài nguyên ngoài biển cả đưa vào.

Trong khung cảnh hàng hoá lưu chuyển như vậy, tay buôn Nguyễn Nhạc chọn lấy một phẩm vật quan trọng, cần thiết vì là nhu cầu của phong tục: trầu nguồn. Loại trầu này đặc dụng hơn thứ trầu trồng ở các vườn dưới đồng lá nhỏ màu xanh vàng, gân lá nổi nhiều khiến miếng trầu hay dòn, dễ gãy. Có nhìn thấy từng giỏ trầu nguồn, lá to bằng bàn tay sè - tèm được nhiều miếng - màu xanh lục lịa, mềm mại xếp nằm sát lên nhau làm nổi những đầu cuống lá nổi thành hàng dài màu xanh non, có nhìn thấy từng giỏ trầu chất vun lên, tươi mát chờ đón bạn hàng ở các phiên chợ sớm như thế mới thấy sự đặc dụng của một món hàng được khắp mọi giới ưa chuộng.

Căn cứ vào chút phong tục còn rơi rớt lại làm dấu vết cho trào lưu cuối mùa của dòng thương mại, căn cứ vào địa điểm Trường Trầu còn lại, ta có thể vẽ ra khung cảnh hoạt động trong vùng người hào phú đất Kiên Thành.

Len lỏi vào trong các nguồn - càng vào sâu lá trầu càng tốt, có những người Thượng hái trầu chứa trong gùi mang thẳng xuống Trường Trầu, hay qua những trung gian khác chủng tộc. Ở đây, người ta tỉa lá vàng úa, vứt lá sâu quăn, xén bớt phần cuống héo mặt - cho tỏ ra trầu còn mới - rửa sạch sắp xếp gọn ghẽ rồi chất cho các bạn hàng đem về phân phối các chợ miền xuôi. Nguyễn Nhạc hình như đã đóng vai trò đầu nậu [49] của công việc buôn bán này và chính nhờ sự giao thiệp khi gom góp, chuyển giao hàng hoá, điều khiển việc tính toán lời lỗ, trích thu phần lời của người mua, kẻ bán mà ông đã tập cho mình thói quen tổ chức, óc chỉ huy và sự quảng giao rất cần thiết cho về sau vậy.

Nghề buôn nguồn thịnh hành và nhiều lợi, nên đồng thời với Nhạc cũng có người nổi danh: Châu Văn Tiếp. Tiếp buôn gì? Không biết, nhưng có thể nói chính vì tính cách không chuyên riêng một món hàng nào mà Tiếp yếu thế đối với Nhạc. Ông không nắm được một tổ chức lớn mà chỉ có những

bạn buôn như Nguyễn Long (dân Đồng Xuân, Phú Yên), Phạm Văn Sĩ (dân Phù Mỹ, Bình Định, đồng xứ với Tiếp), nên lúc đầu khởi loạn phải phục tùng theo Nhạc, và khi phản kháng thì chỉ tụ tập được đám người Thượng trên một vùng núi thôi.

Gọi là Nguyễn Nhạc có lực lượng phối hợp lớn lao là chúng ta căn cứ vào tính chất cư dân trong vùng. Những nhóm người Thượng chắc trước khi Việt hoá đã sống lan xuống các vùng nguồn về phía đông hơn bây giờ nhiều. Họ là lực lượng kết hợp quý báu cho Nhạc lúc ban đầu. (Truyền thuyết ghi rằng Nhạc có một người vợ nhỏ thuộc bộ lạc Thượng hẳn không quá xa sự thực). Những người Thượng này còn có mối liên hệ chủng tộc gần với nhóm người Chăm ở Thạch Thành vùng Phú Yên [50]. Nữ chúa Thị Hoả của họ đã hưởng ứng Nguyễn Nhạc ngay từ lúc đầu.

Vùng này còn khối di dân Trung Hoa sinh sống như một tập thể tự trị, nhưng vẫn chịu dưới quyền nhà Nguyễn. Chính quyền tập hợp họ thành từng “thuộc”: có 6 thuộc như vậy ở Quy Nhơn vào năm 1799 và 3 thuộc trước đó, hồi đầu thế kỷ XVIII, cuối thế kỷ XVII [51]. Họ sống bên lề một ít trong đất nước thu nhận họ. Phần lớn họ là Minh dân lưu vong, nằm trong các tổ chức hội kín (Thiên Địa hội) ít chịu dung hợp với chính quyền.

Nhưng ngay cả đám người Việt cũng có một phần lớn thoát ra ngoài kỷ cương của Triều đình: những người lên rừng, xuống biển trao đổi phẩm vật, những người làm thuê, gặt hái theo vụ mùa khác nhau của lúa núi lúa đồng, những kẻ trốn xâu lậu thuế ... Vào những lúc rảnh rỗi, tất cả có thể gặp nhau quanh chiếu bạc, nơi đám hát. Triều đình không thể nào kiểm soát được đám dân “vong mạng, vô lại” này.

Cho nên không nên lấy làm lạ rằng dưới quyền Nguyễn Nhạc có bọn cướp Nhưng Huy, Tứ Linh ở nguồn An Tượng. Không ngạc nhiên với đám quân của Tập Đình, Lý Tài “người cao lớn, gọt đầu kết tóc, giả làm người Thanh, khi đánh giặc, uống rượu say, ở trần, đeo giấy vàng bạc xung trận

liều mình” [52]. Tập thể hỗn tạp, cuồng say bạo động đó thật xứng mang tên “quân ó”, “hàm hồ tương ứng” [53].

Những khối người sẵn sàng bạo động được Nguyễn Nhạc nối kết thành một lực lượng vững chắc. Nhưng để hướng dẫn vào những mục tiêu to lớn phải nhờ ở tay một người từ xa đến, đem tầm mắt của ông Biện lại đất Vân Đồn vượt khỏi sự hạn chế của những dãy núi chập chùng bao quanh vùng đất ông. Đó là Giáo Hiến, môn khách của Trương Văn Hạnh, viên quan Nội hữu rủi ro trong cuộc tranh chấp ở Triều đình. Trong trường dạy văn võ của Giáo Hiến ở An Thái có anh em Lữ, Huệ [54].

Hoàn cảnh đổi mới đã đem thay đổi đến cho con người Giáo Hiến. Nếu ở Phú Xuân ông phải lo sợ cho tính mạng mình thì ở phần đất cùng tịch này, ông có đủ thư thả để nuôi chí căm hờn Trương Phúc Loan. Rời bỏ địa vị bên cạnh quan Nội hữu, ông đã tách rời đám quan lại sang cả để đến gần với dân chúng hơn. Giá ngày trước kia có động lòng trước cảnh trăm họ lầm than ông cũng đến làm như Ngô Thế Lân, Nguyễn Cư Trinh dâng lên một bản “thái bình sách” là cùng. Trở thành một tên trí thức “vô lại”, con đường giữa ông chọn là lật đổ Trương Phúc Loan và Duệ Tông để tôn phò Hoàng tôn Dương. Giữa cái không khí thần quyền bàng bạc khắp địa phương [55] tạo bởi sự hỗn hợp tạp nhạp của tin tưởng nơi ông Dàng, nơi Bà chúa xứ, nơi Thần núi ... , ông đem cái lý trí của Nho giáo tạo ra phụ hoạ vào việc giải thích lời sấm “Tây khởi nghĩa, Bắc thu công” để xúi Nhạc làm loạn [56].

Ảnh hưởng chắc không phải chỉ xuyên qua Nguyễn Nhạc mà thôi. Một ông đồ nơi làng quê là cái đích ngưỡng mộ của dân chúng. Đàng này lại là một ông quan ở Kinh về. Chính kiến của ông chắc ăn sâu vào tâm trí mọi người một cách đáng kể. Ông đã đem vào đầu óc mọi người một lý tưởng. Chính trong lúc những người trong triều Chúa hoang mang, phân tán, hoang mang đến thành phản bội như sẽ thấy thì đám bần cùng nổi loạn tưởng đã tìm được một ý nghĩa cao cả cho hành động của họ. “Họ tuyên bố trong các

làng mạc rằng họ không phải là những tên trộm cướp, nhưng họ gây chiến tranh là để tuân mệnh Trời và tuân lệnh Đức Thượng sư”[57]. Họ nói và làm, nên đã được dân chúng gọi là “những tên trộm cướp nhân đức”. Tất nhiên không tránh được những hành vi vô kỷ luật riêng rẽ. Nhưng trong phần lớn, đội quân Tây Sơn từng chứng tỏ một tinh thần chịu đựng kỷ luật rất cao được nâng đỡ bằng một lý tưởng và họ đã giữ được tinh thần này trong gần suốt thời gian theo chân anh em Nguyễn Nhạc.

Trong ý nghĩ của Giáo Hiến, chắc ông cũng chỉ mong Nguyễn Nhạc trừ được Trương Phúc Loan để trả hận cho bạn và mong Nhạc trở thành bề tôi lương đồng của Triều đình. Đi theo đường lối này có Châu Văn Tiếp đóng ở núi Chà Rang (Phú Yên). Nhưng quyền hành động vào một tay cơ trí có tham vọng như Nguyễn Nhạc thì sự việc đâu có xảy ra như Giáo Hiến toan liệu được. Không phải là một sự phản bội, nhưng chính là vì Nguyễn Nhạc đã không xuất thân như Giáo Hiến, ở vào hoàn cảnh như ông.

Tuy nhiên trong buổi đầu, Nhạc không quên dùng chiêu bài tôn phù Hoàng tôn Dương, khen ông này “nhân hậu thông minh” [58]. Ý nghĩa tôn phù đến với Nhạc chỉ còn là một phương tiện không hơn, không kém. Tung chiêu bài tôn phù, ông đã làm một công đôi việc. Một mặt nó sẽ làm cho công cuộc chiến đấu của ông có chính nghĩa buổi đầu để cho cuộc thay đổi khỏi đột ngột, lôi người theo dưới cờ của mình càng nhiều càng hay: Châu Văn Tiếp đã liên kết với ông suốt mấy năm trời, cùng theo quân đi Quảng Nam rước Hoàng tôn về Quy Nhơn [59]. Như thế hàng ngũ đối phương yếu đi. Lợi thế khác lại về ông: triều Chúa một khi còn giữ Hoàng tôn trong phe họ thì cứ còn nghi ngờ mà không có cơ trừ bỏ rồi cứ lục đục mãi.

Triều Chúa thật ở vào thế suy yếu nhất trong khi Tây Sơn càng ngày càng lớn mạnh.

Tháng giêng năm Nhâm Thìn (1772), Vua sai Chương cơ Tôn Thất Văn đi tuyển xét ở Quy Nhơn [60]. Báo cáo về việc Tây Sơn lập 6 đồn trên vùng Thượng đạo từ năm trước (1771) [61] có đến tai Triều đình rồi không? Tự

ông quan kiểm tra này đã có thấy ở đây những dấu hiệu gì tỏ rõ một cuộc nổi loạn sẽ khuynh đảo được dòng họ ông hay không?

Tình hình nghiêm trọng hơn khi vào đầu tháng 4-1773, Tây Sơn đã kéo nhau từng toán xuống các chợ ngay lúc ban ngày, lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo, đe dọa đốt nhà cửa để bắt người tuân theo. Họ họp từng nhóm khoảng 300 người, riêng vùng Dou hau (Đồng Hưu, Đồng Hào?) có đến 600 người và họ quấy nhiễu suốt 7 tháng ròng ở Phú Yên, Quy Nhơn. Tổ chức của họ cứ theo thắng lợi mà trở thành lớn lao, có quy củ hơn. Lúc đầu họ võ trang giáo mác, cung tên và cả súng tay nữa. Họ đi bộ, nhưng sau đó, khoảng tháng 8, họ đi ngựa, cưỡi và võng. Để bày tỏ vị trí phương nam và tính cách bạo động của quân khởi nghĩa, họ mang mỗi đội một lá cờ đỏ dài độ 9 aunes (khoảng 1m) [62]. Thanh thế lớn lên, Nguyễn Nhạc dời quân xuống Kiên Thành tự xưng làm đệ nhất trại chủ coi 2 huyện Phù Ly và Bồng Sơn, cho Nguyễn Thung làm đệ nhị trại chủ coi Tuy Viễn, Huyện Khê làm đệ tam trại chủ coi quân lương [63]. Có thể là đạo quân của Châu Văn Tiếp và quân Nữ chúa Thị Hoả đã chia nhau khống chế Phú Yên. Quân thế thực phức tạp mà cũng thực nguy hiểm.

Triều Chúa còn thờ ơ với biến cố quan trọng nơi tỉnh nhỏ này thì quan Tuần vũ Nguyễn Khắc Tuyên làm gì mà chống cự lại được? Khoảng trung tuần tháng 9-1773, vào một buổi sáng sớm, có 2 đội quân với nội công đến vây biệt thự quan Trấn thủ, chiếm thành trì khiến ông phải bỏ lại ấn tín, vợ con, mặc quần áo sơ sài chạy ra Tân Quan. Lời thuật của Jumilla chứng tỏ phản ứng về phe Chúa ở địa phương hầu như không có. Về việc đánh phủ Quy Nhơn [64], tuy ta không nhận thuyết Nguyễn Nhạc chui vào cũi giả bị bắt vì địa vị chủ tướng không cho phép chính ông làm như vậy, nhưng ta không thể bài bác hẳn câu chuyện [65]. Có thể đó là một mưu để làm kế nội công, ngoại kích và kẻ ngồi trong cũi tuy không là Nhạc vẫn có thể xưng là Nhạc để được lọt vào vòng thành gần dinh Trấn thủ hơn. Dân bạo động vẫn có nhiều kế hoạch liêu lĩnh ta không thể ngờ được.

Chiếm được hai kho lương ở Càn Dương và Nước Ngọt xong, đến tháng 10-1773, họ ra Quảng Ngãi thắng thêm một trận. Nhưng lần này họ gặp phản ứng của triều Chúa. “Chúa sai các Phò mã Nguyễn Cửu Thống, Nguyễn Cửu Sách, Cai đội Phan Tấn, Nguyễn Vệ, Tổng nhung Tống Sùng, Tán lý Đỗ Văn Hoảng đánh chằng lại. Sùng, Hoảng phải chết trận”[66]. Linh mục Jumilla cho biết rõ chi tiết hơn. Quân hai bên gặp nhau ở Bến Đá sau lễ Các thánh (1-11). “Bọn phản loạn có 3 đạo quân, hai bên là cánh quân Trung Hoa và người Thượng, giữa là người Việt ... Buổi chiều ngày thứ ba, quân Trung Hoa ở cánh phải giết được viên quan dũng mãnh nhất của binh triều là Ou doi be” [67]. Họ toàn thắng và tiến vào Quảng Ngãi. Linh mục còn cho biết có một đạo thủy binh của quân triều đi đường bể bị bão đắm, chỉ còn thoát có một thuyền do một quan Công giáo điều khiển.

Trận thất bại này gây ra một sự rối loạn ở triều Chúa. Các quan đổ tội lẫn cho nhau thông đồng với Tây Sơn. Cuối cùng, Trương Phúc Loan thắng thế và Chương cơ Tôn Thất Văn phải dìm nước chết ở biển Tam Giang [68].

Hạ tuần tháng 12-1773 quân hai bên gặp nhau ở Bến Ván, “gần Tiên Đoả” [69]. Đội quân hùng mạnh của Chúa từ Hội An [70] gồm độ 5.000 người và cầm đầu là một viên quan dũng mãnh nhất trong tỉnh. Có thể đó là Nguyễn Cửu Dật mà Thực lục tiền biên thường ghi nhận chiến công. Jumilla đã kể một cách tỉ mỉ với ngày tháng xác thực trận đánh này. Hai bên giáp trận ngày 22-12. Binh triều qua 2 ngày chiếm hai lũy. Cánh quân Thượng của Tây Sơn ghi một thắng lợi nhỏ, đuổi viên tướng triều chạy cùng với voi trận nhưng họ không tiến được hơn. Quân Tây Sơn cố thủ trong chiến lũy độc nhất vững nhất còn lại. Mười tám viên tướng Tây Sơn và quân họ chống với 3 cánh quán triều 3 mặt: dọc theo chân núi, dọc theo quan lộ và từ các thuyền chiến dưới biển bắn lên. Thủy quân bắn chết được một viên tướng dũng mãnh của Tây Sơn với 2 tên quân. Sáng 27 quân triều toàn thắng tiến vào lũy với một lính chết và hai bị thương.

Lời thuật chuyện cho ta thấy một điều quan trọng: quân triều uy hiếp được Tây Sơn nhờ có súng lớn. Lúc bấy giờ không có những cỗ đại bác lưu động trên đất (Nguyễn Ánh sẽ du nhập kỹ thuật này làm rồi Tây Sơn). Các súng lớn gắn trên thuyền chiến và di động nhờ các thuyền đổi chỗ. Nhờ ưu thế đó, quân triều có thể tấn công từ xa, lưu động, khiến địch quân hoảng hốt, tan rã mau.

Tây Sơn thua phải rút về Quy Nhơn. Nhưng trong chuyến vờn ra Quảng Nam này họ đã ghi nhận một thắng lợi thu phục nhân tâm nữa. Người ta thuật cho L.M. Jumilla nghe rằng trong lúc đi đường gặp một người Thiên Chúa giáo phải mang vòng sắt nơi cổ [71], họ rút ra ném xuống đất. Dù mấy năm sau (1778), J. Liot có gặp một người cô (dì) của chúa Tây Sơn mộ đạo đi nữa [72], ta cũng không thể cho đó là một hành động sùng kính. Cử chỉ của tên quân rõ ra là của một kẻ chống đối muốn xoá bỏ những quy chế đang lưu hành, thế thôi. Tuy rằng lần sau ra đóng ở nhà thờ Tiên Đoá, tướng Tây Sơn (Nguyễn Nhạc ?) đã tỏ thái độ thân thiện với đạo giáo, đó cũng vẫn không phải là thái độ của một con chiên mà là của một tay chính trị. Họ lại thăm L.M, xin thuốc men và cho phép giảng đạo công khai, xây nhà thờ, cho 13 người lính gác bảo vệ. Họ lại đòi L.M tới Dinh nói rõ nguyên cớ nổi dậy của họ và cho biết mục đích của họ là thay đổi chúa Nguyễn và chính quyền. Tuy L.M đã dè dặt trả lời rằng ông không muốn “can dự vào việc chính trị” nhưng há rằng trước đó (thư 15-2-1774), ông đã không nhận xét rằng chính quyền “xấu xa” và cho rằng “giờ phán xét của Thượng đế đã điểm đối với chúa Nguyễn và bày tôi” đó ư? Tất đã có những phản ứng của giáo dân hòa theo Tây Sơn khiến chúa Nguyễn phải cho ra một sắc luật ân xá ngày 12 tháng 3 Giáp Ngọ (22-4-1774) [73].

Tuy nhiên sau trận Bến Ván, Tây Sơn phải lúng túng. Tháng giêng Giáp Ngọ (1774), quân triều mặt bắc đánh thốc vào Quy Nhơn. Ngay trong sào huyệt của mình, Tây Sơn có thể dễ phản công dữ dội. Tập Đình, Lý Tài phục kích quân triều ở núi Bích Khê vào lúc khoảng 9 giờ tối, làm rối loạn 40 voi địch và đến sáng hôm sau thì đuổi kịp Tiết chế Tôn Thất Hương đâm

chết. Cậu bé Tôn Thất Thăng (12 tuổi) trên đường tiếp chiến, hoảng sợ bỏ quân chạy suốt đêm. Chỉ trong 7 ngày, quân Tây Sơn chiếm lại Quảng Nam và cả tỉnh thành.

Họ ở đây trong 2 tháng chống với Tôn Thất Nghiêm. Nghiêm bị đòi về chống Trịnh để Nguyễn Cửu Dật ở lại làm Tả quân Đại đô đốc đánh Tây Sơn 10 trận lui về Bến Ván. Họ có đủ thì giờ vơ vét của cải, mang đi 45 con voi, khí giới trong đó có 82 khẩu đại bác mà người Anh và người Hoà cho (?) chúa Nguyễn để giữ thành [74].

Việc rút lui này có thể còn do sự hiện diện của 2 chiếc tàu Ma cao vừa đến ở đây. Cho nên, với sự trực tiếp can thiệp của chiếc tàu Diligent bênh chúa Nguyễn, họ đã không ngần ngại phá Hội An, vừa để cướp tiền bạc, vừa để trả thù. Bốn năm sau, Chapman ghé đến còn trông thấy cảnh điêu tàn của một nơi mà ngày trước “hàng trăm thuyền bè từ các cửa biển Trung Hoa và Nhật Bản đến mua đường, quế, hồ tiêu, kỳ nam ... ” [75]. Hành động phá phách trong chiến tranh này tất không sao tránh khỏi nhưng cũng đủ làm xa lánh các khách thương mà sau này Tây Sơn cố tìm cách vờ đến vì thấy cần thiết, nhưng họ không hoàn toàn đạt được ý muốn.

Còn đương chống nhau với Nguyễn Cửu Dật ở Quảng Nam thì Tây Sơn lại gặp phản ứng của Gia Định: mùa hạ Giáp Ngọ (1774), viên Điều khiển ở đó là Nguyễn Cửu Đàm sai Lưu thủ Long Hồ là Tống Phúc Hợp ra đánh Bình Thuận, Diên Khánh, Bình Khang, vượt vịnh Hòn Khói lăm le chiếm Phú Yên. [76]. Nhưng Tây Sơn lúng túng thì Duệ Tông cũng bối rối không kém vì quân Trịnh đã kéo vào.

Cái hận không đánh chiếm được Thuận Hoá vẫn canh cánh bên lòng các chúa Trịnh. Từ khi Trịnh Doanh chết đi, Trịnh Sâm lên nối ngôi (1767), tiếp tục đánh dẹp giặc giã còn lại trong nước: năm 1769 phá tan ổ giặc Hoàng Công Toán (con Hoàng Công Chất) ở Hưng Hoá; cùng năm, cứ điểm Trấn Ninh của Lê Duy Mật cũng bị phá vỡ. Đám quân binh đang hăng sức thì xảy ra việc Nam Hà. Chính viên Trấn thủ Nghệ An Bùi Thế Đạt vừa

dự vào trận Trấn Ninh đã phi báo cho chúa Trịnh rõ. Đồng thời nguồn tin loạn Tây Sơn và việc Trương Phúc Loan chuyên quyền gây rối cũng được chính các nạn nhân của Loan, con Tôn Thất Duệ, Tôn Thất Văn chạy ra Thăng Long báo cáo tỏ tường ... Hết sức [77]dè dặt, Trịnh Sâm cũng phái vào Nam một đạo quân lớn do Quận Việp Hoàng Ngũ phúc cầm đầu với các danh tướng của Trịnh còn giữ những vai trò quan trọng sau này: Phó tướng Bùi Thế Đạt, Thuộc tướng Hoàng Phùng Cơ, Hoàng Đình Thế, Hoàng Đình Bảo [78].

Đến Hà Trung, Phúc khôn ngoan nghe theo lời dặn của Trịnh Sâm biên thư cho Nam Hà mượn tiếng dẹp giặc. Đi sâu vào cương giới, ông cũng áp dụng chính sách chia rẽ đó: một bài hịch dài kể tội Trương Phúc Loan được ban bố ra [79]. Thực ra, Hoàng Ngũ Phúc chỉ xô một bức tường đã hư nát rồi. Nam Hà không còn có được ý chí đoàn kết của trăm năm về trước nữa. Mầm mống rối loạn bên trong đã làm cho lòng người phân tán. Cho nên, phản bội cứ tiếp theo phản bội mà làm chúa Nguyễn thua mất.

Quân mới đến bắc Bố Chính đã có một Tri phủ tên Trần Giai đầu Trịnh xin làm hướng đạo. Ở Đăng Xương (Quảng Trị), một thư sinh làm thơ xin yết kiến Hoàng Ngũ Phúc chỉ vẽ sở trường, sở đoản của quân Nguyễn để Trịnh quân liệu mà chế ngự. Phản bội khoác hình thức hèn hạ hơn như ở trường hợp hàng tướng Kiêm Long. Ông này xúi Quận Việp tiến quân bằng một câu nói ý “Đường không đi không tới, chuông không đánh không kêu”. Lòng người đã như vậy thì thành lũy vững chắc mà làm gì? Còn đâu thời Trương Phúc Phấn chống giữ cho lũy Trường Dục? Cho nên, ở Trấn Ninh, Hoàng Đình Thế được các biên tướng giữ thành làm nội ứng mở cửa cho quân Trịnh tràn vào.

Tình hình lúc bấy giờ ở Quảng Nam hết đến nỗi Duệ Tông phải rút Tôn Thất Nghiêm về. Tôn Thất Thiệp, Cai đội Thuộc nội Đặng phải đem cả quân Cẩm vệ ra chống giữ Kinh thành. Quân thế thật là yếu cho nên trước đó, Trương Phúc Loan đã bị các đại thần họp lại bắt đưa cho Hoàng Ngũ

Phúc, hy vọng quân Trịnh giữ lời tuyên bố trong bài hịch ở Hồ Xá mà đừng tiến quân [80], nhưng không ngăn họ nài cơ khác là vào giúp đánh Tây Sơn. Thành Phú Xuân bị vây ngày 28 Tết. Ất Mùi (30-1-1775), Duệ Tông phải dẫn quan binh, gia quyến với cả cậu bé Nguyễn Phúc Ánh, nường đêm tối ra đi theo cửa Tư Dung vào Quảng Nam, bỏ lại cả một kho tàng làm cho Trịnh Sâm thêm kiêu hãnh [81].

Mất Trương Phúc Loan, không phải họ Nguyễn được củng cố lại quân thế. Có thể Duệ Tông không ưa gì Loan, nhưng suốt 10 năm, ngôi vị của Nguyễn Phúc Thuần đã gắn liền với quan Quốc phó. Nay mất Loan, những khuynh hướng chống đối có thể để ép Duệ Tông phải chịu nhượng bộ trên đường lưu vong. Cho nên, ở Quảng Nam, Hoàng tôn Dương được tôn làm Đông cung coi giữ tỉnh này.

Nhưng Chúa phong Thế tử cho Dương thì Tây Sơn cũng đòi Dương. Thêm nữa, họ lại ở vào thế mạnh. Để cụ thể hoá đòi hỏi, họ tiến quân theo 2 đường đánh ép lại: Tập Đình, Lý Tài lên cửa biển Hợp Hoà, Nguyễn Nhạc đem bộ binh từ sông Thu Bồn đổ xuống, xua Nguyễn Cửu Dật về Trà Sơn (bán đảo Sơn Trà) [82]. Dương chạy về Cầu Đê, Chúa chạy về Liên Chử. Địa vị Duệ Tông càng bị đe dọa nặng. Ông phải tìm nơi nương tựa, tránh nguy hiểm, một nơi hy vọng còn người trung thành với danh hiệu Chúa vì ở xa địch và cách biệt với những điều tiếng không hay về sự tranh chấp trong Hoàng gia: đất Gia Định. Ngày 12 tháng 2 Ất Mùi (1775), Chúa xuống thuyền [83]. Và vẫn có cậu bé Nguyễn Phúc Ánh đi theo.

Bị Duệ Tông bỏ rơi, Đông cung Dương dễ dàng cho Tây Sơn thuận tiếng chiếm đoạt hơn. Họ tổ chức hai đạo quân rầm rộ đi “rước” ông về được Hội An sau khi phá tan một âm mưu phản bội trong hàng ngũ họ [84]. Biến chuyển này thực là quan trọng trong tấn tuồng lịch sử đang diễn ra. Các vai trò sắp phải đối bộ mặt, tuy người ta vẫn thấy nguyên vẹn các phe phái: Tây Sơn núp bóng sau Đông cung, Duệ Tông đã cao bay xa chạy, và quân Trịnh lăm le tiến vào.

Bây giờ Trịnh đối đầu với Tây Sơn. Cũng như lần mới gặp quân Nguyễn, Nhạc thua to một trận ở Cẩm Sa, phải rút về Bến Ván và đem Đông cung về giấu ở Hà Riêu, An Thái rồi ở Bông Giang. Đối với quân Tổng Phúc Hợp chực tiến ra, Nhạc dùng Đông cung diễn tấn tuồng tôn phò [85] để đánh lừa Hợp không phòng bị cho Nguyễn Huệ đánh trận thắng chớp nhoáng bất ngờ đầu tiên trong đời viên tướng tài ba chuyên yểm kích này (tháng 7 Ất Mùi 1775) [86].

Nhưng có Đông cung để lợi dụng, Tây Sơn cũng gặp phải trở ngại trong nội bộ họ. Đã nói trong buổi đầu dấy loạn, với chiêu bài tôn phò Dương, họ tập trung thêm dưới trướng những người chỉ có mục đích tôn phò, điển hình là Châu Văn Tiếp. Nhưng đâu phải Nhạc ngây ngốc dọn cỗ sẵn cho người ăn như vậy. Cho nên ý mượn cờ tôn phò để xây dựng sự nghiệp riêng phải tỏ rõ ra một khi Tây Sơn có Dương trong tay, nếu Nhạc không muốn đổ vỡ bao nhiêu dự tính của mình. Trong số những người hợp tác nhân dịp này biết rõ điều đó để chống đối lại với ông, quan trọng hơn cả tất là Châu Văn Tiếp [87]. Người thứ hai cũng quan trọng là Lý Tài. Nguyên nhân phản bội tuy không cùng là một với Tiếp, nhưng cũng do ảnh hưởng gián tiếp của việc bắt Đông cung Dương: ở Hội An, Tập Đình muốn giết Dương, Lý Tài phải can gián mãi mới thôi. Cảm tình giữa hai người nảy sinh từ đó, và một khi chống đối với Nguyễn Nhạc, Lý Tài sẽ gắn bó với Dương.

Các hành vi chống đối, bội phản này rất quan trọng trong việc làm yếu sức Tây Sơn và tiếp sức cho nhà Nguyễn hấp hối dài hơi hơn. Ta biết đám quan binh nhà Nguyễn, trừ một vài người, không có đủ gan dạ, cơ trí để đánh giặc: đã có nhiều chứng dẫn trước rồi, hãy kể thêm một Tổng Phúc Hợp già cỗi, do dự, chần một năm trời mà không thống lĩnh Ngũ dinh qua được Phú Yên. Gan dạ, liều lĩnh dứt khoát để lấp đầy thiếu sót về số đông, về kỹ thuật, những cái đó trong buổi đầu này phải được huấn luyện từ trong lò lửa Tây Sơn. Cho nên, những hàng tướng Tây Sơn thực là của quý cho nhà Nguyễn. Hậu quả gián tiếp cho việc Lý Tài về với Gia Định là sự hợp tác của những người Trung Hoa ở đây và cùng với việc Nguyễn Nhạc đuổi Tập

Đình sau trận Cầm Sa, có lẽ đám di dân Trung Hoa ở Quy Nhơn đã mất sáng kiến mà trở thành thụ động. Ảnh hưởng trực tiếp là việc suy yếu nhà Tây Sơn trong khoảnh khắc: Tây Sơn mất một nửa số lượng chiến thuyền trong khi lực lượng thuỷ quân là lực lượng làm cho họ tự tin nhất [88] vì lực lượng cốt cán đó giúp họ đổ bộ được vào Gia Định.

Nhưng dù sao thì vượt qua được những chống đối gây nên vì chuyện Dương, Tây Sơn cũng chính thức bước vào lúc hành động như một lực lượng độc lập với chính quyền cũ, không nhờ vả gì hết, cho dù chỉ là một chút tiếng tăm. Họ đem Đông cung an trí ở Thập Tháp để tự lập chúa mới (tháng 3 Bính Thân 1776). Với Trịnh, họ khôn khéo xin đầu hàng. Có những khó khăn trong tình hình quân chính ở Thuận Hoá (đói kém, dịch tễ, sức chống đối của cựu thần Nguyễn), có những cản trở về mặt tâm lý (Trịnh vẫn coi đất mới khai phá của chúa Nguyễn như không phải của họ, họ chỉ bận tâm trong toan tính “đồng hoá” [89] vùng Thuận Quảng cũ vừa chiếm lại được thôi), khiến Hoàng Ngũ Phúc phải chấp nhận cuộc hàng đầu. Tây Sơn đóng vai trò “tướng Trịnh” khôn ngoan như họ đã tôn phò Dương: mỗi một công trận họ đều báo cáo với Hoàng Ngũ Phúc. Cho nên sau trận Phú Yên, Phúc bấy giờ ở Châu Ổ (Quảng Ngãi) bèn phong cho Nguyễn Huệ chức Tây Sơn Hiệu Tiền phong Tướng quân [90].

Thế quân bình Tây Sơn - Trịnh cũng tạm thời vững nhờ tình hình kinh tế hai vùng được nhà cầm quyền Tây Sơn khai thác mỗi tương quan có lợi cho phe họ.

Trong chiến tranh, phần lớn vùng của họ chỉ chịu một vài trận rồi tránh khỏi sự giày xéo qua lại trong các cuộc tiến quân. Cho nên không lấy làm lạ rằng hai năm sau, Chapman đến vùng Quy Nhơn thấy “bờ biển nhiều chỗ trồng trọt kỹ lưỡng ... các vùng thấp trồng lúa và những cây tiêu trùm lên các đồi đến tận đỉnh”. Trên đường đi cáng lên thành Chà Bàn, ông cũng thấy vào trong một thung lũng trồng trọt kỹ lưỡng và ruộng lúa được cấy ngay trong thành [91]. Tiềm lực Tây Sơn được vững vàng còn nhờ số vàng

bạc, khí giới họ cướp được ở các cuộc công phá tỉnh thành, hoặc nơi họ Nguyễn, hoặc nơi dân chúng, nhất là của cải thuyền bè của đám thương nhân Trung Hoa [92]. Chính sách chia của thô sơ buổi đầu khiến dân chúng nghèo khổ không lâm vào tình trạng đói khát. Lại quá khứ “dân đen” của những người cầm đầu còn gần quá nên họ sống rất giản dị, ít hao tổn. Chapman nhận xét rằng triều đình Tây Sơn thiếu cái huy hoàng, tráng lệ như của các ông Hoàng Đông phương, nhưng có tính cách sắp đặt, cẩn thận làm người ta có cảm giác đứng trước một vị chúa tể dững mãnh. Đám quân hầu của một vị phò mã Tây Sơn có dáng kỷ luật, mạnh bạo. Đám quân lính dưới quyền gập gù mặc nấy. Hiệu suất khả năng kinh tế do đó tăng lên. Cộng với khả năng của đám người cầm đầu, lòng hăng hái của binh sĩ, Tây Sơn quả có đủ điều kiện chủ quan làm e dè Hoàng Ngũ Phúc ở chính sào huyệt của họ.

Quân Trịnh ở Thuận Hoá, Nam, Ngãi có cả sự ủng hộ của Bắc Hà. Nhưng họ cũng vấp phải những khó khăn như tổ tiên họ đã gặp. Trịnh Sâm đã cẩn thận lập ra cả một tổ chức chuyên vận quân hướng từ Sơn Nam tới Đồng Hới [93]. Nhưng ngay từ đầu năm đó (tháng 2 Giáp Ngọ) Nghệ An đã gặp đói, dân chết [94]. Rồi khi tiến sâu vào Nam Hà thì quân Trịnh gặp thêm khó khăn, lần này cực kỳ nghiêm trọng: chiến tranh lôi kéo toán quân qua lại tàn phá, Quảng Nam, Thuận Hoá đã gặp một trận đói kinh khủng trong lịch sử.

Đói từ tháng 10 Giáp Ngọ (1774) [95]. Ở cửa Hàn (Tourane) không còn một con heo, con gà, con vịt. Đường cát trước kia sản xuất thật nhiều, nay biến mất. Tiền sụt giá: một quan còn giá trị độ một đồng tiền. Đó là tình trạng giữa năm 1775 [96]. Đã có người đàn bà ở giáo khu Bau nghe (?) ăn thịt con [97]. Tình trạng nguy hại hơn là thêm vào với việt mất nhân công, người ta không còn hạt giống để gieo mùa sau [98]. Cho nên đói khổ không chừa đến cả đám quan quyền, tôn thất: các phu nhân phải đi ăn xin. Giáo sĩ Labartette vào một chủ nhật, ngạc nhiên thấy một người cháu vua dặt con trai, cả hai đều rách rưới, đến ăn mỳ ông [99]. Cả bản Hoài nam khúc

thảm thương là tiếng kêu than của đám quan quyền họ Nguyễn mất tước lộc, chịu đựng kiếp sống của kẻ chờ tiếng “ta lai” (lại đây: tiếng gọi người ăn mày), van vỉ miếng ăn, rên siết đói lạnh.

Có thể nào mà quân Trịnh còn tinh thần chiến đấu vững chắc lúc ban đầu ở một nơi xa lạ đầy chết chóc, gớm ghiếc như vậy? Thêm nữa, chết chóc vì đói khổ dẫn đến chết vì bệnh tật. Đến điều này thì quân Trịnh không còn hy vọng gì tránh khỏi. Họ chết quá nửa. Và chính Hoàng Ngũ Phúc trong chuyến kéo quân về Phú Xuân cũng phải bỏ mạng dọc đường (tháng 10 Ất Mùi, 1775) [100].

Thiên tai loại dùm cho Tây Sơn một kẻ địch. Họ Nguyễn ở phương Nam, trên một vùng phì nhiêu, tiếp xúc gần hơn với trào lưu giao thương quốc tế qua sự trung gian của đám Hoa kiều Minh dân lưu vong hay thương nhân, có tìm cách gì loại trừ được những mâu thuẫn nội bộ đem từ Phú Xuân vào, có biết cách khai thác những điều kiện có lợi cho mình để chống đối với Tây Sơn không?

Tiết 2

LỰC LƯỢNG NGOẠI QUỐC

Lưu ý đến lực lượng Tây phương vì tiến bộ kỹ thuật của họ * Các đế quốc thứ hạng * Các đế quốc hàng đầu: cuộc cạnh tranh Anh, Pháp * Những kẻ phiêu lưu.

Thật là một chuyện không cần phải bàn cãi khi ta nhận xét rằng những biến động trong một nước tất có những tương quan ảnh hưởng với các lân bang. Những phong trào độc lập thời Bắc thuộc phần lớn được thành công nhằm vào những giai đoạn Trung Hoa gặp rối loạn, qua phân. Trái lại, những khi trong nước Việt có tranh giành ngôi báu, rối loạn thì quân Trung Hoa lại có cơ để đem đại binh sang. Cả một vùng Thuỷ Chân Lạp về tay chúa Nguyễn nhân dịp họ này nhìn về phương nam là do những tranh giành thế tập của

các triều vua Cao Miên làm suy yếu thực lực trong nước họ. Từ cuối thế kỷ XV, với những phát kiến về hàng hải, người Tây phương đem thuyền bè sang Á đông, mở rộng sự giao tiếp Đông - Tây thì các nước ở Á châu một khi có biến động lại thấy ngay sự can thiệp của người da trắng. Quần đảo Nam Dương là một thí dụ cụ thể. Nước Đại Việt trong những thế kỷ phân tranh Nam, Bắc, có ngăn chặn được sự quấy rối của các thương nhân Tây phương cũng nhờ nơi tổ chức chính trị chặt chẽ ở hai miền. Cuộc thử sức giữa thủy quân và Thế tử Nam Hà Nguyễn Phúc Tần với hạm đội Hoà Lan vào cuối năm Quý Mùi (1643) mà kết quả là chiến thắng về tay quân Nguyễn đã làm cho Công ty Đông Ấn Độ Hoà Lan (VOC) - nói rộng ra, các thương nhân Tây phương - chịu bằng lòng đến buôn bán dưới sự kiểm soát của các chính quyền hiện hữu.

Tình thế đã đổi khác khi thời gian trôi qua. Biển động Tây Sơn làm đảo lộn các trật tự cũ. Duệ Tông dắt Nguyễn Ánh và tiếp theo sau đó, Đông cung Dương chạy vào Đồng Nai. Họ Trịnh ở phương bắc bề ngoài có vẻ hùng mạnh nhưng bên trong cũng bị mục nát vì sự nhu nhược của đám sĩ phu cầm quyền trước thái độ khinh lờn của đám Kiêu binh Thanh Nghệ. Từ 1674, họ đã giết quan Tham tụng Nguyễn Quốc Trinh, phá nhà Phạm Công Trứ. Một lần nữa vào năm 1741 họ lại phá nhà và chức giết Tham tụng Nguyễn Quý Cảnh. Chỉ còn đợi Trịnh Sâm chết đi (1782) với rối loạn bỏ trưởng lập thứ là Kiêu binh có thể can thiệp vào việc vua chúa để rồi huênh hoang tuyên bố rằng “ngày nay, được có triều đình, khiến vua tôn ngôi yên mà hưởng phú quý đều là sức của chúng mình”. Họ đã đi đến tột đỉnh của quyền hành nhưng vì thiếu một lý tưởng, thiếu một người cầm đầu sắc sảo, chúng ta không gặp được ở Bắc Hà một chế độ quân chính mà chỉ một tình trạng ô hợp, hỗn loạn của Kiêu binh thôi.

Nhìn về phương bắc, bậc thầy của Đại Việt, cùng thời gian cũng đang ở trong tình trạng ruồng nát bên trong cái vỏ hào nhoáng của triều đại Càn Long (1736-1796) rực rỡ. Chiến thắng của quân Thanh ở Tân Cương (1755) mở rộng biên giới phía tây ngăn chặn tham vọng bá chủ của Nga

hoàng đồng loã với đế quốc Anh, nhưng tạo gánh nặng chiến phí gìn giữ quân đội thống trị. Ở nội địa, dân số vùn vụt tăng vượt xa số lượng đất đai khai khẩn không đủ cung ứng cho nhu cầu, tạo nên vấn đề cấp thiết và quan trọng nhất cho Trung Hoa mãi đến bây giờ. Giai cấp địa chủ bản xứ vốn đã hợp tác với quân Thanh, bây giờ lại hưởng thụ thêm mỗi lợi đất đai tăng giá nên cố sức giữ cái đà tích lũy bằng cách ngăn chặn công thương nghiệp không cho phát triển mạnh. Mâu thuẫn xã hội gặp dịp bùng dậy đồng loạt với mâu thuẫn mang hình thức quốc gia chủ nghĩa. Loạn nổi lên ở Sơn Đông năm 1774, năm sau Bạch Liên giáo phất cờ phản Thanh phục Minh ở Hà Nam, rồi An Huy. Đàn áp của chính quyền thật tàn nhẫn trên 6 tỉnh có nhiều tín đồ và cuộc loạn hao của tổn người dữ dội nhất từ 1793 đến 1802 mới chấm dứt.

Tình hình đáng chú ý hơn là trong khi Nam Bắc Hà, Trung Hoa ở các tình trạng rối ren, ngưng trệ kinh tế, kỹ thuật thì Tây phương bắt đầu những tiến bộ kỹ thuật từ thế kỷ XV, càng ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Xét lịch sử u châu, sử gia Tây phương nhận thấy từ năm 1640, trái với tình trạng ngưng trệ trước đó, là bắt đầu cho một giai đoạn thịnh vượng về kinh tế. Sự tiến triển của hạ tầng cơ sở cứ biến đổi dần, ngấm ngấm mà chắc chắn suốt tiền bán thế kỷ XVIII.

Đầu tiên là sự phát triển dân số. Thuyết Malthus(1766-1834) là ý thức của u châu hoảng hốt lên vì sự gia tăng đó. Các tay lãnh đạo, trí thức ưu tú là những người trẻ tuổi. Thế kỷ XVIII là “thế kỷ của tuổi trẻ u châu”. Gia tăng dân số gây nên sự nghèo đói cho đám bần cùng khiến họ phải ra tỉnh, đi ra nước ngoài. Dòng xuất cư phiêu lưu tìm sang giàu khích động ở các thế kỷ trước vì vàng bạc của Mỹ châu, vì các chuyện kỳ lạ của Marco Polo đưa về, đến bây giờ vì biến đổi đã kể vẫn tồn tại với những người bỏ xứ mà đi.

Đáng kể là những người u châu ra ngoài nước - buôn bán, truyền đạo, phiêu lưu - hưởng được cả những thành quả về tiến triển kỹ thuật xảy ra trên đất nước họ. Thế kỷ XVIII ở u châu thấy xuất hiện những khoa học thuần túy

đồng loạt và có tương quan với những phát triển kỹ thuật trong các ngành dệt, máy hơi nước, chế tạo kim khí, nhất là ở Anh.

Tất nhiên, những tiến bộ này giúp ích cho sự phát triển lực lượng quân sự mà u châu tăng tiến từ khi biết dùng thuốc súng của người Trung Hoa qua dân Ả Rập. Nếu trước kia Alexandre de Rhodes ngấm chiếc thuyền Nam chinh của chúa Trịnh mà không thấy chiếc thuyền Hoà Lan nào dài bằng, thì đến thế kỷ này tình thế đã đảo ngược. Chưa nói đến dự trù can thiệp của Pigneau de Béhaine dựa trên sự kiêu hãnh về ưu thế quân sự của Tây phương, Chapman trong chuyến đi dò xét Nam Hà năm 1778 theo lệnh của Toàn quyền Anh ở Ấn Độ cũng có cảm tưởng tương tự.

Nhận xét về thực lực Tây Sơn, ông ghi: “Các đạo quân của Nhạc ít đáng kể, giá trị quân sự kém lắm và tôi có thể nói chắc chắn rằng độ 100 người có kỷ luật sẽ đánh lui toàn bộ quân đội của ông ta. Thủy quân của ông gồm có vài chiếc thuyền chiến và 3 hay 4 ghe chài lấy của người Trung Hoa ... ” Có thể là còn một số quân rải rác các nơi, đi theo Nguyễn Huệ, nhưng riêng chính Nguyễn Nhạc cũng nhận thấy được ưu thế kỹ thuật Tây phương. Chính ông đã hỏi Chapman xem thử ông này có thể dùng các tàu dưới quyền để giúp ông được không? Với các điều kiện nào? Nhạc muốn có các cố vấn Anh, muốn có các tàu chiến Anh phụ giúp để thực hiện mộng khuất phục nước Cao Miên, toàn thể bán đảo đến tận Xiêm và các tỉnh Nam Hà phía bắc còn ở trong tay quân Bắc Hà. Đánh đổi lấy sự trợ giúp đó, Tây Sơn có thể nhường đất cho Anh quốc lập thương điểm.

Rồi không phải chỉ ở lãnh địa Tây Sơn Chapman mới gặp sự nài ép giúp đỡ quân sự đó. Ông đến Phú Xuân vùng chiếm đóng của Trịnh, một viên quan Bắc Hà đón tiếp ông cũng ló bộ mặt phản đối chính quyền và mong ông giúp một tay [101]. Tất cả minh chứng rằng mọi người thời bấy giờ đều biết đến sự hùng mạnh của Tây phương, cho dù chỉ mới biết qua các đội thương thuyền lẻ tẻ. Nhưng tương quan lực lượng của các quốc gia Tây

phương có mặt ở Á châu vào hậu bán thế kỷ XVIII không giống như ở các thế kỷ trước. Những biến chuyển ở u châu đã gây nên sự thay đổi đó.

Người Bồ Đào Nha từ thế kỷ XIV đã tranh chiếm được nền độc lập trong tay dân Hồi giáo rồi dùng đám quân binh phong kiến thất nghiệp vào trong công việc tìm kiếm đất mới. Họ dùng võ lực giành giật độc quyền bán hương liệu Á đông trong tay người Ả Rập. Đế quốc của họ là một chuỗi những thương điểm gần bờ biển, có vũ trang. Kinh đô của đế quốc đó là Goa trên bờ biển phía tây Ấn Độ.

Nhưng từ 1580 nước họ sáp nhập vào Tây Ban Nha dưới quyền của Philippe II. Đế quốc họ tan rã dần vì sự tranh chiếm của người Hoà Lan. Đến thế kỷ XVII, khi họ giành được tự trị thì Ấn Độ đã mất. Chút quyền bảo trợ Gia tô giáo mà họ đã hưởng được của các Giáo hoàng về các vùng Đông của đường ranh giới ấn định bởi các hiệp ước Tordesillas 1499 rồi cũng sẽ bị sự cạnh tranh của các nước, nhất là nước Pháp với hội Truyền giáo, mà yếu dần đi và mất hẳn.

Tuy vậy khi xảy ra rối loạn ở Đại Việt, họ cũng muốn can thiệp vào. Có hai chiếc tàu Bồ ở Đà Nẵng vào dịp Tây Sơn ra Quảng Nam. Họ từ Macao tới. Macao là một nhượng địa mà người Bồ đã đem tiền lo lót đám quan lại Trung Hoa để lập nên thương điểm. Vào cuối thế kỷ XVIII, chính quyền ở đây dưới tay một viên quan cai trị do Lisbonne đề cử, đại diện cho vị Phó vương thành Goa với một Biện lý, một uỷ viên, hai thẩm phán và nhiều vị cố vấn [102]. Nhưng lực lượng quân sự của Bồ ở một nơi rất gần Đại Việt này thực không đáng kể. Pigneau nói một cách mỉa mai về việc có ý định cầu viện một nơi như Macao, không có lấy một tên quân [103]. Viên biện của Phái đoàn Truyền giáo ở Macao thời đó là Letondal thì ghi rõ hơn: “Có độ 4 - 50 tên Cipaye hay mọi da đen không được huấn luyện kỹ càng và ăn mặc lôi thôi” [104].

Đế quốc Tây Ban Nha, vì hiệp ước Tordesillas, dồn toàn lực ở Mỹ châu thu nhật bạc vàng và truyền giáo. Nhờ chuyến viễn du của Magellan (1519-21),

họ chiếm được Phi luật tân, biến đất này thành đất của Chúa, sung túc nhờ việc giao thương Á - Mỹ châu (qua Mễ tây cơ) bằng các thuyền galion. Họ cũng có quyền lợi tôn giáo ở Đại Việt. Các nhà tu hành khất (Franciscains) ở đây thường liên lạc với Manille. Họ có mặt trong vụ giúp đỡ Duệ Tông rồi Nguyễn Phúc Ánh. Quyền lợi tôn giáo lẫn lộn với quyền lợi quốc gia thường gây nên sự xung đột giữa người Tây Ban Nha và người Pháp [105].

Trong khi đó, người Hoà Lan mà tiếng tăm của họ ngày trước làm cho người Việt gán danh từ Hoà Lan đạo cho Gia tô giáo lại không có hành động nào đáng kể ở bán đảo này. Công ty Đông Ấn Độ của họ (VOC) thất bại ở Nam Hà, Đài Loan bèn dồn trở về quần đảo Nam Dương lo khai thác nhân vật tài lực ở đây. Vào hậu bán thế kỷ XVIII, họ bị người Anh cạnh tranh ráo riết: hiệp ước Breda 1763 cho họ toàn quyền ở Nam Dương, nhưng hiệp ước 1784 mở rộng vùng biển này cho các tàu Anh vào giao thương.

Biến chuyển xảy ra bất lợi cho các đế quốc già cỗi như vậy vì trong thế kỷ XVII, XVIII nước Anh đã phát triển mạnh về kinh tế để nắm quyền trên biển cả. Cạnh tranh với người Anh nhờ sự hùng mạnh của thời đại Louis XIV, người Pháp cũng phát triển ở Ấn Độ. Một tay phiêu lưu, François Martin, xây dựng nên thành phố Pondichéry. Dupleix (1697-1763) có tham vọng muốn thành lập một đế quốc Pháp ở Ấn Độ nên mở rộng đất chiếm được về phía nội địa rồi gặp phải tham vọng của người Anh ngăn cản lại. Từ trận Chiến tranh Kế vị ở nước Áo (1740-1748) đến trận Chiến tranh Bảy năm (1756-1763), Anh - Pháp xung đột nhau ở u châu rồi mở rộng chiến tuyến đến tận các thuộc địa. Karikal bị chiếm 4-1760, Pondichéry đầu 1761 rồi tiếp theo, Mahé, Nelisseram trên bờ biển Malabar lần lượt lọt vào tay quân Anh vì lỗi lầm nghiêm trọng của Lally Tollendal. Kết quả Trận chiến Bảy năm là người Pháp còn có 5 thành phố: Karikal, Pondichéry, Chandernagor, Mahé, Yanaon. Rồi vì Chiến tranh giành độc lập Hoa Kỳ, xung đột Anh - Pháp tái phát. Chandernagor (7-1778), Karikal (8-1778),

Pondichéry (10-1778), Mahé (3-1779) phải bị quân Anh chiếm đóng lần nữa và chỉ giao hoàn người Pháp sau hoà ước Versailles 1783.

Cuộc xung đột ở thuộc địa thực ra có tính cách vì quyền lợi các thương nhân, “chiến tranh các tay buôn”, như Voltaire đã nhận định. Kết quả là ở thuộc địa, nói riêng ở Ấn Độ, người Pháp bị thua thiệt, mất đất, hết tiền. Sau 1763, người Anh làm chủ nền thương mại nội địa, nắm trong tay các thợ dệt Ấn, điều khiển các ông Hoàng Ấn (nabab), xúi họ cản trở người Pháp. Ở Bengale, các giấy thông hành Pháp không có giá trị gì, tàu họ bị đóng thuế 2 lần, bị lục lọi, soát xét, ngăn cấm chở vàng bạc xuôi sông Gange (chỉ thị của W. Hastings 1769). Trước tình trạng đó, Bộ trưởng Necker phải giải tán Công ty Đông Ấn Độ và để cho các thương nhân được tự do buôn bán riêng rẽ (nghị định 13-8-1770).

Xung đột Anh - Pháp nghiêng thất lợi về phía người Pháp đã khiến cho họ phải tìm cách hướng về nơi khác Ấn Độ để vừa trả thù, vừa tìm lại thế làm quân bình lực lượng ở hải ngoại.

Ngày trước kia, P. Poivre đã chú ý tới vị trí địa lý thuận tiện của đất Nam Hà đối với việc buôn bán của người Pháp. Chiến tranh càng làm tỏ rõ giá trị ý kiến ấy ra. Trong những văn kiện bí mật, người Pháp đã nhận xét: “Hình như chỉ có xứ Nam Hà là đã tránh khỏi sự chú ý của người Anh, nhưng làm sao người ta có thể tin rằng họ sẽ không dòm ngó tới? Nếu họ quyết định ở đó trước ta thì mãi mãi ta sẽ bị loại trừ ở đấy, ta sẽ mất một điểm tựa quan trọng trong phần đất này của Á châu, phần đất làm cho chúng ta nắm quyền ngăn chặn người Anh buôn bán với người Trung Hoa khi có chiến tranh xảy ra, che chở việc thương mại của ta ở khắp nơi trên Ấn Độ và làm cho họ luôn luôn lo ngại” [106].

Tin tức về loạn Tây Sơn ở Nam Hà được truyền đi đến các thuộc địa Anh - Pháp ở Ấn Độ nhờ những chuyến tàu buôn Tây phương ghé Đà Nẵng. Ta đã nói đến hai chiếc tàu Macao. Vào khoảng tháng 9-1777, chiếc tàu Diligent ghé Đà Nẵng chở về Ấn Độ L.M Jean de Loureiro, y sĩ của chúa

Nguyễn, với hai vị quan đại thần xin đi nhờ vào Gia Định. Loureiro có vận động cầu cứu Tây phương giùm cho chúa Nguyễn. Thế là Anh - Pháp lại có đề tài để xung đột nữa. Warren Hastings, toàn quyền Anh, phái Chapman đi dò xét khoảng tháng 7-1778. Trước đó và cùng năm, viên tư lệnh thành Chandernagor, Chevalier, cũng đã thúc đẩy viên toàn quyền Pháp ở Pondichéry, De Bellecombe, nên nhân dịp này mà “hưng khởi uy thế và tăng tiến nền thương mại quốc gia”. Ông nhấn mạnh thêm rằng nếu không chịu làm trước người Anh, họ sẽ can thiệp vào và người Pháp “năm sau, sẽ đau đớn được tin rằng người Anh vừa có một thuộc địa mới nữa”[107].

Nhưng xung đột về Nam Hà không xảy ra giữa hai đế quốc. Chiến tranh Độc lập Hoa Kỳ (1775-1783) giải tỏa vấn đề Nam Hà. Hai chính quyền không lưu ý tới thì vấn đề bỏ lửng cho các sáng kiến cá nhân.

Từ trào lưu xuất cư vào cuối thế kỷ XV, các thương nhân Tây phương đã chứng tỏ tinh thần mạo hiểm phiêu lưu của họ. Chúng ta hãy nhận định ưu điểm của đám thương nhân nói chung về tinh thần mạo hiểm, sáng kiến un đúc thêm trong khi di chuyển so với đám người ở lì một chỗ, bảo thủ, kiến thức hẹp hòi, thiếu gan dạ. Hãy xét hành tung một Châu Văn Tiếp sau khi chống Tây Sơn, được triệu hồi về Gia Định đã lại ra Phú Yên chống đánh sát bên nách địch. Rồi khi Chúa chạy, quân tan, lần mò theo đường thượng đạo đi cầu viện, nhận được lời hứa, Tiếp lại theo đường rừng về tìm Chúa. Con người trung kiên đó đã từng đi buôn nguồn với chúa Tây Sơn là một ví dụ về tinh thần mạo hiểm của đám thương nhân.

Nhưng thương nhân Tây phương nhờ vào một phong trào rộng lớn hơn, đã có những hành động quấy rầy hơn. Chúng ta lưu ý đến một tác giả của hậu bán thế kỷ XIX, cũng là một tay phiêu lưu, ca tụng đám người tiên phong: “Vì một bao hạt tiêu, họ không ngần ngại cắt cổ nhau, từ chối sự cứu rỗi linh hồn, điều mà ở vào những lúc khác, họ đã tỏ ra rất bận tâm. Cái lối cứng đầu cứng cổ kỳ lạ trong khi theo đuổi ý muốn làm cho họ thách đố với chết chóc ở hàng ngàn hình thức: những rủi ro của biển cả xa lạ, các

bệnh kỳ dị và ghê tởm, thương tích, bắt bớ, đói rét, dịch tễ, tuyệt vọng. Điều đó làm cho họ trở nên to lớn, anh hùng, bi thống ngay cả trong những ham muốn buôn bán không thoả mãn của họ, trong khi cái chết lạnh lùng đến đem họ đi không chừa già trẻ. Hình như khó có thể tin rằng nội một lòng tham lam lại thúc đẩy những người ấy theo đuổi ý tưởng một cách liên tục, cố gắng và hy sinh một cách kiên trì như vậy ... Với chúng ta, những người kẻ tọc mà những thử thách như thế đã tránh khỏi, họ có vẻ sáng rực lên không phải vì những thành quả họ đã đạt được mà là vì chúng ta thấy ở họ những công cụ của định mệnh đã xô đẩy họ đi vào nơi vô định, tuân theo một tiếng nói bên trong, một khích động toàn thể để đi tìm một giấc mộng xa vời ... ”[108]

Riêng Đông Nam Á, điển hình cho đám người phiêu lưu này ở cuối thế kỷ XVII là Constantin Phaulkon đã làm cho Louis XIV tưởng thực hiện được tham vọng làm chủ một quốc gia: Xiêm La dưới triều Phra narai. Thế kỷ sau, thành công ở Ấn Độ của Dupleix (Pháp), Clive (Anh) về tiền bạc, danh vọng, gây nên sự thèm khát, ganh ghét ở các chính quốc. Vẻ huy hoàng rực rỡ của các triều đình Đông phương vẫn còn làm ngợp những tay phiêu lưu. Công ty Đông Ấn Độ Pháp suy sụp, Đế chính Pháp tan rã, các chức việc, võ quan thất nghiệp đua nhau đem kiến thức phục vụ các ông hoàng Ấn chống với người Anh. Trình độ kỹ thuật thu nhận ở quốc gia xuất phát, tinh thần gan dạ kèm với óc tổ chức khiến họ nổi bật lên giữa đám người họ phục vụ. Cho nên, không lấy làm lạ rằng những viên lính thủy đào ngũ của Pháp lại giữ những vai trò điều khiển quan trọng trong thủy quân Nguyễn Ánh sau này.

Hành động song song với đám người phiêu lưu vì tư lợi này còn có những kẻ được gọi là Lớp người Phiêu lưu của Chúa và của Lòng Bác ái, tức là các tu sĩ Thiên Chúa giáo. Họ đi truyền giáo với mục đích đem những người “ngoại đạo” trở về nước Chúa. Ta cũng thấy ở họ tinh thần mạo hiểm không sợ gian nguy. L.M. Laneau can dự vào vụ Phaulkon bị bắt giam ở Ayuthia đến tháng 4-1691 mới được thả. Trong tù, ông viết thư (6-1690)

cho Louis XIV: “Chúng tôi sẽ làm lại như cũ nếu phải bắt đầu làm lại ...”[109]

Nhưng đồng thời, các tu sĩ này cũng không thể nào tách rời quyền lợi đạo giáo với quyền lợi tổ quốc của họ. Viên Tư lệnh thành Chandernagor đã nói rõ ràng trong một bức thư gửi cho Toàn quyền Pondichéry (12-2-1778): “Tôi luôn luôn lấy làm lạ rằng tại sao ông Bộ trưởng không ra lệnh cho các tu sĩ ở các nơi liên lạc thư từ với các người cầm quyền để báo cáo cho họ biết về tình hình chánh trị những nơi họ ở, với các chi tiết về buôn bán mà ta có thể gây được ở nơi đó. Điều đó chắc chắn có ích cho quyền lợi chung hơn là vài tên tín đồ mà họ phải chăm sóc. Với lại làm cả hai việc không có gì là mâu thuẫn hết. Trong khi một người là L.M, họ không nên quên rằng tình trạng tiên khởi của họ là người của vua họ và phải chú trọng đến việc phục vụ cho vua trong mọi việc cần đến họ”. [110]

Không phải là chính quyền ép buộc, các tu sĩ cũng công nhận việc phục vụ cho vua họ như một bổn phận thiêng liêng. Laneau trong thư nói trên, không ân hận đã bị bắt, vì “điều đó có liên quan quá nhiều đến thanh danh của Hoàng thượng.”

Chính trong cái ý thức tâm lý chung đó của thời đại mà chúng ta thấy các giáo sĩ đều đồng loạt hành động như nhau. Không phục vụ cho vua họ ở chính quốc thì họ phục vụ cho vương quyền nơi họ trú ngụ, nhất là khi đường lối phục vụ này có hy vọng dẫn đến kết quả tốt đẹp cho sự phát triển Đạo. L.M Jumilla có lần chê trách vua tôi nhà Nguyễn mà cũng phải theo phản ứng tự nhiên cho Duệ Tông chui xuống gầm giường, thoát tay Tây Sơn Nguyễn Lữ[111]. Các L.M ở Đồng Nai cũng như ở Thuận Hoá đều gọi Tây Sơn là “bọn phản loạn” (les révoltés), gọi Nhạc, Huệ là “kẻ bạo chúa”, “kẻ thoán đoạt” (le tyran, l’usurpateur), bày tỏ trong các thư gửi đi tấm lòng hướng về cựu Nguyễn của họ. Chót hết là Bá-đa-lộc đã gạt bỏ bao lời mời gọi, dẫn dụ của Tây Sơn để hành động cương quyết trợ giúp Nguyễn Phúc Ánh. Cho nên, chính trong khung cảnh đó, có những tham vọng để

phục vụ cá nhân, quốc gia hay tôn giáo từ bên ngoài sẵn sàng nhảy vào can thiệp mà chiến tranh chấm dứt phân chia ở Đại Việt thấy thêm một yếu tố quyết định vậy.

Chương 2 - GIA ĐỊNH, ĐẤT TRANH CHIẾM QUYẾT LIỆT

Tiết 3

ĐẤT GIA ĐỊNH VÀ CHÚA TÔI NHÀ NGUYỄN

*Tình trạng khai thác và tiềm lực của Gia Định * Trịnh chúa từ bỏ ý định Nam xâm * Đông Sơn Đỗ Thanh Nhân và Tây Sơn Nguyễn Lữ (1776) * Nguyễn Huệ tiêu diệt họ Nguyễn (1777) * Nguyễn Phúc Ánh và một giai đoạn mới của lịch sử họ Nguyễn.

Đất Gia Định[112] mà chú cháu Nguyễn Phúc Ánh dặt dứ nhau vào hồi tháng 2 (Ất Mùi 1775) là nơi lập thành do công khai thác của hai nhóm người: đám Minh thần lưu vong nửa cướp, nửa quan và đám nông dân Việt nghèo khổ. Ở miền Đông, Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên khai phá đất đai và đáng chú ý hơn, họ mở mang thương cùc, làm giàu bằng cách mua bán với đủ các hạng người: Trung Hoa, Tây phương, Nhật Bản, Chà-và (Mã Lai)[113]. Về phía cực Tây, Cảng Khẩu[114] Hà Tiên của Mạc Cửu cũng thịnh vượng bằng những sòng bạc rút tiền của đám thương nhân và bọn lưu dân Phú Quốc, Cần Giọt (Kampot), Rạch Giá, Vũng Thơm (Kompong Som), Trũng Kè, Cà Mâu[115]. Đám nông dân Việt thì phá rừng, vỡ đất, giành giật đất ruộng của người Miên bản xứ[116].

Tất nhiên với sự khai thác vội vã như vậy, bản đồ xứ Gia Định vào hậu bán thế kỷ XVIII có những nét riêng biệt.

Việc Nguyễn Ánh tổ chức hành chánh ba năm sau (1778) cho ta thấy một vài đặc điểm đó. Ông hoạch định bản đồ và chia ranh giới cho các dinh Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ liên lạc nhau. Dinh Trấn Biên lãnh một huyện (Phước Long) và 4 tổng (Tân Chánh, Bình An, Long Thành, và Phước An). Dinh Phiên Trấn lãnh một huyện (Tân Bình) và 4 tổng (Bình Dương, Tân Long, Phước Lộc, và Bình Thuận). Dinh Long Hồ cải làm dinh Hoảng Trấn lãnh một châu (Định Viễn) và 3 tổng (Bình An, Bình Dương, Tân An). Đạo Trường Đồn (Định Tường) lãnh một huyện (Kiến An) và 3 tổng (Kiến Đăng, Kiến Hưng, Kiến Hoà)[117]. Rõ ràng là dân chúng (Việt) đã tập trung ở các thị trấn lớn và còn rải rác ở các nơi xa. Vùng Hà Tiên vì chiến tranh với Xiêm đã bị tàn phá, dân cư thất tán mãi đến thời trung hưng của Nguyễn Ánh (1788) cũng chưa gượng dậy được và còn chịu ảnh hưởng binh lực của người Xiêm. Các thị trấn Việt giảng hàng từ cù lao Đại Phố (Biên Hoà), Gia Định, Mỹ Tho, Long Hồ, Cần Thơ cắt đứt hẳn một khối đông đúc dân Miên ở khu vực Bassac, Trà Vinh đoạn tuyệt với chính quốc của họ. Khối dân này được hưởng sự thịnh vượng thương mại do các cửa Cỏ Chiên, Bassac, Mỹ Thanh vẫn là một ổ rối loạn, mội cho những ai nắm quyền xứ Gia Định. Chính uy quyền của họ Nguyễn làm cho phần đất phức tạp này trở thành Đại Việt tách ra khỏi con mắt dòm ngó, không phải của đám vua quan Chân Lạp suy yếu mà là của quốc gia Xiêm đang lớn mạnh.

Đi vào Gia Định, Duệ Tông không những tránh thoát được gọng kìm Trịnh - Tây Sơn, bỏ rơi được vào tay địch một kẻ tranh quyền với mình mà còn kỳ vọng nơi đạo quân Tổng Phúc Hợp để mưu đồ khôi phục. Kỳ vọng đó không phải là vô căn cứ vì đất Đồng Nai “vựa lúa của quốc gia” còn là nơi của đám dân tứ chiếng, cường cường, với đám hào phú Minh hương sống trong “lầu son gác tía”, “ngôi lợp tường xây”, đủ tiềm lực nuôi dưỡng chiến tranh.

Viên lão thần Mạc Thiên Tứ tuy không còn thành trì để cai trị nữa, nhưng vẫn là cánh tay đắc lực của Duệ Tông. Là người Minh hương, làm quan triều, ông có đủ uy tín cũng như liên lạc hương ấp với đám hào phú Đồng

Nai để kêu gọi họ giúp Nguyễn. Là tướng từng có tham vọng lớn lao (đã gây nên chiến tranh Xiêm - Việt 1769-1772), ông đủ quảng giao và biết rõ khả năng kẻ ông có thể lợi dụng được. Ông viết thư cho Bá-đa-lộc kêu ông này từ Nam Vang xuống vào khoảng giữa 1775[118] để bàn bạc chính sách cầu viện.

Những điều kiện thuận lợi đó, chú cháu Nguyễn Phúc Ánh đã không dùng được trong những năm đầu vào Gia Định, vì một mặt, Duệ Tông chưa giải quyết được những tranh chấp nội bộ, mặt khác, kẻ thù của họ anh em Tây Sơn nhân dịp rảnh tay phía bắc, đã theo đuổi họ đến tận cùng.

Gọi là rảnh tay phía bắc không phải chỉ vì Nguyễn Nhạc có một chính sách khôn ngoan đối với Trịnh Sâm mà còn vì Trịnh Sâm đã bỏ mộng tưởng chiếm đất Nguyễn. Thực vậy, đã nói dói kém, dịch tể ở Thuận Hoá, Quảng Nam ngăn bước tiến quân Trịnh. Trong khi đó ở Thăng Long, việc chiếm Phú Xuân mang lại cho Trịnh chúa cả một kho tàng to tát[119] để giúp cho Sâm phung phí “làm ly cung ở trên Tây Hồ” mỗi tháng ba, bốn lần dạo chơi. Các nội thần giả làm đàn bà, bày hàng bách hoá chung quanh bờ hồ để bán cho các quan theo hầu Trịnh Sâm ghé lên mua trong tiếng nhạc dìu dặt, réo rắt của bọn nhạc công nấp đâu đó. “Triệu bất tường”[120] rõ rệt thêm trong sự nuông chiều thứ phi Đặng Thị Huệ. Cho đến năm 1777, khi con người làm “cho Chúa mất nước” này sinh được Trịnh Cán để có kẻ giành ngôi thế tử với Trịnh Khải, người con trưởng, thì nguy cơ nghiêng đổ ngai vàng đã không có cơ cứu vãn được.

Cuối năm 1775, Nguyễn Nhạc dẹp xong cuộc chống đối ở hai phủ Thăng (Bình), Điện (Bàn) (Quảng Nam) của Tôn Thất Xuân, Tôn Thất Quyền với mưu chủ Trương Phúc Tá và viên hào phú người Hoa tên Tất. Nhạc để cho Tham tướng Nguyễn Văn Duệ giữ Quảng Nam[121] mà không gặp phản ứng nào của Phú Xuân hết. Thực là một khuyến khích cho Nguyễn Nhạc trong việc đuổi theo họ Nguyễn.

Viên Tiết chế đi Gia Định vào tháng 2 năm Bính Thân (1776) là Nguyễn Lữ, lần đầu mà cũng là lần cuối cầm đầu quân tướng. Duệ Tông vội chạy đi Đồng Chàm ở Trấn Biên tị nạn, kêu Tổng Phúc Hợp về cứu. Nhưng ngay ở Gia Định, Chúa cũng còn có một lực lượng phụ tá dưới quyền Đỗ Thanh Nhân, viên tướng từ Quảng Nam vào.[122]

Ông này đã tụ tập được 3.000 người ở Ba Giồng¹²[123] với các tướng Huỳnh Đức, Trần Bối, Đỗ Hoàn, Võ Nhân, Đỗ Kỳ, lấy tên Đông Sơn quân (cái tên mang quan niệm phong thủy, ma thuật, ngụ ý chống đối Tây Sơn, không chỉ một hòn núi nào hết). Binh tướng quay về với những vũ khí thô sơ, biến chế tại chỗ: dao xà gạc, đoản đao, gậy lao, gậy vung nhựa sồi[124].

Sử quan nhà Nguyễn ghi ba trận thắng của quân Đông Sơn và quy công khôi phục Sài Gòn cho Đỗ Thanh Nhân. Thực ra trong lúc chưa có trận đụng độ to tát nào để ghi tên chiến trận thì Nguyễn Lữ đã vội vã vơ vét thóc lúa Gia Định chở trên hai trăm thuyền về Quy Nhơn. Thiếu người cầm đầu có tài, gan dạ, Tây Sơn đã bỏ mất một cơ hội tiêu diệt họ Nguyễn.

Vừa lúc ấy, binh tướng Tổng Phúc Hợp cũng từ Bình Khang kéo vào với Lý Tài. Ở địa vị một viên Ngoại hữu do chiến công khắc phục Sài Gòn mà có và là chủ tướng Đông Sơn, Đỗ Thanh Nhân không dung một viên tướng Tây Sơn, cho dù là tướng đã quy phục. Xung đột xảy ra. Bị gọi là “đồ chó heo” ngay tại vùng đất đầy người Trung Hoa, Lý Tài tức giận chiêu mộ hơn 8.000 người, chia làm bốn sắc cờ, lập đội Trung đao quân riêng cho người Minh hương, lên chiếm núi Châu Thới¹²⁵ dùng giáo, tầm vông, dao, súng điều thương, trong tháng 8 thắng quân Đông Sơn ở suối LồỒ¹²⁶ rồi đe dọa chiếm thành Phiên Trấn. Tình thế trở nên phức tạp hơn khi Đông cung Dương bỏ chùa Thập Tháp trốn xuống cửa Thi Nại đi vào Nam (5 tháng 10 âm)[127]. Vốn có quen Lý Tài từ lúc ở Hội An, Dương cố thuyết phục Duệ Tông chiêu hàng Lý Tài. Tài giữ sứ giả, đem quân xuống Sài Gòn, chịu để Dương chiêu an trong lúc quân Đông Sơn chạy về Ba Giồng khiến Duệ Tông phải chạy theo. Như vậy, Đông cung Dương đã thắng Duệ

Tông một lần nữa. Cuộc đảo chánh thành khi Đông cung sai Trương Phúc Thận “rước” được Duệ Tông về chùa Kim Chương[128] để công nhận nhường ngôi cho. Dương thành Tân Chính vương dưới sự chuyên chính của Bảo giá Đại tướng quân Lý Tài.

Trong khi xảy ra sự phế lập ở Sài Gòn thì Nguyễn Ánh ở Ba Giồng với Đông Sơn. Không nên lấy làm lạ điều này. Từ khi vào Gia Định được chức Chương sử cầm Tả dực quân, ở bên Duệ Tông để bàn việc binh, khẩn khít với Duệ Tông lúc chạy trốn Tây Sơn, Nguyễn Ánh luôn luôn hướng về Duệ Tông[129] chống Lý Tài “kiêu hoành nan chế”. Gia Định trong chia rẽ, Đông Sơn ở Ba Giồng chống Hoà Nghĩa quân ở Phiên Trấn, là miếng mồi ngon cho Tây Sơn.

Họ vào tháng 3 năm Đinh Dậu (1777) như họ đã hứa[130] cả thủy lẫn bộ, cầm đầu là Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ.

Tân Chính vương đem quân đi Trấn Biên. Tướng tiền đạo của Vương gặp Tây Sơn đều bị giết, Vương lui về Sài Gòn. Thủy binh Tây Sơn cũng đang dăng co ở đây. Hoà nghĩa quân giết được Tuần sát Tuyên ở Hốc Môn. Nhưng gặp lúc Trương Phúc Thận kéo quân từ Cần Giuộc[131] về tiếp viện, quân Hoà Nghĩa tưởng là Đông Sơn đánh tập hậu bèn bỏ Hốc Môn chạy về Bến Nghé. Tây Sơn thừa thế đuổi theo, thủy bộ ép đánh. Lý Tài hoảng hốt chạy về Ba Giồng bị giết, còn Duệ Tông được 4.000 quân Đông Sơn rước về trú ở Rạch Chanh[132] rồi đi Tài Phụ.

Tháng tư, Tây Sơn tiến đến đuổi Duệ Tông về Long Hưng. Gặp lúc Đỗ Thanh Nhân từ Rạch Giá đến, cả hai bèn đi Cần Thơ gặp Mạc Thiên Tứ. Sau khi bàn định, Đỗ Thanh Nhân bèn đi cầu Trần Văn Thức và Châu Văn Tiếp giúp đỡ. May mắn nhờ chuyến đi này ông tránh được nạn lớn.

Về phần Tân Chính vương ông chạy thua ở Rạch Chanh về Trà Tân[133] rồi được Tống Phúc Thiêm rước về Ba Vác[134]. Tháng 7, Tây Sơn đánh tan viện binh Bình Thuận của Trần Văn Thức và tiến đến Ba Vác. Tống

Phúc Hoà (em Tống Phúc Hợp) không giữ được lâu, tự tử. Vương chết cùng 18 người theo (19-9-1777) không có dịp để thực hiện ý định chạy ra Bình Thuận với Châu Văn Tiếp.

Số phận của Duệ Tông cũng được định đoạt sau đó. Chúa đã bỏ chạy đi Trấn Giang (Cần Thơ) tức là nơi Mạc Thiên Tứ và các con Tứ chống giữ. Nhưng Tứ tử trận Hà Tiên cũng không có thực lực nên bàn với Duệ Tông xin qua Kiên Giang đón thuyền đi Quảng Đông cầu viện. Chúa chạy về Long Xuyên, nhưng Tây Sơn đuổi kịp đến nơi. Chúa cùng Nguyễn Phúc Đồng, anh Nguyễn Phúc Ánh, và cha con Chương cơ Trương Phúc Thận, Lưu thủ Lượng, Tham mưu Nguyễn Danh Khoáng đều bị giết (18-10-1777).

Lúc bấy giờ Nguyễn Ánh ở đâu mà lại thoát khỏi cái vạ diệt tộc này? Sử quan nhà Nguyễn không lưu ý nhiều đến việc chạy trốn không lấy gì làm vẻ vang cho chúa của họ nên không xét đến nơi chốn lưu lạc của ông. Họ thay thế cái nhục lẫn tránh Tây Sơn bằng câu chuyện cá sấu đưa qua sông, một bằng chứng mạng số đế vương của ông hoàng này. Tuy nhiên, do đó ta cũng thấy những ngày chạy trốn thật đầy kinh hoàng. Thế mà, chỉ trong một tháng sau ta thấy ông có mặt ở Long Xuyên với Đỗ Thanh Nhân[135]. Điều đó chứng tỏ ông vẫn theo Duệ Tông từ lúc rời Ba Giồng. Nhờ đó mà được Pigneau đem giấu trốn và sai Hồ Văn Nghị đem thức ăn nuôi sống[136]. Nguyễn Ánh thoát nạn thật là một may mắn, trong khi Duệ Tông và Tân Chính vương chết đi không hẳn là một bất hạnh cho họ Nguyễn. Hai người chết đi, chấm dứt một giai đoạn trong lịch sử họ Nguyễn, giai đoạn suy vong, tranh chấp quyền lợi riêng tư trong cái thế nghiêng ngửa của dòng họ.

Đối với Tây Sơn, con bài Đông cung Dương đã không dùng đến nữa từ khi họ phá Tống Phúc Hợp ở Phú Yên. Nhưng thực ra nó vẫn giúp ích Tây Sơn trong việc cùng với Duệ Tông chống đối làm phân rẽ thế lực Gia Định cho đến bây giờ.

Thất mã, đặc mã, cái chết của Duệ Tông và Tân Chính vương ở vào trường hợp đó. Tin chắc đã xong việc Gia Định, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ kéo binh về Quy Nhơn để lại Tổng đốc Chu, Tư khấu Uy, Điều khiển Hoà cùng Cai cơ Chấn chia binh cai trị[137]. Nhưng khi anh em Tây Sơn xây thành Chà Bàn[138], Nguyễn Nhạc xưng đế, hiệu là Thái Đức, phong Lữ làm Tiết chế, Huệ làm Long nương Tướng quân ở đất Quy Nhơn, thì họ cũng thấy ở Gia Định một trong những người cuối cùng của dòng họ Nguyễn tập hợp tàn binh chống lại. Thực là khó chịu cho họ.

Tiết 4

NGUYỄN PHÚC ÁNH VÀ QUYỀN UY Ở GIA ĐỊNH

Cuộc khởi binh ở Long Xuyên * Những nhận xét về Nguyễn Ánh * Vụ Đồ Thanh Nhân * Cố gắng tổ chức kinh tế ở vùng Tây Sơn và giới hạn khả năng công phá Gia Định của họ.

Cả dòng họ Nguyễn sau biến cố Ba Vác và Long Xuyên gần như là không còn ai hoạt động nữa ngoài Nguyễn Ánh. Thực vậy, về phía vai chú Nguyễn Ánh có Tôn Thất Chất chết cùng năm này, Tôn Thất Đăng (1744-1786) không hoạt động, Tôn Thất Xuân (1759- 1780) chạy sang Xiêm với Mạc Thiên Tứ và mắc nạn ở đấy, Tôn Thất Thăng nằm lì ở Phú Xuân. Hai người anh thì Tôn Thất Cao chết trận (không rõ năm nào), Tôn Thất Đồng cùng chết với Duệ Tông. Một người em, Tôn Thất Diên còn sống tới 1783.

Phải nhận rằng sau biến cố 1777, nếu kẻ sống sót không phải là Ánh thì biến chuyển ở Gia Định còn gây nhiều phiền phức cho họ Nguyễn. Bởi vì, chúng ta lưu ý rằng ở Gia Định lúc bấy giờ Lý Tài đã mất, Mạc Thiên Tứ lưu vong, lực lượng còn lại có người cầm đầu là quân Đông Sơn. Mà như ta đã biết, Nguyễn Ánh đã nhân danh Duệ Tông điều khiển quân Đông Sơn thì nay Duệ Tông chết đi, vị chúa không chối cãi của họ là chàng thanh niên 16 tuổi này.

Tháng 10 âm lịch 1777, ông trở về khởi binh ở Long Xuyên. Gặp Thánh Nhân ở Sa Đéc[139] và Cai cơ Hồ Văn Lận tiếp với quân Cần vương Tống Phúc Khuông, Nguyễn Văn Hoảng, Tống Phúc Lương, Dương Văn Trường, ông đánh thắng ở Long Hồ. Tháng 12 Đinh Dậu, quân Nguyễn thừa thế trở về Sài Gòn, đuổi Tống đốc Chu, Tư khấu Uy về Quy Nhơn[140].

Tháng giêng năm Mậu Tuất (1778), họ Nguyễn lập lại chính quyền dưới bóng cờ của Đại nguyên súy Nhiếp quốc chính Nguyễn Phúc Ánh.

Như đã nói, một giai đoạn mới mở đầu, không phải chỉ riêng cho họ Nguyễn mà còn kéo dài cho lịch sử Việt Nam nữa. Những biến cố mới sẽ tùy thuộc không ít thì nhiều vào con người này mà ta muốn biết.

John Barrow dựa trên các tài liệu của L. Barizy, của một viên thư ký Trung Hoa của chính quyền Gia Định (Trịnh Hoài Đức?) và các giáo sĩ mà vẽ rõ một Nguyễn Ánh lúc đứng tuổi với “dáng người cao trung bình, vẻ mặt đều đặn, nhẹ nhõm”, “màu da đỏ hồng, rám nắng vì dầu dãi..” ... Sử quan im lặng về điểm hình dạng này vì không dám mạn thượng, vì không có thói quen tả thực. Nhưng khi nói đến tính tình thì ta thấy họ không tiếc dịp đề cao vị hoàng đế của họ. Theo họ, Nguyễn Ánh là người “thông duệ túc thành”. Ông rất trung thành với Duệ Tông, không bỏ vua khi nguy hiểm. Với bầy tôi, ông biết chia ngọt xẻ bùi trong ngày năm gai nếm mật. Trong đời sống công cũng như tư, ta thấy ông lúc mềm mỏng, lúc cương quyết, ứng phó khá lẹ làng với tình thế. Ông tổng hợp được nơi mình vai trò của một chính trị gia, một võ tướng. Chúng ta có thể thấy vai trò ông đóng phải khó khăn tới chừng nào khi nghĩ rằng trong thời kỳ cầm quyền, dưới tay ông lổ nhổ một đám quan binh phức tạp vì tình thế (hôm qua cướp, nay quan, sớm đầu tối đánh) và lại phức tạp vì cấu tạo nữa (quân Việt xen lẫn quân Miên, Chàm, Mã Lai, Tây phương, Trung Hoa).

“Người ta tả ông gan dạ, không thô kệch, dõng dạc biến trá trong mọi tình thế. Ý tưởng đúng đắn; không khi nào khó khăn ngăn chặn được ông và chướng ngại không làm cho ông lùi bước ... Cử chỉ của ông đối với người

ngoại quốc thật dễ thương và hoà nhã. Các sĩ quan dưới quyền ông rất kính phục ông. Ông đối xử với họ rất nhã nhặn, thân mật và tốt..”[141]. Sử quan còn cho ta biết ông bắn được súng điều thương, bơi lội giỏi.

Những hình ảnh ấy tuy có lúc được vẽ vờ cho có vẻ “chơn mạng đế vương” nhưng không hẳn quá xa sự thật. Cũng nhìn xét nhân vật quan trọng này để đồng thời tán tụng một bề trên của mình, L.M Lelabousse viết trong bức thư đề ngày 14-4-1800:

“Ông hoàng này có lẽ là con người nóng nảy, đoản tính nhất trong xứ, nhưng ... những lời rầy la của Giám mục d’Adran đã làm đảm tính bùng bột đó”. Ông cương quyết nhưng không hung tàn, ông hay nghiêm trị nhưng theo lệ luật.

“Ông có đủ đức của tâm hồn cũng như của trí tuệ. Ông có tính biết ơn, bao dung và tế nhị về điểm danh dự. Lớn lên trong tai ương, ông chịu đựng được nghịch cảnh một cách can đảm, xứng đáng với nhà thông thái đã huấn luyện cho.

“Lúc trẻ ông ưa rượu, nhưng từ khi phải cầm đầu công việc, ông đã bỏ đi đến bây giờ không nếm lấy một giọt ... Vì vậy, ông mới ra những lệnh rất nghiêm khắc chống với những ai say sưa ... [142]

“Các đức tính trí tuệ không nhường những đức tính tâm hồn. Hăng hái, thông tuệ, thẳng thắn, ông hiểu ngay từ lúc đầu những việc phức tạp nhất. Ông nhớ mọi chuyện rất tài và ông bắt chước rất dễ dàng ...

“Ông rất cần mẫn. Ban đêm, ông đọc nhiều. Ông rất tò mò tìm hiểu[143]

“Đó là vị Hoàng đế vĩ đại nhất từ xưa đến nay của xứ Cochinchine. Giám mục d’Adran và ông hoàng này là hai con người vĩ đại mà những vẻ tráng lệ của xứ này sẽ còn giữ lại hình ảnh oai hùng. Thế kỷ của họ sẽ lưu danh ... ”[144]

Ảnh hưởng của Bá-đà-lộc ở Nguyễn Ánh không phải là không quan trọng, nhưng không phải chỉ như thế. Giáo dục mà ông hoàng này hấp thụ là một thứ giáo dục Khổng môn được khuôn nắn trong thực tế. “Lớn lên trong tai ương...”, Lelabousse nói có lý. Gia Long là một Nguyễn Ánh được tập thành trong biến cố. Tuổi trẻ, gặp gia biến quá sớm, trước một kẻ thù gần như là vô địch, bị rượt đuổi tận hang cùng ngõ hẻm, ông mang nhiều mặc cảm yếu ớt, hay than thở và bị bắt buộc mong đợi, trông cậy ở người nhiều. Nhưng tình thế giúp ông tự chủ dần dần. Việc khu trừ Đỗ Thanh Nhân là một ví dụ điển hình.

Nguyễn Ánh vừa yên vị ở Gia Định thì tháng hai năm Mậu Tuất (1778), quân Tây Sơn lại kéo vào. Quy Nhơn mắc bận rộn việc xưng đế của Nguyễn Nhạc nên phái vào Tổng đốc Chu, Tư khấu Uy và Hộ giá Phạm Ngạn. Tây Sơn chiếm đánh các vùng Trấn Biên, Phiên Trấn và ven biển. Cựu tướng Hoà Nghĩa đạo Trần Phụng thua trận ở sông Phước Lộc. Tháng ba năm đó, để Đỗ Thanh Nhân trấn giữ Sài Gòn, Nguyễn Ánh bỏ đi Bến Lức[145] Lê Văn Quân và Nguyễn Văn Hoảng chặn đánh được Tây Sơn ở Bến Lức khiến họ phải rút ra ngoài sông lớn. Mở cuộc phản công, Đỗ Thanh Nhân chặn được Tư khấu Uy ở sông Bến Nghé[146] trong lúc Nguyễn Văn Hoảng tiến đánh Đồng Nai (Biên Hoà) giết Liêm. Lãng thuê Trấn Biên. Thủy quân bị Lê Văn Duyệt phá, Phạm Ngạn theo đường bộ về Bình Thuận gặp cản trở của Châu Văn Tiếp và Lê Văn Quân phải thối lui về Quy Nhơn[147].

Việc Đỗ Thanh Nhân ở lại chống giữ cho thành chứng tỏ lần nữa vai trò quan trọng của ông trong chiến tranh. Địa vị ông sẽ càng vững chắc khi Gia Định thấy yên ổn, thoát khỏi những chuyển nhiễu loạn thường xuyên của Tây Sơn.

Trong các năm 1778, 1779, 1780, Gia Định lo củng cố thực lực của mình: Nguyễn Ánh lo tổ chức hành chánh, chia doanh trấn, đặt người coi giữ, tạo chiến thuyền, trữ lương phòng bị chiến tranh. Sức mạnh Gia Định cũng cần

phải được chứng minh với phiên thuộc, nhất là với Chân Lạp đang thừa thế rồi ren để tìm cách thoát khỏi ảnh hưởng của Đại Việt.

Từ tháng 6 âm lịch (1779), ở Chân Lạp, Nặc Vinh đã giết Nặc Thâm và bức tử Nặc Tôn để chiếm chính quyền. Đỗ Thanh Nhân đem quân đánh dẹp, lập Nặc Ấn là con Nặc Tôn lên làm vua, lưu Hồ Văn Lân ở lại bảo hộ rồi rút quân về.[148]

Ngay chính trên đất Gia Định cũng không yên vì thiếu số người Miên ở vùng Trà Vinh dưới quyền của tù trưởng Ốc Nha[149]. Họ chiếm cứ một vùng mà sử quan phải tả là “rừng sâu, đầm lớn, cỏ đầy, tăm tối”. Đỗ Thanh Nhân lúc bấy giờ giữ chức Ngoại hữu Phụ chính Thượng tướng quân, nhân dịp tức vị của Nguyễn Ánh (đầu Xuân 1780) bèn cất quân phá rừng, mở đường tiến đánh. Dương Văn Trường lấy móc sắt câu các thuyền lại với nhau, dựng bè chuối trên thuyền để ngăn tên giặc và theo nước thủy triều, quan binh đã tiến lên phá được sức kháng cự của địch quân.

Chiến thắng Trà Vinh xong, Đỗ Thanh Nhân trở về sửa soạn chiến thuyền, huấn luyện thủy binh cùng bộ binh. Ông tiếp tục học hỏi về khoa học, kỹ thuật Tây phương với Bá-đa-lộc.

Việc tổ chức ở Gia Định chắc có Bá-đa-lộc nhúng tay vào một ít. Ông này đã có mặt ở đây từ 1775 mà mối liên lạc mật thiết với Nguyễn Ánh được các nhà truyền giáo rõ từ năm 1777. Tuy nhiên, người quan trọng vẫn là Đỗ Thanh Nhân.

Kiêu căng trong quyền tước, ý thị nơi lực lượng Đông Sơn trong việc giữ gìn quyền vua, Đỗ Thanh Nhân trở thành chuyên chế. Ông mộ thêm vây cánh riêng cho ông. Bản tính hung bạo, ông làm cho cả xứ phải sợ hãi, thù ghét. Quân Đông Sơn cũng có những hành động tàn ác như Trung đạo quân của Lý Tài thuở trước: họ dùng hình phạt rất thảm khốc, thiêu sống người, giết cả đàn bà có mang. Có tham vọng không cùng, Đỗ Thanh Nhân còn muốn chiếm lấy chánh quyền. Ông cắt xén các khoản chi phí trong cung.

Nguyễn Ánh tới phủ riêng ông không thèm giữ lễ. Ông cho tay chân nắm các chức vụ, và để cho những ai thân hậu được mang họ của ông như một vị chúa tể vương tước.

Nhưng một võ tướng thô bạo như Đỗ Thanh Nhân tự dẫn mình đến chỗ chết mà không hay biết.

Một người chín chắn, có ý thức về địa vị của mình, có nhiều phụ tá mưu lược như Nguyễn Ánh, tất không thể nào chịu ép một bề. Vào gần nửa đêm một ngày nào đó, ông đi tìm Bá-đà-lộc để hỏi ý kiến. Ông này phân vân giữa Đỗ Thanh Nhân và Nguyễn Ánh, cả hai người ông đều có ý giữ liên lạc để lợi dụng truyền đạo, nên trả lời thối thác một cách khôn ngoan. Ánh khóc về, vẫn không bỏ ý định giành lại quyền binh.

Tổng Phúc Thiêm thấy được ý Ánh, tâu xin trừ “giặc bên cạnh vua”. Ánh suy nghĩ rất lâu và hai người bàn bạc kỹ lưỡng. Cuối cùng mưu kế được đặt ra. Nguyễn Ánh giả bệnh ở mãi trong cung, các quan văn võ phải vào vấn an. Nhưng trong mấy ngày đầu, Đỗ Thanh Nhân không tới. Đến cuối ngày thứ ba, ông tới với một số đông vệ sĩ như thường lệ. Để quân hầu ở ngoài, Nhân tiến vào trong gặp mẹ, vợ Nguyễn Ánh trong phòng bệnh, cả hai không hay biết gì hết. Nhân chưa kịp nói một lời thì một nhóm vệ sĩ ở phòng bên cạnh tiến ra, giết chết ngay.

Nhưng mối lo sợ của Nguyễn Ánh khi nghĩ tới hậu quả vụ trừ Đỗ Thanh Nhân đã xảy ra. “Tôi ngại có rối loạn lớn”. Quả vậy, quân Đông Sơn mất chủ tướng bị phân ra làm 4 đạo. Một số quân trung thành với chủ cũ chạy về Ba Giồng, căn cứ cũ, làm phản dưới quyền của Đỗ Bàng, Võ Nhàn - anh của Phò mã Chương hậu quân Võ Tánh sau này.

Các loạn tướng không được may mắn như mấy lần chống đối trước. Trong tháng 5 nhuận, Nguyễn Đình Toàn, Tổng Phúc Lương được lệnh đánh họ ở sông Lương Phú. Tổng Phúc Lương vụng về làm bại binh. Lương bị biếm,

Cai cơ Nguyễn Văn Quý, Phan Văn Tuyên thay. Đỗ Bảng, Võ Nhân đều bị trừ[150].

Như vậy, Nguyễn Ánh cũng đã trải qua một cơn thử thách. Lần này, kẻ địch không phải từ ngoài vào mà là nằm trong tâm phúc. Thử thách đó làm vững chắc thêm kinh nghiệm cầm quyền của ông. Vụ này đã gây nên sóng gió trong chính quyền Gia Định. Cuộc bạo loạn của các phản tướng Đông Sơn là một trong những nguyên nhân làm ngưng cuộc tiến quân ra Phú Yên hồi giữa năm 1781.

Sử quan nhà Nguyễn vẫn cho là vụ này làm đầu mối cho việc Tây Sơn lại tấn công vào Nam: được tin Đỗ Thanh Nhân bị giết, Nguyễn Nhạc mừng rỡ “Hữu Phương chết rồi, các tướng khác không đáng lo” rồi chuẩn bị nam chinh[151]. Sự thực không giản dị như vậy. Đỗ Thanh Nhân cũng như Châu Văn Tiếp năm sau, không đủ là một cản trở nguy hiểm cho Tây Sơn.

Chúng ta lưu ý rằng từ 1775, lúc tiến lúc lui, quân Nguyễn vẫn giữ các vùng Phú Yên, Bình Khang, Bình Thuận trong khi Tây Sơn chuyên chú vào việc tấn công Gia Định tới ba lần rồi. Tại sao vậy? Không phải tại có Châu Văn Tiếp cản trở ở vùng ngoài như người ta vẫn tưởng. Chuyển nam chinh 1777, Tây Sơn kéo vào bằng cả đường bộ mà không gặp cản trở quan trọng. Tổng đốc Chu, Hộ giá Phạm Ngạn những lần rút lui tuy bị chặn đánh nhưng vẫn về được Quy Nhơn. Có thể coi bọn Châu Văn Tiếp như các đội tiền đồn lẻ tẻ, lẩn tránh trên vùng núi rừng trong khi đại bản doanh đóng ở Gia Định với họ Nguyễn cầm đầu. Đánh vào nơi phải đánh, đó là lý do Tây Sơn “nhập khẩu” Gia Định.

Tây Sơn còn biết Gia Định ở một điểm nữa: đó là sự sung túc ở miền này. Họ hẳn không quên việc họ cướp thuyền lương của Mạc Thiên Tứ viện trợ cho Duệ Tông vào năm 1774, việc Nguyễn Lữ chở lúa thóc kho Gia Định về Quy Nhơn. Ngoài ra, họ còn cướp tiền bạc của các phú thương Hoa kiều ở cù lao Đại Phố nữa. Có thể nói tiền của, thóc lúa đó đã nuôi nấng quân Tây Sơn chật vật đánh giặc.

Tình trạng nghèo cực ở vùng Tây Sơn không phải là một điểm lạ. Họ nổi dậy thừa hưởng một xứ cùng khổ sẵn, càng cùng khổ hơn vì tàn phá của chiến tranh, làm ruộng đất bỏ hoang, công nghệ lụn bại, khiến họ khó khăn khi muốn phát triển quyền lực quá giới hạn địa phương quê hương họ.

Chiếm thêm Quảng Nam, họ chỉ thêm được một xứ tan nát của Nguyễn, Trịnh để lại. Họ phải mua những vật dụng cần thiết nhất của các thuyền buôn Trung Hoa nhập cảng với giá cắt cổ. Tiền bạc do đó hụt dần và họ phải phá nhà thờ, nhất là chùa để lấy chuông tượng đúc tiền.

Nguyễn Nhạc cũng ước lượng được tài nguyên trong xứ rất dồi dào: tiêu, đậu khấu, quế, gỗ mun, ngà voi, thiếc ... mà dân chúng không biết lợi dụng vì họ “ngu dốt”. Nhưng ông cũng biết rằng các nước khác coi các thứ này là quý giá và chúng có thể đem lại lợi tức cho quốc gia ông. Cho nên, gặp Chapman, ông vội vã mời buôn bán, đưa ra một thuế biểu: 10.000 quan cho một chiếc tàu 3 cột buồm, 7.000 quan cho tàu 2 cột buồm, 4.000 quan cho những chiếc nhỏ hơn. Bị chê mắc, ông hạ xuống còn 7.000 quan, 4.000 quan và 2.000 quan. Rồi mời mọc Chapman về nhà riêng, ông lại ném ra một ý kiến tỏ ra hàng đầu: tha thuế. Cuộc thương thuyết thật tức cười nhưng cũng cho ta thấy được tình cảnh đáng thương của Tây Sơn trong việc thực hiện mơ ước lớn lao với các phương tiện eo hẹp.

Thực vậy, chính quyền Quảng Nam cho Chapman một giấy phép buôn bán, bắt mọi người ai mua đồ của ông phải trả đủ, không được ứ hiếp, ngược đãi ông cũng như khách hàng của ông. Nếu không tuân, họ sẽ phải chịu những hình phạt nặng nề. Nhưng điều đáng nguy cho cả Tây Sơn là Chapman không tìm được một người nào trong tỉnh để thảo luận việc bán buôn. Ta hiểu tại sao có điều đó: chỉ có người Trung Hoa mới làm nghề buôn bán to lớn, thế mà Faifo vừa bị tàn phá đến tận gốc thì ai đâu mà giao dịch với ông[152].

Tóm lại chiến tranh không phải là không hao tổn cho Tây Sơn. Sau này, Nguyễn Ánh có lần kéo quân ra cũng vì lương vận tải không kịp mà phải

rút về. Cho nên, những chuyển đánh vào rồi lại quay ra của Tây Sơn phải được giải thích bằng sự giới hạn của lương tiền cung cấp chiến tranh. Giới hạn này lại chuyển qua hình thức khác, giới hạn quy định của gió mùa. Đánh vào khi còn mùa gió bắc, rút về khi nổi gió nam, Tây Sơn phải liệu định thời gian hành quân thu đến mức tối thiểu: chiến thuật yểm kích, đánh mạnh rút nhanh mà người ta vẫn khen Nguyễn Huệ, có một phần nguyên cơ từ các giới hạn này.

Chật vật như vậy nên khi anh em họ xưng Đế ở Hoàng đế thành (Chà Bàn), khinh địch đưa vào Nam toán quân yếu kém của Tổng đốc Chu, họ đã để mất một cơ hội diệt Nguyễn Ánh. Phải chờ tới năm sau khi Nguyễn Ánh đã thu nhận những yếu tố mới (tiết 5) để cải thiện binh lực[153]. Tây Sơn sợ tàu Hoà Lan trở nên e dè. Đỗ Thanh Nhân chết rồi, Nguyễn Ánh còn tổ chức được một cuộc tiến quân ra Phú Yên. Tây Sơn hẳn không dám vội xét đoán hậu quả cái chết của Nhân sẽ có lợi cho họ. Thực ra, chỉ có lúc tin Hữu Phương chết hợp với điều chứng kiến tận mắt về khả năng của đội quân Tôn Thất Dụ tiến ra, họ mới vững lòng ồ ạt phản công, “nhập khẩu” Gia Định lần nữa để ghi trận Ngã Bảy vào sổ quân công của họ như ta sẽ thấy.

Tiết 5

KỸ THUẬT TY PHƯƠNG RÚT RÈ BƯỚC VÀO CHIẾN TRANH NAM HÀ

Mới mẻ trong quân lực Nguyễn Ánh * Trận Ngã Bảy * Vụ cầu Tham Lương và hậu quả * Châu Văn Tiếp và Nguyễn Huệ.

Khi các đối phương mở cuộc chiến tranh thanh toán nhau thì họ thử dùng tất cả phương tiện để đạt tới mục đích. Trong cuộc tranh chấp Tây Sơn - Nguyễn ở buổi đầu này, lòng can đảm, gan dạ của chiến sĩ Tây Sơn bị ngăn cản rất nhiều vì hậu thuẫn kinh tế giới hạn, vì thiếu phương tiện nối liền với một chiến trường xa nơi xuất phát. Cho nên thấy được kỹ thuật cao độ của

Tây phương Nguyễn Nhạc mới đề nghị với họ xin người luyện tập sĩ tốt, mướn tàu chở binh lính, mở giao thương. Nhưng ông đã thất bại như ta đã thấy và sẽ thấy vì xứ sở ông, do ảnh hưởng của chiến tranh, thiếu mất đám người trung gian quan trọng: thương nhân Trung Hoa.

May mắn hơn Tây Sơn, Nguyễn Ánh ở Gia Định có những điều kiện để lôi kéo thương nhân Trung Hoa, lại thêm các giáo sĩ Tây phương, một trung gian quan trọng khác nữa. Trong khi phân trần về hành động đã can dự vào chính trị Đại Việt, Giám mục d'Adran chứng minh cho ta thấy xác nhận trên trong bức thư đề ngày 26-7-1779: “Hai chiếc tàu từ Macao đến Bassac trong năm nay để buôn bán ... Một người Trung Hoa đưa ý kiến với ông lớn của xứ Cochinchine cho ông ta biết rằng tàu chứa đầy đại bác, diêm tiêu, lưu hoàng và các thứ khí giới, đạn dược khác. Ông quan mà tôi rất quen đó đương hết sức cần các thứ hàng hoá này, vội vã bắt tôi viết thư cho các quan coi tàu yêu cầu họ bán cho ông hết hay một phần. Hay nếu có thể, họ đem tàu giúp xứ Cochinchine: đổi lại, họ được hưởng quyền ghé bến và những quyền lợi khác nữa”[154].

Tuy các vị chủ tàu có phàn nàn về thái độ tham dự của Bá-đa-lộc, cách giao thiệp này cũng đưa tới kết quả là vào khoảng tháng hè 1781 trong cuộc duyệt binh tháng 5 Tân Sửu với không dưới 3 vạn quân, 80 thuyền đi biển, 3 đại chiến thuyền, sử quan ghi rõ có hai chiếc tàu Tây (Tây dương thuyền). Thực ra, Bá-đa-lộc và các L.M giòng Franciscain ghi nhận tới 3 chiếc tàu Bồ Đào Nha chở đầy binh lính, khí giới súng đạn và lương thực. Chính Bá-đa-lộc, “bằng cách nói chuyện chơi” cũng đã du nhập kiến thức, kỹ thuật mới vào Gia Định khi ông dạy Đỗ Thanh Nhân lối dùng lựu đạn, làm giúp một thước đo góc đặc điền, một rapporteur, một ống loa, một dụng cụ thiên văn và những dụng cụ toán học khác ... Hơn nữa, ông còn cho người giúp việc của ông, Mãn-noài, Emmanuel ... , một tay lính thủy breton, sang phụ tá Nguyễn Ánh, điều khiển một chiếc tàu Bồ.

Có được lực lượng như vậy, Nguyễn Ánh tuy vừa mới xử xong Đỗ Thanh Nhân, vẫn tưởng rằng có thể tấn công ngay Tây Sơn. Sau kỳ duyệt binh, ông sai Tôn Thất Dụ làm Tiết chế bộ binh Bình Thuận cùng Tổng Phúc Thiêm, Nguyễn Hữu Thụy, Dương Văn Trường ra Hòn Khói[155] hợp với Châu Văn Tiếp tiến đánh. Hai chiếc tàu Bồ nhân dịp này giương buồm chạy thẳng. Chiếc thứ ba dưới quyền Mãn-noài không trốn được. Tuy chỉ có một mình, nó cũng làm cho binh Tây Sơn nghe đồn bọn “Olane” giúp vua, bây giờ thấy chiếc tàu do tay “Ông Cả” tạo ra, “chạy không cần nước”, đâm ra sợ hãi bỏ trốn khỏi Bình Thuận, Bình Khang, Phú Yên[156]. Nhưng cuộc tiến quân không đạt kết quả vì bộ binh Tây Sơn với nhiều voi thiện chiến đã đánh đuổi quân Nguyễn Ánh làm Châu Văn Tiếp phải chạy về Chà Rang. Gặp lúc dư đảng Đông Sơn nổi dậy, quân Nguyễn rút về Gia Định.

Tổn thực nhiều để trang bị tàu Bồ mà không được ích lợi gì, triều đình Gia Định lấy làm tức giận. Nếu phải e ngại phản ứng ngoại quốc thì Mãn-noài có đó để ra tay trả thù ngay, luôn tiện thanh toán mỗi hiềm Pháp, Tây Ban Nha trên bình diện đạo cũng như đời ở xứ này. Mãn-noài đã phục cho viên chủ tàu Antonio Rodriguez say trong một tiệc rượu, rồi giết chết cùng với 27 lính Bồ khác và L.M Antonio làm Tuyên úy dưới tàu, chỉ để thoát có 8, 9 kẻ bơi trốn vào bờ (tháng 9-1781).

Tất cả những việc xảy ra làm suy kém binh lực Nguyễn Ánh, tuy nhiên họ cũng còn mạnh hơn đạo thủy binh Tây Sơn kéo vào đầu tháng 4-1782, như nhận xét của Pigneau. Sử quan Nguyễn ghi đạo quân Nhạc, Huệ vào cửa Cần Giờ tháng ba Nhâm Dần có độ vài trăm thuyền. Tổng Phúc Thiêm lãnh thủy binh từ khi Đỗ Thanh Nhân chết đi, được lệnh dẫn binh ra sông Ngã Bảy đợi. L.M Ginestar ghi nhận quân Gia Định có hơn 400 thuyền chiến, 70 ghe Tàu (?) và chiếc tàu Bồ của Mãn-noài cướp.

Nguyễn Ánh đứng ở đầu thuyền, chiến đấu rất hăng. Nhưng Tây Sơn thừa thế gió lớn thổi thuận, xông thẳng lên, ào ạt tiến đánh. Tổng Phúc Thiêm mang phần lớn binh thuyền bỏ chạy, Nguyễn Ánh phải lui. Tây Sơn đuổi

theo nhưng bị Mãn-noài cản trở. Hai lần họ cố trèo lên tàu mà không được vì Mãn-noài dùng lưới đạn ném họ tan tành. Lần đầu tiên chiến cụ Tây phương chứng tỏ trực tiếp hiệu nghiệm của nó. Nhưng quân địch vẫn ào ạt xông lên lần thứ ba. Lần này họ thành công. Mãn-noài một mình ở lại giữ thuyền, châm lửa cho thuyền nổ, mình chết. Tây Sơn đã thắng trận nhờ gan dạ nhưng phải mất rất nhiều mạng.[157] Thực là một mối căm hận cho Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ.

Nguyễn Ánh bỏ chạy về Ba Giồng, có khi lẫn trốn trong khu rừng Romdoul của Chân Lạp.[158] Tây Sơn đuổi theo vào cuối tháng tư dương lịch, bắt vua quan Chân Lạp hàng phục và bắt tất cả những người Việt chạy loạn ở đây phải về nước. May mắn cho Nguyễn Ánh, một việc vừa xảy ra ở Phiên Trấn khiến Tây Sơn bị ngăn trở phần nào trong việc săn đuổi.

Lúc bấy giờ Tiết chế Bình Thuận Tôn Thất Dụ nghe Tây Sơn vào Gia Định vội xuất binh đem Nguyễn Văn Đàm, Trần Văn Tự, tướng Hoà nghĩa Trần Công Chương đi vào cứu giá. Tháng 1 âm lịch, viện binh đến Vườn Trầu[159] gặp bộ binh Tây Sơn, họ bèn phục binh đánh. Tham tán Hồ Công Siêu bị đạn chết. Về phía Tây Sơn, Hộ giá Phạm Ngạn bị Chương giết ở cầu Tham Lương. Vừa lúc ấy đại binh Tây Sơn kéo đến, họ phải rút lui.

Cái chết của Phạm Ngạn gây ra một cuộc giết chóc Minh dân tàn bạo không từng thấy. Nhạc, Huệ đã mất khôn ngoan rồi sao?

Chúng ta hãy lưu ý trước tiên đến cá nhân người bị giết. Tài liệu không nói rõ gì hơn, nhưng ở chỗ khác ta thấy Nguyễn Huệ có một người vợ họ Phạm đã sinh ra Quang Toàn. Trong xã hội cũ của chúng ta, mối liên lạc tông tộc, địa phương là một bảo đảm cho sự vững bền của triều đình. Cho nên họ Trịnh lựa quân Tam phủ cho làm Ưu binh, hưởng đặc quyền. Họ Nguyễn trọng người Tổng Sơn đến nỗi lấy phẩm từ “quý” thay thế cho cái tên huyện riêng kia để gọi những người cùng xứ đã theo Nguyễn Hoàng vào Nam là dân Quý Huyện, Quý Hương, cho hưởng rất nhiều ưu đãi đến như

Tổng Phúc Phượng theo Tây Sơn tới thể cùng lực kiệt mới hàng vẫn được kể vào hàng thần tử nhà Nguyễn. Tây Sơn vươn lên trong một xã hội rạn nứt mà vẫn trong khuôn khổ cũ cũng không thoát khỏi thông lệ đó. Vụ Quang Toàn phong tước cho anh em, vụ Bùi Đắc Tuyên sẽ là những chứng cứ mạnh mẽ. Ở đây, Phạm Ngạn có bà con với Nguyễn Huệ không? Ta đã nói tài liệu im lặng. Nhưng mối thâm tình với hai ông chúa Tây Sơn thì hẳn Phạm Ngạn đã có. Chức Hộ giá với mấy lần Nam chinh mà không có Nhạc, người cần “hộ giá”, chứng tỏ vai trò quan trọng, địa vị thân thuộc với Tây Sơn của ông. Ông cầm quân có nghĩa như chính Nhạc cầm quân vậy.

Đằng khác, nhìn vào hoạt động của kẻ mà Nhạc trút căm hận lên đầu, ta cũng thấy nhiều điểm sáng tỏ. Từ những biến loạn 1776, 1777 tàn phá cù lao Đại Phố ở Biên Hoà thì thương nhân Trung Hoa kéo về quây quần quanh thành Gia Định. Lý Tài chết đi nhưng đám Hoà Nghĩa quân vẫn còn. Nguyễn Ánh khôn ngoan đã thu dụng họ, tuy không đồng hoá được quân đội họ.

Ta thấy trong trận 1779 có tên Hoà Nghĩa quân của Trần Phượng, trận Vườn Trầu có Trần Công Chương, và năm sau nữa có Hoà Nghĩa đạo của Trần Đình với các tướng Tổng binh Trần Hưng, Lâm Húc. Như vậy, người Trung Hoa, buôn bán cũng như binh lính từ dân ngụ cư mà ra đều ở trong một thể hợp tác chặt chẽ với Nguyễn Ánh. Thực lực Gia Định đã làm cho Tây Sơn phải thắng mà hao quân ở Gia Định, làm cho họ bại mất viên Hộ giá thân tín ở cầu Tham Lương, Nhạc và Huệ hẳn không thể không hiểu chính là vì đám dân Trung Hoa ở đây. Ra lệnh tàn sát, Nhạc đã tuân theo sự xúi giục của tình cảm, có sự góp sức của lý trí. Hờn oán làm cho lệnh càng ghê gớm.

L.M Castuera có mặt ở Chợ Quán ghi nhận (thư ngày 7-7-1782 có) gần 4.000 người Trung Hoa bị giết. Sử quan nhà Nguyễn tăng số lên “hơn vạn”. Trịnh Hoài Đức cũng vậy. André Tôn (thư ngày 1-7-1784) nói có từ 10.000 đến 12.000 người chết. Đáng lưu ý là con số trên vạn là nhận xét của những

người Việt quen ước lượng phóng đại. Tuy nhiên cảnh tượng diễn tả thật là kinh khiếp và hẳn không xa sự thật bao nhiêu: “Người Trung Hoa, bất luận binh lính hay dân buôn, mới đến hay ở lâu, đều bị bắt giết, thây chất ngồn ngang vất đầy sông ngòi, đến nổi nước ứ không chảy, cả tháng hơn người ta không ai dám ăn tôm cá, uống nước sông”. Một không khí khủng bố bao trùm khắp vùng: những ai có hàng Trung Hoa trong nhà như vải lụa, trà thuốc, hương giấy ... đều vớt cả ra đường mà không người dám lượm[160].

Thế là sau vụ Hội An, theo với sự đưa đẩy của chiến tranh, Tây Sơn càng trở nên cô lập. Như đã thấy, thương nhân Hoa cung cấp vật dụng cho người Việt, xuất cảng những sản vật trong nước, là một nhân tố quan trọng cho sự phát triển kinh tế ở đây. Tuy Tây Sơn sẽ còn đủ khôn ngoan để ve vãn các giáo sĩ, cố tìm cách lôi họ về phía mình với đạo luật tự do hành giáo (tháng 12-1783), nhưng thương nhân Tây phương thấy gương ở các bạn Đông Á của họ và của cả chính họ nữa, trở nên dè dặt, lo ngại: một việc chiếc tàu của Chapman bị quân Trịnh ở Phú Xuân cướp bóc vào giữa năm 1778 mà mãi đến giữa năm 1793 còn làm cho phái bộ Macartney lo lắng khi phải ghé vào Tourane[161] đủ chứng tỏ. Phải chờ đợi để người ta quên, nhưng thời gian lại không đứng về phía Tây Sơn.

Tuy nhiên, bận rộn ở vùng Bến Nghé đã làm cho Tây Sơn phải xao lãng nơi khác. Nguyễn Ánh lại trở về giồng Lũ, có thêm hai người Hoa phụ tá là Thống binh Hạp và Kính. Đô đốc Tây Sơn, Nguyễn Học, đuổi theo bị Nguyễn Kim Phẩm đánh giết thâu hơn 80 thuyền. Mừng rỡ tưởng có thể đánh thẳng về Gia Định, Ánh sai Nguyễn Huỳnh Đức làm tiên phong, Tôn Thất Cốc làm trung quân, Trần Xuân Đàm, Kim Phẩm hộ giá, tiến quân kéo về Ngã Tư. Nhưng Nguyễn Huệ, không biết có biết đến Hàn Tín không, đã dàn binh xoay lưng ra sông, đánh thật dữ. Nguyễn Ánh phải chạy về Bến Lức được Lưu thủ Vinh Trấn doanh rước về Hậu Giang, qua Rạch Giá, Hà Tiên, theo thuyền nhỏ trốn ra Phú Quốc.

Tướng yên được Gia Định, Tây Sơn rút về Quy Nhơn, lưu lại hàng tướng Đông Sơn Đỗ Nhân Trập với Hộ bộ Bá và 3.000 quân để coi sóc (tháng 5 âm lịch). Số quân và tên tướng thật không đủ giữ. Cho nên, chỉ tháng sau đó là Hồ Văn Lân đã đánh đuổi Đô đốc Nguyễn Loan, chiếm Long Hồ rồi cùng với Dương Văn Trường, Nguyễn Văn Quý đánh Bến Lức, thắng thêm một trận nhỏ. Nhưng đáng e ngại chính là lực lượng Châu Văn Tiếp với cây cờ thêu “Lương Sơn tá quốc” bày tỏ ý định trung thành với nhà Nguyễn. Quân Tiếp kéo vào với những viên thuộc tướng sau này sẽ nổi danh như: Lê Văn Quân, Nguyễn Long. Hộ bộ Bá muốn rút quân thì Đỗ Nhân Trập ngăn lại quyết thử sức. Ông bị tiên phong Phạm Văn Sĩ xông vào đánh trước rồi hậu đội Tiếp cũng công kích nên phải đại bại. Nhân Trập và Bá chạy về Quy Nhơn[162].

Như vậy, nhờ Châu Văn Tiếp, Nguyễn Ánh lại làm chủ Gia Định lần nữa. Ông lại lo tổ chức binh bị. Có một số người từ Phú Xuân trốn vào đầu, nhưng cũng không phải là kẻ có tài. Lực lượng của ông sau mấy lần tan rã đã yếu ớt đến nỗi ông phải lo sai sứ thông hiếu với Xiêm để đề phòng Tây Sơn “nhập khẩu”.

Tuy nhiên, những tháng cuối năm, ông cũng lo tổ chức phòng thủ. Trên bờ nam sông Sài Gòn (sông Tân Bình), Ánh lập lũy Vàm Cỏ (Thảo cầu) cho Dương Văn Trường giữ, phía bờ bắc lập lũy Cá Trê (Giác ngư) cho Tôn Thất Mân giữ. Có cầu tre nối hai bờ. Giữa sông bày hơn 100 thuyền có Giám quân Tô giữ bè nửa đọi Tây Sơn đến dùng hoả công đốt.

Nguyễn Ánh không phải chờ lâu vì chiến tranh vẫn mang tính cách định kỳ của nó, quy định bởi những trận gió mùa. Lần này là với Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ.

Từ đầu tháng 3-1783, Bá-đa-lộc đã phải hội bàn với Nguyễn Ánh về việc tránh Tây Sơn. Người ta không tính việc chạy qua Chân Lạp vì chiến tranh và đói kém đã tàn phá xứ này. Phải tính chuyện chạy ra các hải đảo ở vịnh

Xiêm. Bá-đa-lộc được uỷ thác sửa soạn tàu bè, lương thực để phòng phải đi.

Ngày 19-3 có tin Tây Sơn đến. Cũng bằng cửa Cần Giờ. Tới nơi, Tây Sơn chia binh làm hai đạo: Tư khấu Nguyễn Văn Kim đánh bắc ngạn và Đô đốc Lê Văn Kế đánh nam ngạn. Lưu thủ Thăng và Tiên phong Tuý định dụ thủy quân Tây Sơn mắc vào kế hoả công mà không tính đến việc nước triều đưa quân địch lên theo với đà gió đông thổi ngược lại. Mồi lửa quay lại đốt thuyền Chúa. Lê Văn Kế chặt đứt cầu nổi làm chết Tôn Thất Mân. Dương Văn Trường bị bắt. Châu Văn Tiếp may thoát được, chạy thẳng qua Xiêm cầu viện. Nguyễn Ánh về Ba Giồng với 5, 6 người tướng và hơn 100 quân. Ở đó cũng không yên, ông chạy thẳng ra Hà Tiên gặp Bá-đa-lộc rồi hai người trốn qua Phú Quốc, ở hai nơi khác nhau[163].

Nhưng quân Nguyễn còn chưa chịu thua. Không biết sự việc tiến triển ra làm sao, hai tháng sau, Nguyễn Ánh lại trở về ông tập trung quân đóng ở Đồng Tuyên và phân phối nhiệm vụ cho các tướng sĩ: Nguyễn Kim Phẩm được làm Tiền phong, Nguyễn Huỳnh Đức trông coi đám binh người Miên làm Hậu ứng; Trung quân có Tôn Thất Dụ, Nguyễn Đình Toàn, Lại bộ Hồ Đồng, Binh bộ Minh, Tham nghị Trần Đại Thế, Tham mưu Trần Đại Huê (con Thế); Chưởng cơ Hoảng giữ Tả chi, Nguyễn Văn Quý Hữu chi. Nguyễn Huệ nghe tin đem binh tới. Trận chiến xảy ra và Toàn, Quý, Minh, Huê bị giết, Huỳnh Đức, Hồ Đồng bị bắt về làm tay chân Nguyễn Huệ. Mất hết thuyền, đạo quân trốn chạy trong một xứ đầy sông rạch này phải đem thân làm mồi cho cá. Nguyễn Ánh bắt đầu từ nay một cuộc đời lưu vong thật sự.

Tiết 6

CHIẾN THẮNG TY SƠN TRƯỚC VIỆN BINH XIÊM LA

Tây Sơn săn đuổi * Giao thiệp Gia Định và Xiêm La * Viện binh Xiêm và chiến bại * Ảnh hưởng.

Sau trận Đồng Tuyên, Nguyễn Ánh lại thêm một lần khốn đốn. Trong lúc quân lính chết đuối thì nhờ biết bơi, ông đã thoát nạn. Có những may mắn đưa đến cho ông Chúa này để sử quan nhà Nguyễn lại có dịp tán tụng phước mạng đế vương. Qua Rạch Chanh, ông nhờ đến một con trâu nằm trên bờ; giữa dòng nước triều chiều chảy xiết chìm trâu thì may sao một con cá sấu (?) lại đưa giúp ông qua bờ bên kia[164]. Tây Sơn đã có mặt tại Hậu Giang chặn mất con đường chạy trốn quen thuộc, ông phải chạy xuống trú ở Mỹ Tho, rồi từ đó đưa gia quyến đi Phú Quốc.

Bị săn đuổi, binh tướng trở lòng. Đó là đám người từ lâu vẫn khó đồng hoá: quân Hoà Nghĩa đạo. Nguyên để có người điều khiển đám tân binh, Ánh sai Tôn Thất Cốc trông coi rồi sai tướng Hoà Nghĩa Trần Đình về cửa Cần Giờ để do thám. Công việc thật khó khăn mà tướng sai thì không đủ uy tín, Đình không thi hành. Ánh sai Cốc giết đi. Thuộc tướng của Đình là Trần Hưng và Lâm Húc làm phản chiếm Hà Tiên. Rủi ro cho Nguyễn Kim Phẩm và công chúa Ngọc Chú, người về Hà Tiên thu binh, người mua gạo mằm, đều bị bọn này giết chết.

Tuy nhiên việc quân đội Gia Định có mặt ở các đảo vịnh Xiêm gây nên khó khăn cho các đám cướp biển ở vùng này. Vinh-ly-ma, một tướng Xiêm từ sau loạn Phi-nhã Oan-sản (1781) tụ tập một đám người Mã Lai chiếm cứ đảo Cổ Long trong vịnh Kompong Som, thấy lẽ khôn ngoan là đem thuộc binh ra thần phục Nguyễn Ánh. Đội quân lưu vong lái thêm 100 chiến thuyền và 200 người nữa.

Thêm người tất thêm miệng ăn cho đám quân thiếu thốn sẵn. Nguyễn Ánh phải dùng binh Vinh-ly-ma quen cướp giựt hai ba lần vào Hà Tiên và quanh đó để kiếm khí giới, lương thực. Tin tức nơi trú ẩn lộ ra ngoài.

Tháng 6 âm lịch, lúc Nguyễn Ánh đang ở mũi Đá Chồng thì Tổng suất Tây Sơn là Phan Tấn Thuận kéo binh tới vừa thuỷ vừa bộ. Cai cơ Lê Phước Diễn phải đóng vai trò Lê Lai thuở trước, Ánh mới chạy thoát về đảo Cổ Long.[165] Tôn Thất Diễn, Tôn Thất Cốc, Hoảng, Vinh-ly-ma đều bị bắt và

bị giết.[166] Tây Sơn vẫn không tha. Một tháng sau, phò mã Trương Văn Đa lại đem quân đến Cổ Long vây ba vòng trùng trùng, điệp điệp, quyết không để Ánh thoát lần nữa. Rủi ro cho Tây Sơn, một trận bão đánh đắm nhiều thuyền để Ánh nhân đó thoát ra, chạy đi Cổ Cốt.

Tây Sơn rút đi, Ánh lại mò về Phú Quốc. Tình cảnh đám quân bại thật thảm thương: thuyền Ánh gãy nát cột buồm, quân lính hết lương phải bứt cỏ mà ăn rồi sống nhờ một thuyền gạo của một người đàn bà Hà Tiên đem giúp. Để vợ con lại hải đảo, Ánh táo bạo đem một chiếc thuyền vào cửa Ma Ly[167] do thám tình hình. Độ 20 thuyền Tây Sơn thấy được đến vây, ông giương buồm chạy thẳng ra biển, lênh đênh suốt 7 ngày đêm. Gặp được dòng nước ngọt, thoát chết khát, ông quay trở về Phú Quốc.

Không ở yên được một chỗ, Ánh phải sai Cai cơ Nguyễn Văn Chính về Long Xuyên chiêu binh, tập mã. Thuyền đến cửa sông Ông Đốc[168] thì bắt được tướng Tây Sơn là Quản Nguyệt, Ánh sai chém đầu thị chúng. Oai vũ chưa thấy đâu mà chỉ làm động đến Tây Sơn. May mắn, đạo quân tuần đêm bắt được viên Phó chiến Dạng trong đội phục binh ở cửa sông do Lưu thủ Long Xuyên của Tây Sơn là Nguyễn Hoá điều động. Rõ được cơ mưu, Ánh giục thuyền chạy mau cho thoát.

Lúc bấy giờ Lữ, Huệ đã về Quy Nhơn, để lại Trương Văn Đa với Chương tiền Bảo. Nguyễn Ánh trôi dạt Hòn Chông, rồi Thổ Châu, Cổ Long, Cổ Cốt ... sống cuộc đời vật vờ phần chí của viên chúa tể trong cơn bại vong. Ông phải thay phiên chèo chống, chia sốt cùng khổ với bọn tòng thần cùng vài trăm binh trên độ mười lăm chiếc thuyền. Tướng sĩ có khi vài ngày không ăn, phải đào rễ cây nhấm nhá cầm hơi.[169]

Văng Nguyễn Huệ, dư đảng Ánh ở đất liền tưởng có dịp nổi lên thành công. Hồ Văn tân đánh ở Tân Châu, Tôn Thất Hội chiếm giồng Sao[170], đắp lũy cự địch trong khi Lê Văn Quân lại giữ sông Tân Hoà. Quân Tây Sơn tiến đánh giồng Sao rồi phá tan đồn Tân Hoà. Tháng giêng năm Nhâm

Thìn (1784), kiện tướng Ánh không còn ai ở Gia Định vì Hội, Quân đều bỏ chạy sang Xiêm, chỗ trú cuối cùng.

Châu Văn Tiếp sau trận Cá Trê đã theo đường thượng chạy một mạch qua Xiêm kêu xin viện binh. Tiếp thực táo bạo trong lúc Ánh không dám liều lĩnh[171]. Sở dĩ có sự dè dặt này vì bang giao Xiêm Việt lúc bấy giờ tuy có dấu hiệu cải thiện nhưng chưa đủ cho Ánh thấy Xiêm tỏ ra quên những cừu thù cũ.

Nam Vang và Hà Tiên là hai địa điểm đầu mối gây chiến. Ta đã biết âm mưu mở rộng Hà Tiên qua phía Xiêm đã gây nên trận chiến tranh giữa Mạc Thiên Tứ và Trịnh Quốc Anh[172]. Khi Duệ Tông bị bắt, Tứ với Tôn Thất Xuân chạy trốn bị thuyền Xiêm bắt về Vọng Các. Mùa xuân 1778, Ánh sai Cai cơ Lưu Phúc Trưng qua tìm Tứ. Mùa hạ năm đó sứ bộ của Cai cơ Tham, Tịnh đi Xiêm thì gặp rủi ro: một thuyền Xiêm đi buôn Quảng Đông về qua Hà Tiên bị Lưu thủ Thăng giết cướp. Có người Chân Lạp lại nói dèm rằng Gia Định có mật thư cho Tứ, Xuân làm nội ứng để chiếm Vọng Các. Muốn khỏi lo lắng, Trịnh Quốc Anh cho giết Tứ, các con lớn Tử Diên, Tử Hoàng, Tử Thượng và Tôn Thất Xuân, Tham, Tịnh, 50 người tùy tùng, chỉ chừa lại con nhỏ và cháu Tứ phải đi đày thôi[173]. Tình hình bang giao không mấy khả quan thì lại tiếp xảy ra việc tranh quyền bảo hộ Chân Lạp.

Vào cuối năm 1781, Trịnh Quốc Anh phái các tướng Chắt-tri, Xô-si qua Chân Lạp hỏi tội Nặc-ấn, trả thù vụ Nặc-vinh bị Đỗ Thanh Nhân giết. Nặc-ấn thua rút binh về Colompé cầu cứu với Gia Định vào cuối tháng giêng 1782. Nguyễn Hữu Thụy và Hồ Văn Lân tiến quân lên Loveck[174]. Chiến tranh còn dang dở thì ở Xiêm xảy ra chính biến. Giặc thành Cổ Lạc (Korat) nổi dậy, Trịnh Quốc Anh sai Phi-nhã Oan-sản[175] cầm quân dẹp mà không biết tại sao lại không lưu ý rằng người cầm đầu cuộc loạn lại là em Sản. Sản quay giáo đem quân về Vọng Các bắt Anh cầm tù. Ở Chân Lạp, Chắt-tri cầu hoà với Thụy, bẻ tên thề, nhận cờ, đao, kiếm của Thụy tặng rồi kéo quân về giết Quốc Anh, vu tội cho Sản rồi giết luôn. Chắt-tri, Xô-si, và

cháu là Ma-lặc làm đệ nhất, đệ nhị, đệ tam Phật vương, cùng nhau cai trị truyền dòng Rama[176].

Việc kết giao với Nguyễn Hữu Thuy, tiếp theo với việc Rama I kêu Mạc Tử Sanh về Vọng Các nuôi, có thể coi như những dấu hiệu khuyến khích Nguyễn Ánh tới gần Xiêm hơn. Cho nên, khi bại binh ở sông Ngã Tư, Ánh sai sứ bộ trên 100 người theo đường Chân Lạp qua Xiêm cầu viện. Dân Chân Lạp gặp dịp may trả thù kẻ thất thế, bèn giết gần hết sứ bộ với Nguyễn Hữu Thuy, Trần Xuân Đàm. Chỉ có Nguyễn Văn Nhân, Cao Phước Trí là chạy thoát[177]. Tuy bị trở ngại, Nguyễn Ánh khôn ngoan vẫn cố giữ liên lạc thân thiện để hi vọng nhờ cậy. Mùa thu năm 1782, khi trở lại Gia Định rồi, ông cũng sai sứ đi Xiêm nữa.

Đến nay, Xiêm vương nghe lời Châu Văn Tiếp ai cầu, một mặt sai Tiếp theo thượng đạo trở về tìm chủ, một mặt sai Thát-xi-đa đem thuyền đi Hà Tiên tìm rước Ánh ở Long Xuyên vào tháng 5- 1784[178]. Nhưng có phải vì lời kêu xin khẩn thiết của Châu Văn Tiếp ngày nay và vì nhớ mối kết giao với Nguyễn Hữu Thuy trước kia mà Xiêm vương cho rước Nguyễn Ánh để rồi tính việc trợ giúp không? Có những tài liệu khiến ta phải dè dặt.

Bá-đa-lộc đến Bangkok vào đầu tháng 11-1783 có gặp ở đây một sứ giả của Tây Sơn[179]. Tài liệu thật là ít ỏi để cho ta có thể biết thêm về ngày tháng tới lui, sứ mệnh giao phó, sự tiến hành công việc của viên sứ giả này ở Bangkok. Tuy nhiên do đó, ta cũng thấy Xiêm phải lựa chọn Nguyễn Ánh và Tây Sơn mà quyết định nghiêng về bên nào lại tùy thuộc vào tình hình Chân Lạp.

Thực vậy, trong tháng 12-1783, Trương Văn Đa dẫn quân tấn công Chân Lạp. Trước đó, Nặc Ấn bị Chiêu-thuỳ-biến, một người Mã Lai, nổi dậy đánh đuổi đến phải trốn qua Xiêm. Đa đến, Biến vốn được Xiêm công nhận làm phụ chính ở đây từ trước, vội vàng chạy qua cầu viện. Và rồi Tây Sơn giáp mặt quân Xiêm. Trương Văn Đa nghe tin điệp viên báo rằng quân Xiêm sẽ tiến theo đường Lào đánh Quy Nhơn, nên quyết định khai chiến.

Xiêm cũng đòi Tây Sơn trả những kẻ thù của Xiêm mà Tây Sơn giữ (?) không thì chiến tranh. Và chiến tranh xảy ra. Tây Sơn bị Xiêm vây, hai bên đánh nhau vài lần.

Cuối cùng Trương Văn Đa rút khỏi Nam Vang (6-1-1784). Nhưng từ đó “chiến tranh càng ngày càng nhen nhúm giữa người Xiêm và bọn giặc ở Sài Gòn”. [180]

Để phân tán lực lượng Tây Sơn, Xiêm vương nghĩ tới Nguyễn Ánh. Và đó là cơ quan trọng nhất để giải thích việc Nguyễn Ánh được “rước mời” vào Vọng Các. Cuộc đón rước nếu thực tình và diễn tiến trong bình đẳng thì sao lại để xảy ra những điều mà khi gặp lại Bá-đa-lộc lần thứ hai, Ánh phải than phiền về “cách thức người ta lôi ông vào Xiêm”?

Tuy vậy, Ánh cũng ở Vọng Các chờ đợi đưa về. Đây là dịp may mắn cho Xiêm vương có thể mở rộng cương giới về phía Thuỷ Chân Lạp. Viện binh Xiêm gồm có hai vạn quân, ba trăm chiến thuyền dưới quyền điều khiển của Chiêu Tăng, Chiêu Sương, xuất binh ngày Nhâm thìn tháng sáu (25-7-1784).

Chiến tranh dùng Xiêm binh chiếm Gia Định được Nguyễn Ánh tóm thuật trong một bức thư gửi cho J. Liot [181]:

“Từ Thầy theo Ta mà trở về [182] thì Ta cùng Xiêm binh tựu tại Mang Thít [183] hạnh công Tây tặc, thủ thắng tàu một chiếc, hải đạo [184] 5 chiếc. Nhân ngày sau trực tấn xứ Lạch [185]. Nay thì Xiêm binh đại tứ lỗ lược, dân như phụ nữ, lược như tài vật, tưng sát bất dung lão thiếu. Vậy nên Tây tặc binh thể như tạnh, Xiêm binh thể như suy. Cớ ấy qua tháng chạp, mùng tám vừa thất lợi, các giai hội tản” ...

Sử quan ghi cẩn thận hơn: tháng 7 âm lịch, khi quân Nguyễn Ánh và Xiêm chiếm Kiên Giang rồi đánh Đô đốc Tây Sơn Nguyễn Hoá ở Trấn Giang (Cần Thơ), quân Xiêm chia nhau đồn trú Ba Vác, Trà Ôn, Mang Thít, Sa

Đéc. Nguyễn Ánh lo kiến tạo lực lượng riêng. Ông sai Cai cơ Trịnh Ngọc Trí đi đến các làng kêu cựa thần đang lẩn trốn và hào kiệt nổi lên hưởng ứng quan binh. Kết quả sơ khởi cũng khả quan: ở Vũng Liêm[186], phó Đốc chiến Lý của Tây Sơn ra hàng. Cai cơ Nguyễn Tấn Văn hàng Tây Sơn ở trận Cá Trê năm ngoái nay cũng trở về. Sau đó là Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Khiêm bị bắt sau trận Đồng Tuyên và dư đảng Đông Sơn do Nguyễn Văn Thành chiêu dụ.

10 âm lịch, Nguyễn Ánh chịu một cái tang đau đớn: Châu Văn Tiếp quá hăng hái tiến sâu vào trận địa chết đối mạng với Chương tiền Bảo ở Mang Thít. Trương Văn Đa vội rút về Long Hồ, sai người cấp báo Quy Nhơn.

Quân Xiêm hoành hành dữ. Ánh kêu với cận tướng[187], rồi bỏ ra các hải đảo, gặp Bá-đa-lộc ở Thổ Châu vào tháng 12-1784, than thở với ông này rằng: người Xiêm lừa gạt ông, lấy cớ lập lại quyền binh cho ông chỉ để dùng danh vị ông mà cướp bóc dân chúng và bắt sống ông thôi[188]. Trong khi đó, các tướng ông còn lại ở lục địa cố gắng tìm chiến thắng. Lê Văn Quân tiếp tục công việc của Châu Văn Tiếp, làm Khâm sai Tổng nhung, đem Chương cơ Đồng tiền chiếm Ba Lai, Trà Lọt.

Nhưng không lâu, tháng chạp Giáp Thìn, Nguyễn Huệ kéo quân vào. Chạm với một kẻ địch lạ tay, Nguyễn Huệ đánh mấy lần không thủ thắng đã có ý rút quân về. Vừa lúc một hàng tướng của Nguyễn Ánh, Lê Xuân Giác, liền cho Huệ kế phục binh, đánh mạnh, bắt thần, hợp với sở trường viên tướng trẻ mà đầy khả năng này.

Huệ đem lính thiện chiến mai phục ở Rạch Gầm, rạch Xoài Mút[189] rồi dụ quân Xiêm tới. Quen mùi chiến thắng, quân Xiêm tiến sâu vào nội địa bị đánh úp tan tành, chỉ còn vài nghìn người lẩn trốn theo đường bộ Cao Miên chạy về nước. Thực là một chiến thắng làm choáng váng địch quân. Nguyễn Ánh không trông cậy gì ở viện binh Xiêm nữa. “Họ sợ Tây Sơn như sợ cọp”.

Nguyễn Ánh chạy về Trấn Giang sai Cai cơ Châu Phúc Trung tâu sự tình lên Nhị vương nước Xiêm. Cuộc đời lao đao bị săn đuổi lại bắt đầu qua Thổ Châu rồi Cổ Cốt. May mắn hơn, lần này đã quen sẵn, ra Cổ Cốt, Nguyễn Ánh gặp Cai cơ Trung đem binh Xiêm rước. Tháng ba năm Ất Ty (1785), với các tướng tòng vong trên 5 thuyền và 200 binh, Nguyễn Ánh lui thủi vào Vọng Các.

Nhưng hi vọng chưa dứt, ông còn mong chờ. Trong khi đó Tây Sơn lại bắt đầu tính chuyện tuồn đổ sức mạnh có sẵn của họ ngược lên phía bắc, cường bách đám dân chúng ở đây nhìn nhận oai quyền, giá trị của kẻ bà con phương xa về đã thu nhật được trong chuyến viễn du mấy trăm năm cách biệt.

PHẦN THỨ HAI - SỰ TAN RÃ Ở BẮC HÀ VÀ PHẢN ỨNG DỘI NGƯỢC KHI TY SƠN BÀNH TRƯỚNG (1786 – 1789)

Chương 3 CHIẾN TRANH BẮC HÀ 1

Tiết 7

CHIẾN TRANH TIÊU DIỆT HỌ TRỊNH

Vai trò Nguyễn Hữu Chinh trong chiến tranh phá vỡ phân tranh cũ * Cùng đích mơ ước của Nguyễn Nhạc ở Phú Xuân * Chiêu bài “Phò Lê diệt Trịnh” cũ kỹ khi năng lực mới đem ra sử dụng.

Trong thời gian tiến mạnh về nam, khi dân Đại Việt chậm chạp nhưng chắc chắn biến đổi người và tự để mình biến đổi, thì cả vùng Á châu cũng thấy được thế giới mở rộng với các thuyền buôn u châu mang xa lạ đến. Riêng ở Việt Nam, người Bồ đến Hội An (Nam Hà), người Hoà đến phố Hiến (Bắc Hà) rồi sau đó là người Anh, người Pháp. Theo với họ cũng có những người Á châu (Trung Hoa, Nhật, Mã Lai, Xiêm La ...) đã hành nghề từ trước nhưng lại tăng tiến theo trào lưu giao thương khích động.

Người ta ghi nhận rằng hoạt động thương mại hồi này ở ta không lấy gì làm khởi sắc cho lắm vì tình trạng nghèo đói của dân chúng. Mọi cung cấp ra cũng như vào phần lớn do đám lái buôn Trung Hoa. Nhưng trên bình diện quốc gia và địa phương, sự giao thương đem lại hàng hoá, con người, tư tưởng khác cũng gây những xáo trộn quan trọng.

Ngoại thương làm khích động nội thương: trầm hương, kỳ nam, tiêu, cau, ớt ... đi từ núi, từ đồng xuống biển, cá mắm, đồng sắt từ biển lên núi, đồng. Người đi buôn vượt khỏi ràng buộc của hương ước, của “lệ làng”, tiếp xúc với người khác xứ, khác nước trở nên tiến bộ, có sáng kiến và dám liều hơn. Chúng ta đã thấy nhân dịp chúa Nguyễn phát triển thế lực về phía nam, phía tây, nảy sinh ra một dòng trao đổi sản vật giữa miền núi và đồng bằng dọc biển qua các nguồn để hợp với những nguyên nhân khác gây ra và nuôi dưỡng biến động Tây Sơn.

Nhưng trong lúc nhóm Nam Hà ly khai yếu ớt phải sẵn sàng chờ đón thu nhận, thích ứng với hoàn cảnh và một chừng mực phương tiện mới, thì Bắc Hà vẫn dựa trên cơ cấu trường cửu có sẵn ở trung châu Nhĩ Hà để cố gang tồn tại. Điều đó giải rõ tại sao biến loạn Tây Sơn xảy ra ở Nam Hà, nhưng cũng cho ta thấy trước thời kỳ nghiêng đổ của Bắc Hà. Sớm hay muộn Tây Sơn cũng là một thế lực đe dọa họ Trịnh như Hoàng Ngũ Phúc đã thấy. Đúng vậy, ảnh hưởng giao thương làm đa tạp hoá xã hội cũng có ở Bắc Hà đồng thời với sự tan rã triều chính.

Lịch sử chính thống không ghi rõ có một “thương ban” bên cạnh văn, võ và giám ban của họ Trịnh, chịu chức tước cùng cố hay quấy đảo triều Chúa. Nhưng những nhân chứng thời đại đã cho ta thấy họ Trịnh và võ quan ủng hộ đám dân Thanh, Nghệ đi buôn bán trở nên giàu có hơn, cũng như họ đã ban đặc quyền cho ưu binh Tam phủ để bảo vệ cơ nghiệp nhà Chúa vậy.

Lúc thái bình người ta không chú ý để ghi nhận sự có mặt của lái buôn vì họ ở dưới bậc chót của giai tầng xã hội. Nhưng họ vẫn kiên nhẫn làm giàu không kể câu “vi phú bất nhân” vì người ta lúc nào cũng cần tiền và chứng tỏ, lúc bình thời, người ta mua chuộc họ bằng quan tước, khi hoạn lạc, người ta tha hồ cướp bóc họ. Đám thương nhân “các lái” của Trịnh đã trải qua như vậy chuyển loạn ở Thăng Long, lúc Tây Sơn ra Bắc:

“Đám các lái rất phè phỡn trong thời đói kém, vì lợi dụng được lúc thiếu gạo để bán mắc ... và để cho những người nghèo khổ chết đói dọc đường. Đám các lái mất hết, thuyền, thóc, tiền sạch cả. Ở đây, chúng tôi thấy họ đi qua, trần truồng để trở về xứ Thanh”.

Đám các lái đó không phải buôn bán loanh quanh xóm chợ làng quê mà thôi. Vị trí tập trung và số lượng của họ cho biết tầm hoạt động rộng lớn của họ: họ ở “gần cửa Bạng, nơi hòn Biện Sơn, nhân số lên tới gần 3.000 người”[190].

Nguồn lợi tức của họ không tùy thuộc vào đất ruộng nên họ có gia tư, sản nghiệp lớn, trong lúc đám nông dân đói kém sạt nghiệp và trong lúc đám sĩ phu xuất thân từ đồng quê cũng hoảng hốt trước tình cảnh thảm thương xảy ra chung quanh nên đâm ra chán đời, bi quan[191]. Họ sống sung túc rồi muốn danh vọng. Nguyễn Hữu Chỉnh cũng ở trong số đó[192].

Ông người làng Đông Hải, huyện Nghi Lộc, trấn Nghệ An. Không phải tình cờ mà cha ông lái buôn, gia tư kế hàng vạn, có con đỗ Hương cống mà vẫn cứ nương tựa Quận Việp Hoàng Ngũ Phúc. Đó là vì võ quan cần tiền của lái buôn và lái buôn cần thế lực của nhà quan để làm giàu cho dễ.

Cuộc sống sung túc tạo cho Chỉnh hơn người. Học khắp các kinh sử, đỗ Hương cống năm 16 tuổi, hay Nôm (nghĩa là không chịu nho hoá), hào hiệp, giao du rộng rãi, ứng biến lanh lẹ, giỏi thuỷ chiến đến có danh hiệu “con cắt nước”, Chỉnh là một bộ mặt đặc biệt, nổi bật của Bắc Hà thời ấy. Chỉnh ý thức được tài mình, cho nên không phải là quá huênh hoang khi ông nói với Nguyễn Huệ: “Nhân tài Bắc Hà có một mình Chỉnh, Chỉnh đi rồi ấy là cái nước trống không”.

Mơ ước làm chim bằng tung cánh đến xưng tước là Bằng lĩnh hầu, Bằng quận công, Chỉnh có tầm mắt rộng rãi hơn bọn sĩ phu, võ quan đương thời. “Thiên hạ vạn nước, lo gì không chỗ đi”, đó là lời Chỉnh trả lời thái độ rụt rè của Trấn thủ Nghệ An, em rể Quận Việp, khi phải trốn cái vạ Quận Huy bị quân Tam phủ giết chết. Nguyễn Nhạc, Châu Văn Tiếp rồi bây giờ Nguyễn Hữu Chỉnh, những người khác xứ, lúc bạn lúc thù nhưng đều giống nhau ở chỗ xuất thân, đó là những bộ mặt nổi loạn làm khuấy đảo thêm dữ dội xã hội Đại Việt của thế kỷ XVIII vậy.

Tháng 11 Nhâm Dần (1782), Chỉnh đi theo Tây Sơn, “ngày đêm vì giặc bày mưu thiết kế”. Sử quan nhà Nguyễn thấy rõ rằng Chỉnh “rốt lại thành mối lo cho Bắc Hà”[193]. Nhưng vượt trên sự lo lắng cho cơ nghiệp một dòng họ, ta cũng thấy việc Chỉnh vào Quy Nhơn là quan trọng: đó là sự tập trung, hợp tác của những năng lực làm gãy đổ cơ cấu chính trị đương thời, đó là sự tiếp sức làm đổ vỡ nốt cái thể phân tranh cũ kéo dài hơn hai trăm năm rồi.

Tây Sơn mạnh, điều đó không ai là không nhận thấy. Lê Quý Đôn đem chuyện sấm ký, nói Tây Sơn có đất thiên tử chẳng qua cũng chỉ thay người đương thời ý thức được cái sức mạnh đó mà thôi. Từ khi đuổi đánh quân Xiêm vào đầu năm 1785, quân Tây Sơn bắt đầu dòm ngó phía bắc, nơi kinh đô cũ của Chúa Nam Hà. Chiếm được Thuận Hoá mới là đạt đến cùng đích mơ ước của Nguyễn Nhạc như khi ông thổ lộ với Chapman từ 1778.

Trong khi con hổ non Tây Sơn gầm gừ nhìn ra thì con sư tử già Trịnh đã tàn tạ đến mức không thể cử động được. Những Linh mục thời bấy giờ ở Bắc Hà đã ghi lại những thiên tai, thủy loạn mà dân chúng phải gánh chịu. Đó là những trận hạn hán ghê gớm “làm dân xứ Nghệ không gặt được hột nào”. Trận dịch trâu bò tiếp theo vào năm 1784 làm chết 2/3 súc vật khiến cho người phải cày bừa thay. Nghề chài, nghề đã làm giàu cho cha Nguyễn Hữu Chỉnh ở xứ Thanh Nghệ cũng tàn tạ vì bão tố năm 1785. Trước khi Tây Sơn tới Bắc Hà phải chịu nạn đói vì lụt to, hạn lớn, sâu bọ nhiều, vì dịch đi tước[194].

Những tai họa do nhà cầm quyền gây ra càng làm cho dân chúng điêu đứng hơn nữa. Những chương đầu của quyển Hoàng Lê nhất thống chí cực tả được tình trạng rối loạn chính quyền ở Bắc Hà vào những năm này.

Chúng ta thấy được đám quần thần văn võ chuyên nịnh bợ đưa đón lời Trịnh Sâm, chúc mừng Trịnh Cán. Có kẻ chuyên tố cáo người để làm quan như Đốc đồng Nguyễn Huy Bá ở trấn Thái Nguyên, có kẻ như Đặng Mậu Lân cậy quyền Thứ phi, làm nhục quan quân, bắt hiếp vợ con dân gian, thậm chí đến giết sứ giả Trịnh Sâm sau khi hỏi một câu rất hách: “Chúa là cái gì?”

Chúa là cái gì? Thực vậy, Chúa bị khinh khi vì gia đạo không yên. Trịnh Sâm yêu quý Thứ phi Đặng Thị Huệ, muốn cho con Huệ là Trịnh Cán lên nối nghiệp. Con trưởng Sâm là Trịnh Tông tưởng có thể nhân lúc Sâm nổi chứng đau bụng kinh niên nguy kịch mà mưu đồ giành quyền binh, nhưng thất bại gây ra vụ án Canh Tý (1780) mà lời than van uất ức của một nạn nhân là lời kết án chế độ: “Trời không có mắt, trào không có quan để cho Quốc Chấn chết oan”.

Đám ưu binh Tam phủ mà số lượng độ chừng 25 - 30.000 người[195] dùng để bảo vệ Chúa, thường ngày không có việc gì làm ngoài việc phá phách dân chúng, đe dọa các quan, bây giờ mới chen vào việc nhà Chúa. Trịnh Sâm mất sau hàng năm sống tránh ánh sáng mặt trời[196] để Trịnh Cán lên

ngôi gậy nên cái hoạ tương tranh. Kiêu binh phế Cán sau khi giết Huy Quận công Hoàng Đình Bảo, người che chở Nguyễn Hữu Chỉnh, rồi lập Trịnh Tông lên ngôi Chúa trong một cảnh mà Ngô Thì Chí tả một cách mỉa mai.

Quyền binh từ nay ở trong tay Kiêu binh. Chúa lập được thì vua cũng do họ lập được nốt. Họ hoành hành tàn phá phổ phường dữ dội nhất vào những tháng đầu năm Giáp Thân (1781)[197].

Tình hình Bắc Hà như vậy, Chỉnh hay biết cặn kẽ nhờ căn vặn một thuyết khách của Chúa Trịnh. Cuối mùa xuân Bính Ngọ (1786), Trịnh Phú Như từ Thuận Hoá vâng mệnh trấn tướng Phạm Ngô Cầu vào Tây Sơn điều đình việc biên giới nhưng lại thóc mách nói cho Chỉnh rõ về tình hình đói kém ở Bắc Hà, dân với lính không ưa gì nhau. Với một viên trấn tướng dần dộn, chậm chạp như Phạm Ngô Cầu thì ba vạn quân dưới quyền điều khiển của các viên Đại tướng, Phó tướng, Đốc thị, Phó Đốc thị cũng không thành một lực lượng gì hết, huống hồ là cách cai trị gay gắt, cướp bóc trong một xứ vừa qua nạn đói lại khiến cho người dân càng thù ghét lính tráng.

Cho nên, cuối tháng tư âm lịch Bính Ngọ, quân Tây Sơn trực phát Thuận Hoá dưới quyền Nguyễn Huệ có Vũ Văn Nhậm làm Tả Đô đốc, Nguyễn Hữu Chỉnh làm Hữu Đô đốc với Tiết chế Nguyễn Lữ đi tiếp ứng[198]. Đánh trúng vào tâm lý mê tín của Phạm Ngô Cầu, Tây Sơn mưu khiến Cầu lập đàn chạy suốt 7 ngày đêm, mệt mỏi tướng sĩ, để hoảng hốt thấy giặc âm âm kéo đến không đường chống cự[199]. Đại diện cho nhóm “treo cờ điều” quyết chiến[200] ba cha con Hoàng Đình Thế và tướng Vũ Tá Kiên chết ở ngoài thành Phú Xuân vì Cầu muốn hàng đã không tiếp tế thuốc đạn. Số mệnh của ông quan Đại muốn “treo cờ bạc” này cũng không hơn gì: ông bị tổng về Quy Nhơn rồi bị giết. Tây Sơn ca khúc khải hoàn vào Huế ngày 14-6-1786.

Trong trận này, quân lính Bắc Hà ở Phú Xuân rất ít người chạy trốn được về, lớp bị Tây Sơn giết, lớp bị dân chúng Thuận Hoá trừ.

Chiến tranh tàn sát vẫn được coi là vết nhơ cho Tây Sơn, nhưng không phải họ không có lý do để bào chữa. Lý do đó nằm trong nguyên tắc hành quân của họ. Đánh mau, đánh mạnh, đánh bất thần thì tất luật lệ giết chóc của chiến tranh được thi hành triệt để.

Người ta cũng có thể coi việc Tây Sơn trong trận đánh Thuận Hoá phá huỷ một chiếc tàu Bồ từ Macao tới, chìm nước anh em viên chủ tàu, giết hai người thuỷ thủ[201] như là một chứng cứ về lòng hiếu sát của họ. Thực ra, chúng ta lưu ý rằng thuỷ quân của họ chỉ là một đoàn thuyền[202] tuy tới hơn 400 chiếc, nhưng vẫn ọp ẹp so với chiếc tàu đồng Tây phương ở vùng tiền quân. Họ đã có kinh nghiệm của trận chiến mùa xuân 1782 ở sông Ngã Bảy. Phải đánh ồ ạt để lấp liếm cái yếu kém kỹ thuật của họ. Cho nên, phải tàn sát. Chứ bình thường họ cũng biết cố tìm cách lôi kéo các nước Tây phương theo họ.

Cuối năm 1785, một chiếc tàu Macao bị gió bạt vào Quy Nhơn. Nguyễn Nhạc tịch thu chiếc tàu đó, cho người lái nhưng vụng về để chìm mất. Chủ tàu và thuỷ thủ được trả về Macao có lẽ vào lúc xuất quân đánh Phú Xuân (5-1786). Tây Sơn cho người theo mang thư cho toàn quyền Manille xin giao thương và mua đại bác để đánh giặc, mua đồng để đúc tiền và luôn thể dò xét xem Nguyễn Ánh có đi Manille với Bá-đa-lộc không[203]. Nhưng dù sao chiến tranh cũng đưa họ tới chỗ cô lập với bên ngoài cũng như sẽ cô lập với dân chúng vì tính cách tận dụng nhân lực của họ.

Sau khi chiếm được Đồng Hới, đuổi tướng Ninh Tồn chạy về Bắc, Tây Sơn dừng lại. Thực vậy, vì như đã nói, đó là cùng tột ước muốn của Nhạc: chiếm để làm chủ cả giang sơn “họ ngoại” của mình. Ý định đó thể hiện trong việc xây lại lũy Thầy cao 19 bộ, dày 1 sào. Không ai được ở nhà, cả đàn bà, con gái, người goá - trừ người còn cho con bú, đều phải đi đắp lũy hoặc vào rừng đốn cây. Dịch vụ đó lại làm hao tổn thêm một xứ sở đã ít người sẵn vì chiến tranh, dịch tễ, đói kém.[204]

Nhưng nếu Tây Sơn của Nguyễn Nhạc bắt đầu phải dè dặt thì Tây Sơn của Nguyễn Huệ với viên tướng chưa hề thua 33 tuổi tất không thể dừng lại bên dưới sông Gianh mà phải làm cái gì để “phô trương lòng gan dạ của họ”. Lại thêm vào đó là viên tượng chiếm lại số vàng trong kho Phú Xuân mà Trịnh đã lấy về 12 năm trước, chưa kể kho vàng của chính họ Trịnh[205].

Nếu Nguyễn Huệ còn ngần ngừ thì có Nguyễn Hữu Chỉnh để đốc xúi thêm vào. Đem binh pháp ra để khuyến dụ Huệ, vạch rõ đất Bắc chỉ còn cái vỏ rỗng không “tướng trẻ, binh kiêu, triều đình không kỷ cương”, dùng chiêu bài Phù Lê, diệt Trịnh để tiến quân, dùng viên tượng thành công lớn trong lời sấm để ngăn cái sợ trái lệnh Vua Anh, Chỉnh thực đã hết lòng tìm cách để trở về quê cũ với uy danh sấm sét vậy.

Nhưng đi đánh một xứ xa cũng phải cần tổ chức thêm lực lượng. Quân của họ lúc từ Quy Nhơn cũng lẫn lộn đủ thứ hạng và giống người. Ngoài người Việt Nam Hà, tất nhiên, họ còn có “những người Mường, Man di và các bọn mọi khác như Cao Miên, Cambien (?), Xiêm..”.[206], nghĩa là có thể nói đám người thiểu số miền núi, đồng bằng Nam Hà, đám tù binh ở chiếc tàu Bồ, trong các trận chiến thắng trước ở Gia Định. Bây giờ họ phải lấy thêm quân Thuận Hoá, Bố Chính. Tù binh Bắc Hà thì không còn nữa. Dân số ở đây lại sụt xuống nhiều vì đói, dịch tễ đến nỗi người ta phải lôi đàn bà đi đắp lũy sửa đường. Chỉ còn những người của các tôn giáo lẫn lút đứng ngoài chiến tranh là còn đông đúc. Cho nên, từ Phú Xuân cho tới sông Gianh, chỉ trong 5 ngày, tất cả đều bị bắt đi. Tây Sơn phá các chùa chiền và ép các nhà sư phải mang khí giới đi đánh giặc[207]. Những tín đồ Công giáo cũng không được chừa, hầu hết đều phải gia nhập vào đoàn quân viễn chinh ra Bắc[208]. Ngoài ra, Tây Sơn cũng cần kim khí. Họ phá nhà thờ, chùa chiền, một phần để bắt người, một phần để tìm các tượng và các chuông về đúc súng đại bác[209]. Đáng lưu ý là đám tân binh bị bắt buộc vác súng này, một khi bị lôi cuốn vào trận địa, vẫn trở nên những người lính can đảm, có kỷ luật.

Trước khí thế ào ạt như vậy, Thăng Long lại không nghĩ gì đến chống đánh. Họ cho đất Thuận Hoá là đất Nam Hà, mất đi cũng là “điều may”, chỉ cần giữ Nghệ An là được. Quân tướng sai đi trấn Nghệ An dưới quyền Trịnh Tự Quyền thì trùng trùng đến 10 ngày chưa xong việc chinh bị.

Trong lúc đó thì Tây Sơn đã ra. Nguyễn Hữu Chỉnh lãnh 150 thuyền[210]. đi trước vào cửa Đại An nhằm vào kho lương Vị Hoàng (Nam Định) tấn phát. Trên đường đi, trấn thủ Nghệ An Bùi Thế Toại, Thanh Hoá - Tạ Danh Thuỳ nghe gió bão thành chạy. Tướng giữ Vị Hoàng cũng không hơn gì. Chỉnh thu được ở đây hàng trăm vạn học lương, giải quyết chắc việc tiếp tế cho quân đội rồi đốt lửa làm hiệu cho Nguyễn Huệ hay biết chiến thắng mà đến (16-7-1786).

Trịnh phải vội vã tổ chức quân chống cự. Trịnh Tự Quyền xuống giữ Sơn Nam đóng ở Kim Động. Bùi Thế Dận đem bộ binh yểm hộ cho Đinh Tích Nhưỡng dẫn thủy binh đến cửa Luộc. Nhưng quân Tây Sơn cũng vừa đến đánh tan quân Nhưỡng, xua Dận, Quyền chạy rồi chiếm giữ phố Hiến ngày 19-7. Hôm sau đoàn thuyền trực chỉ Thăng Long [211].

Tướng tá Kinh đô lo chạy vợ con, cất giấu của cải, không một người nào dám đánh giặc. Tham tụng Bùi Huy Bích bị công kích rồi bị Tông bãi chức, bắt ra trận đốc chiến. Trần Công Xán hiến mưu Chúa, gọi Hoàng Phùng Cơ, bộ tướng Hoàng Ngũ Phúc trước kia, từ Sơn Tây về góp 300 bản bộ binh với 1.000 người vội vã chiêu mộ bằng 5.000 lạng bạc quân phí, tất cả đem ra đóng ở hồ Vạn Xuân. Thủy quân của Kinh kỳ cũng đến đóng ở bến Thuý Ái chờ giặc.

Nếp sống thái bình, lừ đừ đã quen thói, quân Trịnh không lường được sức đánh hoả tốc của Tây Sơn. Giặc đến mà lính tráng không kịp lên thuyền để viên Thiên tướng Ngô Cảnh Hoàn một mình đầu thuyền cự chiến, bị súng lớn bắn chết lòi theo cái chết thảm thương hơn của người vợ bé Phan Thị Thuần. Quân Tây Sơn đã ulla lên bộ mà quân Phùng Cơ còn ăn cơm thì cái thế thua thật đã rõ rệt nghiêng về phía nào rồi.

Tây Sơn chém giết cho chán rồi tiến quân lên bến Tây Long. Đám lính hộ vệ kinh thành bấy giờ mới cho người ta thấy xấu hổ với danh vị ưu binh. Nghe súng hoả mai của giặc họ “sợ mất vía, bỏ cả khí giới, chạy thực mạng”. Cây cờ “Diệt Trịnh phù Lê” phát phới trên thành Thăng Long khiến cho “chỉ có Chúa Trịnh, bộ hạ cùng binh lính chạy trốn thôi” (21-7-1786) [212].

“Giặc Quảng” tiến vào Trịnh phủ lấy vàng bạc, súng lớn, súng tay, đồ đạc, voi ngựa, chỉ để lại cái xác vôi gạch. Quân tướng Tây Sơn chui rúc ở các chùa, vứt chôn các pho tượng, không một mặc cảm nào hết[213]. Binh lính cũng mang tinh thần cương cường của chủ tướng. L.M Le Roy ở Kẻ Vĩnh thấy họ đi lính “không lương, không tiền”, mà “không lấy cái gì của người Bắc hết, hoặc ăn cơm không muối, uống nước lạnh và ngủ ngoài trời”[214]. Ở cửa Bạng, La Mothe thấy họ cướp bóc, đốt phá, nhưng giết người rất ít, vì có lệnh cấm của “bạo chúa”[215]. Họ trị tội bọn trộm cướp một cách giản dị đến thành thô kệch, tàn nhẫn: có ai cáo là không cần phải đông dãi, họ chặt đầu tức khắc [216]. Hình phạt cũng không miễn trừ cho binh lính họ.

Nhưng chiến thắng không đủ, người ta còn phải hợp pháp hoá việc tiến quân đối với dân chúng. Thực ra, ở cửa miệng người mạnh việc gì không phải. Ở đây, như đã thấy, người ta có sẵn để lợi dụng một chiêu bài cũ kỹ: “Phò Lê diệt Trịnh” và một lời sấm truyền tụng từ lâu trong dân gian rằng Trịnh sẽ mất nghiệp Chúa. Lễ Trời như vậy, Tây Sơn chỉ là kẻ đại Thiên hành đạo thôi. Cho nên, Lý Trần Quán dù có tự phụ “đạo hiệu 3 năm đã trọn” có nhắc đến nghĩa vua tôi, tình thầy trò cũng không ngăn được tên học trò Tuần huyện Trang bắt Đoan Nam vương Trịnh Tông đem nạp cho Tây Sơn với cái lễ giản dị “sợ thầy không bằng sợ giặc, quý Chúa không bằng quý thân”.

Điều đó cho ta thấy sức phân ly của xã hội Bắc Hà đương thời. Những biến loạn trước xưng là diệt Trịnh phò Lê nhưng không có được những lực

lượng kết tập to lớn. Đám nông dân trung châu đi theo Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyển, Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Danh Phương ... chẳng hạn, vì nghèo đói, bất mãn quan lại mà vác bừa vác gậy làm giặc, mỗi nơi mỗi nhóm chứ thương gì Lê! Đám sĩ phu, võ tướng thấy ngồi ở phủ Chúa cũng không khác gì Điện Vua, làm Bồi tụng cũng giữ ngôi Tể tướng thì có gì mà thắc mắc đổi thay? Còn Nguyễn chúa ở phương Nam muốn nói đến nghĩa tôn phù - để giữ độc quyền tôn phù, thì cũng không đủ sức đem binh qua 7 huyện Nghệ An. Những lực lượng phân tán của xã hội Đại Việt chỉ vừa đủ để giữ ngôi vua Lê chứ không đủ để trao lại thực quyền cho dòng họ này.

Rồi theo dần với thời gian, các vua Lê không dự vào chính sự trở nên vô tài, dung thường. Điển hình nhất là ông vua già, bệnh Lê Hiến Tông. Làm vua mà “khoanh tay rũ áo, tìm trò mua vui”, bị Trịnh Sâm đè nén mọi cách vẫn cười cợt mới có thể làm vua lâu dài. Nhưng lâu dần tính cầu an thành trầm trệ đến nỗi không muốn Trịnh chúa mất nghiệp, sợ “mất kẻ gánh cái lo”, đến nỗi Kiêu binh xin tôn phò, chính ông dọa tố cáo với Đoan Nam vương, đến nỗi được Nguyễn Huệ trao quyền thì không mấy vui, coi đó là “một gánh nặng”, gả Ngọc Hân cho người để họ chia sớt “lo lắng”.

Nhưng ông mai giảo hoạt Nguyễn Hữu Chỉnh chắc không ngờ mình vừa làm một việc thay đổi lớn lao con người của viên tân Nguyên súy Uy quốc công của triều Lê tàn tạ. Viên tướng thường thắng Nguyễn Huệ tuy cầm quân nhiều lần, tuy làm em vua một cõi, có lúc hãnh diện là “kẻ bố y”, nhưng không thoát khỏi mặc cảm làm kẻ mường mán trong hang hốc xa xôi. Làm rể một giòng vua có quá khứ 400 năm, có người vợ kinh sử lầu thông, Nguyễn Huệ lớn lên trước chính mình sau mười mấy năm hiên ngang trước binh tướng. Can dự vào việc lập Tự Hoàng, lo lắng cho việc chôn cất Hiến Tông, ông đã không là khách trong nước An Nam này nữa. Mỗi dè dặt, e ngại can thiệp vào đất Lê cứ dần dà xoá tan trong đầu óc ông cho đến khi có những cuộc tiến quân sau. Nhưng hiện tại ông chưa dám bỏ ý tôn Lê. Tây Sơn còn lo đề phòng loạn ở các trấn của các tướng mất chức biến thành cướp như Đinh Tích Nhưỡng chiếm Cẩm Giang ở Hải Dương,

của viên văn quan trở thành tướng bất đắc dĩ, Dương Trọng Tế, chiếm huyện Gia Lâm ngay bên thành Thăng Long. Nguyễn Huệ lo tìm cách cải thiện, tăng cường chiến cụ bằng cách tìm thợ rèn, và chỉ chăm chú rút về. Việc Nguyễn Nhạc hối hả ra Thăng Long làm cho ý định thêm chắc chắn.

Họ hàng Tây Sơn bàn mật ngày rút quân về mà không cho Chỉnh dự vào. Ngô Thì Chí cho là Vũ Văn Nhậm ghét Chỉnh, xúi Huệ bỏ rơi cho người Bắc Hà giết, tiện cho việc chiếm đất sau này. Nguyên cố hiềm khích nhỏ mọn, lễ vật dân chúng đưa cho Chỉnh nhiều hơn cho Nhậm - cho ta thấy một lý do là sự cô lập của Tây Sơn giữa dân Bắc Hà. Tây Sơn chưa hẳn thù ghét Chỉnh, nhưng trước sự đặc thế, quen thuộc, cá trong nước của Hữu quân họ, một người vốn tự nhận có tài, dễ muốn làm việc độc lập, họ phải nghi kỵ.

Thế rồi nửa đêm 31-8-1786 Tây Sơn lén lút đi, thành linh như khi họ tới, duy không có Chỉnh cùng về. Biết được tình hình Bắc Hà yếu ớt, họ không nề hà gì mà không chiếm lấy một ít đất. Đóng quân ở dinh Vĩnh mười ngày, họ cho Nguyễn Văn Duệ giữ Nghệ An, Vũ Văn Dũng[217] ở Hà Trung (Thanh Hoá) lui về châu Bố Chính, để Vũ Văn Nhậm giữ Đồng Hới ứng tiếp nhau. Nhân dịp đó, họ vơ vét kho tàng phủ Yên Trường chứa bảo vật của họ Trịnh ở xứ Thanh. Quân lính cũng thừa cơ trên đường về mà “cướp đoạt hai bên sông, bắt cóc đàn bà, con nít, làm nhiều điều nhơ uế”[218].

Nguyễn Hữu Chỉnh ở Kinh đô vội vã cướp thuyền chạy theo kịp. Nguyễn Huệ khôn khéo lấy cớ ngoài Bắc còn có Hoàng Phùng Cơ, Đinh Tích Nhưỡng chưa trừ được nên cho vàng bạc, lưu Chỉnh lại Nghệ An rồi rút binh về thành Phú Xuân trong khoảng tháng 9-1786[219].

Trong một chuyến phiêu lưu dài 3 tháng, quân Tây Sơn đã đem lại tan rã cho đất Trịnh từ Thuận Hoá ra Thăng Long. Bắc Hà như một ngôi nhà ọp ẹp, bị xô đổ không gượng dậy được, một cái “nước không” như lời Chiêu Thống nói, chỉ còn chờ Tây Sơn ra cướp lần nữa là xong. Nhưng chuyến phiêu lưu dài này không phải là không có kết quả dội lại trong nội bộ Tây

Sơn. Phản ứng dội ngược lại tai hại đến mức không ngờ có ảnh hưởng to lớn đến vận mệnh của họ[220].

Tiết 8

NỒI DA XÁO THỊT

Nguyên nhân * Chiến tranh * Kết quả: “ngư ông” Nguyễn Ánh.

Vào đầu năm 1787, trong khi người ta tưởng những lực lượng thống nhất có cơ tập thành thì một biến chuyển lớn lao làm tan vỡ viễn tượng đó: anh em Tây Sơn, hay nói đúng hơn, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đánh nhau. Tại sao có thể xảy ra như vậy?

Sách Hoàng Lê cho chúng ta biết sự rạn nứt có từ lúc Nguyễn Huệ nghe lời Nguyễn Hữu Chỉnh “tự chuyên” kéo quân ra Bắc. Chúa Tây Sơn vốn biết Huệ “khôn ngoan”, “giảo quyết” sợ Huệ lấy Bắc Hà trở về hõm hỉnh, khó mà kìm chế. Khi tiếp được thư báo Bắc Hà lấy được rồi, Nhạc lại sợ Huệ cầm đại quân ở xa, có tướng tài trong tay sinh biến, nên lật đặt ngày đêm dẫn bộ binh ra lôi về. Mỗi rắc rối quyền bính này tưởng có thể dẹp yên được khi Huệ ra tận ngoài cửa ô Thăng Long đón tiếp Nhạc, dâng binh phù, tạ tội, dẫn về nhà giới thiệu vợ mới cưới, anh em đối đáp “y như anh em các nhà thường dân”.

Nhưng chúng ta thấy mỗi nứt rạn vẫn còn: Nguyễn Nhạc nắm quyền thấy rằng cơ ngũ đã được đổi mới dưới quyền Huệ mà vẫn phải để nguyên. Xung đột nổ bùng khi quân Tây Sơn về đến Huế. Sách Hoàng Lê mượn lời Nguyễn Hữu Chỉnh tâu với Chiêu Thống mà nói rõ mối biến loạn này:

“Vua Tây từ khi về Nam thì kéo về luôn quốc thành, còn Thượng công thì ở Phú Xuân, nghỉ quân mua vui, hoặc là ban bố mệnh lệnh, sửa sang thành lũy. Bao nhiêu quân tướng, khí giới, các vật quý báu lấy được ở Bắc đem về, Thượng công đều chứa vào một chỗ, vua Tây cho người ra vờ, Thượng

công cũng không chịu vào chầu. Rồi thì phong quan ban chức, Thượng công đều tự quyết định, không hỏi gì đến vua Tây. Vua Tây cho người đem ấn ra phong Thượng công là Bắc Bình vương và hỏi những thứ của báu bắt được ở phủ Chúa Trịnh, Thượng công cũng không chịu trả lời. Vua Tây giận lắm, vì thế anh em mới gây ra cuộc binh đao”.

Sử quan nhà Nguyễn khi bàn về chỗ này quy tội thực nhiều cho Nguyễn Nhạc. Họ cho rằng từ lúc đánh Bắc Hà thắng, Nhạc đặc chí, ngày càng buông thả dân loạn, giết Nguyễn Thung, người cộng sự lúc đầu, lại hiếp vợ Huệ, “người người đều ghê tởm”. Trong chuyến Bắc xâm, vàng bạc quý giá của Trịnh phủ Nguyễn Huệ lấy, Nhạc đòi không cho Huệ và ông lại còn tranh chiếm đất Quảng Nam nữa[221]. Do đó, chiến tranh mới nổ bùng.

Một nhân chứng đương thời tại chỗ viết thư nói về việc xảy ra sau ngày Tây Sơn ở Bắc về, kể nhiều điểm tương tự với các người Việt: Nguyễn Huệ “để Nhạc đi về Quy phủ và ngay sau đó bắt dân chúng tôn lên làm Đức Chúa; Nhạc biết tin không bằng lòng nên nhiều lần đe dọa em ... ”[222].

Như vậy việc Huệ tự chuyên ở Huế, không muốn thuộc dưới quyền Nhạc nữa được xác nhận ngay cả trong lặng yên (lạ kỳ, có vẻ thiên vị đối với Huệ) của sử quan bởi vì Nhạc đã lôi em từ Bắc Hà về mà phải chịu để Huệ ở lại Phú Xuân với vàng bạc cướp được chứ không kéo được về ngay Hoàng Đế thành như những lần Nam chinh. Sở dĩ Nhạc chịu về Quy Nhơn một mình vì mối lo của Nhạc đã thành sự thực: binh lính quen chịu sự điều khiển của Huệ phần lớn đã theo ông này. Hoàng Lê cho ta thấy lúc Nhạc thu lại binh phù ở Bắc thấy có nhiều sự đổi thay, sắp đặt quân ngũ khác đi nhưng giả vờ không hay biết gì hết. Ông không thể làm khác hơn ở đất địch, nhưng về tới Phú Xuân ông cũng không lấy lại được thực quyền: một phần rất lớn thủy quân đã theo Nguyễn Huệ[223]. Do đó, ta thấy hành động “dâm, sát” ở Quy Nhơn của Nhạc có thể coi là vì phần chí, vì mối bận tâm thanh toán nội bộ hơn là vì đặc chí như lời sử quan.

Nhưng tại sao bỗng dưng lần này Huệ trở chứng với ông anh khi đã không có gì xảy ra hết trong những chuyến viễn chinh Gia Định? Đó chính là vì Tây Sơn đã tiến đến một giai đoạn khác trong sự phát triển của họ. Một biến cố có căn cứ sâu xa bắt nguồn từ những chuyển biến lịch sử bên trong cũng như bên ngoài nước như biến cố Tây Sơn, tất có những giai đoạn phát triển khác nhau, kế tiếp nhau mà từng cá nhân đang đóng vai tuồng lịch sử đó không thể thấy được vì phải chịu giới hạn của cá tính, giáo dục, thành kiến thu nhận và khoảng thời gian sống nữa. Hãy trở về Nguyễn Nhạc. Như ta đã nói, ước vọng của Nhạc thổ lộ với Chapman là chiếm cả giang sơn Nam Hà, và chỉ chừng ấy đủ rồi. Ông vẫn tự nhận mình là vua Tây Sơn, “vua Trời” của binh dân đất Nam Hà. Đối với đất Bắc, ông trở lại thời kỳ thường dân xa xưa, mặc cảm tương tự xuất hiện như khi mới gặp Chapman ông đã vội vã thanh minh việc nổi loạn khiến người khách buôn này không khỏi ngạc nhiên. Trên đường lật đật ra Bắc, Nguyễn Nhạc gặp ở Nghệ An một đám dân quê khúm núm dăng lẽ vật, gọi “quan lớn”, ông gạt đi:

“Tôi không phải là quan lớn. Tôi là họ ngoại của Chúa Nam Hà vẫn quen gọi là Biện Nhạc đấy ... Các người hậu tình thấy tôi đi xa, lương khô ăn nhạt mà đem những món ăn ngon lành biếu tôi, cảm ơn, cảm ơn ... ”

Vì vậy khi Nguyễn Hữu Chỉnh mang mầm mống phá hoại Bắc Hà vào miền Nam ươm giống phát triển, ông đã không biết sử dụng để lật đổ chúa Trịnh. Ông đã lớn tuổi rồi, từ một tên Biện lại làm loạn (cho dù có ý thức) lên được vua Trời, thế là đủ lắm rồi.

Nguyễn Nhạc dừng lại, nhưng những động lực vô ý thức của lịch sử vẫn thúc đẩy con người tiến tới. Ta thấy Nguyễn Hữu Chỉnh xui được Tây Sơn ra Bắc xô nốt dấu vết của nền phân tranh cũ. Rồi trong chuyến đi đó, ta đã thấy Nguyễn Huệ lớn lên như thế nào. Tuổi còn trẻ, ước vọng còn lớn, chuyển ra Bắc với đất Bắc tan rã hé cho ông thấy có cả một xứ sở dưới dấu vết đổ nát vẫn chứng tỏ tràn trề sinh lực, của cái phong phú, xứ sở đó sớm muộn gì cũng vào tay anh em ông. Thế mà ông cứ cản lại, “sợ khó kìm

chế” ông. Lời hịch lúc đánh nhau có chữ chê Nhạc “khinh suất, can không nghe”[224]. Khinh suất, can không chịu nghe chính vì Nhạc tự mãn trở nên coi thường những khuyến cáo đổi thay, trong lúc Huệ còn muốn tiến nữa[225].

Thế là anh em chia lìa. Quân đi Bắc đã có cơ ngũ đổi thay, khác với lúc xuất phát, đã luyện thành nếp mới. Một phần nữa họ là dân Thuận Hoá, Bố Chính, có thể có lính Bắc Hà, họ thích ở lại Huế hơn. Cho nên Nhạc về Nam mà Huệ còn giữ được quân.

Khi ra Bắc, Tây Sơn chiếm được kho tàng của Trịnh như các chứng nhân đã nói. Vàng bạc vốn không phải chỉ cần thiết cho bề ngoài một triều đình mà còn thiết yếu cho việc binh nhung nữa. Huệ phải giữ lại, và giữ được vì Nhạc cô thế ở Phú Xuân.

Nhưng Nhạc tất nhiên cũng cần vàng bạc. Ta đã thấy Tây Sơn cần tiền như thế nào. Chỉ cần thêm một chứng cứ nữa. Trước khi chiếm Thuận Hoá, vùng Tây Sơn có xảy ra một vụ rối loạn phong tục do giáo điều Thiên Chúa gây ra, nên nảy sinh một vụ cấm đạo. Ấy thế mà những kẻ nào, nếu nghèo, nộp 10 cân đồng, nếu giàu, nộp từ 100-200 cân đồng thì khỏi phải chối đạo: Đến nỗi L.M Longer phải đưa ra nhận xét: “Có thể là bạo chúa chỉ làm như vậy vì keo cú bòn mót hơn là vì có ác cảm với đạo Thánh”[226]. Số chi của quốc gia vì phải trao đổi với bên ngoài trong một tình trạng kém thế nên lại càng gia tăng gấp bội.

Tây Sơn, cả Nhạc lẫn Huệ, đều cần rất nhiều tiền. Nhạc đòi vàng đất Bắc, Huệ cố giữ và nhân đã có mâu thuẫn cũng muốn chiếm luôn kho vàng ở Quy Nhơn. Chiến tranh xảy ra.

Một bức thư viết ngày 12-5-1787 cho biết chiến tranh xảy ra đã 3 tháng rồi[227]. Kẻ nào mạnh thì ra tay trước lần lượt cho nên Nguyễn Huệ mới kéo quân vào Quy Nhơn trong tuần lễ Tro (21-2-1787)[228]. Số lượng quân đi, kẻ ước lượng 60.000 người[229], người tính đến 100.000[230]. chỉ biết

rằng với lối hành quân của Nguyễn Huệ số quân không nhỏ được. “Ông bắt tất cả mọi người phải ra trận”, tất cả nghĩa là mọi người “từ 15 đến 60 tuổi”. Cho nên vùng Thuận Hoá, nhà thờ biến thành trại lính, tượng thần phật bị lấy ra đúc súng đại bác, đúc nồi[231]. Khi quân đi rồi không còn đàn ông, ở nhà chỉ có đàn bà, kẻ mất cha, người mất con, kẻ lại mất chồng.

Họ, những lực lượng quyết định tình thế trên giải đất này họ đánh nhau rất dữ. Lại bộ Hồ Đổng bị bắt ở trận Đồng Tuyên trước làm cho Nguyễn Huệ một bài hịch, chửi bằng “sài lang, chó heo” để kể tội Nhạc “làm nhơ uế cả một triều”, “khinh suất, can không nghe” và cả quyết rằng “ngôi báu tất phải đổi dời”.

Quân Nguyễn Huệ vào vây thành Quy Nhơn, đắp núi đất đặt đại bác bắn đổ vào. Nhạc kêu khóc ở đền thờ cha mẹ rồi kêu Đặng Văn Chân ở Gia Định về tiếp cứu. Chân đem binh về đến Tiên Châu (Phú Yên) thì bị đánh tan, chính mình phải đầu Huệ làm tỳ tướng[232]. Hai ba lần giáp công, Huệ cũng bị mất đến nửa số quân và phải lấy thêm lính Thuận Hoá, bắt những kẻ vừa đủ 15 tuổi[233].

Nhạc phải lên mặt thành, khóc kêu gọi tình anh em ruột thịt cho Huệ giải vây. Tinh thần ăn đều chia đủ của anh em họ thật cũng đáng khen, nhưng đã đem lại tai hại không nhỏ cho triều đại. Trần Văn Kỷ của Nguyễn Huệ bèn lấy Bến Ván làm địa giới ngăn cách đất của Bắc Bình vương và Thái Đức Hoàng đế. Còn “chú Bảy” thì được đất Gia Định với tước Đông Định vương[234].

Cuộc chiến này thực là một kinh ngạc lớn cho dân chúng thời bấy giờ[235]. Uy danh của gia đình Tây Sơn bị hạ xuống, người ta trông ngóng về một ông Chung nào đó mà người ta chỉ biết là kẻ còn sót lại của triều đại vừa trị vì. Theo lời đồn thì người Hồng Mao sẽ đem Nguyễn Ánh trở về ngôi vị cũ. Chứng cứ rõ ràng là từ năm vừa qua có mấy chiếc tàu ngoại quốc đi dọc theo bờ biển Nam Hà, lảng xảng dò đường nước nông sâu, ghé vào cửa Thi Nai, rồi khi gặp thuyền buồm Tây Sơn cản lại thì nổ súng. Rõ ràng lắm là

tiếng đại bác vọng lại từ bờ biển. Thế lực ông Chung mạnh như vậy nên, cũng vẫn theo lời đồn, vua Trời bị ông em quý thúc đánh thái quá đã phái người xin với ông trả lại ngôi báu mà tên bà con họ ngoại này đã chiếm đoạt. Tiếng đồn chỉ dựa trên một sự thực là các tàu De Castries, La Dryade, Le Pandour lảng vảng ngoài bờ biển Nam Hà để dò xét tình hình xem có tiện cho một cuộc can thiệp không, thế mà gặp dịp lại được dân chúng thổi phồng lên tạo ra một dư luận mong ngóng về một vị cứu tinh nơi xa, trong lúc vị này đang bị giam lỏng và chăm chăm thoát khỏi thành phố Vọng Các.

Trong đám binh tướng Tây Sơn có kẻ ngả theo phe này hay phe khác, nên ngoài chiến tranh giáp công chính thức, Nhạc và Huệ còn lo thanh toán nội bộ. Có hai trường hợp điển hình: Nguyễn Văn Huệ, tướng Nhạc ở vùng Huệ và Nguyễn Đăng Vân, con nuôi Huệ ở vùng Nhạc.

Nguyễn Văn Huệ vốn được Huệ cho giữ Nghệ An để kìm chế Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh ra Bắc đuổi Trịnh Bồng, được thư Huệ hẹn cùng đánh vào, bèn sắp 10 lượng 10 tấm đoạn xúi Huệ mưu chiếm Nghệ An. Việc Huệ làm loạn này cũng là do mưu kế của Nguyễn Huỳnh Đức, người bị Huệ bắt sau trận Đồng Tuyên (1783) được cho làm tướng cùng giữ Nghệ An với Huệ mà lòng cứ đồ mưu về chúa cũ[236]. Việc bị Vũ Văn Nhậm phát giác. Đức xúi Huệ đem quân theo ngả Thượng Lào về Quy Nhơn và lãnh quân đi trước. Nửa đường Đức bày tỏ ý thật và dụ Huệ theo mình đi tìm Nguyễn Ánh. Nghe Huệ tức giận “thằng này định bán ta đây”, Đức tính chuyen không êm trốn thẳng qua Xiêm. Còn Huệ xuống Quy Nhơn.

Được Huệ về giúp, Nguyễn Nhạc lên tinh thần, tưởng có thể phục thù mối nhục kêu khóc năm ngoái. Tháng 3-1788, Huệ kéo quân ra Quảng Nam, nơi “biên giới Chăm”. Không được may mắn như năm 1775, Huệ bị quân Phú Xuân đánh tan, thân phải bị bắt cho voi giầy, đầu bêu ở thành Hội An[237]. Nhạc hoàn toàn tuyệt vọng không còn sức gượng dậy nữa.

Câu chuyện thanh toán nội bộ cũng xảy ra ở Quy Nhơn: Nguyễn Thung hân là một nạn nhân của cuộc xung đột ruột thịt bất ngờ đó. Một nạn nhân khác may mắn hơn vì ở mãi tận Gia Định. Vẫn biết Gia Định của Nguyễn Lữ nhưng vụ Đặng Văn Chân cho ta thấy Lữ theo phe Nhạc. Sử quan nhà Nguyễn chép rằng Nguyễn Đăng Vân là con nuôi của Huệ vượt bể qua hàng ở Vọng Các mùa thu 1787 vì thấy rõ Tây Sơn là “bạn nghịch”[238]. Nguyên cố viện ra để được nhận hàng không đáng kể cũng như câu chuyện về hết mệnh đế vương do Nguyễn Văn Trương bịa ra để hàng vậy. Chúng ta phải lưu ý rằng Nguyễn Đăng Vân là con nuôi yêu quý của Huệ đang ở trong vùng Nhạc và thời gian vượt bể sang hàng là ngay sau khi chiến tranh nổi da xáo thịt xảy ra ở Quy Nhơn. Đăng Vân tất đã trải qua những dao động mà Nguyễn Văn Duệ đã gặp. Duệ không nghe lời Huỳnh Đức, nhưng Nguyễn Đăng Vân ở một vùng đầy vết tích của Nguyễn Ánh trong lúc con đường về Bắc mật mù tất phải hướng về Vọng Các. Gió mùa không những chỉ chở quân đi chinh phục mà còn trở đường cho tướng trốn chạy nữa vậy.

Nhưng không phải chỉ có vài chuyện đó xảy ra là thanh toán xong mối hiềm nghi của tướng và các phụ tá giữa hai miền. Chúng ta thấy người nắm giữ Tả quân của Huệ ở Đồng Hới là Vũ Văn Nhậm lại là con rể của Thái Đức. Mọi người đương thời rõ ràng thấy Nhậm ở vào thế khó xử, dù muốn tỏ lòng trung thành với Huệ cũng vẫn bị gán cho ý nghĩ “trông về bên trong” (Quy Nhơn). Nguyễn Huệ cũng nghĩ vậy. Tuy nhiên, vốn là một tay có thủ đoạn, Huệ vẫn dùng, dùng mà nghi ngờ. Đến khi trao quyền lớn cho Nhậm đem quân hỏi “tội” Nguyễn Hữu Chỉnh, Huệ mới cần phải lo đề phòng biến loạn, khỏi như ông anh ông trước kia đã không lo đề phòng ông. Cho nên, ông dặn nhỏ Ngô Văn Sở “Điều lo của ta không phải tại Bắc Hà mà là tại Nhậm vậy”[239]. Cái thế quân tướng hoài nghi như vậy làm cho Nguyễn Ánh sẽ có một viên tướng tài giỏi chờ đón ở Long Xuyên và cũng để có dịp cho một kẻ chăn trâu leo lên chức Đại tướng quân: Nguyễn Văn Trương.

May mắn cho Nguyễn Ánh hơn nữa là việc chia ba đất nước đã giúp Ánh ngăn cách với kẻ thù nguy hiểm nhất của ông, Nguyễn Huệ, bằng một giải đất của ông vua già Nguyễn Nhạc “ham dật lạc, cầu tạm bợ yên ổn, không tính lo về sau”[240]. Thực vậy, Nguyễn Nhạc bị em vây đánh phải khóc mới được hoà, tinh thần suy đốn, không có một phản ứng nào khi Nguyễn Ánh về chiếm Gia Định, bỏ mặc cho Phạm Văn Sâm là một viên tướng tài, trung thành, lo toan đến thế cùng lực kiệt, hàng rồi mà vẫn tính chuyện mưu với Nguyễn Huệ phản Nguyễn Ánh. Nguyễn Huệ cũng không thể làm gì hơn. Như người đồng thời nhận xét: “Ông tập hợp quân lính, hoặc để đánh anh, hoặc để đánh ông vua chính thức và có lẽ cả hai mục đích (vì ông không thể đánh ông vua mà không bước qua đất của anh ông)”[241]. Nhưng như ta đã nói, hoặc tình anh em ruột thịt đã không cho phép ông làm như vậy. Phải đợi đến con ông, tình thân đã cách xa hơn một ít và tình thế cũng bức ngặt đến nơi, họ mới chiếm Quy Nhơn để trực tiếp đối diện với Nguyễn Ánh. Nhưng bây giờ thì chậm mất rồi. Trở lại thời phân làm ba của Tây Sơn, “Gia Định đơn nhược yếu ớt”[242] dưới quyền Nguyễn Lữ là một cơ hội tốt cho Nguyễn Ánh và bọn bày tôi lưu vong. Họ lục tục trở về.

Tiết 9

ĐỒNG ĐA: TỌT ĐÌNH CỦA TÂY SƠN

Bắc Hà hay chế độ cũ dưới mắt Tây Sơn * Trần Đồng Đa và tác động tâm lý của nó.

“Sáng ngày khi biết Tây Sơn kéo quân về Nam đêm trước, Lê Chiêu Thống đòi các quan vào triều và hỏi:

- Anh em hăn cướp hết nước ta mà đi, để cái “nước không” lại đây cho ta, nếu như có việc nguy cấp thì lấy gì mà chống chế?

Các quan ngơ ngác nhìn nhau, không biết nên nói thế nào. Tả hữu chợt có người râu:

- Hôm qua vâng có chỉ truyền sớm nay đặt triều. Bây giờ ngự giá đã tới, dám xin nhắc lại.

Hoàng thượng lại hỏi các quan:

- Triều hãy thôi chăng?

Các quan đều nói:

- Hoàng thượng ra triều để giáng chỉ đổi niên hiệu, đó là việc lớn sao lại thôi?”

Một đoạn thuật chuyện trong sách Hoàng Lê văn tắt cho ta thấy sự tan rã của cái thể thống-nhất-về-Lê. Cái “nước không” mà Lê Chiêu Thống đã nói đây không phải chỉ là không bảo vật, không kho tàng. Nỗi kinh hoàng của Chiêu Thống chính do ở cái không khí trống trơn quyền bính mà Tây Sơn để lại ở Bắc Hà.

Đoan Nam vương chết, Tây Sơn đi người ta cứ tưởng quyền bính từ đây tập trung về tay Lê, nhưng tình thế trái ngược lại vì thói quen lâu đời đã không dễ gì một sớm một chiều xoá nhòa được.

Trước hết là về phía nhà vua. Vị thiên tử 21 tuổi đó có mối thù Trịnh giết cha, có kinh nghiệm tù ngục nhưng chỉ để nuôi dưỡng oán hờn chứ không được chuẩn bị cầm quyền nối ngôi ông nội. Ông chỉ mới muốn tự chủ trong việc chôn cất Tiên đế thì đã bị ông dượng rẽ giành lấy làm đến phải tạ tội mới được yên thân.

Triều thần nhà vua thì qua 200 năm ở nề cũng không biết việc gì làm hết. Hãy nhìn bộ mặt ngơ ngác của họ khi Chiêu Thống hỏi mưu lược giữ nước. Có kẻ lanh trí nghĩ ra thì chỉ được có mỗi một việc là đặt triều đã nói hôm qua. Thế rồi các quan mừng rỡ nhờ tìm được lối thoát, đốc xúi vua ra triều để được tung hô mừng thời mới. Ừ, việc lớn quá sao lại thôi?

Trong khi đó thì phải thấy rằng thói quen làm việc quanh Trịnh phủ dưới quyền họ Trịnh đã tập thành, để một khi xảy ra biến cố “đám cổ gia di thần nhà Chúa” vẫn còn luyến nhớ họ. Hãy nghe Đỗ Thế Long biện hộ cho nhà Chúa mà đàn hặc Nguyễn Hữu Chỉnh:

- “Khi ông mới xuất thân, nào cầm quân, nào phong hầu, cái gì không phải là ơn nhà Chúa. Nay ông lấy tiếng phù Lê diệt Trịnh để kéo quân ra, thật là quá tệ. Nếu bảo nhà Chúa hiếp chế nhà Vua là việc có lỗi thì sao không nghĩ cái công tôn phù hai trăm năm trời? Theo người mới mà phản người cũ tức là bất nghĩa, bởi cái lỗi để lấp cái công tức là bất nhân ... ”

Cho nên khi văn thần của Lê bắt lực thì võ tướng làm việc ở các trấn một khi kéo quân về chỉ là để phù Trịnh. Khuôn mặt Trịnh nổi bật nhất là một người đã từng âm mưu giành ngôi anh, tính dựa vào Kiêu binh đoạt ngôi cháu: đó là Trịnh Lệ, em ruột Trịnh Sâm. Được Thì Trung hầu tìm đón về Thăng Long, Lệ nhận cho Dương Trọng Tế phản Chiêu Thống thần phục mình để lập nên triều chúa mới. Một khuôn mặt khác của Trịnh nhu hoà hơn, nhưng nhờ kích thích của thời thế cũng chứa nhiều tham vọng: đó là Trịnh Bồng, “ông quận Quế”. Tấn tuồng xoay chiều, đổi chủ lại diễn ra chớp nhoáng. Nguyễn Mậu Nễ, bộ tướng của Dương Trọng Tế, noi gương chủ đi đón Trịnh Bồng về đuổi Trịnh Lệ chạy khỏi phủ Chúa (4-11-1786).

Trong họ Trịnh không còn ai giành quyền nữa để Chiêu Thống làm áp lực có hiệu quả với Trịnh Bồng nên đành chịu Đình Tích Nhưỡng mang quân về ép ông phong chức cho Chúa. Ông cũng còn hy vọng ở Hoàng Phùng Cơ, nhưng viên tướng này cũng liệu gió phất cờ mà sắp hàng bên phủ Liêu.

Nhưng tình trạng đó không có nghĩa là quyền binh đã được tập trung quanh chiếc ngai “đổ an” - Án Đô vương. Những người lăm xằng chạy từ cung Vua tới phủ Chúa tranh các danh vị Tham tụng, Bình chương: ... “khư khư những thứ cũ rích” không phải là một lực lượng đáng kể. Bên văn hãy xem một Ninh Tồn, tướng bại trận Đồng Hới ngày trước, đem cái khôn quyết “nhanh trí” của mình ra để dò ý Hoàng Phùng Cơ xem thế mà đổi chiều

phò tá. Đám người “sợ hãi xám mặt” trước Bắc Bình vương, đã bị Nguyễn Hữu Chỉnh mĩa mai tài thuyết khách từng đem một tên trấn nước để khỏi làm “mê hoặc thiên hạ”, đám người ấy quả không đủ sức nghĩ xa hơn cách tiến thân bằng mồm mép. Còn võ tướng Đinh Tích Nhưỡng chẳng hạn, một ông trấn thủ biến thành cướp, không dẫn mặt nổi ông nghè Nguyễn Hãn, còn nói gì đến việc đánh ai? Tình trạng phân ly từ trên đem đến một sự kết tập binh lính, dân chúng lỏng lẻo, nay là của phe này, mai bị vào phe khác không có đáng gì hơn bọn trước.

Nguyễn Hữu Chỉnh thừa hưởng được lẽ lối kết tập của Tây Sơn có thắng được Trịnh Bồng vào cuối tháng giêng 1787[243] cũng là lẽ tự nhiên.

Từ khi bị Nguyễn Huệ bỏ rơi ở Nghệ An, Chỉnh phải lo kiến tạo lực lượng riêng để bảo vệ bản thân và chờ cơ hội phát triển. Không có Tây Sơn thì ông làm Tây Sơn vậy. Ông truyền hịch chiêu binh. Ai ngần ngại, ngó ý chống báng, ông đem tay chân đến giết ngay. Chỉ 10 ngày ông đã có hơn 1.000 quân. Tất nhiên không phải chỉ có sự đe dọa làm nên tinh thần binh sĩ. Khả năng tổ chức quân binh của ông từ những kinh nghiệm qua được đem ra thử thách lần nữa. Quân có thiếu chính nghĩa thì phải tạo nó ra. Một chuyển liên lạc ngầm với Chiêu Thống được tuyên bố khoa trương khiến dân chúng Nghệ An bỏ phe chống đối mà theo ông.

Về phần Chiêu Thống từ khi thất vọng với Hoàng Phùng Cơ, quả vua thấy không còn ai có thể để kêu gọi về giúp ngoài Nguyễn Hữu Chỉnh. Quân Nghệ An rầm rộ tiến ra. Một trận nhỏ phá tan quân Trịnh Bồng gởi vào hỏi tội, bắt sống Phan Huy Ích, giết Lê Trung Nghĩa khiến uy thanh Chỉnh nổi dậy. Một lần nữa, quân tướng quanh phủ Chúa lại lảng xa. Trịnh Bồng có mếu máo chạy trốn cũng chỉ là thêm chút kinh nghiệm đắng cay cho con người thời loạn. Chỉ có họ Trịnh là không hy vọng trời dậy nữa: Chiêu Thống tức giận sai đốt tan phủ Chúa để tuyệt diệt dấu vết của một uy quyền đã áp bức dòng họ mình trên hai trăm năm dài.

Phát huy chiến thắng, Nguyễn Hữu Chinh cho quân đánh bắt Dương Trọng Tế ở Gia Lâm, bắt Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Tây đem về giết, đuổi tan quân Đinh Tích Nhưỡng ở Hải Dương. Uy quyền của Chinh lớn dần ngang với thực lực. Chỗ ở của Chinh tập nập quan chức ra vào.

Tuy nhiên muốn lập riêng một triều Chúa mà hành động của Chinh vẫn có dấu vết của viên Hữu quân Tây Sơn. Thực vậy, muốn có lực lượng binh Bắc Hà, muốn tìm cách tập trung một quyền hành từ lâu vẫn phân tán nên bị khinh khi, Chinh đã áp dụng những phương pháp như của Tây Sơn đã làm. Sách Hoàng Lê với những nhận xét chủ quan, thiên cận vẫn cho ta thấy rõ điều đó:

“Bây giờ tiền bạc trong nước phần nhiều bị nhà giàu giấu cất, nhân dân đói khổ vì nạn khan tiền, vật giá đắt lên vùn vụt. Chinh bèn xin với Triều đình ra lệnh thu hết tượng đồng các chùa đem về Kinh sư mở lò đúc tiền. Rồi Chinh thả cho thủ hạ đi khắp tứ phía cướp bóc chuông, tượng của các làng xóm. Người nào mà dám giấu diếm, tức thì bị chúng bắt đem về khảo đả nghiêm trị. Duy có pho tượng đồng đen ở Quán Trấn Vũ phía bắc Kinh thành chúng không dám lấy mà thôi. Thấy Chinh làm việc như vậy dân chúng ai cũng ta thán. Một hôm có người dán ở cửa Đại Hưng hai câu (...), dịch ra quốc văn thời là:

Thiên hạ mất chuông chùa, chuông mất, vạc ở đâu được?

Hoàng thượng đốt phủ Chúa, phủ đốt, điện cũng trở thôi.

Tất nhiên phương pháp đưa ra không ngăn được kẻ thừa hành những nhiều. Chinh lại không có đủ tay chân có tài để khống chế người và kìm chế mình. Chinh “mới” quá đối với Trịnh - Lê thần. Cho nên, đến như việc đánh dẹp Trịnh Bồng, Quận Thạc, Quận Liễn, những kẻ mà bọn thần tử cựu trào có hời cũng mĩa mai, thế mà vẫn bị Ngô Thì Chí gọi là “mượn Hoàng thượng để sai cả nước (: .), dùng quân trừ bỏ kẻ hại mình”; Đinh Nhạ Hành cũng

tổ cáo Chinh “lúc cầm quyền ra tay tàn sát; những huân thần, túc tướng, lệnh tộc và thế gia bị giết hại rất nhiều”[244].

Sự tồn tại của vua Lê cũng là một chứng cứ thất bại của Nguyễn Hữu Chinh. Lê đế vẫn còn đó là nền nếp cũ vẫn còn, dù dở đến đâu cũng còn có cơ tồn tại. Chinh sẽ bị lụy vào cái không khí ươn hèn đó để đổi mình đi, như lời nhận xét của Ngô Nho nói với Trần Công Xán:

“Ông Bằng từ khi đắc thế đến giờ, vàng ngọc chật đai, không giống hồi nhai rễ rau làm việc được như ngày xưa. Tôi e ông ấy run rẩy ra chốn trận mạc ắt bị Văn Nhậm bắt được”.

Đó không phải là lời tiên tri. Việc ra Bắc đã được Bắc Bình vương định từ trước, nhưng phải đình lại vì chiến trận Quy Nhơn[245]. Nguyễn Hữu Chinh ở yên lại tướng nhân Nhạc - Huệ xung đột mà có thể thu được mỗi lợi ngư ông. Ông xúi Nguyễn Văn Huệ chống Huệ không thành. Ông sai Trần Công Xán vào Phú Xuân đòi đất Nghệ để giải toả áp lực của Lê thần. Nhưng không phải chỉ số phận sứ bộ mà cả số phận Nguyễn Hữu Chinh cũng đã được định rồi, ở Phú Xuân. Nơi dinh trấn Nghệ, Vũ Văn Nhậm nói thẳng vào mặt Trần Công Xán:

“Tôi nay đã lãnh binh phù, sớm tối sẽ kéo thẳng ra Thăng Long, trước hãy chém đầu thẳng giặc Chinh, rồi sau mới hỏi vua Lê tại sao bội ƠN DONG ĐƯA làm phản? ... Vua Lê đã không giữ được nước thì các trấn từ Thanh Hoá trở ra, tôi không lấy người khác cũng lấy ... ”

“Vua Lê đã không giữ được nước”, ý kiến này không phải chỉ của Nhậm. Đó là nhận xét gây nên ước vọng của Nguyễn Huệ, đó là đầu mối gây nên chiến tranh nổi da xáo thịt.

Việc chuẩn bị đánh Thăng Long được Vũ Văn Nhậm sửa soạn ở Nghệ An vào hạ tuần tháng 10-1787[246]. Quân đội của Nhậm vét ở Bồ Chính, Thanh Nghệ được “hơn 30.000 người”, bắt đầu tiến ra Bắc khoảng trung

tuần tháng chạp. Đụng độ với Lê Duật, trấn thủ Thanh Hoá của Nguyễn Hữu Chỉnh, từ 26-12, Nhậm đánh trận tập kích thắng lớn, giết Duật rồi tiến ra Sơn Nam. Hoàng Viết Tuyển ở đấy lại xung đột với Chỉnh và có ý hàng Tây Sơn nên quân Nhậm tránh được một mũi nhọn. Quân Nguyễn Như Thái bị thua trên đường đi chiếm Tam Điệp. Quân tan, Thái bị bắt[247], Nguyễn Hữu Chỉnh phải tự cầm quân. Con Chỉnh, Hữu Du, cũng không may mắn hơn các tướng khác. Đêm 6 rạng 7 tháng 1 (1788), Chỉnh lên về Kinh thành khóc với Chiêu Thống “Bloi oi la bloi, nhà Lê đã mất rồi!” rồi cùng vượt sông trốn sang Kinh Bắc.

Vũ Văn Nhậm vào thành Thăng Long (9-1-1788), cho quân đuổi theo Chỉnh, giết Hữu Du, bắt Chỉnh (12-1) đem về xử tử (15-1), bêu đầu cho công chúng xem.

Việc thanh toán quyền bính Bắc Hà, cũng như trước kia đối với Nam Hà, rõ ràng là không khó với thực lực của Tây Sơn. Nhưng theo với sự mở rộng quyền hành, họ còn phải tìm cách biện chính hành động, thuyết phục Lê thần, Nguyễn thần công nhận sự đổi thay rồi thu dụng những người này làm tay chân. Nguyễn Nhạc lúc ra Bắc đã định “xin” mấy ông nghè đem về nước. Nguyễn Huệ bắt Nguyễn Đăng Trường, thả đi rồi bắt lại ở Gia Định mới giết đi. Lúc đánh Phú Xuân, ông thu nhận được Trần Văn Kỳ rồi nhờ người này làm trung gian mời Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, hỏi dò Nguyễn Nghiễm (cha Nguyễn Du) để tìm đến ông già ở ẩn Nguyễn Thiếp trấn Nghệ An[248].

Tất cả những việc đó chứng tỏ Tây Sơn phải mất thì giờ và hao tổn công phu để khuôn nắn trong dòng ý thức hệ thời đại. Ta không lấy làm lạ, Nguyễn Huệ vẫn phải giải quyết vấn đề theo những dữ kiện có sẵn. Chính ông vẫn coi việc thu dụng Nho thần như một tiến bộ cho chính quyền ông. Tây Sơn thiếu Nho thần, không có một chính sách ở Gia Định, chỉ mang quân tới chiếm rồi đi, không thay đổi nội lòng người. Ở Phú Xuân, Nguyễn Huệ phải ai cầu Nguyễn Thiếp chính là để quân bình lại cái không khí sùng

chuộng võ uy trong triều ông do ở nơi “những kẻ giúp việc trong nhất thời đều là những kẻ mạnh bạo”[249].

Nhưng hiện tại sức mạnh Tây Sơn vẫn là ở quân lực của họ, cụ thể ở Bắc Bình vương Nguyễn Huệ. Tình thế chưa đến để họ gạt triều Lê ra ngoài triều chính để thuyết phục ông già Nguyễn Thiếp, tuy rằng trong chuyến trôi dạt theo Nguyễn Hữu Chỉnh, Lê Chiêu Thống đã qua kinh Bắc rồi lênh đên ở Hải Dương với thổ hào Trần Quang Châu, ở Sơn Nam với trang Hoàng Việt Tuyền, ở Thanh Hoá, về lại Kinh Bắc, trải qua đủ mùi lưu lạc của ông vua một triều đại tàn kiếp. Ấy thế mà Lê còn làm cho Tây Sơn mất một dũng tướng nữa.

Nguyên cớ sâu xa như đã nói là mối bất hoà nội bộ tậ xứ Quy Nhơn. Nhưng nguyên nhân gần cận là thái độ khác nhau của những kẻ chiến thắng đối với cái “nước không” của Chiêu Thống bỏ lại. Vũ Văn Nhậm cầm đầu quân tướng Bắc phạt nên hơn ai hết, ông thấy rõ tình hình nghiêm trọng do các tướng và thổ hào của Lê được dịp mượn tiếng Cần vương để thoả mãn khát vọng quyền uy trong một xã hội phân rã. Về phía đồng bọn, nói theo các giáo sĩ đương thời, “Ông còn lo sợ sự phản nộ của Bắc vương vì ông khẳng khăng từ chối nhiều lần không chịu tuân theo lệnh gọi ông về Phú Xuân sau khi đã giết được Hữu Chỉnh. Ông lại còn bị tình nghi là đã có tham vọng chiếm ngai vàng Bắc kỳ đáng lẽ là của chủ ông nhân lúc người này đang đánh nhau với Tiếm vương Nhạc ... ”[250]. Cho nên theo thói quen làm việc có sẵn cộng thêm ý tưởng đề phòng trước biến loạn, thụ hưởng chiến thắng, ông đã tận lực khai thác đất Bắc. “Người ta chỉ nghe đến mộ lính, quyền gạo, quyền tiền”. Quân Nhậm bắt các chức sắc trong làng kê khai đình điền để tính thuế, bắt xâu, bắt cung nữ. Họ triệt hạ các mô đất trong làng sợ có thể biến thành chiến lũy chống họ. Loạn khắp nơi nên Nhậm phải sai đắp lại thành Đại La. Ngô Thì Chí kể: “Dân phu đói khát mệt nhọc, có kẻ đương đội thúng đất mà ngã sấp xuống. Bởi vậy ai cũng ta oán”.

Tình hình nghiêm trọng như vậy nên Nhậm mới nghe lời một Lê thần mà đem Sùng Nhượng công Lê Duy Cẩn lên làm Giám quốc để giải toả bớt áp lực tôn Lê. Ngô Văn Sở người được Bắc Bình vương sai tìm cặp dò xét Nhậm, lại thấy trong hành động đó thêm một ý nghĩa muốn làm Nguyễn Hữu Chỉnh của viên Tiết chế, nên mật báo về Phú Xuân.

Cuối tháng 3 (1788), vừa dẹp xong Nguyễn Văn Huệ, Bắc Bình vương nghĩ tới chuyện ra Bắc. Quân ở đằng xa mà uy danh vương đã khiến Hoàng Việt Tuyển phải bỏ dinh sở trốn đi. Đại binh với một đoàn hộ giá gồm 150 con voi, 100 người năm vồng, nhiều kiệu thếp vàng, Ngọc Hân, Bắc Bình vương tiến vào thành Thăng Long với uy thế khiến Vũ Văn Nhậm không dám chống cự. Ông bị bắt tức khắc. Hôm sau (5-5-1788), ông bị trói phơi nắng ngoài pháp trường một ngày cho công chúng coi rồi bị xử trảm[251].

Tuy Ngô Văn Sở nghĩ rất đúng rằng:

“Từ khi có nước Nam tới giờ triều đại thay đổi không biết mấy lần, thiên hạ không phải của riêng ai, liệu có thể lấy thì lấy đi, rồi thì đặt quan chia chức để dựng phen tường cho sự trông nghe của mọi người đều đổi mới một lượt”.

Nhưng tình thế chưa tới đó, Nguyễn Huệ cũng không thể làm hơn Vũ Văn Nhậm được. Để hạ bệ Chiêu Thống, Bắc Bình vương ra một bá cáo công kích ông này vô ơn bạc nghĩa, mất tư cách và vô tài bất tướng. Đồng thời với bá cáo này có một bản văn khác khôn khéo nhắc công phù Lê diệt Trịnh của “Đức lệnh”, biện hộ cho việc xử trảm Vũ Văn Nhậm để đưa ra một cuộc trưng cầu dân ý cho dân chúng “không phân biệt giai cấp, phẩm tước và địa vị” bày tỏ ý kiến theo Lê hay theo Tây Sơn (15-5-1788). Chắc là dân chúng muốn theo Lê cũng không thể bày tỏ ở Thăng Long được. Chiến thắng của Nguyễn Phúc Ánh ở phương Nam và áp lực vọng Lê ở đây khiến ngôi vị Giám quốc “lại mục” của Sùng Nhượng Công chưa đổ. Quyền xử Bắc về tay Đại tư mã Ngô Văn Sở, phụ tá là các tướng: Nội hầu Phan Văn Lân, Chương phủ Nguyễn Văn Dụng, Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết và các

hàng thần Lê: Ngô Thì Nhậm với chức mới Lễ bộ Tả thị lang, tước Tĩnh Phái hầu, Hình bộ Tả thị lang Phan Huy Ích, tước Thụy Nham hầu, cùng Ninh Tồn, Nguyễn Bá Lân. Các trấn do tướng Tây Sơn chia nhau nắm giữ.

Nhưng việc chống đối chứng tỏ tiềm lực đất Bắc còn nhiều. Bắc Bình vương một khi không đếm xỉa gì đến nhà Lê nữa tất phải biết khai thác tiềm lực ấy, không thể để cho các lực lượng phản động lợi dụng được. Các văn võ thần đều bị kêu ra trình diện và bị giữ lại ở kinh thành. Có lệnh bắt nộp ngay lập tức và cùng một lúc các thứ thuế trước kia vốn phải trả trong 2 kỳ tháng ba và tháng mười (hai vụ mùa), luôn cả việc truy thu các thứ thuế trước kia chưa được thanh toán. Một đạo quân 240.000 người, nghĩa là đông gấp đôi số quân thường nhật của nhà Lê trước kia, được tuyển mộ với hạn định 5 ngày cho xong. Không đóng đô được ở Thăng Long, Bắc Bình vương cho phá tất cả cung điện của nhà Trịnh để chuyên chở vật liệu cùng lúa gạo về thành Rum xây Phượng hoàng Trung đô. Mỗi phường ít nhất phải cung cấp 15 người thợ chuyên môn cho công cuộc kiến tạo.

Vội vã sắp xếp xong công việc, ngày 24-6-1788, Bắc Bình vương rời Thăng Long, ngóng tin Phạm Văn Hưng ở miền Nam, trong lúc Lê Quýnh, Nguyễn Huy Túc, Nguyễn Quốc Đống phò gia quyền Chiêu Thống vào đất Thanh (12-6-1788), rồi được dẫn tới Long Châu, Nam Ninh để vận động với Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị ra quân. Tháng 9 âm lịch (29/9-28/10/1788), sứ bộ “nón rách, áo tơi tàn” Lê Duy Đản, Trần Danh Ấn, được Lê Quýnh về đưa đường, mang chiếu thư cầu viện qua cửa ải để chính thức hoá việc tiến quân của Tôn đã chuẩn bị sẵn từ tháng 6 Mậu Thân (4/7/1788-1/8/1788).

Ngày 28-11 (1788), quân Tôn Sĩ Nghị và Đề đốc Hứa Thế Hanh tràn qua Lạng Sơn. Cánh Quảng Tây do Tổng binh Thượng Duy Thanh, Phó tướng Khánh Thành điều động, cánh Quảng Đông do Trương Triều Long và Lý Hoá Long nắm giữ. Viên Đề đốc Vân Nam là Ô Đại Kinh thì vượt đường Cao Bằng nhằm Tuyên Quang tiến quân. Quân số chính quy khoảng độ 2

vạn người nhưng đám phụ lực nghĩa dũng được dịp đi theo rất đông, gây nên thanh thế lớn, trong đó có 2.000 quân Nùng thiện chiến của Sầm Nghi Đống. Cho nên, sử gia Ngụy Nguyên mới nói “tiếng đại binh có vài chục vạn” và các giáo sĩ đương thời cho rằng không dưới 30 vạn. Quân số ước tính hơn số 20 vạn của sử Việt[252].

Lực lượng đó đủ làm rung động Bắc Hà. Ở Lạng Sơn, thấy quân lính dưới quyền trốn mất, Phan Khải Đức ra hàng còn Nguyễn Văn Diễm rút vội về Kinh Bắc hợp với Trấn thủ Nguyễn Văn Hoà chống giữ và đưa thư cáo cấp về Thăng Long. Một cuộc hội nghị cao cấp giữa những người giữ thành được tổ chức. Ngô Thì Nhậm trình bày lợi hại, tính chuyện vét quân lương khỏi thành Thăng Long để tránh mũi nhọn công kích của địch, bảo toàn thực lực mà còn nuôi lòng kiêu căng của đối phương nữa. Kế hoạch thực là sáng suốt nhưng tự ái nhà tướng còn khiến Tây Sơn thử một lần cho biết sức địch. Phan Văn Lân hăm hở tấn công bị hai toán quân của Thượng Duy Thanh, Trương Triều Long đánh tan ở 2 sông Nhật Đức, Nguyệt Đức phải bỏ lính chạy thoát thân.

Đường lối rút quân không còn ai phản kháng nữa. Thủy quân do Thống lĩnh Đặng Văn Chân mang đi trước đóng ở đảo Biện Sơn. Bộ binh do Ngô Văn Sở lui về giữ chặt núi Ba Dội chờ tiếp ứng ở phương Nam. Ngày 21 tháng 11 Mậu Thân (18-12-1788)[253], Tôn Sĩ Nghị chiếm thành Thăng Long một cách dễ dàng.

Tôn Sĩ Nghị đóng quân hai bên bờ sông, cất phù kiêu để dễ qua lại. Hứa Thế Hanh chia quân đóng ở Hạ Hồi và Ngọc Hồi để làm thế che chở phía nam. Phụ giúp vào đám quân này có các đạo nghĩa quân của cự thần nhà Lê. Nguyễn Đạo Lĩnh trấn Hải Dương, Hoàng Đạo Nghĩa giữ Sơn Nam hợp với toán du binh Thanh trông chừng phương Nam. Nhưng đó không phải là những lực lượng đáng kể. Quân Thanh vào xứ không trông cậy mấy vào bọn thân binh bản xứ nhưng tựa vào đám kiêu dân để làm tai mắt. Trước khi vào xứ họ đã được những người Trung Hoa đào mỏ, đúc quặng ở

Thái Nguyên xin phụ giúp làm tiên phong. Những người này ở đây đã lâu, tụ tập hơn vạn người, nhân có loạn trong nước phải võ trang để tự vệ, đã từng có lần xung đột chiến thắng toán du binh Tây Sơn. Đám Hoa kiều thứ hai gồm những thương nhân ngụ ở phường Hà Khẩu trong Kinh thành (phố Hàng Buồm), phố Cơ Xá ở Kinh Bắc, phố Hiến ở Sơn Nam. Họ được thế Tôn Sĩ Nghị tụ tập hơn vạn người thành trại, tha hồ vu hãm người lành, ức chế nhà giàu có, cướp giết tiền bạc, bắt hiếp đàn bà con gái ngay giữa chợ, hoành hành không kiêng sợ gì cả.

Thực ra việc bức bách này, lúc đầu ra quân Nghị cũng có bố cáo quân lệnh ngăn cấm, nhưng một mặt thắng lợi quá dễ dàng làm quân sinh kiêu, một mặt binh lính quá phức tạp nên không ngăn cấm được. Cũng qua 8 điều quân lệnh ta thấy được Nghị tiên liệu lẽ lỗi hành quân chống giữ kể cũng chu đáo lắm. Mỗi tên lính của Nghị được cấp cho một tên phu đeo thẻ riêng để sai bảo. Quân đến xứ lạ, Nghị cũng lo đề phòng bị phục kích nên bảo phát đường cho quang đảng mà đi, đề phòng cạm bẫy trên đường, cho tuần hành nghiêm ngặt lúc đêm hôm. Để chống voi Tây Sơn, Nghị bảo quân dùng súng bắn lúc ở xa, dùng cung và đao lúc ở gần, đuổi chúng quay lại xéo quân địch. Về phần súng hoả hổ của Tây Sơn, Nghị sắp sẵn vài trăm tấm khiên bằng da trâu sống để chặn lửa mà tiến lên chém giết.

Nhưng dự tính trong kiêu căng khiến cho Nghị không nhìn thấy thực lực của địch, không nghe được lời nhận xét của Trần Công Xán. “Họ đi lại chỉ vì một cái ... đánh không thể được, đuổi không thể kịp, xưa nay chưa từng có toán giặc nào như toán giặc ấy”. Đám quân Tây Sơn còn có kinh nghiệm chiến trận trên 15 năm qua ở khắp chiến trường, giao tranh với đủ kẻ địch các xứ từ Trịnh, Nguyễn trong nước tới Hoà Nghĩa quân, Xiêm binh, tàu Tây.

Cho nên, ngày 24 tháng 11 (21-12-1788) tin về đến Phú Xuân, ngày hôm sau Nguyễn Huệ tức tốc lên ngôi tôn[254], kéo quân đến Nghệ An. Ở đây ngày 29, ông đòi Nguyễn Thiếp đến hành tại hỏi mưu rồi sai Hồ Hồ hầu

tuyển binh Nghệ An, cứ 3 người lấy 1. Chỉ trong chốc lát được hơn một vạn. “Sự tra xét gay gắt đến nỗi người ta không biết trốn vào đâu để tránh quân địch. Các kẻ sai nha đem chó theo để tìm người trong khu rừng bên cạnh như người ta tìm thú: người ta lấy dao xĩa vào các đồng rơm dùng để đun nấu”[255]. Đám người mới này được dùng làm Trung quân theo với cựu quân Thuận Quảng chia xẻ chiến trận.

Trước khi đi ba quân còn được nghe chính chủ tướng họ ban lời huấn dụ để kích thích tinh thần chiến đấu:

“Quân Thanh sang lấn nước ta, hiện chúng đã đóng ở thành Thăng Long các người có biết hay không? Trong khoảng trời đất phận sao đã được định rõ phương Nam phương Bắc, nước nào cai trị nước ấy. Người Trung Hoa không phải nòi giống nước ta, bụng họ ắt là khác hẳn. Từ đời nhà Hán đến nay họ đã mấy phen chiếm cướp đất cát, giết hại nhân dân, vợ vệt của cải. Người nước ta không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi (...) ... Ngày nay quân Thanh lại sang, định lấy nước ta đặt làm đất quận huyện của chúng, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đuổi. Các người đều đủ lương tri, lương năng nên phải dốc lòng hết sức với ta để dựng công lớn, chớ quen thói cũ mang lòng nhị tâm. Nếu như phát giác, ta sẽ tức khắc giết chết, không tha một người nào. Đừng trách ta không báo trước”.

Giá trị lời dụ bảo đảm giá trị chủ tướng. Để xoá nhòa tâm lý vọng Lê, chống Tây Sơn của binh lính, Quang Trung chuyển đổi tượng thù hận vào người Hán, kêu gọi lòng ái quốc, nhắc nhở dĩ vãng oai hùng của dân tộc để lấy chính nghĩa về mình. Thế rồi không lẫn tránh, ông vạch rõ để rửa sạch tâm lý hai lòng trong quân ngũ, đem uy chen vào ân để chấm dứt bằng một câu danh thếp: “Đừng trách ta không báo trước”. Với tướng quen thuộc, ông làm ngược lại. Khi Phan Văn Lân và Ngô Văn Sở vác gươm ra chịu tội ở Ba Dội, ông đòi “chém chết một vạn lần” rồi nói rõ có tha tội, bàn phương lược tiến quân, tính đường lui tới khi thái bình trở lại. Chiến

tranh nhiều lúc cũng là sự rủi may nhưng ở đây, quân có lý tưởng, tướng có quyền hành, phương lược, tất cả chăm chú vào viễn ảnh “năm mới vào thành Thăng Long ăn mừng”, sự thắng trận thật kề bên như ngày Tết vậy.

Công cuộc chuẩn bị kéo dài đến một tháng trời. Màng lưới an ninh của Tây Sơn kéo dài từ Ba Dội đến Biện Sơn đã ngăn cách với Bắc Hà những biến chuyển bên trong khiến cho một viên cung nữ lọt lưới trốn về Thăng Long bày tỏ mối lo lắng về họa Tây Sơn càng làm cho Tôn Sĩ Nghị dè dặt hơn không dám cất quân đi.

Ngày 30 tháng chạp (25-1-1789), hơn 10 vạn quân[256] chia nhau tấn phát: Đại Tư mã Sở và Nội hầu Lân đem Tiền quân đi trước, Hô Hổ hầu xuất Hậu quân đốc chiến, Đại Đô đốc Lộc và Đô đốc Nguyễn Văn Tuyết cầm Tả quân và Thuỷ sư vào cửa sông Lục Đầu, để Tuyết ở lại kinh lược vùng Hải Dương còn Lộc lên Lạng Sơn, Phụng Nhớn, Yên Thế chặn đường về của quân Thanh, Đô đốc Long đem Hữu quân và Tượng mã quân theo huyện Chương Đức (Hà Đông) ra làng Nhân Mục (huyện Thanh Trì, Hà Đông) đánh vào quân Điền Châu, Thái sư Bảo[257] lại lấy quân tượng mã theo đường Sơn Minh ra làng Đại Áng (Thanh Trì) tiếp ứng cánh hữu.

Nghe tin Tây Sơn, quân Thanh dấn cáo thị thách chiến nhưng Tôn Sĩ Nghị không ngờ Quang Trung đã nhanh hơn ông tưởng. Chiến trận xảy ra dồn dập như người ta lo Tết. Chưa hết ngày cuối năm Mậu Thân, quân Lê ở Sơn Nam đã tan vỡ, du binh Thanh ở sông Thanh Quyết, sông Giản chạy tán loạn đến huyện Phú Xuyên thì bị bắt trọn không ai về báo. Nửa đêm mùng 3 Tết quân Thanh ở làng Hạ Hồi nghe tiếng loa gọi quân dạ như vỡ trời, hoảng hốt ra hàng. Mờ mờ sáng mùng 5 (30-1-1789) trận đánh quyết định xảy ra ở làng Ngọc Hồi. Cũng đồng thời Đô đốc Long đánh quân Điền Châu ở Khương Thượng bức viên Thái thú Sầm Nghi Đống chết ở gò Đống Đa mà oan hồn hằn còn hận nghe lời mai mĩa của phụ nhân: “Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu!”

Nghe bại binh, Tôn Sĩ Nghị “ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc giáp” cầm đầu chạy qua cầu phao về Bắc, bỏ lại quân sĩ bộ tướng chen chúc gậy phù kiêu, “hàng vạn người lặn cả xuống nước, sông không chảy được”. Chiêu Thống ở Kinh Bắc từ trước lật đặt chạy theo để không bao giờ thấy quê cha đất tổ nữa[258].

Trận chiến thắng trọn vẹn một cách bất ngờ khủng khiếp này gieo một ảnh hưởng rất lớn, thuận lợi cho Tây Sơn. Tôn Sĩ Nghị ném cả ấn tín, mật chỉ, chạy cốt thoát lấy thân thôi. Toán quân chặn đường đã làm cho cả một vùng biên giới, dân Trung Hoa dấy nhau chạy loạn đến vắng ngắt[259]. Tình trạng đó tạo một không khí thuận lợi cho việc giảng hoà giữa Thanh và Tây Sơn gây sự nể vì Quang Trung của Càn Long[260].

Nhưng quan trọng hơn chính là sự đảo lộn tâm lý dân chúng trong nước. Đám di thần nhà Lê ươn ngạnh thấy tận mắt chiến bại thảm thương phải lo lẫn tránh, nín hơi lặng tiếng. Những kẻ chần chờ, lưỡng lự trước tín hiệu trung trinh (với Lê) và tùy thời, thấy thay đổi rõ rệt như mệnh Trời ném xuống, quả quyết bước vào con đường mới. Nguyễn Thiếp là một[261]. Trước đó, khi Nguyễn Huệ kéo quân ra bắt Vũ Văn Nhậm, Thiếp ra châu ở hành tại đã nói rõ là vì trung với Lê nên không thể theo triều mới được. Thế mà năm sau (1789) ông đã sẵn sàng để làm đề điệu coi thi ở trường Nghệ, biên thư cho “Thượng Đức” bày tỏ tình hình dân chúng, lẽ lối cai trị, đề nghị sửa đổi chính trị, học vấn, tuyển chọn nhân tài ... Theo với ông, ta thấy có đám danh sĩ Nghệ An cũng ra phò tá Tây Sơn: Nguyễn Huy Tự của làng Trường Lưu, Nguyễn Công (con trai Nguyễn Khả), Nguyễn Thiện (con Nguyễn Điều) của làng Tiên Điền, hai họ danh gia vọng tộc của Hà Tĩnh. Kế tới Hoàng giáp Bùi Dương Lịch, Tiến sĩ Phan Tổ Định. Quan hệ hơn một bậc nữa là sự đổi thay tâm lý của dân chúng vốn cũng chia xẻ những lý luận của nho sĩ, tuy là phán đoán giản dị, thêm tình cảm nhiều hơn: “Ách Tây Sơn còn được thích hơn ách quân Trung Hoa hay nói cho đúng thì sự thống trị của họ dễ chịu hơn dưới các triều vua trước ... thành thử nếu họ bớt bất tàn nhẫn trong vài trường hợp có lẽ chúng tôi không

mong đổi họ với vị vua nào khác ... ”[262]. Nhưng chiến tranh còn tiếp diễn thì thuế mà khó ngừng thu, binh dịch khó ngừng bắt. Cho nên, “thuế má quá đáng đến nỗi nhiều làng xiêu đi” và “nhà nào có mấy người thì bắt đi lính cả, nhà có 5 người thì đi cả 5 (không kỳ già nua trẻ yếu)”[263].

Oai danh Tây Sơn, trong cũng như ngoài, làm khiếp đảm một vùng Bắc Hà. Duy trong cái không khí say sưa chiến thắng đó có lẽ có một người là thấy một sự kiện xảy ra ở vùng lầy lội xa tít tận Gia Định có thể đe dọa cơ nghiệp anh em mình đã tạo nên bằng mồ hôi nước mắt. Phạm Văn Sâm ở Ba Thắc đã tự đeo gông cùm ra hàng Nguyễn Ánh, chấm dứt quyền cai trị Tây Sơn nơi này, báo hiệu sự thịnh vượng ở đây sẽ từ từ nhưng chắc chắn tràn ngập phía Bắc không giải quyết được nghèo đói, mâu thuẫn.

Chương 4 - HỌ NGUYỄN TRUNG HƯNG

Tiết 10

NGUYỄN PHÚC ÁNH CẦU VIỆN TY PHƯƠNG

Nguyễn Ánh, Tây Sơn và giáo sĩ * Nguyễn Ánh và Bồ Đào Nha * Cuộc vận động của Bá-đa-lộc.

“Tháng 7 ... nghe Bá-đa-lộc ở Chân Bôn, vua sai người đi triệu về, bàn bạc việc cầu cứu nước Pháp...”. Sử quan nhà Nguyễn chăm chú ghi chép việc xảy ra (năm 1783) theo ngày tháng, hẳn không lưu ý lắm rằng họ vừa đề cập đến một trong những sự kiện sẽ quyết định vận mạng chiến tranh.

Thực vậy, lúc bấy giờ trong ba phe đang chia nhau phần đông bán đảo Đông Dương, trừ Trịnh đang nghiêng đổ tuy vẫn còn chút bề ngoài huy hoàng, 2 phe còn lại, Nguyễn và Tây Sơn đều biết rằng nếu lôi kéo được về phía mình đám người mắt xanh da trắng đi trên những chiếc tàu đồng vừng vàng ngoài đại dương kia, thì họ có cơ hội kết thúc chiến tranh mau chóng hơn. Nếu chiến tranh có làm các tay buôn xa lánh, không chịu chờ tới đồng,

sắt, lưu hoàng hay súng đạn, tàu bè thì Nguyễn, Tây Sơn cũng biết phải tìm nơi đâu: nhóm giáo sĩ Tây phương lẫn lút hay công khai dạy đạo Hoà Lan trong vùng họ cai trị.

Tây Sơn đã từng ve vãn giáo sĩ ở Quảng Nam (1774), ở Gia Định (1783), nhưng vì sự cần thiết của chiến tranh, chiến tranh nổi loạn từ chỗ không có gì khiến họ không những phải lấy nhà thờ làm nơi đóng quân, bắt tìn đồ đi lính, còn phá chuông, tượng chùa để đúc binh khí tiền bạc, lôi sư sãi đi tòng quân. Cho nên từ chỗ nghĩ rằng Tây Sơn nổi loạn để khỏi bị bắt giẫm lên thập ác, eắt cổ cho voi ăn, vì chúa Tây Sơn là một người đi đạo - ý nghĩ thật là ngây thơ giản dị - một người dân đã đi đến chỗ tưởng rằng “hắn ta mất đức tin, là kẻ thù của đạo Thiên Chúa lẫn đạo Thần tượng”[264].

Thực ra Tây Sơn cũng đã thu dụng được giáo sĩ: có 2 linh mục thuộc dòng Phăng-xi-cô, một người làm thầy thuốc, một người chỉ dẫn về toán học cho Nguyễn Nhạc đến gần giữa năm 1786[265]. Nhưng Manille không phải là nơi đúng chiều hướng phát triển buôn bán, họ không thể có ích hơn 2 viên sứ giả của Nguyễn Ánh ở Gia Định năm 1783.

Trong trận chiến giành giật giáo sĩ này, các L.M được thối phòng khả năng và hoạt động thái quá đến có khi đem lại tai hại cho họ. Trường hợp của L.M Ferdinand là một chứng cứ. Nguyên L.M d’Arcet ở Quy Nhơn được Nhạc cấp một giấy phép cho tự do truyền giáo ở xứ này và để đổi lại ông đã hứa cuối với Nhạc là sẽ vận động giúp chiến cù. Thế rồi L.M Ferdinand bị bắt ở Gia Định đưa về Quy Nhơn, không hiểu sao Nhạc lại nhận diện là d’Arcet - chắc là da trắng mắt xanh, râu ria xồm xoàm như nhau! Nhạc quát mắng rầm rĩ: “Kìa tên L.M phản bội ... sau khi hứa đem đồng lại cho Ta, lại đi về nước rồi mang cho ông Chung đồng và các chiến cù để phá xứ Ta. Hãy đóng gông nó lại cho Ta!”[266].

Thực là oan cho viên L.M này đã gánh chịu tức giận của Nhạc thấy binh sĩ mình chết vì lựu đạn, súng điều thương gây ra, vì các giáo sĩ khác đã giúp Gia Định tích cực hơn. Sử quan ghi vắn tắt hai người: Gia-cô-vi và Ma-nô-

ê là dân Hi-ba-nho được lệnh sai đi Lữ tổng xin binh giúp vào năm Quý Mùi (1783)[267]. Chỉ sai có một chi tiết: Gia-cô-vi (tên thường dùng chỉ Jacques Liot) không có can dự vào vụ này. Hai người sứ của Nguyễn Ánh là L.M Ginestar và thầy giảng Emmanuel thuộc dòng Phăng-xi-cô.

Việc xảy ra ở Phú Quốc vào khoảng đầu tháng 7-1783. Nguyễn Ánh đến hỏi Bá-đa-lộc tìm cách giúp đỡ lấy lại nước. Giám mục quay lại hỏi các L.M Phăng-xi-cô ở đó xem thử Manille có thể giúp được gì không. Họ đều trả lời “không” vì Manille không có quân lính. Nhưng Ánh nói mãi, G.M mới quyết định gởi một người trong bọn đi Manille với một viên sứ giả để cầu viện hay ít ra cũng tìm được chỗ trú cho vua. Vừa lúc ấy L.M Ginestar và Thầy giảng Emmanuel muốn thừa dịp trở về Dòng nên nhận lời. Sứ bộ đi trên một chiếc ghe bầu chở đầy Calaim (cá lăm?) định để bán hay đổi lấy gạo.

Nhưng họ không thoát lưới Tây Sơn giăng. Họ bị bắt dẫn tới Phạm Công Trị (12-7-1783). Câu chuyện của P. Ginestar thuật lại cuộc gặp gỡ tra xét làm chúng ta chứng kiến được một cuộc đấu trí giữa những viên sứ giả sa cơ mà vẫn còn đủ khôn ngoan đối đáp vừa để tránh thoát tội mình, vừa trấn an kẻ địch khỏi hư việc vua và một bên những viên loạn tướng cũng đủ tư cách tướng soái để nhẹ nhàng khéo léo cật vấn kẻ thù cho biết tình hình đối phương.

Sau khi biết được mục đích đi sứ bại lộ nhờ tìm ra thư của Bá-đa-lộc giấu trong thuyền mà không bắt tội các L.M đã nói dối “chỉ trông thấy mặt vua đằng xa”, Phạm Công Trị đem họ về Sài Gòn dùng làm đầu đề khuyến dụ giáo dân: “Ta không đòi hỏi các người đổi lại bằng tiền bạc gì hết mà chỉ để các người biết ơn Ta và giúp Ta lập lại bình yên trong xứ. Các người đã biết tại ai mà xứ sở lộn xộn rồi, nếu trong các làng các người có ai làm loạn, hãy chạy báo cho Ta biết ... ”[268].

Tuy nhiên như Phạm Công Trị đã tiếc, vụ bắt này làm thoát mất hai người quan trọng: ông Chủng và ông Cả. Ông Chủng thì đang do dự hết tính

chuyện theo sứ bộ đi Manille lại toan chạy trở ra Phú Xuân nhưng sợ Trịnh không dung. Ông Cả thì đang tìm chỗ đặt [269] để đám tùy thuộc trong cơn biến loạn, nhưng Chantaboun rời Bangkok vẫn không được lại phải lênh đênh trên các hải đảo.

Nhân vật này thực khá đặc biệt. Đức ông Pigneau (x), Pierre-Joseph-Georges Pigneau de Béhaine trong hiệp ước 1787, trong giấy chứng nhận là đại diện toàn quyền cho vua Pháp ở Cochinchine, Giám mục d'Adran, Bá-đa-lộc, Bi-nhu Quận công, đó là những tên được người ta gọi một giáo sĩ của hội Truyền giáo Ba-lê ở cái xứ xa xôi này, vị giáo sĩ muốn đóng vai một “Giám mục trong triều” của Nguyễn Ánh, người đã cố lẩn tránh khi người ta gán cho danh hiệu ấy và thực ra cũng không bao giờ có thể trở thành một Richelieu Đại Việt.

Cứ theo lời ông thì khoảng giữa tháng 12-1784, ông gặp Nguyễn Ánh trên hòn Thổ Châu và Ánh đã quyết định theo tàu Hoà Lan đi Batavia nếu không có ông cản kíp. Và trong khi trận Rạch Gầm chưa xảy ra thì ông đã ôm Hoàng tử Cảnh để cùng Phó Vệ úy Phạm Văn Nhân, Cai cơ Nguyễn Văn Liêm, Trần Văn Học với đám tùy tùng lênh đênh trên Ấn Độ Dương hướng về Pondichéry[270].

Đến bây giờ ông mới tỏ bày lập trường của ông. Ông muốn việc cứu viện Nam Hà phải về tay một cường quốc Công giáo, gạt ra ngoài bọn Thệ phản Hoà Lan, Anh. Ông muốn huấn luyện đứa bé ba tuổi trở thành một giáo dân kiểu mẫu để cho thần dân nó sau này sẽ bắt chước noi theo[271].

Tuy nhiên dù trước kia cố tình chối cãi, người ta đã đồn ầm lên từ cuối 1778 là Nguyễn Ánh sẽ đi Tây cầu viện với L.M Hồ Văn Nghị, một người thân tín của Giám mục[272], và khi qua Pháp vận động, Bá-đa-lộc đã đưa ra một tờ giấy uỷ nhiệm của Nội các Gia Định cho ông quyền hành vô hạn, lãnh ấn, hộ vệ Cảnh để xin viện binh Pháp; tờ giấy này làm ngày 10-7 Cảnh Hưng thứ 43[273] (18-8-1782) tức là khi Châu Văn Tiếp chưa lấy lại Gia

Định trong tay Đỗ Nhân Trập, Hộ bộ Bá. Ý định cầu viện Pháp quả đã định từ lâu.

Mất công trông coi một đứa bé lên ba, Bá-đa-lộc được giữ trong tay một món hàng quý giá mà các nước Tây phương đều thèm muốn. Anh quốc sai người đến tận Pondichéry năn nỉ ông nhường lại Hoàng tử cho họ. Tiếng tăm về việc cầu viện cũng lan tận Goa. Sự thật từ tháng 4-1780, viên Toàn quyền Bồ ở Macao, O Fran Xavier de Castro, đã gửi thư xin Bá-đa-lộc bảo Nguyễn Ánh gửi thư cho thành Goa chịu thông thương với điều kiện thuận lợi. Đổi lại Macao sẽ đảm đương lấy việc cung cấp cho Nguyễn Ánh những sự trợ giúp cần thiết[274]. Việc không đi tới đâu nhưng khi Bá-đa-lộc ở Pondichéry cũng thấy rõ Goa thèm muốn Hoàng tử Cảnh nên vội viết bức thư ngày 8-7-1785 cho Nghị viện Macao để “dân Bồ khỏi làm rối các Phái đoàn”.

Trong lúc Bá-đa-lộc ở Pondichéry thì một viên cai tàu Macao, Albert de Souza, đi Manille đòi tiền vua Xiêm trở lại Bangkok và gặp Nguyễn Ánh ở đấy. Ánh trao cho người này thư gửi cho Toàn quyền Goa. Không biết nội dung thư nói gì nhưng Bá-đa-lộc cũng gượng nói rằng nếu người Bồ giúp binh thì công việc truyền giáo của ông vẫn thuận lợi như thường[275] (vì ông tin rằng đã nắm được Hoàng tử Cảnh).

Việc cầu Bồ không phải chỉ vắn tắt giữa chừng như Thực lục đã ghi. Antonio Vicenti Rossa ngày 2 tháng 9 Bính Ngọ (23-10-1786) đến Vọng Các dâng thư của Toàn quyền Goa báo cho Ánh biết đã có sẵn 56 tàu chiến (!) chờ ở đấy. Biết Ánh trong tay Rama I, Antonio rút ruột cho vua Xiêm 28 khẩu súng điều thương, 100 thước vải Tây để xin rước Ánh đi Goa[276]. Tuy rằng Ánh có nói rõ với Bá-đa-lộc, cũng như với De Richery rằng ông không “nỡ lòng nào theo đó bỏ đây nên phải uyển ngôn từ tạ”, nhưng tại sao ta lại thấy Antonio đi về mang theo hai viên quan, trong đó có một người tôn thất với 15 lính hầu?[277] Nguyễn Ánh không theo Antonio được không phải vì không nỡ lòng bỏ Bá-đa-lộc, nhưng vì “Xiêm vương

hằng ngày cho người do thám” khiến ông “khó nổi liệu toan” vậy. Vậy tất Ánh không đi được đã sai người đi thay.

Ở Macao, người ta cũng hay biết những điều kiện của một thoả ước giữa đại diện Ánh và Toàn quyền Goa. Bồ Đào Nha sẽ giúp Ánh khôi phục ngôi báu. Mỗi năm Ánh sẽ trả lại “vua xứ Goa” 10.000 đồng bạc và cũng chừng ấy cho “Hoàng thượng” (Bồ). Thiên Chúa giáo được tự do truyền bá và được nhà cầm quyền giúp cất nhà thờ bất cứ ở đâu cần tới. Tàu thuyền, tiền bạc ở Cochinchine một mặt in phù hiệu Nam Hà, một mặt in phù hiệu Bồ. Ánh sẽ nhường các cửa biển, cho đặt đại sứ ... Chi tiết về điều khoản “cho người Bồ lấy người Việt” và về việc phân biệt “vua xứ Goa” và Hoàng đế Bồ làm cho thoả ước có vẻ như thực, nhưng những đòi hỏi đền bù quá quắt như “trả lại mãi mãi”, “cất nhà thờ bất cứ ở đâu” làm ta thấy tiếng đồn đã quá sự thực. Việc không đi đến đâu vì như Pigneau đã nói một cách khinh bỉ: “Tôi biết Macao không có một tên quân” và các sứ giả Nguyễn Ánh hẳn thấy tận mắt thực lực của Macao.

Ở Pondichéry, Bá-đa-lộc không nghe lời Phạm Văn Nhân vì cho rằng “Hồng-mao nhỏ nhen, không như Bút-tu-kê nhu thuận, chẳng nên cầu”[278]. Quả thực ông là người Pháp! Nhưng nước Pháp với ảnh hưởng của Voltaire, của nhóm Bách khoa, “quốc gia lạc đường”, nước Pháp đó không làm ông tin cậy bao nhiêu[279]. Cuối cùng, tuy vậy ông vẫn chọn nước Pháp, nước Pháp còn vua, và trước nhất ông vận động ở Pondichéry.

Toàn quyền Charpentier de Cossigny thế Coutenceau des Algrains tỏ ra muốn giúp hơn[280], nên gởi chiếc tàu Marquys de Castries do Rieherly điều khiển đi Poulo Panjang (hòn Thổ Châu) để tìm thư Nguyễn Ánh, nhân tiện thả ở đây 34 người đi theo Bá-đa-lộc trước kia, trong đó các Hồ Văn Nghị và Trần Văn Học. Nghị báo tin cho Nguyễn Ánh hay và tàu hứa chở Nguyễn Ánh đi Pondichéry vào tháng 12-1786. Ánh rồi rít viết thư cảm ơn De Richery, De Cossigny, từ tạ không đi được vì Xiêm vương canh gác gắt gao. Nhưng chẳng may cho Ánh, tàu De Castries có nhiệm vụ khác là dò

xét bờ biển Nam Hà từ vĩ tuyến 11-18, coi dân tình có theo Nguyễn Ánh hay không, tìm cách hoá đồn bờ bể, vững tàu, xem xét Ánh có khả năng gì, tướng tá theo có đông không; nếu Ánh vô tài yếu ớt, thuộc hạ ít, thờ ơ thì về báo cáo mà không hứa gì hết[281]. Sức mạnh Tây Sơn lúc này đang nổi lên như sóng cồn ở miền Bắc trách gì khi De Richery trở lại Thổ Châu trong tháng 2-1787 khẳng khái không chịu chờ Nguyễn Ánh!

Tàu De Castries qua Đông thì Bá-đa-lộc cũng đáp tàu Malabar qua Pháp để vận động trực tiếp với Triều đình (7-1786). Theo ông vẫn là Hoàng tử Cảnh, Phạm Văn Nhân, Nguyễn Văn Liêm với 40 người hầu khác.

Thực là một dịp để cho đám thượng lưu Versailles có đề tài ăn chơi: họ tung ra một kiểu tóc, bài thơ phổ nhạc tặng ông hoàng Đông phương bé tí xíu mà phải sớm lao đao[282].

Rốt lại ngày 28-11-1787, thoả ước Versailles ký kết, một bên là hầu tước Montmorin đại diện Louis XVI và một bên là Pigneau de Béhaine thay mặt Nguyễn Ánh. Các điều khoản phần lớn đã được vạch rõ trong tờ tuyên bố uỷ quyền của Nội các Gia Định ngày 18-8-1782, đại lược có những khoản như sau: Pháp hứa giúp Nguyễn Ánh 4 chiếc tàu, 1.200 bộ binh, 200 pháo binh, 250 mồi Cafres (điều 2). Đổi lại, Nguyễn Ánh nhường luôn hòn đảo Hoi-nan đứng trấn đường vào cửa Tournon (cù lao Chàm?), nhường cửa Tournon để cho Pháp vương tuỳ ý xây dựng và cuối cùng thêm hòn Poulo Condore (điều 3, 4, 5). Pháp được quyền tự do thương mại và hơn nữa, độc quyền thương mại ở Nam Hà. Những chiếc tàu buôn ngoại quốc nào vào Nam Hà phải có giấy thông hành của Pháp và mang cờ Pháp (điều 6).

Đính theo thoả ước, Bá-đa-lộc còn được Louis XVI uỷ nhiệm làm đại diện toàn quyền bên cạnh Nguyễn Ánh[283]. Mọi việc liệu định xuất quân, viên Tổng trưởng Bộ Hải quân, tướng De Castries, trao toàn quyền cho De Conway ở Pondichéry lúc bấy giờ đang trông coi quân lực ở Ấn Độ[284].

Mọi việc thu xếp xong, Pigneau xuống tàu Dryade về nước, rời Lorient ngày 27-12-1787. Viên chỉ huy tàu De Kersaint được lời dặn bảo Louis XVI “gởi gắm Giám mục và cậu bé Hoàng tử”, cho họ “những phương tiện thuận lợi và thoải mái trong quyền hạn chủ tàu”, cho những người hầu Hoàng tử ăn cùng mâm với sĩ quan[285]. Cách đãi khách thật là lịch sự và chu đáo như trong hơn thế kỷ ăn chơi vừa qua của giới thượng lưu Versailles, nhưng Bá-đa-lộc có bất tin tưởng không khi cố nhìn vào tình hình Pháp lúc bấy giờ, khi nhớ rằng quyền điều động đang trong tay một người bướng bỉnh, ương ngạnh như truyền thống Ái Nhĩ Lan của ông ấy đã chứng tỏ?

Tuy nhiên tình hình Nam Hà được thông báo cho Pigneau biết thực đáng khuyến khích: anh em Tây Sơn bất hoà. Nhưng Pigneau tin tưởng chừng nào thì De Conway dè dặt chừng nấy. Ông bảo đợi chiếc tàu của De Richery về báo lại. Ông gởi thêm hai chiếc tàu La Dryade và Le Pandour để dò xét tình hình, tìm hiểu các cửa biển, các đảo nhượng địa ... [286]

Thế rồi từ việc quốc gia đại sự, người ta đi đến những công kích riêng tư. Bá-đa-lộc nóng nảy, ngọt ngào khuyên nhủ De Conway “phải biết coi thường những lời bàn tán giấu dưới cái gọi là thận trọng, kỳ thực chỉ che đậy yếu hèn” để De Conway nổi cáu trả miếng rằng ông “lấy làm kinh ngạc thấy một giáo sĩ đáng kính lại chê là yếu hèn những người mà ông không bổ nhiệm và ông cần phải tìm hiểu nữa”. Bá-đa-lộc lại viết thư cho De Montmorin báo cáo về thái độ của De Conway “yếu kém sức lực và tinh thần, không phải chỉ không sửa soạn gì hết mà còn tìm đủ cách cho cuộc xuất quân thêm khó khăn”[287]. Mới có một tháng sau ngày Bá-đa-lộc đến Pondichéry mà xảy từng ấy chuyện, tình trạng đổ vỡ thấy rõ ràng.

Việc Nguyễn Ánh lấy lại được Gia Định, sai Hồ Văn Nghị đem tin báo xin viện binh cấp tốc tới cũng không làm cho De Conway thay đổi ý kiến: thoả ước Versailles chỉ là nhột trò đùa.

Việc không thi hành thoả ước làm cho các sử gia Pháp yêu nước sau này thấy mất một cơ hội chiếm thuộc địa Đông Dương sớm hơn gần một thế kỷ, nên nổi nóng gọi nhà cầm quyền lúc bấy giờ là “phản bội, lừa dối, phỉnh gạt”[288]. John Barrow vài năm sau cũng tìm cách giải thích sự thất bại này của Pigneau và tìm ra nguyên nhân ở câu chuyện một người đàn bà. Viên tu sĩ Pigneau nhận quả có ghét một người đàn bà vợ viên phụ tá của De Conway đã lang chạ với chủ tướng, nhưng bà ta cũng mang tinh thần chống đối 1789 để nhạo báng De Conway phải chịu quyền chỉ huy của một Giám mục trong “đạo quân của Giáo hoàng”[289].

Nhưng duyên cớ chính phải tìm trong tình hình lụn bại của Pháp lúc bấy giờ. Thời gian Pigneau qua Pháp là lúc nội tình Pháp rối ren[290]. Một mặt chính quyền thấy cần phải cải cách, một mặt phải chịu đựng phản ứng của những kẻ vẫn được hưởng đặc quyền nay bị truất đi: cuộc nổi loạn của đám quý tộc dòng dõi nổ tung ngày 20-8-1786, cuộc hội họp của Hội nghị quý tộc (tháng 3, 4-1787). Tài chính kiệt quệ tới nỗi mười ngày trước khi ký thoả ước Versailles Triều đình trù liệu vay 420 triệu đồng livres. Thêm nữa, trước đó hơn một tháng (tháng 9, 10-1787) một đạo quân Phổ đã tràn vào chiếm đóng Cộng hoà Batave đánh đổ đảng thân Pháp làm cho Pháp mất đồng minh trên mặt biển là yếu tố cần để giữ thuộc địa.

Cho nên, để Bá-đa-lộc đi rồi, viên Trưởng văn phòng bộ Thuộc địa mới bảo “do lệnh Vua”, cho De Conway hay rằng “không tính tới chuyện viễn chinh Đông Dương”[291]. Việc đó đến báo chí đồng thời ở Pondichéry cũng biết[292]. Bá-đa-lộc có biết không? Không rõ điều đó, chỉ thấy lúc về ông nói lại với Nguyễn Ánh là “Quốc vương Đại Tây có tình thực giúp đỡ trong khi trấn quan hồ nghi chẳng quyết”[293].

Nhưng như nhận xét của tờ Gazette nationale “không bao giờ tình hình dễ dàng cho việc lập lại quyền bính cho ông vua mất ngôi đã trở về chiếm năm tỉnh phía nam như bây giờ”. Thực vậy, tuy Nguyễn Ánh còn phập phồng lo sợ, nhưng cũng đã có thể để lấy danh nghĩa “An Nam Quốc vương” nói với

Đại Tây quốc bằng một chút kiêu hãnh ngẫm về cái ý tưởng thắng trăm quen thuộc của Đông phương: “Nghe rằng đạo trời bị rồi lại thái, vận nước tán rồi lại hưng, lý đã có thực vậy, thời nào lại không ... !”

Tiết 11

NGUYỄN ÁNH VÀ TY SƠN CỦA GIA ĐỊNH

Tổ chức giữ Gia Định của Tây Sơn * Nguyễn Ánh và Phạm Văn Sâm * Tiếp viện của Nguyễn Huệ * Gia Định thoát khỏi tay Tây Sơn * Tổ chức cai trị, phát triển buổi đầu ở Gia Định.

Phê bình cuộc tranh chiếm ở Quy Nhơn của Nhạc và Huệ, sử quan nhà Nguyễn rút ra một kết luận chỉ rõ sự quan trọng của sự việc này như là nguyên nhân mở đầu cho thời trung hưng của Chúa họ: “Từ đây giặc lo gườm nhau, thế giặc tan rã không rảnh để dòm ngó phương Nam nữa”[294]. Chúng ta đã phân tích tình thế đó rồi. Tuy nhiên chúng ta phải xét xem Tây Sơn trong hai năm rưỡi chiếm đóng Gia Định đã làm gì để củng cố thế lực họ ở đây, để xoá nhoà dấu vết ông chúa cũ, để lôi kéo dân chúng về phía họ.

Dấu vết công việc còn lại thật là ít ỏi, nhưng cũng cho thấy tình trạng lúng túng, thụ động của họ. Chúng ta đã biết người giữ Gia Định sau trận Mang Thít là Đặng Văn Chân. Ông lo đề phòng biến cố có thể xảy ra do bọn di thần nhà Nguyễn lẫn lút trong dân gian, nên dời dinh trại lên trên vùng đất cao ở Cầu Sơn[295] cách phía bắc trấn 7 dặm để dễ bề chống giữ. Trong năm 1786, ông đắp dinh trại trên gò cao, còn dưới thấp thì xây cất phố xá, lùa các nhà buôn Sài Gòn vào ở đó. Nhưng công việc cưỡng ép này không đi đến kết quả nào như ta đoán biết, một phần vì nơi mới xa chỗ buôn bán quen thuộc cũ, một phần vì đầu năm sau (1787), Đặng Văn Chân đã phải ra cứu Nguyễn Nhạc, bỏ dở công việc[296].

Ở Gia Định bấy giờ còn lại Tham đốc Trần Tú coi sóc công việc. Oai võ đã hạ, binh thế đã yếu thì loạn lạc nổi lên: Lê Công Trấn, Phạm Điền mưu đánh úp Bến Nghé bị lộ phải chết, trong khi xa hơn, ở Biên Hoà quân khởi nghĩa của Nguyễn Văn Tuyết, Nguyễn Văn Nghĩa kéo dài tới ngày Nguyễn Ánh về[297]. Ngoài ra còn phải kể tới Võ Tánh ở Gò Công mà lực lượng lan đến tận Kiến Hoà nhưng không hản với danh nghĩa phò Nguyễn.

Xung quanh trấn mà Tây Sơn không giữ được nói gì ở những nơi xa trong một xứ còn đầy rừng rậm, hoang vu với kênh rạch bùn lầy. Đám người Miên trong thời kỳ này tất được hưởng sự tự trị rộng rãi để sau này, trước sự đe dọa của quân Nguyễn Ánh, họ sẽ quay lại giúp Phạm Văn Sâm, người phụ tá cho Đông Định vương Nguyễn Lữ khi anh em chia đất. Ngay hơn cho Tây Sơn chính là sự trở lòng của binh tướng dưới quyền.

Tình hình đó được Giám quân Tổng Phúc Đạm, Thị giảng Nguyễn Đô, Cai cơ Tổng Phúc Ngọc, Cai bạ Nguyễn Thiêm tới Long Khâu (Vọng Các, địa điểm của làng Gia Long) trình bày cho Nguyễn Ánh rõ và xin Ánh trở về. Việc ra đi không dễ dàng gì vì như ta biết, Xiêm vương sai canh gác gắt gao. Ánh ở Xiêm, thuộc hạ có một số quân tướng theo hồi đầu 1785 và 600 người của Lê Văn Quân sau đó chia nhau lập đồn điền để tự cung cấp, đóng thuyền bè ở Giang Khảm để chờ cơ hội. Tất cả kéo nhau đi không thể làm lặng lẽ được.

Cho nên, lén về nửa đêm, để lại một số lớn quân sĩ ở Xiêm[298] Nguyễn Ánh tất đã nhìn vào tình hình chín muồi ở Gia Định, được khuyến khích bằng sự bội phản của Nguyễn Đăng Vân. Người này biết đâu không làm môi giới cho Nguyễn Văn Trương quay về hợp tác? Nếu không có thông đồng sẵn thì sao Trương lại sai bộ tướng Hoàng Văn Diễm đi đón từ ngoài biển rồi tự mình đem hơn 300 binh và hơn 15 chiến thuyền ra hàng? Như vậy là với 300 khẩu súng điều thương do Mạc Tử Sanh đưa về đến Hòn Tre, tiếp thu bọn cướp biển Hà Hỉ Văn cùng bộ tướng Thiên Địa hội của ông ta[299], Nguyễn Ánh tiếp thu được vùng Hậu Giang chỉ tốn có trận

đánh lui Trà Ôn do viên Tiên phong Chương cơ mới là Nguyễn Văn Trương điều khiển thôi.

Được chiến thắng dễ dàng khuyến khích, Ánh đưa binh vào cửa Cần Giuộc trong tháng 9 âm lịch (1787) gây khích động dân tâm. Nguyễn Lữ lật đặt bỏ chạy về gò Mụ Lợ (hay gò Vải Lợ)[300] xây thành đất trú ẩn để Phạm Văn Sâm chống giữ Sài Gòn. Viên Thái bảo này kháng cự mạnh tới nỗi Nguyễn Ánh phải dụng mưu phản gián.

Nguyên quân Nguyễn có bắt được một chiến thuyền Tây Sơn chở viên Hộ đốc tên Lý và người thiếp tên Thị Lộc. Ánh không giết lại hậu đãi rồi giả mật thư của Nguyễn Nhạc nói Sâm kêu hoanh, sai Lữ dùng mưu giết đi. Thị Lộc được lệnh cầm thư đưa Sâm. Sâm tưởng thật vội kéo cờ trắng lên gò Lợ định phân trần. Không ngờ Lữ lại tưởng Sâm đã hàng Nguyễn Ánh bèn vội vã bỏ đồn chạy về Quy Nhơn chết ở đấy, chấm dứt cuộc đời đáng thương, lạc loài, bất đắc dĩ của con người dung thường giữa đám anh em vượt chúng, quấy đảo thời thế.

Phạm Văn Sâm từ nay đơn độc ở Sài Gòn lo việc chống cự. Quân Nguyễn tưởng có thể lấn bước không ngờ bị đánh mạnh phải mở vây. Sử quan nhà Nguyễn ghi trận thua này như là tự ý phe họ rút đi nhưng rõ ràng là Phạm Văn Sâm đã thắng thế.

Trên đường rút về phía cồn Hố[301] quân Nguyễn đã thanh toán những chướng ngại dọc đường. Ở sông Ba Vác, Điều phát Nguyễn Kế Nhuận của Tây Sơn phải ra hàng. Ở Ba Lai, Ngự ụ Tây Sơn là Nguyễn Văn Đồn dàn thuyền trên mặt sông cản lại, Lê Văn Quân lên vào bên trong đốt lửa làm hiệu cho Hồ Văn Lân, Nguyễn Văn Trị, Trương Phúc Giáo, Nguyễn Văn Tồn phục bên ngoài biết mà ập vào hai mặt giáp công đánh phá[302]. Tưởng có thể chuyển bại thành thắng, quân Ánh lại tiến đánh Mỹ Tho, gặp phải Phạm Văn Sâm đuổi vừa đến. Hai bên đánh nhau thật dữ dội vì đối thủ của Sâm là một kiện tướng cũ của Tây Sơn: Nguyễn Đăng Vân, con nuôi Nguyễn Huệ. Vân bị bắt, không hàng, mắng chửi rồi chịu chết. Nguyễn

Ánh phải bỏ chạy ra cù lao Hổ, còn có 300 người và hơn 20 thuyền, còn Hà Hi Văn và bộ tướng thì lanh chân chạy tuốt ra Côn Lôn ở lì đó.

Tuy nhiên mặt trận mở rộng, Phạm Văn Sâm phải đương đầu với một tình thế nguy nan. Thuộc tướng Nguyễn bây giờ có mặt khắp nơi. Tháng 10, Hồ Văn Lân đánh ở sông Lương Phú đuổi Đô đốc Nguyễn Văn Mân về giữ Thang Trông [303] bỏ lại Chương cơ Chân, Tả hiệu Huấn trở thành Tiền phong cho quân Nguyễn. Nguyễn Văn Trương, Đỗ Văn Hựu ghi thêm một chiến công bằng cách đánh tập hậu ở sông Mỹ Lung đuổi Chương cơ Từ, thu thêm bộ tốt của Từ cùng vài mươi thuyền. Phạm Văn Sâm, Nguyễn Ánh bây giờ lại đổi đầu, kẻ ở Ba Lai, người ở Mỹ Lung.

Quân Nguyễn phát triển lần lần. Sâm về sông Mỹ Tho rồi lại về Sài Gòn trong khi Tôn Thất Hội chiếm Ba Giồng, Hoàng Văn Khánh, Trương Phú Ngan, Nguyễn Văn Trương, Tô Văn Đoái đắp lũy ở Nước Xoáy[304] dùng trái cau khô làm đạn bắn qua lũy Tây Sơn bắt họ phải lui. Cho đến đầu năm Mậu Thân (1788), trừ việc Cai cơ Hà Văn Lục giữ giồng Sao bị Tây Sơn giết ở giồng Gầm, quân Nguyễn chia nhau chiếm giữ vùng Trà Lọt, giồng Triệu[305], giồng Sao, thu hẹp phạm vi hoạt động của Tây Sơn trong vùng Sài Gòn, Mỹ Tho. Dinh Trấn Biên cũng lọt vào tay Lưu thủ Khoa khiến cho Phạm Văn Sâm chỉ còn dựa vào thủy quân[306] bảo vệ cho một số địa điểm bám víu trong đồng. Nguyễn Ánh có thể tự phụ để viết thư khoe với J. Liot rằng: “Từ Ta đề binh phá Tây đồ, thì bộ binh thâm phục Gia Định phủ các xứ, còn thủy binh nó thì trụ tại Mỹ Tho cùng Bến Nghé, thẳng phụ vị phân, thủy binh Ta thì ắt còn trụ tại Trà Lọt ... ”[307].

Tình cảnh nguy ngập cho Sâm như vậy mà tin tức Quy Nhơn vẫn im lìm. Nguyễn Nhạc không có phản ứng gì hết từ khi Nguyễn Lữ bỏ chạy về. Các giáo sĩ đương thời giải thích thái độ ấy, cho rằng: “Nhạc không dám đến đánh Nguyễn Ánh là vì sợ lúc vắng mặt, em ông có thể đến chiếm lấy kho tàng mà ông giấu ở ngôi thành độc nhất này”[308]. Sự thực cả hai Nhạc và Huệ đều gườm nhau, giữ thế từng tí một, Huệ muốn đánh Nguyễn Hữu

Chỉnh cũng không dám rời Phú Xuân, lại trao quyền cho Vũ Văn Nhậm mà bụng cứ phập phồng sợ viên Tiết chế này làm phản.

Tuy nhiên cả vùng Thuận, Quảng, Bố Chính, dân chúng đã lao xao về việc Nguyễn Ánh quay về Gia Định. Nguyễn Huệ tất phải lo ngại. Theo lời Nguyễn Ánh thì khoảng đầu năm Mậu Thân (1788), Tây Sơn - ta biết là Nguyễn Huệ đã gởi “Thằng Hưng” đem đại binh vào cứu “Thằng Sâm” ở Sài Gòn khoảng tháng 3 âm lịch trước khi họ ra Bắc giết Vũ Văn Nhậm. Số lượng quân đội này, Thực lục ghi 30 thuyền, Letondal tăng đến 3-400 thuyền và cho rằng mục đích chỉ đi lấy lương Gia Định cho mau rồi về thôi. Nguyễn Ánh cũng đề quyết với quân sĩ của mình như vậy và cho rằng Phạm Văn Hưng chỉ vào vận lương, cứ cố thủ đi vài tháng hẳn ta sẽ lui về.

Nhưng lẽ nào quân Hưng vượt biển vào chỉ độc có việc lấy lương ở một nơi nguy nan như vậy khi Nguyễn Lữ đã chạy về từ tháng 9 năm ngoái? Có thể Ánh chỉ nói để trấn an quân sĩ. Việc Nguyễn Huệ giết Nhậm rồi vội vã về Thuận Hoá đợi tin Hưng chứng tỏ nhiệm vụ dò xét, giúp đỡ nếu có thể - của toán thủy binh này ở Gia Định.

Dù thế nào đi nữa, quân Thái úy Phạm Văn Hưng cũng đã hợp với Phạm Văn Sâm đánh nhau kịch liệt với quân Nguyễn dằng dai hàng nhiều tháng để ở Phú Xuân Nguyễn Huệ phải bồn chồn lo ngại[309]. Nguyễn Ánh lúc đó cũng vừa chiêu phục một tướng tài: Võ Tánh từ Gò Công, làm tăng quân số Nguyễn lên hàng vạn người. Điều đó cho Ánh tin tưởng để nói với J. Liot rằng: “Nội tháng sáu Ta cũng đánh được Sài Gòn mà chớ!”

Thực vậy, trong tháng tư, Nguyễn Ánh từ Sa Đéc sai Tôn Thất Huy, Lê Văn Quân đánh lũy Trấn Định[310], dụ Cai cơ Tây Sơn là Viên mở cửa đầu hàng, bắt được Chương cơ Diệu. Thừa thắng họ tiến đến Thang Trông đánh bắt Đô đốc Nguyễn Văn Mân. Như vậy Tây Sơn đã mất căn cứ Mỹ Tho. Quân sĩ của họ chạy tán loạn vào trong dân gian gây ra một mối đe dọa an ninh cho thôn xóm, cho tất cả đất Gia Định một khi Nguyễn Ánh lấy được. Cho nên một mặt ông lấy lòng dân chúng bằng cách ra quân lệnh cấm binh

sĩ sách nhiều tiền bạc, vợ con dân gian, để từ đó dùng lợi lộc dụ họ đối đãi tốt với quân sĩ Tây Sơn, lôi kéo đám binh này về phe mình: ai mà nuôi một binh lính Tây Sơn bỏ chạy về làng thì được miễn binh dịch một nửa, hai người thì được miễn hết, ba người trở lên thì được thưởng. Mặt khác, ông dụ binh Thuận Hoá bằng cách kêu gọi tinh thần địa phương của họ, nhắc nhở đến mối liên lạc xứ sở của họ với dòng cự Nguyễn xưa kia để họ an tâm phò tá, gọi lòng nhớ quê, xa xứ của họ để họ ra hàng tòng quân theo về đất cũ.

Tây Sơn càng bị siết chặt: ở Đồng Nai, họ bị Nguyễn Văn Nghĩa phá tan. Ở lũy Ngũ Kiều, Đốc chiến Tây Sơn Lê Văn Minh bị Tôn Thất Hội vây chặt rồi lại phải thua trận hoả công do thủy binh Nguyễn Ánh từ Ba Giồng tiến lên. Thế là trận vây Sài Gòn bắt đầu.

Nguyễn Ánh đóng binh ở rạch Thị Nghè[311] trong khi Phạm Văn Sâm dàn binh từ chợ Điều Khiển đến chợ Khung Dung chống cự. Ánh sai Võ Tánh đi vòng phía nam đồng Tập Trận thẳng tới Bến Nghé để chặn đường lui quân. Hai bên giáp công, Sâm không địch nổi phải bỏ chạy. Quân Ánh ca khúc khải hoàn vào Sài Gòn ngày Đinh Dậu tháng 8 Mậu Thân (7-9-1788).

Phạm Văn Sâm ra cửa Cần Giờ không được vì Lê Văn Quân đã chặn ở đó rồi bèn về Hàm Luông rồi về Ba Thắc binh hai bên bờ sông đắp lũy cự chiến. Ông còn dựa vào đám binh Miên nổi loạn ở Trà Vinh, Mang Thít để làm thế nường tựa chống đánh. Nhưng Nguyễn Ánh đến, Miên binh hàng phục. Việc binh ở đây giao cho Tôn Thất Hội quản lãnh Vĩnh Trấn trông chừng Sâm không cho thoát ra các cửa biển về được Quy Nhơn. Sâm ở đây cố thủ từ tháng 9 đến tháng giêng năm sau (Kỷ Dậu 1789) không hi vọng gì ở cứu binh cả vì Nguyễn Nhạc thì lạng yên còn Nguyễn Huệ thì bận chiến tranh với quân Thanh. Ấn hết mùa gió bắc, đầu năm Kỷ Hợi, Sâm muốn đem quân ra biển chạy thì bị phá ở cù lao Hố. Đến lúc này Ánh cũng muốn thanh toán xong Ba Thắc, “Nhứt chiến cho tuyệt hậu ưu”[312]. Các danh

tướng của Ánh đều có mặt nơi đây: Lê Văn Quân, Võ Tánh, Tôn Thất Hội, Nguyễn Văn Trương. Ở cù lao Hổ họ giết được Đô đốc Nguyễn Hùng, nhưng đổi lại Cai cơ Nguyễn Văn Mai và Đỗ Văn Hựu bị súng bắn chết. Ở Ba Thắc Nguyễn Ánh nhờ một viên tướng cũ tên Thanh Hàm hàng Tây Sơn nay phản lại nên đuổi được Sâm chạy về sông Cổ Cò[313]. Còn một toán binh cuối cùng ở cửa Mỹ Thanh lên tiếp cứu dưới quyền Tham đốc Trần Hiếu Liêm, Chỉ huy Nguyễn Chuẩn thì bị phá tan. Chuẩn chết, Liêm hàng, Sâm thế cùng lực kiệt cùng với bộ tướng đem thuyền bè khí giới mang gông ra phủ phục hàng kẻ chiến thắng[314].

Thế là sau hơn một năm trời lao khổ, Nguyễn Ánh đã quét sạch Tây Sơn để làm chủ Gia Định. Trong khi hiệp ước Versailles chỉ còn có giá trị của một tờ giấy lộn thì Nguyễn Ánh vẫn nghĩ rằng viện binh sắp về để tăng tiến thực lực của ông. Kinh nghiệm những ngày chiến bại cũ làm ông quá lo lắng. Nhưng bọn tuý tướng của ông như Nguyễn Văn Thành thấy cái hại của việc cầu viện người ngoại quốc nên từ độ còn ở Xiêm đã khuyên ông không nên trông chờ gì ở ngoài.

Việc Nguyễn Ánh về Gia Định thắng ở đây trong khi nước Pháp không đủ sức gởi viện binh đã là một sự kiện quan trọng.

Như nhận xét của L.M Castuera “dù là người Pháp không tới nữa thì cũng gần như chắc chắn là trên bộ hay dưới nước gì người Tây Sơn cũng không thắng được Vua, vì hai anh em họ bất hoà nhau và vì cuộc chiến mà một người em phải chống với Tàu”. Quyền đã về tay Nguyễn Ánh ông phải tổ chức Gia Định như một người chủ, biến đám đánh mướn dưới quyền Bá-đa-lộc thành bộ hạ tay chân, đưa kỹ thuật mới vào trong nước cần thiết cho chiến thắng mà không có địa vị uy danh gì để làm đảo lộn trật tự trong nước. Ý thức hệ cũ vẫn làm nền tảng cho tổ chức xã hội đương thời. Dù Nguyễn Huệ, dù Nguyễn Ánh không ai có thể làm khác hơn được.

Từ khi về, mỗi lần lấy một nơi chắc chắn là Nguyễn Ánh lo tổ chức cai trị. Đất Hà Tiên bị tàn phá vì vốn là một đầu mối gây bất hoà với Xiêm nên

Nguyễn Ánh phó cho Mạc Tử Sanh, người vẫn tỏ lòng trung thành với vị chúa của cha mình nhưng lại được Phật vương nuôi dưỡng, kẻ trung gian rất tốt trong tình giao hảo Xiêm - Việt. Sanh chết, Ánh dùng một người Xiêm là Ngô-ma cho làm Cai cơ trông coi trấn đó (hay là chấp nhận trấn thủ của vua Xiêm đề cử?) Vĩnh Trấn dinh yên ổn hơn nên được đặt công đường cho Phạm Văn Thận làm Ký lục giữ.

Nhưng chiến tranh tiếp diễn thì ta thấy các tướng quân lãnh trông coi luôn việc hành chính. Cho nên vừa đánh được Mỹ Tho lập công đường dinh Trấn Định thì giữ việc dân, binh là các tướng Tôn Thất Huy, Tống Phúc Đạm, Phạm Văn Sĩ. Việc đó chỉ là tạm bợ. Ở Sài Gòn, Nguyễn Ánh lựa các viên Tham mưu quân đội chuyển qua các bộ Lại, Hộ, Hình để lập một triều đình. Việc khá quan trọng là ông đã thu phục đám nhân sĩ do Võ Trường Toản đào tạo hay ảnh hưởng gồm cả người Việt, người Minh Hương, để giúp việc từ lệnh buổi đầu: Lê Quang Định, Trịnh Hoài Đức, Ngô Tông Chu, Hoàng Minh Khánh ... Noi theo tiết tháo của thầy, hành đạo ẩn dật trong thời loạn, nay ra giúp việc, giúp đời, họ sẽ có đủ khả năng và cứng rắn, tự tin để bênh vực đạo Thánh. Họ sẽ hợp thành một khối vững vàng để bảo vệ ý thức hệ Khổng giáo chống mọi xâm nhập khác.

Về việc cai trị ở đây, Nguyễn Ánh cũng gặp khó khăn gây ra vì nhóm người Miên. Thực ra Miên binh dưới quyền của Nguyễn Văn Tồn ở Trà Vinh[315] cũng giúp Nguyễn Ánh rất nhiều trong việc đánh Phạm Văn Sâm. Nhưng họ bất thường nay đầu mai đánh thật khó mà liệu định. Tướng Ốc nha Ốc theo Phạm Văn Sâm bị đánh đuổi chạy về Cần Thơ gặp Nguyễn Văn Phong bắt giết. Lê Văn Quân và Võ Tánh giữ Ba Thắc cũng không yên. Nguyễn Ánh đành phải đặt kế hoạch cho tự trị: ông đòi hai tướng về rồi cho viên quan Miên về đầu là Gia-tri-giáp trông coi xứ ấy, phủ Trà Vinh thì giao cho Ốc-nha Chích cai trị.

Tính cách phức tạp về chủng tộc, về quê quán làm cho việc kiểm tra dân số cũng thêm phần phiền nhiễu. Việc kiểm tra lại cần có để giữ an ninh, để

định binh số mà bắt lính, thu thuế. Trước nhứt người ta kiểm điểm lập danh tính những người tòng quân: quan quân các chi, hiệu, đội, thuyền cứ bằng vào tên tuổi, chức sắc mà đưa về quê quán làm sổ sách. Về phía các tổng xã thôn phường đều phải ghi vào sổ những người ở ngụ, ẩn lậu cùng với lính Tây Sơn trốn về. Đám người không tư sản thì được ghép vào hạng cùng cố, miễn nạp các thức cần cho binh vụ nhưng vẫn phải làm trâu như mọi người. Để đẩy mạnh việc kiểm tra dân lậu, từ tháng 5 nhuận Kỷ Dậu (1789), Nguyễn Ánh lại cho phép thưởng người tố cáo: dân tố cáo thì được miễn một năm trâu, lính thì được trâu nơi ấp trưởng, người chứa chấp 40 quan tiền. Về mặt xã hội, các loại phù thủy, đồ bùa, đồng bóng, hát xướng đều bị cấm chỉ.

Tất cả những biện pháp khắc khổ đó đều để nhằm vào việc tổ chức một quân đội mạnh đủ để giữ vững Gia Định. Việc tuyển binh cho ta thấy rõ sự cần kíp đó. Từ tháng 10 Mậu Thân (1788), sau khi vào Sài Gòn, Nguyễn Ánh buộc dinh Phiên Trấn tiên khởi trong việc bắt tráng đinh, cứ hai người lấy một lập thành phủ binh, chia đội ngũ ra chinh bị đánh giữ. Quân được hưởng ưu đãi nhất là quân bảo vệ Nguyễn Ánh. Theo lệ mỗi tháng họ được cấp một vuông gạo, 1 quan tiền, áo quần hai thứ, lại được cấp riêng cho một người dân có tên trong sổ bộ để sử dụng. Nhưng rõ ràng là không phải ai cũng được hưởng ưu đãi đó nên lính trốn thật nhiều đến nỗi quan phải ra lệnh cho dân, quân ai bắt được thì thưởng tiền, miễn trâu.

Những hoạt động binh vụ phải tựa trên một nền kinh tế dồi dào mới có cơ trường cửu được. Ánh lại có kinh nghiệm cũ về những chuyến thương thuyền Trung Hoa đem lái thịnh vượng cho đất này nên mở mang ngay một chính sách mời mọc và kiểm soát các thuyền buôn. Theo bảng thuế lệ liệt kê ra, ta thấy đến cập bến có các tàu Hải Nam (chịu thuế nhẹ nhất: 600 quan, ngoài lễ lạc khá nhiều), Triều Châu, Phúc Kiến, Quảng Đông, Thượng Hải (cả hai chịu thuế nặng nhất: 3.300 quan). Quan quân chú ý những vật có liên quan đến binh dụng như đồ đồng, chì, diêm tiêu, lưu hoàng, không cho buôn bán riêng tư các loại này. Các sản vật trong nước

cũng không được trộm chở đi. Ai thông đồng mua bán riêng tư với nhau thì bị đánh 100 roi cấp làm dịch phu 3 năm, tịch thu tài sản. Nói tóm lại đó là một chính sách kiểm soát khắt khe làm sao quân đội được sử dụng tài lực trong nước đến mức tối đa.

Không ngời đó để trông chờ tàu buôn đến bán binh khí, Nguyễn Ánh sai các người trong nội viện đi Châu Thái[316] mua súng lớn, đạn dược, lưu hoàng, diêm tiêu ... Ông viết thư cho J. Liot bảo ông này mời gọi tàu Tây tới bán binh khí khỏi chịu thuế[317].

Việc phòng thủ cũng được tổ chức chu đáo, nhất là về phía biển, nơi đột nhập của địch quân: các phong hoả đài được dựng lên ở Cần Giờ, Đồng Tranh, Vũng Tàu. Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Văn Thành lo đi tuần tiêu các cửa biển. Thành Cá Trê, Vàm Cỏ được xây lại. Lê Văn Quân được phái đi đóng giữ Bà Rịa. Cuộc tổ chức mới ở năm đầu mà cũng có vẻ vững chắc lắm[318].

Tiết 12

TIẾP VIỆN CỦA BÁ-ĐA-LỘC

“Je ferai seul la révolution” * Các tay phiêu lưu Tây phương ở Việt Nam: vai trò, địa vị và ảnh hưởng của họ.

Phút đầu tàu đã chạy lên,

Buồm trương gió du [?] hai bên kéo lèo.

Tới nơi Bến Nghé gieo neo,

Dưới trên buồm cuốn xả lèo răng răng.

Đùng đùng súng bắn liên thanh

Chiêng công mừng rỡ vang rânng dầy dầy.

Hai bên tứ diện đông tây,

Dưới trên thiên hạ dầy dầy đều coi.

Mừng tàu rày đã tới nơi,

Mừng Thầy lại với Con người đã sang[319].

Đó là những lời thuật chuyện đón rước Bá-đa-lộc và Hoàng tử Cảnh của một tác giả vô danh nào đó. Cả hai cùng đoàn tùy tùng và 4 giáo sĩ bước lên chiếc tàu La Méduse quá giang về. Ngày 28-7-1789 họ cập bến Vũng Tàu, ở đó đã có Tôn Thất Hội đón rước[320]. viên thuyền trưởng, Hầu tước De Rosily Meros cho bắn 15 phát súng, cho De Béhin và vài sĩ quan đưa lên. Luôn thể ông cũng tỏ một cử chỉ bất thiệp: “Tôi tưởng có bốn phận phải thên vào cho sứ bộ nhỏ bé này 2.000 cân thuốc súng để cho cậu Hoàng tử không có đáng trở về với hai bàn tay không và để làm vui lòng Giám mục đã tỏ vẻ ước muốn chúng lắm”[321].

Hai chứng nhân ở hai địa vị có hai lối nhìn riêng về cuộc đón rước. Nhưng tất cả đều là sự thực bởi vì chúng lộ cho ta thấy những khía cạnh khác nhau của sự thực. Sự thực là một bên ở phía Gia Định, ngoài tấm lòng của một người cha “quan sơn vạn lý hoài niệm”, nay hân hoan thấy mặt con, còn có những người dân lính, quan vua mừng rỡ được thấy bạn bè tiếp sức, đem từ phương xa lại sự tin tưởng thắng lợi ở ngày mai. Sự thực là đám người trở về đó có lúc cũng đã tin tưởng như đám người đón rước họ bây giờ, mà rốt lại lúc này chỉ là “một sứ bộ nhỏ bé”, đi không lại trở về không.

Nhưng sự việc đã ném tung ra rồi thì nó sẽ mắc nối để lôi cuốn các sự việc khác xảy ra tiếp. Cảnh đi cầu viện, các nước Tây phương đều biết. Duy họ không can thiệp được vì chính họ đang phải lo gỡ rối cho họ, gỡ mỗi bong bong mà chính nền văn minh họ đã tạo ra.

Chính phủ đã không giúp ích gì được thì các tư nhân phân tích tình hình theo lối nhìn riêng của họ đã bày tỏ sự tán đồng can thiệp. “Người Pháp không can thiệp vào Nanh Hà thì thiếu dịp khác để thành lập một cơ sở vững chắc và quý giá trên một xứ sở sẽ đem lại cho quốc gia một nền thương mại độc quyền hơn 20 triệu đồng và đặc biệt là việc giao thương với Trung Hoa mà khỏi cần qua Quảng Châu”[322]. Chính khi những dư luận đó trở thành những đề nghị cụ thể thì Bá-đa-lộc mới có thể giận dỗi De Conway để nói thẳng vào mặt ông này là “Một mình tôi cũng đủ làm nên việc đảo lộn”.

Trong chuyến từ Pháp về, Bá-đa-lộc ghé Ile de France viết thư cho De Montmorin: “Ở đảo này, tôi đã thấy các nhà cầm quyền sẵn sàng nhận lãnh quan điểm của Triều đình. Tất cả những gì có liên quan đến cuộc viễn chinh ở Cochinchine đều phải tiên liệu từ chỗ này và đã xong rồi”[323]. Thực vậy, Bá-đa-lộc tiếp tục đường về thì trong cuộc hội nghị ở Port Louis ngày 3-9-1788, các nhà cầm quyền ở các đảo Ile de France, Bourbon đã ra tuyên ngôn xin tự do giao thương với Cochinchine. Thế rồi trong một tờ trình gửi cho Quốc hội Pháp ngày 2-12-1790, dân chúng (?) các đảo đã nói: “Ở đây có những tay tình nguyện, những bọn Cafres, tàu bè khí giới cho cuộc viễn chinh đó. Nhiều nhà buôn yêu nước của thuộc địa này đã dâng cho Giám mục d’Adran tài nguyên của họ để giúp ông thi hành một dự tính thật có lợi cho quốc gia Pháp”[324].

Quần đảo Côn Lôn nằm ngoài biển là nơi thuận tiện nhất để đón chào các tàu thuyền Tây phương. Từ năm 1779, Nguyễn Ánh đã đặt ở đây những viên quan mang chứng minh thư của “P.J.G. Giám mục d’Adran” giới thiệu với các thuyền trưởng Tây phương, mời họ vào bến, cho tin tức. Chủ đích của Pigneau là đón tàu Pháp nhưng Gia Định không cần phân biệt điều đó mà chỉ cần tàu Tây để giao thương thôi[325]. Chính ở Côn Lôn là nơi vào tháng 9-1788 chiếc tàu La Dryade trong sứ mệnh dò tình hình Nam Hà đã thả lại Hồ Văn Nghị và 1.000 khẩu súng mua cho Nguyễn Ánh[326]. Lính

thủy tàu Tây trốn xuống ở đây. Cũng ở đây vào cuối năm 1790 Nguyễn Ánh dùng làm nơi nuôi ngựa cho quân đội dùng[327].

Nhưng khi Gia Định đã bình yên thì Vũng Tàu hay chính Bến Nghé sẽ là nơi đón các tàu, thuyền tiếp viện. Bá-đa-lộc gom góp tiền bạc, khí giới lương thực chất lên các tàu ông thuê ở Ile de France và cả ở Pondichéry nữa nhờ sự giúp đỡ của các nhà buôn như đã biết. Nguyễn Ánh làm chủ Gia Định rồi sẽ có đủ tiền bạc mà đeo đuổi chiến tranh. Qua lời thư của De Guignes, Viên Lãnh sự Pháp ở Macao, ta thấy ông đã làm trung gian mua cho Nguyễn Ánh nhiều chiếc tàu. Và cũng từ Macao trong những tháng cuối năm 1789, 8, 9 chiếc tàu đi buôn ở Cochinchine đã mang theo nhiều thứ khí giới quân dụng. Một trong những chiếc tàu đó là chiếc la Garonne đã bán cho sứ giả Nguyễn ở Xiêm hai khẩu đại bác[328]. Tất cả những chuyển mua bán đó làm cho Nguyễn Ánh có dưới quyền một số tàu chiến Tây Phương quan trọng. L.M Jean de Jesus Maria viết thư từ Chợ Quán ngày 4-3-1790 ghi nhận Ánh có “khoảng 10 chiếc tàu Bồ và 1 chiếc tàu Pháp tất cả đều là tàu buôn nhưng võ trang với đầy đủ khí giới quân dụng”[329]. Nhưng quan trọng hơn cả là việc có đám người Tây phương giúp. Ở Gia Định có đến 140 sĩ quan và 80 lính Pháp. Một bức thư của Bá-đa-lộc ngày 18-7-1794 nói đến 40 người u trong bộ binh, thêm vào chừng ấy nữa trên các tàu đồng[330]. Và không phải chỉ có người Pháp mà thôi. Crawford vào Huế tháng 10-1822 thấy ở đó một bài vị người Irlandais[331]. M. Đức Chaigneau ghi nhận có cả người Anh, Irlandais[332].

Binh lính Pháp phần nhiều là thuộc các đội thủy quân tình nguyện, thu nhập ở những gia đình trung lưu đã được hưởng một nền giáo dục tự do nên chịu sự quyến rũ của khung cảnh xa xứ lạ để lặn mình vào những chiếc tàu đi đây đi đó[333]. Số đông này kẻ trước người sau, có khi kẻ tới chán bỏ đi, người mới lại lặn vào, tựu trung có một số hoạt động hơn cả mà sử quan Nguyễn còn ghi lại là Đa-đột (Jean Marie Dayot), Ô-li-vi hay ông Tín (Alexis Olivier de Puynamel), Ba-nê-ô hay Nguyễn Văn Thắng

(J.B.Chaigneau), Lê Văn Lăng (De Forçan), Ba-la-di (Laurent Barizy), Nguyễn Văn Chấn (Philippe Vannier), tất cả đều được chức Cai đội[334].

Dayot được phong làm Trí Lược hầu tháng 6-1790. trông coi chiếc tàu “Đồng Nai” và có dự trận thủy chiến Thi Nại 1792, là “linh hồn và chủ tướng của thủy quân Nguyễn” như Giáo sĩ La Bissachère đã nói. Có thể tin được điều này vì chính ông đã từng là chủ tàu Adélaïd năm 1786. Nhân dịp theo thủy quân Gia Định đánh Tây Sơn, ông đã đi dò xét các hải cảng xem nông sâu, trong khi Olivier cũng làm việc tương tự định vị trí trên đất liền[335].

Với chức Vệ úy Thần sách Vệ ban và sau đó, Thuộc nội Vệ úy, làm Cai đội trong quân Thần sách, một thứ chủ lực quân, Olivier đã có mặt nhiều nhất trong sử sách nhà Nguyễn[336]. Chỉ là một binh nhì trên tàu La Dryade, ông trốn ở Poulo Condore ngày 19-9-1788 rồi theo Hồ Văn Nghị phục vụ Nguyễn Ánh khi mới 20 tuổi dư hơn tháng. Ông dùng hoạ đồ của Le Brun - Khâm sai Cai đội Thạch Oai hầu - và cùng ông này xây thành Gia Định theo kiểu Vauban. Ông tổ chức quân đội - có lẽ trước hết là quân dưới quyền ông - theo lối Tây phương.

Chaigneau, Thăng Toàn hầu, đến chậm nhất (1794) và lại ở Việt Nam sau rớt, đã thay J.M. Dayot vào cuối năm 1796 trông coi tàu Phi Long, có dự vào trận Thi Nại 1801, hoạt động ở Quảng Nam, Huế sau đó và trông coi việc tiếp tế cho quân đội ở Phú Xuân (sắc ngày 16-3-1802)[337]. De Forçan coi chiếc Phi Bằng trong chuyến tấn công Quảng Nam, Huế (1801). Barizy, con người sôi nổi, cầu nhàu bất mãn nhất trong đám, đến Gia Định năm 1793. Ông đã từng được phong Thành Trí hầu, giữ việc tiếp tế cho quân đội bằng cách liên lạc mua bán với Ấn Độ Manille, Malacca. Ông sẽ giữ chiếc Thoại Phụng trong chuyến chiếm cửa Thuận An (1801). Vannier tới năm 1789 cùng với Felix Dayot - em J.M. Dayot, chỉ coi việc tiếp tế - ông coi chiếc tàu Phi Phụng với chức Cai cơ (1801) cho đến cuối năm 1802 thì được phong Chương cơ Chấn Võ hầu.

Những người khác ít được biết hơn là J.M. Despiau, thầy thuốc trong quân đội (sắc ngày 21-4-1799), người đã săn sóc cho Pigneau lúc cuối cùng, và Desperles, viên thầy thuốc giải phẫu của tàu Le Pandour.

Tất nhiên ta không quên vai trò của Bá-đa-lộc và những vị linh mục khác. Đám quan binh Tây phương hoạt động cho đến khoảng 1793-1794 thì rút đi gần hết. Có nhiều lý do, trong đó có lý do tin Cách mạng Pháp chuyển sang giai đoạn phản đế gây xáo trộn tư tưởng của họ và gây nghi ngờ cho Nguyễn Ánh. Nhưng chính yếu là lý do họ thất vọng khi phục vụ ở Gia Định.

Chúng ta đã phân tích tâm lý đám người phiêu lưu Tây phương mong mỗi bước Dupleix, Clive tới địa vị sang giàu của Đông phương thần tiên. Họ cũng có thể thoả mãn chút ít nếu họ chịu phục vụ tới sau khi thắng trận như Chaigneau, Vannier, De Forçan được thăng chức, cấp lính tráng hầu hạ ... Nhưng họ đến trong thời chiến tranh và phải phục vụ trong một xứ nghèo nàn, ở đó, chưa kể tới đâu, người lính vừa đem thân đánh giặc vừa phải nộp thuế, rút lương riêng để cung cấp quân nhu. Họ thất vọng là phải như Olivier đã nói năm 1793: “Chúng tôi đã phục vụ vô ích cho Chúa xứ Nam Hà”. Ông than phiền rằng làm việc cần mẫn, chiến thắng nhiều trận mà không giàu có được chút nào[338].

Đằng khác, chúng ta cũng nên lưu ý đến tư cách của bọn này. Thực lục kể đến trận đánh Quy Nhơn 1793, khi binh ra tới Bình Khang, có nói đến đám Tây-dương-nhân chung với lính Miên, lính Tàu đều tính “dữ tợn, hay rượu, khó cầm”[339]. Các L.M đương thời chỉ khen có Chaigneau còn thì chỉ trích lối sống sa đoạ của Olivier và của những người khác, sống “vô đạo như đồ đệ của Voltaire”. Không nên lấy làm lạ, đó là đặc điểm của lính đánh giặc mướn.

Tuy nhiên, Nguyễn Ánh còn cần tới họ nên đã cho phép họ được buôn bán riêng lấy lợi khỏi thuế má. Olivier được buôn bán dọc bờ biển vùng Nguyễn; năm 1799 ông đi Malacca bán một thuyền cau được 3000 đồng.

Despiauw năm 1800 đã mua được của ông Chưởng dinh Hữu quân (?) một chiếc ghe chiến và xin phép Nguyễn Ánh mua muối, các vật dụng khác và 30 vuông gạo để đi Ấn buôn mang cờ hiệu Gia Định[340]. Chính đó là một quyết định khôn ngoan của Ánh: làm việc cho họ mà đảm bảo phiêu lưu này vẫn có ích cho Ánh vì chính họ đã đóng vai trung gian cung cấp vũ khí cho Ánh, tuyên dương uy thế của Ánh ở nước ngoài, nhất là các nước lân cận[341]. Cũng ở nhiệm vụ giao dịch đó, chúng ta thấy họ cùng các linh mục là những kẻ dò la tin tức Tây Sơn rất đặc lực vì họ có mặt khắp nơi trong, ngoài nước, hiểu rõ tình hình vì ở lâu, biết đích xác sự việc, nhờ thói quen chuyên tâm chú ý quan sát của người Tây phương. Hãy nghe Olivier trong một bức thư, nhờ Letondal ở Macao dò la tin tức xung đột giữa quân Thanh và Tây Sơn (15-7-1789): “Chính vì muốn biết trong chi tiết mới nhất về trận đánh ấy mà Hoàng thượng hôm qua đã bảo tôi viết thư cho Cha, nhờ viên thuyền trưởng Antonio Vincenti. Ý định của Hoàng thượng là muốn biết có gì đã xảy ra trong trận đánh ấy, ý định người Tàu ra sao, lực lượng của họ thế nào. Ngài cho rằng nhờ nơi hiểu biết về người Trung Hoa của Cha mà Cha có thể cho biết những tin tức chắc chắn hơn từ nơi nào khác ... ”[342]. Cũng vậy, tin từ vùng Tây Sơn có thể vô tình tới Gia Định bằng những cánh thư của các giáo sĩ Labartette, Longer, Doussain ở Bồ Chính, Thuận Hoá gửi cho Letondal ở Macao, Le Blandin ở Paris chẳng hạn.

Nhưng quan trọng hơn nữa là việc quân nhân, giáo sĩ Tây phương có mặt ở Gia Định cũng tức là đã mở cửa cho văn minh Tây phương tràn vào. Những điều nói trên đã dẫn chứng một ít rồi. Chúng ta có thể nói thêm. Giáo sĩ De Labissachère cho biết Pigneau đã dịch từ chữ Pháp ra nhiều quyển sách nói về chiến thuật và cách phòng thủ cho Nguyễn Ánh đọc. Năm 1819, Chaigneau và Vannier cho một du khách Anh tới Huế biết là Bá-đa-lộc đã dịch ra tiếng Việt nhiều đoạn có ích nhất của tập Bách khoa và nhiều quyển sách khác dùng cho việc cai trị quốc gia. Chưa hết, Giáo sĩ Cadière còn tìm thấy một tấm bản đồ ở Nội các ghi tất cả những phần chính của một vị trí

phòng thủ với một loại súng pháo binh, vẽ từ một quyển sách nói về Vauban, xuất bản năm 1773.

Ảnh hưởng sự du nhập kỹ thuật, tư tưởng này thật là quan trọng trong những ngày sắp tới, khi Nguyễn Huệ còn bận bịu củng cố phía bắc, bỏ lơ cho Nguyễn Ánh có thì giờ khai thác Gia Định để lớn mạnh lên.

PHẦN THỨ BA - GIAI ĐOẠN THANH TOÁN NGUYỄN - TỶ SƠN (1789-1802)

Chương 5. SỰ CÙNG CỐ ĐÔI BÊN Ở THẾ GIẢNG CO

Tiết 13

NHỮNG LỰC LƯỢNG CHIẾN ĐẤU

Tính cách chung của đôi bên * Tổ chức quân chính của Tây Sơn * Vai trò bổ khuyết của những chiếc thuyền cướp biển Tề Ngôi * Tổ chức khai thác Gia Định * Ưu thế vũ khí, công sự phòng thủ và thủy quân Nguyễn Ánh.

Trong 10 năm sau cùng của thế kỷ XVIII, ta thấy tình thế cát cứ có vẻ đơn giản dần. Tuy vào năm 1789 chẳng hạn, nước còn chia ba với Nguyễn Huệ ở Phú Xuân, Nguyễn Nhạc ở Quy Nhơn, Nguyễn Ánh ở Gia Định, nhưng thực ra chỉ có Tây Sơn và Nguyễn đối đầu thôi. Những lực lượng gài nên thế phân tranh cũ tàn lụi dần: Cựu Nguyễn biến mất với cái chết của Duệ Tông, Tân Chính vương, Di thần Trịnh Lê thì tan rã sau trận Đống Đa, tàn nát sống nhờ sự cô lập địa phương hay chạy vào Gia Định đầu quân[343].

Quy Nhơn sống lây lất, chỉ còn Phú Xuân và Gia Định có động lực biến thành hai đầu nam châm thu hút các tay muốn tận dụng khả năng mình trong chiều hướng thực tế.

Các đối phương đều tìm hết thế cách để lật nhau và trong tiến trình đó càng đi đến gần nhau về lẽ lối tổ chức chính trị, quân đội, nội dung kỹ thuật tranh chiến. Điều kiện chung của ý thức hướng dẫn tổ chức xã hội đương thời bắt buộc như vậy, nhưng ban đầu họ cũng phải theo những quy định của hoàn cảnh địa phương, của tình thế mà phát triển khả năng, vun bồi thực lực riêng.

Phía Tây Sơn chẳng hạn. Họ đi từ vùng núi phía tây, lấy sức mạnh cường bạo nơi đám người Thượng, Trung Hoa khách thương liều lĩnh, nông dân Việt đi khai phá đất hoang tâm tính trở thành hung dữ rồi truyền tấm lòng hăng hái, nhiệt thành, tính chất vong mạng đó cho dân đồng bằng hiền lành chân chất[344] gây nên một cuộc đảo lộn dữ dội nhất trong nước. Nguyễn Huệ phải thú nhận tính cách quân phiệt đó với Nguyễn Thiếp. Ngô Văn Sở ở Thăng Long nghe Tôn Sĩ Nghị sang, lấy đó làm một dịp để điều cột quan Thị lang Ngô Thì Nhậm:

“Phải phiền ông làm một bài thơ để đuổi quân giặc. Nếu không thì túi đao bao kiếm vẫn là phận sự của kẻ võ thần”[345].

Không phải chỉ với đám nho thần của triều đại cũ mà thôi, võ tướng còn coi thường một số tin tưởng cũ nữa. Nghe ở kinh Đô Ma có hai con ma hiện về, họ đốt quan tài, đem súng đại bác bắn nát lùm bụi bên sông[346]. Ở miền Bắc, viên trấn tướng Nghệ An ngạo mạn trong lễ tế thần: “Chó còn có ích hơn thần Xã tắc”[347].

Họ tự phụ cũng phải vì sự nghiệp này do công lao hãn mã của họ tạo nên. Nhưng khi trút cái lớp cường đạo để trở thành kẻ điều khiển quốc gia thì người ta phải thấy vấn đề phức tạp hơn nhiều để chịu đựng dung hợp với truyền thống cũ. Mặt khác việc Tây Sơn bị đưa đẩy di chuyển trọng tâm tập

hợp tinh hoa từ Quy Nhơn ra Phú Xuân rồi mong ngóng ngày về Phượng Hoàng Trung đô, đi ngược con đường ly khai về nam cũ, chứng tỏ cái thế bất buộc và ý muốn tự khuôn nắn của họ.

Vị trí Nghệ An với hình ảnh công cuộc hợp tác giữa Nguyễn Huệ và Nguyễn Thiếp nói lên tất cả những đặc sắc của triều đại Tây Sơn trong thời gian xây dựng, phát triển tốt cùng của họ. Quy Nhơn mới Việt hoá chỉ mang lại sức mạnh cường bạo, Phú Xuân, Thăng Long thì đầy dấu vết các cựu triều, lại tàn tạ với đám nông dân mệt mỏi trong loạn lạc hàng mấy trăm năm, với đám sĩ phu điều khiển quốc gia ngắc ngoải trong cái học từ chương thiếu sinh khí. Nghệ An, ngoài ý nghĩa là quê hương của chúa Tây Sơn, còn là vị trí ở giữa những ảnh hưởng đối kháng, muốn giữ vai trò dung hoà mà không muốn bị lệ thuộc.

Cho nên khi Tây Sơn thấy cần thiết phải thuần hoá triều đại, thì đến với họ không phải là Nguyễn Đăng Trường, Lý Trần Quán, Trần Công Xán ... mê đắm với triều đại cũ mà là Ngô Thì Nhậm lẫn trốn Trịnh chúa sau vụ án Canh Tý 1780, Phan Huy Ích nhục nhã vì cái tiếng “nhà nho nói khoác” của Nguyễn Hữu Chỉnh gán cho. Nguyễn Huệ “tái tạo” Nhậm[348], đem “cơ duyên”[349] độc nhất đến cho Ích, gây dựng cho những sĩ phu ít hay nhiều đã không gặp may mắn dưới triều trước. Cũng nên kể vào hàng bất mãn với thời đại - bất mãn mới đi ở ẩn - đó là xử sĩ Nguyễn Thiếp, ông già “vai cày, tay câu”.

Tất cả được khuôn nắn thâm hậu trong Nho giáo rồi tùy phản ứng cá nhân mà lục tục phụng sự Tây Sơn. Đặc biệt là họ đã từng đứng ngoài triều chính cũ, có dịp để phán xét, ít nhiều cũng không bằng lòng, nên làm quan với Tây Sơn, họ đưa ra những ý niệm tổ chức xã hội, tuy vẫn là của Nho giáo, nhưng dưới những khía cạnh lãng quên hay không biết đến ở các triều trước. Nguyễn Thiếp, trong một bài biểu gởi Quang Trung[350] công kích mạnh mẽ lối học từ chương, xa rời thực tế, thấy lối thoát là trở về với tinh tuý Kinh Sách: “Ban đầu giảng Đại học, rồi Luận ngữ, đến Mạnh tử, đến

Trung dung, sau lại đến Ngũ kinh, Chư sử, tuần tự mà tiến, đọc cho kỹ mà ngẫm nghĩ cho tinh”. Đi vào thực hành, ông chịu vâng mệnh Quang Trung giúp việc dịch Kinh Sách ra chữ Nôm trong Sùng Chính thư viện ở Vĩnh Kinh để phổ biến đạo học sâu rộng trong dân gian.

Cùng một chiều hướng hồi cố để thích hợp đó, Ngô Thì Nhậm dâng sớ (1788) cho Quang Trung định cách cai trị, phủ nhận thể chế tập trung của Trịnh Lê mà tuyên dương cái thể phân phong cho con em đồng tính cai trị các nơi theo lối giữ nước của nhà Hán, nhà Chu[351]. Con đường giáo huấn mà Nguyễn Thiếp đề cao “theo Chu tử” rồi Nguyễn Huệ cũng thuận “nhất định theo phép học Chu tử”[352] và lễ lối tổ chức xã hội phong kiến của Ngô Thì Nhậm thể hiện giao điểm ý thức của đám sĩ phu cũ tự cải tạo, thức tỉnh trước tiếng dội từ miền Nam ra và đám quân tướng Quy Nhơn bỏ vợ đi tìm ý thức hệ.

Triều chính Tây Sơn là cả một tính cách dung hoà đó mà yếu tố quân sự lúc nào cũng giữ ưu thế. Thực là dễ hiểu khi nhớ lại quá khứ của họ và tình hình sôi sục lúc bấy giờ.

Phải bắt đầu chấn chỉnh lại thì họ nhìn vào đám nông dân điêu linh trong loạn lạc để sắp xếp việc làm ăn, kiểm soát dân số. Tờ chiếu “khuyến nông” mà Ngô Thì Nhậm cho biết chính sách lúc bấy giờ, ra lệnh bắt về bản quán những người ngụ cư chưa được ba đời, nhằm vào đám lưu dân vì loạn lạc, vì trốn tránh giao dịch, để làng cũ có đủ tay sản xuất. Các sắc mục, xã trưởng, thôn trưởng phải làm việc kiểm tra số ruộng cày cấy, số ruộng bỏ hoang, số đình thực tại, làm sổ bộ dâng lên triều đình[353], “nếu gian lận: coi người ở nhà như đi vắng, coi người còn sống như chết, làm sót sổ dân, làm thiếu thuế đều phải chịu trọng tội”[354].

Có lẽ là lần đầu tiên trong lịch sử dân ta mới gặp một chính quyền cố thi hành hiệu nghiệm chính sách đến mức tối đa bằng cách bắt dân mang thẻ “tín bài”. Đó là một tấm thẻ giữa in 4 chữ triện “Thiên hạ đại tín” chung quanh viết tên họ quê quán của người có thẻ và có đánh dấu một ngón tay

bên trái làm bằng. Thẻ phải đeo luôn trong mình phòng khi xét hỏi. Không có là dân lậu phải sung quân và xã trưởng, tổng trưởng của họ phải phạt tội[355]. Để coi sóc công việc, bộ máy hành chính trong nước phần lớn nằm trong tay các võ tướng. Tự trên triều đình, những chức Tam không, Tam thiếu, Đại chủng tể, Đại tư đồ, Đại tư mã, Đại tư không, Đại tư cố ... [356] mang vết tích của tổ chức Trung Hoa thời xưa đầy hùng khí rất thích hợp cho tính cách quân chính triều Tây Sơn. Ở các trấn, trấn thủ là quan võ và quan văn chỉ là “hiệp” trấn. Mỗi huyện có Võ phân suất và Văn phân tri hợp với Tả Hữu quản lý coi sóc. Cách tổ chức cho ưu thế về võ quan này có thể coi như lấy ý của Nguyễn Thiếp, nhưng chính Thiếp cũng căn cứ trên thực tế để khuyên Quang Trung “chọn trong các bầy tôi lấy một viên thanh, cần, nhân, dũng để làm chánh trấn, một viên sẵn có văn học để làm hiệp tá”[357]. Đặc điểm này được phái đoàn Macartney (1793) ghi nhận đúng: “Giai cấp quân sự đứng đầu hết trong xứ rồi sau đó là các quan toà”[358].

Vì lẽ đó ta không lấy làm lạ khi thấy chánh sách chung là nhằm vào việc thành lập một đạo quân hùng mạnh. Tuy không nhận Lưỡng Quảng thuộc vào địa bàn cũ của người Việt trung châu Nhị Hà, ta cũng không thể phủ nhận ý định chiếm đất này của Quang Trung[359], ý định mở mang bằng việc dâng số đòi lại 6 châu ở Hưng Hoá và 3 động ở Tuyên Quang[360], xúi giục các thuyền Tề Ngôi cướp phá ven biển Trung Hoa, rồi tiếp đến việc sứ bộ cầu hôn, xin đất do Vũ Văn Dũng lãnh đạo (1792).

Xét nguyên nhân hiếu chiến, có người[361] đã thấy tính chất Napoléon của chế độ Quang Trung: dùng chiến thắng quân sự bên ngoài để đánh bật sức phản động của cựu chế, để bịt miệng những phản kháng bên trong do sự thoả hiệp của chính quyền với một phần các lực lượng cũ khiến quần chúng cách mạng không bằng lòng. Sự so sánh đó quá thô sơ đã quên mất những thực tế sống động, dồi dào, riêng biệt của một trường hợp cụ thể. Chúng ta có thể tìm ra những nguyên nhân chính yếu, xác đáng hơn, tương hợp hơn với hoàn cảnh đương thời.

Chiến thắng tương đối dễ dàng với quân Thanh sau những chiến thắng liên tiếp ở các chiến trường khác là nguyên nhân tâm lý[362] khiến Tây Sơn hướng về Lưỡng Quảng. Trần Đồng Đa làm e dè bọn biên thần nhà Thanh, mở đường cho những văn thư ngoại giao trao đổi, đưa đến việc Thanh đế nhận Quang Trung làm An Nam Quốc vương, quên mất tham vọng thừa nước đục thả câu chiếm lĩnh phương Nam. Một bên là Phúc Khang An và Hoà Khôn, một bên là Ngô Thì Nhậm có Nguyễn Quang Hiễn, cháu Quang Trung, đến “gõ cửa thành”, việc hoà hiếu được mau lẹ tiến hành đầy vinh quang cho Tây Sơn. Tiếp theo việc phong vương và việc ban nhân sâm cho mẹ Quang Trung là việc sứ bộ Giả vương[363] sang châu lễ thọ bát tuần của Càn Long (tháng 8 Canh Tuất 1790). Sứ bộ gồm Nguyễn Quang Thuỳ, Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phạm Công Trĩ và các văn quan Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn ... với hai thớt voi tiến cống tượng trưng “cái đỉnh” của quân lực Tây Sơn. Cuối năm 1790 sứ bộ về nước sau khi hưởng được những ưu đãi đặc biệt hơn những sứ bộ trước[364]. Thái độ đó làm khoái trá, khiếp phục được các văn quan như Phan Huy Ích, nhưng tất đã làm tăng uy thế của Tây Sơn và thêm phần kiêu hãnh cho đám võ tướng.

Trong nước lại bất an do các di thần cố Lê gây ra: Lê Duy Chỉ ở Cao Bằng, Trần Quang Châu ở Bắc Ninh, Trần Phương Bình ở Nghệ An ... Nguyễn Ánh lại là mối lo lớn nhất của Quang Trung cho đến khi nhắm mắt[365], tuy rằng ông chưa phải thử sức trực tiếp với Gia Định trung hưng. Tất cả buộc Tây Sơn phải lo củng cố quân lực và theo biến chuyển tự nhiên, họ bành trướng thế lực để bảo vệ thế lực sẵn có.

Lực lượng họ như thế nào? Sử quan ghi vào khoảng tháng 3 Nhâm Tý (1792), Quang Trung tính đem 2-30 vạn quân đánh Gia Định (nghĩa là quân số còn có thể hơn thế nữa)[366]. Theo lối kiểm soát dân số đã nói và việc lấy 3 suất đình một lính, một khách ngoại quốc thấy là “số người trong quân ngũ rất đông”. Riêng ở Huế đã có 30.000 người luyện tập hàng ngày. Họ võ trang bằng dao găm, giáo mác, súng điều thương, rất nhiều súng ngắn có miệng loe ra kiểu thế kỷ XVI của Tây phương (có lẽ mua lại) và

súng bắn phải mỗi lửa do họ tự chế (hoả hổ?). Người Anh đi lạc trong thành Quảng Nam không thấy có một khẩu đại bác nào, nhưng chúng ta biết họ cũng có súng lớn - và có nhiều là khác khi chiếm được của Nguyễn, Trịnh, của quân Thanh - hàng 2-3.000 khẩu[367].

Lực lượng chủ chốt của bộ binh là đám chiến tượng tập luyện hàng ngày mà các võ tướng rất tin cậy ở khả năng chiến thắng và Tôn Sĩ Nghị phải lo đề phòng trước. Gia Định cũng e dè số lượng 300 con voi ồ ạt dày xéo trên đường tấn công[368]. Tượng quân quý báu ở tính chất đa hiệu của nó: voi là lực lượng vận tải không những quân lương, binh sĩ mà còn là vũ khí nặng nữa; voi là lực lượng tấn công kiến hiệu - như một thứ thiết giáp binh có đại bác hỗ trợ.

Mọi chi phí gìn giữ quân lực này rõ ra là rất lớn. Thế mà như ta đã biết, vùng Tây Sơn trong cấp thời lại với lễ lới khai thác nông nghiệp cổ điển trên đất đai đã tận dụng, không thể nào sản xuất đủ để cung cấp như Nguyễn Thiếp đã trần tình: “Nghệ An đất xấu, dân nghèo. Về trước chỉ chịu xuất binh chứ không phải chịu tiền gạo, nay thì binh, lương đều phải xuất. Số lính ngày một tăng bội. Kẻ cày cấy thì ít mà kẻ đợi ăn thì nhiều ...”. Trong ý nghĩa đất đai kiệt lực đó, ta hiểu được danh từ phong thuỷ ngày xưa chỉ về một vùng đất “mất hết vượng khí” như chữ dùng trong văn thư ngoại giao Tây Sơn - Thanh để chỉ đất Thăng Long[369]. Đòi đất Lưỡng Quảng là tìm đất mới thay đất cũ đã kiệt lực, là tìm cách giải quyết những khó khăn gặp phải trong thời kỳ xây dựng vậy. Cho nên, việc đánh chiếm kinh đô Vạn Tượng vào năm 1791 của bọn Trần Quang Diệu, ngoài ý nghĩa phá mối lo bị đánh tập hậu, quân Tây Sơn còn tìm của cải ngựa voi, nghĩa là những thứ nuôi dưỡng, tăng gia binh lực mà Ai Lao đáng lẽ hàng kỳ hạn phải nạp với thể lệ triều cống[370].

Một con đường khác có thể mở ra cho họ là giao thương với bên ngoài. Thế mà tình trạng giao thương ở miền Bắc Đại Việt lúc bấy giờ như thế nào? Chúng ta đã thấy nơi khác những biến cố khiến thương nhân Trung Hoa và

Tây phương xa lánh Tây Sơn. Tình trạng đó vẫn chưa kịp xoá bỏ. Tuy Quang Trung đã mở được các chợ ở ải Bình Thuỷ (Cao Bằng), Du Thôn (Lạng Sơn) và nhà hàng ở Nam Ninh (Quảng Tây) để buôn bán với Trung Hoa “khiến hàng hoá không ngưng đọng, lợi cho dân dùng”[371], nhưng vấn đề không phải chỉ là giao thương với Trung Hoa trong lục địa mà là sử dụng các hải cảng trong nước, gần từng địa phương một hơn để mong thừa hưởng chút tiến bộ kỹ thuật Tây phương.

Phái đoàn Macartney tới nhận thấy ở Tourane có những ghe thuyền Trung Hoa, những thuyền đi dọc biển của Macao theo kiểu Tây phương nhưng nhỏ bé và không võ trang. Ở đây người Bồ nắm hết việc buôn bán còn sót lại, mà cũng chỉ mua vét các chợ ở Quảng Châu đem bán lại thôi. Cho nên khi Macartney tới, viên trấn thủ ở Quảng Nam nài nỉ người Anh bán khí giới và đạn dược, lộ cho họ thấy rằng Tây Sơn cần được giúp với bất cứ giá nào![372].

Quang Trung trước khi chết cũng tính gởi giáo sĩ Labartette đi Macao mời gọi người Tây phương tới buôn bán. Giữa khi người u còn e ngại với Tây Sơn thì Gia Định mở rộng cửa buôn bán, lôi cuốn các tàu tập nập ghé bến Đồng Nai, chỉ còn sót những chiếc tàu bất mãn với Nguyễn Ánh mới quay ra giao thiệp với Phú Xuân thôi: cũng Labartette cho biết có một tàu Macao, một tàu Manille đem bán cho Quang Trung 100.000 cân lưu hoàng[373]. Vì vậy cho nên đường cát rất nhiều và rất rẻ ở Quảng Nam mà không trở thành một món hàng xuất cảng như ở Biên Hoà trong khi trước nội chiến, Tourane nườm nượp những ghe trọng tải từ 40-150 tô-nô đến chở cau, đường mà riêng thứ sau mỗi chuyến đem đi hàng 40 ngàn tô-nô[374].

Kết quả là hiệu năng vũ khí kém đi với những khẩu súng nhồi bằng thuốc đạn Trung Hoa không bắn xa bằng thứ cùng loại ở Gia Định nhồi bằng thuốc đạn Tây phương. Lực lượng quân sự phía mặt biển yếu thấy rõ. Tây Sơn phải tìm cách bù đắp. Bọn cướp biển Tề Ngôi bổ túc vào sự thiếu sót đó.

Thực ra sau khi làm chìm chiếc tàu Macao tịch thu được của người Bồ bị bão dạt vào Quy Nhơn, Tây Sơn cũng cố gắng phát triển thủy quân. Nguyễn Huệ đã cho đóng những chiếc “đại-hiệu-thuyền” có thể chở nổi con voi[375]. Có lẽ đó là những chiếc tàu mà người Anh đi lạc vào thành Quảng Nam chuyển tháp tùng phái bộ Macartney đã nhìn thấy và ước lượng đến 150 tấn trọng tải và chắc cũng là loại tàu Định quốc mà Vũ Văn đem án ngữ ở cửa Thi Nai trong trận thủy chiến 1801. Nhưng chúng ta hãy nghĩ tới những chiếc tàu bọc vỏ đồng của Nguyễn Ánh rõ là có sức chịu đựng hơn nhiều. Cho nên các thuyền Tề Ngôi vừa giữ nhiệm vụ tiếp tế cho nội địa vừa chính là một bộ phận của thủy quân Tây Sơn để quân bình yếu kém vậy[376].

Tề Ngôi hải phi là gì? Có khi gọi là Ô Tàu hải phi, danh từ được thấy ở Thực lục[377] chỉ rõ đám cướp biển Đông gồm có hai nhóm: giặc Tàu Ô ở vùng Lưỡng Quảng và Thiên Địa hội ở Tứ Xuyên (nên nhớ Hà Hi Văn thuộc Thiên Địa hội đã hoạt động ở vịnh Xiêm). Các đầu mục được Quang Trung phong chức Tổng binh (hay Thống binh) cho đi cướp phá khắp nơi. Thực lục và Liệt truyện cho ta biết một số tên các người này như: Dương Thất Nguyên, Ngô Tam Đồng, Phiên Văn Tài ... Và đặc biệt là người cầm đầu xưng Đông hải vương Mạc Quần Phù[378].

Là quan Tây Sơn nên sào huyệt họ ở ngay trên đất liền, khi Nguyễn Ánh tiến đánh thì họ bỏ thuyền chạy bộ để bị bắt sống. Phạm vi hoạt động của họ lan xa đến nỗi Nguyễn Ánh lần đầu bắt được thuyền Tề Ngôi vội vã sai sứ đem cho Xiêm để tuyên dương uy thế của mình. Kỹ thuật thủy chiến tinh vi nên Tây Sơn dùng họ chống đánh thủy quân Nguyễn Ánh. Ngay từ trước khi Nguyễn Huệ chết, hơn 40 thuyền Tề Ngôi men theo ven biển Bình Khang, Bình Thuận vào khuấy rối. Trận đánh cuối cùng dữ dội nhất ở Trấn Ninh (1802), thủy quân Tây Sơn gồm toàn các thuyền Tề Ngôi. Đó chỉ vì chiến tranh càng kéo dài ra, thủy quân Tây Sơn hoặc phải đồng hoá các đơn vị Tề Ngôi, hoặc phải tổ chức như họ. Cho nên, trong trận Đà

Năng, Võ Tánh bắt được hơn 20 Tàu Ô và tướng của họ không phải Tổng binh mà là Đô đốc Nguyễn Văn Ngũ.

Vai trò bổ túc của họ quan trọng như thế nên không phải chỉ vùng Nguyễn Huệ mới có Tề Ngôi thuyền. Nguyễn Nhạc cũng phải cho phụ trách kiểm soát vùng biển Quy Nhơn: thuyền Tề Ngôi Nguyễn Ánh bắt được đem khoe với Rama I là ngoài khơi Thi Nại của Nguyễn Nhạc.

Giữa lúc Tây Sơn miền Bắc dựa vào trung châu Nhĩ Hà cùng vài khu vực căn cứ khác để nỗ lực phát triển trong những điều kiện khó khăn thì Nguyễn Ánh cũng vội vã lo củng cố thế lực ở vùng đất chưa được tận dụng hết khả năng: đồng bằng miền Nam.

Trong khoảng 1789-1792, gặp lúc Tây Sơn không đủ sức nhìn về phương Nam nữa, ông có được thời cơ để lo tổ chức Gia Định. Thêm nữa, ông còn có sẵn sự ủng hộ bền dai của các cựu thần, sự đóng góp kỹ thuật của đám phiêu lưu thương nhân và giáo sĩ Tây phương, cùng một lẽ lối ý thức tổ chức xưa cũ có thể không thành công với những vùng thôn nhận ảnh hưởng Việt lâu đời, nhưng lại rất có hiệu lực ở những vùng mới mẻ.

Chế độ đồn điền đã từng được áp dụng từ đầu Lê để khai thác lãnh thổ theo tính cách tập thể, quân sự hoá, bây giờ được Nguyễn Ánh tiếp tục với sự đóng góp của đám trí thức Gia Định mới về đầu. Là sĩ phu cổ giữ tiết tháo trong thời loạn, noi gương theo xử sĩ Võ Trường Toản, thãm nhuần Khổng giáo trong cả những ý nghĩa tích cực nhất, một khi ra làm việc, họ là những tay hăng hái nhiệt thành nhất. Ý thức hệ Khổng giáo gắn liền với một lẽ lối tổ chức kinh tế nông nghiệp, một khuôn mẫu tổ chức binh đội lấy sức mạnh ở nông dân nên mỗi lần bàn đến việc khai đất tuyển binh là Nguyễn Ánh viện đến “Chu Đường cố sự”, đến quan niệm “tứ dân chi trung duy nông vi bản”[379].

Hành động đầu tiên là vào tháng 6 Kỷ Dậu (1789) - tháng Hoàng tử Cảnh về - Nguyễn Ánh bổ nhiệm Điền tuần quan. Mười hai người trong số có Trịnh

Hoài Đức, Ngô Tông Châu, Lê Quang Định, Hoàng Minh Khánh, chia nhau đi 4 doanh Phiên Trấn, Trấn Biên, Vĩnh Trấn, Trấn Định khuyến dụ dân chúng từ phủ binh tới dân cùng cố cứ theo sổ bạ mà bắt làm ruộng, dân không có nghề nông thì bắt phủ binh thế. Đến mùa lúa chín, đập ra, quan khám thu mỗi người, ruộng đồng lấy 100 cơ lúa (một cơ bằng 40 bát), ruộng núi lấy 70 cơ. Phủ binh nạp trên sổ đó được miễn một năm tòng chinh, dân trốn được miễn một năm lao dịch làm xấu. Nếu không đủ số không được chuẩn miễn.

Ai mộ được dân ngoài sổ bộ lập thành các đội điền tốt, Điền tuần quan sẽ cấp ruộng hoang cho. Nếu trâu cày điền khí không đủ, quan cho mượn, đến mùa nạp lúa thế[380]. Tiếp tục thúc đẩy chính sách, tháng 8 năm sau (1790), lại có lời dụ khuyến nông, cũng bấy nhiêu nội dung tổ chức ấy. Việc nông trang được chăm sóc kỹ vì một lẽ nữa là năm này lúa cao, dân đói. Anh bắt các nha văn võ phải đi mộ các đội đồn điền, mỗi năm mỗi người phải nộp 6 đấu lúa. Dân gian, ai mộ được 10 người trở lên thì được làm Cai trại, rút khỏi sổ thôn.

Lính ở các nơi trấn đóng cũng không được ở không. Nơi lũy Vàm Cỏ ở Gia Định, các quan văn bắt lính ra làm ruộng lấy tên Đồn điền trại. Lúa giống, trâu cày, dụng cụ làm ruộng đều được quan cấp. Lúa thu thành đem bỏ vào kho (tên là kho Tích Trữ sau cải là kho Đồn Điền). Biện pháp này đến tháng tư Tân Hợi (1891) thì được áp dụng lan đến vùng Bà Rịa, Đồng Môn. Lính ở đó phải tìm đất làm đồn điền để “tự thực kỳ lực”[381].

Chính sách lan cả đến dân thiểu số. Dân Hoa ngụ cư - Đường nhân - ở Long Xuyên nếu tự nguyện làm đồn điền mà thiếu dụng cụ sẽ được cho mượn. Mỗi người mỗi năm nộp 8 hộc lúa thì được miễn giao dịch. Ai không làm ruộng sẽ phải sung quân. Dân Miên ở Ba Thắc, Trà Vinh cũng không thoát: họ bị buộc khẩn đất, nộp mỗi người 15 đấu lúa (sau giảm còn 5)[382].

Nói tóm lại, chính sách đồn điền nhằm vào việc khai phá đất đai làm ruộng bằng cách bắt mọi người không được dừng, phải tham gia với sự đôn đốc, kiểm soát, trợ giúp của chính phủ. Đó là một chính sách nông nghiệp cưỡng ép, tận dụng nhân công, có từ xưa nhưng bây giờ lại được áp dụng trên một quy mô rộng lớn, khiến vùng Gia Định trở nên phồn thịnh, sản xuất dồi dào quyền rũ được đám dân nghèo đói Bình Thuận, Phú Yên ... bỏ xứ chạy vào làm tăng dân số, uy tín nội bộ cho Nguyễn Ánh[383], để dư gạo giúp Xiêm đói, giúp Thanh đánh Tây Sơn[384] và cuối cùng, để đủ binh lương cho quân lính dùng những khi tràn ra phía bắc đánh đám người kiệt kiệt đã làm ông khốn đốn khi xưa.

Công cuộc khai thác ruộng lúa, đối với thương nhân Tây Phương không quan trọng mấy cho việc buôn bán của họ. De Guignes, viên lãnh sự Pháp ở Quảng Châu có tiếc rằng Vua đã không làm chủ được “những tỉnh giàu có hơn ở miền Bắc” mà chỉ chiếm một vùng “không tốt” vì “sản xuất có lúa mà thôi”[385]. Nhưng nếu ta lưu ý đến công việc buôn bán với người Xiêm, Chà-và, Trung Hoa ... và các thương nhân Tây phương thực hiện các chuyển tải hàng trong địa phương - le commerce d’Inde en Inde của họ - thì rõ ràng lúa gạo cũng còn là một sản phẩm trao đổi được để từ đó làm giàu cho quốc khố[386]. Và lại, tuy sử quan nói toàn chuyện cày ruộng, thu lúa, nhưng ta vẫn thoáng thấy có những canh tác khác. Các vườn cau mọc lên nhiều để cung cấp một sản phẩm cần thiết cho phong tục địa phương[387]. Sản phẩm quan hệ nhất là đường cát. Nguyễn Ánh đã nhắc đi nhắc lại cho dinh Trấn Biên biết rằng đường cát cần thiết dùng để đổi binh khí Tây phương nên phải có chính sách riêng. Một mặt nhà nước ép dân sản xuất, hạn định mỗi năm phải nộp 100.000 cân (6.000KG), một mặt phát tiền cho dân có vốn làm ăn, đến mùa tính theo giá chợ mà nhà nước mua lại. Chính sách có vẻ có hiệu quả vì số lượng sản xuất tăng lên, giá thị trường hạ xuống trong mấy năm thi hành: cuối năm 1789, nhà nước phát trước 10 quan cho mỗi 100 cân còn hẹn đến mùa theo giá chợ phát thêm mà đến gần cuối năm 1796, nhà nước chỉ phát 9 quan cho 100 cân thôi[388].

Nguyễn Ánh cũng chú ý đến việc tìm các lâm sản. Người trong các đội Hoàng Lạp mỗi năm nộp 10 cân sáp vàng thì được miễn giao dịch, thuế má, tòng quân. Trầm hương, kỳ nam lấy ở dân Chàm Bình Thuận, đậu khấu, sa nhân cùng với các sản phẩm Cao Miên thì theo đường nước của sông Tiền, sông Hậu chuyển xuống[389]. Nhưng khi chế độ sản xuất được đôn đốc kỹ lưỡng thì chế độ thương mại cũng phải theo một sự kiểm soát gắt gao. Những thương thuyền ngoại quốc đến buôn bán không được lén chở lúa gạo, kỳ nam, trầm hương, ngà voi, sừng tê. Ai thông đồng buôn bán riêng tư thì phải tội 100 roi, làm phu 3 năm, tài sản bị tịch thu. Người kiểm soát cũng không được lơ là nhiệm vụ: thất thoát, tội cũng như vậy, ai tố cáo được thưởng 300 quan tiền![390]. Sở dĩ có sự kiểm soát gắt gao như vậy vì chính quyền muốn giữ các quý vật ấy làm món hàng trao đổi binh khí, đạn dược cần thiết cho binh dụng. Việc mua bán với bên ngoài thực hiện do các tư nhân hoặc chính tay thân Nguyễn Ánh.[391]. Từ trước khi Cảnh về đã có một chính sách mời gọi các thuyền Thanh đến buôn bán. Nếu họ chở tới sắt, gang, chì đen (?), lưu hoàng thì phải bán cho quan để quan tùy theo ít nhiều cho miễn thuế bốn đổi gạo mang về nước. Cứ thuyền có các thứ ấy trên 10 vạn cân thì miễn thuế cho chở 30 vạn cân gạo đi, thuyền có 6 vạn cân, chở 22 vạn cân gạo, 4 vạn cân chở 15 vạn cân gạo, đều miễn thuế. Những thuyền ít hơn thì cứ mỗi 100 cân đổi 300 cân gạo về, nộp thuế y lệ định[392]. Sau đó vào khoảng năm 1791 (tháng hai Tân Hợi), có người Bồ tên là Chu-di-nô-di (?) đến buôn bán, Ánh mới đưa thư cho quốc trưởng (chắc toàn quyền Goa hay Macao) để mua một số lớn binh khí: súng điều thương 1 vạn cây, súng gang lớn 2.000 cỗ (mỗi cỗ 100 cân), hỏa tâm đạn 2.000 viên¹³[393].

Về việc người đi buôn thì tay chân Ánh phái đi tuy chắc mang tính cách bầy tôi ăn lương chúa nhưng hẳn cũng có thể kiếm ăn riêng được. Các quan lớn cũng có phương tiện chuyên chở riêng: năm 1800 một ông Chương dinh Hữu quân (Nguyễn Huỳnh Đức?) đã bán cho Despiau một chiếc thuyền lớn để ông này đi buôn. Despiau cũng nằm trong sự đãi ngộ chung của Nguyễn Ánh đối với người Tây phương dưới quyền: họ vừa làm cho

Ánh vừa kiếm lợi riêng. Những khu vực họ thường lui tới nhất là ở phía Tây: để mua binh khí, Nội viện Trần Vũ Khách đã đi Giang-lưu-ba (Batavia), Cai đội Ô-li-vi, Đội trưởng Ba-la-di đi Goa, Mã-la-kha (Malacca). Tài liệu Tây phương cho biết L. Barizy còn trương hiệu kỳ của chúa Nguyễn buôn bán với thương nhân Đan Mạch, Hanop và Stevenson, trung lập trong chiến tranh Anh - Pháp, làm đại lý cho Ánh ở Tranquebar (Ấn Độ)[394]. Có lẽ chính vì việc buôn bán hướng về phía Ấn Độ, Mã Lai, nơi người Anh đang phát triển thế lực, danh tiếng vang dội trên mặt biển lúc bấy giờ, nên có việc sử quan ghi rằng Ô-li-vi đi Hồng-mao mua binh khí, có thuyền Hồng-mao đến buôn bán và L. Barizy là dân Hồng-mao[395].

Tất cả những hoạt động nông nghiệp, thương mại đó có chủ đích tạo lập một lực lượng khả dĩ chống đối được Tây Sơn, tràn ra Bắc chiếm lại cố đô. Ta đã kiểm xét đám người Tây phương trợ giúp Gia Định. Nhưng điều quan trọng vẫn là việc kết hợp được một lực lượng quân sự gồm những người trong nước, điều hoà được việc binh với sự cần thiết sản xuất[396].

Những kỳ kiểm tra liên tiếp vào sổ bộ đám dân Việt gồm dân sở tại, dân đối rách lưu vong từ ngoài vào, tăng ni, đạo đồng, lính Tây Sơn tan rã trốn nấp vào đám người thiểu số người Tàu, Miên, Chàm, Thượng, khiến chính quyền biết rõ được dân số để tận dụng họ[397].

số Gia Định bao nhiêu, sử quan không đếm được, John Barrow người đi theo sứ bộ Macartney, lấy tài liệu của L. Barizy để ghi quân số Gia Định vào đầu thế kỷ XIX như sau:

Danh xưng chỉ các ngành quân đội và các thuật ngữ về chiến cụ của John Barrow dùng tuy có khác với sử quan nhưng so sánh để soát xét lại ta vẫn thấy dấu vết của sự thực, tuy phức tạp hơn nhiều. Nên nhớ thêm rằng bảng tổng kết này làm bằng những tài liệu có lẽ thu lượm 1, 2 năm cuối thế kỷ XVIII, nghĩa là trong lúc binh Gia Định đã phát triển mạnh, thu thêm vào

hàng ngũ của mình đám hàng binh Tây Sơn cùng chiến cụ, chiến tượng của họ.

Xét sách Thực lục, ta thấy có các danh từ: lạc tòng quân, chiến tâm quân, hương binh, phủ binh, tinh binh, thần sách quân, cấm vệ binh[398]. Không có xác nhận rõ rệt, ta chỉ căn cứ vào ý nghĩa danh xưng cùng hoạt động của các đội đó mà giải thích tổ chức thôi. Lạc Tòng quân rõ là đám dân tình nguyện, nhưng vì việc lập ra đạo quân này sau thời kỳ vây đánh Quy Nhơn (1793), nên phải hiểu dè dặt chữ “tình nguyện” vì đó chính là binh tướng Tây Sơn đầu hàng vậy. Chiến Tâm quân là các binh cảm tử. Nguyễn Ánh sai các dinh tuyển chọn, lọc lựa trong các binh đội lấy người để lập thành đội ngũ nhập vào ước thúc của dinh Trung quân. Xung trận, họ phải liều mình tiến trước, nếu lùi lại phải chịu quân pháp, trốn đi cha mẹ, anh em họ phải chịu tội thay. Hương binh, Phủ binh là lính làng, lính địa phương, trong khi Tinh binh là lính túc trực, lính chính quy: ta thấy khi dẹp xong Phạm Văn Sâm, Nguyễn Ánh cho phủ binh về làm ruộng, chỉ giữ lại tinh binh. Chuyện xảy ra ở Phiên Trấn nên có thể là tinh binh chỉ ở Gia Định, còn các dinh khác (Vĩnh Trấn, Trấn Định) thì phải tuyển phủ binh để dùng[399]. Cấm vệ binh, đã nói rồi, được hưởng quyền lợi rất lớn, nhưng quân số chắc ít ỏi. Thần Sách quân - quân ở Kinh - được nhắc tới nhiều chính là đám cận vệ 12 ngàn người tập luyện theo chiến thuật Tây phương mà Barrow đã ghi nhận vì có Olivier là một kẻ điều khiển với chức Vệ úy. Sau này, trùng hợp với lúc Olivier đi, danh từ Thần Sách quân ít được sử quan nói tới và thay bằng đội Ngự Lâm quân tuyển toàn dân Quy Nhơn, giao cho các hàng tướng Tây Sơn trông coi vì sự hăng hái, gan dạ của họ, tướng cũng như quân.

Đáng lưu ý là sự đổi thay kỹ thuật chiến đấu do người u đem lại hay gián tiếp qua các sách dịch của Pigneau: J. Barrow có nói đến pháo binh, đến các đội kỵ binh di chuyển bằng trâu. Nếu ta nhớ rằng Pigneau khi bàn bạc việc viện trợ cho Nguyễn Ánh với các tướng lãnh Pháp có nghĩ cách dùng trâu kéo súng lớn và ta ghép lời xưng tụng công đức Bá-đa-lộc: “chế hoá

xa, bầy trái phá ...”[400] thì ta thấy quân đội Nguyễn Ánh có súng nặng lưu động dễ dàng trên bộ như chứng tỏ trong trận Đập Đá tháng 7 âm lịch (1793) với “hoả xa đại bác”[401].

Khí giới ngoài các thứ mua cũng được chế tạo tại chỗ. Qua lời xưng tụng quá đáng của J. Barrow, ta cũng lược qua được sự thực. Ông nói Nguyễn Ánh đã làm một nhà máy chế diêm tiêu ở Phiên Trấn, khai một mỏ sắt, xây các lò đúc chế hàng ngàn súng mỗi lửa, các súng đại bác đủ cỡ[402]. Sử quan xác nhận điều này khi cho biết việc phân phiên làm việc của các Cục tượng: thợ đúc, thợ rèn, thợ súng, thợ bạc⁸. Trịnh Hoài Đức[403] cũng nói về chế tạo cục trong thành Gia Định, ghi rõ “có 3 gian nhà ngói đối mặt nhau”, dãy trại đặt súng bên tả phía trước. Chế tạo cục có 15 gian lợp ngói, lát ván, đặt đồ phụ tùng súng, bên trong sắp các khẩu đại bác đồng, sắt, hoả xa, trụ súng, đều có xe chở. Bên hữu là một dãy trại lá vừa là nơi trú ngụ cho các thợ tạo tác, vừa là nơi thu chứa thổ sản hoá vật. Ngoài ra, còn có 12 gian mái ngói, tường gạch chứa thuốc súng dồn trong những thùng gỗ đặt trên sàn. Bên ngoài cửa Khôn Minh 2 dặm là nơi chế tạo thuốc súng, 4 phía rào gai, có đủ khí cụ cối chày để nghiền thuốc.

Việc tổ chức phòng thủ cũng được thực hiện đồng thời với việc huấn luyện binh sĩ. Nguyễn Ánh đã lo củng cố công sự phòng thủ nhiều đến nỗi các giáo sĩ phải lên tiếng công kích thái độ mà họ gọi là “lẩn tránh chiến tranh”. Phần lớn các lũy đắp bằng đất. Một số lũy là để ngăn chặn đề phòng những nhóm Miên nổi dậy như lũy Trấn Di (cái tên tỏ rõ được công dụng) ở sông Ba Thắc, lũy Thanh Sơn ở Ba Lai. Cũng có những lũy như các tiền đồn hướng về phía Tây Sơn: lũy Đồng Chàm ở Trấn Biên, lũy Bà Rịa[404].

Nhưng công sự làm cho Ánh hãnh diện nhất và công trình xây cất cũng trải qua nhiều khốn đốn nhất là thành Gia Định. Thực lục chép rằng ngày Kỷ Sửu tháng 3 Canh Tuất (1790) bắt đầu xây thành bằng đá Biên Hoà vì lũy ở làng Tân Khai không đủ dùng cho binh vụ[405]. Trịnh Hoài Đức ghi ngày 4 tháng 2 và tả thành theo khuôn mẫu Á đông: thành có hình bát quái, các

cửa chính theo phương vị càn tốn, cấn đoài ... Thành giếng hình hoa sen nở, 8 cửa, ngang dọc có 8 đường, từ Đông qua Tây rộng 131 thước 2 thước, từ Nam qua Bắc cũng vậy cao 13 thước, chân thành dày 7 thước 5 thước dày mặt ra hướng tốn (Đông Nam).

Việc xây thành này, các tài liệu Tây phương cho biết là do Le Brun và Olivier de Puynamel theo lời yêu cầu của Nguyễn Ánh. Hoạ đồ phố xá hình như của Le Brun gồm có 40 con đường rộng từ 15 đến 20 thước cắt nhau theo hình thước thợ và dự án này không được thực hiện. Nhưng Le Brun còn ở đến đầu năm 1792 và rõ ràng việc thiết kế đô thị chịu ảnh hưởng hoạ đồ ông rất nhiều. Ta hãy nghe Trịnh Hoài Đức so sánh nơi đó trước kia “nhà ở lộn xộn, đường lối cong queo, để dân tùy tiện, chưa rảnh sắp đặt (!)” với quang cảnh sau khi xây thành “phố xá chợ búa, hàng lối dọc ngang đều có thứ tự” ... “quan lộ ... gặp những khúc quanh co đều chăng dây sửa lại cho thẳng, rộng 6 tầm ... bằng phẳng như đá mài” thì đủ công nhận xác quyết trên. Thư của giáo sĩ Boisserand (2-1792) cho biết có pháo đài, hào, điều kiêu, đường mở ra đất trống trước thành và lũy vòng cung ... Nguyễn Ánh muốn làm tức khắc tuy cần phải đợi thời cơ thuận tiện hơn. Người ta phải phá nhà cửa, bắt đến 30 ngàn dân làm việc. Loạn nổi lên, dân chúng và quan binh đổ rết cho Olivier và Le Brun gây nên tội muốn bắt giết làm hai ông này phải chạy trốn, nhờ Bá-đa-lộc che chở. Bình yên trở lại, Nguyễn Ánh cho lính về và dân rảnh rang cày cấy[406]. Chi tiết sau phù hợp với việc sử quan ghi tới hai lần xây cất thành mà không nói lý do ngưng nghỉ: một lần vào tháng 3 Canh Tuất như đã nói và lần “sửa sang lại” vào tháng chạp năm đó.

Qua những chứng dẫn trên ta biết thành xây theo kiểu phòng thủ Tây phương nhưng cố uốn nắn theo quan niệm phong thủy Đông phương (bát quái). Tuy nhiên hiệu quả phòng thủ của nó vẫn không thay đổi. Từ đây Tây Sơn không vào Gia Định lần nào để nó được thử thách nhưng đứa em sinh sau nó, thành Diên Khánh, đã chứng tỏ hiệu lực trước đám quân Trần Quang Diệu thiếu vũ khí công phá tương xứng.

Nhưng người ta còn phải nghĩ tới việc tấn công nữa. Ta đã nói tới nỗi lo âu của Gia Định về sức mạnh của đám tượng quân Tây Sơn, sức mạnh chứng tỏ trong cuộc tấn công Vạn Tượng “làm rung động Miến Điện, Xiêm La và khiến cho Đồng Nai sửa soạn chạy trốn”. Tự nhiên, với phản ứng bất chước, Nguyễn Ánh cũng phải lo củng cố tượng quân. Từ sau vụ phá thủy quân Tây Sơn ở cửa Thi Nai, Nguyễn Ánh sai người đến các vùng Đồng Nai, Bà Rịa bắt voi về nạp[407]. Số voi tăng cường nhờ trao đổi với các nước Chân Lạp, Xiêm, nhờ cống phẩm của dân thiểu số Chàm, nhờ bắt được của Tây Sơn. Theo với tiến triển của tình thế chiến tranh và với sự rút lui của người Tây phương, lực lượng tượng quân sẽ tăng mạnh hợp sát với thực tế địa phương và để cố gắng quân bình với thủy quân.

Bởi vì Nguyễn Ánh đã có một đội thủy quân hùng mạnh. Bầy tôi của Ánh và chính Ánh cũng thấy rõ điều đó. “Thủy chiến là sở trường của ta”[408], Đặng Đức Siêu thực đã tri bỉ, tri kỷ vậy. Nhờ ưu thế đó mà Nguyễn Ánh thắng trận thủy chiến Thi Nai 1792 làm ưu uất Quang Trung. Trong cuộc tiến quân ra, thủy quân bao giờ cũng đi mau và đi xa vào đất địch hơn bộ binh. J.M. Dayot phục vụ Nguyễn Ánh trong những năm 1790-1795 đã nhân dịp điều khiển các tàu Tây trong chuyến xuất quân vào khoảng tháng 5 đến tháng 10 dương lịch để mà lập cả một chương trình vẽ các hải cảng, đi dò đáy nông sâu. Chính đội này dắt theo sau cả hàng ngàn thuyền mang lương thực cho binh lính - cả lính bộ - có khi phải ghé lại một bến đến vài ngày để chờ bộ binh tới lãnh lương[409]. Nhận biết thủy binh là quan trọng ở một xứ đầy sông rạch như Gia Định này, nên từ tháng 5 Kỷ Dậu (1789) ta thấy giá bắt lính đào ngũ có cách biệt rõ rệt: quân bắt được lính bộ thưởng 30 quan, còn được thủy binh thì được hưởng tới 40 quan![410]

Cấu tạo lực lượng đó như thế nào thì tài liệu để lại của sử quan cũng còn lơ mờ. Họ cùng với Trịnh Hoài Đức có nói đến Chu Sư xưởng lập tháng 12 Canh Tuất (đầu 1791), dọc từ bờ sông Tân Bình đến sông Bình Trị, chứa những dụng cụ thủy chiến và các loại ghe tàu. Lelabousse vừa tả các xưởng này vừa tâng bốc: “Các xưởng thủy quân và quân cảng của ông làm người

ngoại quốc ngạc nhiên và chắc sẽ khiến cả u châu thán phục nếu u châu có thể chứng giám. Một bên người ta thấy các thứ súng tay, súng lớn đủ mọi cỡ, dụng cụ, giá súng, đạn ... phần lớn đẹp đẽ chỉ nhường kiểu mới nhất thôi. Một bên, vô số các thuyền chiến (galère), các chiến hạm đủ mọi cỡ, mọi hình thức, rất chắc chắn. Tất cả những cái đó là công trình của ông hoàng ưa hoạt động cũng như chăm chỉ này, được các sĩ quan người Pháp luôn luôn giúp đỡ vì nghệ thuật và công nghệ đó ở xứ này còn xa mới đuổi kịp u châu”. Ở mục nói về Chu Sư xưởng, sử quan cũng như Trịnh Hoài Đức có tả rõ các thứ thuyền. Theo họ, thuyền Hải đạo là tàu thủy chiến hay nhất, chiến hạm là thuyền buôn không buồm mà nhỏ (chú này sử quan ghi cho thuyền Hải đạo), ghe Ô, ghe Chu là các ghe đánh giặc thân lớn, dài, ghe Lê có chạm vẽ ở mũi thuyền và lái. Ngoài ra, ở những chỗ khác, sử quan ghi thêm các thuyền hiệu (5 thuyền hiệu tạo tháng giêng năm Nhâm Tý 1792: Hoàng Long, Xích Nhạn, Thanh Tước, Bạch Yến, Huề Hạc), các Ô sai thuyền (chắc là ghe Ô), Đại hiệu thuyền và Tây dương dạng thuyền[411].

Tài liệu của người Pháp giúp việc Nguyễn Ánh để lại hay nói đến các chiến ghe rõ là các thứ ghe Ô, Chu, Lê. Có lẽ từ ngữ này cũng chỉ các thứ ghe mà L. Barizy gọi bằng các tên galère, chaloupe canonière, demi canonière ... khác nhau từ lớn tới nhỏ. Còn Tây dương dạng thuyền hẳn là các “vaisseaux construits à l’européenne” mà Barrow nói tới, J. Liot tả rõ, một loạt frégate có phía sau và buồm dạng của Trung Hoa trong khi phần còn lại mang dạng Tây, có 6 đại bác mỗi bên, mỗi cái mỗi đầu[412]. Đó là các Thao (tàu) Thoại Phụng của Barizy điều khiển, Loan Phi của Chaigneau, Bằng Phi của De Forçan, Phượng Phi của Vannier ...

Tuy nhiên, trước đó khi chưa lập Chu Sư xưởng, Nguyễn Ánh cũng thuê được các tàu Bồ đi buôn (10 chiếc) võ trang thành chiến hạm. Chiếc “tàu đồng” do Dayot chỉ huy tiến vào cửa Thi Nai (1792) là một kinh ngạc lớn cho Tây Sơn.[413]. Rồi sau đó Nguyễn Ánh mới bắt chước theo các tàu Tây mà đóng tàu vỏ đồng nhờ số kim loại dồi dào trong các cuộc trao đổi

thương mại. Còn các ghe thì đóng toàn bằng gỗ ván lấy trên các vùng nguồn Báng Bót, Quang Hoá trên đất ta, Sơn Phụ, Sơn Bốc, Sơn Trung trên đất Miên.[414]

Tóm lại, đặc sắc của thuỷ quân Gia Định là sự dồi dào vũ khí, hiệu suất cao của chúng, là các tàu bọc vỏ đồng chắc chắn cùng chiến thuật mới của các sĩ quan Tây Phương đưa vào. Lực lượng này là kết quả của công cuộc khai thác đất Gia Định mở rộng trao đổi với bên ngoài. Nó trở thành nòng cốt của lực lượng thống nhất một khi Tây Sơn trên bộ chưa tìm được cách phát triển hơn thì lại phải đối phó với sự tan rã nội bộ ở trung tâm Phú Xuân nữa. Biển cả thênh thang ở phía đông với đội hải thuyền lớn mạnh của Gia Định biết uốn nắn theo quy luật gió mùa sẽ mang đầy đủ ý nghĩa của một yếu tố kết liên hơn là một yếu tố ngăn cách vậy.

Tiết 14

DN ĐẠI VIỆT Ở CUỐI THẾ KỶ XVIII

Các sắc dân trong tiến trình tiếp xúc * Đời sống vật chất thường nhật * Đời sống với ảnh hưởng của chiến tranh * Đời sông tinh thần.

Trên con đường phát triển của đôi bên Tây Sơn và Nguyễn dần dần đưa tới chỗ biến đổi thế quân bình có lợi cho Gia Định, chúng ta đã phân tích ảnh hưởng bên ngoài cùng thái độ, công việc của lớp người cầm quyền. Nhưng ta cũng không quên rằng thấp thoáng sau những sự kiện chứng dẫn vẫn có bóng quyền uy, mồ hôi nước mắt của đám dân chúng đã đưa Quang Trung đến trận Đống Đa, mời gọi Nguyễn Ánh về Gia Định, nghĩa là thúc đẩy lịch sử đi theo bước tiến của nó mà chính họ, họ cũng không hay biết gì. Trước khi bước gấp tới để nhìn đôi bên thanh toán nhau, chúng ta hãy dừng lại sống cuộc sống không tên không tuổi của người xưa vào thời đó qua những tài liệu quá hiếm hoi, quá vắn tắt đã để lại.

Bản đồ nhân chủng Đại Việt vào hậu bán thế kỷ XVIII có khác với bây giờ, nhất là ở miền Nam Hà. Trên con đường tràn về Nam, đám nông dân đồng bằng tiếp xúc với những nhóm thiểu số hoặc từ đời nào vẫn có cuộc sống bộ lạc dôi dãi như các sắc dân phía Tây, hoặc đã từng là phần tử của những quốc gia hào hùng trong quá khứ như Chiêm Thành, Chân Lạp, hoặc là những kẻ từ phương xa tới, những con chim đi tìm đất lành như Tiêm, Trung Hoa ... Chúng ta đã thấy sức mạnh của Nam Hà dựa trên sự kết hợp này như thế nào rồi. Tuy nhiên các phần tử không phải đã được nhất hoá - cũng như ở Bắc Hà - các nhóm sẽ hướng về trung ương mà dần dần biến đổi.

Trước nhất là dân Chiêm Thành. Khoảng 1773-1774, chúng ta gặp họ tụ đoàn xa nhất về hướng Bắc là Thạch Thành ở Phú Yên. Nữ chúa Thị Hoả của họ đã hưởng ứng với Tây Sơn và bị Tổng Phúc Hợp giết. Nhóm thứ hai quan trọng hơn, ở Bình Thuận, được Nguyễn đặt riêng là Thuận Thành trấn, từ Kế-bà-tử đến Chương cơ Tá vẫn thế tập kế truyền.

Từ năm 1782, Tây Sơn vào, Tá đem vàng bạc ra hàng. Năm 1788, Nguyễn Ánh về, Tá đem quân lên núi giết quân Ánh biến thành một tiền đồn quan trọng của Tây Sơn. Khi quân Nguyễn ra đến Phan Rí, Nguyễn Văn Hào dẫn bắt giết Tá. Từ đó mới chấm dứt vương hiệu. Ánh phong cho Nguyễn Văn Chiêu làm Chương cơ, Nguyễn Văn Hào, Nguyễn Văn Chấn làm Cai cơ coi trấn Thuận Thành. Các tên đó vốn là Nguyễn-hoá rồi chứ thật ra Chiêu tên Môn-lai-phù-tử, Hào tên Thôn-ba-hú, Chấn tên Bô-kha-đáo. Sau Chiêu được phong Tán lý theo quân Nguyễn Ánh đánh giặc trở thành một viên quan triều, còn Hào lên thế coi sóc Chử Chân, Tiểu Trà Dương, Đại Trà Dương[415] có Chấn phụ tá.

Đầu năm 1793, lại thêm 3 sóc về hàng là Phổ Châm và Ba Phủ[416], Nguyễn Ánh lo tổ chức cai trị trấn Thuận Thành, đặt Linh-sử-ti 10 người coi xét công việc trong trấn. Sưu dịch họ phải làm ngoài binh vụ là bắt voi nạp, vào tổ chức An tượng cơ để dạy voi cho thuần, dùng trong chiến tranh.

Thuế Gia Định đánh vào họ là trầm hương, kỳ nam, thuế lúa nạp thay tiền. Ruộng ở đó thường bị khô cháy, không cày cấy được miễn thuế. Ruộng Trà Nương ở xứ Long Hương[417], Phan Rí, Phố Hải là lộc ăn của vua Chăm cũng theo quy chế trên, nghĩa là chỉ chịu thuế những khoảng nào có người cày thôi.

Các trận chiến qua lại trên trấn Thuận Thành khiến cho hơn 36 sóc người Thượng phải bỏ xuống phía nam nơi các vùng Đồng Môn, Phước Hưng, La Bôn[418] xin trú ngụ và phụ thuộc vào dinh Trấn Biên. Chiến tranh gây sách nhiễu cho lớp người thiểu số này nên có sóc như sóc Ba Phủ đã nổi loạn suốt mấy năm 1796, 1797, 1798, 1799 đến nỗi Nguyễn Văn Thành phải kêu lên: “Ba Phủ là mối lo tâm phúc của ta”. Chính loạn Ba Phủ lúc dừng, lúc phát, lúc ẩn náu trong rừng sâu, lúc ồ ạt ngoài đồng nội đã làm ngăn trở ít nhiều những cuộc tiến quân ra Bắc[419].

Một điều đáng chú ý là sự quy phục càng ngày càng đông của những người Thượng về phía Gia Định. Rải rác đây đó, Thực lục ghi việc tháng 4 âm lịch 1791 dân Thượng Bình Khang đánh Tây Sơn, việc Ánh kêu gọi các tù trưởng Phố Châm, Ba Phủ kêu gọi đồng bào họ về hàng để ngăn giặc, việc dân Thượng Đồng Hương ở Bình Khang (1793), Thủy Xá ở Phú Yên (1794) ra hàng được cấp vải vóc, tiền bạc, chiêng cồng. Các việc này cũng như việc Hà Công Thái tù trưởng Mường ở Thanh Hoá đưa thư vào Gia Định xin đánh giặc chứng tỏ thái độ bất phục tùng của đám dân phía Tây đối với Tây Sơn. Hành động này có thể do uy danh của Nguyễn Ánh lan rộng ra, nhưng đằng khác cũng bắt nguồn từ việc Tây Sơn không có đủ để trao đổi với họ gạo lúa, vải vóc, sắt đồng ... nghĩa là những thứ họ cần dùng trong khi Gia Định rộng rãi hơn[420].

Người trung gian quan trọng giữa Gia Định và các sắc tộc miền Cao Nguyên là Nguyễn Long, bộ tướng của Châu Văn Tiếp từ lúc chiếm cứ núi Chà Rang với dân Thượng Phú Yên. Chức Thượng đạo Tướng quân mà ông giữ suốt cả thời gian từ lúc về Gia Định đến khi thống nhất, chứng tỏ

Nguyễn Ánh đã biết dùng uy tín của ông để chiêu dụ họ. Tên tuổi ông có vẻ lấp sau các chiến tướng đánh Tây Sơn, nhưng nội một vai trò giữ yên miền Thượng cũng đủ là cả một đại công rồi.

Xa nữa về phía Nam cũng có những vấn đề phức tạp về chủng tộc phải đặt ra. Ở đây, sử quan gọi người Việt là Hán nhân, người Hoa đến ở là Thanh nhân, Đường nhân, người Miên là Lạp dân hay Phiên dân. Chính sách tự trị, phân biệt được thực hiện trong một chừng mực có lợi cho quốc gia. Một người Thanh làm Chương cơ tên Trần Công Dẫn được phái trông coi làm sổ bộ cho những người Đường cũ và mới ở các tỉnh, kể cả binh lính. Có lẽ Lữ Việt Quan làm Tổng phủ ở Trà Vinh coi Đường nhân, trưng quan thuế, là một người Hoa; cũng có lẽ người Hoa là Tường Vĩnh Quan làm Đồng khẩu coi ruộng muối, Lâm Ngũ Quan Tổng phủ Ba Thắc.

Về phía người Miên, tháng 1 âm lịch 1791, Ốc-nha La làm An phủ ở Ba Thắc trông coi các phiên liêu, bộ lạc[421]. Chính sách tự trị này là kết quả của những bước dò dẫm. Ban đầu dẹp xong Phạm Văn Sâm, giết được Ốc-nha Ốc, Ánh thấy không cai trị trực tiếp được họ nên phải để cho một viên “phiên liêu về hàng” là Gia-tri-giáp coi phủ Ba Thắc. Triều đình trông chừng bằng cách lập lũy Trấn Di kiểm chế.

Thế nhưng chính sách tự trị quá rộng rãi này lại không được hiệu quả. Thổ dân vẫn hướng về Chân Lạp nên khi Gia-tri-giáp được rút về Nam Vang thì viên tù trưởng mới lại đánh phá lũy Trấn Di khiến Tôn Thất Hội, Nguyễn Văn Trương phải đến thay thế Trương Phúc Khoa mới dẹp an được. Số lượng quân chinh phạt lên đến 8.000 người và kết quả là đồng ruộng bị đốt cháy, bọn nổi loạn chắc bị giết hết nếu không có Bá-đa-lộc can thiệp[422]. Nguyễn Ánh rút bớt quyền các tù trưởng, để Ốc-nha Kê dưới quyền đạo Trấn Di đi thu mỗi lợi lớn là thuế hoa chi của Đường nhân, còn các chức việc Miên (phiên liêu) thì dưới quyền một An phủ như ta đã thấy.

Việc Ba Thắc lôi thôi cũng vì Chiêu-thuý Biện, viên phụ chính ở Nam Vang. Ông này luôn luôn tìm cách gây hiềm khích giữa Gia Định và Vọng

Các bằng cách báo rằng Nguyễn Ánh đúc súng đạn để xâm chiếm Xiêm khiến Ánh phải sai sứ sang phân trần. Việc Biện muốn chiếm lại Ba Thắc có lúc đã được Rama I nghe theo nên khiến sứ qua Gia Định điều đình về việc đó nhân tiện muốn lan rộng ảnh hưởng đến vùng Hà Tiên bằng cách xin cho Mạc Công Bính giữ Long Xuyên, Kiên Giang. Ánh từ chối khéo: “Vì có Chiêu-thuỳ Biện chớ riêng người Xiêm thì đâu có tiếc”. Cho đến tháng 9 âm lịch 1794, Biện chạy về Battambang, Gia Định nhân đó đòi Nặc-ấn từ lâu ở Xiêm, Nguyễn Ánh mới thoát được một kẻ làm rầy rà, nhất là khi thực lực ông đã lớn mạnh hẳn[423]. Người Việt tới, người Miên cũng không tránh khỏi nạn bị giành đất. Nguyễn Ánh phải ra sắc bắt dân chúng phạm xứ nào ruộng đất canh tác thành ruộng rồi thì cứ trông coi, ai làm chủ nấy, dư ra chia đều mà không được tranh tụng gì cả. Về phần người Hoa ngụ cư, như có đất hoang được quan chứng cho khai phá thì được cấp làm.

Phân định rõ ràng quyền lợi, người Miên trở thành một phần tử trong một quốc gia. Cho nên, Nguyễn Ánh cũng không quên nguồn nhân lực này. Ta đã nói tới đội binh Miên của Nguyễn Văn Tồn, người dịch đình nô (mỡ làng) sau này vào năm 1795 cùng với 1.500 binh và chánh, phó chi binh Miên là Ốc-nha Diệp, Ốc-nha Oa đi trấn Bà Rịa[424]. Chúng ta cũng nghe đến đoàn quân Miên 5.000 người cùng 10 voi do Cao-la-hâm-sâm cầm đầu có mặt ở Quy Nhơn trong trận phá vây cho Võ Tánh. Tất cả vừa đủ để chứng minh sự tham gia của họ vào chiến tranh. Điều đáng lưu ý là theo với thời gian lối sinh sống của họ cũng như của những đám dân thiểu số khác dần dần Việt hoá đi. Lịch sử Đại Việt có họ thêm dồi dào, phức tạp, thêm yếu tố thúc đẩy năng lực tiến thủ cần thiết cho bất cứ một tập thể nào muốn sinh tồn và lớn mạnh.

Những sự kiện trên nhìn xét trong giao tiếp của từng khối người trên bình diện quốc gia, không làm cho chúng ta quên người dân trong sinh hoạt hàng ngày. Chúng ta còn thấy họ khi chúng ta về thăm lại những làng, sóc miền quê, khi nhìn lại chung quanh ta. Điều ấy xác quyết được vì sự tiến bộ bao hàm đổi thay cũng có ý nghĩa cái gì được giữ lại. Tuy nhiên không vì lẽ

đó mà chúng ta lẫn lộn hiện tại với quá khứ, nhất là khi quá khứ có chứng tỏ đã quan sát vào lúc đương thời của nó.

Sinh hoạt thường ngày[425] khác nhau tùy theo cách khai thác sản vật. Trên miền núi hay bìa rừng người ta sống với lễ lối lượm hái, săn bắn có khi có tổ chức khá cao. Ở Nghệ An dân tổng Hữu Đạo, huyện Thượng Du phải đi lấy vỏ quế và sáp ong vàng để dâng lên Vua[426]. Việc lấy sáp vàng thấy có khắp nơi trên đất Việt (hoàng lạp nậu ở Gia Định), nhưng quế là đặc biệt ở vùng Thanh, Nghệ, Quảng cũng như trầm hương, kỳ nam thấy nhiều ở phía nam, nghề nghiệp của dân Thượng Bình Khang, dân Chàm ... Dân Thượng len lỏi hái trầu, măng le, cây trái chuyển qua các nguồn. Ngoài ra ngà voi, sừng tê cũng là những sản phẩm có danh ngoài xứ.

Người dân miền núi dữ dằn, đen điu thì người dân đồng về mặt trông nhẹ nhõm hơn, nước da ít sạm hơn, lễ phép, đáng yêu, lành và giản dị. Nông phu, theo nhận xét của người ngoại quốc, có dáng lạnh lẽ và thông minh. Đàn bà nhiều hơn đàn ông và cũng làm việc đồng áng nhiều hơn. Ruộng thì có ruộng núi nhờ nước trời mưa và ruộng đồng. Ở vùng quê Quảng Nam ruộng cắt thành từng mảnh nhỏ hai bên những bờ đất nhỏ. Các rạch dẫn nước từ sông vào. Ruộng nào nước không tới thì người ta tưới bằng vò. Tuy nhiên có hệ thống dẫn thủy nhập điền được trông nom chu đáo bằng những công cụ khá tinh xảo như các xe nước ở bắc Bình Định và Quảng Ngãi. Cày có hai trâu kéo. Cái cày toàn bằng gỗ. Thực lục có dẫn việc cấp耨耨 canh điền khí cho những người ở đồn điền trại, dẫn việc trâu bò của Kiến Hoà phải chết dịch nhiều.

Người dân chài có khi sống cả năm trên các ghe mui cong. Muốn cho những đứa bé rủ có lọt xuống sông khỏi chết trôi, người ta cột những chiếc phao to vào cổ chúng. Chiếc ghe giản dị nhất thì bằng tre đan rồi quét vôi lên. Nhưng cũng có những thuyền gỗ thường dùng, làm bằng 5 tấm ván ghép chung với nhau không có sườn nâng đỡ. Chúng được uốn cong bằng lửa rồi nối bằng các then nhỏ và lạt tre cột lại. Chính dân chài tự đóng

thuyền lấy và họ sử dụng nhiều đến các ngón chân phụ giúp các bàn tay khiến chúng cứng khều như bàn chân vậ.

Việc buôn bán những thổ sản đối với các nghề nông, chài thật đã đem lại nhiều mối lợi lớn hơn. Chúng ta đã thấy Nguyễn Nhạc buôn trầu (hiểu theo nghĩa buôn qua các nguồn: lâm sản đi xuống, cá, muối, kim khí đi lên) nên “nhà khá giả”. Chúng ta cũng biết đến đám các lái ở Bắc Hà đồng bạn với thân sinh Nguyễn Hữu Chinh, vận chuyển bằng ghe thuyền. Xứ Đồng Nai dưới quyền Nguyễn Ánh việc mua bán phát đạt tới nỗi sứ bộ Cao Miên Ốc-nha Tha-la-ma, Ốc-nha Sa-thi nhân đi cống đem theo 14 thuyền, 140 người có dư để đi buôn khiến cho dinh Vĩnh Trấn phải náo động[427]. Sự giao tiếp với người ngoại quốc sinh ra một hạng đàn bà làm áp phe, làm vợ bé, dùng việc này để được việc kia đến có khi được chồng đồng ý cho phóng túng. Tang thương ngẫu lục[428] có chép chuyện sinh một đứa con lai, chắc là kết quả của cuộc sống chung đụng theo kiểu đó.

Kỹ thuật dựa trên kinh nghiệm cũng đến mức được người Anh khen. Họ ngạc nhiên về việc người dân Quảng Nam biết dùng bẹ chuối đắp lên một lớp mỏng đường đen để rút mật còn lại một thứ đường mỏng tinh khiết. Đồ gốm làm ra rất sạch sẽ. Còn về nghề nấu quặng, họ đã lấy được sắt tốt đúc súng mồi lửa (hoả hổ), lao phóng và các thứ khí giới khác. Điều ghi nhận này làm ta nhớ đến các cục tượng của Nguyễn Ánh ở Gia Định. Thành Chà Bàn ngày nay có một làng dân chuyên nghề lò rèn. Chắc đó là hậu duệ của đám dân chế vũ khí cho Nguyễn Nhạc, Quang Toản vậ. Quan sát viên không thấy ở Quảng Nam dấu vết của hoạ phẩm, điêu khắc phẩm. Lelabousse có nhắc tới một người ở Gia Định không học gì hết mà có thể làm được các đồ vật bằng ngà[429].

Cơm ăn thường ngày lẫn với một ít gia vị, mỡ súc vật. Bữa cơm của viên trấn thủ Tourane đãi phái đoàn Macartney khá thịnh soạn. Có những đĩa đựng thịt heo, thịt bò xắt miếng chấm nước rất ngon (nước mắm?). Có những đĩa đựng cá, thịt gà hấp (luộc?) và rất nhiều trái, mứt. Số đĩa dàn ra

ba hàng đến hơn 100 cái. Trước mặt các thực khách bày ra các bát cơm và hai lòng nhím để xiên thịt. Cái thìa bằng sứ như bây giờ còn thấy ở các nhà sang. Sau bữa ăn người ta mời uống giáp vòng các ly rượu để nhỏ. Không thấy Tổng trấn mời người Anh thưởng thức những chén trà tàu mà Phạm Đình Hồ thềm tiếc[430].

Khách ngoại quốc ngạc nhiên sao ta không biết dùng rượu vang tuy đây nho mọc đầy núi. Thuộc vào hàng chất say, họ chú ý tới trầu cau. Người ta đựng trong một túi lụa có nhiều ngăn treo nơi lưng quần. Người giàu có đầy tớ mang ống điếu hầu. Nhưng chính họ tự mang trầu cau trong một túi nhỏ bỏ vào ruột tượng quàng từ trên vai xuống dây lưng. Gói trầu là một trong những vật kể vào đồ mặc chính. Ở Quảng Nam có rất nhiều bông vải. Trẻ con lột lấy múi bông rồi đàn bà kéo sợi, dệt vải, thường đem nhuộm chàm đi. Dân chúng cả đàn ông lẫn đàn bà đều mặc những cái áo dài thật rộng, cổ chật, trước ngực nhiều lần xếp, cánh dài phủ cả bàn tay. Người quý phái mặc áo trùng, cặp đôi, cặp ba. Áo thứ nhất dài chấm đất, chiếc ngoài cắt hơn một chút. Cứ như vậy nếu có cặp nhiều màu thì ta thấy có hình dạng cầu vòng sắc sỡ. Đồ lót gồm có một áo cánh lụa hay vải và không quần cắt. Quần dài cùng thứ vải với áo.

Phạm Đình Hồ cho biết[431] người ở quê mặc áo vải trắng thô, học trò hay người thường lúc việc công mặc áo xanh lam (thanh cát) hoặc sẫm, hoặc lột, hoặc sừng lúc có quốc tang, lúc thường mặc áo thâm. Đàn bà miền Bắc vẫn mặc váy[432].

Đàn bà đội nón, không đội mũ. Đàn ông hoặc lấy khăn chít đầu, hoặc đội các thứ nón tu lờ của nhà sư (cư diện), nón sọ nhỏ (xuân lô tiếu), nón vỏ bứa (toan bì)[433], nón mo cau của lính Tây Sơn bắt chước người dân lúc đội đi đường[434]. Tất cả đều đi chân đất. Nhưng ta thấy người sang di chuyển bằng ngựa, bằng cáng như lúc Tây Sơn khởi loạn, bằng võng mảnh mảnh cánh sáo[435].

Trên một bức hoạ của J. Barrow để lại[436] chúng ta thấy một nhóm người ngồi chơi ngoài trời. Ở mặt tiền bên phải một người có vẻ lính vì có giáo dài, có tấm khiên đánh giặc, đầu vấn khăn, quần cụt, ở trần lộ ra những bắp thịt rắn chắc. Trước mặt anh ta là một bàn cờ tướng. Phía sau anh và ngồi nhìn nghiêng mặt là một người đàn bà tóc vấn ở trần hở ngực, nét mặt thanh tú, nhẹ nhõm như Barrow đã công nhận. Những người bên trái hoặc phía sau nữa có vẻ sang hơn: một ông già áo quần rộng thùng thình, đội khăn phủ vai, có người đội nón lá chóp đã tươi, che thêm cái dù và có người đội nón thượng. Tất cả đều có vẻ thư thả thung dung trong một khung cảnh nhàn tản như túp lều với hàng cau, dãy núi làm nền cho bức vẽ.

Đám quân lính thì có điều đặc biệt hơn. Quân Tây Sơn mang giáo rất dài trang trí bằng một cục tua nhuộm đỏ và màu đỏ này không ai được mang ở áo quần cũng như vật dụng và chỉ dành riêng cho quân đội thôi (họ vẫn giữ gìn được mỗi quyển rũ của lá cờ đỏ những ngày mới nổi dậy!). J. Barrow tả lính Gia Định không đồng phục về màu sắc cũng như về kiểu mẫu. Thường ra, một chiếc khăn quần đầu đôi khi trùm khắp, một chiếc áo cánh hay áo chên xuề xoà với một quần cụt là trang phục của lính. Nhưng khi triều đình có việc thì họ mặc đặc biệt hơn, đội mũ giấy bìa cứng treo đuôi bò màu đỏ loét. Các áo chiến choàng ngoài và các vật áo lấm chấm thì hoàn toàn theo kiểu cách Trung Hoa[437].

Đời sống thường nhật đó không phải lúc nào cũng êm đềm trôi qua. Trong giai đoạn chiến tranh này, dân chúng đã trải qua những tai hoạ khủng khiếp. Ta đã nói tới những thảm cảnh đói ở Thuận Hoá năm 1775, đã tưởng tượng trận dịch tể làm hao mòn một nửa quân Trịnh ở nơi đó rồi. Hãy nghĩ thêm những khi lính tráng đắc thế như lúc loạn Kiêu binh. Họ phá nhà Huy quận công Hoàng Đình Bảo “không còn mảnh ngói”, phá cả nhà “những quan thị mọi ngày có tánh khắc khổ mà họ vẫn ghét. Họ còn lòng những người đó mà giết nữa là khác”. Trịnh Tông chém một người để thị oai thì việc phá nhà tạm dừng, nhưng việc bắt người vẫn chưa thôi hẳn[438]. Dân chúng ở Quảng Nam, Thuận Hoá cũng phải chịu áp lực của những người có chút

chức vị và bọn lính tráng tàn ngược. Ở Gia Định, lính và cả quan cũng đi trộm cướp, có người có chức khá lớn như Cai cơ Nguyễn Văn Triệu, Ngô Công Thành, Nguyễn Văn Đại ở dinh Vĩnh Trấn. Cấm vệ binh của Nguyễn Ánh được ưu đãi, quyền lớn nên có kẻ giả mạo để đi ăn cướp khỏi bị tội khiến Ánh phải lập thẻ lính để kiểm soát. Lính ngang tàng đến nỗi dân Bắc Hà phải gọi là “cha”!

Cho nên, khi tình thế đảo ngược có dịp trả thù là dân chúng không từ nan. Quân Trịnh đóng ở Huế khi bị Nguyễn Huệ phá vỡ chạy ra ngoài thành đều bị dân chúng giết chết. Kiêu binh ở tứ trấn khi Nguyễn Khản ủng hộ Trịnh Khải chống họ, họ trốn đi qua các làng xóm buột miệng nói lộ ra tiếng Thanh Nghệ đều bị dân quê bắt giết, đành phải giả người câm đi ăn xin cùng đường. Một hoạt cảnh mà Hoàng Lê kể lại nói lên đầy đủ thái độ dân đối với quan và lính trong thời loạn:

“Khi Tây Sơn vào Thăng Long, Kiêu binh chạy ra các làng bị dân quê kể tội kiêu lộng ngày trước không chứa chấp và làm nhục nhã đủ đường. Có người cỡi trần trùng trục hốt hoảng ở phía trong thành chạy ra khi qua cửa ô bị dân ở đó trông thấy và chỉ mặt nói:

“Thằng bụng phệ kia có lẽ là lính Nhưng kiện, lòi cổ nó lại mà đánh chết đi.

“Người ấy vội đáp:

“ - Không phải, ta là quan Huyện uỷ huyện Thọ Xương đây.

“Mọi người cùng cười:

“ - Người ta vẫn bảo “ông huyện to bụng” thật không sai.

“Người ấy cũng cười rồi đi”[439].

Ở những nơi không có đánh nhau họ vẫn phải chịu ảnh hưởng nặng nề khi các đối phương thấy rằng muốn thắng được địch quân phải tận dụng sức lực tài năng dân chúng. Ta đã thấy điều đó ở vùng Tây Sơn. Nguyễn Ánh cũng không thể nào làm khác hơn. Thiếu lương mễ, thuế má, dân góp. Thiếu gỗ ván làm thuyền vận lương, dân đóng mỗi người mạnh hơn 3 quan, già yếu bệnh tật một nửa. Thiếu áo cho lính mặc, dân phải nạp vải. Đến đi lính cũng không tránh được đóng góp. Để dự bị đánh Tây Sơn vào giữa năm 1789, Ánh bắt thu lương riêng của quan quân. Đánh giặc nửa chừng (tháng 4 âm lịch 1795), Ánh kêu Cảnh ở Gia Định bắt bọn phủ binh, thuộc binh, lạc tòng quân không đi đánh giặc mỗi người nộp hai vuông gạo. Quân đến vùng nào thì ở đó cung cấp quân nhu. Thuế năm nay không đủ chi dụng thì bắt dân góp trước thuế năm sau! Cho nên dân phải trốn tránh. Đến dân đồn điền càng không sung sướng gì hơn. Họ trốn nhiều đến nỗi Bộ Hộ phải ra lệnh bắt Cai trại mộ người bổ sung, hạn 15 người là đủ số trong tháng không xong thì phải đi lính[440].

Tuy nhiên qua đói kém, chiến trận, người dân lại cày cấy, cất lại nhà thờ khiến các giáo sĩ phải ngạc nhiên về năng lực xây dựng của họ. Rồi những lúc rảnh rỗi, họ cũng biết tìm cách giải trí.

Phái đoàn Macartney ngạc nhiên về một đám 7-8 người chuyền nhau đá kiện không cho rớt xuống đất. Trái kiện làm bằng một miếng da thuộc khô, có dây cuốn lại. Ba chiếc lông dài cắm vào trong miếng da, toả ra phía trên nhưng đàng dưới túm lại, chui qua cái lỗ cách nhau nửa phân của một đồng tiền. Có hai, ba đồng tiền như vậy để làm đảm cái kiện.

Khi rảnh rang người ta đi coi hát. Người Anh không biết họ diễn hài kịch gì (có lẽ là bữa hát chèo, bài chòi), nhưng thấy một người già làm ra vẻ tức giận và một thằng hề chọc cười đáng gọi là có tài. Người đi xem vây quanh rạp, có người leo lên cây nhìn vào đám hát, vào khán giả. Macartney được mời đi xem một vở tuồng hát bội vào bữa 4-6, có kèn trống hợp tấu, diễn từ cũng nhịp nhàng “như sân khấu Ý”. Đám đàn ca hát rất đúng nhịp và cả tay

chân thân mình uốn éo cũng rất uyển chuyển, đều đặn như bức hình còn ghi lại cho ta thấy thêm[441]. Ca nhi cũng nhiều ở Gia Định, nhưng Nguyễn Ánh lại tìm cách ngăn cấm không cho lẫn lộn trong quan quân. Ngoài ra, ở vùng này, các trò đá gà, đá cá, đánh bạc cũng là những món giải trí thông thường[442].

Sống vui buồn lẫn lộn như vậy, dân chúng còn để ý đến những hiện tượng siêu hình. Các lễ tiết, tin tưởng mà chúng ta còn thấy quen thuộc vừa là dịp cho họ cầu mong thần thánh giúp đỡ họ qua cơn nguy khốn như trường hợp người dân chài ở Tourane lên bộ cầu xin gia đình yên ổn, chuyển ra khơi đầy lưới. Trên các cành cây to hay trên các nơi cao khác, họ dựng trang thờ, đặt vào đó cơm, đường và các thức ăn rồi đốt trầm lên khấn khứa.

Một nhân chứng đã viết những điều mắt thấy tai nghe về một tu viện vùng thiếu số Mường: “Tôi được đến thăm một tăng viện mà họ gọi là Cả Để. Có hai “Chậu húa” hay thầy tăng với 6 hay 8 người “sơ tu”(...). Họ mặc áo đỏ, không làm gì cả, không cưới vợ, nhưng nghe đâu họ cũng rất phóng túng. Làng của Cả Để đó nuôi tất cả những người ở trong tăng viện không để ai phải mất công làm bếp. Khi có một người đến thăm họ theo tục lệ, trước nhất phải bái tượng đặt tại một góc phòng sau đó quỳ dưới chân “Chậu húa” để chào ông ta và để thưởng công cho khách, ông ta đưa tay cho hôn. Trong khi đó thì “Chậu húa” ngồi nghiêm. Họ chỉ ăn có hai lần một ngày. Những ai ham ăn thường viện cớ cúng để giữ lại hai phần cơm sáng hay trưa để đến tối ăn.

Tăng viện hay Cả Để ở trên núi cao nhất vì theo sách dạy, họ tin rằng họ ở nơi cao bao nhiêu, khi chết họ càng dễ lên trời bấy nhiêu vì họ cho rằng trời chỉ cách núi cao nhất có 20 dặm ... ”[443].

Trong dân gian đầy phù thủy, ông đồng, bà bóng mà Nguyễn Ánh bắt ngăn cấm, không thì đánh roi, phạt xay lúa, giã gạo. Tục lệ bị khinh khi, nhưng thực ra nó bắt nguồn từ tin tưởng của rất đông dân chúng nên ảnh hưởng rất to tát. Chúng ta lưu ý rằng tin tưởng đồng bóng đã được thể chế hoá ở vùng

Trịnh bằng đạo Nội. Chuyển về Nam, màu đỏ của phái đạo đó - màu tượng trưng cho phương Nam - đã trở nên một kích động linh hồn quân tướng Tây Sơn nơi lá cờ, nơi sắc áo lính tráng. Tất nhiên không khí thần bí đó gặp mảnh đất tốt của sinh hoạt bộ lạc, của tư tưởng Chiêm Thành, của các hội kín Minh dân lưu vong lại càng nồng nàn thêm khiến kết thành một phong trào quấy đảo dữ dội, khiến Nguyễn Ánh thù ghét các ông đồng, bà bóng cứ tưởng mình vô tội vạ.

Tuy nhiên, tục thờ cúng ông bà - lạy xác - trên khắp nước vẫn được chính quyền bênh vực coi như là nền tảng đạo đức của dân tộc. Các giáo sĩ phần lớn cũng công nhận ý nghĩa luân lý, không mê tín của tục này nhưng vẫn theo lệnh Roma để gây ra xung đột khiến ý thức Tây phương đi vào với một số đông người đã hiện diện ở Đại Việt rồi mà phải lùi bước lại đợi một cuộc can thiệp mạnh mẽ hơn vào nửa thế kỷ sau.

Tiết 15

CHIẾN TRANH VỚI NGUYỄN NHẠC

Phản ứng của Quy Nhơn * Cuộc tiến quân dò dẫm của Lê Văn Quân * Những chuẩn bị trong khó khăn và trận thủy chiến ở Thi Nai 1792 * Chiến tranh ở thành Quy Nhơn.

Ta đã thấy sự sôi sục phát triển của Gia Định và Phú Xuân. Trong khi đó Quy Nhơn vẫn im lìm. Vẫn biết có khi biến cố vẫn xảy ra mà tài liệu không nói tới để cho sử gia phải cam bó tay nhưng cũng có khi biến cố thật không xảy ra nhiều vì địa phương, thời đại, tập đoàn ở đó gặp phải những điều kiện ghì姆 bước tiến. Quy Nhơn của Nguyễn Nhạc ở vào trường hợp này.

Nơi vùng Tây Sơn, trong khi em ông cai trị trên hai cựu đô Nam, Bắc có đủ nhân vật tài lực để làm thế trưởng thành thì Nguyễn Nhạc phải bằng lòng với một phần lớn xứ Chiêm Thành cũ từ Quảng Ngãi vào đến Bình Thuận. Cũng như chúng ta choáng mắt trước bước tiến ồ ạt của Tây Sơn, lâm

tướng họ có một hậu thuẫn kinh tế dồi dào, phái bộ Macartney nhìn thấy “bằng mắt trần” xứ Tsiompa có dáng của một cánh đồng xinh tốt, chập chùng thành từng bậc cấp từ bờ biển tới bên trong và chen lẫn một cách kỳ diệu những nội cỏ và đồng áng. Nhưng bằng viễn kính thì cái cảnh giàu có ấy tan biến đi, nhường cho cảnh một vùng mênh mông những cát vàng nhạt, chen vào đó rải rác những dãy núi, đỉnh nhọn vút lên cao[444]. Vì vậy ta không lấy làm lạ rằng vùng Bình Thuận, Bình Khang không là cái đích tranh giành của Tây Sơn và Nguyễn. “Đất Bình Thuận chiếm dễ giữ khó”[445]. Nguyễn Văn Thành đã nói như vậy bởi vì quân Tây Sơn không giữ được mảnh đất khô cằn này thì đổi về tay Gia Định mới trung hưng, khó khăn nào có giảm bớt đâu.

Thất bại trong chiến tranh nội da xáo thịt gây một xúc động tâm lý cho viên tướng đa mưu mà tuổi đã về chiều khiến cho Nguyễn Huệ phải chê trách. Nhưng thực ra Thái Đức Hoàng đế cũng không thể làm hơn được. Trên căn bản nông nghiệp, ông cũng biết cố gắng khuyến khích dân chúng canh tác bằng cách công nhận ích lợi của những cơ sở sẵn có như cho các tay thợ gìn giữ các xe nước ở Quảng Ngãi được miễn sưu dịch, cấp bằng cho người trông coi[446]. Đám Tề Ngôi cũng có lòng vàng che chở bờ biển cho ông và trước sự phát triển của Gia Định làm dân, binh Tây Sơn phải kinh hồn, chính ông cũng cố gắng cho đóng nhiều thuyền bè mong chặn trước cuộc tấn công 1792. Nhưng kết quả thực là ít ỏi. Sự hiện diện của ông khiến Phú Xuân cách biệt Gia Định chỉ có hiệu quả là làm cho Gia Định qua những bước khó khăn ban đầu thôi.

Tháng 4 Canh Tuất (1790), thu thập được năng lực mới mẻ, Nguyễn Ánh bàn chuyện đánh Bình Thuận. Nguyễn Văn Thành bác đi nhưng Ánh vừa nhận thấy được ích lợi do giao thương đưa lại nên muốn mở rộng đất để “xuất nhập thông thương” để “nhờ cậy cái lợi cá muối” (của Bình Thuận) cần yếu cho binh lính, dân chúng.

Dưới quyền của Tiết chế Lê Văn Quân có 6.000 quân. Tiên phong là Võ Tánh; Nguyễn Văn Thành được làm phó với dụng ý làm hoà giải mỗi bất đồng giữa viên tướng cướp mới về làm Phò mã và viên phụ tá của Châu Văn Tiếp cục mịch, thô lỗ nhưng vẫn rõ ra là can đảm, có tài. Bình Thuận là đất Chàm, nhờ dịp Tây Sơn nổi lỏng, viên cầm quyền ở đó tên Tá hưởng được một quyền tự trị khá rộng rãi nên đứng về phe Quy Nhơn. Nguyễn Ánh cũng khôn ngoan cho đi theo quân một người Chàm là Hàn lâm Nguyễn Văn Chiêu làm Khâm sai Tán lý.

Nguyễn Văn Thành tiến quân đến Hốc Trâm chặn đường về khiến Đô đốc Tây Sơn là Đào Văn Hổ phải nhờ Chương cơ Tá dẫn theo thượng đạo rút lui. Tá bị bội phản chết và quân Gia Định chiếm được Phan Rí. Lê Văn Quân muốn nhân dịp này thừa thắng tiến lấy Diên Khánh. Nhưng quân tướng Gia Định với xuất xứ lẫn lộn chưa tín nhiệm nhau. Nguyễn Văn Thành không đồng ý việc tiến quân. Võ Tánh không đồng ý với Quân đã đành mà Tổng nhung Cai cơ Nguyễn Văn Lợi, Nguyễn Văn Dực còn ám thông với Tây Sơn nữa. Lê Văn Quân mặc thuộc tướng, để Nguyễn Văn Thành giữ chợ Mai (Mai Thị), Võ Tánh giữ Phan Rí rồi tự dẫn binh chia giữ Nha Phôn và Mai Nương[447] trên ba lũy mới đắp. Nhưng Tây Sơn đã tiến quân đánh trước.

Tháng 6 năm đó, Đô đốc Hồ Văn Tự, Nguyễn Công Thái, Tham tá Từ Văn Tú từ Diên Khánh đem 9.000 quân vào tấn công. Thủy binh họ cũng đồng thời đổ bộ lên cửa Phan Rang. Binh Nguyễn chết nhiều, Quân lui về giữ Ý Na[448] đưa thư cầu cứu. Lúc bấy giờ Nguyễn Văn Thành và Võ Tánh đã được chiếu triệu về nhưng Tánh cứ đi luôn mặc Thành một mình quay lại.

Nguyễn Ánh một mặt sai Phạm Văn Nhân tiếp, một mặt tự dẫn binh thủy ra cửa Tắc Khái. Lúc bấy giờ Quân, Thành đã lui được về Phan Rí. Quân Tây Sơn lại tới vây. Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Văn Trương, Võ Văn Lượng đem binh tiếp viện khiến Tây Sơn lui về Phan Rang. Ánh cũng nhân mùa

gió bắc sắp tới, bất lợi cho cuộc hành quân nên để Nguyễn Văn Tính giữ Phan Rí, triệu Lê Văn Quân về đóng Phước Hưng[449].

Trận chiến kéo dài khoảng 4 tháng là lần thử sức đầu tiên của Gia Định và Quy Nhơn.

Dù có tên Phạm Văn Nhân, người theo hầu Hoàng tử Cảnh và dù tháng 3-1790 ở Gia Định đã có độ 10 thuyền buôn Bồ và một tàu Pháp như L.M J. de Jésus Maria cho biết, chúng ta không nghĩ rằng người Tây đã tham gia chiến trận, vì họ phải theo Nguyễn Ánh mà Ánh thì chưa đến Phan Rí. Dù sao, rõ là lực lượng Gia Định tuy đánh bại Phạm Văn Sâm nhưng chưa đủ sức tiến ra. Và Ánh phải chờ đợi.

Trong khoảng thời gian đó Ánh lo chinh đồn nội bộ, phát triển thế lực. Cũng chính lúc này người Tây phương dồn dập tới. Ánh mua tàu đồng của ông Gombra, sai Dayot đi buôn ở Macao, Manille. Nhưng đồng thời Gia Định cũng gặp nhiều khó khăn do phát triển gây ra. Ánh nuôi binh, dân đói. Ánh lo xây công sự phòng thủ bắt sưu dịch nhiều, dân oán, ngóng về Tây Sơn. Ánh thận trọng lo việc mở mang, chần chờ không ra quân làm bọn phiêu lưu Tây phương, kiêu ngạo có sẵn, ồ ạt đã quen, mong muốn có chiến tranh để kiếm lợi, đâm ra sốt ruột, chán nản. Ngày đầu tháng 5-1791, Ánh thấy Dayot đi buôn tiêu nhiều quá, phát ghét đòi đuổi cả bọn từ lính tới sĩ quan. Phần Bá-đa-lộc lại nghĩ rằng do thái độ thiếu cả quyết của Ánh mà Tây Sơn bớt lo sợ và cho rằng “trong tình thế này nếu họ có gan đến đánh thì thực là khó ngăn cản họ”[450].

Thực ra Bá-đa-lộc còn có dụng ý khác khi hối thúc Ánh ra quân. Quá tin cậy vào lực lượng một nhóm người phiêu lưu, Pigneau định chắc ông sẽ thắng được Tây Sơn. Ông muốn ra Bắc Hà làm phép cho các L.M ở đấy mà từ lâu ông không được gặp. Ông hối thúc Ánh cất binh. Ánh không chịu, ông đòi bỏ đi tới 2 lần[451]. Ngón đòn dọa già này sau đó Nguyễn Ánh sẽ bắt chước để buộc ông ở lại.

Tuy nhiên việc đánh Tây Sơn cũng vẫn được tiến hành. Tháng giêng Nhâm Tý, Nguyễn Ánh bày ra kế hoạch mà sau này người ta sẽ gọi là những trận giặc mùa. Ông bảo đợi tiết gió nam thổi thì ra quân, gió ngược thì trở về. Khi đánh thì tụ tập binh lính lại, khi về thì cho đi cày ruộng, binh không mệt, không ngồi ăn không trong lúc Tây Sơn chạy ứng cứu đâu này đâu họ không rảnh tỵ nào[452].

Nhưng đến khoảng tháng 5-1792 thì Gia Định nhốn nháo về tin Tây Sơn sắp tràn vào. Không phải của Nhạc mà là của Huệ mới đáng sợ. Tin nghe ngóng ở đây thì nói Tây Sơn có độ 300.000 người tràn vào đánh tốc thẳng xuống Cao Man[453]. Sử quan thì cho biết Xiêm đưa thư xin Ánh giúp binh ở đường thượng vì Tây Sơn đánh mạnh ở Vạn Tượng. Thư trả lời của Nguyễn Ánh cho biết rõ Gia Định có thám báo kỹ càng. Theo đó, Nguyễn Huệ tuyển binh Bắc Hà có đến 2-30 vạn muốn đem vào tấn công. Bộ binh đánh các đạo miền thượng phá đến Nam Vang, chuyển đánh sau lưng Sài Gòn. Thủy binh sẽ vào Côn Lôn, phá Hà Tiên, theo Long Xuyên, Kiên Giang ập lên chiếm Sài Gòn mặt trước. Thắng xong họ sẽ tính tới Xiêm. Điều này chắc là Ánh dọa Xiêm để đề nghị một cuộc hợp tác: Xiêm ở phía sau trên bộ, Nguyễn Ánh phía trước mặt đường thủy cùng hai mặt đánh Nghệ An, Phú Xuân, phá trước kế của Tây Sơn[454].

Kế hoạch đánh Gia Định có vẻ thực vì toan tính to lớn, hung bạo hợp với thói quen của Nguyễn Huệ. Và sau đó quả có 40 thuyền Tề Ngôi của Quang Trung lần mò vào đánh phá ở Bình Thuận. Không biết vì sao kế hoạch không thành. Sử quan không cần nhắc lại nếu sự việc không xảy ra để cho họ ghi. Lelabousse đưa hai giả thuyết: hoặc Tây Sơn sợ những chiếc tàu u lúc này đến buôn bán rất nhiều ở Gia Định, hoặc quân họ đã gặp hai đạo quân Xiêm đưa lên ngăn họ vào Miên. Rốt cục họ đã rút lui. Sự thực, như đã nói, Nguyễn Huệ thật khó mà hi vọng thắng khi đưa quân đi vòng tránh đất Vua Anh để đến đánh. Còn đường bộ thì núi rừng chập chùng, quân Lào, Xiêm, Miên sẵn sàng tiêu hao, đánh tập hậu; đường nước thì gió

bắc đã dứt và gió nam đang thổi mạnh. Cuộc viễn chinh chỉ chậm lại nếu không có bất ngờ xảy ra cho Nguyễn Huệ.

Trong lúc Nguyễn Ánh bấn loạn thì Pigneau đòi đi lần thứ hai. Người ta nhốn nháo lên vì ông này bỏ đi tức là lòi theo cả bọn phiêu lưu đang giúp binh. Nguyễn Ánh cũng còn non tay không biết rằng khoảng đó năm trước Bá-đa-lộc muốn đi nhưng không dám vì sợ hại cho công cuộc truyền giáo. Ánh vội vã tới xin Pigneau ở lại. Một người lén nghe trộm cuộc hội kiến thuật lại rằng Pigneau trách Ánh không chịu nghe lời, không đi đánh Tây Sơn[455].

Rốt lại Bá-đa-lộc thắng. Ông không đi nhưng Nguyễn Ánh phong Olivier làm Vệ úy Thần Sách quân và đem súng lớn, lương thực ra ngoài biển tổ chức một cuộc tập trận lớn gồm khoảng 128 chiếc vừa đại hiệu thuyền vừa ô thuyền. Chiến dịch bắt đầu.

Thủy quân tràn đến vũng Diên bắt được thuyền tuần Tây Sơn biết họ không chuẩn bị phòng thủ, Nguyễn Ánh sai Tôn Thất Huy cắt đặt tướng sĩ, Nguyễn Văn Thành làm Tiên phong, Phạm Văn Nhân tiếp theo sau. Nguyễn Văn Trương theo Trung quân hộ vệ và Nguyễn Kế Nhuận đi sau rốt.

Đến Thi Nai, Nguyễn Ánh cho binh giỏi lên bộ đốt huỷ trại Tây Sơn, Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Văn Thành lấy thuyền Long, Phụng xông thẳng vào[456]. Nhưng theo người Tây, kẻ mở đường lại là Dayot trên chiến “tàu đồng”. Quân Tây Sơn giữ thành tưởng là tàu buôn định khám tàu nhưng khi thấy theo sau đó là cả thủy quân của Nguyễn Ánh nên chặn lại. Họ bắn 5-6 tiếng đại bác. Dayot theo thói quen Tây phương cho kéo cờ lên, bắn trả hết loạt. Rồi chiếc tàu nghiêng lại để bắn nốt phía bên kia. Tây Sơn tiếp tục bắn nhưng tới lần thứ hai thì cả hệ thống phòng thủ đã bị chiếm[457].

Đô đốc Tây Sơn tên Thành bỏ chạy. Quân Gia Định lấy được 5 đại hiệu thuyền, 30 ghe đi biển và 40 ghe sai rồi lại tìm bắt được 3 ghe Tề Ngôi nữa. Hai ngày ở chợ Thi Nại, Nguyễn Ánh vỗ về, phủ dụ dân chúng. Quân lại kéo về Gia Định, khứ hồi chỉ hơn 10 ngày.

Đó là chiến thắng đầu tiên chứng tỏ sức mạnh của đội thủy quân mới. Nguyễn Ánh lại còn vui mừng hơn khi biết chắc rằng đến lúc này Nhạc, Huệ cũng vẫn chưa hoà nhau. Nức lòng, ông cho sửa soạn ngay cuộc tấn công mùa sau: cho quân nghỉ, cho sứ đi Xiêm báo tiệp, bắt voi làm tượng binh, tạo thêm đại hiệu thuyền, tăng thủy binh.

Chiến thắng Thi Nại làm hoảng hốt Tây Sơn. Nguyễn Huệ phải tức tốc nhảy vào chiến trận, Theo tờ hịch gọi cho quân dân hai phủ Quảng Ngãi và Quy Nhơn đề niên hiệu Quang Trung thứ 5 ngày 10 tháng 7 (27-8-1792) [458] ông tỏ ra được ý đó. Bản dịch của giáo sĩ De La Bissachère vẫn còn giữ được giọng hung hăng, ồ ạt của lời kêu gọi bình Thanh 5 năm trước ở xứ Nghệ. Theo tờ hịch, sau trận Thi Nại, Nguyễn Nhạc có viết thư cho ông trình bày rằng quân dân Quy Nhơn khiếp sợ trước đối phương nên mới bị thua mau chóng như vậy. Quang Trung phải nhắc nhở đến tính cách phù trợ của dân hai phủ đối với anh em Tây Sơn và ngược lại, ơn huệ họ đã ban cho dân chúng trên 20 năm rồi. Ông gọi lại những trận bình Xiêm, đánh Bắc oai hùng, lừng lẫy và lưu ý rằng chen vào đó, những chiến thắng chống cự trào thật quá dễ dàng. “Gia Định là mồ chôn” họ Nguyễn. Thế thì dân hai phủ sợ gì bọn người nhút nhát ấy? Đúng ra dân chúng sợ người Tây dưới quyền Nguyễn Ánh thì phải hơn. Nhưng cái kiêu hãnh của viên tướng bách thắng không cho phép dân bá quận của mình sợ bất cứ ai, vì “cho dù loại người ấy có khéo léo đến đâu đi nữa, tất cả đều có cặp mắt xanh của con rắn, phải coi họ như những xác chết trôi từ biển bắc dạt xuống”.

Dự định của Nguyễn Huệ báo cáo cho dân chúng là quân Phú Xuân sẽ đem toàn lực lượng thủy bộ tung vào Gia Định, đánh đến tận Cao Miên, đập tan quân Nguyễn Ánh “như gỗ mục vậy”. Đáng chú ý là tờ hịch nói “theo lệnh

Vua Anh”. Có thể thực hai bên đã đồng ý với nhau về điểm Huệ trợ giúp cho Nhạc này vì rõ ràng là họ đang đứng trước sự tồn vong của gia đình họ. Vì cũng chính trong tờ hịch, Nguyễn Huệ khuyến khích dân hai phủ trung thành với Nhạc và nói rõ rằng việc đánh Gia Định là để tỏ cho mọi người biết Nhạc - Huệ thực là anh em và họ không bao giờ quên họ cùng một dòng máu. Lời lẽ có tính cách trấn an và cũng lộ có sự tương nhượng. Có lẽ chính có sự nhượng bộ về phía Nhạc nên Nguyễn Huệ hiểu dụ các làng trong hai phủ phải lo làm cầu, đường để quân dễ trải đi ...

Dự định không thành như ta biết. Hai mươi ngày sau, Nguyễn Huệ chết bất ngờ vì lo cho cuộc viễn chinh. Chiến tranh do đó tiếp tục có lợi về phía Gia Định.

Tháng 2 âm lịch 1793, có viên Đô ty Tây Sơn đem hai thuyền và 100 người vào Gia Định. Nguyễn Ánh biết được việc Nguyễn Nhạc đem em gái đi diều Nguyễn Huệ đến Quảng Ngãi thì bị chặn lại không cho ra[459]. Thấy bác cháu họ còn nghi kỵ nhau, Ánh bèn quyết định đánh Quy Nhơn[460]. Viên Đô ty này từ Phú Xuân đến nên có thể chính ông cho Gia Định biết cả việc Quang Toàn và Quang Thuỳ hục hặc nhau nữa bởi vì ông Lelabousse đã kể rõ việc này trong thư khoảng tháng 6 dương lịch khi cuộc tiến quân mới còn ở Phan Rang, Bình Khang.

Lần ra quân này (tháng 4 âm lịch 1793) do Tôn Thất Hội coi. Quân bộ đánh Phan Rí với Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Ánh theo quân thủy có Nguyễn Văn Trương, Võ Di Nguy đi trước, Võ Tánh hộ vệ. Quân đi có người Miên, Hoa, u hung hăng, dữ tợn.

Quân thủy đến trước ở cửa Phan Rang. Nguyễn Kế Nhuận đánh lũy Mai Nương thì Tây Sơn đã chạy rồi. Nguyễn Ánh để lại Vệ úy Nguyễn Hiên đợi bộ binh rồi ra cửa Nha Trang. Nguyễn Văn Đắc, Võ Văn Lượng đổ bộ đánh lũy Hoa Vông[461] lấy phủ Diên Khánh. Ánh sai Võ Tánh mang 3 vệ đội đi lấy Bình Khang rồi chính mình cũng theo thủy quân tiến ra nữa. Ở vùng

Hòn Khôi, Chỉ huy Trí lại bỏ Bình Khang để một số binh tướng ra hàng đầu quân dưới cờ Gia Định[462].

Quân bộ chậm chân hơn, nhưng Tôn Thất Hội cũng đuổi được Đô đốc Hồ Văn Tự chạy theo đường thượng về Quy Nhơn. Trong lúc đó binh thủy đã đến Xuân Đài. Võ Tánh tiến lên đánh lũy La Hai[463], Tham đốc Tây Sơn là Phạm Văn Diêm chạy bỏ cả lương hướng. Sức chống cự của Tây Sơn rõ là rất yếu ớt.

Như vậy là từ Bình Thuận đến Phú Yên quân Nguyễn đã chiếm trọn. Ánh lo đặt người cai trị, thu thuế, lấy lúa nạp thay tiền để có lương cấp binh lính. Quan cai trị có người là quan võ rảnh rảnh như Nguyễn Thoan coi Hậu thủy doanh, giữ Bình Khang, có người là hàng tướng vô hại như Nguyễn Y Mân được làm Cai bạ Phú Yên.

Nhưng khi quân Nguyễn vào đất Quy Nhơn thì thấy được sức đề kháng của Tây Sơn. Võ Tánh đổ bộ lên cửa Thi Nại rồi tiến phá cầu Tân Hội vào tháng 6 năm đó. Tây Sơn lui về giữ núi Trường Úc[464]. Ở đồng Bình Thạnh, quân Nguyễn gặp đội tượng binh của Nguyễn Bảo, con Thái Đức. Bảo thua bèn lui về đắp lũy giăng từ Thổ Sơn[465] đến núi Trường Úc để ngăn giữ.

Lúc bấy giờ, bộ binh đã tiến vào theo hai đường hẻm có sẵn: Cù Mông gần biển và Hà Nhao[466] phía tây. Ánh mật sai Tôn Thất Hội ở đèo Phú Quý[467] bắt dân gần đó phá gai, chặt cây dọn đường để đánh trên núi. Dưới đồng, quân ông nửa đêm vượt qua Kỳ Sơn cùng Nguyễn Văn Thành tập kích núi, có Võ Tánh đánh ở mặt sau. Ở Trường Úc, Võ Văn Lượng đến đốt trại để Lê Văn Duyệt tiến lên núi thu súng ống, đạn dược rất nhiều. Nguyễn Bảo và Đào Văn Hổ phải chạy về thành Quy Nhơn bỏ lại các lũy Phú Trung, Tân An, Cầu Chàm, Đập Đá[468].

Vòng vây cứ dần dần thu hẹp lại. Nhưng Ánh cũng cần thêm quân khi chiến tranh càng quyết liệt. Một phần Ánh lấy ở đám dân sở tại hưởng ứng

theo, phần lớn là đám dân mới nội thuộc: Phú Yên, Bình Khang. Ở các nơi này, Ánh lại nhắm vào đám cựu quân Tây Sơn để khỏi mất công huấn luyện: lệnh truyền chiêu tập ở Bình Khang các tay súng giỏi, binh cũ nhắm vào ai là “những súng đội”, “cựu ngạch binh” nếu không là họ?

Quân Nguyễn tới đánh lũy núi Kho[469]. Đô đốc Đẩu giữ ở đây với 4.000 binh mạnh, dựa núi cao bắn xuống dữ dội. Trần Công Hiến người Quảng Ngãi, tâu với Nguyễn Ánh xin vào lũy làm nội ứng. Kết quả tự nhiên thấy rõ. Nguyễn Đức Xuyên bên ngoài kêu hàng, Tây Sơn bắn ra, nhưng bên trong Hiến đã nổi dậy. Đô đốc Đẩu bị bại chạy thoát, Chỉ huy Trí thoát ở Bình Khang về đến đây phải bị giết thảm. Quân Nguyễn thu được 35 khẩu đại bác, hơn 80 thuyền biển, 3 con voi, 1 kho gạo, 1 kho cá muối cùng vô số súng điều thương.

Thành Quy Nhơn càng bị vây siết hơn với các tướng Tôn Thất Hội, Võ Tánh, Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Văn Thành. Tây Sơn cũng còn được 3 cứ điểm bên ngoài: Gò Dê, Đầm Sấu, và Tam Tháp.

Thành bị vây đến hơn 3 tháng trời. Không phải là vũ khí tấn công của Ánh không hiệu quả. Đám binh lính Tây phương dưới quyền đề nghị phá thành trong 10 ngày. “Phóng diên (diều) lưu hoả pháp” của người u mà sử quan nói dùng để đốt thành có lẽ chỉ cuộc tấn công ồ ạt đó bằng lửa đạn mở đường. Nhưng Ánh không chịu viện lẽ sợ dân chúng trong thành chết không nổi. Thấy quân về hàng càng ngày càng đông, Ánh tin rằng bị vây lâu, quân trong thành sẽ loạn, tự nhiên hàng đầu. Sử quan ghi rằng Ánh “bảo các quân chớ nôn đánh” và sau này các giáo sĩ cho rằng “cuộc vây hãm kéo dài vì lỗi của vua”, tất cả đều đúng[470].

Trong lúc chờ đợi, Nguyễn Ánh lo đánh chiếm các đất còn lại của Nguyễn Nhạc. Tháng 7 năm đó, ông đến cửa An Dục sai Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Đức Thiện đánh Đệ Dương phá một cơ sở làm thuyền biển của Tây Sơn bắt được 30 thuyền mới tạo, còn ghe nhỏ, gỗ ván đều đốt hết. Quân Tây Sơn kéo nhau hàng hơn 300 người trong đó có Đô

đốc Nguyễn Văn Thái, Cai bạ kiêm Công bộ Trần Văn Thái, Vệ úy Nguyễn Văn Chinh, Chỉ huy Đào Văn Lượng, Nguyễn Văn Phát. Tướng giữ Quảng Ngãi là Nguyễn Tấn Lục, Trần Công Trữ cũng về hàng.

Yên mặt bắc, Nguyễn Ánh trở về, lên Đập Đá. Lần này ông có vẻ quyết liệt nên sai lấy “hoả xa đại pháo” đánh vào nhưng không hạ nổi ngôi thành còn hơn vạn quân chống giữ. Tuy nhiên ông cũng thu hẹp được vòng vây lại. Quân Nguyễn đánh lũy Gò Dê bắt được Đào Văn Hổ, quân Tây Sơn giữ Đầm Sấu bỏ chạy vào thành chỉ còn trơ có lũy Tam Tháp[471].

Nhưng lúc bấy giờ cứu viện của Phú Xuân do Nhạc kêu cầu đã tiến đến. Trên bộ là 17 ngàn binh, 80 voi dưới quyền Thái úy Phạm Văn Hưng, Hộ giá Nguyễn Văn Huân, Tư lệ Lê Trung, Tư mã Ngô Văn Sở. Dưới nước là Đại thống lĩnh Đặng Văn Chân, Đô đốc Hồ (Hồ Hổ hầu cũ?) Chương cơ Thiêm với 30 thuyền. Thủy quân thực yếu kém nhưng bộ binh thực dũng mãnh với đủ danh tướng cũ.

Cho nên ở Trà Khúc hàng tướng Trần Công Trữ chết trận, Nguyễn Đức Thiện lui về giữ núi Cung Quảng. Nguyễn Ánh vội sai Nguyễn Văn Thành đem 8.000 quân ra Bến Đá giữ các đường Sa Lung, hang Tối Trời (Hòn Cốc) với Nguyễn Kế Nhuận và Nguyễn Văn Thái.

Chiến tranh lại đổi chiều. Tuy Trương Phúc Luật vừa đem 20 thuyền chiếm lương Tây Sơn ở Thái Cầm, đốt thủy trại ở cửa Đại Áp tận Quảng Nam, nhưng bộ binh Tây Sơn vẫn bám lấy sông Vệ ở Quảng Ngãi. Nguyễn Quang Toàn lại đem tiếp viện đến Sa Lung. Ánh vừa từ chối sự trợ giúp của 2 vạn quân Xiêm cùng 50 thuyền của họ phải cho Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Đức Thiện thối lui rồi rút hết toàn quân về Phú Yên, tránh đám tượng quân, bộ binh tinh nhuệ của Phú Xuân. Ở Xuân Đài, Ánh sai Tôn Thất Hội coi hết Phú Yên, phân bố Nguyễn Huỳnh Đức đóng ở La Hai, Nguyễn Long đóng ở Thạch Thành, Nguyễn Văn Nhân giữ 36 thuyền ở vũng Lắm. Về đến cửa Nha Phu (Ninh Hoà), Ánh xây lũy Gò Xoài (Mông Phụ) (Bình Khang) để Nguyễn Văn Thành giữ. Võ Tánh đem bệnh binh,

hàng binh về trước ở Gia Định. Còn Nguyễn Văn Trương thì đồn binh thủy ở cửa Cầu Hin[472] để Ánh lo xây một thành Gia Định thứ hai án ngữ đường vào Nam của binh tướng Phú Xuân.

Đó là thành Diên Khánh xây trên lũy Hoa Vông cũ. Theo sử quan, thành cao 1 trượng, chu vi hơn 510 trượng, 6 cửa, có lầu, 4 góc có núi đất. Dịch vụ cần tới 3.000 người Bình Thuận, 1.000 người Thuận Thành. Bản đồ còn ghi lại rõ với 1 chữ “Diên Khánh đại đồn”[473]. Theo con mắt chuyên môn, nhà quân sự hiện nay có thể nhìn vào đồ hình mà phân tách được những vị trí xếp đặt y như của một ngôi thành theo kiểu Vauban. Nhưng với chỉ mắt thường, đem so đồ hình với những đồ hình các công sự ở các bản đồ quân sự Pháp, ta cũng thấy được những đường nét tương tự. Bởi vì thành Diên Khánh là của Olivier vẽ ra. Nó là em sinh sau thành Gia Định. Nhưng ở sâu vào trong một xứ vừa chiếm được, nó đóng một vai trò rất quan trọng. Nó sẽ chứng minh có đủ khả năng để làm một tiền đồn chống giữ cho Gia Định. Nguyễn Ánh có nó thấy vùng an ninh, đất đai của mình mở rộng ra, sẽ vui mừng biết có tăng tiến trên đường về cố đô[474].

Chương 6 - GIA ĐỊNH VÀ PHÚ XUN ĐỐI ĐẦU

Tiết 16

CÁI CHẾT CỦA NGUYỄN HUỆ

Con người Nguyễn Huệ * Vai trò Nguyễn Huệ trong chế độ quân chính của Tây Sơn * Khó khăn của Cảnh Thịnh: sức tràn bờ của Tây Sơn ở Diên Khánh và vụ Bùi Đắc Tuyên.

Giữa những bộ mặt lịch sử xuất hiện vào hậu bán thế kỷ XVIII Nguyễn Huệ tỏ ra đặc biệt nhất. Nguyễn Ánh bền dai, kiên trì có lẽ đã làm cho một số người trầm tĩnh thán phục, nhưng lại từng là bại tướng của “ông Long Nương”, nên có thắng trận cuối cùng cũng bớt một phần oai vũ đối với

người sau. Nguyễn Nhạc thất bại ngay lúc còn sống, hình như đã thừa đến 6 năm trong thành Chà Bàn, kén may mắn hơn Châu Văn Tiếp chết trên chiến trường, Nguyễn Hữu Chinh bị bêu đầu sau một hồi làm mưa làm gió. Nguyễn Huệ trái lại sống giữa hào quang rực rỡ của chiến thắng, chết đi ném trả cho con cháu trách nhiệm giữ cho dòng họ khỏi bị tru diệt. Nguyễn Huệ thu nhận được tất cả những lời khen lao, từ bọn bày tôi quen tán tụng bất cứ ai là chủ tể cho tới đám thù nghịch từng chịu điên đảo vì ông.

Về khuôn mặt, dáng người, lịch sử còn để lại bức vẽ truyền thần của nhà Thanh hoạ lúc có sứ bộ 1790. Nhưng chúng ta đều biết đó chỉ là Giả Vương. Người ta không cần chọn người giống lắm vì đã có Phúc Khang An làm tay trong gạt Càn Long rồi. Nói về khí vũ hiên ngang của một võ tướng bách chiến bách thắng thì hẳn Giả Vương đã có - nếu ta tin hoạ sư vẽ theo thực, không tô điểm thêm.

Mới đây, người ta tìm được chứng cứ rằng một pho tượng trong chùa Bộc ở Hà Nội chính là tượng Quang Trung[475]. Việc bức tượng được cho mặc triều phục, đi hia mà lại chân trong chân ngoài chứng tỏ thái độ ngang tàng của con nhà tướng. Nhưng nếu chữ “quang trung” trên đôi câu đối đúng là chỉ ông vua Tây Sơn này thì bức tượng chắc cũng không tạc đúng hình Nguyễn Huệ vì đã phải chịu những quy luật về hình ảnh khuôn khổ của một ông Phật, ông tướng Trung Hoa: tai to, mắt xếch (đáng chú ý là trong hình Giả Vương, đôi mắt người mẫu còn nằm ngang hơn ở đây).

Trong một quyển dã sử còn lại, có một vài nét về Nguyễn Huệ có vẻ thực lắm: “Tóc Huệ quăn, mặt mụn đầy, có một con mắt nhỏ, nhưng mà cái trông rất lạ, ban đêm ngồi không có đèn thì ánh sáng từ mắt soi sáng cả chiếu ...”[476]. Tóc quăn, mặt mụn, mắt không đều là dấu vết của thân xác. Nhưng câu chuyện trông mắt có ánh sáng phát ra, ban đêm soi sáng cả chỗ ngồi là cảm tưởng của người nhìn khiếp sợ trước oai vũ của “Thượng công”.

Về cuộc đời riêng của con người này, lịch sử cũng biết được một ít, nhiều hơn những ông vua thời bình cầm đầu quốc gia bằng thế tập. Sĩ phu Bắc Hà quen với không khí tôn nghiêm, bề vệ của Lê hoàng, Trịnh chúa đã ngạc nhiên khi thấy cảnh anh em Tây Sơn “trò chuyện, kẻ hỏi người đáp cực kỳ ôn tồn (?) y như anh em các nhà thường dân”[477]. Và cũng nhân dịp ra Bắc này, tướng sĩ dưới quyền được vui cười cảm thấy gần gũi ông tướng oai nghiêm ngày thường với câu nói cợt nhả: “Vì đẹp loạn mà ra rồi lấy vợ mà về, trẻ con nó cười thì sao? Tuy vậy ta chỉ quen gái Nam Hà chưa biết con gái Bắc Hà, nay cũng thử một chuyến xem có tốt không?”[478].

Người con gái Bắc Hà 16 tuổi đó cũng biết nhược điểm của bậc anh hùng nên đã dùng thế lực riêng của mình mà ảnh hưởng tới quyết định của Nguyễn Huệ khi đòi phế tự hoàng Lê Duy Kỳ, lập Sùng Nhượng công Duy Cẩn, khi thì đòi ngược lại, “mếu khóc” vượt ve tự ái đấng trượng phu. Tình cảm mềm yếu cũng tỏ rõ mấy năm sau, khi Quang Trung “điên cuồng lên” vì một người vợ mất ở Phú Xuân[479].

Tấm lòng say mê đó đem đổ vào cuộc đời ông, nơi triều chính, nơi chiến trường biến thành một sức quyến rũ lôi cuốn mọi người. Dù Nguyễn Nhạc có ghét em đến dùng chữ “giảo quyết”, “hợm hĩnh”, “kiêu ngạo”, người ta vẫn nhìn hành động của Huệ để mà thấy các hình dung từ trên không có ý nghĩa xấu khi gán cho một con “hùm (muốn) ra khỏi cũi”. Trái lại, khi bàn về Nguyễn Huệ, Nguyễn Hữu Chỉnh đang ở thế đối địch, Nguyễn Đình Giản cứng cỏi đều nhận “Bắc Bình vương là một tay anh hùng”. Khi triều thần Bắc Hà họp lại để bàn việc cử người vào đòi Nghệ An, Phan Lê Phiên loại Nguyễn Đình Giản, Phạm Đình Dư, viện lẽ “Bắc Bình vương là người rất quyết, hay dùng trí thuật lao lung người khác, trong lúc bàn luận, khi xuống lại nâng lên người ta không biết đầu mà dò”. Trần Công Xán, viên sứ giả được đề cử sau lúc “luôn trong mấy hôm vẫn không cử được người nào”, cũng phải e dè nhận rằng kẻ mình phải thuyết là “người huyền bí khó lường”[480]. Thận trọng dè dặt không vào thăm Lê Hiến Tông bệnh, dùng lý đó để bắt lỗi Lê Duy Kỳ sao không đợi ông vào hãy phát tang, Nguyễn

Huệ thực đã hành động có chừng mực, có tính toán khiến bọn Lê thần phải nể sợ vậy.

Những chiến thắng của ông càng đưa ông lên cao trên đài danh vọng. Một cung nhân ở Thanh Hoá trong dịp Ngô Văn Sở chặn núi Tam Điệp hẳn đã thấy cả hùng khí của Tây Sơn nên bày mưu cho Lê Thái hậu mà kỳ thực tóm tắt được cả dư luận Bắc Hà lúc bấy giờ đối với viên tướng “hang núi”:

“Nguyễn Huệ là bậc lão thủ hung tợn và giỏi cầm quân. Coi y ra Bắc vào Nam thật là xuất thần quỷ nhập. Không ai có thể dò biết. Y bắt Nguyễn Hữu Chỉnh như bắt trẻ con, giết Vũ Văn Nhậm như giết con lợn, không một người nào dám trông thẳng vào mặt. Nghe lệnh y, ai cũng mất cả hồn vía, sợ hơn cả sấm sét ... ”[481].

Kẻ thù của Tây Sơn ở phương Nam, tuy phải chui nhủi chạy trốn, tức giận vì vua chúa họ suýt diệt tộc trong tay Nguyễn Huệ cũng không thể nào nói khác hơn những lời khen lao được, tuy họ đã từng chê trách thậm tệ Nguyễn Nhạc. Sử quan viết: “Nguyễn Văn Huệ là em Nhạc, tiếng nói như chuông, mắt sáng như điện, giáo, kiệt, thiện chiến? ai cũng phải sợ ... Bốn lần đánh Gia Định, lúc ra trận đều đi trước, sĩ tốt hiệu lệnh nghiêm minh, thuộc hạ ai nấy dốc lòng vâng mệnh”[482].

Có thể nói Nguyễn Huệ đã dùng hào quang của mình mà che chở cho chế độ khi phong trào Tây Sơn đưa ông lên đài danh vọng. Bởi chế độ Tây Sơn quả đã phải đứng bấp bênh vì xây dựng trên một mâu thuẫn. Chúng ta đã nói rằng phong trào Tây Sơn xuất hiện vì sự giao thoa của hai nguồn năng lực lấy từ hai biến chuyển: một, bên trong là kết quả của tiến trình Nam tiến phối hợp với văn hoá phương Nam mấy trăm năm, và một, bên ngoài là sự kích động của văn minh kỹ thuật u tây trên đất Đại Việt.

Trong lịch sử của họ, Tây Sơn đã xô được Nam Hà rồi không tìm được đồng minh bên ngoài, bên trong lại hãnh diện vì sức mạnh quân lực, họ không tìm ra được cách tổ chức, khai thác những khả năng địa phương để

tâm phục lâu dài dân chúng. Quay ra Bắc Hà, họ lại chui đầu vào trong cái rối rắm mà người trước đã gỡ không ra vì sự căn cỗi của đất đai, vì không khí bảo thủ đã lâu đời, khó tẩy phá của sinh hoạt vua quan, dân chúng.

Chúng ta đã thấy cố gắng dung hoà giữa Tây Sơn và cựu thần Lê - Nguyễn. Nhưng sự vá víu ấy quả là tạm bợ. Bên trong chế độ vẫn chưa có sự hoà hợp. Nguyễn Thiếp chẳng hạn, tuy thấy được lối đào tạo nhân tài theo kiểu trích cú tầm chương không có ích lợi nên hô hào phục cổ. Nhưng cái giọng “tuần tự nhi tiến” quả cũng là giọng kinh văn. Không thể đòi hỏi Nguyễn Thiếp điều gì khác hơn một khi còn tồn tại cái không khí truyền thống Nho giáo đã hãnh diện có một Ngô Nho chẳng hạn, khẳng khái nói: “Đại thần vì nước gánh việc, kẻ sĩ vì người tri kỷ mà chết, đều là nghĩa nên làm như thế, ngoài ra tôi không còn biết có sự gì khác”. Chính các nho sĩ bảo thủ đã chê cười nho sĩ cải cách và giễu cợt lối học chữ Nôm do Quang Trung chủ trương.

Quân tướng Quy Nhơn cũng không chịu để lôi kéo đi xa. “Theo Chu tử”, nhưng phải dịch kinh, truyện ra chữ Nôm, thi cử lời Nôm, dụ tướng sĩ bằng chữ Nôm, điều tang viết lời Nôm[483]. Chúng ta cũng thấy các bức thư chữ Nôm của Nguyễn Ánh, đã nghe lời dụ ban cho tướng sĩ ở Gia Định (1800) [484], nhưng đó chỉ là phương sách tạm bợ nhất thời đối với họ Nguyễn. Trong khi đó Tây Sơn phải dùng chữ Nôm như một phương tiện diễn đạt tư tưởng chính thức, hợp với sự hãnh diện của họ. Có những tờ chiếu, sắc thần[485] bằng chữ Hán trong triều đại là một mĩa mai cho quá khứ của họ, nhưng cái thế cô lập với ảnh hưởng phương Nam mà từ đó họ phát xuất khiến họ đi dần vào trong không khí các trào cũ.

Sự lưỡng lự đó làm nên yếu kém của Tây Sơn. Tất nhiên việc Chiêu Thống còn ở Trung Hoa, việc Nguyễn Ánh hùng cứ phương Nam ảnh hưởng phần nào vào sự quyết định hợp tác với Tây Sơn của các cựu thần Nguyễn - Lê. Nhưng bản chất bấp bênh của chế độ Tây Sơn cũng khiến người ta ngần ngại hợp tác, nếu không là chống đối lại.

Quân tướng Tây Sơn trong vai trò chủ động nắm vận mệnh của vùng đất họ chiếm cứ cũng tung hết khả năng trong một cố gắng cùng cực để biến đổi xã hội đang cuốn hút họ theo một khuynh hướng thoái trào. Những biện pháp mạnh mẽ đã tung ra để bảo đảm thi hành cải cách hầu như đều có kèm với sự phô trương quân lực. Triều đại Tây Sơn, do đó, có bản chất quân phiệt và chỉ có thể tồn tại bằng chế độ quân chính của họ thôi. Thực ra đám võ tướng cũng chứng tỏ được họ là những người kiêu mẫu của thời đại mới. Kiêu căng, quen dùng uy quyền đàn áp, họ khiến cho những người Anh đến thăm năm 1793 phải phàn nàn cho đời sống của người dân. Nhưng phái bộ Macartney cũng phải công bình mà nhận rằng bọn võ tướng ít hư hỏng hơn bọn văn quan[486]. Thêm một chứng cứ rằng bên dưới sự thanh liêm tương đối của quân đội, có một tình trạng suy đồi xã hội mà những sức phản kháng tiềm tàng có thể lợi dụng được.

Nhưng bọn võ tướng từng vào sanh ra tử vốn chỉ chịu phục tùng người chỉ huy của họ thôi. Nguyễn Huệ cùng trưởng thành với họ, với thiên tư, với tài năng đã cai trị họ cũng như thần dân dưới quyền bằng sức mạnh của khiếp phục. Do uy quyền đó mà Nguyễn Huệ đã thi hành những cải cách có khi động chạm đến cả đời sống tinh thần của dân chúng như khi tiếp tục thi hành “phụng truyền” của Nguyễn Nhạc sai phá các chùa chỉ chứa mỗi tổng một ngôi mà thôi[487]. Giáo sĩ Labartette ở Bồ Chính hơn ai hết, có đủ những điều mắt thấy tai nghe để phán đoán về chế độ Tây Sơn. Ông nói: “Một ông vua dù có ản ý thế nào với tôn giáo có lẽ cũng thi hành một cách nhẹ nhàng vì những lý do chính trị. Ông chắc phải sợ bất mãn gây ra loạn lạc. Không bao giờ ông có thể có đủ sức mạnh để làm điều mà bọn này (Tây Sơn) đã làm. Chỉ trong một khoảng thời gian ngắn, họ đã quét sạch xử sở khỏi những lạm dụng nhơ nhuốc: không ai dám rục rịch hết”[488].

Có lẽ biết đến vai trò - không chắc quyết định - nhưng quan trọng của ông trong sự sinh tồn của triều đại, nên Quang Trung, trước khi mất ngày 29 tháng 7 Nhâm Tý, giờ Dạ Tý (11-12 giờ khuya 16-9-1792)[489] đã đòi Trần Quang Diệu về trời trần, dặn chôn cất cho mau nội trong một tháng rồi

dời kinh về Phụng Hoàng Trung đô. “Nếu không, quân Gia Định kéo tới, các người sẽ không có đất mà chôn đâu”[490].

Đứa bé mới lên, “đồ sự du hí”, làm gì biết đến sự cần thiết của những biện pháp khẩn khe. Cho nên bãi lệnh mang tín bài, bỏ lệnh bắt dân lậu[491], việc làm tuy tiếng là nhân ái mà kỳ thực chứng tỏ triều thần Tây Sơn thiếu chủ tướng đã trở nên giải đãi, dắt nhau vào con đường cầu an, đem thêm nguy vong cho chế độ vậy.

Chế độ phân phong cho anh em đã thấy có nhược điểm ở Trung Quốc là khi trung ương không mạnh thì quốc gia dễ tan rã. Cho nên, vào năm 1793 ai cũng biết là Quang Thùy muốn độc lập với Quang Toàn. Rồi loạn lạc nổi lên, nhất là ở Bắc Hà. “Xứ xứ tịnh khởi”, thật sử quan vẽ được trong lời, sức phản động bày tỏ khi Nguyễn Huệ chết. Ở Gia Định, tháng 7-1792, người ta còn hoảng hốt vì “tên giặc ở Huế mạnh hơn bao giờ hết và chắc chắn hẳn sẽ bóp chết Vua”[492], nhưng cùng tháng năm sau, người ta vui mừng “kẻ thù vẫn còn, nhưng lực lượng họ yếu kém thấy rõ”[493].

Cho nên Ngọc Hân than khóc chồng mà như thay cả triều đại Tây Sơn khóc chúa tể:

“Nghe trước có đấng vương Thang, Võ,

“Công nghiệp nhiều, tuổi thọ thêm cao,

“Mà nay áo vải, cờ đào,

“Giúp dân dựng nước xiết bao công trình! ...

“Công đường ấy mà nhân đường ấy,

“Cõi thọ sao hẹp bấy hoá công

“Rộng cho chuộc được tuổi rồng,

“Đổi thân ắt hẳn bỏ lòng tôi người”.

Tuy nhiên sự tan rã không phải đến tức khắc. Mười bảy ngàn quân và 80 voi ồ ạt vào cứu viện Quy Nhơn còn đủ hung hăng để người ta tăng quân số gần gấp đôi: 30.000 người, hay như Lelabousse nói 5-60.000 người.

Nhưng thành Chà Bàn không mất vào tay Nguyễn Ánh thì cũng mất vào tay Phạm Văn Hưng. Quân cứu viện đến trước thành thì thấy cửa đóng. Họ lên tiếng đe dọa thì Nguyễn Nhạc nhắm không đủ sức giữ nổi nữa nên đã mời họ vào. Tiếp sau đó là những cử chỉ nhường nhịn giả dối. Nhạc tuyên bố nhường ngôi lại và chỉ muốn sống như người thường thôi. Ban đầu họ không nhận, mời ông lên lại trên ngai ngôi để họ lạy, nhưng ông từ chối. Vài tháng sau (13-12-1793), ông mất đi, người ta nói, “vì buồn rầu và xấu hổ”. Nguyễn Bảo, con Nhạc được phong làm Hiếu công, ăn lộc huyện Phù Ly[494].

Như vậy là từ nay Nguyễn Ánh phải đối đầu trực tiếp với Phú Xuân. Việc Nguyễn Nhạc chặn giữ Quy Nhơn ngăn giúp được cho Gia Định sức mạnh của Tây Sơn miền Bắc trong khoảng vài năm đủ để cho Nguyễn Ánh chinh bị quân tướng. Tuy bây giờ thực là muộn, nhưng quân đội còn giữ được hăng hái và sức mạnh đã không chịu để Nguyễn Ánh đe dọa mình.

Cho nên, tháng 3 Giáp Dần (1794) Quang Toàn lại phái Thái úy Phạm Văn Hưng và Tổng quản Trần Quang Diệu vào Quy Nhơn[495]. Bốn vạn quân của Hưng mới tới Phú Yên thì Nguyễn Văn Nhân bỏ chạy mặc dầu đã có lời dặn của Hoàng tử Cảnh lúc bấy giờ ở Diên Khánh bảo phải giữ.

Một đạo quân Tây Sơn theo đường núi vòng xuống Ba Ngòi định để chặn lương Diên Khánh từ Gia Định chuyển ra bằng đường bộ vì 4 vạn vuông lúa do Nguyễn Văn Thành tải bằng đường thủy mắc ngược gió không ra khỏi Vũng Tàu. Ngày 28-4, 300 thuyền Diệu vào Nha Trang. Ngày 2-5 đã có bộ binh Hưng và 50 voi vào Bình Khang vây kín 3 mặt thành Diên Khánh - Bên trong chống giữ là Bá-đa-lộc và Hoàng tử Cảnh với lời dặn dò

của Nguyễn Ánh lúc ra đi nhắc nhở sự quan trọng của ngôi thành: “Ta đêm ngày hao mòn, từng phải cay đắng mới được chút đất này đó”[496].

Bảy ngàn quân bên trong chống với 40.000 quân bên ngoài. Trên thành Bá-đa-lộc cho đặt thêm nhiều đại bác giả làm nghi binh. Quân Diêu ở ngoài bắn đại bác vào không hiệu quả mới đắp lũy đất vây quanh. Trong gần một tháng không bỏ thành theo lời Nguyễn Ánh, Diên Khánh đã tiêu hao quân địch bằng cách đột kích khiến họ bị chết và phải sợ hãi. Trận lớn nhất và cuối cùng là vào ngày 21-5, quân Gia Định có 7-8 người chết cùng hơn 60 người bị thương. Bên ngoài có các tướng Mạc Văn Tô, Nguyễn Đức Thành ở Ba Ngòi, Nguyễn Long trên vùng núi. Nguyễn Văn Thành lôi Nguyễn Văn Nhân bỏ Long Cường (gò Rồng?) tới đóng Phong Lộc, cầu Dài sát vòng vây Tây Sơn.

Ngày 23-5, Tây Sơn rút lui. Nguyễn Ánh đường thủy và Hoàng tử Cảnh, Nguyễn Văn Thành đường bộ, lên đường truy kích địch ngay sáng hôm sau.

Thực ra Cảnh và Bá-đa-lộc ở xa trận địa đến hơn một giờ đường[497], nhưng khi Tây Sơn rút lui về đồng Cây Cầy, hai người cũng trải qua nhiều vất vả. Đi trước có Võ Tánh, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Long, Võ Văn Lượng, Mạc Văn Tô, Nguyễn Văn Tính, Nguyễn Văn Lợi tập kích sau lưng Tây Sơn. Con đường Hà Nhao, An Tượng men theo các hẻm núi không thể nào đi ngựa hoặc đi cáng được mà nhất định phải đi bộ và người mệt không tả được như Bá-đa-lộc đã than.

Nguyễn Ánh tới Thi Nại bèn sai Tôn Thất Hội đánh lấy Tiêu Cơ (Gành Ráng?), làng Mai lấy được 40 đại bác cùng khí giới khác. Đổi lại, Phó tướng Tiền quân là Nguyễn Văn Thư trúng đạn chết.

Thủy quân Gia Định mạnh mẽ thấy rõ. Trên núi Tam Toà, Tây Sơn bị cai cơ Nguyễn Đình Đắc bắt đến 800 người. Trần Quang Diêu, Đồng lý Nguyễn Văn Thận đem 8.000 binh đến bãi Nhạn, vũng Tham liền bị đánh

tan. Chỉ có quân Phạm Văn Hưng, Thống lĩnh Đặng Văn Chân đóng trong cửa Thi Nại là ráng cầm cự. Hoàng tử Cảnh xin hợp binh tiến đánh quân Hộ giá Nguyễn Văn Huân đóng ở Vân Sơn[498], quân Kiểm điểm Trần Viết Kết đóng ở Hà Nhao. Nguyễn Ánh chỉ bảo giữ chắc ở La Hai, Hà Nhao, tăng thêm binh giữ Cù Mông bởi vì ông tin rằng khi thủy binh thắng thì bộ binh Tây Sơn sẽ tự tan rã ngay.

Tháng 6 âm lịch năm đó, Thủy quân của Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Văn Nhân ra đánh Tây Sơn ở cửa An Dụ lấy thuyền lương rồi ra đến cửa Đại Cồ Lũ (Quảng Ngãi) đánh kho Phú Đăng, đuổi Tiết độ Nguyễn Văn Giáp chạy, lấy lương rồi trở về. Trên bộ vừa được một tin quan trọng: quân Cảnh tìm được đường rừng đi vòng đến núi Chúa nơi đóng quân của Tây Sơn. Nguyễn Ánh vội sai Phạm Văn Triệu, Olivier, Trần Văn Tín, Lê Văn Duyệt, Cao Văn Lý, Nguyễn Văn Tồn với đội Xiêm binh (lính Miên) cùng Trương Văn Phụng tới tăng cường. Quân Cảnh lên đến tập kích phá quân Tây Sơn ở Hà Nhao, đồng Cây Cầy, núi Chúa bắt hơn 3.000 người, đuổi Trần Viết Kết chạy. Nguyễn Văn Thành vội vã truy kích bị phục binh phải rút về Hà Nhao. Sử quan không nói rõ hơn về số thiệt hại, nhưng chắc đó là cơ chính yếu để Ánh rút quân vì thủy quân ông cũng không thể phá vỡ cửa Thi Nại để lên núi tiếp cứu bộ binh được.

Tháng 6 âm lịch Hoàng tử Cảnh dẫn binh về trước, tháng 7 Nguyễn Ánh cho người giữ Phú Yên và tháng 9 thì về đến Gia Định sai phái Võ Tánh ra trấn Diên Khánh.

Quân Nguyễn rút thì Tây Sơn cũng theo chân mà tràn vào. Tháng 10, Trần Quang Diệu và Tư lệ Lê Trung đuổi Nguyễn Long và Võ Văn Lượm chạy về Bình Khang. Hai tháng sau thì họ tiến mạnh vào. Chuyển này Tây Sơn tỏ rõ quyết tâm và khôn ngoan mở rộng ngoại giao: họ đem vàng bạc qua cầu thông với Xiêm để cô lập Gia Định.

Nguyễn Ánh nghe Võ Tánh cho tin quân Tây Sơn đến địa đầu Bình Khang nhưng không thể làm gì hơn vì gió bắc thổi mạnh. Ông chỉ khuyên nhủ Võ

Tánh cố thủ và cho Lưu thủ Bình Thuận Nguyễn Văn Tính lo tăng viện, đồng thời cho Nguyễn Huỳnh Đức làm chánh, Nguyễn Văn Thành làm phó, kéo quân đóng Phan Rang.

Trần Quang Diệu lãnh phần đánh Diên Khánh. Lê Trung tiến sâu hơn chiếm Du Lai, đuổi Võ Văn Lân được lệnh giữ đó từ tháng 10. Nguyễn Văn Tính tăng viện Diên Khánh không được phải quay về.

Trong tháng cuối năm Giáp Dần (đầu 1795). Trần Quang Diệu cố tìm cách tuyệt đường lấy nước của Diên Khánh nhưng không được. Thành này một lần nữa lại chứng tỏ khả năng phòng thủ của nó. Tây Sơn kéo lên ồ ạt bị súng trên thành bắn xuống lẫn ra chết rất nhiều. Diệu lại phải đắp thành đất vây quanh và sơ hở để bị tập kích chết mất Đốc chiến Định. Tuy nhiên trong thành bắt đầu thiếu muối ăn, Đội trưởng Nguyễn Văn Trứ phải đang đêm lén trốn khỏi vòng vây chạy về Gia Định cáo cấp.

Trong khi đó, Tây Sơn Lê Trung tiến đánh Phan Rí khiến Nguyễn Huỳnh Đức phải lui về Phố Hải. Nguyễn Ánh vội sai Đức về giữ Ma Ly trao quyền cho Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Tính, Mạc Văn Tô ở lại chống giữ.

Đầu năm Ất Mão (1795), Tôn Thất Hội đem binh ra Phố Hải, Phan Rí ngăn Tây Sơn. Nhưng Tây Sơn kéo quân đến đuổi Nguyễn chạy về Bà Rịa. Đây là lần cuối cùng Tây Sơn xâm nhập sâu vào nội địa quân Nguyễn nhất. Nguyễn Ánh tức giận cách chức Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Văn Thành, bắt trao quân cho Tô Văn Đoái để ông này theo Tôn Thất Hội giữ Ma Ly. Mặt khác, quân Miên dưới quyền Nguyễn Văn Tồn cũng được đem từ Mang Thít lên đóng ở Bà Rịa án ngữ.

Tuy gió còn ngược, Nguyễn Ánh cũng để Hoàng tử Cảnh giữ Gia Định, tự đem quân cứu Diên Khánh. Và cũng như những lần khác, thủy quân cũng làm thế nường tựa cho quân bộ. Tôn Thất Hội đem bộ binh đi Phan Thiết thấy Lê Trung còn ở Phan Rí nên đóng lại Xuy Miệt. Trong khi đó, Trương

Phúc Luật đem thuyền đến Ý Na đánh kho Phan Rang lấy gạo, còn Tống Việt Phúc thì phá thủy binh Tây Sơn từ vùng Diên kéo tới.

Tháng 3, Nguyễn Ánh đến cửa Cầu Hin bắn đại bác cho Võ Tánh biết tin cứu binh rồi đi ra Sử Châu (Phú Yên) phân binh chiếm Phú Yên để chặn đường về của Tây Sơn. Ông cho Võ Văn Lượng giữ núi Gian Nan, Mai Tấn Vạn, Nguyễn Văn Nguyên chiếm Thạch Thành rồi phân ba đồn dài từ núi Cổ Ngựa đến Đại Lãnh (đèo Cả)[499]. Từ Phú Yên, ông tiến quân ngược về Nam, qua Hòn Khói, sai Nguyễn Văn Đắc đánh lũy Lạp Trường[500], giết Đô đốc Gia, Binh bộ Tấn chiếm lĩnh Bình Khang.

Binh thế hai bên bây giờ thực đã đến lúc cài nhau mà tranh chiến. Lê Văn Duyệt, Nguyễn Đức Xuyên tiến phá thêm lũy Lò Đúc (Dã Lô) trong khi Lê Trung ở Bình Thuận đánh Xuy Miệt không thành.

Tháng tư, ở Phú Yên, Võ Văn Lượng, Mai Tấn Vạn mộ được dân Thượng hai đầu đánh ép Đô đốc Tây Sơn là Nguyên, Phượng, Quế ở sông Đà Rằng[501]. Phượng bị chém, còn bao nhiêu chạy về Hội An. Đánh lâu lương thiếu, Ánh sai Hoàng tử Cảnh bắt điền hộ nạp thêm một kỳ thuế, lính không đi đánh giặc nạp mỗi người hai vuông gạo. Lê Trung cũng thiếu lương đưa thư cầu cứu Trần Quang Diệu thì người đưa tin bị bắt. Phan Rang bị quân Nguyễn chiếm nhưng chỗ đóng binh xa đường thủy, mất thế tựa nên Tây Sơn lại đến đuổi chạy về Ba Ngòi.

Hai bên vẫn còn dằng co nhau. Tôn Thất Hội chiếm sông Luỹ thì Lê Trung ở sông Cạn[502]. Thượng đạo Tướng quân Nguyễn Long đem quân xuống khe Sương làm thế ỷ giác cho Diên Khánh để Võ Tánh lên ra đốt trại Lê Văn Lợi từ núi Sĩ Lâm đến cầu Hoa Vông. Nhưng Tây Sơn vẫn còn vây chặt, đủ mặt Tổng quản Trần Quang Diệu, Nội hầu Lê Văn Lợi, Tiết độ Nguyễn Văn Giáp, Đồng lý Nguyễn Văn Thận, Kiểm điểm Trần Viết Kết, nếu không có một việc vừa xảy ra ở Huế giống hồi chuông báo tử cho quân tướng Tây Sơn.

Như chúng ta đã phân tích ở trên, Nguyễn Huệ mất đi, bọn quân tướng quen dưới quyền sai phái của một người chỉ thấy lệ thuộc nhau như những kẻ ngang hàng mà thôi. Cho nên ta đã thấy Nguyễn Hữu Chỉnh hục hặc với Vũ Văn Nhậm, Nhậm khinh lờn Ngô Văn Sở đem đến kết quả thảm thương. Đến bây giờ, Thái sư Bùi Đắc Tuyên mà tên chưa từng nghe đến trong chiến trận và tuổi đến 80 thì làm sao cai trị nổi bọn võ tướng dày dạn, sung sức?

Đắc Tuyên từ khi làm Thái sư thì lấy Thiên Lâm tự làm phủ riêng, mọi việc triều chính đều xét xử ở đây (Rõ là lối làm việc co rút của một ông già). Ông lại tự quyền sanh sát. Kẻ bất mãn tăng lên, lại có dịp để kết tụ âm mưu.

Trần Văn Kỷ trên đường phát phối ra Bắc Thành gặp Vũ Văn Dũng ở trạm Mỹ Xuyên, bèn nói ít lời xúi giục. Dũng về Phú Xuân mưu với Thái úy Phạm Văn Hưng, Hộ giá Nguyễn Văn Huân giả tiếng đem quân tế cờ rồi thừa đêm tối ập tư dinh bắt Đắc Tuyên. Tuyên trốn trong phủ Quang Toản, Vũ Văn Dũng đem quân đến đòi, dìm nước cho chết. Ngô Văn Sở ở Bắc thành, Bùi Đắc Thận, con Tuyên, và Ngự sử Chương, hơn 10 người đều bị luy. Chưa hết. Vũ Văn Dũng còn để Nguyễn Văn Huân đem 500 quân trấn giữ Quy Nhơn[503] để án ngữ phản ứng của Lê Trung được coi là bè đảng Bùi Đắc Tuyên và cũng trông chừng luôn Trần Quang Diệu, người mà mối liên lạc thân tộc với Bùi Đắc Tuyên qua Bùi Thị Xuân thật không thể chối cãi.

Việc rõ ra là một mối nứt rạn thật lớn lao, đe dọa cả tương lai Tây Sơn.

Đang vây Diên Khánh, Trần Quang Diệu nghe tin, sợ vạ cho mình bèn họp các tướng bàn quay về dẹp loạn bên trong rồi sau sẽ trở lại. Nhưng quân Nguyễn đã chặn ở mặt sau chặn nơi Lão Lãnh, Đại Lãnh, Gian Nan Lãnh. Cuộc rút lui cũng thật là gian nan.

Tháng 6, Trần Quang Diệu không qua sông Thị Nghi được tuy có toán quân của Nguyễn Văn Huân được tiếng là vào Đà Nẵng để trợ thanh thế. Lê Trung ở Do Lâm[504] phải bại binh leo lên thuyền chạy một mình về Diên Khánh. Họ họp nhau tiến đánh Gian Nan Lãnh nhưng không qua được đồn binh của Võ Văn Lự chặn ở đó.

Trong khi đó, quân Diên Khánh ở trong thành đã bắt đầu mỗi mệ. Võ Tánh, tướng sĩ đều mắc bệnh. Quân Nguyễn phải lo tấn công gấp rút. Vị trí của Tây Sơn trên núi Kho không chiếm được. Nhân bắt được tên du binh Nguyễn Văn Nho của Tây Sơn xin đi làm hướng đạo, quân Nguyễn tổ chức đánh phá. Đêm đến, 300 người lội qua sông Ngự Trường[505] cởi áo bỏ lên đốt trại, theo sau có đạo binh hò hét tiếp sức. Thành Diên Khánh được giải vây trong dịp này.

Nhưng Tây Sơn vẫn chưa lui được. Gian Nan Lãnh có thêm quân Nguyễn Ánh giữ chặt. Trần Quang Diệu dẫn quân vây Tu Bông[506] bị súng lớn bắn cản đường tiến của voi. Vừa Nguyễn Văn Thành đem quân tiếp cứu, Tây Sơn bỏ chạy.

Rốt lại, Trần Quang Diệu theo đường núi Như Tráp mà về Quy Nhơn.

Đem quân về thẳng An Cựu, Diệu đóng quân bờ nam sông Hương. Vũ Văn Dũng mang quân bản bộ cùng Nội hầu Tứ lấy lệnh Vua chống lại. Cả hai đều sai dâng biểu lên Quang Toản tố cáo tội lỗi lẫn nhau. Sứ Vua ra bảo 2 người vào chầu thì họ đều xin y như lời biểu của họ đã rồi nhiên hậu mới bỏ quân. Tình thế đương căng thì Phan Huy Ích đã thảo một tờ chiếu giảng hoà[507]. Lý luận thuyết phục nhằm vào việc làm cho hai tướng nhận rõ mỗi nguy hại từ bên ngoài đưa tới, nhận rõ vai trò trọng yếu của họ trong việc giữ gìn, chống đỡ chế độ, trách họ đã đem việc công làm việc riêng, không chịu để triều đình thu xếp mà lại dùng binh ép Vua phải làm theo lời họ. Mềm mỏng, chặt chẽ, nhưng tờ chiếu cũng lộ ra mỗi lo sợ tan rã của kẻ chỉ huy yếu ớt khi nhắc đến việc bỏ qua tội bất tuân triều mệnh, phân trần không có lòng hại tướng thần và dè dặt chặn trước việc có thể xảy ra là hai

bên mang quân bản bộ bỏ đi. Thực là quá xa cái thời Quang Trung đòi “giết hết những kẻ nhĩ tâm, không tha một người nào”.

Người chết không sống dậy được thì người sống phải tự lo. Cuộc triều kiến đưa đến kết quả giảng hoà. Bốn người chia nhau quyền binh làm Tứ trụ đại thần.

Theo nhận xét của người đồng thời, “họ đều là những tay có tài trị nước, can đảm và được dân chúng tín nhiệm”[508]. Nhưng đổ vỡ đã xảy ra rồi thì khó hàn gắn được. Người chịu nạn trước tiên là Trần Quang Diệu, viên tướng biên thủy mà ở Kinh đô thì như con chim bị cắt cánh. Ông bị dèm pha, tước hết binh quyền chỉ còn cái chức hư không ngày đêm bên điện. Tướng sĩ tan rã, chán nản tới nỗi có kẻ lộ manh tâm hàng đầu như Lê Chất (1797) mà Lê Trung chỉ tìm cách cảnh cáo chứ không trừng trị hay ít ra tìm cách loại đi để bớt hại.

Thế rồi loạn Nguyễn Bảo làm chết Lê Trung. Thượng thư Hồ Công Diệu dèm pha chết Thiếu bảo Nguyễn Văn Huân. Trần Quang Diệu, Vũ Văn Dũng kết phe với Lê Văn Thanh định hại sủng thần Lê Văn Ứng của Quang Toản. Tất cả những rối loạn đó xô đẩy nhà Tây Sơn mau sụp đổ hơn, nhưng đều đã hiện ra từ đêm 29-7 Nhâm Tý lúc một ngôi sao vừa tắt vậy.

Tiết 17

DAO ĐỘNG Ý THỨC HỆ Ở GIA ĐỊNH

Cơ sở tín ngưỡng và đại giá của tiếp viện Tây phương ở Gia Định * Dao động ý thức hệ và cuộc tranh chấp quanh cá nhân Hoàng tử Cảnh * Ảnh hưởng cuộc tranh chấp tương ứng với việc tổ chức quan lại * Ảnh hưởng cuộc tranh chấp tương ứng với tiến triển quân sự.

Trong phần bàn về sinh hoạt tinh thần của dân chúng đương thời, ta đã điểm xét qua những tín ngưỡng. Chúng ta đã nói đến Thần giáo, Phật giáo

bị Nguyễn Ánh ngăn chặn hoạt động. Nhưng điều đó một phần có nghĩa là chính quyền trừ khử bớt những hành vi tiêu cực cản trở việc tổ chức xây dựng Gia Định: Bắt bà đồng bỏ nghề đi xay lúa, giã gạo, cũng như bắt người Miên làm biếng ham chơi phải đi lính.

Cho nên cơ sở tín ngưỡng thông thường của dân chúng vẫn còn vững chắc. Thái hậu, Hoàng hậu sinh ra Hoàng tử Cảnh đều có thờ Phật. Cuộc sống tu hành khuất lấp, dửng dưng, có vẻ vô tội đến nỗi một người điếm chỉ cho Ngô Văn Sở đi bắt Chiêu Thống, đã tỏ cái dễ dàng của công việc bằng một câu ví tức cười: “Như vào chùa trói một lão sư đi mà thôi”[509].

Chính yếu của tín ngưỡng đó là sự tin vào con người có linh hồn, không phải là một thứ linh hồn vô tội, như một xuất hiện của bản ngã mà là một thứ linh hồn có quyền phép, có xúc cảm. Tín ngưỡng đó, ta còn thấy chung quanh ta, nhưng nghe một L.M tả cảnh xài phí của đám chuyển linh cữu Trịnh Sâm về Thanh, ta biết rõ hơn những điều đã gây ngạc nhiên cho người ngoại quốc:

“Vào tháng giêng 1783, người ta mang xác Chúa đến mộ, xa kinh thành vài ngày (...). Người ta khó mà tưởng tượng được đã tiêu phí như thế nào cho đoàn rước ấy. Ngoài một số nhiều bàn dọn ê hề mọi thứ đồ ăn cúng cho người chết mỗi ngày nhiều lần và phải suốt 3 năm theo tục lệ người ta thấy khắp chỗ vải vóc, tơ lụa quý báu để trang trí phần mộ và những cơ sở mê tín xây lên cho người chết.

Vàng lóng lánh trên ghế, trên kiệu, và trên mọi đồ dùng tang lễ; nhiều chiếc thuyền lớn đều lát vàng. Tất cả những gì tráng lệ đó cũng như tất cả những đồ dùng thường ngày của Chúa đều thiêu đốt đi để Chúa dùng bên kia thế giới”[510].

Thế giới đó, nơi trú ngụ của linh hồn người thường dân, là địa ngục, là âm phủ. Thế giới chúng ta sống là hạ giới. Khoảng vô hình quanh ta có những con ma ở kinh Đô, Ma trên ghẹo quân lính Tây Sơn, con tinh, ông thần phò

hộ cho người chài lưới Đà Nẵng được mùa cá. Còn linh hồn Trịnh Sâm chắc là lên thượng giới, nơi có Thượng đế, ông trời với cả một triều đình y như dưới này vậy.

Trên mảnh đất Đại Việt những bè phái có chống đối, chém giết nhau nhưng cũng đều chia xẻ tin tưởng ấy, rõ ràng hay mơ hồ, tràn trề tình cảm tôn kính sợ hãi hay cứng cỏi trong lý luận là còn tùy từng người. Nguyễn Ánh và Trịnh Hoài Đức đều ý thức rõ ràng nước ta không lấy Phật giáo làm quốc giáo như Xiêm mà gọi vua là Thiên tử, Thiên vương. Nguyễn Nhạc của Tây Sơn, giản dị, xuề xoà hơn, để cho dân chúng góì mình là “vua Trời”.

Những ngày còn cướp bóc, phải phá nhà thờ, lấy chuông chùa, Tây Sơn vẫn giữ tục lệ thông thường như L.M Ginestar cho biết: “Bọn vô thần cấm tất cả mọi tôn giáo hành lễ trừ đạo đời Lê, nghĩa là đạo Trời dạy những gì là thiện và những phép tôn trọng tổ tiên”[511].

Chiếm được quyền rồi, họ chấn chỉnh đạo Phật nhưng cũng khoan dung với Thiên Chúa giáo, tuy rằng những khó khăn từ ngoài đưa tới và thái độ hướng về cựu Nguyễn của các giáo sĩ sẽ làm cho họ dè dặt hơn. Triều đại họ, như đã phân tích, vẫn phải kiểm lấy sức mạnh ngoài ảnh hưởng Tây phương, ảnh hưởng mà họ cố gắng thu nhận cho hợp một phần với bản chất thương mại nội địa của tập thể họ dặt dằn lúc ban đầu. Họ đã thất bại trong toan tính đó và kỹ thuật Tây phương lại dồn về cho một ông Hoàng còn sót lại của chúa Nguyễn Nam Hà. Chúng ta đã thấy sự hiện diện của người Tây phương, thương nhân cũng như giáo sĩ ở Gia Định. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, nước Đại Việt thu nhận một giám mục cố vấn cho Vua, trông coi Chế tạo cục, có các giáo sĩ giảng đạo công khai, theo quân đội chiến thắng thu tìn đồ ở những vùng mới chiếm (trường hợp các giáo sĩ Lavoué, Boisserand, Lelabousse ở Diên Khánh năm 1794)[512], có các binh sĩ u xây đắp thành trì, huấn luyện sĩ tốt, xây dựng một cơ cấu thủy quân làm mưa làm gió trên mặt biển Đông, loại trừ các thủy quân địch lẫn bọn giặc cướp Mã Lai, Tàu Ô làm trở ngại giao thương trên mặt biển[513].

Nhưng họ ở đây mang một nề nếp sinh hoạt, suy tưởng khác hẳn với chung quanh. Họ kiêu hãnh với kỹ thuật quân sự, tổ chức tiến bộ hơn nên thường tỏ thái độ kẻ cả - thái độ tuy vậy cũng được biện chính một phần nào. Đối lại, Nguyễn Ánh cùng binh tướng cũng đã từng chiếm được Gia Định trước khi họ tới, nên ý thức được địa vị chủ nhân ông của mình, khẳng khẳng bám lấy tin tưởng có sẵn. Cho nên trong khi Tây Sơn đang ở thế tan rã thì Gia Định cũng trải qua một cuộc khủng hoảng vì sự lớn lên của họ. Cơ khủng hoảng bắt đầu kín đáo từ 1789 nhưng bùng nổ quyết liệt vào 1794, 1796 và lan đến 1798, 1799.

Đầu tiên phải kể đến phản ứng trong dân chúng. Ở nơi này cũng như ở nơi khác trên mảnh đất có chiến tranh này, các giáo sĩ đều ghi những trường hợp trở-lại-đạo từ một ông thầy phù thủy, cô gái quê đến một người cô (dì?) của Nguyễn Nhạc, và ở Gia Định, một bà thứ phi của Nguyễn Ánh. Nhìn sự tiến triển đó với cặp mắt khoan dung là một chức việc làng có uy tín, một người cậu của Quang Toản (Trần Quang Diệu?) “tay chiến tướng giỏi nhất trong phe từ Bắc Hà tới Nam Hà”, và chót hết, Nguyễn Ánh[514]. Nhưng đã có những chống đối.

Tây phương từng tìm cách khoe khoang khoa học của họ, như trường hợp của ông Boisserand làm nẩy tia lửa điện trước mặt các quan “như tay phù thủy”, bắn ít phát súng lục trong điện vua, thả một quả khí cầu, và như các giáo sĩ khác, có chữa một ít bệnh cho dân chúng. Do đó, người ta đồn rầm lên là các giáo sĩ móc mắt người bệnh ra, nhét bông vào đó và dùng mắt làm ngọc cùng các vật dụng đẹp đẽ khác. Một ông quan dám đoan chắc với Nguyễn Ánh là có việc ấy ở nhà thờ.

Sự chống đối vì khác ý thức sinh hoạt có khi được lồng trong cuộc tranh đấu Nguyễn - Tây Sơn. Đồ đảng Tây Sơn có người tên là Phó Tín từ Bình Thuận vào Vĩnh Trấn giả bộ cảm vì uống thuốc tây và quả quyết rằng người u mưu bắt dân Gia Định để móc mắt. Bị tra tấn mới lòi ra rằng người

u không can gì vào đấy hết. Có một người mượn anh ta với 80 người nữa để loan tin ấy ra. Phó Tín cùng 7-8 người đồng đảng bị giết[515].

Việc quấy rối Gia Định do chủ trương của một triều Tây Sơn yếu ớt như của Nguyễn Nhạc, sở dĩ xảy ra được vì chính đã gặp lúc dân chúng hoang mang, nghi ngờ. Hiện tượng này tất nhiên cũng có ở bộ máy trung ương.

Mọi cuộc tranh chấp ở đây xoay quanh việc giành giật linh hồn Hoàng tử Cảnh. Các quan triều cố giữ lấy đấng trừ nhĩ của họ trong khuôn khổ tư tưởng thịnh hành của quốc gia. Trong khi đó, các giáo sĩ, nhất là Bá-đa-lộc, hi vọng ở ông hoàng này tương lai sẽ thành một Constantin le Grand Đông phương.

Họ càng nhiều tin tưởng hơn khi Hoàng tử Cảnh qua 4 năm tuổi thơ sống bên Bá-đa-lộc, cũng như những đứa trẻ khác đã theo khuynh hướng tự nhiên mà hướng về Thiên Chúa giáo. Mới đặt chân về Gia Định, Cảnh đã tỏ lộ những tư tưởng, hành động gây rối loạn trong triều làm cho Pigneau, Lelabousse mừng nhảy lên, viết thư khoe khoang ầm ĩ[516] rằng “lòng thành kính của Cậu đối với Đạo càng ngày càng phát triển” và “ở đây cũng như ở Pháp, Cậu tiếp tục cho ta thấy hi vọng nhiều”.

Trong buổi lễ trình diện trước bàn thờ tổ tiên sau những năm vắng mặt, Cảnh nhất định không lạy “những con quý sú” vì “ông bà đã chết rồi không thể trở về hưởng được”. Cảnh có thể nghe theo lời Phụ hoàng lạy bất cứ ai còn sống chứ không thể theo các tục lệ mê tín đó được. Những đồ dành, hai ba cái tát tai của Hoàng hậu không lay chuyển được ý định đó và rốt lại Nguyễn Ánh phải lạy thay con mà cảm thấy ngượng trước triều thần vào con đường phản kháng, Cảnh vẽ hai dấu thập tự trên tượng Phật của Hoàng hậu mà kiêu hãnh rằng mình cũng như Phật đều từ Ấn Độ tới. Và ghép chung các tôn giáo khác vào đạo Thần tượng, Cảnh đã chỉ cho mẹ cậu trét phân bò trên tượng Thích Ca như cậu đã thấy làm ở một giáo phái nào đó.

Những tin tưởng của cậu bé 8 tuổi này có vẻ có căn bản lắm. Trong khi Hoàng hậu cho rằng chính cha cậu đã có quyền sáng tạo nên vạn vật, thì cậu nằng nặc quyết người đó phải là “Đức Chúa ở trên trời”, bởi vì rõ ràng là cha cậu đã không đẻ ngay được một bầy 2000 con voi để chống với 300 voi Tây Sơn. Cậu hứa sẽ lấy một vợ thôi, vì Chúa đã sinh “có bao nhiêu đàn ông thì có bấy nhiêu đàn bà”. Lúc đi ngủ, Cảnh lên đọc kinh lầm rầm. Pigneau không trực tiếp xúi giục mà lâu lâu lại dặn dò rằng đừng quên Chúa nhất là buổi chiều và buổi sáng. Chiến thuật khôn khéo đó được tung ra vì Pigneau thấy phản ứng của các quan, hoàng tộc và vì nó tỏ ra có hiệu quả ở lời đình ninh của Cảnh: “Tôi không muốn làm vua và tôi muốn mai này trở về Pháp ngay nếu không có ý định làm cho cả dân tôi trở lại đạo đã giữ tôi lại”.

Triều đình hoảng hốt, Nguyễn Ánh tức bực, nhưng già dặn, trầm tĩnh như bà Thái hậu thì thấy khác. Yêu quý cháu nội, ngăn không cho Hoàng hậu đánh con, bà nói: “Có gì lạ đâu con, thằng bé vừa mới về chưa nhận được chút giáo dục phong tục của ta, chỉ thấy toàn những điều trái lại thì làm sao nó làm theo lời ta bảo được. Để yên rồi lâu ý tưởng nó sẽ giống như của chúng ta”. Lelabousse bảo bà ta lắm. Nhưng thực vậy.

Hai năm sau, ông cũng như Pigneau hoảng hốt viết thư báo động[517]. Qua lời cầu xin của các quan, Nguyễn Ánh đem Cảnh về dạy dỗ. Ở giữa “một triều đình ngoại đạo, sống theo quy tắc của các thầy ngoại đạo, xung quanh có các viên Thượng thư Satan làm đủ cách để phá hoại sự vô tội của Cảnh”, cậu Hoàng tử này trở về đời sống khuôn khổ của tầng lớp và dân tộc cậu.

Ngày Giáp Dần, tháng ba, Quý Sửu (30-4-1793), Nguyễn Ánh làm lễ phong Cảnh làm Đông cung, xây Thái học đường, đặt Đông cung Phụ đạo dạy Cảnh học hành. Một Thị giảng Giáo sư, hai Hàn lâm Thị học phụ tá, tám Quốc tử giám Thị học làm bạn, sáng chiều nhóm giảng kinh sử. Hai người được kể làm Thị giảng là Trịnh Hoài Đức và Lê Quang Định. Và

chính Ánh bắt các quan ghi lời Cảnh nói, hằng tháng dâng lên ông kiểm soát để biết con học hành tấn tới ra làm sao⁴.

Tuy vậy, Ánh một mặt theo thiên tính, giáo dục vẫn quý trọng Bá-đa-lộc, một mặt cũng nhận thấy còn cần có người này để mở rộng kiến thức con mình, để giữ vững tinh thần quân sĩ, uy thế quốc gia, nên nhân dịp này bắt Cảnh lạy Bá-đa-lộc[518] lạy bảo đối đãi như bậc sư phó[519]. Tất nhiên sự hiện diện của Pigneau bên cạnh Cảnh cứ càng ngày càng làm cho các quan khó chịu. Cho đến khi nổ bùng ra vụ mà chúng ta gọi là vụ Tổng Phúc Đạm[520].

Cho Cảnh ra giữ Diên Khánh, Nguyễn Ánh có dụng ý bắt các tướng vì sự hiện diện đó mà không bỏ thành chạy khi Tây Sơn tiến đánh. Nguyễn Ánh cũng nài nỉ Pigneau đi theo để tăng uy thế. Trong đám tướng cùng ra Diên Khánh có Giám quân Tổng Phúc Đạm. Theo Liệt truyện, chính Đạm đã bày mưu dùng kế phản gián chia rẽ Phạm Văn Sâm và Nguyễn Lữ trước kia.

Pigneau nhận xét, bảo Đạm là người “ng nghiêm trang, trịnh trọng, cần mẫn và giản dị”. Trong 8-9 tháng cùng Pigneau thảo luận, trao đổi tư tưởng về Khổng giáo, ông đã bị Pigneau quyến rũ, đến nỗi tâu xin Vua bỏ một số nghi lễ ở Triều đình mà ông cho là mê tín, theo như quyết nghị của Giáo hội La Mã về “nghi lễ Trung Hoa”, đến nỗi sau khi giải vây mắc bệnh không về Gia Định được mà ông cứ nằng nặc quyết gặp Giám mục để phải bị chết dọc đường.

Muốn hiểu rõ thái độ này của Tổng Phúc Đạm đã gây xúc động cho các quan như thế nào, ta phải phân biệt trường hợp Hoàng tử Cảnh và trường hợp Tổng Phúc Đạm. Đạm là bậc huân cựu đại thần, tuổi đã lớn (59 tuổi lúc xảy ra chuyện), tư tưởng khuôn sáo đã thành nếp thể mà bị thuyết phục trong vòng không đầy một năm, thì cậu bé Hoàng tử sẽ ra sao nếu cứ luôn luôn ở bên Pigneau? Năm 1789 còn bảo Cảnh nhỏ bé, chưa từng ở quê nhà nên dễ nhiễm ý tưởng của Pigneau chứ rồi đây Cảnh càng ngày càng lớn,

càng độc lập trong tư tưởng đã được uốn nắn một lần rồi mà nay lại theo Pigneau thì nguy hại biết mấy.

Các quan, và cả Nguyễn Ánh nữa đã thấy đe dọa mất tin tưởng truyền thống, quyền lợi riêng tư, một khi Cảnh bị lôi kéo như Tống Phúc Đạm. Gọi là các quan bị đe dọa mất quyền lợi riêng tư, thực đúng như Pigneau đã nói. Nhưng ta cũng khó tách biệt rõ ràng phần tranh đấu cho quyền lợi và phần phản ứng nào bị thúc đẩy bởi va chạm tín ngưỡng.

Ngày Cảnh không lạy ông bà, Nguyễn Ánh đã tìm gặp Pigneau[521] để phân nân sao Thiên Chúa giáo dạy tín đồ quên ông bà. Pigneau cãi rằng: “ở xứ này, thờ cúng ông bà vì tin rằng ông bà nhận lạy, ăn cỗ bàn, phù hộ con cháu sống lâu, giàu có”. Vì lối thờ cúng đó nghịch với sự thực không được đạo ông công nhận là lễ tất nhiên. Nhưng Nguyễn Ánh biện bác rằng Pigneau chỉ bằng vào tin tưởng của dân chúng, lúc nào và ở đâu cũng đầy tính cách dị đoan hết. Sự thực ông tin rằng lễ bái chỉ là chứng cứ để cho con cháu nhớ ơn cha mẹ, ông bà: “Khi tôi đi đến các chỗ lễ đó, tôi nghĩ rằng nếu tổ tiên tôi còn sống, tôi muốn đền đáp công ơn trong muôn một. Để chứng tỏ ý nghĩ tôi chân thành và có hiệu quả, tôi muốn ngay bây giờ làm những điều như là ông bà tôi còn sống. Tôi biết rằng họ không còn nữa và những điều tôi sắp làm không có ích lợi gì cho họ cũng như cho tôi. Nhưng tôi muốn tỏ cho mọi người biết rằng tôi không quên họ”. Lý lẽ đến đây thì không còn thuần là tin tưởng mà lợi ích công cộng đã xen vào Tục thờ cúng ông bà có liên quan đến trật tự xã hội, uy quyền của Nguyễn Ánh.

Pigneau gọi là dị đoan lễ rước ông bà cuối năm, tục đốt vàng mã, lệ thờ thần chủ coi như là nơi trú ngụ của linh hồn người khuất. Nguyễn Ánh cho rằng không thể bỏ được vì sợ gây loạn. Ông nói: “Tôi đã cấm phù thủy, thiên văn, tôi đã coi đạo Thần tượng là xấu và sai, nhưng tôi phải giữ đạo thờ ông bà như tôi đã trình bày, vì theo tôi đó là một trong những căn bản giáo dục của xứ tôi”. Nguyễn Ánh xin Pigneau cho bọn tùy tướng Thiên Chúa giáo của ông được theo các cuộc lễ như mọi người, khỏi có hại cho

uy tín của ông. Chỉ có một chút đó thôi được thoả mãn là không ai ngăn họ tiến lên những địa vị cao cả.

Thế mà lời yêu cầu không được chấp thuận. Tám năm sau, Nguyễn Ánh trong một lúc muốn dùng áp lực bắt Pigneau ra Diên Khánh lần nữa, đã cưỡng ép một ông quan lạy bài vị các tiên chúa với lý luận: “Ta nuôi ông lâu rồi, ban ơn phúc danh vọng cho ông nhiều rồi, sao ông không chịu lạy các đấng khuất của Ta (...), ông không từng lạy các thánh sao? Họ cũng đã chết rồi và không trở lại nữa. Ta cũng không tin rằng ông bà Ta hiện có trong đền, rằng họ có thể trở về đó ăn uống, nhưng chỉ lạy để tỏ lòng biết ơn của Ta trước mọi người thôi (...). Ông muốn Ta gọi đi Xiêm để phật vương bắt lạy Phật không?”[522]. Điều khó khăn này các giáo sĩ cũng thấy là tế nhị. Những bức thư gửi đi[523] đều lưu ý đến tính cách tế tục, không có ý nghĩa tôn giáo của việc lạy xác, thờ cúng, và họ vạch ra rằng ở Pháp vua chết đi được liệm tử tế, đơm cơm để vài ngày mà không ai cho là mê tín cả.

Ông Boisserand kể lại cuộc hội đàm 1789 trên của Nguyễn Ánh, Bá-đa-lộc và tiên đoán rằng nếu người ta bài bác “thì sự thù hằn tăng thêm và mê tín càng vững chắc”. Các giáo sĩ lại chống đối tất cả những tục lệ có sẵn mà họ cho rằng theo “nghĩ lễ Trung Hoa”. Ngày đầu năm, mỗi vùng đều có góp tiền “theo dị đoan” để làm lễ Kỳ Yên, cầu cho quốc thái dân an. Pigneau sai Liot đề nghị hai người có uy tín, có ơn cũ với Nguyễn Ánh đến xin miễn cho những người Công giáo khỏi bị rầy rà, thì được trả lời theo kiểu “phép vua thua lệ làng”: “Nếu các nơi không đòi người Công giáo phải nộp tiền thì tùy họ, nhưng nếu họ bắt buộc thì họ có quyền vì đó là tục lệ lâu đời rồi”. Chưa hết, trong khi Pigneau đi Diên Khánh với Lavoué, Boisserand, Lelabousse, Nguyễn Ánh có sai trùng tu Văn Miếu, các giáo sĩ họp lại cử Hồ Văn Nghị và J.Liot vào tàu Hoàng hậu xin góp tiền cho quốc gia chớ không góp tiền xây cất Khổng miếu. Nguyễn Ánh bác đi vì cho rằng đó là dịp mọi người trả ơn cho người sáng lập, dạy dỗ đạo lý chữ nghĩa. Ra về, các giáo sĩ gửi thư đi các nơi bảo “cương quyết” không nạp. Liot ở lại thúc

đây tinh thần các quan. Nguyễn Ánh phải chịu bỏ qua trường hợp một viên tướng cứng đầu. Và ở trong dân gian, các tín đồ cũng noi theo gương đó mà cường lại[524]. Uy quyền vị chúa tể bị xâm phạm nặng nề.

Như vậy, luôn luôn có những ganh ghét, thù hằn ngấm ngấm sôi sục. Nó chỉ bùng nổ khi bọn sĩ phu Gia Định thấy bị đe dọa thật sự. Đó là khi Tổng Phúc Đạm xoay chiều. Và khi họ tấn công thì gặp được dịp tốt.

Từ 1792, những tin tức về cuộc cách mạng phản đế do bọn lái buôn Bồ đưa đến đã lọt vào tai Nguyễn Ánh. Giáo sĩ Lavoué nhận xét rằng: “Hình như các tin ấy có ảnh hưởng mạnh đến đầu óc ông Hoàng này và làm ông xa rời người u. Hiện nay (1795), ông tỏ ra ít dễ dãi đối với đạo hơn mấy năm trước”[525]. Sửa soạn đi cứu Diên Khánh bị vây lần thứ hai, Nguyễn Ánh đã tổng giam Dayot và một tùy tướng vì tội làm chìm chiếc tàu được giao trông coi hư hại đến nỗi không thể sửa chữa để dùng được gì cả. Nguyễn Ánh tức giận chửi lung tung. Đúng dịp ấy, 19 người đại thần, trong số đó có người chú vua (Tôn Thất Thăng?) và một người hoàng phái, dâng sớ bày tỏ mối nguy hại nếu cứ để Hoàng tử Cảnh cho Bá-đa-lộc dạy dỗ theo một tín tưởng khác hẳn mỗi tín tưởng cổ truyền. Họ cầu xin Nguyễn Ánh cắt đứt mối liên lạc ấy và để Cảnh cho các quan triều dạy.

Nghe chuyện, Bá-đa-lộc khôn ngoan ẩn tránh vài ngày. Thấy Nguyễn Ánh có vẻ nghe theo lời sớ, ông lên tiếng phản nài thì Ánh đến tận nhà đưa tờ biểu cho ông coi. Bá-đa-lộc nhắc lại công trình ông đã giúp Ánh và lưu ý Ánh rằng ông đến đây không phải với tính cách riêng tư mà là với tính cách đại sứ của vua nước Pháp. Thực ra, thoả ước Versailles đâu có áp dụng mà ông nêu điều này ra. Tuy nhiên, Ánh còn cần Bá-đa-lộc trong khi quân Lê Trung tiến vào cuối Bình Thuận, nên nghe Bá-đa-lộc đòi về, nhân dịp hai người có tên trong sổ là Nguyễn Huỳnh Đức và Nguyễn Văn Thành không đi cứu Phố Hải, ông kêu về tổng giam vừa để trị tội, vừa để làm vừa lòng Giám mục[526].

Vụ Tổng Phúc Đạm có thể coi như chấm dứt với việc Bá-đà-lộc xin phục chức cho Đức và Thành cho theo quân đánh giặc tháng 3 ất Mão (1795). Nhưng tranh chấp vẫn còn, Bá-đà-lộc trở nên dè dặt hơn vì nhận rằng xúc động của các quan có lý: “Các đại thần ở Pháp sẽ nói sao khi ông Hoàng của họ được đặt vào tay một người ngoại quốc có tôn giáo khác biệt?” Hi vọng của ông như đã ghi nhận ở lá thư 3 năm trước là “nếu dòng họ này nắm quyền thì tôn giáo sẽ yên ổn hơn ở các triều khác”.

Trong lúc đó thì triều đình Gia Định càng ngày càng được củng cố theo mẫu mực Nho giáo.

Tháng chạp Ất Mão, khi cứu Diên Khánh về, Ánh định tháng 3 sang năm mở thi Hội. Theo lệ triều trước kỳ thi trải qua 3 trường, bây giờ các quan họp lại định trường nhất hỏi về hiểu biết kinh truyện, làm thơ, trường nhì làm văn sách, trường ba làm thơ, phú. Những người trúng cách được phân 3 hạng Giáp, Ất, Bính cho bổ quan chức hay miễn đao dịch. Người trúng trường nhất được miễn binh đao từ 2 đến 6 năm. Qua trường nhì, người trúng cách được bổ cao nhất là Lễ sanh, hạng cuối được làm Nhiêu học, miễn binh đao 4 năm. Ở trường ba, 3 hạng đầu là Cống sĩ, Huấn đạo, Lễ sanh; ba hạng sau là Huấn đạo, Lễ sanh, Nhiêu học (suốt đời). Khoa thi tháng ba Bính Thìn (1796) lấy đỗ 273 người[527].

Như vậy là tiếp với nhóm Bình Xương cùng các văn quan Bắc Hà, Phú Xuân về đầu, một nhóm cử tử thành đạt càng làm nho sĩ có đủ sức mạnh để bênh vực, không phò Khổng giáo. Bọn văn quan này noi gương Hàn Dũ, Trương Hán Siêu sẽ công kích Phật giáo rất dữ, hợp một phần với ý tưởng Nguyễn Ánh. Nhưng thực ra, nằm ở chừng mực tín ngưỡng trung bình, lễ tiết Phật giáo đã hoà lẫn với những tập tục bình dân mà ngay chính nho sĩ cũng không vứt bỏ được trong sinh hoạt hàng ngày. J. Barrow đã vẽ cho ta thấy hình một tượng Phật ở một động phía Nam Đà Nẵng (Ngũ Hành Sơn?) được đặt trên cây đa cao trông như ông thần cây vậy[528]. Đó có thể là một suy đồi tín lý của Phật giáo nhưng đó cũng là sức mạnh của họ.

Trước sự đe dọa của ý thức hệ do các giáo sĩ đưa lại, Nguyễn Ánh với địa vị chủ tể càng ngày càng thấy phải trở nên khôn ngoan hơn để nghiêng dần về phía những tập tục cổ truyền. Cho nên, ta không ngạc nhiên như Lelabousse:

“Cho tới bây giờ, Đức vua không nhận tôn giáo nào khác hơn đạo thờ ông bà, thế mà từ 2 năm nay, ông đã xây cất nhiều Khổng miếu. Điều làm mọi người ngạc nhiên là ông hoàng này vốn không bao giờ chịu đựng đạo Phật đến nỗi đánh roi những người đem tượng vào phòng Hoàng hậu và đánh 100 roi những ông hoà thượng hành lễ, ông hoàng đó bây giờ lại đi chùa và dự những cuộc lễ của các vị sư mà ông đã luôn luôn ghê tởm”[529].

Lelabousse giải thích là Nguyễn Ánh muốn làm vừa lòng mẹ, vợ và các phi tần, nhưng điều đó lại đánh dấu một bước lùi nữa trong chương trình của Pigneau.

thắng lợi quân sự tiếp theo đã đẩy Gia Định tiến mạnh trên con đường tổ chức xã hội theo khuôn khổ của Nho giáo để bọn sĩ phu. càng trở nên tự phụ hơn trước các giáo sĩ.

Tháng 2 Bính Thìn (1796), Nguyễn Ánh tổ chức kiểm tra quân dân chặt chẽ bằng cách bắt dân phải mang “tín tích”, một thứ tín bài của Gia Định.

Tháng 7 năm đó có tăng tiến tổ chức thủy quân trên cơ sở có sẵn: trước kia chỉ có 3 doanh, nay thêm 2 là 5, đủ Tiền, Hậu, Trung, Tả, Hữu[530].

Nhưng như kinh nghiệm cho biết, trên bộ, đội tượng binh của Trần Quang Diệu còn làm e ngại quân Nguyễn. Từ mùa đông 1792, Gia Định bắt đầu tổ chức tượng binh, nhưng lực lượng vẫn còn rất yếu ớt. Số voi tăng dần nhờ bắt dân Chăm, Thượng cung cấp, nhờ Vua hay trao đổi bằng cống phẩm với Cao Miên, Xiêm La và bắt được của Tây Sơn. Người huấn luyện điều khiển ban đầu là Chăm, Thượng. Trong trận 1797, Nguyễn Ánh đề ra chiến thuật đánh tượng binh: ông bảo lính cố sức giết cho được tên nài và địch quân ngồi trên đó để cướp voi[531]. Chiến thuật có vẻ thật là giản dị như Kiêu binh đã từng áp dụng để giết Quận Huy.

Nguy hại thêm cho Tây Sơn là tổ chức nội ứng của Nguyễn Ánh đã lan mạnh trong khu vực của họ. Chúng ta đã biết, theo với đà suy yếu từ trung ương, dân chúng càng lộ vẻ chống đối Tây Sơn. Một bài ngâm như Hoài nam khúc trong đó tác giả nói toàn những chuyện cũ kỹ từ 1774, 1775 mà cũng làm dao động Thuận Hoá và lan rộng đến miền Nam. Cho nên, từ tháng ba Tân Hợi (1791), sử quan đã hành diện về số tay chân thương hộ ra ngoài Bình Thuận, Thuận Hoá dò la tin tức[532].

Những chuyến đánh ra rồi lại rút về càng tăng thêm lòng nao nức của những người oán Tây Sơn, hướng vọng về Gia Định không kể đến sự thực ở miền trong. Tiếp tục lợi dụng tinh thần đó, trong tháng 7 Bính Thìn (1796), Nguyễn Ánh sai người về Quy Nhơn, Quảng Nam, Thuận Hoá chiêu dụ nghĩa binh làm nội ứng. Một đợt thứ hai những gián điệp như vậy cũng được tung ra vào tháng 11 cùng năm[533].

Mùa Xuân Đinh Tỵ (1797), Gia Định phát binh đánh ra ngoài. Họ vừa được Cai đội Nguyễn Văn Vân bạt thuyền bị bắt ở Phú Xuân năm 1793 nay trốn về báo cáo tình hình. Con đường từ Xích Ram đến Ma Ly được sắp đặt ngựa trạm để thông báo tin tức. Loạn Ba Phủ vừa tạm dẹp yên. Gió mùa nổi lên. Nguyễn Ánh sửa soạn tăng cường 200 ghe chiến nhẹ và lô ghe bầu chở 12 súng lớn.

Đội quân xuất phát vào tháng 4-1797 gồm một lực lượng hùng hậu tới 447 thuyền và 42.000 chiến binh trong đó chiếc frégate và chiếc corvette đều do người u chỉ huy[534]. Do đó mà những trận đầu tiên trên biển và ở ngoại vi Quy Nhơn, chiến thắng có vẻ dễ dàng. Nguyễn Văn Trương dẫn thủy quân đánh Đô đốc Triêm ở Tiên Châu rồi phá Đô đốc Tính ở đầm Nước Ngọt. Trên bộ, Nguyễn Văn Thành dẫn Hậu quân đánh chợ Hội An (Phú Yên) đuổi Đô đốc Hiếu chạy về La Hai.

Nhưng quân Lê Trung đã dàn ra giữ vững mặt nam Quy Nhơn và cửa Thi Nại. Nguyễn Ánh đành phải bỏ đó đem hơn 100 thuyền ra cửa Đà Nẵng. Hiểu rõ thực lực mình, tránh giao chiến bất lợi, Thống lãnh Đặng Văn Chân

rút hết binh thuyền vào trong cùng với bộ binh của Thiếu bảo Nguyễn Văn Huân dàn hai bên bờ sông dựa nhau cự chiến. Một trận đổ bộ thắng nhỏ không phá vỡ được quân địch, Nguyễn Ánh sai Nguyễn Văn Thành, Trần Văn Tứ, Trần Văn Bồ dẫn quân chiếm Câu Đê đến Hải Vân, sát cửa Kinh thành[535]. Nguyễn Quang Toàn sợ hãi vội sai Trần Quang Diệu giữ cửa Eo (Noãn khẩu) có Đô đốc Lê Văn An tiến quân trợ giúp.

Mặc cho hai quân đối đầu ở giáp giới Quảng Nam, Thuận Hoá, Nguyễn Ánh lo thanh toán vùng bên trong, nên sai Cảnh tiến vào cửa Đại Chiêm đánh Chiêm Doanh (thủ phủ Quảng Nam), có Võ Tánh từ Phú Yên đến trợ giúp. Cảnh chiếm chợ Đông An, Hội An. Võ Tánh đánh Đô đốc Nguyễn Văn Ngũ bắt tù binh cùng 30 tàu Ô ở Đại Chiêm.

Trên bộ, Tây Sơn phản công dữ. Lê Trung tung quân đánh Hội An ở Phú Yên khiến Nguyễn Văn Thành phải bỏ về giữ Bình Khang. Tháng 6 năm đó, quân Nguyễn thắng mạnh ở Quảng Nam. Nguyễn Văn Trương đánh viện binh của Lê Văn An ở gò Phú Gia chạy về Câu Thai. Võ Tánh đánh Tiết độ Nguyễn Văn Giáp ở sông Mỹ Khê. Hoàng tử Cảnh thắng ở núi La Qua, để Phạm Văn Nhân ở lại Đại Chiêm, kéo Vũ Bá Diên đến Phú Triêm. Đang đêm, Nguyễn Văn Khiêm và Olivier mang bọn Chiến tâm quân lên đốt thuyền Tây Sơn.

Quân Quảng Nam cố thủ và cầu viện ở Quy Nhơn. Lê Trung sai Đại Đô đốc Lê Chất, Đoạn Văn Cát, Đô đốc Nguyễn Văn Xuân và một người tên Hàn đem 2.000 quân, 40 thớt voi tới cứu, bị đánh tan. Voi bị giết, Hàn bị trúng đạn chết. Tuy vậy Lê Trung còn là mối lo cho quân Nguyễn. Trong tháng 7, Nguyễn Ánh sai Nguyễn Văn Biện, Nguyễn Đức Thiệu đổ bộ lên cửa Hợp Hoà đóng ở Bến Ván chặn cứu binh Quy Nhơn. Đô đốc Lê Văn An của Tây Sơn cũng cố tiến chiếm Trại Dã nhưng không được. Nguyễn Ánh hi vọng Phú Yên yếu, Nguyễn Văn Thành, Đặng Trần Thường có thể chiếm được, nên không nghe lời Nguyễn Văn Biện, Nguyễn Đức Thành xin đánh Trà Khúc sau khi phá được Đô đốc Gia ở Thạch Đâu.

Như vậy là hai nhóm quân Tây Sơn mạnh vẫn còn chiếm một ở Đà Nẵng, một ở Trà Khúc với Lê Trung nơi ấy đang trưng tập đàn để bổ sung quân sĩ.

Thấy khó đánh, Nguyễn Ánh tính đến kế phản gián, sai người bảo Tham tán Tây Sơn là Từ Văn Tú thuyết Tiểu triều Nguyễn Bảo giết Lê Trung. Mặt khác ông tính tuyệt lương địch bằng cách sai Nguyễn Văn Biện giữ Tam Kỳ còn Lê Tấn Tham thì theo sông Thanh Hà đốt lũy cản trở tiếp tế giữa Nam, Ngãi.

Nhưng nếu Tây Sơn bối rối vì hụt lương thì Nguyễn cũng không hơn gì. Từ lúc mở chiến dịch, họ đã mang lương mễ hơn 12.700 vuông gạo, 500 vuông muối, hợp với 12.800 vuông gạo và 3 vạn quan tiền chở đến Cầu Hin tháng 6 năm ngoái (1796). Không may, Trương Phúc Luật đem thuyền tiếp tế bị gió cản, cướp biển đoạt (Tề Ngôi hải phi?), khiến quân Quảng Nam chỉ còn có 5 ngày lương. Cuối tháng 7 đầu, Nguyễn Ánh phải cho lui quân mà không hay rằng thuyền lương kế tiếp đã tới vũng Quất (Quảng Ngãi). Nguyễn Văn Thành chiếm được Phú Yên cũng đành bỏ.

Chiến tranh kéo dài trong 4 tháng, quấy đảo Quảng Nam, đe dọa Phú Xuân trong 3 tháng đã mang lại vui mừng, hi vọng cho các giáo sĩ cùng dân chúng ở vùng này, tưởng như sắp được thoát ách Tây Sơn. Họ thất vọng vì quân Nguyễn rút lui[536], nhưng binh tướng Gia Định thì lại phấn chấn tinh thần hơn lên.

Cuối năm Đinh Tỵ, Nguyễn Ánh dẹp được loạn Ba Phủ mới nổi. Đầu năm sau (Mậu Ngọ 1798), Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Văn Trương định đem 7.000 quân giúp Xiêm đánh Miến Điện[537]. Rõ ràng là Gia Định càng ngày càng tự thấy làm chủ mình và muốn làm chủ người nữa.

Đám nho sĩ khỏi lo về phía Hoàng tử Cảnh. Đông cung sống đúng cung cách của một ông hoàng Đông phương: ông vừa có 3 vợ mùa xuân năm ngoái[538]. Và tháng 3 năm nay (1798), chính ông đã xin làm truyện các bậc trung thần để người ta theo đó mà được dạy dỗ rộng rãi cho trung thành

với quân quyền hơn[539]. Còn nói chỉ đến Nguyễn Ánh. Tuy vẫn còn kính trọng Pigneau, ông đã bắt đầu biết lợi dụng ông này.

Ngày Tết năm Đinh Tỵ (1797), Pigneau đến chúc đầu năm thì Ánh đề nghị ông đi cùng với Cảnh theo quân. Nhớ lại chuyện rắc rối kéo dài ở Diên Khánh trong 2 năm trước, ông từ chối. Mười lăm ngày sau, Ánh mời đi chơi để nói lại chuyện đó nhưng ông vẫn khẳng khái không nhận. Ánh bèn giở thủ đoạn chính trị ra. Lúc trở về, ông tỏ thái độ không bằng lòng đối với Thiên Chúa giáo. Ông bảo rằng ông đã phải chịu đựng rất nhiều để cho đạo hoạt động trong nước chỉ vì ngưỡng mộ Pigneau, chỉ vì ông này đã làm ơn cho ông. Bây giờ thì nhất định phải xét lại vấn đề đó. Ông lôi một viên quan có đạo ra bắt lấy các bức tiên hiền cho kỳ được để khùng bổ tinh thần Pigneau. Quả nhiên Pigneau chịu nhún, đành phải nhận lời đi Diên Khánh[540].

Bọn nho sĩ trong triều lại có thể đề mà tuyên dương đạo học của họ lên. Sử quan kể một chuyện xảy ra trong tháng 5 Mậu Ngọ (1798) như sau, có thể tóm tắt được hết cả tình hình độc chiếm tư tưởng lúc bấy giờ:

“Đất Gia Định chuộng đạo Phật. Có vị cao tăng phạm tội vua muốn giết. Gặp kẻ cản ngăn, lấy lễ đó là bậc chân tu, Nguyễn Ánh trả lời rằng: “Chân tu thì có ích gì cho nước?” Ông bắt kiểm tra hoà thượng, đạo đồng chỉ miễn dao dích cho những tăng chúng trên 50 tuổi mà thôi, còn dưới 50 vẫn phải làm trâu như dân thường. Quần thần can làm Ánh lưỡng lự, Ngô Tông Châu bèn lấy tính cách phụ đạo Đông cung tâu lên Cảnh: “Quân thượng ngài ngài đạo Phật hưng thịnh mà quần thần không tán thành ý đó lại ngăn cản đi. Thần sợ việc làm nửa chừng rồi thôi thì kẻ kia lại bậy bạ ngông cuồng hơn ngày trước. Tăng nhân đối với thần không có ghét bỏ riêng tư, nhưng mà cái hại của Phật, Lão còn hơn Dương, mặc nữa, chẳng lẽ không nói”. Hoàng tử Cảnh đồng ý. Tông Châu bèn dâng sớ bài bác thậm tệ, Vua mới không phân vân nữa mà quyết thi hành việc kiểm soát tăng chúng”.

Sử quan cũng nhân dịp này mà chêm vào một câu: Bá-đa-lộc nghe Châu bài bác “Tả đạo” trong lòng cũng ghét[541]. Quả vậy, nho sĩ đã thắng thế rõ rệt. Tháng 10 năm đó, Pigneau đi Diên Khánh với Cảnh. Tuy rằng ở đó Tống Viết Phúc vào tháng giêng năm sau (1799) nói hỗn với ông còn bị cách chức lôi về Gia Định[542], nhưng hợp với lúc J. Dayot đã đi, V. Olivier sắp bỏ chức, uy thế Tây phương hạ xuống rõ rệt ở xứ này.

Nho sĩ dựa vào sự trù phú của Gia Định, gặp dịp Tây phương rối loạn trong những chuyển mình về kinh tế, xã hội, mắc lo nội bộ không rảnh phát triển về phương Đông[543], lớp nho sĩ đó của đất Việt đã thu thập được một ít kỹ thuật tiến bộ của Tây phương để lớn lên, nhưng chịu đựng được những dao động do sự tiếp viện đem lại để vẫn làm chủ được tình hình. Họ đã biết đem trù lên trên phần đất miền Nam còn đầy phức tạp với những ảnh hưởng tứ xứ và bản thổ, một lớp sơn Nho giáo đem từ phương Bắc xuống mà tính cách cứng cỏi còn được ghi nhận đến mãi sau này và còn lưu dấu trong toàn thể chính sách quốc gia một khi nền thống nhất được lập lại.

Xung đột còn mãi đến 1801 khi người Bồ tồ cáo L.Barizy đầu độc chủ tàu tên R.Henderson, và làm cho Barizy phải bị tù (Chuyện từ thư của Barizy cho Letondal, BAVH, Oct-Déc, t.380-384).

Tiết 18

ĐÁNH VÀ GIỮ Ở QUY NHƠN

Nỗi khó khăn và những phản ứng của Phú Xuân * Chiến thuật ngoại giao của Nguyễn Ánh * Chiến trận chiếm thành Quy Nhơn * Lòng quyết chiến của Tây Sơn ở Thang Mộc ấp của họ * Trận thủy chiến Thi Nại (1801).

Chiến tranh dữ dội trong 3 tháng ở Quảng Nam trả thù những thất bại của quân Nguyễn 24 năm về trước đã làm nức thế những người tự nhận là của phe Gia Định ở miền này và gây khủng hoảng thêm cho triều đình Phú Xuân.

Ta đã nói đến vai trò của các cựu thần, các phiên thần nhà Lê, nhà Nguyễn, nhưng dưới quyền Tây Sơn còn có một nhóm người mang tính cách chống đối ngay từ căn bản tư tưởng: nhóm đạo đồ Thiên Chúa giáo. Thực ra, hoặc vì mang tính cách xuề xoà của người Việt về vấn đề tôn giáo hoặc vì lý lẽ chính trị không muốn gây bất mãn trong dân chúng để nhờ cậy Tây phương qua các giáo sĩ, Tây Sơn đã từng để yên cho các giáo đồ hành đạo. Cuộc nổi loạn lần chiếm của Tây Sơn có một phần nào bài bác những tin tưởng cũ đã được giáo sĩ Labarlette ở Thuận Hoá vui mừng ngóng đợi tương lai xán lạn cho tôn giáo của ông. Và cũng vì những lẽ đó nên có giáo sĩ mới cho rằng dưới triều Tây Sơn tôn giáo phát triển tiến bộ.

Nhưng ta lại đã nói thêm rằng dù Nguyễn Ánh, dù anh em Tây Sơn cũng đều chia sẻ ý thức hệ Việt Nam hỗn tạp những tin tưởng Nho, Phật, Lão, Thần cho nên sớm muộn gì cũng có xung đột với tin tưởng từ phương xa tới còn nhiều sắc thái khá khác biệt. Cho nên, Nguyễn Nhạc đưa ra một phụng truyền bắt phá các chùa nhỏ ở làng để lập chùa lớn mỗi tổng thì đồng thời cũng bắt phá các nhà thờ để lấy vật liệu cần thiết cho việc xây cất kia. Lệnh bài đạo năm 1785 được tung ra vì một xung đột nghi lễ, tục lệ. Nội dung sắc lệnh bài đạo ngày 17-8-1798 đưa lý lẽ: “Xét rằng kiến thức điều khiển quốc gia đều gồm trong tam cương, ngũ thường (...) trong khi đạo Hoa lang lại đầy mê tín, dối gạt dân chúng và đảo lộn trật tự xã hội”[544].

Thế mà những biến động chính trị còn làm cho vấn đề phức tạp hơn. Việc Pigneau xả thân vượt biển giúp Nguyễn Ánh đã được những thương nhân đi Macao về nói lại[545]. Tây Sơn biết rõ ràng, tất nhiên họ nghi ngờ nhóm giáo sĩ dưới quyền họ. Về phần giáo dân và những người lãnh đạo, theo khuynh hướng cục bộ, họ cũng hướng về Gia Định[546] không cần biết rằng ngay ở đó đám nho sĩ đang chen lấn các linh mục và đã thắng thế.

Những mâu thuẫn càng gay gắt hơn theo với tình thế. Quang Trung còn vững chãi nên chỉ dùng để làm phương tiện bóc lột các tín đồ, bù đắp thiếu

hụt ngân sách thôi: tháng 7-1791, ông bắt giáo dân từ Phú Xuân trở ra phải nộp 10.000 cân đồng[547]. Đến Cảnh Thịnh thì nguy cơ đã lớn hơn. Các đạo đồ theo thời thế đã chống đối rõ rệt. Với các nhà truyền giáo thì việc bức đạo ở Quảng Ngãi tháng 8-1798 thực là dã man. Nhưng họ cũng công nhận rằng Lê Trung bắt một thầy giảng là cốt để phăng lần đến tung tích cha Dominique do Pigneau gửi tới đang lẩn trốn ở Phú Yên[548]. Tây Sơn nghi ngờ những người này có nhiệm vụ do thám binh tình cho chúa Nguyễn. Cũng như linh mục Emanuel Triệu tử vì đạo trong chuyến này vốn là người quê Tổng Sơn, bái quận của nhà Nguyễn, sinh ở Phú Xuân, có cha chết trong khi chống Tây Sơn năm 1775, có gia đình vào Đồng Nai và chính ông cũng đã ở trong đội cận vệ của chúa Nguyễn[549]. Nghi ngờ của vua quan Tây Sơn nếu không đích xác thì cũng có lý lẽ biện hộ.

Chiến thuật ngoại giao của Nguyễn Ánh cũng mang lại những tác dụng quấy rối đáng kể. Từ lúc ở Xiêm về, ông vẫn cố giữ lấy tình giao hảo với Phật vương để lấy thế tựa bên ngoài nhất là khi hiệp ước Versailles đã không được thi hành. Mỗi lần đánh thắng trận, mỗi lần có rắc rối ở biên cương - như với Chiêu-thùy Biện ở Cao Miên - ông đều sai sứ sang Xiêm với lời lẽ mềm mỏng. Sứ bộ 16-12-1797 gồm có Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Kế Nhuận, Ngô Nhân Tĩnh[550]. Rồi tháng 8 năm sau (1798) lại có sứ sang Xiêm. Quan trọng hơn cả là sứ bộ tháng 2 Kỷ Mùi (1799) xin Xiêm vương đem quân Chân Lạp, Vạn Tượng đánh vào mặt sau của Nghệ An. Người trông coi việc vận động với Vạn Tượng là Nguyễn Văn Thoại (Thuy), Lưu Phước Tường ... Từ Diên Khánh, Nguyễn Văn Thành cũng dâng mưu đem các thuyền cướp biển bắt được dâng với Thanh để chia rẽ với Tây Sơn. Sứ bộ Ngô Nhân Tĩnh đi làm việc đó, thêm việc dò Lê Hoàng vào tháng 6 Mậu Ngọ (1798).

Những hành động đó đã làm cô lập thêm Tây Sơn. Nhưng phía Nguyễn Ánh cũng gặp những khó khăn nội bộ. Loạn Ba Phủ đang còn là một thứ “tâm phúc chi ưu” dằng dai thì tiếp đó Cai cơ Thuận Thành là Nguyễn Văn Phong lại “làm phản” chiếm sóc Kha[551].

Tây Sơn lo tìm cách thanh toán bên trong. Đầu tiên là vụ Nguyễn Bảo. Nguyễn Bảo sau trận Quy Nhơn 1793 chỉ còn ăn lộc có huyện Phù Ly. Bị mẹ già nói khích, Bảo ăm ức chờ cơ hội. Lúc đánh ra Quảng Nam, Nguyễn Ánh đã sai người dụ Bảo tập kích Lê Trung. Thế rồi tháng 11 năm Mậu Ngọ (1798), viên Hiệu công Phù Ly này tung quân chiếm Quy Nhơn, Lê Văn Thanh phải bỏ cả quân lính, cạo trọc đầu, ăn mặc rách rưới, trốn chạy lên rừng.

Nguyên do tức thời của biến loạn có lẽ là vì sự khuyến khích của Nguyễn Văn Thành, Đặng Trần Thường lúc bấy giờ vừa đến đóng ở sông Đà Rằng. Mặt khác cũng vì rối loạn ở Phú Xuân. Trần Quang Diệu vừa bị tước hết quyền bính, Bảo tin rằng tiến quân ra sẽ phối hợp được với quân Lê Trung, người từng chiến đấu bên cạnh Diệu. Nhưng Quang Toản đã kịp thời sai Diệu dụ Lê Trung. Bảo phải rút về cố thủ ở thành Quy Nhơn, sai Đại Đô đốc Đoàn Văn Cát, Đô đốc Nguyễn Văn Thiệu đang đóng ở Hội An (Phú Yên) đưa thư xin hàng Nguyễn Ánh. Chính Quang Toản đích thân vây thành. Cuộc công hãm kết thúc nhanh chóng vì quân trong thành mới là của Quang Toản hôm trước nên đêm lên ra chỉ chỗ phòng thủ sơ hở cho bên ngoài. Cứu binh Nguyễn Văn Thành chưa tới kịp thì Nguyễn Bảo đã bị xử theo “tam ban triều điển” rồi. Việc này dẫn theo cái chết của Lê Trung, việc trốn tránh của Lê Chất[552] và chắc có ảnh hưởng xa gần tới cái chết của Nguyễn Văn Huân nữa.

Tuy nhiên quân Nguyễn có muốn thừa thế tiến đánh nữa cũng phải gặp sức phản kháng kịch liệt của Tây Sơn vì đất từ nay họ phải chiếm là nơi phát tích của kẻ thù. Tây Sơn đã tổ chức cả phủ Quy Nhơn thành một đồn binh rộng lớn: dân biến thành lính, mỗi ấp chia thành đội ngũ, ai nấy đều được miễn thuế thân để nức lòng đánh giặc. Truyền thống chiến đấu bừng trời dậy gậy kính nể cho quân Nguyễn. Mùa xuân 1799, trận chiến Quy Nhơn lại bắt đầu chuẩn bị ở Gia Định. Kho tạm ở Cầu Hin chứa 169.000 vuông gạo từ Gia Định tới hợp với 22.100 vuông gạo, 53.500 vuông lúa, 3.000 cân thuốc đến năm ngoái ở Diên Khánh dành phát cho chiến dịch. Nguyễn

Văn Thành đem bộ binh đóng ở Diên Khánh trước ... Hoàng tử Cảnh được lệnh bảo Nguyễn Long giữ chặt Tam Lãnh không để lộ tin tức ra ngoài. Thủy binh thì theo Nguyễn Văn Trương.

Tháng 4 âm lịch, Nguyễn Ánh đến Cầu Hin phân phối kẻ giữ người tiến rồi theo thuyền ra cửa Thi Nai. Nguyễn Huỳnh Đức, Võ Tánh đổ bộ đóng ở Phủ Trung; quân Thần Sách qua sông Càn Dương đánh Tây Sơn ở gò Cũ rồi chiếm đóng suối Tre[553], đe dọa Thái phủ Lê Văn Ứng. Quân Nguyễn đổ bộ mau như vậy nhờ tình cờ lợi dụng một rối loạn nội bộ của Tây Sơn.

Nguyên Trần Quang Diệu vẫn có mối thù với Lê Văn Ứng về việc Ứng xúi Quang Toàn giết Lê Trung nên bàn với Vũ Văn Dũng: “Lê Văn Thanh là phe ta, ta đem binh thuyền vào Thi Nai, mật ước với Thanh nghe súng hiệu ở cửa biển, lừa Ứng rằng quân Gia Định đánh, sai Ứng một mình đến cho ta tập kích bắt”. Diệu tâu với Quang Toàn rằng Quy Nhơn là đất căn bản cần phải cho bấy tôi thân tín giữ nên sai Ứng đi. Gặp lúc quân Gia Định ra bắn 3 phát súng, Lê Văn Thanh tưởng binh Diệu, Dũng mới không phòng bị mà sai Ứng đi như đã bàn trước. Không ngờ quân Nguyễn tiến chiếm cả vùng duyên hải, Thanh mới vội vã phân binh với Ứng đón ở Thốc Lốc[554], gò Dê.

Cũng như những trận đánh trước, Nguyễn Ánh thừa thế thủy quân tiến xa về phía Quảng Ngãi, sai Nguyễn Văn Trương tuần thám ngoài biển, để Lê Văn Duyệt, Nguyễn Đức Thiện đến Tân Quan giữ núi Cung Quảng, Bến Đá, Đoạn Văn Cát giữ núi Thái An, Vĩnh Thuận chặn quân tiếp viện của Diệu, Dũng.

Ghé đầm Nước Ngọt đốt lương, chém Đại đoàn luyện tên Giảng, Lê Văn Duyệt đến Bến Đá cùng dân ứng nghĩa Quảng Ngãi giữ hang Tối Trời, núi Sa Lung có dân Thượng phụ giúp bên trong. Võ Tánh, Nguyễn Huỳnh Đức tiến đến đồng Cây Cầy đuổi Thiếu úy Trương Tấn Thuý, bắt 13 voi, đuổi theo đến cầu Tân An giết Đô đốc Nguyễn Thực đổi tính mạng Vệ úy Hữu

vệ của quân Thần Sách là Tôn Thất Nông. Ở Phú Yên, Tham đốc Nguyễn Văn Diễm hàng Nguyễn Văn Thành.

Chiến thắng làm dao động tinh thần binh tướng Tây Sơn. Bây giờ Lê Chất mới có dịp mang 200 quân ra hàng Võ Tánh cùng với Đại Đô đốc Vũ Đình Giai, Nguyễn Văn Diễm, Đô đốc Lê Văn Niệm, Hồ Văn Viện, Trương Văn Lân, Đô úy Mai Gia Cường, Nguyễn Văn Trí. Quân hàng được theo Nguyễn Huỳnh Đức ở suối Tre đánh giặc.

Lương thực thu tại chỗ, lấy thuế ruộng của dân chưa nộp cho Tây Sơn đem chứa vào kho Nước Mặn. Chính sách đó cũng tiếp tục trong tháng 5 khi Tây Sơn đánh đập Cát, lui toán binh Miên (Xiêm binh). Họ phải mất 20 voi trước thế hợp tác của lính Miên và đội chiến tượng của Nguyễn Đức Xuyên. Dân Tuy Viễn phải theo Nguyễn Văn Thái hàng tướng từ (1793) đánh giặc, ăn lương trong sổ thuế điền của 3 huyện Tuy Viễn, Phù Ly, Bồng Sơn.

Tháng 6, Nguyễn Văn Thành vượt qua sông Lò Gạch (Đào Lô), chiếm Ưu Đàm để phó tướng Trương Tấn Bảo chiếm An Giá, Đàm Sáu. Nhưng lúc bấy giờ Nguyễn phải lo chống với tiếp viện của Tây Sơn, Trần Quang Diệu, Vũ Văn Dũng đến Quảng Ngãi nghe Tân Quan bị chiếm bèn bỏ thuyền lên bộ. Diệu đóng ở Bến Đá để Dũng lên đem quân qua suối nhỏ tập kích quân Nguyễn. Sử quan kể rằng quân đi trong đêm có người la “con nai” rồi truyền đi thành “quân Đồng Nai”. Binh rối loạn để Tống Viết Phúc đánh hôi lập được công. Thủy quân Gia Định lại thắng tiếp ở cửa Mỹ Á, truy kích đến Sa Kỳ.

Trần Quang Diệu giấu tin thất bại của Dũng, rồi bỏ Bến Đá về đóng ở Thanh Hảo chờ viện binh thủy của Trần Viết Kết. Nhưng Tống Phúc Lương phá được Thống binh Phiên Văn Tài coi đám Tề Ngôi ở Kim Bồng, truy kích mãi tận Phú Yên rồi trở lại với Tống Viết Phúc giữ chặt ngoài khơi đầm Mân Khê.

Trên đất liền, Lê Văn Ứng nghe tin viện binh đến bèn đem 6.000 quân cùng 50 voi lên Tây Sơn thượng lấy lương, bị Võ Tánh biết được điều động Nguyễn Văn Thành mang tướng hợp với Nguyễn Đức Xuyên, Lê Chất ... đánh tan ở Kha Đáo. Viện binh ngoài không có, lương trong thành thiếu, Tổng quản Lê Văn Thanh, Binh bộ Thượng thư Nguyễn Đại Phác, thiếu úy Trương Tấn Thuý mang 10.300 người ra hàng (tháng 6 âm lịch 1799)[555].

Thế là căn bản Tây Sơn đã mất. Nguyễn Quang Toàn ở Phú Xuân cũng nóng phải thân cầm binh vào Trà Khúc sai Nội hầu Lê Văn Lợi đem 1.000 quân cùng 20 voi đến đầm Mân Khê. Trần Viết Kết đem 100 thuyền định tràn vào Sa Huỳnh đánh sau lưng Nguyễn Văn Lợi lúc bấy giờ đang cố chống với Lê Văn Lợi. Bị bão đắm thuyền, Kết bỏ quân chạy về Cổ Luỹ. Kinh nghiệm này làm Kết hết sức gàn trở dự định tiến quân đánh nữa của Quang Toàn. Kết cụt Toàn về Phú Xuân, Diêu, Dũng về Quảng Nam, lưu Tiết độ Nguyễn Văn Giáp giữ Trà Khúc.

Nguyễn Ánh mệt mỏi nên cũng không đuổi nữa, chấm dứt chiến tranh trong tháng 8 để lo tổ chức cai trị Quy Nhơn, thu dụng năng lực nhân, vật vùng này.

Trước hết, như đã nói, đất Quy Nhơn đã được Tây Sơn biến thành một đồn quân khổng lồ. Nguyễn Ánh làm chủ mới phải lo thi hành một chính sách nhạt nhiệm khôn khéo. Vì chú trọng đến việc thu phục nhân tâm mà tháng trước đó quần thần đã can ông đừng thu thuế thân là thuế Tây Sơn đã tha cho dân chúng. Tướng Nguyễn Công Hu lên vùng Tây Sơn hiệp gái, lấy của bị đem trị tội ngay. Tiếp theo là việc kiểm soát dân, lính. Ánh sai quân Nguyễn hợp với bọn hàng tướng coi 6 thuộc của 3 huyện Quy Nhơn, phân hàng điểm duyệt 18.900 binh sĩ cũ. Chỉ những người bị thương mới không vào sổ đội ngũ mà thôi. Lại có một sổ riêng cho những người chỉ huy. Khi làm sổ rồi, ai ở đâu yên đấy, dời đổi một ấp, một thôn đều bị tội. Như vậy tạm thời Nguyễn Ánh kiểm soát đám dân binh Tây Sơn khỏi làm loạn. Ông lại còn dùng lợi nhử họ phản bội đồng ngũ cũ: dân Quy Nhơn ai bắt được

lính Tây Sơn người Bắc, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thuận Hoá ẩn trốn trong thôn ấp, ngăn trở họ khởi mưu chạy về Phú Xuân thì được miễn đao địch. Ai chứa chấp, biết mà không tố cáo thì bị tội.

Nhưng tinh thần chiến đấu của dân binh nung đúc trong lò Tây Sơn đã làm cho Nguyễn Ánh thán phục. Ông lấy dân ở đây tổ chức thành Ngự lâm quân định lập một đội quân ưu tú nữa sau các đội Thần Sách. Chính sách hơi vội vã khiến có nhiều sơ hở. Sau này khi ra giải cứu Võ Tánh, bọn Ngự lâm quân bỏ chạy rất nhiều để chiến đấu chống đối lại tận lực. Nhưng điều đó không tránh khỏi càng tỏ rõ sự bao dung, sáng suốt của Nguyễn Ánh muốn mở đường cho quân địch về hợp tác, trái hẳn với thái độ hẹp hòi của bọn tuý tướng như Tống Viết Phúc chẳng hạn.

Sau khi cải thành Quy Nhơn ra thành Bình Định để tuyên dương công trận, khuyến khích tướng sĩ thấy trước thắng lợi cuối cùng, Nguyễn Ánh lo tổ chức cai trị ở đây, sai Võ Tánh giữ thành với một vạn binh Miên (Xiêm binh) cùng Ngô Tông Châu, Trịnh Hoài Đức và bọn hàng tướng Lê Chất. Lúc Nguyễn Ánh đang chuẩn bị về Gia Định thì Bá-đa-lộc chết ở Mỹ Cang[556]. Ánh rất thành thực khi phong tước Quận công cho Giám mục, sai người đến đọc diếu văn. Sử quan nhân dịp này cũng nhắc việc Bá-đa-lộc “tận tâm giúp đỡ” Đông cung Cảnh hồi đi Tây. Nhưng cái chết của ông xảy ra vào lúc Nguyễn Ánh thắng mạnh ở cội gốc Tây Sơn đã chấm dứt một quá khứ nhờ cậy, kêu xin. Vấn đề chính trị quan trọng còn lại chỉ là thái độ đối với tướng cũ Tây Sơn mà thôi.

Tháng 10 Kỷ Mùi (1799), Nguyễn Ánh ban sư về Gia Định. Việc mất thành Quy Nhơn cũng gây ra rối loạn về phía Tây Sơn, theo lẽ thường của một triều chính nghiêng ngả có những kẻ giữ trách vụ nhưng không muốn đảm đương trách nhiệm. Ở Thuận Hoá, Kiểm điểm Trần Viết Kết, Phụng chính Trần Văn Kỳ, Thượng thư Hồ Công Diêu giả thư Quang Toản nói Quy Nhơn mất là tại Trần Quang Diêu, đưa cho Vũ Văn Dũng bảo Dũng giết đi.

Không ngờ Dũng được Diêu ém nhem việc thua quân ở Quảng Ngãi, hàm ân nên mới đưa thư cho Diêu xem.

Trần Quang Diêu tức tốc kéo binh về bờ nam sông Hương vây thành. Kỷ đồ cho Kết, trốn mất để Hồ Công Diêu chịu tội thay. Ổn thoả nội bộ rồi, việc chính của Tây Sơn là lo lấy lại đất Quy Nhơn. Hai viên tướng nổi bật, được nhắc nhở từ đây là Trần Quang Diêu và Vũ Văn Dũng, đến nỗi đối địch, Nguyễn Ánh truyền rao ai bắt được 2 người ấy, Chánh quản được phong tước Công, Phó quản thêm một hàm, thưởng tiền vạn quan. Danh tiếng Trần Quang Diêu có phần lấn át cả Vũ Văn Dũng. Giáo sĩ De la Bissachère[557] đã khen “viên tướng mà ngay ở u châu người ta cũng phải coi là dũng mãnh, anh hùng”. Lực lượng dưới quyền ông tỏ ra vững mạnh đến nỗi khi gần tàn cục vẫn còn làm cho Giáo sĩ tưởng rằng đạo quân đó có những danh tướng chỉ cần lộ mặt ra là quân Nguyễn phải rút về và đủ để đánh tan đạo quân gấp 3 lần quân chiến thắng lũy Thầy!

Tháng Giêng Canh thân (1800), Vũ Văn Dũng đổ bộ lên Thi Nại, Trần Quang Diêu mang bộ binh đuổi Nguyễn Văn Biện đang giữ Bến Đá chạy về Bình Định. Võ Tánh trong thành gọi binh Phú Yên tới. Lưu thủ Hồ Đắc Vạn đã sai người vận lương tiền trước, nay sai thêm hàng tướng Phạm Văn Diêm cùng Sái Văn Long lấy du binh đi trước rồi tự dẫn quân theo sau. Đêm qua Cù Mông, Diêm cùng Đô úy Đỗ Văn Nguyệt, Ngô Văn Huyền, Đô tư Nguyễn Văn Soái, Hoàng Văn Tráng cùng các cựu tướng Tây Sơn, quay lại chiếm Phú Yên đuổi Cai bạ, Ký lục chạy về Bình Khang. Diêm làm hàng tướng Tây Sơn phản Nguyễn sẽ mở đường cho một loạt những hàng tướng trở giáo tiếp theo, gây khốn đốn cho Nguyễn Ánh nhiều nhất vì cái thế không lùi lại được của họ.

Sự trung thành này gây ra lo lắng và ngạc nhiên không ít cho phe Nguyễn. Nguyễn Ánh giải thích là lòng nhớ quê xúi giục họ. Nhưng điều đó chỉ hợp với binh tướng bị lôi về Gia Định chứ không hợp với hàng binh ở lại Bình Định và Phạm Văn Diêm. Nguyên do là Tây Sơn cũng đã tạo ra một lẽ lỗi

sinh sống mà tướng binh họ còn quyền luyện. Họ hàng chỉ là thế bất đắc dĩ như trường hợp Lê Văn Thanh sau này đã lén mang một thuyền trốn về Tây Sơn. Tù nhục của kẻ hàng đầu cũng khiến họ phải trở giáo: Tống Viết Phúc cứ thường chửi Từ Văn Chiêu là hàng tướng đến nỗi khi phản lại, Chiêu luôn chặn đánh Phúc và giết được khi chiến thắng quân Nguyễn đã gần kề[558].

Riêng ở đây, Phạm Văn Diêm đã giúp ích Tây Sơn rất nhiều. Ông tổ chức Phú Yên trong thế tử chiến “bắt hết cả dân làm lính”, đắp 9-10 lũy chỉ trong mấy tháng khiến Nguyễn Đức Xuyên nghe thế mạnh không dám tiến nữa mà phải dừng lại ở Diên Khánh.

Ở Diên Khánh, Trần Quang Diệu, Vũ Văn Dũng quyết hạ Võ Tánh. Diệu bao vây 4 mặt từ mồng hai tết Canh Thân (26-1-1800)[559]. Ông sai đắp thành đất một vòng ngoài dài 4.340 trượng để làm điểm tựa công kích. Trong ý chí quyết lấy lại đất cũ, Tây Sơn dùng đến hình thức khích động tinh thần quân dân. Phan Huy Ích làm bài hiệu dụ dán nơi quân thứ Quy Nhơn, đã đưa ra những câu kêu gọi đến ý thức địa phương, khiêu gọi niềm hãnh diện làm dân đất khởi nghĩa một dòng vua:

“Quý phủ ta: cội gốc nền vương, dậu phen nhà nước,

“Miền thang mộc vốn đức non xây bể, mở mang bờ cõi bởi từ đây. Hội phong vân từng diu phượng vịn rồng, ghi tạc thế quyền dành dôi để.

“Dấu cờ nghĩa đã sáng công dực vận, buổi xe nhung thêm dong sức cần vương.

“Mấy phen gió bụi nhọc con dòng, giúp oai võ cùng đều nhờ đất cũ. Ba huyện đá vàng đèn tắc dạn, cầm cừu thù chi để đội trời chung”

Chúng ta không có tài liệu để biết về sự sôi động của dân chúng Quy Nhơn khi Tây Sơn trở lại. Nhưng ngay chính ở đất Gia Định mà Ánh đã coi là căn

bản, khoảng hơn năm sau, L. Barizy cho ta thấy nỗi lo sợ pháp phòng của tướng Nguyễn giữa khung cảnh hiểm thù đe dọa vô hình:

“Lúc nào chúng tôi cũng trông tin Nhà Vua và mọi người ở đây đều xao động đến cực độ, nông công binh đều lo lắng. Bọn giặc ở đây có những bè đảng bí mật không ai hay biết và lâu lâu lại có một tin loan ra gây hoảng hốt và làm cho dân chúng xao động.

“Ngày 13 tháng này, lúc 2 giờ 30, lửa bắt đầu trong thành ở 5 chỗ khác nhau, nơi kho lúa gạo, kho vải vóc, kho tơ lụa, nhà của Vua và các Hoàng tử. Duy chỉ cháy có đồn Tả quân mà thôi”[560].

Nhưng ở Bình Định, những sự kiện thuần túy quân sự cũng tỏ rõ được cái không khí đó. Tháng 4, hàng tướng coi Ngự lâm quân là Võ Văn Sự, Nguyễn Bá Phong, giết tướng mở cửa Bắc ra ngoài đầu, Võ Tánh thấy mình lo đúng khi sai Lê Chất đem quân bản bộ về Diên Khánh trước lúc bị vây, bây giờ bèn bảo bộ tướng Ngô Văn Sở cướp lại thành, chỉ để lại có 400 người. Để phòng hậu hoạ, Tánh sai giết bọn hàng binh còn lại.

Nhưng bây giờ viện binh Gia Định đã ra. Đây là lần đầu tiên sử quan xác nhận vai trò quan trọng của những người Pháp trong thủy quân Gia Định. Tháng 2 năm đó, cho rằng người Hồng Mao (!?) “giỏi thủy chiến”, Anh sai Cai đội Ba-la-di họp thuyền bè, dự bị quân nhu, chiến cụ đợi lệnh. Đồng thời, lại cho Nguyễn Văn Chấn coi Phụng Phi Đại hiệu thuyền chở 26 đại bác, có Renon phụ tá. Tàu Long Phi của Nguyễn Văn Thắng có 32 đại bác, tàu Bằng Phi của Lê Văn Lãng có 26 đại bác, mỗi tàu chở trên 300 người, tất cả đều sửa soạn đi đánh giặc[561].

Chuẩn bị đâu đó rồi quân sĩ lên đường vào tháng 3. Những kẻ hăng hái chắc còn nghe vang vang lời khuyến dụ “thành Quy Nhơn chỉ bắc, đập phá trùng vi; đô Thuận Hoá rung cờ, dẹp yên đảng nguy”.

Tháng tư nhuận, trên bộ, Nguyễn Đức Xuyên, Đặng Trần Thường dẫn voi tiến đánh Phú Yên. Nguyễn Văn Trương vẫn coi thủy quân. Trần Quang Diệu vội vã sai thêm Đô đốc Đào Công Giản, Đô đốc Tuấn vào La Hai, Hội An phụ với Phạm Văn Diêm. Chỉ đợi Nguyễn Ánh đến vùng Trích sai Nguyễn Văn Thành đổ bộ Xuân Đài cầm quân trên đất là trận tấn công bắt đầu.

Ở Phú Yên, chiến thắng tương đối dễ dàng. Nguyễn Văn Thành sai Đô thống chế Lê Chất, Nguyễn Đình Đắc, Trương Tấn Bửu phân binh 3 đạo đánh Đất Đỏ, Thạch Kỳ rồi tiến về Hội An. Đô đốc Tuấn và Phạm Văn Diêm phải lui về gò Ai Thạch dựa núi chống lại. Giáp trận với quân voi của Nguyễn Đức Xuyên, họ lui thêm về giữ La Hai. Thành sai binh đi vòng đánh tập hậu đuổi bắt được Giản, Tuấn. Diêm trốn thoát lên núi chờ cơ hội xuống quấy rối.

Quân Nguyễn cũng gặp khó khăn vì hàng ngũ mới kết hợp dần dần tan rã. Thực ra binh đã trốn nhiều từ tháng tư đầu nhưng càng đi sâu vào nội địa Tây Sơn, dân lính Tây Sơn trong quân Ngự lâm càng thấy có cơ hội để đào ngũ hơn. Lính trốn nhiều đến nỗi Nguyễn Ánh phải lo võ về an ủi Lê Chất và khi cho Ngự lâm quân tiến đến Cù Mông, ông phải sai Nguyễn Huỳnh Đức ra cầm quân cho chắc dạ.

Tuy nhiên trong tháng năm âm lịch đường đến Bình Định đã mở. Khi Võ Tánh nghe tin viện binh tới, bèn mở cửa Nam ra đánh một trận định liên lạc với bên ngoài nhưng không được, thì mặt trận đồng Cây Cầy (còn gọi là Gò Cầy) bắt đầu và kéo dài đến nửa năm.

Phải dừng lại để điểm xét địa thế của vùng phía nam thành Hà Nội, nơi xảy ra trận chiến quyết liệt, nhiên hậu chúng ta mới theo sát cuộc so tài này. Đường đi từ Phú Yên ra có hai lối. Một men theo gần biển qua đèo Cù Mông dọc thung lũng sông Phú Huệ, từ đó có thể đến đồng Bình Thạnh, Phú Trung ở mặt sau Thi Nại để lên Thành. Về phía tây, nơi thung lũng của hai sông La Hai đổ xuống phía nam (Phú Yên) và sông Hà Thanh ngược

hướng đông bắc (rồi đổ vào đầm Thi Nại), có đường thông thương ngày nay làm đường liên tỉnh và thiết lộ. Vẫn ở phía tây, các khe nguồn hợp nên sông Kỳ Lô có những ngõ ngách giữa núi Chúa, đồng Cây Cầy, nơi quân Nguyễn - Tây Sơn đang giằng co nhau, nơi mà lần nào tiến quân ra, quân Nguyễn cũng phải tử chiến mới xô đuổi được Tây Sơn để uy hiếp thành Chà Bàn.

Lúc mới tấn công trên đất Bình Định, Nguyễn Văn Thành sai Nguyễn Đình Đắc, Lê Chất đi hai bên, Trương Tấn Bửu đi giữa để ông cùng Nguyễn Đức Xuyên đem voi ứng tiếp đánh núi Lão Hương. Tây Sơn lui về núi Chúa, nhưng viện binh của họ tới tăng tinh thần binh sĩ. Nguyễn Văn Thành đổ ra đánh từ mờ sáng tới trưa. Rốt lại chỉ làm cho Nguyễn Văn Sở chết, tướng nản. Lương Văn Cương, Nguyễn Văn Vân[562] đang trông coi Ngự lâm quân mang cả 200 thuộc binh chạy về phía Tây Sơn để tiếp tục chiến đấu.

Lúc này, Tây Sơn cũng bối rối ở Nghệ An. Ta đã biết việc Nguyễn Văn Thụy (Thoại), Lưu Phước Tường, Nguyễn Hoài Châu, Lê Văn Xuân đem 150 người dụ Vạn Tượng đánh sau lưng Nghệ An. Phái bộ đi từ tháng 4 năm ngoái, đến Viên-chăn vào lúc Nguyễn Ánh sắp rút về nên vua Lào không quyết tâm giúp. Tháng 3 năm nay, Thụy lại về Gia Định xin thêm người, đến tháng 6 thì đem binh tràn xuống Nghệ An đánh Nguyễn Đình Lạc ở Đồn Bốc, đuổi Phò mã Nguyễn Văn Trị ở Đồn Lam chạy về Thanh. Chiến dịch có lẽ không lấy gì làm dữ dội, nhưng có tiếng vang lớn vì đánh ngay trong nội địa Tây Sơn. Các thổ hào, phiên lân như Hà Công Thái ở Thanh Hoá, Phan Bá Phụng ở Hưng Hoá cùng khắp nơi Bắc Hà nhân dịp này nổi dậy đánh phá.

Ở Bình Định, Tây Sơn vẫn chưa bị lay chuyển. Nguyễn Ánh thấy đồng Cây Cầy vững chắc muốn chuyển mũi dùi tiến quân về dưới đồng bằng. Ông sai Lê Văn Duyệt với Mạc Văn Tô, Nguyễn Đức Thành mon men ra Phú Trung. Thực lực không đủ, ông mới đưa thư bảo Nguyễn Văn Thành chia một nửa voi đi gặp Duyệt. Thành không chịu vì một mặt ông phải lo đối

phó với Tây Sơn đang biết rõ ông vì hàng ngày vẫn có người bỏ qua bên kia, mặt khác ông phải lo kèm giữ chính quân ông vì “bọn ở lại cũng không đủ tin”.

Chiến trận càng kéo dài thì tinh thần binh tướng càng lung lay, nhất là ở những phần tử chưa đồng hoá. Tháng 7, hàng tướng coi Ngự lâm quân là Từ Văn Chiêu làm phản với Nguyễn Văn Diễm cùng 500 thuộc binh. Tây Sơn lại được thêm một viên tướng có tài, liệu lĩnh, ngăn chặn không biết bao nhiêu trận tấn công của Nguyễn. Ánh phải vội vàng an ủi Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Văn Trương. Nhưng cũng không ngăn được 150 quân Ngự lâm nữa trốn đêm ở Hội An, Ánh gượng giải thích: “nhớ quê, nhớ nhà, ai lại không vậy”.

Chưa hết bối rối cho Gia Định. Nơi đồng Cây Cầy. Thành sai người đến núi Chúa chôn thuốc nổ đốt, nhưng không lui được giặc mà còn làm chết thêm Nguyễn Công Trọng. Khi Trần Quang Diệu, Vũ Văn Dũng nghe chuyện Nghệ An, muốn kéo binh đánh rốc một lần ở núi Hoa An nơi mà Lê Văn Duyệt vừa đuổi Tư khấu Định tháng trước, thì viên tướng Miên Cao-la-hâm-sâm của Thành lại tư thông với Tây Sơn khiến Ánh vội vả trả lại cho Thành tướng Nguyễn Đức Xuyên (vừa đem voi và Lê Chất xuống) để đổi quân Miên về giữ Cù Mông.

Chiến tranh dằng dai thì vấn đề lương phạn, tiếp tế đạn dược phải gặp nhiều rắc rối, bất ngờ. Tây Sơn bị Nguyễn Văn Trương cướp mất ở Đề Di 3 vạn vuông lúa cùng thuốc đạn, khí giới chở từ Thuận Hoá, Bắc Hà vào trên 150 thuyền. Thống lãnh tên Thụy bỏ thuyền lên bộ chạy báo tin chẳng lành cho Diệu.

Nguyễn Ánh cũng gặp trở ngại. Ông có lương ở kho Diên Khánh, phụ thêm ở phủ Thuận Thành, ở kho La Hai, Hội An (đánh thuế điền, đình nơi lính, dân Phú Yên), ở kho các nơi khác bằng cách lấy trước thuế năm sau. Lương chở đường thuỷ thường gặp các thuyền Tề Ngôi cướp phá. Từ khi Trần Quang Diệu vào Quy Nhơn thì đội thuỷ quân đặc biệt của Tây Sơn này đã

lảng vảng vào đến tận Hòn Khói. Họ lẫn lút trên mặt biển cướp thuyền, thuốc đạn vật dụng của Nguyễn Văn Yến chở từ Cầu Hin đi. Họ chân đánh thuyền chở cá muối của Bình Thuận. Một mối cản trở khác chờ đợi Nguyễn Ánh là các luồng gió bắc: trong tháng 10, thuyền lương chở qua vũng Ma Văn (vũng Nại, Ninh Thuận) bị gió lớn lật úp, chết hơn 100 người, hao hơn vạn quan tiền, 4 vạn vuông gạo.

Thiếu lương, Ánh sai Lưu Tấn Hoà đi Bình Thuận, Bình Khang thu thuế với lời dụ đặc biệt: “cứ tùy tiện làm việc không nệ nơi lệ thường”. Cần gạo, Ánh tính lấy gạo cả nơi người Thượng ở Đồng Hương nữa. Tháng 11, điền tô tăng. Khó khăn như vậy không trách trong tháng 9 khi Lê Văn Thanh trốn đi, Vệ úy Hồ Văn Huệ bị Tây Sơn bắn chết ở núi Chúa, Nguyễn Đức Xuyên đã dâng sớ xin dừng binh chờ sang năm gió hơi thuận sẽ đánh.

Nhưng một may mắn đã đến với quân Nguyễn. Nhờ hỏi dò dân Thượng biết được có đường đi vòng đánh tập hậu, Nguyễn Văn Thành xin thêm Tống Viết Phúc và Lê Văn Duyệt. Nguyễn Ánh đẩy Lê Chất về La Hai và cho tin quân Cù Mông chuẩn bị. Ngày 5-1 (1801), trận đánh xảy ra: Lê Văn Duyệt mặt trước, Nguyễn Văn Thành mặt sau, quân Nguyễn tấn công với một đội súng thần phục và độ 20 đại bác cỡ nhỏ bắn gần được. Tây Sơn phải bỏ chạy đi nguồn Cờ, Đò đốc Hoan bị giết. Tiếp tục truy kích, quân Nguyễn gặp Tây Sơn góp quân lại đánh ở Tuần Dã (đồng Vòng?) ngày 11-1.[563] L. Barizy đếm số địch quân đến 223.000 người. Thật quá nhiều. Viên tướng chống đối là Từ Văn Chiêu đã bày tỏ gan dạ Tây Sơn. Họ đánh rất dữ nhờ chiếm được địa thế tốt, chỉ phải chịu thua vì súng lớn, súng nhỏ của quân Nguyễn thôi. Chiêu thua bỏ chạy để Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành mở tiệc ăn mừng, quá hăng say chiến thắng, khích bác nhau, để hiểm thù kéo dài mãi về sau.

Những trận tiếp theo chỉ là những cuộc thanh toán nhỏ, Nguyễn Văn Thành đến đồng Dài sai Tống Viết Phúc đánh núi An Tượng. Tiếp theo là các trận Đàm Sanh, Sơn Chà. Tây Sơn bỏ từ núi Đá Mài đến Hoa An, Hoa Lục.

Như vậy [564] đạo binh Cây Cầy đã thông được với nhau. Họ đóng binh dọc sông Hà Thanh, từ Quán Rạp đến Vân Sơn. Thành Bình Định bị vây tính gần tròn năm. Lực lượng Gia Định tuy đã tiến nhiều nhưng không đủ uy hiếp mặt sau của Thi Nại nên một số quan trọng của họ còn kẹt ngoài khơi với 91 thuyền và 50.000 người². Bộ, thủy Tây Sơn còn đóng ở Thi Nại cản đường quân Nguyễn Ánh đổ bộ lên, và đe dọa phía sau lưng quân Nguyễn Văn Thành nữa. Nhìn vào bản đồ vụng về của L. Barizy vẽ rồi so sánh các tài liệu khác cùng địa thế thực tế, ta thấy vị trí chống đánh của hai đối phương trước của Thi Nại. Đường nước bên trong đầm đã hẹp mà Vũ Văn Dũng đem hai chiếc Định quốc Đại hiệu thuyền chở từ 5 đến 60 khẩu đại bác chặn ngay cửa với dày đặc bên trong là 40 tàu lớn, 20 tàu nhỏ hơn, 100 ghe chiến đậu san sát đến cửa sông đưa vào Nước Mặn. Ông còn đặt đại bác trên núi Tam Toà, trên đất liền, bãi Nhạn (phía thành phố Quy Nhơn bây giờ) dựa vào núi cao chĩa xuống bảo vệ đoàn thuyền trấn giữ. Trên bộ còn hơn 60 voi với quân lính.

Nguyễn Ánh lúc bấy giờ đang ở hòn Nân[565]. Từ tháng chạp Canh Thân (15-01 - 12-02-1801), ông đã dự tính sẵn sẵn thuyền nhỏ, chất đồ dẫn hỏa rồi móc lấy thuyền Tây Sơn đốt. Tổng Viêt Phúc xin đảm nhận việc đó. Ánh báo cho Thành biết mưu tính để hợp lực ngăn chặn bộ binh không cho tiếp cứu. Theo ý Thành, Lê Văn Duyệt được cử thay Phúc. Tướng sĩ lâm trận được khuyến khích bằng một lời dụ: “Đây là lúc các người báo đền ơn nước, sống thì phú quý đồng hưởng, chết thì ân điển chẳng quên; anh em trong quân, nếu anh chết em lên thay chức...”. Sử quan cũng ghi thêm rằng: “mọi người đều nức lòng đánh giặc”.

Chiến trận xảy ra vào đêm 16 tháng giêng Tân Dậu (28-2-180[566]). Tiền chi Hoàng Văn Khánh đem bộ binh lén đến Vũng Dừa đợi ở Tiêu Cơ lửa cháy thì tiến lên công hãm trại giặc và đi vòng núi mai phục để cản tiếp viện (theo vùng đèo Sơn bây giờ?). Quân Nguyễn qua Tiêu Cơ bắt được thuyền tuần Tây Sơn, truy ra khẩu hiệu. Nguyễn Văn Trương, Tổng Phúc

Lương bèn đem thuyền nhỏ nhằm Hồ Cơ xông vào, đốt thiêu thủy đồn làm hiệu.

Và trận tấn công bắt đầu. Theo Lelabousse, quân Nguyễn chỉ dùng có 4.000 người trên 26 ghe chiến và 100 thuyền nhỏ. Lúc đó quân Nguyễn Văn Trương, Tổng Phúc Lương đã đổ bộ rồi. Các ghe chiến còn lại chở ông Tổng thủy “to hòng”¹ Võ Di Nguy đi trước.

Quân lính “thừa đêm tối và gió xuôi, tiến vào tàu thứ nhất, nhảy lên đốt phá. Họ xông vào cửa biển, ném vung các bó đuốc và đổ dẫn hoả ra”. Thế rồi trận đánh trở nên dữ dội. Quân Tây Sơn từ trên núi và từ các tàu bắn vãi đến. Hà tiện lời như sử quan mà cũng tả ra là “tiếng súng vang trời, đạn bay như mưa”. Võ Di Nguy trúng đạn ngã lăn ra chết. Lê Văn Duyệt không quay đầu lại, đánh mạnh hơn đến Nguyễn Ánh bảo lùì cũng không chịu. Đám sĩ quan Tây phương: Chaigneau, Vannier, de Forçan đưa các ghe chiến vào rồi quay lại bảo vệ Nguyễn Ánh khi trận chiến xảy ra. Nhưng nóng lòng, sốt ruột, máu chiến sĩ nổi lên, de Forçan lên đi trong đêm tối, tự mình đốt được 7 ghe chiến địch. Chiến trận kéo dài 3 giờ sáng đến đứng trưa 1-3-1801 (“Dần tới Ngọ” của Thực lục). Thuyền Tây Sơn cháy tan, nhưng họ còn cố chống giữ trong các giàn súng tới khi cuối cùng đám cháy lan đến các thùng thuốc súng làm nổ tung hết lên. Như lời Chaigneau báo cho Barizy biết chiến thắng, “ta đốt hết cả thủy quân giặc, không sót một chiếc thuyền nhỏ nào”[567].

Ông thấy rằng “người Nam chưa bao giờ phải đánh trận dữ dội như vậy” và sử quan cũng không quên kết luận: “Người ta gọi trận này là đệ nhất vũ công”.

Ngày đó, Nguyễn Ánh đổ bộ lên chợ Giã[568], ra dụ chiêu an rồi sai người đi báo cho Phú Yên, Bình Khang, Bình Thuận biết. Ông lại bảo Gia Định truyền sứ cho tin đến tận Cao Miên, Xiêm La. Tuy vậy, Ánh cũng mất đến hơn 600 người. Tướng thì ngoài Võ Di Nguy còn có Cai cơ Hoàng Văn

Định, Phó Tiền thuỷ dinh và Phó Vệ úy Nguyễn Vĩnh Hựu của đạo Thần Sách.

Phía Tây Sơn, họ “chống giữ đến chết” như Chaigneau nói, cho nên toàn bộ thuỷ quân đều bị tiêu diệt. Từ nay họ không còn chút uy thế nào trên mặt bể nữa, trước cả khoảng tháng 4 âm lịch khi Đông hải vương Mạc Quần Phù cùng các tướng bị bắt lúc bị gió dạt ngoài khơi Thi Nại. Họ hoàn toàn không kiểm soát được mặt bể để tha hồ cho thuỷ quân Gia Định tung hoành ra lấy Phú Xuân mà không sợ một lực lượng lưu động nào theo kịp ngăn trở nữa. Trần Quang Diệu còn bức được Võ Tánh chết, nhưng sự thực đám quân tướng Tây Sơn ở đây mấy tháng sau phải tan rã trên rừng chính vì không thể nào di động theo các đồng bằng dọc biển mà không có yểm trợ của thủy quân, chính vì sự tan vỡ ở trận Thi Nại này vậy[569].

Tiết 19

CHIẾN TRANH Ở PHÚ XUN VÀ BẮC HÀ

Cuộc tử thủ của Tây Sơn ở Quy Nhơn và ý kiến giải vây cho nơi này * Trận chiếm Phú Xuân * Cố gắng tuyệt vọng của Tây sơn ở Quy Nhơn và lũy Thầy * Kết thúc chiến tranh ở Bắc Hà.

Chiến thắng Thi Nại làm nhẹ bớt nỗi “uất uất không vui” của Nguyễn Ánh. Nhưng lực lượng bộ binh của Tây Sơn vẫn còn nhiều hùng khí. Khi Ánh sai Lê Văn Bản đem quân đi hai vùng Nồm, Bắc đóng giữ tuần phòng thì Vũ Văn Dũng đã hợp với Trần Quang Diệu chia người trấn giữ: Tư khẩu Định đóng ở Bến Đá, Đô đốc Nguyễn Văn Ngũ giữ đầm Nước Ngọt, Đô đốc Vũ Văn Sự trấn Tân Quan ở giữa. Hàng phòng vệ ấy dùng để cản sao cho họ rảnh tay công thành sau khi họ đã tụ tập quân lính thề chiếm lấy cho kỳ được.

Quân Nguyễn nhân đà thắng cũng muốn tiến lên phá vỡ vòng vây cho Võ Tánh. Nguyễn Văn Thành sai Tổng Viết Phúc đóng ở Càn Dương. Binh

Tây Sơn đánh giết Vệ úy Trần Văn Xung ở chợ Chánh Lộc. Quân Phúc kéo đến thì Tây Sơn lui. Rượt đuổi đến Thạch Cốc[570], Phúc rùi gặp kẻ thù. Đô đốc Từ Văn Chiêu vẫn hăm hực về tiếng gọi “hàng tướng” của Phúc, có dịp để trả thù bằng một trận phục binh chiến thắng lớn lao. Phó Đô thống chế Phạm Văn Cơ, Vệ úy Nguyễn Văn Tri bị bắt, hai Vệ úy Hoàng Phúc Bảo, Hoàng Văn Tứ bị giết khiến Phúc phải bỏ quân chạy về Thi Nại. Như vậy rõ ràng chiến thắng thủy trận mới đó chưa đủ làm điên đảo Tây Sơn trên bộ.

Mọi người hoang mang. Lúc bấy giờ chính ai đã đề nghị ra đánh Phú Xuân để không những cứu gỡ cho tình thế mà còn làm cho chiến thắng trở nên quyết định như lời De la Bissachère? Theo ông này, Nguyễn Ánh bị thúc đẩy bởi các tướng Bắc Hà đang chán nản vì phải đánh lâu quá bắt đầu muốn bỏ rơi ông và cũng được vài người Pháp khuyến khích, nói rằng đánh ra Phú Xuân vẫn là ý kiến của Giám mục d’Adran. Với sử quan thì người bày mưu đó với người đề nghị đốt Thi Nại cũng là một: Đặng Đức Siêu, người Bồng Sơn, phủ Quy Nhơn, đồng hương với chúa Tây Sơn[571]. Họ cũng có ghi thêm ý kiến của Võ Tánh, nhưng ta có thể coi lời Võ Tánh như một sự chấp nhận hy sinh hơn là một sáng kiến. Vinh dự đó có lẽ để dành cho mưu thần Việt thì phải hơn vì cái thể “vây Nguy, cứu Triệu” đầy đầy trong binh pháp Đông phương.

Cho nên, sau khi lên Vân Sơn coi đồn trại địch một ngày rồi về[572], bắt đầu tháng 2 âm lịch, Nguyễn Ánh sai Cai cơ Tổng Phúc Chu về Gia Định hợp với Lưu trấn ở đó là Nguyễn Văn Nhân tuyển thêm một vạn binh, nếu cần bắt cả lính đồn điền. Rồi cũng có việc xét dân bắt lính ở Phú Yên, Bình Khang, Bình Thuận. Ánh có nói rõ mưu mô dự tính cho Nguyễn Văn Trương để đem binh thuyền đánh Quảng Nam, Quảng Ngãi trước.

Nhưng cuộc vét dân đã gây phản ứng về phía dân chúng. Phạm Văn Điem chạy lên rừng từ hồi quân trong mới kéo ra, nay tụ tập được 500 bộ đảng

đánh đốt Hội An, đuổi Lưu thủ Phan Tấn Tuấn chạy ra Xuân Đài nhờ cậy thuỷ binh của Tổng Viết Phúc, Nguyễn Đức Xuyên được phái tiếp viện.

Mỗi loạn Phạm Văn Diêm là khó khăn mới cho Nguyễn Ánh, dằng dai, làm nhọc mệt quân Nguyễn không ít. Trong tháng ba, đánh rồi chạy, chạy rồi lên đánh Diêm đã quấy rối Phú Yên trước mặt danh tướng Lê Chất. Lưu Tấn Hoà giữ Hội An bị Diêm lén đốt phong hoá đài tuyệt đường thông tin, đánh úp giết chết. Nguyễn Long đóng ở La Hai định chiếm lại Hội An lại bị đánh lén phải bỏ cả lương phạn, khí giới chạy về sông Đà Rằng. Tội nghiệp cho viên Thượng đạo tướng quân 20 năm trên rừng, mới làm chỉ huy lần đầu đã phải bại vong. Lê Chất ra tay, hợp binh với Hoàng Văn Kinh người thay Long, tiến đánh bắt Đô tư Nguyễn Nhiều ở bến Gạo (Mễ Tân). Diêm bỏ chạy lần nữa nhưng vẫn còn sẽ gây khó khăn trong tỉnh, sau lưng quân Nguyễn Văn Thành.

Trong lúc đó thì tiến triển thuỷ quân Nguyễn vẫn khả quan. Nguyễn Văn Trương đổ bộ Cổ Luỹ, đốt kho Trà Khúc đuổi Đô đốc Tuấn chạy, rồi ra cửa Đại Chiêm đánh Hội An, Phú Triêm bắt 24 voi. Ở La Qua, ông đuổi Đô đốc Nguyễn Văn Xuân, Lưu thủ Thiếu úy Lưu Tấn Thế lấy hơn 80 đại bác, binh thuyền, khí giới[573]. Nghe tin, Nguyễn Ánh phái thêm Tổng Viết Phúc đem 1.000 binh và 30 ghe chiến đến giúp. Ông còn cho cả Phạm Văn Nhân lãnh 3 chiếc Long, Phượng, Bằng trong đội cận vệ của ông ra Đà Nẵng.

Để việc rút quân khỏi tiết lộ, Nguyễn Ánh sai Nguyễn Công Nga đem 15 thuyền ngày đêm tuần tiễu từ cầu Tân Hội tới Nước Mặn, từ sông Tam Kỳ (?) tới sông Dinh, Gò Bồ (Phù Sa), cấm dân chúng lai vãng, xầm xì tin tức.

Ngày 27-5-1801, binh thuyền Gia Định tới Quy Nhơn với 10.900 bộ binh, trên 27 ghe chiến và nhiều ghe trí súng[574]. Quân ở vài ngày, Ánh đưa mật thư bảo Võ Tánh lén bỏ thành chạy ra và đồng thời tuyên lệnh ban thưởng cho những người nào bắt được vua tôi Quang Toản. Ngày 3-6, quân Ánh rút đi sau khi đốt lửa ở núi Một báo tin cho Nguyễn Văn Thành ở Vân

Sơn biết và để giã từ viên Phò mã Hậu quân, người anh hùng cuối cùng của Gia Định Tam kiệt. Ngày 7-6 quân đến Đà Nẵng, Ánh sai Nguyễn Văn Trương, Phạm Văn Nhân đem thuyền đi trước đến cửa Eo (Noãn khẩu, cửa Thuận An). Trận đánh Phú Xuân bắt đầu[575].

Tám giờ sáng ngày 11-6, thủy quân Nguyễn đến dàn trước mặt cửa sông Hương chia làm 2 đạo: các tàu và thuyền trí súng dưới quyền Phạm Văn Nhân hướng vào cửa Thuận An, 42 ghe chiến và 300 ghe nhỏ chở 15.000 bộ binh theo Nguyễn Ánh, Lê Văn Duyệt, Lê Chất nhằm vào cửa Tư Hiền (Tư Dung, hay nôm na, cửa Ông theo bản đồ của Barizy). Người giữ cửa là Phò mã Nguyễn Văn Trị đóng trên núi Quy Sơn (núi Linh Thái) với 10.000 người dựa thế hàng cọc gỗ đóng chặn bên bờ sông ngăn ghe thuyền địch.

Năm giờ sáng ngày 12, cuộc tấn công bắt đầu. Binh Tây Sơn trên núi cao bắn xuống rất dữ, các ghe thuyền lại mắc phải cọc chìm khá nhiều. Trận chiến kéo dài đến suốt ngày (từ Thìn tới Dậu): 7 giờ sáng tới 5 giờ chiều. Lê Văn Duyệt bàn với Lê Chất rằng không đánh tập hậu không được. Đêm đến, ông đem 20 thuyền lén vượt bờ cát, trước sau ập lại, bắt được Nguyễn Văn Trị cách đồn độ 500 thước. Đô đốc Phan Văn Sách cùng 500 người phải hàng.

Trong lúc trận chiến tiếp diễn ở cửa sông thì trên Kinh thành một âm mưu nội tuyến của giáo đồ bị tiết lộ[576]. Một người thợ mộc ở Phú Xuân đã lén thuyết phục Nguyễn Ánh rằng các giáo sĩ và giáo đồ có thể giúp ông được. Ông bèn gửi thư cho Giám mục (có lẽ Labartette) và các giáo sĩ báo tin quân ông đến và xin các ông này cầu nguyện cho. Lúc trở về người thợ mộc bị bắt và khai tất cả. Dưới sự thúc đẩy của Nội hầu Lê Văn Lợi (Barizy viết “Hoe Hanh Loi”: Lê Văn Lợi, hay “Noé haw Loée”: Nội hầu Lợi), một lệnh truyền tru diệt những người Thiên Chúa giáo trong vùng được tung ra ngày mùng 5 - 5 (tết Đoan Ngọ), nếu quân Nguyễn Ánh không vừa tới kịp[577].

Trong sông, quân Nguyễn gặp một số tàu trong 64 chiếc từ Bắc vào tiếp viện dưới quyền một viên Tư mã mà Barizy gọi là “Noe”. Hai mươi bảy thuyền có trí súng của Tây Sơn có mang cờ lùa đỏ tiến đến ngăn chặn đội thuyền Phấn Dực, chỉ trong phút chốc đã bị đánh thua chạy. Ba giờ chiều mồng ba tháng 5, ghe thuyền quân Nguyễn vào bến Phú Xuân[578]. Quang Toàn vội vã mang vàng bạc, bỏ cả sắc ấn nhà Thanh lại để chạy cốt thoát lấy thân với em là Thái tử Quang Thiệu, Thái sư Quang Khánh cùng Đại tư mã Tứ, Đô đốc Trù. Ở lại hàng có Nội hầu Lê Văn Lợi, Trung thư lệnh Trần Văn Kỳ cùng các Phụng nghi, Thị lang bên văn, Đô đốc, Đô tư bên võ. Barizy đi thăm người bị bắt thấy có mặt mẹ Trần Quang Diệu, em vợ ông, vợ Vũ Văn Dũng với các con Ngọc Hân mà ông không tiếc lời khen ngợi vẻ mặt ứa nhìn cùng thái độ cứng cỏi của họ (đây là Quang Cường, Quang Tự, Quang Diệu của Thực lục).

Nghe tin quân Nguyễn đánh Phú Xuân, Trần Quang Diệu sai Tư khấu Định đem 5.000 quân vòng đường núi về cứu. Quân đi 12 ngày đường bị người Thượng ngăn trở, Định tới thì Phú Xuân đã mất liền đóng quân cách đây nửa ngày đường, người ngựa mệt nhọc lẫn ra ngủ. Lũ chần trâu về báo, Nguyễn Ánh sai Lê Văn Duyệt, Lê Chất đem quân bản bộ tiến đánh thì bị vây ở vùng núi gần đó. May sao 4.000 quân hậu tập đến vừa kịp phá tan vòng vây. Định bỏ chạy chết trong rừng. Ba Đô đốc bị bắt, trong đó có Đại Đô đốc Lê Văn An mà tuổi trẻ và khí vũ hiên ngang khiến Nguyễn Ánh phải miễn phục[579].

Ở Quy Nhơn, Trần Quang Diệu cũng lo công kích thành gắt gao. Võ Tánh đánh ra một lần cuối rồi tự đốt chết sau khi bảo Lưu thủ Nguyễn Văn Thanh đưa súng cho Trần Quang Diệu gửi gắm tướng sĩ. Như vậy Tây Sơn đã thanh toán xong đạo quân trong vòng vây để rồi phải lo phá vòng vây.

Trong nửa năm sau 1801, phía bắc không có gì đáng lo lắng cho Nguyễn Ánh. Ông đã sai Nguyễn Văn Trương đuổi theo vua tôi Quang Toàn đến sông Gianh chặn bắt 2.000 quân chạy trốn. Thế mà Tây Sơn còn ráng thẳng

một trận để chặn đường cho vua họ chạy thoát. Nguyên khi Tây Sơn đến Hoành Sơn, Trương sai Nguyễn Kế Nhuận đem 7.000 binh thủy bộ chặn đánh. Đến núi Thần Đầu bị phục binh, Nhuận phải chạy bỏ quân chết quá nửa[580]. Viên hàng tướng Tây Sơn từ đất Gia Định nay bị Nguyễn Ánh kể tội đem ra giết chết.

Tuy nhiên mặt nam mới là đáng chú ý tới[581]. Nguyễn Ánh bảo Nguyễn Văn Trương sai Hoàng Văn Diễm giữ Thanh Hà rồi về Đồng Hới sửa lũy phòng thủ. Thu thêm 52.000 binh Tây Sơn nhập binh mình, Ánh sai Lê Văn Duyệt, Lê Chất, Tống Viết Phúc đánh vào. Đến Trà Khúc, Phúc lập được công lớn: đánh bắt Đô đốc Nguyễn Văn Khôn, Tham đốc Hồ Văn Tự cùng 3.000 quân. Nhưng ông rủi ro lại gặp kẻ thù: viên tướng do Trần Quang Diệu phái ra với Đại Đô đốc Lê Danh Phong (sau ra hàng) lại là Từ Văn Chiêu, nên đã phục binh giết chết Phúc, ngăn hãm con đường tiến quân của Duyệt, Chất đang đóng từ cửa Mỹ Á giảng lên núi[582].

Phía nam chiến lũy đó, 30.000 quân (ước lượng của Barizy và tính toán của Nguyễn Ánh) của Nguyễn Văn Thành cũng đang mệt nhọc với quân Dũng, Diệu và bọn hàng tướng trong thành Bình Định[583]. Ở Phú Yên, thỉnh thoảng Phạm Văn Diễm cũng làm rối 6-7.000 quân của Tiên phong Hoàng Việt Tuyền.

Tháng 8 Tân Dậu (1801), Tây Sơn muốn đánh Hoa An, Hoa Lộc để thông với Phú Yên bèn đàn áp thật mạnh ở Sơn Hà[584], tiến đến sông Dinh, sát núi Một, nhưng không kết quả. Trần Quang Diệu lại chuyển 18.000 quân ra phía Bắc, mưu sai Từ Văn Chiêu đem 2.000 quân đánh úp sau lưng Lê Văn Duyệt để phá thế bao vây mà tìm đường ra Bắc Hà nhưng cũng không toại nguyện. Mặt nam Bình Định, Nguyễn Văn Thành lại tung quân đánh mạnh từ lũy Lò Giáy (Lô Chỉ) đến Tân An khiến Diệu phải trở vào tiếp tay với Vũ Văn Dũng tận vét dân binh chống cự[585]. Trận chiến cứ dang co như vậy trong tháng 10.

Trong khi đó ở Bắc Hà, Tây Sơn cố gượng dậy. Quang Toàn cải hiệu Cảnh Thịnh làm Bảo Hưng, hạ chiếu tự cải lỗi để uy phủ các trấn, sai đắp gò tròn nơi cửa ô Chợ Dừa và đầm vuông nơi hồ Tây để hạ chí, đông chí ra đó tế trời đất. Công việc thật có vẻ của thời thái bình thịnh trị khiến cho Nguyễn Huy Lương phải làm bài phú Tụng Tây Hồ, ca ngợi công đức Tây Sơn một cách quá muộn màng. Nhưng Nguyễn Văn Trương ở sông Gianh cũng nghe điệp báo nói Bắc Hà “xứ xứ lũ động” nên hi vọng của Tây Sơn tranh đoạt lại đất đai thật là mỏng manh.

Tuy vậy, tháng 8 âm lịch, Quang Thùy cũng dẫn quân bản bộ đi Nghệ An trước. Ở Bắc trong 3 tháng, Quang Toàn đốc 3 vạn binh tứ trấn cùng Thanh Nghệ, lưu Quang Thiệu, Quang Khánh lại Thăng Long rồi kéo quân vào Nam. Từ tháng 11 Tân Dậu ra đi mà tới 1-1 Nhâm Tuất (1802) mới xảy ra trận đánh lũy Trấn Ninh, thật quá xa thời Quang Trung tung quân.

Những danh tướng Tây Sơn mắc kẹt ở Quy Nhơn để ở đây nổi bật lên hình bóng một anh thư mà giáo sĩ De la Bissachère đã hết lời ca tụng đến nỗi đem tăng quân số bản bộ từ khoảng 5.000 lên đến 300.000! Thủy quân Tây Sơn do Thiếu úy Đặng Văn Đăng và Đô đốc Lực dàn trên 100 thuyền bày trận ngoài cửa Nhật Lệ. Trên bộ, Quang Thùy, Tổng quản Siêu thẳng lên lũy Trấn Ninh. Và ở mút phía Tây lũy, nơi núi Đâu Mâu có Tư lệ Đình Công Tuyết và Đô đốc Nguyễn Văn Kiên cáng đáng. Chiến tranh xảy ra như 150 năm về trước cũng nơi đất này, tuy các vai trò đã đổi thay.

Nguyễn Ánh sai Nguyễn Văn Trương đánh ngoài biển, Phạm Văn Nhân, Đặng Trần Thường phản binh cự. Quân Tây Sơn bị chết cả ngàn vẫn leo lên núi Đâu Mâu như kiến. Nguyễn Ánh sai thả đá xuống vẫn không ngăn được. Bùi Thị Xuân đốc thúc voi, binh tử chiến từ sáng tới trưa, đã phá đổ một vài mảng thành. Ngôi vị Nguyễn Ánh tưởng bị đe dọa lần nữa. Nhưng ngoài biển, Nguyễn Văn Trương phá tan được thủy quân Tây Sơn. Trên đất, Nguyễn Văn Kiên tiến quá sâu với 8-900 bộ binh bỗng nhiên chịu hàng. Thế mà Bùi Thị Xuân còn đánh mãi tới xế. Thủy quân Nguyễn theo đà

thắng đồ bộ đánh tập hậu. Quang Toàn vội vàng rút lui, bỏ quân Bùi Thị Xuân rối loạn theo. Thế trận đánh tan rã đánh dấu lần quét cường cuối cùng của Tây Sơn[586].

Trận Trấn Ninh cũng làm tiêu tan hi vọng của quân Tây Sơn ở Quy Nhơn. Trong hai tháng đầu năm Nhâm Tuất (1802), họ đã phục binh giết được Phó tướng Nguyễn Văn Huệ và cố gắng cầm cự với quân Nguyễn Văn Thành hợp với Lê Văn Duyệt vào đánh luôn trong 7 ngày. Vùng dưới biển gần Thi Nai, từ sông Dinh lên núi Kỳ Sơn đều bị quét sạch đến mãi Vườn Cau. Vũ Văn Dũng đem nhiều binh đến đánh, không chiếm được mà còn hao các Đò đốc nữa. Cảnh quân Lê Văn Duyệt, Lê Chất đánh ép vào Bến Đá, thủy binh đồ bộ Tam Quan, Đền Di.

Nhưng cái nguy nữa cho Tây Sơn chính là thiếu lương. Hồi tháng 2 họ định vượt núi Nha Tham lên cướp Phú Yên nhưng đã bị Nguyễn Văn Thành chặn lại được. Bây giờ cho dù Trần. Quang Diệu và Vũ Văn Dũng có muốn đi cướp Gia Định như giáo sĩ De la Bissachère nghe đồn cũng không được nữa[587]. Tháng ba năm đó, hai người đều hết lực bỏ thành đem quân đi vòng trên núi ra Bắc với 80 tướng, 3.000 binh mạnh và 86 voi.

Tháng 5, Nguyễn Ánh lên ngôi tôn, niên hiệu Gia Long. Đối với chúng ta, ý nghĩa chính là ở chỗ cuộc chiến kéo dài 30 năm đã sắp chấm dứt.

Từ lâu trong quân đội Nguyễn Ánh có những người Bắc Hà đầu quân mưu khôi phục nhà Lê. Nguyễn Ánh vẫn mập mờ dùng niên hiệu Cảnh Hưng trong các văn thư. Các cựu thần nhà Lê lại thường tổ chức những cuộc xâm nhập Bắc Hà để quấy rối hậu cứ Tây Sơn. Nhưng khuynh hướng phò Lê theo với thời gian đã trở thành lỗi thời, quần thần nhà Nguyễn xuất thân ở Nam Hà tranh quyền bằng xương máu của mình hẳn không phải để đặt lên ngai vàng một ông vua lưu vong chưa từng chia xẻ gian khổ với họ. Ý nghĩa việc đúc tiền năm 1796 với danh hiệu Gia Hưng riêng biệt cũng là một dấu vết phủ nhận từ Nguyễn Ánh[588]. Việc Tây Sơn cầm quyền xứ Bắc trên 13 năm đã xua tan thành kiến ranh giới sông Gianh. Tây Sơn chịu

tiếng cướp nước, nhưng sẽ mở đường cho kẻ sau vượt tiếp mà không thấy trở ngại nhiều. Bởi vậy, khi Nguyễn Ánh đánh Bắc mà phân vân “Bắc Hà vốn là đất của nhà Lê” thì Đặng Đức Siêu, Trần Văn Trạc mới có thể lý luận: “Đất Bắc là của Tây Sơn rồi ... Lấy đất Bắc là lấy của Tây Sơn chứ lấy gì của Lê!”[589].

Lên ngôi xong là Nguyễn Ánh đã dứt khoát sau khi chuẩn bị đầy đủ cuộc vận động tâm lý quần thần. Những người Bắc Hà đã được dự bị từ lâu để theo quân ra: văn thần có Đốc học Nguyễn Gia Cát, Hàn lâm viện Mai Huy Đường đã chờ sẵn từ tháng 6 âm lịch (1801), Đặng Trần Thường cũng được rút từ quân thứ Bình Định đến với Tham quân Hậu dinh là Nguyễn Trí Hoà[590]. Quân Bắc phạt gồm cả một lực lượng hùng hậu. Tiền quân mang 60.000 binh, Tả quân Lê Văn Duyệt dẫn 86.000 người, Hậu quân Lê Chất 50.000 người; Nguyễn Văn Trương mang 50 tàu, hơn 100 ghe chiến. 800 thuyền có trí súng, 500 thuyền nhỏ hơn chở 50.000 người, tất cả rầm rộ tấn phát[591].

Quân đi dừng mãi nhưng đã có bài “Hịch dụ các người trung nghĩa ngoài Bắc thành”[592] để chứng tỏ là Vương sử đến. Lời kêu gọi nhắm vào việc động viên người Bắc hưởng ứng quân Nam, phục thù cho nhà Lê:

“Trước để sanh hồi miếu xã - sau là chửng cứu sinh linh.

“Khuyến người trung nghĩa ngoài này - rõ ý không phù trong ấy”.

Nhưng chúng ta hãy nghe tiếp:

“Nghe võ hịch một lòng ứng Hán, giúp cơn đông lặc thuở trùng hưng;

“Dựng can kỳ bốn mặt công thành, từ thuở sơn man thất thế”.

Nhắc chuyện bạo Tần tức là nhắc chuyện đời đổi triều đại, tuyên xưng cho một phía là nhà Hán, tức là bắt mọi người phải công nhận quyền uy của triều đại mới, người viết hịch trong ước mơ của một di thần Lê Trịnh cũng

đành phải vô tình nhận rằng phân tranh sắp chỉ vào là dĩ vãng và nhà Lê chỉ còn là bóng mờ mà thôi.

Cho nên cuộc Bắc phạt thành công thực dễ dàng. Nguyễn Văn Trương đi trước đuổi Đô đốc Nguyễn Văn Ngũ, rồi cùng với bộ binh của Lê Văn Duyệt, Lê Chất hợp nhau quét sạch xứ Nghệ. Trấn thủ Nguyễn Văn Thận, Hiệp trấn Nguyễn Triêm, Thủy quân Thống lĩnh tên Đại, Thiếu úy Đăng đều bỏ chạy. Trần Quang Diệu, Vũ Văn Dũng, Từ Văn Chiêu, Nguyễn Văn Mân, Nguyễn Văn Giáp, Nguyễn Văn Diễm, Lê Công Hưng (phần lớn đều là hàng tướng cũ lại trở về), theo đường thượng vừa đến. Diệu qua đèo Quy Hợp vào Nghệ An thì nơi này đã mất, bèn qua Thanh Chương, vượt sông Thanh Long. Lính theo hao mòn vì thiếu ăn, bệnh tật, nên bỏ rơi tướng họ sa vào tay bọn nông dân ham tiền. Cuộc đời đông mãnh, thanh cao rồi sẽ cùng chấm dứt với người vợ hiếm có. Phần Vũ Văn Dũng cũng không thoát tay dân Nông Công[593].

Quân Nguyễn qua Thanh Ba bắt Quang Bàn và Văn Thận. Đăng và Hồ đem nhau ra hàng. Đến Sơn Nam hạ, Nguyễn Văn Trương lừa được bọn Thống binh Tề Ngôi lên bộ, bắt Dương Thất Nguyên, Ngô Tam Đồng. Ngày 15-7-1802, Thiếu úy Nguyễn Văn Thọ mở cửa thành Thăng Long ra hàng. Quang Toàn, Quang Duy, Quang Thiệu, các Đô đốc Nguyễn Văn Dụng, Nguyễn Văn Tứ, Tú (Từ Văn Tú?) vượt qua sông Nhĩ Hà chạy trốn. Họ không may mắn hơn những người trước. Đêm ở Xương Giang, dân chúng đón bắt, Quang Thuỳ, Đô Đốc Tú và vợ cùng tự vẫn. Còn Quang Toàn bị dân Phụng Nhớn bắt, chấm dứt đời Tây Sơn.

Ngày 20-7, Nguyễn Ánh ra tới Thăng Long, đặt chân lên nơi mà hơn 200 năm trước, tổ tiên ông phải giả tiếng mới về Nam được. Thăng Long, Thanh Hoá, Phú Xuân, Gia Định rồi nối vòng Gia Định, Phú Xuân, Thăng Long, con đường thật dài, thật đầy gian nan, cực nhọc mà cũng đầy vinh quang. Đất nước mệt mỏi vì chiến tranh nay đã tìm được đường thoát trong

thống nhất, yên nghỉ. Một giai đoạn mới bắt đầu với Nguyễn Ánh - Gia Long.

Chương kết

Tiết 20

TỔNG QUAN VỀ LỊCH SỬ CHẤM DỨT PHÂN TRANH

Vai trò từng cá nhân trong diễn biến lịch sử chấm dứt phân tranh * Ý nghĩa của thời gian 32 năm rối loạn * Những dữ kiện hướng dẫn tái lập hoà bình mở đầu cho thời kỳ cận đại ở Việt Nam.

Lịch sử vừa đóng hết một giai đoạn rối rắm, tàn bạo. Chiến tranh liên miên trên một vùng đất đầy những đặc tính phức tạp, riêng rẽ khiến ta thấy những bộ mặt đặc biệt hiện ra, biến đi tuỳ theo tình thế thay đổi. Về phía Tây Sơn, những Nhưng Huy, Tứ Linh, Huyền Khê, Nguyễn Thung, Giáo Hiến có danh vọng không vượt qua được giai đoạn đầu của một đám cướp nổi loạn. Phạm Văn Sâm, Phạm Văn Hưng và cả Trần Quang Diệu nữa cũng được nuôi dưỡng trong sự trưởng thành của triều đại dòng họ những người ấy. Cứ giả định rằng không có cuộc loạn phát xuất từ làng Kiên Thành thì chắc rằng họ cũng chỉ là những người dân nai lưng ra đóng thuế. Đòi hỏi của tình thế chiến tranh hợp với sự may mắn có liên lạc thân tộc với dòng họ nổi dậy khiến những người này được nâng cao lên, thoát cảnh sống một đời tầm thường, hay có khi tệ hơn, lam lũ. Hình bóng yếu ớt của những nhân vật Bắc Hà: Hoàng Phùng Cơ, Đinh Tích Nhưỡng ... là một minh chứng thêm bên lẫn mức đối địch. Nằm trong sự tan rã của Trịnh Lê, lúc quyền uy Tây Sơn chưa đủ mạnh để lan ảnh hưởng đến vùng ngoài, họ có vẻ là “con người của thời đại”. Nhưng lâm sự, tài năng hèn kém của họ lộ ra: Nhượng tránh mặt Tây Sơn, Cơ bắt nhất lúc Lê, lúc Trịnh để rồi bị trói bởi Tiên phong của Nguyễn Hữu Chỉnh.

Lý Tài tướng đã tránh được số phận dành cho Tập Đình, Nguyễn Thung những người gián tiếp hay trực tiếp chết dưới tay Nhạc, nhưng khi ông phò trì một triều đình đang tan rã thì chức Bảo giá Đại tướng quân oai vệ không đưa quân ông tổ chức vượt được lên trên tình trạng đao búa của một đám cướp ngày để rồi phải chấm dứt cuộc đời trong lúc luân lạc. Châu Văn Tiếp cùng một xuất xứ như Nguyễn Nhạc mà oán “Trời không cho ta bình Tây” chỉ vì đã đem mình ngăn chặn một trào lưu đang lên, tuy lòng can đảm, ý chí quyết thắng của ông có thừa như bất cứ một tướng lãnh Tây Sơn nào khác. Nguyễn Văn Trương may mắn hơn. Từ đứa chăn trâu leo lên chức Trấn thủ Long Xuyên là công của triều đại dân chúng Tây Sơn, nhưng làm Bình bắc Đại tướng thay mặt Nguyễn Ánh trông coi thủy quân chính là nhờ ông đã ghép mình với Gia Định, tiến bộ theo với lực lượng chủ chốt này của miền Nam.

Vượt trên hết những kẻ này là những khuôn mặt đã làm nên lịch sử: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn Huệ và chót hết, vinh dự thay trong lịch sử tàn nhẫn, Nguyễn Phúc Ánh. Nhưng ta cũng đã thấy biến chuyển từ từ trong con người tạo thành Gia Long khi chung cuộc. Đỗ Thanh Nhân ở Sài Gòn chống Tây Sơn thì ông đã lánh ra Bến Lức, Lê Văn Quân thống giữ Ba Vác, Ba Lai thì ông lên đến ngoài vịnh Xiêm. Thực là khác hẳn khi ông đề xướng kế hoạch đánh giặc mùa, điều khiển dưới tay một bọn bề tôi hỗn tạp gồm những tôn thất kiêu hãnh với dòng dõi, tướng tá dũng cảm nhưng thô lỗ, hàng tướng đầy mặc cảm và nhớ tiếc quá khứ oanh liệt, bọn Phiêu lưu Tây phương bừa bãi ngạo nghễ ... Ngôi sao Nguyễn Huệ có chói sáng rực rỡ vì chiến công cũng không che lấp được tính cách mâu thuẫn bất bình của chế độ Tây Sơn. Cho nên, Nguyễn Hữu Chỉnh cô độc giữa xứ Bắc Hà cũ kỹ trong thành kiến đến phải mắc tội “bội phản” mà chết, Nguyễn Nhạc ôm lấy thành Chà Bàn chờ Nguyễn Ánh mạnh lên.

Nhưng những người đang hành động, tiêu cực hay tích cực cũng đều là biểu hiện cho những khuynh hướng, trào lưu hiện hành. Cho nên họ phải

chịu sự huỷ diệt - cụ thể là sự huỷ diệt thân xác - để cho trào lưu kia tan biến hình thức đề kháng mạnh mẽ nhất. Bởi vậy Tây Sơn đã cố tình truy nã đến tận cùng ông Hoàng còn sót lại của dòng họ Nguyễn. Nguyễn Ánh dùng voi xé xác Quang Toản, Bùi Thị Xuân ... Lịch sử 32 năm chấm dứt phân tranh, lịch sử thống nhất trong chiến tranh không phải chỉ gồm những chém giết, hằn thù cá nhân. Tôi trung nhà Nguyễn có thể hậm hực vì “nguy tắc”, cũng như người có tinh thần chống đối phải than khóc giùm cho cơ nghiệp Nguyễn Huệ[594]. Nhưng vượt bỏ tính cách phù du giai đoạn của cuộc sống từng thế hệ, người ta phải thấy có một sự nối tiếp xảy ra trong lịch sử giữa những người trước, sau, cho dù là thù địch cũng vậy.

Chiến tranh hồi thúc lịch sử. Thế mà lịch sử phân tranh trong xã hội Đại Việt đã có dấu hiệu báo trước từ đầu thế kỷ XVI. Triều đại Lê Thánh Tông (1460-1497) qua đi là xuôi hẳn thời thịnh vượng. Có người đã muốn tìm nguyên nhân trong sự kiệt lực của đất đai đồng bằng Nhĩ Hà[595]. Nhưng lịch sử Việt Nam không chỉ xoay quanh đồng bằng miền Bắc cho nên vấn đề có lẽ phức tạp hơn nhiều. Để giải quyết sinh sống, người nông dân Việt khai triển đất đai với tính cách chiếm đoạt. Những đồn điền đặt ra dưới triều Thánh Tông là lợi khí mở đường về Nam. Song kỹ thuật không đổi mới tiến bộ thì địa phương càng dễ độc lập với trung ương, nhất là khi trung ương lại có những yếu tố phân ly sẵn. Cho nên, Trịnh dẹp được Mạc rồi, chấm dứt cuộc phân tranh Lê - Mạc mà không ngăn được Nguyễn Hoàng hùng cứ phương Nam.

Nhưng đất mới cũng đem lại yếu tố văn hoá, kỹ thuật làm nên sức mạnh cho triều đại ly khai. Sau này chúng ta thấy Tây Sơn, Nguyễn Ánh có quân Chàm, Thượng, Miên giúp sức, nhưng J. Koffler đã chỉ rõ từ trước rằng đội quân Chàm của dân bản thổ là một cột trụ của Nam Hà giữ quân Bắc không vượt qua được sông Gianh. Nếu chỉ có bấy nhiêu thay đổi thì phân tranh vẫn chỉ hoàn phân tranh. Quan trọng hơn là việc đám người bản thổ Việt hoá và đám người Việt thu nhận ảnh hưởng bản thổ tạo thành một lớp người mới uyển chuyển hơn. Đất đai màu mỡ vì vừa quen với kỹ thuật khai

thác tỉ mỉ ở miền Bắc đưa vào, tạo nên sự trù phú, thịnh vượng. Ấy vậy mà càng đi về xa xuống Nam mỗi liên lạc địa phương với chánh quyền trung ương càng lỏng lẻo, ngay cả đối với chánh quyền Nam Hà. Những con sông ăn sâu vào trong núi, những khoảng núi chạy dài ra biển ấp ủ, che giấu những âm mưu khuynh đảo.

Thế rồi ảnh hưởng Tây phương đến. Chúng ta biết thương nghiệp mang lại giá trị mới cho những sản phẩm địa phương. Nam Hà có đất cho nông dân cày cấy thì cũng có rừng rú cho người ta lấy ngà voi, sừng tê, trầm hương, kỳ nam chuyển ra ngoài. Từ đó Nam Hà có truyền thống đón nhận ảnh hưởng từ ngoài vào. Joan da Cruz có tên gắn liền với địa danh Phường Đúc ở Huế trong khi những con bù nhìn giả lính Bồ đứng trên lũy Trấn Ninh đe dọa quân Trịnh.

Tất cả tạo nên một hoàn cảnh sôi sục trong phát triển ở Nam Hà. Địa phương và trung ương trông chừng nhau ở cả hai bên sông Gianh, nhưng sức mạnh địa phương miền Bắc đã yếu thế nhiều vì quá khứ 10 thế kỷ kết tập chung sống. Cho nên, biến cố có tên là Tây Sơn lại nổ bùng ra ở Nam Hà và đủ sức mạnh để đảo lộn tất cả: chiến tranh 32 năm chỉ là cái gút để tóm thâu kết quả của mấy trăm năm gầm gừ phân tranh, mấy trăm năm biến đổi dần dà trong xã hội Đại Việt.

Cuối đường của mối loạn tiền kèm gặp gỡ rồi loạn trong triều Nguyễn chúa dưới quyền phụ chính Trương Phúc Loan là điều kiện tức khắc cho anh em Tây Sơn lộ diện. Họ tụ tập dưới cờ quân Thượng, quân phản Thanh phục Minh, đám nông dân nghèo đói, bất mãn sưu thuế, quan lại triều đình, sĩ phu, tướng lãnh không đất dụng võ. Nói rằng Nam Hà dưới quyền chúa Nguyễn vừa yếu vừa mạnh thực là mâu thuẫn. Nhưng đúng vậy bởi vì đã có những tiềm lực chưa dùng đến, còn đang kết thành. Tây Sơn đã nung chín những sức mạnh đó để làm lợi cho mình. Cho nên, cứ lúc tiến lúc thoái, họ đánh tan được nhà Nguyễn rồi ào ạt ra Bắc.

Ở đây phải nhắc lại tính cách đồng nhất trên những đường nét phát triển chính trị của xã hội Đại Việt trong phân tranh. Trên tột đỉnh cơ cấu quyền bính, Tây Sơn và bầy tôi Lê Trịnh xưng hô với nhau như người của hai nước riêng biệt, một điều “quý quốc” hai điều “quý quốc”, nhưng Trịnh - Nguyễn vẫn nhớ mình là người Thanh Hoá, Nguyễn Nhạc còn biết xưng họ ngoại chúa Nam Hà, và Nguyễn Huệ vẫn đòi lập Phượng Hoàng Trung đô ở quê cha đất tổ Nghệ An. Ảnh hưởng giao thương với nước ngoài không tạo nên một giai cấp bourgeois có tiền của, xây dựng ý thức hệ, đả đảo Cựu chế như ở Tây phương nhưng cũng phát sinh ở 2 miền Nam, Bắc một lớp người làm giàu mau chóng bằng cách buôn bán, khác hẳn bọn nông dân cặm cùi lam lũ. Phố Hiến, Kẻ Chợ, đám các lái ở Thanh Hoá còn đó để chứng minh. Chỉ duy, trong tương quan ảnh hưởng đối với xã hội Bắc Hà, họ phải chịu núp dưới bóng quan lại đồng hương hay không, để tìm quyền hành. Vùng này, dân chúng bị chi phối bởi mối quan tâm phù Lê diệt Trịnh trong khi Lê chỉ là bóng mờ bên cạnh uy quyền thực của Phủ Liêu. Cái hại sĩ phu miền man trong kinh sách rồi truyền cho đám nông dân tuy làm yếu Bắc Hà, nhưng cũng ru ngủ được dân chúng trong một giấc mơ bình an về ý thức hệ. Cho nên những kẻ bất mãn mà ít hay nhiều đã được khuôn nắn trong một không khí có khác với kinh văn, dễ mở rộng trí suy xét để đón lấy cơn giông tố tự phương Nam. Nguyễn Hữu Chỉnh ở vào trường hợp đó. “Công rắn cắn gà nhà, nghĩ thật có tội, song cũng là một việc hơn người”[596] những đầu óc dù hẹp hòi cũng vẫn phải chấp nhận sự thật là có những biến đổi đang làm đảo lộn xã hội đang sống.

Nhưng khi Nguyễn Hữu Chỉnh muốn tách rời Tây Sơn thì ông thất bại ngay. Ông định đem những biện pháp khắt khe mà Tây Sơn đã dùng để áp dụng cho Bắc Hà thì gặp ngay những phản đối, hãi sợ về phía dân chúng, sĩ phu. Hợp tác với bọn khanh tướng bàn chuyện đòi đất Nghệ An thì được, nhưng như vậy là ông đi vào vết xe cũ của Trịnh nên không đủ sức chống đối Vũ Văn Nhậm. Phải đợi Tây Sơn đem cả một khối người ào ra dứt Lê, Bắc Hà mới thấy thay đổi thực sự.

Đứng trong quan điểm quốc gia, chiến thắng Đống Đa là một vinh dự của người dân Việt chống xâm lăng phương Bắc. Nhưng hai mươi vạn quân Tôn Sĩ Nghị quả có cái thể khác với quân Tống của Quách Quỳ, với đội lính thiện chiến của Thoát Hoan. Nó là một đội Vương sư như của Trương Phụ lúc ban đầu. Thế mà trước kia Hồ Quý Ly bị đóng cũi phải về Yên Kinh không đầy một năm và Tôn Sĩ Nghị bây giờ mất binh đội không đầy 5 ngày. Chiến thắng do khích động lòng yêu nước đã đành mà chính yếu còn do sự cách biệt và khác biệt kỹ thuật chiến đấu, điều hành chiến tranh nữa. Quân Thanh có đông thực nhưng chỉ là phóng đại của quân Trịnh Lê thôi, với từng ấy vũ khí, từng ấy ý thức hướng dẫn hành động. Trong khi đó, Tây Sơn lấy sức mạnh căn bản nơi sự hoà hợp chủng tộc văn hoá ở Quy Nhơn rồi đem thử sức, thu thập kinh nghiệm ở khắp các chiến trường, với cả người ngoại quốc phía Nam nữa.

Cho nên trong sự tiếp rước Giả Vương, trong lối trao đổi ngoại giao, chúng ta thoáng thấy ở vua tôi nhà Thanh một ý kính nể, muốn thu phục. Vì vậy bọn Tề Ngôi hải phi mới chịu về đầu, khiến đường biển Đông mở rộng mà Tây Sơn còn thêm sức mạnh nữa. “Xưa nay chưa nghe toán giặc nào như toán giặc này”. Ở miệng viên sứ Trần Công Xán biết ra đi là chết, lời nói ấy là một xác nhận chứ không phải là một biểu lộ khiếp nhược.

Tuy nhiên không phải là Tây Sơn không chịu những điều kiện thực tế ràng buộc, giới hạn khả năng. Những điều kiện này có khi là do những yếu tố trường cửu điều khiển, có khi là do những biến cố nhất thời làm tăng thêm hiệu quả của loại trên. Trong những phe chống đối Tây Sơn tất có kẻ sẽ thừa hưởng những thuận lợi mà Tây Sơn không thu nhận được đó để kế tục sự nghiệp của họ. Tây Sơn nổi lên có hai ông chúa phải lưu vong đi cầu viện, một người phải ngậm ngùi bỏ thân nơi đất khách. Chỉ có một Nguyễn Ánh trở về. Không phải là sự tình cờ.

Ta đã nói đến việc Nguyễn Huệ diệt tộc Nguyễn, đã thanh toán giùm họ này mỗi lực đực, hực hực nội bộ. Nhưng một người còn thoát đã đưa

chuyển dòng họ đến một giai đoạn mới mà vẫn giữ được tính cách truyền thống liên tục để lưu giữ lòng trung thành của mọi người. Trong lúc đó thì Tây Sơn không vượt khỏi những khó khăn cũ mà còn gây ra những cản trở mới nữa. Từ Quy Nhơn, họ tung quân vào Gia Định qua những vùng đất vắng vẻ sỏi đá. Với vài ba trăm chiếc ghe bầu đi vòng biển để nối liền nơi xuất phát và chiến trường, hành động định kỳ theo quy luật gió mùa mỗi năm một lần vào ra thế tất không phải là một đe dọa chiếm đóng thực sự. Từ ngữ “nhập khẩu” mà sử quan dùng chỉ các cuộc hành binh này tuy có dụng ý thiên lệch nhưng vẫn đúng sự thực một phần nào.

Chính sự giải đãi đó nuôi dưỡng cho nhà Cự Nguyễn hồi sinh chờ thấy những sai lầm của Tây Sơn xuất hiện để đón lợi về phía mình. Buổi đầu nổi dậy, Tây Sơn mất sự hợp tác của bọn sĩ phu có truyền thống gần gũi tổ chức nông nghiệp đã đành, mà còn mất luôn cả bọn Hoa kiều trung gian buôn bán nữa. Họ để lại các tướng lãnh cai trị Gia Định với một số quân nhỏ bé mà không tỏ rõ một chính sách lâu dài nào hết. Họ đưa ra một chính sách thương nghiệp mà thiếu người thi hành chỉ vì vụ tàn phá Hội An (1774) và sau đó, Sài Gòn (1782) chưa đủ thời gian để lập lại tình trạng bình thường. Nhưng cố gắng phi thường của họ cũng đánh tan được 2 vạn quân Xiêm và đuổi Nguyễn Ánh sống cuộc đời lưu vong. Thế rồi họ quay ra phía Bắc chiếm một phần đất Nam Hà còn sót lại dưới quyền của họ Trịnh. Không bằng lòng Phú Xuân, Tây Sơn đứng trên lũy Thầy mới đắp mà nhìn ra Thăng Long. Ta đã nói đến sự khác biệt tuổi tác giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đã gây ra xung đột đầu tiên giữa hai anh em như thế nào khi người anh cả tuổi lớn bằng lòng với sự nghiệp có được và chú em thứ 8 ba mươi bốn tuổi tràn đầy hăng say còn muốn cướp đoạt hơn. Nhưng chúng ta cũng thấy trong mối lo không kiểm soát được em của Nguyễn Nhạc một ý nghĩa lo lắng về đường đất cách trở mà các phương tiện không đủ hiệu quả để bức thư ngăn Huệ đừng đi Bắc kịp đến Huế khi quân khởi hành. Thì ra khi xô đổ cái thế phân tranh cũ, anh em Tây Sơn cũng phải chịu lụy vào những điều kiện chia xé từng có trước. Cho nên Bắc Bình vương phương Bắc, Trung ương Hoàng đế ở giữa, Đông Định vương phía

Nam có chia nhau mà cai trị đất nước cũng không phải chỉ vì tham vọng riêng ai mà chính là theo đúng quy định của thực tế xã hội, quốc gia.

Tuy nhiên, việc phân phối khu vực cũng không phải là tình cờ. Tây Sơn đã lập nghiệp bằng chiếm đoạt mà không giữ toàn vẹn phần thưởng thì chia ra, kẻ nào có khả năng nhất, chiếm được phần lớn nhất. Thế mà như ta đã biết, toàn bộ Đại Việt giữa hậu bán thế kỷ XVIII có trình độ nhân văn hoá theo lẽ lối người Việt phai lượt dần từ Bắc đến Nam. Là kẻ có mộng tưởng lớn, tài ba, Nguyễn Huệ tất được đùn đẩy tới chỗ chiếm lấy Phú Xuân để vươn ra Bắc. Nguyễn Nhạc bằng lòng với khoảng đất anh em ông chiếm giữ lúc ban đầu. Còn Gia Định với ao đầm kinh rạch, mỗi bước đi là có cá sấu, có cây đổ chặn đường, đầy vẻ huyền bí nhất thì chia cho chú Bảy yếu ớt cho trọn tình anh em. Như đã nói, Nguyễn Ánh thừa hưởng được mọi thất lợi do sự nứt rạn đó của Tây Sơn. Nhân lúc Nguyễn Nhạc ôm lấy Hoàng Đế thành và Nguyễn Huệ bận tâm thanh toán cho xong triều Lê sống thừa quá lâu thành cũng trở nên bệ bộn thì Nguyễn Ánh về đánh Gia Định. Nguyễn Lữ không thu phục nổi bọn xử sĩ Gia Định để có một chính sách nông nghiệp cho miền này mà lại còn làm bất mãn thêm bọn thương gia Trung Hoa bằng cách dời họ từ Sài Gòn lên Cầu Sơn làm hạn chế sự buôn bán của họ nữa. Cho nên Phạm Văn Sâm có cố bám cho mấy cũng thất bại, mà thất bại cố gượng thì lụy thân.

Nguyễn Ánh đã thành công trước khi Bá-đa-lộc về tới khiến ông có đất đai, có ngôi vị, nghĩa là có chính nghĩa được cụ thể hoá. Ở vào địa vị kẻ yếu phải chống giữ, ông biến triều đình ông thành một nhóm người chiến đấu thoát hẳn tình trạng bạc nhược trước kia, biến xứ sở ông thành một lò huấn luyện không lồ. Ý niệm cũ về cách tổ chức khai thác đất đai theo lối đồn điền gặp dịp được áp dụng triệt để với sự giúp sức của nhóm Bình Dương thi xã.

Cho nên khi phong trào giao thương u - Á vẫn tiếp tục mà Tây Sơn bị ném bên lề một phần nào thì Gia Định thay mặt Đại Việt nhận lãnh tất cả những

ưu thế được đưa đến. Tất nhiên Tây phương đến với tính cách toàn bộ của văn hoá họ. Bá-đa-lộc mang Hoàng tử Cảnh đi cầu viện đem về Gia Định không phải chỉ một hiệp ước tuy không thi hành nhưng cũng kêu gọi người tới mà còn một ông Hoàng trừ nhĩ biết đọc kinh và quả quyết hứa rằng sứ mệnh của ông là “làm cho dân chúng xứ .tôi trở-lại-đạo”. Ông Boisserand thả một quả khí cầu không phải chỉ làm Tây Sơn khiếp sợ mà còn làm tăng uy tín của giáo sĩ giữa đám dân ngoại đạo nữa, điều kiện cần thiết để thu phục tín đồ đó. Vì thế mới xảy ra vụ giành giật linh hồn Hoàng tử Cảnh nổ bùng ra với trường hợp thay đổi của Tổng Phúc Đạm.

Dễ dàng xâm nhập hơn là các dụng cụ kỹ thuật với những cách sử dụng, điều khiển. Ta thấy đội Thần Sách kéo lưu động các súng đại bác cỡ nhỏ, Nguyễn Ánh dùng viễn kính đi thám sát Tây Sơn và Chế tạo cục liên miên đúc súng đóng tàu. Ta lưu ý đến việc Tây phương đến với ta bằng tàu thuyền. Gia Định lại có sông dài, nước sâu và cả Đại Việt có một bờ biển dài dằng dặc. Tất cả những sự kiện đó hình như đã hoà hợp để tạo nên ý nghĩ dùng tàu bè Tây phương hay đóng theo kiểu Tây phương là phương tiện thuận lợi nhất để tiến sâu vào đất địch. Yếu tố quyết định thống nhất thực ra đã nằm phần lớn trong sự tăng tiến thuỷ quân Gia Định vậy.

Trong khi đó thì việc khai thác nông nghiệp ở Gia Định vẫn tiến hành theo một nhịp mau chóng tàn nhẫn. Sự phát triển của nơi này không những nuôi dưỡng quân Nguyễn lớn mạnh mà còn khiến bớt cách biệt trình độ Việt hoá trên các phần đất khác nhau nữa.

Chiến tranh nung chảy đúc kết các nhóm chủng tộc khác biệt trở thành hoà hợp hơn. Vào năm 1773 còn thấy dấu vết tổ chức thị tộc mẫu hệ của Chiêm Thành có nữ chúa Thị Hoả ở Phú Yên, dấu vết vương triều của Tá ở Bình Thuận, thế mà với Nguyễn Ánh, Môn-lai-phù-tử thành Nguyễn Văn Chiêu, Thôn-ba-hú thành Nguyễn Văn Hào, Bô-kha-đáo thành Nguyễn Văn Chấn, kẻ Cai cơ, người Tán lý sinh hoạt với quan quân Gia Định. Lui về phía Nam hơn, Trà Vinh, Ba Thắt còn có “phiên liêu” cai trị để cho Chiêu-thuỳ

Biện nay đòi mai đòi, thế mà qua trung gian của đám lưu vong Minh dân, hai phủ lần lần thuộc quyền triều đình, đưa địa vị một Nguyễn Văn Tồn từ “dịch đình nô” đến Cai đội coi Tiêm binh của Nguyễn. Đám con cháu Minh dân cũng tìm được vị trí của mình trên đất họ ở, diễn hình với vai trò của Trịnh Hoài Đức, thị giảng cho Đông cung. Nhưng địa vị của họ, nhũn nhặn hơn mà quan trọng hơn là ở cả một hệ thống tổ chức thương nghiệp mời gọi với mức độ tăng tiến hơn trước chiến tranh các cuộc giao thương địa phương, do đó súng ống đạn dược chế từ Tây phương đổ về Gia Định chứng tỏ hiệu quả chính xác, hiệu suất cao vượt các thứ cùng loại của Tây Sơn chế ở Bắc Hà, Phú Xuân như lời Giáo sĩ De la Bissachère đã kể.

Tây phương, Cách mạng 1789 lên đến tột đỉnh sôi sục gây nên phản ứng rối loạn khắp u châu. Đám phiêu lưu Tây phương bị dao động, kẻ bỏ đi, người im tiếng phục vụ trong sự ganh ghét, âm mưu hoặc của lớp nho sĩ vườn dật, hoặc của những kẻ đồng chủng khác quốc gia. Trong khi đó Tây Sơn có dấu hiệu tan rã thêm mà không có hy vọng gượng lại từ cái chết của Nguyễn Huệ, tay chỉ huy tài ba nhất trong anh em họ đã cố tạo được một lực lượng đáng kể bằng một hệ thống quân chính tàn nhẫn trên đám dân Bắc Hà, Phú Xuân. Quân tướng Tây Sơn chuyển thực lực của họ dần về phía Nam khi hoặc vì bắt buộc, hoặc vì tình nguyện phải đầu quân dưới cờ Gia Định. Gia Định do đó vượt cấp bậc địa phương để trở nên trung ương hơn. Xiêm không dám đòi Hà Tiên, Long Xuyên và đem quân giúp người mà còn bị người đe dọa: “mua một con gà mà không trả tiền thì bị giết hết chỉ trừ một người chạy về Ayuthia báo tin thôi”. Nặc-ấn theo Chiêu-thuý Biện rồi Nặc-chân chỉ lo phận sự cống thần, chịu nhận thuyền, mã cụ của nước lớn Gia Định ban cho.

Trình độ xâm nhập kỹ thuật Tây phương vẫn còn tăng tiến, nhưng ảnh hưởng cá nhân của nhóm phiêu lưu sụt xuống rõ rệt. Năm 1792 trong cuộc thuỷ chiến Thi Nại, J.M. Dayot là người tấn công. Năm 1801 cũng nơi đó, thay cho ông là Nguyễn Văn Trương, Võ Di Nguy, Lê Văn Duyệt ào ạt đốt thuyền địch trong khi Chaigneau, Vannier, de Forçan đứng ở Hậu đội. Năm

1793, sử quan nhắc tới “Tây dương binh” theo quân ở Bình Thuận, vây quanh Quy Nhơn, thế mà đến 1801 Chaigneau, Vannier chỉ làm nhiệm vụ lấy lương tiếp tế cho Quy Nhơn, Phú Xuân thôi.

Chiến tranh càng dữ dội thì Đại Việt do sự súc tích lực lượng cần thiết, càng có nhiều ảnh hưởng lan xa. Trận Đống Đa làm nể vì Bắc Kinh. Các thương thuyền u - Á đem tin thịnh vượng của Gia Định qua Manille, Malacca, Goa trên các tàu mang hiệu kỳ vua xứ Nam Hà. Các nước Tà-nê, Tam-hoạt, Nhu-phật đem “dâng cống phẩm”, tất cả có lẽ từ Mã Lai. Ta không nói tới Xiêm mà Nguyễn Ánh vẫn cố giữ bang giao mật thiết để nhờ cậy khuấy rối Nghệ An. Sứ bộ Nguyễn Văn Thuy 150 người đi Cao Miên rồi Bangkok, Vạn Tượng qua những vùng hoang vu mà chính các quốc gia liên hệ cũng chưa kiểm soát được. Cho nên ta thấy sử quan ghi rằng sứ thần dùng người Chân Lạp dẫn đường, đi từ địa đầu nước này đến Tầm-phàm-mi-tân (Kongpong - ?), qua Khu-khang, U-bôn được dân đó hưởng ứng và Khu-khang lại sai sứ tới cống nữa[597].

Việc cải thiện giao thông trên bộ cũng tăng tiến lần theo với nhu cầu thông tin, liên lạc giữa quân tiến ra và căn bản Gia Định. Năm 1797 đã làm ngựa trạm trên đường Xích Ram, Ma Ly. Tháng 10 năm sau thì các phong hoá đài được đặt trên đường Bình Thuận, Bình Khang. Đặc biệt trong chuyến hạ thành Quy Nhơn 1799 rồi kéo quân về, việc tổ chức giao thông thật chu đáo: ven đường có đặt những trạm ngựa, chỗ nghỉ trưa, ngủ đêm. Đường sá, cầu cống được sửa sang lại. Mỗi trạm phải dự bị 200 dân phu, 500 vuông gạo[598]. Tuy tổ chức đó chỉ cốt dùng tiếp vua khái hoàn, nhưng chúng ta cũng thấy ở đó hình ảnh con đường cái quan sau này nối liền Gia Định phì nhiêu và các vùng khai thác xưa cũ. Các con đường hành quân của Tây Sơn ở “thượng đạo” cũng mở rộng hiểu biết vào các phần đất sâu trong nội địa. Cùng với tăng tiến tàu bè trên mặt biển, sự cố gắng cải thiện giao thông trên bộ thừa hưởng của chiến tranh là một yếu tố nữa để xoá bỏ ngăn cách địa phương.

Dần dần với cuộc tiến chiếm đất đai, Nguyễn Ánh sẽ thu phục dưới tay mình toàn bộ thực lực Đại Việt đã phát triển tột độ trong chiến tranh. Có vậy ông mới đủ sức ngăn cấm 40.000 quân Xiêm vội về giúp không được đặt chân vào biên giới Lào - Việt.

Cuộc phân tranh chấm dứt nhưng không chấm dứt được mọi vấn đề trong quá khứ. Nước Đại Việt khi biến thành Việt Nam vẫn phải chịu những biến chuyển về trước. Hai trấn Gia Định và Bắc Thành có Tổng trấn như hai Phó vương cai trị là một dấu vết. Sự phân biệt còn mạnh tới nỗi khi Minh Mạng muốn thi hành chính sách tập trung thì vụ loạn Lê Văn Khôi nổ bùng ra phản đối ở Nam và các cuộc loạn tương tự xảy ra ở Bắc. Tất nhiên là từ Tây Sơn qua Nguyễn triều cũng có những biến chuyển tâm lý ở các vùng: miền Nam kiêu hãnh với tính cách đất dựng nghiệp đế, xứ Huế từng bừng với ngôi thành sẽ cất, lăng mộ sẽ xây, với những lễ lối ăn chơi của dân trưởng giả Kinh đô, và cuối cùng miền Bắc ngậm ngùi với các bề tôi cô trung, nhớ vọng nhà Lê, với đám dân khóc than mất đô như mất nước.

Đáng nói nữa là tính cách Trung Hoa hoá của Việt Nam sau chiến tranh. Việc Đặng Trần Thường gần như chép chuyển bộ luật nhà Thanh sang bộ luật Gia Long là một chứng cứ tui hồ nhất của sự thu nhận văn hoá. Ông Masson[599] đã lưu ý đến nhiều điều tương tự như vậy để coi là một định luật trong lịch sử Việt Nam, khi mỗi lần người Việt củng cố độc lập là một lần tiến đến gần Trung Hoa hơn. Điều đó có thể hiểu được khi nhìn vào ưu thế thực dụng, có hiệu quả về tổ chức kết hợp xã hội theo ý thức hệ Khổng giáo ở ven bờ biển Đông. Lần này lại thêm vào tác dụng của nhiều yếu tố, biến chuyển trong phân tranh: văn thần nhà Nguyễn một phần là Trung Hoa còn rất gần Tàu, di dân Việt giữa dân bản thổ khác sinh hoạt, cố tình giữ sách thánh hiền coi như một dấu hiệu bảo đảm giá trị, và độc đáo hơn, là sĩ phu Gia Định chống đối với nguy cơ ảnh hưởng của Bá-đa-lộc, phải trở nên bảo thủ, gay gắt hơn.

Nhưng không phải những ảnh hưởng Tây phương đã bị loại trừ. Ta không nói nữa đến sức mạnh của quân lực Gia Định làm e dè quân đội ngoại quốc. Ta lưu ý đến những công trình khảo sát đất đai, hay lẫn lộn lịch sử của Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, của văn thần dưới quyền Lê Chất. Vẫn biết Trung Hoa và nước Việt trước kia cũng có những bộ địa chí, sử ký nhưng không ai có thể chối cãi được ảnh hưởng của chiến tranh đã khích động ý muốn sáng tác thể loại này. Thế mà ta cũng đã biết thêm là J.M. Dayot nhân lúc coi thủy quân đã dò các cửa bể, đo đường nước nông sâu, định vị trí các nơi, đồng thời với công việc Olivier làm trên bộ. Lẽ nào những tài liệu đó không góp vào sự chính xác của các tác phẩm nói trên? Rõ ràng hơn là một Trần Văn Học theo sứ bộ Hoàng tử Cảnh đi Pondichéry rồi lộn về phục vụ Nguyễn Ánh, đã biết đem kiến thức mở rộng trên đường xa hợp với sự thúc đẩy của thực tế chiến tranh mà vẽ nên một bản đồ Gia Định có các khúc uốn của sông Sài Gòn ngay nơi này giống hệt ở một bản đồ mới ngày nay. Các thành kiểu Vauban xây sau chiến tranh của bề tôi Nguyễn Ánh là chứng minh của kỹ thuật xây công sự phòng thủ truyền từ Bá-đa-lộc, Olivier trở xuống.

Rồi ngấm ngấm mà quan trọng là sự phát triển của tín đồ Thiên Chúa giáo từ ảnh hưởng của Bá-đa-lộc sẽ cứ tiếp tục hưởng sự yên ổn tương đối dưới triều Gia Long. Họ tạo ra một lực lượng rồi sẽ lớn dần với thời gian, gây nguy hiểm cho đám sĩ phu, nhất là khi thế lực các nước Tây phương mạnh mẽ lan về Đông khiến họ càng cứng rắn đòi hỏi hơn lên. Nho sĩ cầm quyền và nhóm tín đồ đó sẽ chống nhau quyết liệt mà phần bại về những người trước khi cái kẻ sau vỗ tay mừng đón tiếng súng Đà Nẵng 1858 giải thoát họ và xô đổ mọi trật tự cũ, đưa văn minh Tây phương thực sự đi vào đất Việt gây những ảnh hưởng vô cùng to tát.

Cho nên phải nói rằng những thừa hưởng của quá khứ, của trận chiến kết thúc phân tranh, đậm hay nhạt, nhiều hay ít rồi sẽ hợp với những điều kiện mới nảy sinh để bắt đầu lịch sử Việt Nam. Đất nước sẽ càng ngày càng

phức tạp hơn để theo những biến động thế giới mà bước vào thời cận đại với Gia Long.

PHỤ LỤC

NHỮNG BỨC THƯ NÔM CỦA NGUYỄN ÁNH.

Do Giáo sĩ Cadière sưu tập

Lịch sử như đã chứng dẫn, cho ta biết nửa phần sau của hậu bán thế kỷ XVIII kéo dài lan tới 1802 là một trong những thời kỳ rối ren nhất. Loạn lạc làm xuất hiện một triều đại phát sinh từ dân chúng, lại sống ngăn ngại nên còn đầy tính chất “quê mùa”: người ta thấy triều Tây Sơn định khoa thi bằng chữ Nôm, dịch kinh sử ra lời Nôm, dùng chiếu, chế, lệnh bằng quốc âm. Hai ông Hoàng Xuân Hãn (trong La Sơn phu tử) và Hoàng Thúc Trâm (trong Quốc văn thời Tây Sơn) đã gom góp được phần lớn những tài liệu đó.

Nhưng chiến tranh cũng xua đuổi ảnh hưởng Hán học ở ngay cả khu vực của các dòng họ có truyền thống cai trị. Ông An Khê (Nam Phong tạp chí, tập XIV, số 80, Fév. 1924) đã sao lục một Đạo dụ viết bằng quốc văn trong cuộc duyệt binh ngày 26 tháng 3 năm Canh Thân (1800) để chuẩn bị ra cứu Võ Tánh ở thành Bình Định. Mỗi liên lạc mật thiết giữa Nguyễn Ánh và Giám mục Pigneau de Béhaine cũng gây hứng thú cho người Pháp, học giả tài tử hay chuyên nghiệp, đạo hoặc đời, ra công tìm kiếm tài liệu. Trong khi lục lọi, L.M Cadière đã thấy được các bản sao 14 bức thư mà Nguyễn Ánh gửi cho giáo sĩ, tướng Pháp ... L.M đem dịch ra tiếng Pháp, kèm theo bản chụp ảnh 14 tờ đó đăng trong Đô thành Hiếu cổ Tập san (Bulletin des Amis du Vieux Hue, Janv-Mars 1926, “Les Français au service de Gia Long - XV. - Nguyễn Anh et La Mission - Documents inédits”). Ông Cadière chú trọng đến giá trị sử liệu của chúng nên đã trình bày kèm thêm vào các bản dịch một đoạn dẫn khởi về nguồn gốc, giá trị xác tín của các bức thư đó. Chúng tôi cũng lần lượt ghi lại những lời của vị cố học giả giáo sĩ này.

Nguyên dưới đời Tự Đức, Phái đoàn Truyền giáo ở Huế có dùng một người Công giáo ở Kim Long để làm trung gian liên lạc với triều đình và quan lại địa phương. Người này chắc cũng là một tay có kiến thức, có ý tứ cẩn thận, đã thu nhặt tất cả những giấy tờ trao đổi để dồn vào một chỗ, giữ gìn kỹ lưỡng. Con của ông ta còn giữ tập giấy trên dưới 100 trang đó. Mười bốn tờ đầu là 14 bức thư mà Cadière đem giới thiệu với mọi người. Đó là những tờ giấy bố xếp đôi, như thường lệ giấy xưa, lớn bản, mỗi bề 0,350/0,220m. Tất cả do 6 lối chữ chép khác nhau: tài liệu I, II, XI - tài liệu IV - tài liệu V, VI rõ là tay một ông già chép - tài liệu VII - tài liệu XIII - tài liệu III, VIII, IX, X, XII, XIV. Tài liệu XIV có thêm chữ ghi chú của các viên quan thừa hành. Trừ ba bức V, VI, VII chỉ có một niên đại 14-9 Cảnh Hưng 47 (4-11-1786) ghi ngày viết, 11 tờ còn lại có thêm niên đại chỉ ngày sao 25-5 Minh Mạng thứ 8 (19-6-1827) và có dấu ấn bằng triện son Tả quân của Lê Văn Duyệt, mỗi bề 0,029/0,025m.

Tài liệu có tới hai thứ loại về giá trị chính xác như vậy nên Cadière mới phải dè dặt phân tích. Ông chú trọng đến tập hợp 11 bức thư có ấn Tả quân. Ông lục lợi trong mớ thư từ liên lạc của các giáo sĩ thì thấy Taberd có nói về việc đó.

Giám mục Taberd làm thông dịch cho Minh Mạng từ tháng 11-1826, viết thư ngày 28-4-1828 nói đại ý như sau:

Minh Mạng lo bài đạo, Taberd bèn kể khổ với Lê Văn Duyệt là người trong quá khứ có liên lạc với Pigneau và trong hiện tại là kẻ đối đầu với vị vua chuyên chế này. Ông Tả quân mới thu thập các bức thư đem sao chép lại, định dâng lên Minh Mạng làm bằng cứ về công ơn khôi phục đất nước mà Nguyễn Ánh xưa kia phải chịu ở các giáo sĩ.

Mười một bức thư, theo Cadière, có lẽ lấy từ Sài Gòn ở Collège Lái Thiêu lúc bấy giờ do L.M Régéreau coi sóc, nên có ấn son của Tả quân. Ba tài liệu V, VI, VII gồm các bức thư Nguyễn Ánh gửi cho Pigneau, cho người cầm quyền ở Pondichéry, sĩ quan trên tàu Marquys de Castries, vì lẽ không

có liên quan tới Collège nên có thể do Pigneau giữ. Sau khi Pigneau chết, các thư đó chuyển về tay Giáo sĩ Labartette ở Cổ Vưu (Quảng Trị).

Labartette trao cho Taberd, Taberd được Lê Văn Duyệt triệu vào bàn tính khi Duyệt từ Gia Định tới Huế tháng 12-1827, nên mới vội vã đưa cho “Thượng công” 3 bức thư đó. Vì thế mới không có ấn Tả quân.

Đó là một dây những giả thuyết mà Cadière đưa ra, dựa trên các tài liệu về ngày giờ lui tới nơi sinh sống của các nhân vật liên quan tới các bức thư. Nhưng cũng chính ông Cadière đã thấy nó hợp lý tới nỗi cho rằng, đối với ông, “đó không phải là những giả thuyết nữa mà là biểu hiện của chính thực tế”.

Theo ông Nguyễn Khắc Kham đã chỉ cho chúng tôi thì 3 bức thư V, VI, VII có thể được lưu trữ nguyên bản, phần ở Pháp, phần ở Tòa Thánh La Mã và tới khoảng 1833 sau khi Tả quân mất đi mới chuyển sao cho Taberd để tiện dụng. Chứng cứ là bức thư V của Nguyễn Ánh gửi cho Bá-đa-lộc đã được P. Nghị dịch ra tiếng La tinh có ghi rõ ở cuối bản dịch “ở đây có dấu nhà vua” (Archives de la Propagande de la Foi, Acta Congregationis Particularis Super Rebus Sinarum et Indarum Orientalium 1788-17990, vol. 16, p. 153[600]. Trả lời cho câu hỏi Cadière đặt ra là Lê Văn Duyệt có đưa cả 14 bức thư lên cho Minh Mạng không, ông Nguyễn Khắc Kham nghĩ rằng chắc Tả quân không dám đưa lẫn lộn 11 bức thư có ấn của mình và 3 bức thư không có ấn thị thực, vì sợ mắc tội khi quân. Cả 14 bức thư chắc là đã được Taberd xuất trình cho một ông quan dưới triều Minh Mạng để ông này thân nhiên nói “bây giờ thì thời thế đã đổi khác rồi”.

Như vậy dù sao, 3 bức thư không có ấn Tả quân cũng lại thêm một lần xác định giá trị như 11 bức thư kia.

Chú trọng đến giá trị sử liệu, ông Cadière cố khai thác về phương diện này. Lời chú của ông dựa trên những tài liệu đối chiếu khác có một tính chất xác thực đáng lưu ý. Chúng ta cũng có thể nói là phần lớn giá trị nằm trong tính chất sử liệu của nó. Nó sẽ sửa lại cho chúng ta khỏi sai lầm về một số niên

đại mà các nhà chép sử của triều Nguyễn hoặc là chép không đúng, hoặc đã dồn trong thời hạn mơ hồ 30 ngày trong tháng: “Năm X, xuân chính nguyệt, ... nhị nguyệt, tam nguyệt ...”.

Đáng chú ý hơn chính là thư Nguyễn Ánh viết ra trong lúc còn lưu vong hoặc mới tái tạo cơ đồ, chưa vững vàng bề thế, khiến chúng ta thấy rõ con người ông hơn, con người mà các sử quan tả bằng những sáo ngữ với những hình ảnh, ý niệm dành cho các bậc vua chúa Đông phương “thông duệ túc thành”, phước mạng để vương đến qua sông có cá sấu đưa đi, giặc đuổi có cây ngã chặn đường phía sau. Đọc thư, chúng ta thông cảm với một thường nhân lênh đênh lao khổ thốt lời chua chát với số mệnh đắng cay, một người bạn thành thực chí tình, một người cha thương nhớ con xa cách trong khi day dứt vì chưa làm tròn bổn phận với dòng họ, tổ tiên. Chính tính chất có liên lạc mật thiết với cá nhân một nhân vật lịch sử quan trọng này mà sử liệu đưa ra có thể liệt vào hàng quan trọng. Chúng ta biết lịch sử ta thiếu những tài liệu tương tự: tài liệu của nhà Nho cung cấp thì thuộc loại đã tổng hợp rồi, tài liệu của người ngoại quốc thì quá xa cách về tâm lý ý thức, thói quen nên gây cho người xét lại những sai lầm.

Tài liệu còn lộ cho ta suy diễn về trường hợp những chuyển biến xã hội lôi cuốn những quyết định cá nhân. Sử gia nhà Nguyễn coi Nguyễn Ánh như con người, ngay từ lúc đầu, đã có sẵn những đức tính lãnh đạo cao độ, mưu lược quyền biến. Sự thực trái lại. Hoàn cảnh nguy khốn cùng với những đưa đẩy lịch sử đã nuôi dưỡng ông Hoàng này lớn lên. Việc phục quốc bắt đầu từ ngày Ánh rời Long Khâu (làng Gia Long) ở Vọng Các về đồn bộ Rạch Giá; có ai ngờ rằng lòng quyết thắng chỉ có ở các bề tôi Nguyễn Thiệm, Nguyễn Đô, Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Quân ... chứ không có Nguyễn Ánh không?

Chúng ta hãy đọc một đoạn thư thứ 9: “ ... (Chẳng?) ngờ ngày ấy ra đến Cà Mau, Rạch Giá, thấy quân tướng Tây Sơn cùng thần thứ quy thuận nghe nhiều, bèn thẳng vào ...”. Đối với Ánh, việc về nước chỉ có ý nghĩa trốn

chạy khỏi sự rình mò kiểm soát của Rama I thôi: “Từ Xiêm quốc vọng chỉ cố đô là sự phi đặc dĩ, xúc tưởng lưu lai thốn chỉ đăng thẩu nguyên do, lại e tiết lậu cơ mưu ...”. Thế rồi lấy được Gia Định, ông vẫn không tin ở thực lực của mình mặc dầu Nguyễn Văn Thành đã can ở Xiêm là đừng mong chờ viện trợ từ nước ngoài; ông vẫn rên rỉ với J. Liot, nhờ ông này ngóng xem tàu phương Tây của Bá-đa-lộc đến chưa.

Phát giác này có thể làm cho Nguyễn tộc và sử thần nhà Nguyễn buồn lòng còn trái lại những “sử gia chống phong kiến” thì hả hê, nhưng vượt ra ngoài những xúc động chủ quan của người sau, nó khiến cho bộ mặt đất nước xưa cũ rõ rệt hơn, và đó mới là điều chúng ta thành thực muốn thấy.

Nhưng 14 thư[601] này dịch ra tiếng Pháp làm mất một phần chứng minh nội tại. Thực ra không thể đòi hỏi ông Cadière làm khác được một khi ông là người Pháp (tuy ta cũng không quên ông rất giỏi tiếng Việt). Bản dịch chữ Pháp chỉ còn giữ được những sự kiện lịch sử chính trị, quân sự mà thôi. Tình tiết tâm lý vẫn có đấy, nhưng đọc lên chúng ta vẫn thấy có một chút gì xa cách. Chúng ta phải phiên âm ra lần nữa thành thứ chữ “quốc ngữ” quen thuộc của thời này. Tất nhiên giá trị tài liệu của chúng sụt xuống so với nguyên bản chụp ảnh. Những người thông thạo chữ Nôm đã công nhận rằng không có một quy luật chính thức nào định cho lối phiên âm thứ chữ xưa này, cho nên chúng ta thật phải dè dặt. Ở đây, chúng tôi cố giữ cho lời thư có giọng đường Trong chắc là gần với sự thực hơn. Chúng tôi giành mọi trách nhiệm sai lầm, sơ sót về mình trong khi không quên xác nhận rằng chính khả năng riêng không đủ để làm công việc phiên âm này. Chúng tôi đặc biệt cảm tạ giáo sư Bửu Cầm đã chỉ dẫn, đọc thêm những chữ khó khăn vì lối viết, vì phai mờ.

Và vì đây là những tài liệu được sử dụng trong tập sách nên có nhiều điều chúng ta sẽ hiểu rõ hơn khi ghép với các tiết 10, 11 chương IV.

Chúng ta lần lượt đi vào tài liệu:

Thư thứ nhất: 1

Tờ vu Thầy Cai trường[602] ngỏ hay: nay vừa tiếp thấy người trong bốn đạo Thầy cho đem mật tín cùng các lý mới[603] tường để sự. Lại như trên này quan quân theo thậm nhiều nhưng mà lương hưởng còn mười hai ngày nữa, vậy nên sai Thuộc nội Cai đội Sung Đức hầu lãnh tờ nhị phong cùng thập liêm bảy lượng theo người bốn đạo đem xuống. Kíp sai người tâm phúc đem Sung Đức hầu cùng tờ xuống trình qua Thượng sư ngỏ tường cơ sự, còn thập liêm thì sở cậy Thầy cùng bốn đạo lấy vật ấy mà biện mãi lương miễn trợ khi nguy cấp, bằng mua được bao nhiêu, đa đa ích thiện càng tốt. Như mua rồi phiền cậy bốn đạo trang tải lương ấy điệu hồi giao nạp, tiện ư cấp phát. Nay tờ.

Cảnh Hưng năm thứ 44, tháng 11, ngày 22 (15-12-1783).

Minh Mạng năm thứ 8, tháng 5, ngày 25 (19-6-1827), sao theo bản xưa.
(Khuôn dấu Tả quân).

Thư thứ hai:

Chỉ sai Thầy Cai trường môn đệ đẳng danh: nghi thừa ghe nhứt chích phản hồi Long Xuyên sở hoạn dưỡng, đãi nhứt triệu lai khả tua tề tựu đồn sở ứng hậu. Khâm tai. Đặc sai[604].

Cảnh Hưng năm thứ 45, tháng 8, ngày 26 (10-10-1784).

Minh Mạng năm thứ 8, tháng 5, ngày 25, sao theo bản xưa. (Dấu Tả quân).

Toàn bức thư ý nói: “(tờ) chỉ sai Thầy Cai trường cùng các người môn đệ nên theo ghe trở về Long Xuyên để (nơi này) nuôi dưỡng. Đợi ngày triệu đến, khá nên tề tựu đến đồn sở chờ (lệnh). Kính vậy thay. Tờ sai riêng”.

Thư thứ ba:

Tờ vu Thầy Cai trường tâm chúc:

Từ Thầy theo Ta mà trở về thì Ta cùng Xiêm binh tựu tại Mân Thiết[605] hạnh công Tây tặc, thủ thắng tàu 1 chiếc, hải đạo 5 chiếc. Nhấn ngày sau trực tấn xứ Lạch[606], nay thì Xiêm binh đại tứ lỗ lược, dân nhơn phụ nữ, lược nhơn tài vật, túng sát bất dung lão thiếu[607]. Vậy nên Tây tặc binh thể nhứt thành, Xiêm binh thể nhứt suy, cố ấy qua tháng chạp ngày mùng 8[608] vừa thất lợi, các giai hội tản. Lại ngày bị đại phong thì các ghe ngoài cồn an ổn như cố. Đến tháng mười một bữa rằm[609] thì ông Cả đã giá hải nhi hành. Như nay Ta phản bộ hành tại Cồn Khơi, vậy sai quan Tham tướng đệ tờ trình tấu Nhị vương sự có[610], lại có sai thầy cả Minh tòng sự vào đó, phải đặt phiến tờ ngỗ tường âm tín. Như cơ thường, biến đường nào thì thầy Minh tựu đó sự cơ hiệp liệu cùng theo. Bằng có ghe, phiến tu đưa thầy Minh trở về khai tấu ngỗ tường hư thiệt cơ yếu Xiêm tình. Trí ý. Nay tờ.

Cảnh Hưng năm thứ 45, tháng 12, ngày 15 (25-1-1785).

Minh Mạng năm thứ 8, tháng 5, ngày 25, sao theo bản xưa. (Dấu Tả quân).

Thư thứ tư:

Đặt tờ vu Linh mục Gia-cô-bê, Cai trường chiếu lượng:

Thả tiền nhứt vấn hậu an phủ? Tư nhân binh sự đặc sai Khâm sai Thống binh Cai cơ Thành Tín hầu[611] trực xứ thể thám binh tình cơ quát. Cố thử đặt tờ tiện tri để sự. Phạm chư lý lịch nhược hà, dĩ hữu chỉ giáo Thành Tín hầu nhứt nhứt bị thuật, tiện giác. Bất tất đa đàm. Thị lượng[612].

Cảnh Hưng năm thứ 46, tháng 6, ngày 1 (6-7-1785).

Minh Mạng năm thứ 8, tháng 5, ngày 25, sao theo bản xưa. (Dấu Tả quân).

Thư thứ năm:

Chỉ dụ Bá-đa-lộc Giám-mục Thượng sư khâm tri:

Tự Tôn sư thừa thọ ủy ký quốc gia trọng nhiệm, đánh lực viễn hành, các phân Nam Bắc chí tư, Quả nhân thường vọng phong hoài tưởng hữu nhược cơ khát. Tiền niên lục nguyệt đáo kỳ, tuyệt vô âm tín, sử bỉ hoài ưu muộn nan kham[613] Chẳng ngờ đến năm nay ngày 30 tháng 8 mới thấy Bảo-lộc sư cùng Khiêm Quang hầu, Long Chính hầu giao biểu cho Quý Ngọc hầu[614] tương hồi trình tấu tự sự; nga văn nhược thất, thủy tri quốc tộ do tồn. Nguyễn gia hồng phúc lại tôn sư cửu đánh văn hồi, chí tình ủy khúc, cự lực điều tế ngọc thành kỳ mỹ. Thử cao hậu chi ân ngũ nội minh khắc, một xỉ nan vong[615], nên đã lẫm quyết như lời bầm cáo, dự bị giá hành. Thùy tri như nguyệt như thử, thiên ý vị nhiên[616]. Vì tháng 9 ngày mùng 2 tàu An-tôn-nỗi bỗng đâu vừa tới có phụng tờ Hoàng hậu Bút-tu-kê một phong, lại tờ quan Cai thành Cô-á dâng Quả nhân rằng đã sẵn binh đóng tại Cô-á, chiến tàu 56 chiếc, nên cho sang rước Quả nhân. Cũng có tờ cho Xiêm vương hai phong cùng lễ vật trung tiểu bính[617] nhị thập khẩu với Tây dương tế bố nhất bách thất[618] khác chi lễ tạ Xiêm vương, xin rước Quả nhân về thành Cô-á dâng phần lễ tiểu trừ Tây tặc. Nhưng mà việc đã ủy nãi Thượng sư, đâu khứng tư tình viện cầu tha quốc, phải uyển ngôn từ tạ đoàn ấy mà thôi. Như vì có ấy, Xiêm vương hóa sự sanh nghi e Ta theo tàu ấy, hằng ngày cho người do thám nên nỗi khổ lòng liệu lý. Như trong thập nguyệt khởi trình cứ lời chủ tàu Li-xi-ri[619] khắc ước lễ còn chưa tiện. Phải chờ tàu An-tôn-nỗi lui khỏi cho Xiêm vương giản bớt lòng nghi, khi ấy liệu toan mới tiện. Nên phải sai Quý Ngọc hầu tựu tại Thổ Châu phân cùng các chủ tàu mà cầm Bảo-lộc-sư lại cùng xin một tên hoa tiêu và súng các vật để lại. Sau vài tháng Quả nhân sẽ theo mà tàu được về trước đệ tờ cho Thượng sư cùng quan Cai thành được hay. Còn Thiếu quân ấu tử thì phó mặc lượng Thượng sư định liệu nỗi ở nỗi về, làm sao cho đẹp ý Thầy thì Quả nhân cũng đẹp. Bằng vua Đại Tây có tình đoái hoài đến tiểu bang cho binh giúp Quả nhân thì Thượng sư gắng mà về thì phân ưu mới được. Sự tu cẩn thận, vật khả từ lao. Tư dụ.

Cảnh Hưng năm thứ 47, tháng 9, ngày 14 (4-11-1786).

Thư thứ sáu:

Chỉ dụ Tổng suất quân thủy binh nơi Ấn-di-a[620], quan Cai thành Phong-ti-sê-ri nhậm vị khâm tri:

Năm trước Quả nhân có sở cậy Bá-đa-lộc Giám mục Thượng sư đem Hoàng tử sang quý quốc cầu binh đã lâu tuyệt vô âm tín, Quả nhân áy náy hằng lo. Chẳng ngờ đến năm nay tháng 8 mới thấy biểu hồi trình mới tường tự sự, thì Quả nhân rất bội lòng mừng rằng năm trước Giám mục Thượng sư có tính việc ấy cùng quan Tạm quản, nhưng phải người không tình nhân ái, chẳng hay trợ nhược phò nguy, nên không tính đặt việc chi. Nay mới gặp tân quan nhậm vị là đấng kinh văn vĩ võ, nhơn trí kiêm toàn, khẳng khái lạc thì, đại hữu cứu hiểm phò điên chi chí[621], nên sai thủy bộ nhậm quan thừa chiến tầu sang đây hộ nghinh bảo quốc. Điều ấy Quả nhân xiết chi không khen[622] cảm tạ. Vì cấp thông chi trừ, nhất trích cam lộ, hưởng lâm vũ đại bá sinh ngã hạn miêu hồ. Hạ nhậm vị cao nghị bất sí, đãi đức Hoa, Tung, thừa ân Giang, Hồn[623], tuy chưa thấy mặt thiết đã biết lòng. Cũng đã hòng ngự giá theo tầu ngỏ kịp được hoan đàm hiệp mặt. Chẳng ngờ nhơn nguyện như thử, thiên ý vị nhiên. Vì tầu Cô-á vừa tới có phụng tờ Hoàng hậu Bút-tu-kê cùng tờ quan Cai thành Cô-á sang rước quả nhân, lại có tờ cùng lễ vật cho Xiêm vương làm cho đẹp lòng vua ấy mà rước Ta cho dễ. Nhưng vậy Quả nhân cũng chẳng khứng theo vì chí quyết xưa nay giao lân cùng Ba-lang-thê mà thôi, chẳng khứng cùng nước khác. Nhơn vì tầu ấy nên Xiêm vương hóa sự hồ nghi, liệu tính theo tầu ta chưa tiện, nên phải cho chủ tầu đệ tờ về trước còn Quả nhân thì ở lại. Vài tháng sau Ta sẽ ngự sang. Tư dụ.

Cảnh Hưng năm thứ 47, tháng 9, ngày 14 (4-11-1786).

Thư thứ bảy:

Chỉ dụ Li-xi-ri thủy binh quan, tính Ba-đô-đông[624] bộ binh quan cấp chiến tướng đẳng khâm tri:

Phò nguy trì diên nhờn nhờn chi mỹ thái, bài nạn giải phân kinh tế chi diệu dụng. Nờn nay Ta gặp thời tao loạn mông trần tha quốc, nhị vị hữu tâm bất nhẫn, vô từ bạt thiệp chi lao, phụng sai hàng hải thiên lý nhi hân duyệt phi thường, bất quản ba đào phong cụ, bất nại mộc vũ trất phong, chẳng những đồ hành lý tiêu nhiên lại thêm thông ngôn cùng ghe phải mất (công?) lặn lội (-?) sang để nghinh giá. Ước khốn khổ công lao ấy Quả nhân lấy chi báo cho cùng. Tuy nhị vị khẳng khái lạc thi chưa thường vọng báo, nhiên hốt lược chi lễ, Quả nhân thường quý ư tâm, những trung bất đắc thù tạ, tất mông nhị vị lượng chi. Tự thử lập cơ hưng chi giai xuất vu nhị vị chi công, khởi vong tháo tụt tai?[625] Như Bảo-lộc sư, Khiêm Quang hầu biểu hồi bẩm tấu rằng nhị vị ước kỳ thập nguyệt khởi trình, Quả nhân đã dự bị giá hành. Thuyền tri thiên lý vị nhiên bất như kỳ nguyện. Vì mừng 2 tháng 9 (23-10-1786), tầu Hoa Lang bỗng đâu vừa tới có phụng tờ Hoàng hậu Bút-tu-kê một phong, lại tờ quan Cai thành Cô-á một phong dâng Quả nhân rằng đã sẵn binh đóng tại Cô-á, tầu chiến 56 chiếc nên cho sang rước Quả nhân. Lại đem tờ cho Xiêm vương hai phong cùng lễ vật trung tiểu bính nhị thập khẩu, với Tây dương tế bố nhất bách thất, lễ tạ Xiêm vương mà xin rước Quả nhân về thành Cô-á dâng phần lễ tiểu trừ Tây tặc. Tuy vậy, Quả nhân cũng chẳng khứng theo vì đã biết nhị vị qua đây có lòng cùng Ta đường ấy, nỡ lòng nào theo đó bỏ đây, nên phải uyển ngôn từ tạ nhi dĩ. Nên vì có ấy Xiêm vương hóa sự sinh nghi e Ta nương thế theo tàu ấy, hằng ngày cho người do thám khó nổi liệu toan. Như ước kỳ thập nguyệt khởi trình, ắt[626] nay còn chưa tiện nên phải sai Quý Ngọc hầu tấu phân cùng nhị vị, cậy giúp Ta một tên hoa tiêu, súng cùng các vật. Đã có Quý Ngọc hầu trình báo để lại cho Ta còn tàu thì đệ tờ về trước cho Thượng quan được rõ, sau Ta sẽ giá hành sang đó. Vạn sự khởi đầu nan, mặc từ lao khổ. Tư dụ.

Cảnh Hưng năm thứ 47, tháng 9, ngày 14 (4-11-1786).

Thư thứ tám:

Chỉ dụ Gia-bê-sa Cai trưởng khâm tri:

Vả việc Cô-á quốc sai tàu sang, cùng việc Ta sai phục sứ, thì đã sai Khiêm Hòa hầu, Chiêm Mẫn hầu[627] dụ tường để sự nguyên do. Ta từ đặt tin tàu Hoa-lang-sa nhần nay hằng cảm công ơn Thầy Cả chẳng cùng, cạy cạy luống trông tàu trở[628] lại, ngày kể ba thu. Vừa Quý Ngọc hầu diện báo (-?) tàu đã tụt tín sở ước trong cử sự đặt hiệp cơ nghi. Lại tiếp thấy hai quan tàu cùng Cai trưởng khai văn, gấm biết nhưn sự đa quai, thiên tâm nan tín. Song hai quan tàu cùng Bảo-lộc Nghị hồi bản thành trình quan Cai thành cùng Thầy Cả lo giúp Ta. Thế âu thiên lý, nhưn sự tương vi thủy chung, thủy tuy thủy súy chung năng phẩn dực[629]. Vốn Ta đã thỏa lòng, mưa hễ quả niệm. Khâm tai. Đặc dụ.

Cảnh Hưng năm thứ 48, tháng 2, mùng 1 (19-3-1787).

Minh Mạng năm thứ 8, tháng 5, ngày 25, sao theo bản xưa. (Dấu Tả quân).

Thư thứ chín:

Chỉ dụ Gia-cô-bê thầy Cai trưởng khâm tri:

Vả Ta cùng thầy Cai trưởng nhưn tuy biệt quốc nghĩa tợ đồng hương, tri ngộ mấy lâu thâm tình đã tỏ biết. Từ Xiêm quốc vọng chỉ cố đô là sự phi đắc dĩ, xúc tường lưu lai thốn chỉ[630] đặt thấu nguyên do, lại e tiết lộ cơ mưu. (Chẳng?) ngờ ngày ấy ra đến Cà Mâu, Rạch Giá thấy quân tướng Tây Sơn cùng thần thứ quy thuận nghe nhiều, bèn thẳng vào phủ Gia Định. Đã thân phục Vĩnh Trấn, Trấn Định nhị dinh, lại Lưu thủ Khoa đã thân phục Trấn Biên dinh. Còn một ngụy Sâm nọ cạy tàu thuyền song còn ý thế trường giang cự địch nên thẳng phụ vị phân. Vừa năm trước, tháng chạp ngày 28 (4-2-1788), mừng thấy thiên lý tiên lai nhứt phong tôn tặng, kỳ nguyện phục quốc, tương ngộ hữu kỳ, lòng Ta bất thẳng tước dực[631], ngỏ phải bộc bạch quốc gia cơ chỉ cùng Thượng quan. Tứ tặng đẳng vật, sai

Khâm sai Tổng nhung Cai cơ Bảo hộ Nhân Vân hầu[632] đệ tấu ngỏ tường để sự. Như Thầy Cả với Thân tử Ta qua tại Đại Tây Dương quốc từ ấy nhân nay, âm mang vị thấu. Bằng Thầy cư (-?) cận cảnh, dầu có tin tức lai thông khá kíp tả ký tâm thơ vãng chiếu kéo khát vọng bất thẳng, quan sơn vạn lý, hoài niệm nhất thành. Khâm tai. Đặc dụ.

Cảnh Hưng năm thứ 49, tháng 1, ngày 6 (12-2-1788).

Minh Mạng năm thứ 8, tháng 5, ngày 2, sao theo bản xưa. (Dấu Tả quân).

Thư thứ mười:

An Nam Quốc vương[633].

Tờ vu Cai trưởng Thượng sư Nha-cô-bê ngọc hiên nhiệm chiếu: Từ Ta đề binh phá Tây đồ thì bộ binh đã thâm phục Gia Định phủ các xứ, còn thủy binh nó thì trụ Mỹ Tho cùng Bến Nghé thẳng phụ vị phân. Như thủy binh Ta thì ắt còn trụ Trà Lọt. hẳng ngày trông tin Đức Bá-đa-lộc Thượng sư cùng Con Ta tiêu tức đường nào. Qua tháng 11 thấy Đội Dung tấu bẩm rằng Thượng sư có tờ quốc sự sai Đội Dung đệ thử tờ ký bẩm, chẳng ngờ Đội Dung tới vằm[634] Rạch Giá xảy gặp Tây Sơn là thẳng Lý sai ghe thiện hành xứ ấy nên Đội Dung vội bỏ tờ ấy xuống nước mà Đội Dung ngoại bẩm các lý, hư thiệt vị tường. Vả Ta hẳng lo binh gia không hờ lại chưa đặt người quán tín Thượng sư nên chưa sai đệ tín thư, lòng hẳng thốn thức. Nay có Nội viên Thuyền chủ Huấn Đức hầu là tôi tâm tường và lại gia tư xứ ấy lai khứ tiện thông mới sai đệ tờ trình chiếu. Như Đức Bá-đa-lộc cùng Con Ta viện binh Quý quốc đã trụ xứ nào, khá đệ tờ cho Ta tường hiểu. Lại như tờ ấy thì sai Cai đội Thọ đệ tấu bẩm văn cho tường để sự, vật sai tha nhân liệu sự bất thành. Trí ý. Nay tờ.

Cảnh Hưng năm thứ 49, tháng 1, ngày 15 (21-2-1788).

Minh Mạng năm thứ 8, tháng 5, ngày 2, sao theo bản xưa. (Dấu Tả quân).

Thư thứ mười một:

Chỉ dụ Nhã-ca-bá Cai trưởng sư khâm tri:

Vả Cai trưởng tuy người dị quốc, song có dạ ân cần, hết lòng ưu ái tấm lòng thương cảm chẳng cùng. Như ngoài này năm nay tháng 3 thì Tây Sơn là thằng Hưng cất đại binh giúp thằng Sâm mà chống đánh cùng Ta, thì chúng nó đã ghe phen đại bại, tử thương rất nhiều. Sao vậy nội tháng 6 thì Ta cũng đánh đặng Sài Gòn mà chớ. Như Con Ta từ thuở tha bang cùng Thầy Cả nhần nay, Ta tấm lòng khát vọng, độ nhứt như niên. Ớn có[635]. Cai trưởng bầm văn về rằng đã thật tin đến nước Ba-lang-sa mà đều bình yên vô sự, nên Ta giảm tấm lòng lo, vui mừng chẳng xiết. Như binh giúp có ra đến đó thì Cai trưởng giục ra cho kịp, bằng chưa ra thì tin tức làm sao, hoặc lái Điểm[636] về hỏi làm sao, khá tốc cụ bầm văn ngỏ tường áo để. Lại như thương tàu phượng Tây có qua thì Cai trưởng dục ra ngoài này đặng Ta y giá biện mãi binh khí tiện dụng binh vụ mà Ta đều tha thuế hạng. Như Cai trưởng đã có lòng ưu ái cậy cùng giúp lo mọi việc, sau dầu bờ cõi đạt yên thì hãy một trường cá nước, ớn phỉ đền ớn. Quan sơn thiên lý, tâm tự bán tiên[637]. Khâm tai. Đặc dụ.

Cảnh Hưng năm thứ 49, tháng 5, ngày 29 (2-7-1788).

Minh Mạng năm thứ 8, tháng 5, ngày 25, sao theo bản xưa. (Dấu Tả quân).

Thư thứ mười hai:

Chỉ dụ Thầy Cai trưởng khâm tri:

Do tháng 6 ngày 25 (28-7-1788), Ta đề binh công phá Tây tặc đã thâm phục Ba Giồng, Bến Nghé, Đồng Nai, Bà Rịa toàn bức rồi vậy. Thủy bộ binh chúng nó kinh tâm thối hạ, xuất nhập hải môn, phòng toan phá dân cướp lương, nên ta còn kiểm điểm thủy binh vội thành nhứt chiến cho tuyệt hậu ưu, ấy là cơ binh. Được vậy nên phải lời cùng Thầy Cai trưởng: như Đại Tây Dương các chiến tàu thủy bộ binh đã hội tựu, tua khá trình lai ngỏ

tường cơ chỉ, đặt quân binh ấy lại ngả Vịnh Tàu[638] cho mau, trước là vây đón chúng nó sau là tiện đường nghinh tiếp, đặt thừa thắng trường khu. Hễ binh quý thần tốc, chớ khá khiên diên, kéo tới tiết nghịch phong, quân lương nhứt phí. Thiên lý yên ba, thốn thành khẩn khoản[639]. Khâm tai. Đặc dụ.

Cảnh Hưng năm thứ 49, tháng 8, ngày 28 (27-9-1788).

Minh Mạng năm thứ 8, tháng 5, ngày 25, sao theo bản xưa. (Dấu Tả quân).

Thư thứ mười ba:

An Nam Quốc vương thơ vu Gia-cô-vi Thầy Cai trường bình an hiệp hay: từ Ta phục hồi cố quốc, đường tuy xa cách, lòng tưởng xưa nay ơn có, nghĩa có, ghi dạ không quên. Như tàu Hòa-lan-sa[640] trông chưa thấy đến. Vả tháng 8 Ta đánh Tây tặc vừa yên, về ở Sài Gòn, có dạy sứ[641] đem lễ vật vào tạ đức Phật vương cùng Nhị vương, tuy là bạc lễ, dùng thảo tẩm lòng. Như sứ đã vào đến nơi mà dừng lễ ấy, hay là chưa vào đến nơi, có sao chẳng thấy tiêu tức tín hồi. Lại như lượng đức Phật vương cùng Nhị vương có lòng thương Ta mà giúp binh khí hay dạy lượng nào thì Thầy Cai trường bảo tín thơ cho biết, kéo đường nghìn dặm, trông đợi một phương. Khuyến khá ân cần, mưa đừng thất tín. Nay thơ.

Cảnh Hưng năm thứ 49, tháng 12, ngày 24, (19-1-1789).

Minh Mạng năm thứ 8, tháng 5, ngày 25, sao theo bản xưa. (Dấu Tả quân).

Thư thứ mười bốn:

Hành Lại bộ Trí Lược hầu[642] thừa lệnh sai thầy Tấn nghi tự Long Xuyên đạo, lãnh tiền nguyệt dĩ cụ chiến ghe nhứt chích, tính hiệp súng nhị khẩu, cập trạo giả tứ danh, tốc tụ Chân-bôn xứ nghinh Li-ốt Cai trường sư cập bản trường đẳng đệ hồi Sài Gòn yết kiến hành tại. Vụ tu vận tốc, vật khả kê trì. Nay sai.

Cảnh Hưng năm thứ 52, tháng 1, ngày 18 (20-2-1791)[643].

Minh Mạng năm thứ 8, tháng 5 ngày 25, sao theo bản xưa. (Dấu Tá quân).

SÁCH BÁO THAM KHẢO

Chú:

Tài liệu tham khảo liệt kê có 4 phần: những sách, báo có tính cách chỉ dẫn khảo cứu thư tịch, những sách, báo có tài liệu bằng chữ Việt (các tác giả Việt Nam viết tiếng Pháp kê vào phần tiếng Pháp, những tác giả Việt viết chữ Hán mà tác phẩm đã được dịch ra chữ Việt cũng kê vào đây), những tài liệu viết bằng chữ Hán, và sau hết, những tài liệu sách, báo viết bằng chữ Pháp. Tên người kê theo thứ tự abc (người Việt kê cả họ). Đối với những tác phẩm tập thể thì lấy đề sách hay lấy cơ quan soạn thảo thay vào cho cá nhân. Ví dụ các sách Thực lục, Liệt truyện ... đều nằm dưới tên Quốc Sử Quán.

Chữ viết tắt:

Bdd: bài đã dẫn

Sdd: sách đã dẫn

q: quyển

t: trang.

BAVH: Bulletin des Amis du Vieux Hue.

BEFEO: Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient.

BSEI: Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises.

NP: Nam Phong tạp chí

RI: Revue Indochinoise.

I. Thư tịch chỉ dẫn

1. Huỳnh Khắc Dụng, Sử liệu Việt Nam, Sài Gòn, Bộ QGGD, 1959.
2. Cadière, L. và Pelliot, P., “Première étude sur les sources annamites de l’histoire d’annam”, BEFEO, IV, 1904, t. 617-671.
3. Gaspardone, E., “Bibliographie annamite”, BEFEO, XXXIV, 1934, t. 1-173.
4. Tavernier, E., De la nécessité d’écrire l’histoire de l’ancien Annam, Sài Gòn, A. Portail, 1933.

II. Tài liệu chữ Việt

5. Bùi Văn Lãng, Địa dư nông học tỉnh Bình Định, Hà Nội, Imprimerie du Trung Bắc Tân Văn, in lần thứ tư, 1938.
6. Bùi Huy Bích, “Lữ trung tạp thuyết”, Tuyết Trang Trần Văn Ngoạn trích dịch, NP IV, t. 53-62.
7. Đông Hồ, “Hà Tiên Mạc thị sử”, NP, XXV, t. 322-343.
8. Hoàng Quang, “Hoài Nam khúc”, NP, XIII, 128-134, 210-216, 294-299.
9. Hoàng Thúc Trâm (Hoa Bằng), Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc, Saigon, Bốn Phương, 1958.
10. Hoàng Thúc Trâm (Sơn Tùng), Quốc văn đời Tây Sơn, Saigon, Vĩnh Bảo, 1950.
11. Hoàng Xuân Hãn, La Sơn pha tử, Paris, Minh Tân, 1952.

12. Lê Quý Đôn, Kiến văn tiểu lục, tập I, II, Lê Mạnh Liêu, Đàm Duy Tạo dịch, Bộ QGGD, 1963, 1965.

13. Lương Đức Thiệp, Xã hội Việt Nam - Việt Nam tiến hóa sử, Saigon, Liên Hiệp tái bản, 1950.

14. Ngô Thì Chí, Hoàng Lê nhất thống chí, Ngô Tất Tố dịch, Tự Do tái bản, 1958.

15. Nguyễn Văn Siêu, Phương đình dư địa chí, Ngô Mạnh Nghinh dịch, Saigon, Tự Do, 1958.

16. Phạm Đình Hổ và Nguyễn Ân, “Tang thương ngẫu lục”, Tuyết Trang Trần Văn Ngoạn trích dịch, NP, I, t.393-396, IV, t. 202-208, Nguyễn Hữu Tiến tiếp, NP, IV, t. 311-319, 493-502, V, t. 48-57.

17. Phạm Đình Hổ, “Vũ Trung tùy bút”, Nguyễn Hữu Tiến dịch, NP, V, t.136-142, 331-339, XXI, t.236-244, t.357-368, t. 455-465, t. 561-569 ...

18. Phạm Văn Diêu,

* Văn học Việt Nam, Saigon, Tân Việt, 1956.

* “Thân thế và văn tài Hồ Xuân Hương”, Văn hóa nguyệt san, XI q7-8, tháng 7-8/1962.

19. Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược, Saigon, Tân Việt, 1956.

20. Trịnh Hoài Đức, “Thành trì chí”, Trần Kinh Hòa dịch,

Đại học năm thứ IV, số5, tháng 10-1961, t. 62-74.

Đại học năm thứ IV, số 6, tháng 12-1961, t. 36-62.

Đại học năm thứ V, số 1, tháng 2-1962, t. 134-136.

21. Viện Khảo Cổ, Hồng Đức bản đồ, Trương Bửu Lâm chủ biên, Saigon, Bộ QGGD, 1962.

22. Vương Hồng Sển, Saigon năm xưa, Tự Do, 1960.

III. Tài liệu chữ Hán

23. Quốc sử quán,

- * Đại Nam thực lục tiền biên.

- * Đại Nam liệt truyện tiền biên.

- * Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập (viết tắt: Liệt truyện).

- * Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ (viết tắt: Thực lục).

- * Đại Nam nhất thống chí (viết tắt: ĐNNTC).

- * Đồng Khánh Ngự lãm địa dư chí đồ (viết tắt: Đồng Khánh).

- * Khâm định Việt sử thông giám cương mục (viết tắt: Cương mục).

24. Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí.

IV. Tài liệu chữ Pháp

25. Aubaret. G., Histoire et description de la Basse Cochinchine, Paris, Imprimerie Impériale, 1863.

26. Aourousseau, L., “Compte Rendu: “Histoire moderne du Pays d’Annam (1752-1820), Ch. B. Maybon”, BEFEO, XX/4, 1920, t. 73-120: XXII, t. 391-400.

27. Barrow, Jh., “Quelques notes sur Gia Long par un contemporain”, BSEI, I, 1926, t. 208-214.

28. Berland, H., “Les papiers du Dr. Crawford envoyé au Siam et en Cochinchine par le Gouvernement des Indes en 1821”, BSEI, XVI/4, t. 7-134, XXIII/1, 1948, t. 43-71.

29. Boris, Ch., “Monographie de Phu Yen”, BAVH 1929, t 199-245.

30. Boudet, P. et Masson, A., Iconographie historique de l’Indochine, Paris, Van Oest, 1931.

31. Cadière, L.,

* “Quelques figures sous la Cour de Vo Vuong”, BAVH, Oct. - Déc. 1918, t. 253-306.

* “Les Français au service de Gia Long: Despiau”, BAVH, Juil. - Sept. 1925, t. 183-185.

* “Les Français au service de Gia Long: Nguyen Anh et La Mission-Documents inédits”, BAVH, Janv-Mars 1926, t. 1-49.

* “Les Français au service de Gia Long: Leur correspondance”, BAVH, Oct. - Déc. 1926, t. 359-447.

* “Les lieux historiques de Quang Binh”, BEFEO, III/2, 1903, t. 164-205.

* “Le mur de Dong Hoi”, BEFEO, VI/1-2, 1906, t. 87-254.

* “Documents relatifs à l’époque de Gia Long”, BEFEO, XII/7, 1912, t. 1-79.

32. C.B.M. Documents sur l’état du Cambodge, de la Cochinchine et du Tonkin de 1782-1786, RI XII (1910), t. 503, XIV (1910), t. 43-54.

33. Chapman, et Berland, H., “Relation d’un voyage en Cochinchine en 1778”, BSEI, XXIII/2, 1948, t. 8-75.

34. Chassigneu, E., Histoire des colonies et de l'expansion de la France dans le monde, tome V, Paris, Plon, 1932.
35. Gaudart, M, "Les archives de Pondichéry et les entreprises de la Compagnie française des Indes en Indochine au 18^è siècle", BAVH, Oct. - Déc. 1937, t. 353-380.
36. Gaide, L., "Notes historiques sur Poulo Condore", BAVH, Avr. - Juin. 1925, t. 87- 103.
37. Guillemet, P., "Une industrie annamite: le noria de Quang Ngai", BAVH, Avr. - Juin 1926, t. 97-215.
38. Hanncart, Ed., Un grand français: Mgr Pigneau de Béhaine, Edition de la Revue des Indépendants, Paris, 1933.
39. Histoire de France, tome II, Paris, Larousse, 1954.
40. Histoire générale des civilisations, 7 vol. publiés sous la direction de M. Crouzet, tome V, Paris, PUF, 1956.
41. Histoire universelle, 3 vol, publiés sous la direction de R. Grousset et E. G. Léonard, tome III, Encyclopédie de la Pléiade, 1961.
42. Hutchinson, Ed. et Berland, H., "Aventuriers au Siam au 17^è siècle", BSEI, XXIII, đê I, đê I/TCN/1947.
43. Imbert, V., Le séjour en Indochine de l'ambassade de Lord Macartney, Hanoi, Taupin, 1942.
44. Jolez, R., "Macao à la fin du 18^è siècle", BSEI, XXV, 1950, t 41-49.
45. Koffler, Jh., "Description historique de la Cochinchine", RI, XV (1911), t. 448-462, t. 566-575.

46. Korpelès, S, “Un cas de droit maritime international en 1797”. BSEI, XXIII/ 3-4, 1948, t. 125-131.
47. Laborde, A., “La province de Quang Ngai”, BAVH, Juil. - Sept 1925 t. 153-182.
48. Lacour Gayet, J., Histoire du commerce, tome II, Paris, Dunod, 1953.
49. Launay, A., Documents historiques sur la Mission de Cochinchine (1771-1823.), tome III? Paris, 1925.
50. Lê Thành Khôi, Le Viet Nam: Histoire et civilisation, tome I: Le milieu et l’histoire, Paris, les Editions du Minuit, 1955.
51. Maitre, Ch. E., “Documents sur Pigneau de Béhaine”, RI, 1913, XVIII, t. 1-16, XIX, t. 163-194. XX, t. 323-349.
52. Malleret, L., “Eléments d’une monographie des anciennes fortifications et citadelles de Saigon”, BSEI, X/4, 1935, t. 5-108.
53. Masson, A., Histoire de l’Indochine, Paris, PUF, 1950. (Ấn bản 1961 đổi là: Histoire du Viet Nam).
54. Maybon, Ch.B.,
- * Histoire moderne du pays d’Annam (1592-1820), Paris, Plon, 1919.
 - * La relation sur le Tonkin et la Cochinchine de Mgr de la Bissachère, Paris, Champion, 1920.
55. Navelle, E., “De Thinai à Bla”; Excursions et Reconnaissances, XIII, 1887.
56. Orband, R., “Les tombeaux des Nguyens”, BEFEO, XIV/7, 1914, t. 1-74.

57. Salles, A. et Cadière, L., “Les Français au service de Gia Long”, BAVH, Avr. - Juin 1922, t. 139-180, Janv. - Mars 1923, t. 1-197.

58. Société des Etudes Indochinoises. “Foire exposition de Saigon”. BSEI, XVII/3, 1942.

59. Taboulet, G.,

* La geste française en Indochine, tome I, Paris, Andrien Maisoneuve, 1955.

* “La vie tourmentée de l’Evêque d’Adran”, BSEI, XV/3-4, 1940, t 9-41.

* “Sur le matelot Manuel, mort au Champ d’Honneur en combattant pour Gia Long”, BSEI, XV/3-4, 1940, t. 55-64.

* “La révolte et la guerre des Tay son d’après les Franciscains Espagnols de Cochinchine”, BSEI, XV/3-4, 1940, t. 65-106.

* “Le traité de Versailles et les causes de sa non exécution”, BSEI, XIII/2, 1938, t. 67- 116.

60. Trương Vĩnh Ký, Cours d’histoire annamite, Saigon, Imp. Du Gouvernement, 1879.

V. Sách báo mới xuất bản:

1. Hoàng Văn Hòe, Đình Thụ, Đại Việt quốc thư, Quang Trung, Saigon, Bộ QGGD, 1967.

2. Nguyễn Phương, Việt Nam thời bành trướng: Tây Sơn, Saigon, Khai Trí, 1968.

3. Quách Tấn,

* Nước non Bình Định, Saigon, Nam Cường, 1968.

* Xứ Trầm hương, Saigon, Lá Bối, 1970.

4. Sử Địa số 9-10, 1968, Đặc khảo về Quang Trung:

* Hoàng Xuân Hãn, Việt Thanh chiến sử theo Ngụy Nguyên, một sử gia Trung Quốc đời Thanh, t. 3-8, t. 245-263.

* Đặng Phương Nghi, Vài tài liệu mới lạ về những cuộc Bắc tiến của Nguyễn Huệ, t. 194-243.

* Tạ Quang Phát, Tây Sơn thuật lược (dịch), t. 155-169.

5. Sử Địa số 13. 1969, Kỷ niệm chiến thắng Xuân Kỳ Dậu (Đồng Đa):

* Đặng Phương Nghi, Triều đại Quang Trung dưới mắt các nhà truyền giáo Tây phương, t. 143-180.

* Hoàng Xuân Hãn, Bắc hành tùng ký, t. 3-32, t. 181-183.

* Lý Văn Hùng, Cuộc giao thiệp giữa Quang Trung với Càn Long. Vụ 16 châu và xây đền Sầm Nghi Đống, t. 135-142.

* Phan Khoang, Chung quanh cuộc chiến thắng Tôn Sĩ Nghị của vua Quang Trung ngày Tết Kỷ Dậu, t. 184-189 (lược dịch một đoạn của Đại Thanh Thực lục).

* Tạ Quang Phát, Bài chiếu của Quang Trung Hoàng đế lên ngôi (phiên âm và dịch ra quốc văn).

NHẬT KÍ HÀNH QUN TRONG CHIẾN TRẬN NGUYỄN - TY SƠN

Nếu chịu khó nén tự ái chút xíu thì phải công nhận rằng những ghi chép về quá khứ của chúng ta còn lại thật là quá ít. Chẳng cần tìm những nguyên

nhân xa xôi, chỉ giản dị nhìn thấy các sử quan xưa không chịu viết riêng quyển sách cho mình mà cứ dọn lại sách cũ thì đủ biết sự mất mát đã là to lớn dường nào. Rồi cộng thêm với sự chăm chú riêng của nhà nước đương thời về các sản phẩm chính thống đó, trong lúc họ lơ là để những dã sử phải huỷ hoại khiến cho người sau không còn gì để đối chiếu, phê phán. Ví dụ sách [Đại Việt Sử ký] Toàn thư đã lược giản những biến động từ Lý qua Trần, hẳn là từ công trình dao bút của Ngô Sĩ Liên. Biến động có tính cách tổng hợp còn như vậy huống hồ là những ghi chép chi li giờ phút ngày tháng, soi đủ mọi mặt sinh hoạt của những con người tham gia vào biến cố!

Tất nhiên dù ít nhiều gì người xưa cũng có ghi chép các chi tiết mà bản thân đương thời của họ, và của người trên họ thấy là yêu cầu cần thiết. Ví dụ Toàn thư tuy đã để dành rất nhiều trang cho các trận chiến chống Minh nhưng các tài liệu liên hệ còn nhiều hơn ta tưởng. Có chuyện năm 1434, Phạm Tư Minh bồi đại bán cho người Trung Quốc bằng “giấy cũ ghi việc điểm binh” nên phải bị giáng cấp. Lượng giấy đủ dùng cho một công cuộc mua bán hẳn không phải là ít. Tuy nhiên sự kiện huỷ hoại như thế cũng bớt dần khi thời gian cách biệt đối với chúng ta ngắn lại. Ví dụ về các chiến trận Nguyễn - Tây Sơn, phần giáp ranh thế kỉ XVIII, XIX.

Nguyễn Đức Xuyên (1758-1824), người coi Tượng cơ của Nguyễn Ánh trong chiến trận, còn để lại một tập hồi kí được đăng từng kì trên tập Nghiên cứu Huế[644] bây giờ. Chúng tôi không thấy toàn bộ hồi kí nhưng cũng tạm cho là đủ để bàn trong vấn đề chọn lựa. Nó xuất hiện dưới tựa đề “Tập hồi kí biên niên Lí lịch sự vụ” do Trần Đại Vinh dịch và chú giải. Theo lời dẫn thì năm 1822, Minh Mạng sai các quan viết lí lịch sự vụ của mình đem nạp Sử quan để làm tài liệu. Tập của Nguyễn Đức Xuyên nạp ngày 22-6 Nhâm Ngọ (1822). Trong những nhân vật lớn từng tham gia chiến trận vừa qua, đến năm 1822 thì Nguyễn Văn Thành đã tự tử (1817) vì vụ con là Nguyễn Văn Huyền mang cái ngông nghênh của nhà nho làm thơ khẫu khí. Còn sống là Lê Văn Duyệt, Lê Chất, hẳn cũng có phần ghi chép của mình nhưng hiển nhiên không thể lưu lại dấu tích vì vụ Lê Văn Khôi

nổi loạn đã là dịp để các văn quan báo thù hai ông tướng từng huênh hoang “Chúng ta kéo nhau về triều, nạt một tiếng, bọn Trịnh Hoài Đức... xanh mặt ngay!” Lại cũng không thấy phần của Nguyễn Văn Trương chẳng hạn. (Tuy gốc chẵn trâu nhưng làm quan nhất phẩm triều đình, từng là “tư lệnh phó” của Nguyễn Ánh, khéo léo cư xử trong ngoài, được vua từng trọng thì thiếu gì kẻ khoe văn múa bút xin làm thay?). Sử quan khi viết [Đại Nam] Liệt truyện cũng đã nhận rằng có lấy tài liệu từ các quan tham gia biến cố cũ. Vậy mà ở đây chỉ còn lại của Nguyễn Đức Xuyên. Ta tạm bằng lòng như thế.

Chuyện chiến tranh phần nhiều là của thế kỉ trước, hồi kí bắt đầu năm 1781 nên chỉ là những điều nhớ lại, vì thế ta không lấy làm lạ rằng cậu thanh niên 23 tuổi này chỉ biết một biến cố quan trọng mà đương thời chắc ai cũng rõ, đó là vụ trừ khử ỗ Thanh Nhân. Phải trải qua trong hơn mười năm, được ngoi lên trong biến cố với vai trò tham dự lớn dần, ta mới thấy Nguyễn Đức Xuyên ghi chép nhiều hơn, từ bản thân lan qua các nhân vật, sự việc liên hệ. Và cũng dễ thấy rằng những quyết định hành động của con người trong thời đảo lộn không thể cứ theo chuẩn mực bình thường.

Tuỳ theo tình hình mà người ta lột áo theo phe này phe nọ để rồi khi đứng vững ở một nơi thì lại tìm cách che giấu, biện minh cho quá khứ của mình. Ta đã thấy Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Đăng Vân ... trong sử triều đình, ở đây lại thấy thêm tên Trương Tấn Bửu, “Đốc chiến Bửu thuận hầu” của Tây Sơn, từng coi 500 binh Miên, sau cũng là công thần của Nguyễn Ánh. Sau trận Hòn Chồng, thoát khỏi cuộc vây bắt của Trương Văn Đa, Nguyễn Đức Xuyên trốn về Sài Gòn làm tướng Tây Sơn, rồi nổi loạn chống đối, nấp lánh cho đến khi Nguyễn Ánh theo quân Xiêm về mới thoát ra được. Lần đầu hàng được ghi trong hồi kí là “Phụng mệnh ... quy tập cựu binh theo ở với Tây Sơn để làm nội ứng”, nhưng đó là chuyện của 40 năm trước, nay Nguyễn Ánh đã mất, tha hồ viện dẫn, chưa kể công tích đã qua, chức quyền hiện tại đủ giúp cho Xuyên xí xoá một lúc yếu mềm! Người em thứ ba là Nguyễn Đức Ngữ cũng từng là Đô đốc Tây Sơn. Thời luân lạc đối

khổ, bị rượt đuổi, Xuyên từng liên tiếp cướp thuyền thương khách Trung Hoa, giết người Xiêm (1783, 1784, 1785) thì chuyện đầu hàng kẻ thù cũng không lạ là mấy!

Ghi chép của Xuyên có thêm những điều sáng tỏ, đồng thời thêm thắt mắc cho ta - đây là chuyện kéo dài vô tận của việc tìm hiểu quá khứ. Trong lúc đầu hàng Tây Sơn, Xuyên được “ngụy Cai cơ Trí” sai đấu côn với “Cai cơ Dũng”, người mà Xuyên quả quyết là tướng Võ Văn Dũng nổi danh về sau. Điều này hẳn là xác thực bởi vì khi tàn cuộc, Xuyên còn gặp Võ Văn Dũng (xem sau). Vậy là Dũng đã có mặt trong hàng ngũ Tây Sơn từ lâu, nghĩa là sự việc đủ để giải thích quyền lực của ông ta về sau nhưng lại gây thắc mắc về nguồn gốc Hải Dương của ông theo Hoa Bằng phát giác[645], và về tước Chiêu Viễn hầu của Quang Trung phong cho. Cũng ngay từ 1782, Nguyễn Ánh, theo Nguyễn Đức Xuyên, đã có bộ phận “quan/quan quân Bắc Hà” và “quan Cao Miên” được kể chung với toán “quan cấm binh hầu điều” trung thành. Bộ phận Bắc Hà trên là của quân lính Trịnh ở Phú Xuân đào ngũ hay là lưu dân Bắc chưa đồng hoá với địa phương, còn cho thấy rõ là thuộc thành phần riêng biệt? Trong 200 năm phân chia, dân khai khẩn vùng cực nam là của Đàng Trong, và lại chữ “quan quân Bắc Hà” đã chỉ rõ xuất xứ của họ. Họ hẳn là của quân Trịnh chuyển qua trung gian Tây Sơn trong những trận đánh Cẩm Sa (1775) và những tiếp giáp Trịnh Tây Sơn sau đó. Lại cũng là chuyện bình thường của thời thế, nhóm quan quân đầu hàng, tù binh kia của Trịnh đi qua phía Nguyễn Ánh, vẫn còn một bộ phận ở lại phía Tây Sơn trong đó hẳn có Võ Văn Dũng. Về phần lính Miên, trong những trận chiến về sau trên đất Tây Sơn đều được gọi là “Xiêm binh” tuy có dấu hiệu có thành phần Miên, như bộ phận dưới tay Nguyễn Văn Tồn, người Trà Vinh, hay bộ phận “lính Xiêm” dưới quyền Ốc nha Dong - Ốc nha là quan chức Miên.

Tuy nhiên phần lớn đó cũng chỉ là hồi ức. Sự việc được kể như có căn cứ ghi chép đương thời là từ lúc Nguyễn Đức Xuyên rời vị trí hầu hạ Nguyễn Ánh ra chỉ huy quân riêng: bộ phận tượng binh thành lập để đối phó với

Tây Sơn. Chính từ đây ta mới thấy được tính chất thời sự của biến động. Tất nhiên việc ghi chép này có đi đến độ tỉ mỉ xác thực cũng phải đòi hỏi thời gian theo với vai trò thăng tiến, đẩy đưa yêu cầu hành động của ông. Năm 1793, khi đi đánh Quy Nhơn, Xuyên chỉ ghi những con số tròn trịa “quân dò thám tiền phương 10 người... thêm 100 người đánh phá thành mới của Nguyễn Nhạc”. Đến lúc theo quân đánh Phú Yên, Thi Nại 1794, 95 thì Xuyên ghi chi tiết ở Nha Trang với tên các tướng mặt trận, các tướng Tây Sơn, việc bàn định tấn công, kể cả việc Lê Văn Duyệt lấy tư cách tướng mặt trận, đánh trước tàu sau ... Rồi trong chuyến công tác đưa sứ Xiêm về nước, nhân dịp đánh cướp biển, Xuyên ghi việc từng ngày một, kể cả giờ khắc đến hòn Tre (“giờ đậu”), tấn công Đồ Bàn (“canh hai”).

Vai trò Xuyên càng lớn lên với chiến dịch đánh Đồ Bàn 1799-1802. Điều này là do hai nguyên cơ sở thúc cho nhau: tính cách thân thuộc của Xuyên và vai trò quan trọng của tượng binh trong chiến cuộc. Xuyên vốn có gốc họ “Nguyễn Phúc ...” của chúa cho nên trong chiến dịch, tiếng là dưới quyền Nguyễn Văn Thành mà lệnh tiến quân, điều binh, báo cáo đều là trực tiếp với Nguyễn Ánh. Trong trận đánh thất lợi ở Kì Sơn (nam Bình Định), trong báo cáo thắng với Nguyễn Ánh, Xuyên nhận rằng có “nặng lời” với quan Điều bát không phải chỉ vì cậy thế thân mà cho rằng Thành đã quá sơ suất trong việc phòng thủ ở vị trí của ông ta. Những loại xung đột hàng ngày theo kiểu này vẫn có ảnh hưởng dai dẳng nên chính Xuyên, cũng như Lê Văn Duyệt, sẽ có dính dấp đến việc kết tội chết cho Thành về sau. Và tất nhiên giữa cảnh tên đạn sống chết, kẻ thấp hèn hơn cũng không mấy quan tâm đến chuyện hoàng thân quốc thích, còn vua thì cũng khó mà bênh vực. Cho nên chúng ta thấy Xuyên phải phân trần với Nguyễn Ánh về việc tướng sĩ dưới quyền tranh công, tranh thưởng, khởi tố cấp trên, chửi Xuyên là “thằng hát bội, làm tướng sao nên!”.

Trong các chiến dịch trên bộ, vai trò quan trọng của tượng binh Tây Sơn là điều đã từng nói tới, nhất là khi người ta muốn nêu cao danh vị một nữ tướng: Bùi Thị Xuân. Cho nên đối trọng từ phía Nguyễn cũng phải là tượng

binh. Tuy có bộ phận voi của “Xiêm binh”, nhưng chính quân của Xuyên đã góp phần quan trọng trong các cuộc tấn công, kiềm giữ quân Tây Sơn khiến cho trong các trận thua cũng không phải chịu nhiều tổn thất. Chứng cứ rõ ràng là phán đoán từ phía địch thủ. Sau khi bỏ Đồ Bàn rồi bị bắt ở phía thượng du, Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng nghe tin Nguyễn Đức Xuyên được phong trấn thủ Thanh Hoá, liền nằng nặc đòi gặp. Té ra hai tướng Tây Sơn chỉ cần thấy tận mặt người đã cùng mình đối đầu suốt ba năm trên chiến trận mà thôi!

Nguyễn Đức Xuyên nắm lượng quân số rất chặt. Đầu năm 1801, báo cáo lính tác chiến là 2.128 người, ốm đau sai phái là 393 người. Qua các trận, thấy báo cáo còn 1.319 người, bị thương 50, bệnh 94, chết 13 còn mạnh 1.162, thật sát sao. Rồi một lúc sau lệnh bổ sung, báo cáo cho thấy số người cũ, mới của từng cơ trong 4 vệ dưới quyền, tổng cộng 2.268 người (1.650 cũ, 618 mới). Ngày về Phú Xuân, quân số tăng lên 2.566 người. Báo cáo thiệt hại cũng rất kĩ. Trận Kì Sơn bị thương 258 người, “thất trận” (mất tích [trốn, đầu hàng]?) 157 người, chết 26 người, voi bị thương 32 con, mất tích 6 con. Với tình hình nắm chặt quân số của một đơn vị trong thời tranh chiến như thế khiến ta khá tin vào số quân của L. Barizy đưa ra, tính cả toàn bộ lực lượng của Nguyễn Ánh. Lẽ tất nhiên không thể nào có tài liệu về phía Tây Sơn, nhưng dù có cũng có thể tin rằng phía Tây Sơn không nắm vững quân số như Nguyễn Ánh được. Cứ xem cách Quang Trung cuối năm Mậu Thân 1788, dẫn quân qua Nghệ An dùng chó săn người trốn, lấy dao xia vào đồng rơm, “chốc lát được hơn một vạn” thì thấy ngay là sự nói phóng chừng.

Số lượng trên là tính cho “nội dinh” 4 vệ của Xuyên, chứ còn riêng binh tượng thì thu hẹp hơn, chỉ có 270 người nhưng với những chi tiết đáng kinh ngạc: hạng nhất 102 người (trưởng chi 5, phó 4, cai đội 10, phó 7, đội trưởng 26, ngũ trưởng 14, lính 36); hạng nhì 79 (cai đội 3, phó 5, đội trưởng 13, ngũ trưởng 19, lính 39); hạng ba 36 (đội trưởng 2, ngũ trưởng 9, lính 25). Như vậy tính theo tổ chức quân sự ngày nay thì binh tượng của

Xuyên là quân thiết giáp, lúc hành quân không phải là đơn độc mà có cả một bộ phận tùng thiết đi theo. Tên của các voi rất là nôm na: voi Rạp, Kèo Nhỏ, Bích, Nhảy, Vân của Xuyên, voi Ngẫu, voi Tiêu của Tây Sơn. Sự quan tâm của Xuyên không phải chỉ với binh lính mà tất nhiên còn đối với voi nữa. Ta thấy Xuyên kể chuyện voi Kèo Nhỏ thất lạc trong chiến trận, gần cả năm sau lại trở về trong lúc quân đã dời đi nơi khác? Chúng ta thấy chuyện chữa cho voi mắc bệnh “ăn đất”, với các chuyên viên đã đành mà cũng có cả các lương y bắt chọt theo tình hình chiến trận khiến voi phải chết - “hạ thổ”.

Sự kiện được ghi về một phía của tranh chiến - phía Xuyên, của Nguyễn Ánh - khiến ta dễ tưởng lầm chỉ có chuyện ba hoa công tích. Thật ra điều này chỉ xảy ra lúc các sử gia “dọn lại”, chứ người đương thời trong sống chết gang tấc phải cần ghi sự thật để kịp ứng biến có hiệu quả cho nên ta gặp những chi tiết khá thất lợi cho quan niệm phe phía về sau mà Nguyễn Đức Xuyên may thay không xoá bỏ. Đã thấy chuyện các thuộc hạ của Xuyên chỉ huy trưởng của mình là “thằng hát bội”. Xuyên cũng kể chuyện quân tướng ở lại giải vây cho thành Bình Định, nghe tin lấy được Phú Xuân liền không chịu đánh nữa, các quan thì “bàn ra”, còn lính lâm trận “chưa thấy giặc đã chạy”.

Vấn đề xung đột ý kiến trong việc thu dụng tướng Tây Sơn về đầu cũng được bàn rất chi tiết, dài dòng, với ý kiến phản đối của Xuyên lấy lý lẽ “Chùng nào thần và Thành tướng quân bỏ chúa thượng thì chúng nó mới bỏ chúa nó ...”, và những lời Nguyễn Ánh bày tỏ khéo léo mà không giấu vẻ quyền uy trong việc bệnh Lê Chất, Lê Văn Phong cùng việc xử trí đối với các hàng thần.

Trong những biến cố dồn dập vẫn thường có những chi tiết thoáng qua tưởng chừng không quan trọng nhưng đối với người đọc tinh ý sẽ thấy như một bằng chứng lớn lao, hoặc ít ra là gây được thích thú bất ngờ. Việc có người u giúp Nguyễn Ánh với người đọc sử ngày nay đã trở thành bình

thường nhưng không ít người vẫn nghĩ rằng “Tây là Tây, Ta là Ta, Tây đánh theo Tây, Ta đánh theo Ta”, nhất là khi thấy các sử quan kể chuyện tiến công, lui quân, bắt lính, thu thuế ... không khác chuyện chiến trận hàng trăm năm trước. Nhưng Nguyễn Đức Xuyên cho một chi tiết không thấy tương tự ở bất cứ nơi nào trong sách của Quốc sử quán, khiến ta phải đặt vấn đề ảnh hưởng Tây Phương đối với quân Nguyễn Ánh sâu đậm hơn là ta tưởng. Đó là chuyện Xuyên đánh đồn Kì Sơn “tay phải cầm súng kíp, ngón tay vô danh và ngón giữa bị trúng đạn”, và nhờ có ống dòm khiến cho Xuyên thấy được toán quân của Trần Quang Diệu từ xa nên lui quân kịp thời khỏi chịu tổn thất.

Vậy thì trở lại với những chi tiết về quân ngũ như đã nói, sự kiện Xuyên biết mà ghi lại đó có phần nào chịu ảnh hưởng theo cách tổ chức quân sự rành rẽ của Tây Phương không? Tổ chức đó rõ ràng là khác với lối đánh “truyền thống” đến đâu bắt lính tới đó (như Nguyễn Huệ ở Nghệ An đã nói) tuy cũng có tướng, binh nhưng không giấu được tính chất hỗn độn từ cung cách tập hợp người dưới cờ. Kiến thức đến từ người Pháp, có Trần Văn Học biết cách vẽ bản đồ, xây thành trì, như vậy ông quan này thật có nhiều điều khiến ta phải suy nghĩ hơn là chỉ dựa trên những dòng chữ của sử quan để lại. Trong chuyện kể của Xuyên, ta cũng gặp một phương thức truyền tin theo kiểu “tân cổ giao duyên”: Khi muốn báo tin cho bên trong thành Bình Định biết, quân Nguyễn đã “đốt 5 cây hoả hổ và 3 nhà dân”! Đọc lịch sử có những chuyện này thật lí thú hơn là nghe tiếng văn chương trầm bổng, hay những ngợi ca về thành tích chiến tranh, trị nước của các bậc anh hùng, minh quân. Cùng một chiều hướng thích thú đó, ta nghe Xuyên kể chuyện “ngụy Đô đốc Diêm đem khoảng 700 người (lính nam và) phụ nữ 50 người đánh Phú Yên”. Hay, như đã nói, chuyện Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng làm thân bại tướng với cái chết cầm chắc mà đòi gặp Nguyễn Đức Xuyên chỉ vì một lí do thật hào hùng của con nhà tướng: Muốn thấy tận mặt kẻ từng là đối thủ trong suốt ba năm qua? Quá khứ từ những chi tiết đó hiển hiện dồi dào màu sắc, linh động như cuộc sống phải có, là lịch sử người sau muốn thấy, đúng như của một khoa học lịch sử mong muốn đạt tới, xuyên

qua sự mai một của thời gian, qua những sửa đổi, gạt bỏ bôi xóa của phe phái. Một bộ phận khá lớn những ghi chép của Nguyễn Đức Xuyên lại đưa đến một vấn đề quan trọng hơn chuyện tranh chiến cấp thời thường nhật: Đó là các thư từ qua lại (chỉ dụ, lời tâu, báo cáo) giữa chiến trường và trung tâm chỉ huy. Thư viết bằng chữ Nôm, bởi vì người ta phải thông báo nhau bằng tiếng nói thường nhật. Đến thế kỉ này thì người ta chắc đã hết tán tụng chuyện Quang Trung nâng đỡ chữ Nôm như một sáng tạo độc đáo của vị vua anh hùng xuất thân áo vải cờ đào - người nào còn khư khư với chân lí đó thì không có thể tranh biện gì được nữa. Lí do xuất hiện của các bản văn chữ Nôm thường được coi như là chứng tích thăng tiến của tinh thần dân tộc Việt, nhưng cụ thể hơn, vốn là do tình hình thực tế có quân nhân, tướng sĩ (và thường dân) ít học dưới quyền mà người cầm quyền phải lưu tâm sử dụng đến nó (Hoàng Xuân Hãn).

Tuy nhiên tình hình thực tế này lại có nguyên nhân lớn rộng hơn mà người ta ít nói tới. Đó là do sự mở rộng quyền lực của các vương triều, nên càng lúc càng có một bộ phận lớn người dân nói-tiếng-Việt tham gia vào biến cố. Không phải chỉ chứng cứ nằm trong bản văn thề Lũng Nhai, lời thề với Lê Lai tận trong rừng núi Lam Sơn, cùng với lời truyền của Trịnh Kiểm đã phai lạt dấu vết Thái Lào của thế kỉ XV, XVI mà đã đến tận Đồng Nai, Gia Định, nơi Minh Mạng có nhận xét là dân “ít học” (chữ Hán). Vì vậy thế kỉ tranh chấp Nguyễn Tây Sơn đã khiến xuất hiện nhiều bản văn chữ Nôm hơn lúc nào hết.

Với sử gia thì những thư từ qua lại này thật quan trọng không những chỉ vì chúng là bằng cứ đương thời của biến cố mà còn vì chúng đã sử dụng thứ ngôn ngữ thường ngày của thời đại và địa phương nữa. Với phần cuối thế kỉ XVIII qua XIX, L. Cadière đã đưa ra những bức thư của Nguyễn Ánh nhưng chính trong hồi kí của Nguyễn Đức Xuyên này mới có dấu vết nhiều đến ngợp. Người dẫn hồi kí chưa phải làm việc của một chuyên viên Hán Nôm cho nên các tài liệu vẫn còn đó để mở ra một hướng khảo sát, miễn là nhà khảo cứu bỏ được thói quen cố đi tìm những gì thật “xưa”, bớt quanh

quần ở các công trình kiểu “song viết” tuy có đáng khoa học khảo chứng nghiêm chỉnh nhưng không giấu được tính chất tầm chương trích cú trì trệ còn rơi rớt đâu đó. Quá khứ không phải chỉ của Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, cổ núa thêm một ông Nguyễn Huệ nông dân cho ra vẻ hiện đại mà sẽ còn là lỗi nói của người dân thế kỉ XVIII, XIX uốn nắn qua văn từ của ông quan, ông vua để diễn tả tư tưởng biểu hiện tình thế cấp bách trên tầm mức quốc gia đương thời. Điều đó không ít thì nhiều có thể thấy trong các bản văn nôm của Nguyễn Đức Xuyên giữ được vậy.

Tháng 4, 2006

Hết

* * *

Chú thích

[1] Paris. Lib. Plon. 1919.

[2] Thượng Chi văn tập, Bộ Quốc gia Giáo dục (Việt Nam Cộng hòa) tái bản, tập V.8. Đáng lưu ý rằng Aurousseau khi phê bình sách của Maybon lại chê rằng ông này không tìm được gì mới hơn những điều mà L. Cadière đã nói đến hơn 10 năm trước

[3] Gồm 2 tập, tập trên 202 trang (Tri Tân xuất bản, in xong ngày 6-5-1944), tập dưới 310 trang (Trịnh Như Luân xuất bản, in xong ngày 8-8-1944). (Theo chỉ dẫn của lời tựa lần tái bản quyển Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc, sửa lại một tập. Sài Gòn, xuất bản Bốn phương, 1958)

[4] Paris, Minh Tân xuất bản. 1952

[5] Đã in thành sách Việt Nam thời bành trướng: Tây Sơn, Khai Trí. 1968

[6] Lê Quý Đôn, Kiến văn tiểu lục, Lê Mạnh Liêu dịch. Bộ QGGD. 1963.
8. Xem dịch văn và nguyên bản lời tựa Nghệ văn chí, Đại Việt thông sử do E. Gaspardone dịch trong BEFEO. 1934: 7-

[7] “Première étude sur les sources annamites de l’histoire d’ Annam”.
BEFFO. IV 1904. t. 167

[8] Lữ trung tạp thuyết. Tuyến Trang Trần Văn Ngoạn dịch trong mục “Tồn cổ lục”. Nam Phong tạp chí, Janv. 1919, t. 52

[9] Hiện nay (1969). Viện Khảo cổ đã có đủ với ấn bản ở Nhật

[10] Xem Foire exposition de Saigon, La Sơn Phu Tử, Phụ lục của sách này

[11] Chúng ta thấy khuynh hướng này rõ rệt khi Sơn Tùng Hoàng Thúc Trâm đem các bài “Dự Nhị suý quốc âm”, “Hiếu thị quân dân Qui Nhơn” vào trong quyển Quốc văn đời Tây Sơn (Sài Gòn, Vĩnh Bảo xuất bản, 1950), Dương Quảng Hàm dùng bài “Dự tướng sĩ ở Gia Định” để minh chứng phong trào văn Nôm cuối thế kỷ XVIII, G. Cordier (Morceaux choisis d’auteurs annamites, Hanoi. 1932, t. 254, 255) chép bài “Hịch dụ các người trung nghĩa ngoài Bắc thành” của Lê Huy Dao

[12] De la connaissance historique, Du Seuil, 1962, t. 315

[13] Việt Nam văn học sử yếu, t. 289. Về sự xác định tính chất này, xem lời phản đối của ông Nguyễn Phương ở tạp chí Bách khoa ngày 14-5-1963. t. 15-22: “Giá trị quyển Hoàng Lê nhất thống chí”

[14] Dương Quảng Hàm: Việt Nam văn học sử yếu, t. 264, 350, 351

[15] Thực lục q3. 14b

[16] ... Liệt truyện. 930, 40b: “kiến ư dã sử, tạp ký...

[17] Hoàng Lê nhất thống chí. t. 153. 154

[18] Chuyện Bia núi Thành Nam trong mục “Tồn cổ lục”. Nam Phong II, Fév. 1918. t. 106. Chính chúng tôi nhấn mạnh

[19] Văn Tân, “Cách mạng Tây Sơn”, Hà Nội. Văn Sử Địa xuất bản, 1957

[20] “Những bước đầu của anh em Tây Sơn”, Đại học, tháng 4-1962, t. 336.

[21] Cadière và Pelliot cho biết một viên quan đang (1904) thu thập tài liệu để viết quyển Liệt truyện đệ nhị ký. Chú ý rằng Hoàng Lê, nơi mà Cường mục và Liệt truyện thường lấy tài liệu cũng có ghi chuyện này

[22] E. Navelle. “De Thinat à Blá”, Excursions et Reconnaissances, XIII, 1887, t. 142. Vì tinh thần địa phương một phần lớn, xứ sở này còn giấu con chúa Nguyễn Nhạc tới đời Minh Mạng mới bị phát giác (Liệt truyện q30, 55b). Cho đến hồi Mai Xuân Thưởng chống Pháp, người ta còn ghép tội ông này mưu đồ phục nghiệp Tây Sơn. Thành kiến tất đã góp phần vào việc gìn giữ sự thật ban đầu

[23] Tây Sơn có rất nhiều sáng kiến đã đem áp dụng trên chiến trường gây bờ ngõ cho địch quân của họ: các trận yểm kích, bồi thủy, các mẹo lừa

[24] ... H. I. Marrou. De la connaissance historique. 1. 128-133

[25] Chú thích bản dịch bức thư Nôm thứ tư trong loạt tài liệu đã kể

[26] “Điểm sách: Histoire moderne du pays d'Annam (1582 - 1820)”. BEFEO. XX 1920, t. 75 trở đi.

[27] Vũ trung tùy bút: Xét về tên các xứ đất nước ta thay mỗi đời mỗi khác: Đông Châu dịch trong NP. V. Déc. 1919. t. 335

[28] Không phải chỉ vì thân tình mà Ngọc Hân công chúa (trong Ai tư văn) nói về Nguyễn Huệ (Tây Sơn nói rộng ra) là dân “áo vải cờ đào, giúp dân,

dựng nước ...” Trong mọi tờ thư biểu đưa sang nhà Thanh. Quang Trung vẫn xưng là “kẻ bố y”. Người Tây phương (BSEI. XV 1940. 66) Cũng thấy rõ tính chất xã hội của cuộc loạn này. Ngay đến kẻ thù của Tây Sơn cũng công nhận có dân chúng ủng hộ họ. Quần thần Nguyễn Ánh khi khuyên Chúa đừng làm mất nhân tâm, đã nói về Tây Sơn: “Kẻ kia, Nhạc Huệ, anh em từ dân áo vải, không đất cắm dùi, vươn tay hô một tiếng, người theo có cả vạn chẳng đầy 5, 6 năm có được đất nước. Họ không có quá tài đức của người thì vì lẽ gì lại hưng thịnh dữ dội như vậy?” (Thực lục q1. 2ab).

[29] “Hoài nam khúc”, NP XIII. t. 157 - 180

[30] “R. Orband. Généalogie des Nguyens”, BEFEO, 1914: Võ vương có 30 con (18 trai, 12 gái). Các con trai là: (1) Chương hay Trà († 1763), (2) Luân, (3) Mão hay Văn (1734-1773), (4) Quới hay Thành (1735-1775), (5) Duệ hay Bửu (1735-?), (6) Chắt (1737-1777), (7) Kinh (1737-1775), (8) Bảng (1739-?), (9) Hiệu (1739-1760), (10) Yển hay Chiêu (1740-1772), (11) Tuân hay Đa (1742-1764), (12) Yển hay Viêm (1743-1776), (13) Đăng hay Trường (1744-1786), (14) Tuyền hay Quyền (1749-?), (15) Diệ (1753-?), (16) Thuần, Duệ Tông (1753-1777), (17) Xuân (1757-1780), (18) Thăng (1762-1819).

4. Thực lục tiền biên, q11, 1b, 2a, sử sự tiếp theo ở tờ 4ab

[31] Thực lục tiền biên, q11, 1b, 2a, sử sự tiếp theo ở tờ 4ab

[32] Ta không nên lấy làm lạ về sự giàu có này. Chapman, người đại diện của W. Hastings trong chuyến đi thăm dò Nam Hà năm 1778 cho biết ở vùng Huế, tỉnh Chàm (Quảng Nam) có nhiều mỏ vàng. Trà Sơn (ĐNNTC, tỉnh Quảng Nam, q5 gọi là Trà Tế Sơn) là nơi sản xuất vàng. Hải cảng Đà Nẵng chuyển phẩm vật nguồn này ra ngoài. Nguồn Trà Vân, theo lời tả của ĐNNTC, tỉnh Bình Định, q9, nếu chỉ nguồn An Lão, Kim Sơn thì cũng có vàng, ngoài mật ong sáp vàng ... Nguồn Thu Bồn sản xuất quế chắc dùng cửa Hội An làm nơi chuyển tiếp ra ngoài. Nguồn Đồng Hương ở Bình

Khang (Khánh Hoà, vùng Vạn Ninh) mà ĐNNTC tỉnh Khánh Hoà gọi Động Hương, là nơi sản xuất sáp ong vàng với các đội Hoàng Lạp hoạt động thường xuyên. Như vậy có thể nói Trương Phúc Loan đã bao thầu hết các nguồn lợi trên rừng của Nam Hà và còn nắm quyền xuất cảng nữa (ông coi chức Tàu vụ). Sự việc này còn chứng tỏ sinh hoạt rộn rịp của ngành buôn nguồn, khai thác lâm, khoáng sản vào thế kỷ XVII, XVIII ở vùng này

[33] L. Cadière, “Quelques figures sous la Cour de Võ vương”, BAVH, 1918, t. 262-264

[34] L.M Cadière (bđd, t.270, 271) không phủ nhận lầm lỗi của Trương Phúc Loan, nghĩ rất đúng rằng người chung quanh ông cũng làm vậy như vậy, nhưng lại cho rằng sở dĩ sử quan nhà Nguyễn ghét ông vì ông đã gạt cha Gia Long không cho lên ngôi và vì ông một phần nào có cảm tình với người ngoại quốc. L.M không lưu ý rằng Trương Phúc Loan đón tiếp niềm nở P. Poivre chẳng hạn là để lợi dụng đối tiền lấy bạc và khi thấy Poivre đòi ông thoả mãn việc đổi bạc riết quá, ông bèn tìm cách tổng khứ đi ngay. Thêm nữa có nhiều chứng cứ cho biết mọi người đã kết tội Loan từ lúc Nguyễn Ánh chưa lộ diện trên chính trường (Trịnh đưa hịch kể tội Loan để làm có tiến quân, Tây Sơn tôn phù Hoàng tôn Dương).

[35] Trích Du ký của P. Poivre nơi Cadière, bđd, trang 273

[36] Bđd t.289

[37] Thực lục tiền biên. Q11, 18a

[38] Thực lục tiền biên, q11 12ab. tờ số của Ngô Thế Lân (1170).

[39] J.Komer, “Description historique de la Cochinchine”, RI, XV, Mai-Juin 1911 t.10: Xét thêm thư của giáo sĩ Halbout. tháng 7-1775 (A. Launay. III, t 460): “Mỗi năm từ Đồng Nai, vùng phì nhiêu, có hàng ngàn chiếc ghe đến vùng này mang lại sự đầy đủ và nỗi vui mừng cho dân chúng”.

[40] Thực lục tiền biên, q11, 11ab

[41] Thư ngày 12-5-1787 (RI, XIV, Juil-Déc. 1910, t. 44)

[42] Hoàng Lê, t.53, ghi: “ ... sinh ra Nhạc và 2 người em là Bình và Lữ”. Bình là Nguyễn Huệ (Liệt truyện, q30, 37b). Cương mục q44, 22a cho biết thứ tự Nhạc. Huệ, Lữ. Sách ta chỉ có Liệt truyện (q30, 1a) là cho biết Huệ là em út, phù hợp với nhiều tài liệu của các giáo sĩ đương thời để lại. Một ví dụ: thư của Đức ông Veren (Labartette) ngày 8-6-1788 có câu: “chiến tranh bùng nổ (...) giữa 2 anh em Nhạc và ông Tám (Đặng Phương Nghi, vài tài liệu mới lạ về những cuộc Bắc tiến của Nguyễn Huệ”, Sử Địa số 9-10 t. 237).

[43] Tây Sơn là một địa danh chỉ cả vùng núi phía Tây đồng bằng của phủ Qui Nhơn xưa. Danh từ hàm ý nghĩa phong thuỷ hơn là địa lý. Còn địa điểm Tây Sơn, nơi phát xuất của triều đại họ Nguyễn mới này là địa phận 2 làng Cửu An, An Khê ngày nay (khu vực xác định vẫn còn rộng quá), trước 1945 thuộc Kontum, sau 1955 được sáp nhập vào tỉnh Bình Định trong một quận mới lập: quận An Túc. Tên phủ Qui Nhơn cũng trải qua nhiều thay đổi: ban đầu là phủ Hoài Nhơn (1470), năm 1602 lần đầu có tên Qui Nhơn, 1651 tên phủ Qui Ninh, 1742 trở về tên cũ, 1831 lại gọi phủ Hoài Nhơn, 1832 thành tỉnh Bình Phú (ĐNNTC, tỉnh Bình Định, q9, Kiến trí duyên cách). Với người ngoại quốc buôn bán thì Qui Nhơn là vùng Thi Nại mà họ gọi là Quinion, Chincton, Choya (Chợ Giã, tức là thành phố Qui Nhơn bây giờ).

[44] Hoàng Lê nêu lên tên Hồ Phi Phúc là một ông tổ trong dòng. Hoặc Liệt truyện sai lầm, hoặc hai tên Phúc phải là hai người khác nhau. Không nên nói như ông Văn Tân (Tập san Văn Sử Địa số 19, “Hồ Xuân Hương với các giới phụ nữ, văn học và giáo dục” trình bày do ông Phạm Văn Diêu trong Văn hoá Nguyệt san, tháng 7-8/1962) rằng đó là một người. Nguyễn Huệ chết năm 1792 thọ 40 tuổi, vậy sinh vào khoảng 1753. Hồ tôn thế phả cho biết Hồ Phi Phúc đã có mặt ở Nghệ An năm 1655, dù là còn ẵm ngửa,

nếu là cha Nguyễn Huệ tất phải sinh ông này vào lúc 100 tuổi. Huống nữa, giọng điệu của tác giả Hoàng Lê, người sống sau câu chuyện tù binh Hưng Nguyên cả hàng 100 năm, rõ ra là Hồ Phi Phúc lúc còn ở Nghệ An đã là người có danh vọng rồi. Nếu nghĩ rằng tục lệ ta hay kỵ húy ông bà để không thể có 2 ông Phúc ở nhà họ Hồ Tây Sơn thì càng chỉ nên giữ tên Phúc của xứ Nghệ thôi mà bỏ tên Phúc của Liệt truyện đi

[45] Chapman, “Narrative of a voyage to Cochinchina in 1788”, bản dịch Pháp văn của H. Berland. BSEI, XXIII, 1948, t. 22

[46] L.M. thuộc dòng Phăng-xi-cô, tiết thư ở Tiên Đỏa ngày 15-2-1774 kể chuyện mắt thấy tai nghe về cuộc khởi nghĩa trong chuyến ông vào Qui Nhơn, tá túc tại nhà thờ Gia Hữu (phía bắc Bồng Sơn) (BSEI, XV. 1940. t. 74).

[47] Muốn biết chức tước của Nguyễn Nhạc to như thế nào đối với dân chúng, hãy xem lại một chi tiết trong tiến triển của cuộc khởi nghĩa. Loạn quân tụ tập từ 1771, kéo xuống chợ tháng 5-1773, tháng 9-1773 cướp tỉnh thành mà trước đó chỉ có một trận đụng độ để cho sử quan cùng người ngoại cuộc không hẹn mà cùng ghi như nhau: xung đột với một viên Đốc trưng, một người trông coi việc thu thuế. Xung đột nhỏ mà đầy ý nghĩa giá trị chứng cứ xã hội, đối với dân chúng, chính quyền trung ương là viên quan thu thuế. Nguyễn Nhạc, trước khi làm loạn, là một viên quan thu thuế như vậy. Cho nên, đánh bạc, Nhạc nào có dễ gì để cho người ta lột!

[48] .“Tout le pays est entrecoupé de rivières sinon assez grandes pour recevoir des vaisseaux de fort tonnage, du moins très disposées pour faciliter le commerce intérieur ... Avant les troubles, les primitifs habitants des montagnes, apportaient de grandes quantités de poudre d’or qu’ils troquaient contre le riz, des étoffes et du fer. Ce sont eux également qui procurent le bois d’aigle et le calambac de même que certaines quantités de cire, de miel et d’ivoire ... ” (Chapman, bđd, t. 59).

Ai về nhẵn với nậu nguồn,

Măng le gởi xuống, cá chuồn gởi lên (ca dao).

[49] Nghề đầu nậu cha truyền con nối (vì sự kế tục tài sản và nghề nghiệp), nhưng ta không biết sáng kiến tổ hợp nghề buôn trâu nguồn là của cha Nhạc hay chính của Nhạc thực hiện. Chỉ biết chữ “nậu” được sử dụng nhiều ở nơi khác (hoàng lạp nậu: tổ hợp lấy sáp vàng; đồn điền nậu: tổ hợp làm ruộng), nhưng không có nơi nào danh từ vượt khỏi lãnh vực chuyên môn. Chỉ ở Bình Định (nhất là ở miền Nam) chữ “nậu” trở thành một danh từ phổ thông, dùng chỉ một tập hợp (“nậu nguồn” ở câu ca dao trước) và đã tổng quát hoá để thành đại danh từ chỉ “họ”, “người ta”, (“nầu”). Có phải đó là bằng cứ chứng tỏ sinh hoạt tổ hợp nghề nghiệp ở đây được nâng cao hơn hết trong vùng Nam Hà thời bấy giờ không? Đi xa hơn, có thể thắc mắc là lề lối sinh hoạt tổ chức tập thể này có ảnh hưởng nào trong sự thành công của Tây Sơn không?

[50] ĐNNTC, tỉnh Phú Yên, chỉ rõ Thạch Thành ở đây chứ không phải Thạch Thành vẽ trong Hồng Đức bản đồ, thuộc về Bình Thuận

[51] Thực lục, q11, 5b có các tên: An Ngải, Nhơn n, Nghĩa Hoà, Sơn Điền, Hà Bạc, Vồng Nhi. Hồng Đức bản đồ, t. 154, ghi 3 thuộc ở 3 huyện. Thì Đôn ở Bồng Sơn, Thì Lượng ở Phù Ly, Thì Ngạn ở Tuy Viễn. Đáng chú ý là trong suốt tập bản đồ không có nơi nào ghi tên các thuộc như vậy. Chữ “thuộc” cũng thấy được dùng cho một tổ hợp tìm kỳ nam (Tầm hương thuộc ở Bình Khang. Thực lục q5. 37a).

[52] Thực lục tiền biên, q 11, 18ab: Phủ biên tạp lục q1, 50a

[53] Liệt truyện q30, 1b

[54] Giáo Hiến đến xứ An Thái sớm nhất là vào năm 1765 (năm Võ vương mất). Vậy chỉ có Lữ, Huệ ở tuổi 13, 14 đi học thôi. Nhạc ở vào khoảng tuổi “nhi lập”, lại phải trông coi cơ sở làm ăn hẳn không có tương quan thầy trò

với Giáo Hiến. Sự kiện này giải thích tính cách độc lập trong hành động của Nhạc và vai trò lu mờ của Giáo Hiến về sau trong quân đội Tây Sơn.

[55] Đọc Nước non Bình Định của Quách Tấn, người ta thấy khuynh hướng thần bí đó, tuy sau bao năm đổi thay vẫn còn lưu truyền trong truyền tích, trong quan niệm phong thủy về núi sông. Tên Tứ Linh, một đám cướp ở An Tượng, có vẻ như không phải của một người cầm đầu mà như của một tập thể tín ngưỡng, dấu vết một giáo phái hoạt động căn cứ trên tư tưởng Cổ Trung Hoa chịu một ít biến đổi trên vùng đất còn đầy tính chất bộ lạc này.

[56] Liệt truyện q30, 1b. Không có chi tiết nào rõ hơn về xuất xứ câu sấm để biết đó là của Nhạc hay của Hiến bịa ra, hay có từ trước với một ý nghĩa nào khác.

[57] Thư Linh mục Jumilla kể trước, bđd, t. 74.

[58] Liệt truyện. q30, 2b

[59] Liệt truyện, q6. 21ab, truyện Châu Văn Tiếp

[60] Thực lục tiền biên, q11, 15b

[61] Liệt truyện, q30, 2b

[62] Thư Jumilla đã dẫn. Chú ý đến chữ “cờ đào” trong “Ai tư văn” của Ngọc Hân. Ý nghĩa cờ trắng là cờ hàng, cờ đỏ là cờ quyết chiến thấy trong cuộc bàn cãi đánh hay đầu ở Phú Xuân, năm 1786, dưới quyền Phạm Ngộ Cầu

[63] Liệt truyện, q30, 2b, 3a

[64] Không phải thành Chà Bàn, ĐNNTC, tỉnh Bình Định, q9, 14b chỉ rõ thành Càn Dương. Chúng tôi không có phương tiện để tìm ra vị trí Càn

Dương: nhưng ông Nguyễn Phương cho biết phủ trị ở làng Châu Thành (Phù Cát). Chứng tích danh xưng đó có thể là một bằng cứ đích xác, tuy nhiên bản đồ trang 6 của Đồng Khánh Ngự lãm địa dư chí đồ, quyển thượng, lại viết là 珠成 chứ không phải là 州城

[65] Chúng ta lưu ý rằng Nguyễn Nhạc trông coi vùng Phù Ly vẫn bao gồm được làng Châu Thành

[66] Thực lục tiền biên. q11, 18a

[67] Ou doi be: ông (Cou Chinh: Cống Chinh, Dounai: Đồng Nai) Đội Be, Be là tên riêng, có thể chỉ Cai đội Nguyễn Vệ (bua: vua) tuy không thấy Thực lục nói tử trận.

[68] Thực lục tiền biên, q11, 18b nói rõ tên người và âm mưu lật đổ Trương Phúc Loan bị Loan vu cáo lại. Đối chiếu với Jumilla, ta thấy ông viết: “Ở triều, các quan bắt giam hai người tôn thất vì phải chịu trách nhiệm trận bại quân này”.

[69] Liệt truyện, q30, 3b: “Nhạc đến Bản Tân (本津) bằng lũy dĩ cự”. So với thư Jumilla, bđd, t. 77, L.M viết: “Thiên đoạ”, cũng như nơi khác: “Tha đao”.

[70] Bản dịch bức thư viết Faifo. Không biết nguyên văn có như vậy không. J. Koffler ghi là Phai pho và chú là “marché de vieilleries”. Ông Nguyễn Phương viết “Hải phố”. Có lẽ phải gọi như tên gọi thường dùng cho địa điểm hiện tại giống như ở sách Quốc sử quán: Hội An. Ông Nguyễn Bội Liên cho biết rằng Hải Phố, Chợ Chiều, Hội An là 3 địa điểm riêng biệt (Sử Địa số 7-8, t.249-252). Chợ Chiều đúng là tên Marché de vieilleries của J. Koffler. Vậy thì thương cảng nổi tiếng này cũng có lúc dỗi dối trọng tâm nhưng rốt lại địa điểm Hội An có vẻ được sử dụng lâu dài hơn hết vì trên tấm bản đồ của Thiên nam tứ chí lộ đồ thư q1 (chụp ảnh, phiên âm giảng giải trong Hồng Đức bản đồ, Viện Khảo cổ, trang 94, 95

mà ông Trương Bửu Lâm cho là thực hiện vào giữa các năm 1630-1653, có các tên Hội An phố, Hội An kiều, Hội An đàm và ở Bình nam đồ (sách trên, trang 148, 149. Ông Trương Bửu Lâm cho rằng đã thực hiện khoảng các năm 1653-1690) cũng vẫn có Hội An phố, Hội An đàm

[71] Thư Jumilla, bđd, t.71: theo luật cấm đạo 1750, người Thiên Chúa giáo phải mang một vòng sắt nơi cổ, lớn bằng ngón tay, có đỉnh miếng sắt khắc hai chữ “tả đạo” và phải cắt cỏ cho voi ăn.

[72] A. Launay , III, t. 16, 17 ... Chuyện ở Qui Nhơn

[73] Revue Indochinoise (RI) 1913. t. 535. Bản Pháp ngữ của đạo luật đăng trong tờ Gazette d' Amsterdams tháng 2-1776

[74] P. Jumilla, bđd, t. 18. Liệt truyện q30, 4ab. Thực lục tiền biên, q11, 19ab, 20a

[75] Chapman, bđd. t. 37

[76] Liệt truyện, q30, 4a. 5b gọi vịnh Hòn Khói là Vân Phong. Tên này được đặt từ năm Minh Mạng thứ 6 (1825 (ĐNNTC, q10, Phú Yên).

[77] Thực lục tiền biên. q11, 20b

[78] Cương mục q44, 10b, 11a nói quân có 33 dinh, 3 vạn người, Thực lục tiền biên, q11, 21a: 23 dinh tướng sĩ; Labartette, thư ngày 26-1-1775 (A. Launay III, t. 102) cho biết khoảng 13, 14.000 người.

[79] Thực lục tiền biên. q11, 23ab

[80] Thực lục tiền biên. q11, 23b, 24a.

[81] Thực lục tiền biên, q11, 25b, 26a, P. Jumilla, t. 83

[82] ĐNNTC. tỉnh Quảng Nam, mục nói về Trà Sơn úc (vùng Đà Nẵng) chỉ bán đảo Sơn Trà là Trà Sơn. Nhưng Hồng Đức bản đồ, t.148, 149, chỉ rõ Sơn Trà dưới biển và Trà Sơn tận trên nguồn trong núi. Chắc Nguyễn Cửu Dật chạy về Sơn Trà thì phải hơn vì ở đây ông mới tiện đường theo Duệ Tông được

[83] Thực lục tiền biên, q12, 2a

[84] Thực lục tiền biên, q12, 4a

[85] Liệt truyện, q30, 7b kể rõ ràng chi tiết. Việc Tống Phúc Hợp chịu cử sứ giả ra Qui Nhơn xem xét tình hình trong lúc hai bên còn đánh nhau chứng tỏ tình hình phe phái lúc này còn mù mờ khiến cho Nhạc dùng được Đông cung Dương để gây chia rẽ phía triều Chúa cả năm trời mãi đến khi ông thấy đủ lực lượng để không cần Dương nữa

[86] Thực lục tiền biên, q12. 6ab

[87] Sự kiện làm cho Tiếp dứt khoát với Nhạc hẳn là trận đánh đuổi Tống Phúc Hợp. Việc Lý Tài, Châu Văn Tiếp tách rời từ cuối năm 1775 khiến cho Nguyễn Nhạc thấy quân thế mình thuần nhất hơn, ảnh hưởng đến quyết định sau này của ông

[88] Chapman, bdd, t. 30, viết: “Vì vậy ông (Nhạc) phải chịu một vố nặng khi tôi ở đây, lúc 1/2 thủy quân tách ra sau một chuyến kinh cãi giữa người em ông và một trong những viên tướng chính dưới quyền”. Chapman muốn nói ai đây? Thời gian được xác định “khi tôi ở đây”, nghĩa là vào khoảng tháng 7- 1778. Khoảng này không có sự tan rã nào quan trọng. Có thể Chapman nghe chuyện trước đó (nhưng đối với thời đại vẫn còn là chuyện thời sự). Cuối năm 1775 có 3 người phản Tây Sơn: một người không quan trọng nên bị Tống Phúc Hợp giết, còn lại Châu Văn Tiếp và Lý Tài. Châu Văn Tiếp tụ chúng trên núi, quân bản bộ toàn là người Thượng. Chỉ có Lý Tài đã từng điều khiển thủy quân ở Quảng Nam và chịu dưới quyền sai

phái của Nguyễn Huệ khi ông này tập kích Phú Yên rồi giao cho Tài giữ (để Tài trả lại cho Tổng Phúc Hợp). Cho nên. Chapman muốn nói đến việc Tài vậy.

[89] Thực lục tiền biên, q12, 12a

[90] Thực lục tiền biên, q12, 6b

[91] Chapman, bđd, t. 26, 27. Chapman đến cửa Thi Nại ngày 13-7-1778, bắt đầu lên Chà Bàn ngày 22-7

[92] Chapman, t.30. Thực lục tiền biên, q12, 5a. Tây Sơn cướp cả thuyền lương của Mạc Thiên Tứ viện trợ cho Duệ Tông

[93] Cương mục, q44, 11ab

[94] Cương mục, q44, 10a

[95] Thực lục tiền biên, q11, 22a

[96] Thư của Labartette từ Tho duc ngày 21-6-1775 (A. Launay, III, t. 103).

[97] Thư của Labartette từ Tho duc ngày 21-7-1775 dẫn lời của ông Halbout ở Quảng Nam (A. Launay. III. t. 105). Hoàng Quang: “người ăn thịt người trời đất thấu chăng”.

[98] Thư của ông Halbout tháng 7-1775 (A. Launay III. t. 106).

[99] Thư của Labartette ở Tho duc 21-7-1775 (A. Launay, III, t. 104)

[100] Thực lục tiền biên, q12, 7a. Vấn đề đặt ra là dịch tể có lan tràn đến vùng Tây Sơn hay không. Có lẽ tính chất tách biệt của 2 đạo quân, 2 chủ quyền, ngăn cản sự liên lạc giữa hai vùng khiến vô tình có một hàng rào y tế được lập nên có lợi cho Tây Sơn

[101] Chapman, bđd, t. 30-32, 39

[102] "Macao à la fin du 18e S.", R. Jolez, tổng lãnh sự Pháp ở Hong hong, BSEI, 1950, t. 41-49

[103] Thư của Pigneau cho ông Descouvrières, 12-3-1786 (A. Launay, III, sđd, t. 161

[104] Nhật ký của ông Letondal (A. Launay, III, sđd. t. 157).

[105] Vụ Manuel giúp Nguyễn Ánh, BSEI, 1940, t. 32, 33 (xem sau).

[106] G. Taboulet, La geste française en Indochine, tome I t. 154, 155

[107] Thư đề ngày 12-2-1778 ở Chandernagor (G. Taboulet, sđd, t.159).

[108] Hutchinson và Berland. "Aventuriers au Siam au 17e siècle": BSEI. XXII. 1947, t. 13

[109] Aventuriers au Siam ... ". bđd, 1.148

[110] M. Gaudart. "Les archives de Pondichéry et les entreprises de la Compagnie française des Indes en Indochine au 18e siècle", BAVH, Oct-Déc 1937, t. 367

[111] BSEI, XV. 1940. bđd, t. 84

[112] Gọi theo sử quan Nguyễn. Sau 1790, Gia Định thành được xây cất làm nơi tập trung thực lực Nguyễn Ánh rồi với Tổng trấn Lê Văn Duyệt, nó trở thành tên chỉ chung của cả Nam phần ngày nay. Sự thực đối với dân chúng miền ngoài thời đó, tên thông dụng là Đồng Nai (Thực lục, q10, 37b).

[113] Thành trì chí" của Trịnh Hoài Đức, Đại học V, 1, tháng 2-1962, trang 141 và chú số 49. Thực lục, q31, 2b, 3a

[114] Can Cao của người Tây phương, gọi từ âm Quảng Đông (Kang K'ao).

[115] Liệt truyện tiền biên, truyện Mạc Thiên Tứ q6, 1ab. Nguyên chữ Hán (Việt) là Cần Bột, Giá Khê, Hương Úc, Lũng Kỳ, Kha Mao. Chú trong ngoặc là dẫn giải riêng. Cùng quyển tờ 6a nói Thiên Tứ đổi Kha Mao ra Long Xuyên, do đó, ta hiểu rằng danh xưng còn chỉ cả vùng “nước đen” phía tây hạ lưu sông Cửu Long

[116] Thực lục, q10, 11b chẳng hạn

[117] Thực lục, q1, 8a. Muốn hình dung mức độ khai thác cư dân trên vùng đất rộng như Gia Định quanh các năm 1778, hãy so sánh với phủ Qui Nhơn đồng thời chẳng hạn nhỏ hơn nhiều mà có tới 3 huyện (Bồng Sơn, Phù Ly, Tuy Viễn).

[118] Thư của Pigneau cho những người cai quản hội Truyền giáo, đề Can Cao, 5-6-1776: “Tôi từ triều đình Cambodge xuống Can Cao gần một năm rồi”.

[119] Thư Jumilla đã dẫn. t. 83, Hoàng Lê, sdd, t. 2

[120] Vũ trung tuy bút, Đông Châu dịch, NP, XXI. t. 236. Chuyện xảy ra vào các năm Giáp Ngọ, Ất Mùi (1774-1775). Chú ý rằng bản dịch của Bộ Quốc gia Giáo dục (VNCH. 1962, không có chi tiết thời gian kể trên

[121] Thực lục tiền biên, q12, 7ab. Liệt truyện, q30, 8ab

[122] Truyện Đỗ Thanh Nhân, Liệt truyện q27, 21b ... Một số sử sự tiếp theo thấy ở đây và Thực lục tiền biên q12, 9a, 11b, 14ab ... đến hết sách

[123] Tam Phụ. Ba Giồng gồm có: Giồng Dứa (thuộc xã Phước Thạnh, Châu Thành, Định Tường). Giồng Cát hay Giồng Nhị Bình (xã Nhị Bình, quận Sầm Giang), Giồng Thuộc Nhiều chạy dài từ xã Đường Diềm, Diềm

Hy (quận Sầm Giang) đến xã Nhị Quý (quận Cai Lậy). Giồng Cát còn có tên Giồng Giữa (vì nằm giữa 2 giồng kia) và Gò Luỹ (chắc là Gò Lữ, Lữ Phụ nói đến sau này). (Chỉ dẫn của ông Trương Ngọc Tường ở Cai Lậy

[124] Bđd. BSEI, 1940. t. 84. và bđd, Thành trì chí, Đại học, 2-1962, t. 143

[125] Chiêu Thái

[126] Tân Bản Kiều

[127] Việc Nguyễn Nhạc xưng là Tây Sơn vương, phong chức cho các em, sai Nguyễn Lữ vào Nam và đem đầy Đông cung Dương vào chùa Thập Tháp đồng thời trong mùa xuân Bính Thân (1776) chứng tỏ ý muốn hành động độc lập của Tây Sơn, loại trừ dứt khoát uy thế của cựu Nguyễn. Còn việc chùa Thập Tháp ở ngay chân thành Chà Bàn, tức là chỗ dễ cho Nhạc trông chừng Dương nhất mà Dương có thể thoát xuống cửa Thi Nại gần 20 cây số đường nước lụt lội chính là nhờ ở sơ hở của lính gác trong mùa mưa to gió lớn ở địa phương hơn là nhờ mưu kế đặt người giả cho ngủ trên giường của anh mưu sĩ nào đó

[128] Nay đã bị phá đi, trên nền ấy xây cất trại nuôi ngựa trong thành Ô Ma (trụ sở Bộ Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia - VNCH).

[129] Thực lục, q1 2ab

[130] “La révolte ...”, bđd. BSEI, 1948, t. 85.

[131] Chỉ dẫn của Trịnh Hoài Đức (Aubaret, t. 201). Thực lục tiền biên lầm với Cần Bột (Kampot).

[132] 橙汀. Có 2 địa danh tương đương: Bến Tranh (như Trúc Giang: Bến Tre) đã có tên riêng khác, và Rạch Chanh: (Tranh: chanh, tự điển P. Gouin, Đào Duy Anh), con rạch chảy trong vùng Đồng Tháp ăn thông với Tiền Giang qua Ba Giồng. Quân tướng Nguyễn hay chạy về phía này để núp

trong tỉnh Romdoul của Chân Lạp hay để qua sông hướng Long Hồ, đi Cần Thơ, Rạch Giá ra biển: con đường thoát thân thiết yếu đến nỗi Lý Tài biết Đông Sơn ở Ba Giồng mà cũng chạy về đó để bị giết

[133] Rạch Trà Tân chảy từ giồng Thuộc Nhiều qua các làng Long Khánh, Long Tiên, Long Trung (chợ Ba Dừa) rồi ra Tiền Giang nơi làng Hưng Long (chỉ dẫn của ông Trương Ngọc Tường, Cai Lậy).

[134] Ba Việt của Thực lục, Liệt truyện. Địa điểm Ba Vác ở trên rạch Cái Mơn chảy trong cù lao Mỏ Cày

[135] Thực lục. q1, 3a

[136] Thư ông Faulet cho ông Descourvières ngày 25-4-1780 (A. Launay III. tr. 69. 70).

[137] Liệt truyện, q30, 9b. Thử thách ở chiến trường là mực thước đo tài năng các tướng. Các tên Chu, Hãn, Uy sau này biến mất trên chính trường. Hoà chắc là Nguyễn Văn Hoà. Còn Chấn có phải là Đặng Văn Chân (Chấn) không?

[138] Ông Nguyễn Phương (Đại học số 5, tháng 10-1762, t. 762) có dựa Tây Sơn sử truyện để tả thành này. Đáng lưu ý là những danh từ to tát dùng để chỉ những kiến trúc thường rất khiêm tốn của ta ngày xưa khiến ta cứ tưởng sự xây cất bên trong tất là hùng vĩ, tráng lệ lắm. Chapman (bđd, t.29) trong chuyến đi thăm Qui Nhơn đã tả rõ như sau: “Thành chỉ là một bức tường đá nhiều chỗ hư hại, không ụ súng, không tháp núp bắn, hay tất cả những gì gọi là một thành trì chiến đấu ... Cửa chính và tường không có một tên lính gác nào và bên trong đất cày thành ruộng”. Chapman đến giữa năm 1778 tả như trên, nhưng thành có thể xây đắp thêm vào những năm sau. Tuy nhiên chi tiết đất cày thành ruộng bên trong vẫn đúng nếu ta nhìn lại di tích ngày nay. Qui mô tương đối thì khá hùng vĩ với dãy bờ đất đỏ đá ong chiếm ba làng Bả Canh, Nam An, Thuận Chánh của quận An Nhơn.

Tên thành 閩盤城 có thể đọc là Đồ Bàn, Chà Bàn, Xà Bàn. Người địa phương ngày xưa, trên danh thiếp của họ, thường dùng tên thành để chỉ tỉnh Bình Định: Nguyễn Văn Mỗ, Xà Bàn Thành, hay Trần Văn Mỗ, Cổ Bàn Thành. Tên Chà Bàn, gốc Chàm, có ý nghĩa tôn giáo (Çaban = autel - Aymonier và Cabaton, Dictionnaire Cam-Français, Paris, 1906, t. 461).

Hiện nay thành còn dấu vết là những mô đất đỏ chạy bao quanh với hai thềm đá đứng, dựng song song, chắc là cửa thành sót lại sau khi Gia Long (năm thứ 12) sai phá đi, lấy vật liệu xây thành mới là thành Bình Định bây giờ, cách phía Nam vài cây số (cũng bị phá nốt năm 1945, 1955). Thành Chà Bàn nay gọi là Thành Cũ

[139] Sa Đích của Thực lục

[140] Thực lục, q1, 3b và Liệt truyện q27, 23b, q30, 9b

[141] Trích lại của G. Taboulet, *La geste française*, t. 270

[142] Thực lục q6, 19a. Chế độ khắc khổ: q4, 9b, 15a, q8, 28b

[143] Lòng ham thích học hỏi được truyền đến cho con. Xem lời dặn Hoàng tử Cảnh lúc cho ra trấn Diên Khánh (Thực lục q6, 35b). Ý kiến của Dayot: “(Nguyễn Ánh) chú ý thích thú với tất cả những gì thuộc về khoa học phát minh” (G. Taboulet, *La geste française*, sđd, t. 250)

[144] G. Taboulet, *La geste française*. sđd. t. 268

[145] Lật Giang 栗汀 của sử quan

[146] Trịnh Hoài Đức chỉ rõ sông Bến Nghé là sông Bình Giang, vàm Bến Nghé ở chỗ rạch Bến Nghé đổ ra sông Sài Gòn (Aubaret. t. 137, 184). Có lẽ là khúc sông Sài Gòn (Tân Bình giang) ở khoảng Bến Tàu bây giờ

[147] Thực lục. q1, 4b. 5ab

[148] Thực lục. q1, 7b. Liệt truyện q21, 23b

[149] Chức quan Chân Lạp

[150] Tổng hợp Thực lục q1, 11b, 12a, 13b; Liệt truyện q12, 3a chuyện Nguyễn Đình Toàn, q13, 2ab, chuyện Tống Phúc Thiêm, q27, 2ab, 25a, chuyện Đỗ Thanh Nhân; A. Launay, III, t. 312, 313, tài liệu của Thư viện Hội Truyền giáo. Quận lỵ Bến Tranh cũ còn có tên là Lương Phú, vậy Lương Phú Giang là sông Bến Tranh. Truyện Đỗ Thanh Nhân nói rõ ông này chết vào khoảng tháng 3 âm 1781, Liệt truyện q30, 10a cho vào năm Nhâm Dần (1782). Suy xét mối liên quan với cuộc tấn công Phú Yên, vụ các tàu Bồ (tiết 5) chạy trốn được xác định rõ tháng 7-1781, ta thấy việc xảy ra quả vào năm Tân Sửu (1781)

[151] Liệt truyện q30, 10a

[152] Chapman, bdd, t. 30-32, 36, 37

[153] Chapman lên thành Chà Bàn vào khoảng giữa tháng 7-1778, được Nguyễn Nhạc tiếp, ông lưu ý đến một chiếc ghế trống bên cạnh Nhạc “dành cho người em khác đang ở Đồng Nai”. Ai đây? Như trước đã thấy, chuyến vào tháng 2 Mậu Tuất (1778) không có người nào trong 3 anh em Tây Sơn theo chỉ huy. Trận chiến kết thúc vào khoảng tháng 3 âm. Như vậy không thể nói rằng người em vắng mặt kia ở Đồng Nai được. Phải nghĩ rằng Tây Sơn lúc này đang chuẩn bị đánh báo thù từ khi họ biết tin thua. Người đi sửa soạn đó tất là Nguyễn Huệ, chắc lúc bấy giờ ở Phú Yên (ở cửa Thi Nại thì Chapman đã biết) và vì thế mới có tin đồn ông “ở Đồng Nai” và Chapman mới thấy thủy sư Tây Sơn chỉ có vài chiếc galère và ít thuyền cướp được của người Trung Hoa thôi

[154] A. Launay, III, t. 74, 75. Ông quan lớn này là Đỗ Thanh Nhân (xem trước: vụ Đỗ Thanh Nhân). Chính chúng tôi nhấn mạnh chữ Trung Hoa.

Chúng ta cũng lưu ý đến ngày tháng bức thư để hiểu rõ những điều nói ở tiết trước về sự e dè của Tây Sơn đối với thủy quân Gia Định.

[155] Yên Cường, Hòn Chông, nhà giòng Hòn Đất của Pigneau đều ở ngay trên đất liền. Vì lẽ đó, trái với tin tưởng thông thường, “hòn” không phải để chỉ riêng những đảo nhỏ mà còn để chỉ những gò đất nhô ra gần biển. Cho nên, Hòn Khói thật là địa danh rất hợp để tìm ra vị trí Yên Cường của sử quan

[156] Chi tiết kể ra trước và sau đây lấy ở thư Pigneau kể trước, thư của L.M Castuera gửi cho L.M Trương tỉnh (BEFEO, 1940, bđd, t. 88), thư Pigneau đề ngày 24-7-1782 (A. Launay, III, t. 71, 76). Thực lục, q1, 13ab có ghi “Thủy binh Tây Sơn không dám đánh” phù hợp với lời huênh hoang của Castuera. Olane”: Hoà Lan; Ông Cả: Bá-đa-lộc. Những chi tiết do các nguồn sử liệu khác nhau so ra hết sức sít sao ở đây.

[157] Thư Pigneau 24-7-1782, Langenois ở Sa Đéc, 14-11-1782, L.M Ginestar, 7-7-1782, Liệt truyện q30, 10b, Thực lục q1, 16ab.

Về thời gian Tây Sơn vào, Thực lục, Trịnh Hoài Đức có chỉ rõ tháng 3 âm. Thư Pigneau ở Pondichéry ghi: “Mars 1782” gần việc xảy ra hơn, phù hợp với xác nhận của Langenois “au commencement d’ Avril”. Không như ông Nguyễn Phương đoán “có lẽ vào hồi tháng giêng Nhâm Dần” (Đại học, 10-1762, t. 773, chủ số 1). Cũng không như ông bảo người mang binh thuyền bỏ trốn là Đỗ Nhân Trập (bài dẫn trên. t. 773). Thực lục q1, 12b nói: “Ánh sai Phúc Thiêm lãnh thủy binh”, 16a “Ánh sai Phúc Thiêm dàn binh ở Thất Kỳ giang”. Vậy viên Général commandant la flotte mà Ginestar nói đến chính là Tổng Phúc Thiêm

[158] Swayrieng bây giờ

[159] Hốc Môn, Gia Định

[160] BSEI, 1940, “La révolle ét la guerre des Tây Sơn”, bđd, t. 87; Thực lục q1, 17a; Liệt truyện q 30, 10b; A. Launay, III, t. 84

[161] Van Imbert. Le séjour en Indochine de l’ambassade de Lord Macartney (1793). Hanoi, 1942

[162] Thực lục. q1, 18ab, 19ab, 20a

[163] Thực lục q2, 1ab chỉ nói đến việc Ánh thua, chạy về Ba Giồng trong tháng hai âm rồi tiếp đến tháng 4 âm với trận Đồng Tuyên như là Ánh vẫn còn lẫn quân trong vùng này. Thực ra, hãy nghe Bá-đà-lộc nói (thư 20-3-1785): “Ngày thánh Joseph ... chúng tôi nhận được tin giặc tới ... ngày sau ... chúng tôi ra biển bằng cửa Bassac và ngày thứ hai tới một giáo khu có 400 dân Cochinchinois ... Vua đã chạy trốn ra đây với độ 90 thuyền. Chúng tôi phải đi tìm một chỗ khác, chắc chắn và xa hơn. Chúng tôi dừng lại ở một hòn đảo lớn để làm lễ Phục sinh ... Người ta đem tin cho chúng tôi biết là vua ở cách chúng tôi một ngày đường, và giặc vẫn theo” (A. Launay, III, t. 87, 88). Thư khác (Bangkok, 6-12-1783) bổ túc cho ta biết giáo khu ông gặp Nguyễn Ánh vào ngày 21-3 là “ở gần Cancao” và nơi Nguyễn Ánh trốn vào khoảng lễ Phục sinh tuy ở cách Bá-đà-lộc tới “1 ngày 1/2 đường” nhưng “ở cùng một hòn đảo” (A. Launay, III, t. 77-79). Hòn đảo lớn đó chắc không thể nào khác hơn là hòn Phú Quốc.

Sử quan nhà Nguyễn lặng im ở chỗ Nguyễn Ánh chạy ra Phú Quốc vài ngày sau trận Bến Nghé có dụng ý gì? Họ quên, hay tránh nói đến việc chạy trốn của Chúa họ chừng nào hay chừng nấy, hay vì trong khoảng thời gian này có việc nhờ cậy các Linh mục Franciscaín đi xin cứu viện ở Manille mà các sử quan thì làm sách trong thời kỳ sát tả nên tránh nói đến “công ơn” của các giáo sĩ được chừng nào hay chừng nấy?

[164] Ta biết là những khúc sông có tên là Rạch Chanh bắt đầu từ Long Định (Long An) đi vào Vàm Cỏ đông phía hạ lưu Bến Lức, qua Vàm Cỏ

tây rồi ra Tiền Giang bằng kinh Bà Bèo và rạch Ba Rài. Vậy thì Nguyễn Ánh đã thoát nạn ở các khúc Rạch Chanh nào?

Chứng tích hiện tại so với sử sự thì hình như không hợp. Rạch Chanh khá nhỏ (trừ phi vào thế kỷ XVIII nó có lớn hơn không) mà sử quan kể chuyện Ánh lội qua sông, leo lên lưng trâu cưỡi, nước triều buổi chiều dâng, trâu chìm, cá sấu đưa đi ... như trên một khúc sông lớn vậy. Địa điểm chính xác chắc là vịnh Đá Hàn trên sông Vàm Cỏ tây gần chỗ một khúc Rạch Chanh nhập vào (xã Hướng Thọ Phú, Long An). Đó là một vùng nước xoáy rất dữ (một khuỷu sông). tục truyền Nguyễn Ánh đi qua đó không ghe thuyền, bỗng nhiên đá dưới sông trôi lên, hàn lại (vì thế mới có tên là Đá Hàn. Người ta đồn ở khúc sông này có bầy trâu nước, ai lấy được một sợi lông của nó mang theo qua sông, thân mình không bao giờ bị chìm. Phảng phất trong truyện tích, ta thấy có chuyện Nguyễn Ánh cưỡi trâu qua sông. Vậy chắc khúc sông này là chỗ Nguyễn Ánh thoát nạn.)

[165] Sử quan gọi là đảo Côn Lôn. Tìm ra địa điểm Cổ Long là công của Ch. Maybon (*Histoire moderne du pays d'Annam*, t. 201, chú số 3). Tuy nhiên, tên Côn Lôn nói ở các quyển Thực lục về sau không thể lẫn được vì đảo này, từ lúc Nguyễn Ánh chiếm hãn Gia Định đã đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp xúc với Tây phương mà Tây phương thì biết rõ nó hơn Cổ Long.

[166] Chi tiết vụ này lấy ở Thực lục q2, 3ab, Liệt truyện q28, 9b, thư Langenois gởi cho Descourvières từ Sa Déc 14-11-1783. Sử quan gọi vị trí xảy ra cuộc vây hãm là “Điệp thạch dự”, hòn Đá Chồng. Trịnh Hoài Đức (Aubaret, t. 52) kể chuyện Vinh-ly-ma, gọi là vũng Luỹ Thạch ở Phú Quốc. Hai chữ “luỹ” và “điệp” có thể lẫn với nhau. Thực ra chữ “dự” ở đây không chỉ một hòn đảo mà chỉ một mồm núi nhô ra sát biển.

Trận chiến hình như không phải chỉ xảy ra ngoài biển, ở mũi Đá Chồng của đảo Phú Quốc mà còn có trên đất liền ở vùng Hà Tiên nữa. Tài liệu Tây phương trên ghi: “ ... (Ánh) trong lúc chờ đợi viện binh ở Xiêm đã hai ba

lần lên vào Cancao và quanh đó với bọn Mã Lai Campot để tìm lương thực, khí giới thì thủy quân Tây Sơn và đạo quân Lào, Bassac bằng đường bộ đổ xô đến cướp của ông nhiều thuyền đi biển, bắt các tướng, hầu hết đều phản bội. Một vài người bị giết, số còn lại đem về Sài Gòn”. (A. Launay, III, t. 79, chú số 1).

Chúng tôi nhấn mạnh các chữ Mã Lai Campot vì đó là đầu mối tổng hợp các tài liệu. Sử quan vẫn gọi bọn cướp biển ở vịnh Xiêm là giặc Chà-và (từ chữ Java). Khi Nguyễn Ánh ở Xiêm đánh Pégou (Mã Lai) giúp Rama I, sử quan cũng gọi là đánh giặc Chà-và. Vậy Chà-và ở đây là chỉ dân Malais, và bọn “Malais du Campot” nói trên là tướng sĩ của Vinh-ly-ma. Thực lục ghi việc Xiêm tướng Vinh-ly-ma về đầu rồi tiếp theo vụ Điệp Thạch Dự liễn, khiến ta có thể thấy ngay sự liên tục giữa hai sự kiện. Hơn nữa trong thời gian chờ đợi viện binh Xiêm, chỉ có trận bại chiến này là lớn thôi, trận mà Pigneau có nói tới: “ ... (khoảng 17, 18-7) vua đánh với bọn nổi loạn một trận mất gần hết binh thuyền còn lại” (A. Launay, III. t. 88) rất đúng với thời điểm tháng 6 âm của Thực lục.

[167] Đồng Khánh, quyển hạ, t. 209 cho biết đó là cửa biển của xã Tam Tân (nay thuộc Bình Tuy). Sông Ma Ly có tên trên bản đồ của Nha Địa dư là sông Phan. Ta có thể hoài nghi là địa điểm Ánh tới quá xa Phú Quốc và quá gần Tây Sơn. Tuy nhiên sự việc lại quá hợp với chi tiết nước ngọt giữa biển kể sau. Phải ở Ma Ly chạy thẳng ra biển Đông, đi tới 7 ngày đêm người ta mới vẫn có thể may ra gặp các dòng nước ngọt do sông Cửu Long đổ ra vì khối lượng lớn quá nên không lẫn với nước mặn được

[168] Đốc Công hải khẩu. Thực lục, q2, 7ab

[169] Thực lục, q2, 8b; thư của Pigneau kể chuyện nửa sau tháng giêng 1784 (A. Launay III, t. 90.)

[170] Cù lao Ông Chưởng

[171] Thư ông Descourvières (A. Launay, III, t. 80).

[172] Ch. Maitre “Documents sur Pigneau de Béhaine, évêque d’Adran”, RI, 1913. t 176. Liệt truyện tiền biên, q6, 5ab

[173] Liệt truyện q32, 3b, 4a

[174] La-bích, Lô-việt của sử quan

[175] Phi-nhã là chức tước (sử quan cũng biết đến điều này: Liệt truyện q32, 2a). Chắt-tri cũng vậy. Tên Rama I là P’hut Yodfa (P. Schweisguth, Un siècle d’histoire dans la péninsule indochinoise (1750-1830), Taupin, Hanoi. 1944.

[176] ... Thực lục q1, 14ab, 15ab. Thư J. Liot cho Ô. Descourvières, 25-7-1782, A. Launay, III, t. 74.

[177] Thực lục q1, 18a, Liệt truyện q13 truyện Nguyễn Hữu Thuy 6a, truyện Nguyễn Văn Nhân 15b. “La révolte et la guerre des Tây Sơn”, bdd, t. 87.

[178] Thực lục q2, 9b, 10a ghi tháng hai âm lịch (21/2-20/3/1784). Ghi chú của ông Descourvières (A. Launay, III, t. 80) tuy không đề rõ ngày viết, nhưng cho biết J. Liot ở Chantaboun (Chanthaburi), bệnh không theo Pigneau được, viết thư nói rõ Nguyễn Ánh gặp tướng Xiêm “tháng 5 năm nay” nói rằng “vua từ Chantaboun đi Bangkok” lúc ông ta viết thư ngày 31-5. “Năm nay” là năm 1784 vì khi nói chuyện Bá-đa-lộc xin được giấy thông hành để ra khỏi Xiêm (1784), Descourvières cũng dùng chữ “năm nay”. Về số quân đem vào Xiêm, Liot nói có tới 4.500 người, Thực lục ghi chỉ có tướng hơn 30 và quân vài mươi. Ngày về nước được ghi rõ “Nhâm Thìn tháng 6” (25-7). Vậy Ánh ở Xiêm không lâu, chứng tỏ Xiêm đã chuẩn bị sẵn sàng từ trước. Về đạo quân đi rước, có thể đây là đạo quân mà Pigneau gặp ở Chantaboun giữa tháng 12-1783. Đó là đạo thủy quân, vì họ ra lệnh cho ông đợi họ rời bến rồi hãy đi sau. Điều ông nghe thấy là đạo

quân này “gởi chống bọn Cochinchinois” (A. Launay, III, t. 89) phù hợp lời Thực lục q2. 9b: “Thát-xi-đa đem thủy quân đi Hà Tiên ... tiếng là cứu viện mà để lén mời Nguyễn Ánh”

[179] A. Launay, III, t. 80

[180] Thư của André Tôn cho Ô. Descourvières 1-7-1784, A. Launay, III, t. 84. A. Tôn cũng bị dẫn từ Nam Vang về trong dịp này. Thư của L.M Ginestar, dòng Phăng-xi-cô 1784 (“La révolte ... bđd, BSEI, 1940, t. 98). L.M bị đưa lên Nam Vang với thầy giảng Emmanuel trong tháng 12-1783 và về theo Trương Văn Đa. Thực lục q2, 8a

[181] Xem Phụ lục, bản thư Nôm thứ ba. Liot có tên trong Liệt truyện (q28 Bá-đa-lộc) tuy Liệt truyện lẫn với L.M Ginestar (sẽ nói sau)

[182] Thư triệu hồi Long Xuyên, thư thứ hai

[183] Một ấp ở làng Mỹ Thạnh Trung, quận Minh Đức, Vĩnh Long

[184] Hải đạo thuyền (thuyền đi biển) thấy ghi trong Thực lục, Liệt truyện

[185] Định Tường còn có tên xứ Tầm Lạch. Nay còn địa danh Chợ Lách, một quận của tỉnh Vĩnh Long, phía bờ tây Tiền Giang

[186] Liêm Úc của Thực lục

[187] Thực lục q2, 14a

[188] Pigneau, thư 20-3-1785 ở Pondichéry (A. Launay, III, t. 91).

[189] Sầm Giang, Xuy Miệt của Thực lục, Liệt truyện. Rạch Gầm chảy từ xã Long Tiên (quận Cai Lậy, Định Tường) sang các làng Bàn Long, Vĩnh Kim (q. Sầm Giang) đến Kim Sơn ra Tiền Giang. Rạch Xoài Mút chảy từ giồng Dừa ấp Thanh Long sang ấp Thạnh Hưng xã Phước Thạnh, vào rạch Xoài Hột đến Tiền Giang. (Chỉ dẫn của ông Trương Ngọc Tường, Cai Lậy).

Bình Xâm bại ngày 8-12 Giáp Thìn (18-1-1785) như lời thư Nguyễn Ánh kể trước.

[190] Thư của Le Roy gửi cho Blandin ở Paris từ Kẻ Vĩnh (Ninh Bình), 6-12-1786 (BEFEO, 1912, t. 7-8). Chữ nghiêng ở trích văn trên là của nguyên văn chữ Việt trong bức thư.

[191] Hãy đọc Chinh phụ ngâm khúc chẳng hạn thì thấy rõ.

[192] Quá khứ thương nhân của Chỉnh và gia đình khác biệt với đám vua quan còn bằng chứng trong câu chuyện một giáo sĩ kể về lúc Chỉnh nắm quyền ở Thăng Long (1787): “ ... một hôm nọ, một số người có cửa hàng tại Hoàng thành đến tố cáo với tướng Chỉnh rằng một vài vị hoàng thân, chú bác và cậu vua đến bức hiếp không cho họ buôn bán. Coũ Chỉnh bắt bình bắt vua phải trừng phạt những người này. Chiêu Thoũ lập tức phải cho bắt mấy người đó nạp cho Coũ Chỉnh. Sau khi quở trách các vị này, ông bắt họ phải bồi thường do họ gây ra, còn cấm họ từ rầy không được la cà trong phạm vi thành phố nữa. Nếu không tuân lệnh thì sẽ bị trừng phạt”. (Sử Địa, số 9-10, 1969, t. 201).

Hãy nghĩ, nếu không sợ cậu nơi quá khứ buôn bán của gia đình quan Tướng quốc, thương nhân Thăng Long làm gì dám khiêu nại những hành vi những nhiễu của quan quyền, hoàng thân quốc thích?

[193] Thực lục q1, 22a

[194] Thư ông Breton, gửi ngày 10-7-1787, thư G.M Ceram ở Kẻ Vĩnh (Ninh Bình) (RI. XII, 1910, t. 526, 536, 538).

[195] Thư G.M Ceram, 29-5-1784 (RI, XII, 1910, t. 522, 523).

[196] Thư ông Breton kể trước

[197] Thư G.M Ceram kể trên

- [198] Chi tiết Nguyễn Lữ làm Tiết chế là của Liệt truyện, q30, 12ab
- [199] Ngoài Hoàng Lê, Liệt truyện, còn có thư ông Le Breton đã dẫn, thư Labartette gửi cho Le Blandin 23-6-1786 (BEFEO, 1912. t. 12, 13).
- [200] Thư ông Doussain gửi ông Blandin 6-6-1787 (Sử Địa, số 9-10, t. 232-233)
- [201] Thư 10-7-1786, 1-8-1786 của Labartette gửi cho Descourvières, của Longer gửi cho Le Blandin (BEFEO, 1912, t. 14, 15, 17), thư của Labartette gửi cho Letondal ở Macao, 10-8-1786 (A. Launay, III, t. 124).
- [202] Thư Longer gửi cho Le Blandin (BEFEO, 1912, t. 15 có một lỗi nói đáng chú ý: “chiều ngày 13 tháng này (6). Thuỷ quân, hay nói rõ ràng hơn, các ghe thuyền Tây Sơn tiến vào cửa Huế”. (Chúng tôi nhấn mạnh).
- [203] Trích từ nhật ký của ông Letondal (A. Launay, III, t. 154, chú số 1).
- [204] Thư Labartette, G.M Veren, cho Boiret, 15-7-1786 (RI, XIV, 1910, t. 43); thư của Doussain, tạp chí trên, t. 47. Cả hai đều ở Bồ Chính trong chiến tranh
- [205] Thư Labartette cho Le Blandin. 23-6-1786 (BEFEO, 1912, t. 13, 14).
- [206] Thư Le Roy cho Le Blandin 6-12-1786 kể trước
- [207] Thư Labartette, 23-6-1786 kể trước. Cũng thấy ở A. Launay, III, t. 122
- [208] Thư Longer gửi cho Juilhard (A. Launay, III, t. 122).
- [209] Thư Labartette gửi cho Boiret. 15-7-1786 (A. Launay, III, t. 123)
- [210] Thư La Mothe, 3-12-1786 (RI, XII, 1910, t. 532.

[211] BEFEO, 1912. t. 7

[212] Thư Le Roy 6-10-1786 kể trước

[213] Thư Le Roy 6-12-1786 kể trước

[214] Thư Le Roy 26-7-1787 (RI. XII, 1910. t. 535

[215] Thư La Mothe 3-12-1786 kể trước

[216] Thư Le Roy, 6-12-1786 kể trước

[217] Hoàng Lê ghi là Đô đốc Chiêu Viễn hầu. Thư Quang Trung gửi cho ông này khi sai đi sứ Trung Hoa năm 1792 (Hoa Bằng, Quang Trung Nguyễn Huệ, sdd, t. 329) có câu: “sắc sai Hải Dương Chiêu Viễn Đại đô đốc”. So với Qui Nhơn, đất Hải Dương quả là xa để có một viên tướng (Vũ Văn Dũng) về giúp Tây Sơn được phong hàm Chiêu Viễn hầu như vậy.

[218] Thư Le Roy 6-10-1786, 6-12-1786 đã kể

[219] Thư Doussain đã kể

[220]

[221] Liệt truyện, q30, 13b, 14a

[222] Thư ông Doussain cho Le Blandin ngày 6-6-1787 (BEFEO, 1912, t. 19).

[223] Thư ông Longer cho Boiret, 3-5-1787 (A. Launay, III, t. 143)

[224] Liệt truyện, q30, 14a

[225] Trường hợp Vũ Văn Nhậm theo phe Huệ cũng đáng chú ý. Nhậm không phải ở vào thế bất đắc dĩ vì ông có thể làm như Nguyễn Văn Duệ. Mọi hành động về sau: đuổi Duệ, bắt Chính, tung hoành nơi đất Bắc khiến

Huê lo sợ chứng tỏ ông thuộc lớp người có chí riêng, không đồng ý với sự tự mãn của cha vợ

[226] Thư gửi cho Dufresne. 1-5-1787 (A. Launay III. t. 126).

[227] Thư Longer gửi cho Boiret 3-5-1787 (RI. XIV, 1910, t. 46).

[228] Thư Labartette kể trước, tiết 1. Cũng thư của ông, một năm sau 30-6-1788 (Sử Địa, số 9-10, t. 237) cho biết đánh nhau từ tháng 1 âm (18/2-18/3/1787) và chấm dứt tháng 5 âm (15/6-14/7/1787).

[229] Thư Doussain, 6-6-1787 (BEFEO, 1912. t.19)

[230] Thư Labartette gửi cho Letondal, 21-5-1787 (A. Launay, III, t. 129).

[231] Thư Doussain gửi cho Descourvières 8-6-1787 (BEFEO, 1912, t. 19).

[232] Ta gặp lại tên Chân ở Bắc Hà, sớm nhất sau vụ này là lúc Tôn Sĩ Nghị sang, Ngô Văn Sở rút đi sai Đặng Văn Chân đem thủy quân về trước. Các trận sau này Chân cũng chỉ huy thủy quân.

[233] BEFEO, 1912, t. 17

[234] Cương mục q47, 3a, Liệt truyện q30, t. 136

[235] RI, XIV, 1910. t. 46

[236] Truyện Nguyễn Huỳnh Đức trong Liệt truyện q7, 10a-17b, Thực lục q4, 3b-5a

[237] Thư Labartette ngày 30-6-1788 kể trước. Tài liệu của Đặng Phương Nghi (Sử Địa số 9-10, t. 204), lời chú trang 239 cho biết viên quan chỉ huy Tiền vệ bị bắt tên là Trần Đức. Ông Nguyễn Phương (Việt Nam thời bành trướng: Tây Sơn, t. 211) dựa Tây Sơn sử truyện chỉ rõ viên tướng cầm quân cho Nhạc là Nguyễn Văn Duệ. Chúng ta nghĩ rằng chính Duệ với quân rút

về tăng cường mới gây tự tin cho Nhạc. Còn tên Trần Đức nêu ra chắc vì ông Labartette ở Quảng Bình lộn với Huỳnh Đức, người theo Duệ về rồi nửa đường trốn theo Nguyễn Ánh được ban cho họ Nguyễn vậy.

[238] Truyện Nguyễn Đăng Vân. Liệt truyện q13, 20b-21b, Thực lục q3, 5b, 6a. Sau này Vân hăng hái chống quân Phạm Văn Sâm tới chết hẳn không Phải vì quá trung thành với chủ mới mà vì mối thù cũ vậy.

[239] Liệt truyện q30, 27b. Cương mục q47, 28b.

[240] Liệt truyện q30, 42a

[241] Thư Letondal dựa vào thư Labartette ở Bối Chính 7-11-1788 (RI, XIV, 1910, t. 53).

[242] Thực lục q3, 1b

[243] Tài liệu của Nhật ký Hội Truyền giáo Bắc Kỳ (Sử Địa số 9-10, t. 195). Hoàng Lê, t. 132 ghi ngày đốt phủ Chúa là 8-10 năm Bính Ngọ (28-11-1786) so với ngày Trịnh Bồng vào Thăng Long (4-11-1786) thật quá gần, không kịp cho quá nhiều sự việc xảy ra trong thời kỳ Bồng cầm quyền. Chúng ta vẫn không có tài liệu nào khác để đối chiếu nên tạm dùng các kết quả trên vậy

[244] Trích lại của Hoa Bằng, Quang Trung Nguyễn Huệ, sdd, t. 135

[245] Thư ông Daussain ngày 6-6-1787 kể trước

[246] Chi tiết về ngày tháng, sự việc có chỗ nào không giống với Hoàng Lê, Liệt truyện, Cương mục là lấy ở tài liệu giáo sĩ (Sử Địa số 9-10, t. 195 trở đi). Tướng tiên phong của Nhậm mà tài liệu này gọi “Vach Quinh” là Quynh Ngọc hầu, người thăng Nguyễn Như Thái ở Diêm Xá. Tài liệu cũng không nói tới “ong Doc chiên” xung đột với Nguyễn Hữu Chinh là ai, nhưng so với các nơi khác ta biết đó là Hoàng Viết Tuyền. Chính Tuyền coi

thuỷ quân, ở Sơn Nam, nguyên cùng với Chinh là bộ tướng Tây Sơn, và kết cục cũng như Doc chiến bị tan quân vì một trận cuồng phong làm chìm hạm đội. Nhắc lời Chinh ở Hoàng Lê “Tuyển ở Sơn Nam không về (cứu Thăng Long) kịp” là vô lý vì Sơn Nam sau khi Duật bại đã trở thành tuyển đầu mà sao quân Tuyển lại bất động không giao chiến? Phải nói như tài liệu giáo sĩ là Chinh còn hi vọng xoa dịu sự thù ghét của Tuyển, hi vọng thành hình khi Tuyển được bạn bè ở Tây Sơn bảo đừng có về mà nguy hiểm. Tuyển viết thư cho Chinh xin tha tội, bị Tây Sơn bắt được nên phải chống Tây Sơn tới cùng và Chiêu Thống trong lúc cần người cũng không kẻ vạch chuyện bỏ rơi Chinh nữa

[247] Theo các tài liệu ta thì Nguyễn Như Thái bị giết tại trận. Các giáo sĩ cho ta biết Thái (mà họ gọi Lê Thai) bị bắt giữ và mãi tới khi Nguyễn Huệ ra Bắc giết Nhậm mới đem xử tử (10-5-1788), Hoàng Việt Tuyển bị giết ngày 1-6-1788.

[248] Hoàng Xuân Hãn, La Sơn phu tử, sđd, t. 98, 102, 103, 109

[249] ... La Sơn phu tử, sđd, thư của Nguyễn Huệ gửi Nguyễn Thiếp, t. 105, 106

[250] Tài liệu “Nhật ký Giáo hội Bắc kỳ” ... đã dẫn có nhiều chi tiết giống với sử ta như chuyện Chinh xuất quân dùng dằng vì thấy điềm xấu, Chinh lén trốn về Thăng Long lúc nửa đêm, Nhậm xây thành phòng thủ ... Duy ở đây lại nói Ngô Văn Sở đến tháng 12-1788 mới ra Bắc với 2.000 quân. Tôi theo tài liệu ta vì có nhiều sự kiện về lúc đánh Chinh, Ngô Văn Sở được sử ta nói đến nhiều quá chắc không lầm lẫn được.

Còn về việc thụ hình của Chinh thì hẳn tài liệu giáo sĩ cải chính lời truyền Chinh bị “tứ mã phân thân” như người ta vẫn tin Chinh đã tiên cảm trong bài thơ “Cái pháo”.

[251] Cương mục q47, 28ab, 29ab; Thực lục q3, 10b. Sử ta nói Nhậm bị bắt giết trong lúc đang ngủ. Có lẽ vì khiếp tài hành quân thần tốc của Huệ mà người ta đã hạ giá Nhậm quá đáng. Quân thấy ra rầm rộ sao Nhậm không hay biết, nhất là khi Nhậm vẫn có tâm lo đối phó phương Nam? Tài liệu giáo sĩ có nhiều sự kiện có công chúng dự khán (Nhậm bị trói dẫn ra pháp trường phơi nắng một ngày) và lại có chi tiết ngày tháng đích xác nên được chúng tôi theo ở đây.

[252] Ta cố lựa lấy chứng cứ đích xác nhất từ các nguồn tài liệu khác nhau. Về danh tính quan binh Trung Hoa, ta theo sử Thanh vì chắc họ biết rõ về người của họ hơn (tuy nhiên có lúc họ viết Hứa Thế Hanh rồi Hứa Việt Hanh chẳng hạn). Về quân số chắc sử Thanh đã rút bớt số quân chính qui đi hoặc vì Tôn Sĩ Nghị sợ tội đã báo cáo ít, hoặc mặc cảm thua trận khiến người ta phải giấu bớt quân. Còn về số ước tính của giáo sĩ, ta nghĩ rằng họ thấy thanh thế quân Thanh to quá so với cá nhân con người thời loạn trốn chui trốn nhủi như họ và người đương thời, nên đã phóng đại ra. Tạm thời ta dùng con số 20 vạn của sử Việt kể luôn quân chính qui và phụ lực của Thanh, quân nghĩa dũng của nhà Lê, chắc không sai bao nhiêu.

[253] Về ngày tháng, chứng cứ của Lê Quýnh (Bắc hành tòng ký) chắc đáng tin hơn miễn là với một vài xác định nhỏ thêm. Các giáo sĩ cho ta biết ngày quân Thanh vào Thăng Long là 17-11 thật quá cách biệt với ngày do Lê Quýnh đưa ra (18-12-1788). Ta đoán chừng họ ghi lộ ngày âm lịch vì các giáo sĩ cũng có dùng ngày âm lịch (sau này, ta thấy L. Barizy cũng có một lần lầm như vậy). Ngoài ra, các ngày đánh nhau Tết Kỷ Dậu so ra đều sát sao, không có sai biệt nào giữa các tài liệu hết.

Lê Quýnh cho quân Thanh chiếm Kinh thành ngày 22 tháng 11 âl (19-12-1788). Ngụy Nguyên (Sử Địa, số 9-10, t. 251) ghi tụt lại 2 ngày. Khác biệt có lẽ vì sự lựa chọn sự kiện khác nhau: Lê Quýnh đợi vua về vào đền Kính Thiên trong thành mới coi là đã chiếm được Thăng Long; Ngụy Nguyên phía quân Thanh tính từ lúc quân Nghị thấy Thăng Long bỏ trống. Như sự

khác biệt ngày tháng đó cũng chứng tỏ cuộc hành quân tiến triển rất chậm. Ta thấy sách Hoàng Lê, t. 245, 246 thuật chuyện trước đó đến bờ bắc sông Nhị, chuyện sửa đền Kính Thiên rước Nghi, và ghi thêm: “Hôm ấy ngày 11 tháng 11 năm Mậu Thân”. Hôm sau có lễ thụ phong cho Chiêu Thống ở điện Kính Thiên. Nếu nghĩ rằng thời điểm quân Thanh vào thành Thăng Long là quan trọng không nhân chứng đương thời nào có thể quên được, thì ta đoán rằng ngày của Hoàng Lê ghi chắc là ngày “21 tháng 11” Mậu Thân mà vì sao qua chép lại đã lọt mất một chữ thôi.

[254] Các giáo sĩ còn cho ta biết Quang Trung lên ngôi từ tháng 10 âm tức là ngày 8-11-1788 chứ không phải ngày 22-12-1788 như sử ta chép. Chắc ý định lên ngôi vốn có sẵn mà ngày làm lễ thì phải dời lại vì tin tức can thiệp của quân Thanh đưa về khiến Huệ phải dời tới ngày xuất quân mới làm cho long trọng một thể

[255] Thư giáo sĩ Longer gửi cho Julliard (A. Launay, III. t. 238

[256] Liệt truyện q30, 32b

[257] Bản Hoàng Lê của Ngô Tất Tố. Ông Hoa Bằng (Quang Trung, t. 189, chú số 4) cho là Đại Đô đốc Bảo, Đô đốc Long làm tướng Hữu quân, ghi của An Nam nhất thống chí (tên khác của Hoàng Lê), cho biết Long là tên khác của Liệt truyện (q30, 33b) gọi Đô đốc Mưu. Không biết bản An Nam của ông Hoa Bằng gọi Bảo với chức gì

[258] Tài liệu giáo sĩ cho ta biết quân địch chết 50.000 người, tù binh độ 3.000, 3.400 người. Hoàng Lê nói bắt đến hơn một vạn. Nguyễn Nguyên: hơn vạn người chết đuối, với Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long, quân ngựa của Tôn Sĩ Nghị trở về không đầy một nửa. Thanh sử cho biết thêm người chết là Tổng binh Lý Hoá Long, Thượng Duy Thanh và 13 tướng khác. Tù binh theo lời Nguyễn Huệ nói với Thanh là hơn 700 người. Về phía thiệt hại Tây Sơn, sử ta im lặng. Các giáo sĩ cho biết nội trong trận Ngọc Hồi có

đến 8.000 người bị giết trong đó có một sĩ quan cao cấp. Trong khi đuổi theo quân địch ở sông Thương, Ngô Văn Sở cũng bị thiệt.

[259] Liệt truyện q30, 35a. Cả chuyện đánh Thanh là từ 32b-35b

[260] Ngay đến Hoàng đế Trung Hoa cũng có vẻ nể vì tân Attila này vì ngài mới phong ông làm vua Bắc kỳ qua trung gian một vị Đại sứ, quên cả việc 50 000 binh lính Trung Hoa đã chết vì tay Tiếm vương năm ngoái chỉ trong một cuộc giao chiến ... Tiếm vương không thềm rời Nam kỳ để nhận sắc phong tại thủ đô chúng tôi và chỉ chịu phái một vị quan thường nhân danh ông. Ông này mặc áo Chúa ông làm vị đại sứ Trung Hoa phải kính nể”. (Thư ông La Mothe gửi ông Blandin, 20-1-1790, Sử Địa, số 9-10, t. 227.

[261] Hoàng Xuân Hãn, La Sơn phu tử, sdd. t. 109-147

[262] Thư ông La Mothe gửi ông Blandin đã dẫn

[263] Thư ông Eyot gửi ông Blandin, 5-7-1789 (Sử Địa, số 13, t. 146, 148). In nghiêng là nguyên văn chữ quốc ngữ

[264] Thư Pigneau. Pondichéry. 20-3-1785 (A. Launay III: t. 85

[265] Thư Longer gửi cho Dufresne, 1-5-1786 (A. Launay III, t. 121).

[266] Thư P.Ginestar. 1784, BSEI. XV. t. 90, 91. Thư Pigneau, Bangkok. 5-12-1783 bổ túc tên Ferdinand bằng Olmédilla. Theo ông, P. Ferdinand chết vì một vụ mê tín đàm tà. Người giết ông là “Ông Doc lạnh”(?) vốn tàn ác, đã từng cướp bóc các người Trung Hoa nên bị “Ông Long nuong” kêu về Gia Định chém đầu. Chúng tôi phối hợp theo tin của Ginestar, tuy viết thư sau nhưng ở Sài Gòn vùng Tây Sơn, tất rõ chuyện hơn Pigneau ở Bangkok. Ông Chung: Ông Chùng. Nguyễn Ánh.

[267] Liệt truyện q28, 8b, 9a. chuyện Bá-đa-lộc

[268] Thư Pigneau 20-3-1785 dẫn trước; thư L.M Ginestar 1784. L.M Castuera gửi cho L.M Trương tỉnh 11-7-1784 (BSEI, XV, t. 92-96). Lưu ý rằng theo Pigneau thì việc đi sứ là do 2 L.M chứ không phải ông đề xướng. Thái độ thật là dễ hiểu: Pigneau vẫn còn muốn tránh tiếng mình đã can thiệp vào chính trị. Chúng ta theo tài liệu của người trong cuộc để thấy phần do dự, phần chủ xướng của Pigneau. Hai người sứ còn sống chứ không phải bị giết như tin của Liệt truyện.

[269] Thư Langenois gửi cho Descourvières 14-11-1783: Pigneau gửi cho Descourvières. Bangkok, 5-12-1783, thư Castuera nói trên

[270] Thư Pigneau ở Pondichéry 30-3-1785 (A. Launay, III, t. 92). Thực lục q2, 4b. Liệt truyện q15, 17a .

[271] Thư Pigneau kể trên và thư ở Pondichéry 6-7-1785 (A. Launay, III, t. 154). Liệt truyện q15, 17b

[272] Thư Mgr Le Bon cho hội Truyền giáo 21-12-1778 (A. Launay, III. t. 94).

[273] A. Launay. III, t. 158, 159, 160

[274] A. Launay, III. t. 154

[275] Thư từ Ariancoupam, 12-3-1786 (A. Launay. III, t. 161, 162)

[276] Thư Ánh viết cho Bá-đa-lộc, cho Toàn quyền Pondichéry, cho De Richery (xem Phụ lục). Thực lục q3, 1ab, ghi việc vào tháng giêng Đinh Mùi (1787) so với tài liệu trên rõ là sai với ngày tháng của các tài liệu đích xác khác kể trên. Hoặc có thể sử quan ghi ngày Antonio lui tàu chẳng?

[277] Nhật ký của ông Letondal ở Macao 1786 (A. Launay, III, t. 156). Thoả ước ở Macao kể tiếp sau cũng ở sách này, các trang 157, 158. Bức thư chữ Nôm thứ 8 có câu: “Vả việc Cô-á Quốc sai tàu sang cùng việc Ta sai

phục sứ thì đã sai Khiêm Hoà hầu, Thiệm Mẫn hầu dụ tường để sứ” (chúng tôi nhấn mạnh)

[278] Liệt truyện q15, 17ab

[279] Thư Pigneau từ Pondichéry 6-7-1785 đã dẫn

[280] Correspondance générale, vol VII, t. 571 dẫn bởi Maybon (Histoire moderne. sdd, t. 213)

[281] Correspondance générale. vol VII. t. 567, dẫn bởi Maybon, sdd, 1. 216

[282] A. Launay III, t. 174. 175

[283] A. Launay, III: t. 168. 169, 170 ...

[284] A. Launay, III. t. 197. 198, thư của bộ Hải quân gửi cho De Conway - 12-1787

[285] A. Launay. III. t. 177-. Sự thực Nguyễn Văn Liêm, Phạm Văn Nhân. hoàng tộc và võ tướng đâu phải là tôi tớ thông thường!

[286] A. Launay, III, t. 183

[287] A. Launay, III. t. 184, 185, 187

[288] Trích dẫn bởi bài bình luận sách Mgr D' Adran của L.C. Louvet trong BEFEO, 1901, t.261. Ví dụ như tiệc rẻ của Luro de Cultru trong Histoire de la Cochinchine française des origines à nos jours, 1910, t.22

[289] ... G. Taboulet, “Le traité de Versailles et les causes de sa non-exécution”, BSEI, XIII. t. 105.

[290] Histoire de France, II, Larousse. 1954, t. 72.

[291] A Launay, III, t. 198

[292] Tờ Gazette nationale ở Pondichéry, ngày 14-6-1789 (A. Launay, III, t. 1999).

[293] ... Bản chụp ảnh bức thư chữ Hán của Nguyễn Ánh gửi Louis XVI chữ được chữ mất (A. Launay, III, t. 204). Nguyên bản dịch do G. Taboulet đăng trong La geste française, I , sđd, t. 214, 215

[294] Thực lục q2, 22a, Liệt truyện q30, 14b.

[295] Vùng Cầu Sơn còn tên ở Thị Nghè phía đường Hàng Xanh xa lộ bây giờ. Lưu ... Sài Gòn thời bấy giờ ở quanh vùng Chợ Quán

[296] Trịnh Hoài Đức, “Thành trì chí”, Trần Kinh Hoà dịch, Đại học số 6 tháng 12-1961, t. 52.

[297] Thực lục q2, 22ab cho việc Tây Sơn bất hoà xảy ra vào tháng 7 âm (1786) và việc loạn ở Gia Định vào tháng 9 nhuận năm đó (sao không là nhuận tháng 7?). Chiến tranh bất hoà thực sự xảy ra vào mùa xuân 1787 (xem chương trước). Trịnh Hoài Đức cũng đồng ý như vậy. Biến loạn ở Gia Định có thể âm thầm nhen nhúm từ năm trước

[298] H. Cordier, Correspondance générale de la Cochinchine, t. 209.

[299] Liệt truyện q6, 12b

[300] Lượng Phụ của Thực lục, Liệt truyện.

[301] Hồ Châu của Thực lục, ở cửa sông Hàm Luông. Xét theo đường lui quân, có lẽ không phải là địa điểm ở Sa Đéc như tin tưởng thông thường. Địa điểm Hồ Châu của Phạm Văn Sâm sau này cũng chứng tỏ như vậy: không lẽ Sâm ở Ba Thắc muốn về Bắc lại ngược dòng Tiền Giang?

[302] Ngoài Thực lục, xem truyện Lê Văn Quân, Liệt truyện q27, 2b, 3a

[303] Thán Lung của Thực lục. Đó là tên đất Nôm theo âm đọc miền Nam: Than(g) Trông, địa điểm ở làng Phú Kiết, Bến Tranh, Định Tường. Gọi như thế là vì ở đó, theo truyền thuyết, quân Nguyễn có làm một vọng gác dò chừng Tây Sơn. Cũng vì xuất xứ địa danh như vậy nên ở Hậu Giang cũng có Thang Trông, Vọng Thê (quận Huệ Đức, An Giang). Ta dò theo tình hình chiến sự ở đây mà nhận địa điểm ở Định Tường, loại bỏ địa điểm An Giang.

[304] Hồi Oa của Thực lục. Đó là địa điểm Vàm Nao ở Tân Châu

[305] Giồng Phú Triệu ở Cái Bè?

[306] Thư chữ Nôm đánh số 9, đề ngày 6-1 Cảnh Hưng 49 (1788).

[307] Thư số 10 đề ngày 15-1 Cảnh Hưng 49 (1788).

[308] Thư Lavoué gửi cho Boiret. Descourvières ở Paris từ Tân Triệu 13-5-1795 (BEFEO, 1912, t. 32).

[309] Thư số 11, 20-5 Cảnh Hưng thứ 49 (1788). Thực lục q3, 7b đặt chuyện vào tháng 10 âm lịch Đinh Mùi (1787), thật quá sớm. Ông Letondal (RI, XIV, 1910, t. 53) viết thư ngày 7-11-1788 bắt đầu chuyện này bằng câu: “Vào tháng 7-1788 viên bạo chúa ấy rất lo lắng về 3 hay 400 ghe mà ông gửi vào Đồng Nai”. Ông viết theo thư Labartette cho biết, như vậy việc Nguyễn Huệ gọi quân đi vào Nam xảy ra trước tháng 7 dương lịch nhiều tháng đúng như xác nhận của Nguyễn Ánh trong thư gửi cho J. Liot kể trên. Thực lục cho rằng quân cứu từ Qui Nhơn vào, nhưng Hưng là tướng của Huệ vì ta thấy sau này (1793), ông cầm quân Phú Xuân vào cứu Qui Nhơn. Nguyễn Ánh chỉ viết “Tây Sơn là thằng Hưng”, Letondal không biết tên Hưng, nhưng Olivier viết cho Letondal (thư ngày 15-7-1789, BAVH, Oct-Déc 1926. t. 362) có nói Nguyễn Ánh bắt một tướng “do loạn tướng Huệ gọi đến, tha tội rồi nghi ngờ gì đó, ông đem chặt đầu”. Olivier lầm Hưng với Phạm Văn Sâm, nhưng lời đó thêm chứng cứ rằng Hưng đã được Huệ

gởi đến. Có lẽ thấy cứu không được, Hưng đã bỏ về trước khi Sài Gòn bị vây (tháng 6 âm) nên mới thoát được.

[310] Vùng Tân Hiệp bây giờ

[311] Nghi Giang của Thực lục Tên các chợ thấy ở ĐNNTC, Lục tỉnh Nam kỳ cũng như ở Thành trì chí của Trịnh Hoài Đức

[312] Thư Nôm số 12

[313] Cảnh Lộ giang của Thực lục

[314] Thư Castuera từ Chợ Quán 11-6-1789 (BSEI, XV, La révolte, bđd. t. 100, 101).

[315] Truyện Nguyễn Văn Tồn, Liệt truyện q28, 3a-4b

[316] Không biết ở đâu. Theo nghĩa duy danh của chữ Châu Thái 珠撓 có phải là một nơi khai mỏ ngọc, châu báu ở bờ biển Xiêm, Mã Lai, Miến Điện?

[317] Thư số 11 ở Phụ lục

[318] Những sử sự kể trong tiết, trừ các xuất xứ khác có ghi, đều lấy từ Thực lục q2, 18b đến hết, q3, q4, 1a-15a

[319] Trích lại của Thanh Lăng. Biểu nhất lãm Văn học Cận đại, Tự Do xb, 1958, bài văn “Nhật trình Đông cung ký vãng Tây bang, tái hồi bốn quốc”, trang 51

[320] Thực lục, q4, 15b

[321] Trích lại của G. Taboulet, “Le traité de Versailles”, BSEI. XIII. hđd, t. 103

[322] Tờ Gazette nationale đã dẫn

[323] Thư ngày 14-4-1788 (A. Launay, III, t. 178).

[324] Văn khố Ngoại giao Á châu, trích bởi Ch. Maybon, Histoire moderne, sđd, t. 268

[325] L. Gaide. “Notes historiques sur Poulo Condore”, BAVH, Avr. 1925 t. 88. Chứng minh thư ghi Sài Gòn ngày 10-8-1779.

[326] V. Imbert. Le séjour en Indochine de l’ambassade de L. Macarney. sđd, t. 2

[327] Thực lục q5, 7b.

[328] Thư ngày 16-12-1789 (A. Launay, III, t. 158, chú số 1) Ch. Maybon, Histoire moderne, sđd, t. 270. H. Cordier, Correspondance générale, sđd, t. 209

[329] “La révolte ... ” bđd, BSEI, 1940, t. 101, 102.

[330] Dẫn bởi G. Taboulet. La geste française ... sđd, t. 204

[331] Chuyện. J. Crawford do Ch. Maybon dẫn

[332] Souvenirs de Huế, t. 18

[333] L. Malleret trích lại của A. Faure. BSEI. X. chú số 1. t. 37.

[334] Liệt truyện q28, 8b, 9ab. Thực lục q6, 35a. Liệt truyện đã lầm gọi Dayot là Nguyễn Văn Chấn. Thực lục có ghi Chấn coi tàu Phi Phụng mà theo Barizy người coi đó là Vannier. Vậy Vannier là Nguyễn Văn Chấn. Dayot có tước là Trí Lực hầu có tên Việt thì phải là Nguyễn Văn Trí. Thực lục q9, 3a có 2 tên Ba-lang-hi, Ba-la-di, Cai đội. người Hồng mao (?), chắc cũng chỉ là Barizy.

[335] G. Taboulet. La geste française ... , sdd. t. 250

[336] Thực lục q6, 35a, q7, 26a, q10, 18a

[337] BAVH, Avr-Juin, 1922, t. 139 trở đi; Janv-Mars 1923, t. 43 trở đi.

[338] G. Taboulet. Le geste française ... Sdd, t. 248

[339] Thực lục q6, 19a

[340] G. Taboulet, sdd. A. Cadière, “Les Français au service de Gia long: Despiau”. BAVH, Juil-Sept 1925, t. 185

[341] Thực lục có nói đến việc cống của các xứ Tà-nê ngoài các xứ Xiêm, Miên, Vạn Tượng. Thư Olivier 10-4-1798: “Vua phải liệu có vài người u bên cạnh để cho các nước tin cậy”. (BAVH Janv-Mars 1923, về Chaigneau).

[342] ... L. Cadière, “Les Français au service de Gia Long: leur correspondance”, BAVH, Oct-Déc 1926, t. 363, 364.

[343] Thực lục q5, 2a, q7, 13a, 14b, q9, 16b ... Đó là trường hợp của Vũ Bá Diên, Đặng Trần Thường, Nguyễn Bá Xuyên và những người do Nguyễn Đình Đắc chiêu mộ ở Bắc Hà.

[344] V. Imbert. Le séjour ... , sdd, t. 26

[345] Hoàng Lê, t. 240

[346] Do Trịnh Hoài Đức kể (Aubaret, t. 189). Kinh Đôi Ma chảy từ chợ Rạch Kiếng (Long An) vào sông Vàm Cỏ Đông

[347] Việt điện u linh tập, Lê Hữu Mục sao, dịch, Khai Trí, truyện Thiên cổ Địa chủ Xả tặc Đế quân, t. 218; bản dịch trang 57

[348] Hoàng Lê, t. 208

[349] Chữ trong thơ cảm hoài của Phan Huy Ích, trích nơi Hoa Bằng, Quang Trung, sđd, t. 275.

[350] La Sơn phu tử, sđd, t. 144-146.

[351] Sớ bằng chữ Nho, lược dẫn bởi Hoa Bằng, sđd, t. 277

[352] Chiếu theo Sùng Chính Thư viện, La Sơn phu tử, t. 147. Chu tử là Chu Hy, một Tổng Nho có danh trong phong trào Tân Khổng giáo. Thuyết cách vật trí tri của ông lấy trong sách Đại học, không phải hiểu theo nghĩa thực nghiệm mà là nghĩa trong kinh sách xưa, nhưng cũng tỏ rõ được ý thức phục cổ, ý thức đẩy mạnh sự xuất hiện của Vương học, vừa là phản ứng vừa là tiếp nối của Chu học.

[353] Dẫn lại của Hoa Bằng (Quang Trung, sđd, t. 283-285) lấy ở “Hàn các anh hoa” của Ngô Thì Nhậm. Người ta cũng tìm được tờ chiếu khuyến nông của Quang Trung và Cảnh Thịnh sức dân trung châu Bắc Hà canh tác (Tự Do, 1-11-62).

[354] Lời nhắc việc làm sổ đình trong tờ sức về việc thu thuế làm sản của dân tổng Hữu Đạo, huyện Thượng Du, Nghệ An. Quang Trung thứ ba, 25-3 (9-4-1790). Cũng tìm được ở Nghệ An sổ khai ruộng đất công tư của xã Võ Liệt (Thái Đức tháng 7 năm thứ 11 (1788) và sổ nhân số của xã Võ Liệt (1792). (Tin đặc biệt miền Bắc của nhật báo Tự do, 19-1-1963).

[355] Hoàng Lê, t. 270

[356] Liệt truyện q30, 40b

[357] La Sơn phu tử, sđd. t. 141, 142

[358] V. Imbert, Le séjour ... sđd, t. 28

[359] Quang Trung ... sđd, t. 310-315, t. 320-329 trích thư đòi 6 châu, biểu cầu hôn, chiếu sai Vũ Văn Dũng đi sứ. Sứ bộ Macartney cũng nói Nguyên Huệ “có nhiều mộng lớn mà một là chiếm lấy một phần nước Trung Hoa và ông không ngần ngại tìm đủ mọi cách để thành công” (sđd, t. 17). Hoàng Lê, t. 271

[360] Hoa Bằng nói đòi 6 châu nhưng tờ số dâng Càn Long có trích trong sách Quang Trung ... lại kể đến 7 châu. Ông Lý Vân Hùng lại nói đến 16 châu (Sử Địa, số 13, t. 135-142) và cho rằng sở dĩ nhà Thanh trả đất là vì Quang Trung chịu lập đền thờ Sầm Nghi Đống (nhưng ông không cho biết ở đâu nói như vậy).

[361] Lương Đức Thiệp, Việt Nam tiến hóa sử, Liên hiệp, 1950. t.102-105

[362] Hoàng Lê, t. 256

[363] Việc Giả vương là ai thì còn mù mờ. Tây Sơn thuật lược (bản dịch ở Sử Địa số 7-8, t. 161) cho là Đô đốc Nguyễn Hữu Chấn, một tên hết sức xa lạ. Hoàng Lê cho biết Ngô Thì Nhậm chọn được Nguyễn Quang Trị làm quân hiệu (?), người làng Mộ Điền, huyện Nam Đàn, Nghệ An. Liệt truyện q30, 39a chỉ đích xác Phạm Công Trị người có mặt ở Gia Định năm 1783. Rắc rối là trong sứ bộ qua Thanh năm 1790 lại có tên Phạm Công Trị đã đến Quảng Tây mà vì Nguyễn Quang Thùy bị bệnh phải theo hộ tống trở về. Càn Long cũng được thông báo việc này (Đại Việt quốc thư, Bộ QGGD, t. 270).

[364] Hoàng Lê, t. 262-265. Liệt truyện q30, 35b-39a

[365] Liệt truyện q30, 42b. Hoàng Lê, t. 267-271

[366] Thực lục q6, 3a

[367] V. Imbert. Le séjour de l’ambassade ... sđd, t. 23-25, t. 40. Hoàng Lê, t. 270. Trước đó, khi ra Bắc chuyển đầu, Nguyễn Huệ đã biết tìm cách thu

dụng giới thiệu công nghệ để góp sức vào việc chế tạo vũ khí, gia tăng tiềm năng quân sự. Hoàng Lê, t. 100, nói việc Huệ “sai tìm thợ sắt”. Xem thêm Sử Địa số 9-10, t. 225

[368] Thư Lelabousse ở Gia Định, 13-12-1970 (A. Launay, III, t. 278).

[369] Hoa Bằng, Quang Trung ... sđd, t. 222, 224, 226

[370] Liệt truyện q33, 27a, 28b. Hoàng Lê, t. 269

[371] Hoa Bằng, Quang Trung ... sđd, 308, dẫn lời Ngô Thì Nhậm ghi trong Bang giao hảo thoại của ông

[372] V. Imbert. Le séjour de l’ambassade ... sđd, i. 15, 16, 17

[373] Thư gửi cho Letondal 6-10-1797 (A. Launay. III, t. 244).

[374] V. Imbert. Le séjour de l’mbassade ... sđd, t. 22, 23, 27

[375] Hoàng Lê. sđd, t. 269. Thực lục q4, 14b

[376] Ông Hoàng Xuân Hãn (Sử Địa, số 9-10, t. 3-8, t. 245-263) dịch Càn Long chinh vũ An Nam ký của Nguyễn Nguyên và phụ thêm Gia Khánh Đông Nam Tĩnh Hải ký, xác nhận cho những ý kiến chúng tôi vừa nói trên năm 1968 “Cha con Nguyễn Quang Bình dùng binh cướp nước. Của trong nước hư hao. Thuyền buôn không đến. Bền sai hơn 100 chiếc Tàu ô, 12 viên Tổng binh lấy tiếng là tìm mua quân lương, đi chiêu tập nhiều tội vong mạng dọc bờ biển Trung Quốc. Lấy quan tước làm mồi nhử, cấp cho thuyền và khí giới, sai đưa đường cướp Mân, Việt, Giang, Chiết” (Càn Long ...) “Đến đầu đời Gia Khánh (1796) mới có cướp thuyền quấy rối. Cướp thuyền này bắt đầu từ khi cha con Nguyễn Quang Bình ở An Nam, quân mồi, lương hết bền với bọn vong mạng dọc bờ cấp cho binh thuyền, nhử bằng quan tước, sai cướp các thuyền buôn ở bể gần để biện lương thực (Gia Khánh ...). Chính chúng tôi nhấn mạnh.

[377] Thực lục q6, 7b, 9a; q10, 3a, 6ab, 38b ... Ô Tầu hải phi là tên gọi từ Liệt truyện q30, 41b. Ngoài ra ở q7, 13b, q11, 4b ... vẫn gọi là Tề Ngôi hải phi.

[378] Nguy Nguyên gọi là Mạc Phù Quan. Sách Tĩnh hải ký kể trên cũng gọi Mạc Phù Quan, còn cho biết thêm tên Trần Thiên Bảo có sắc ấn Tổng binh An Nam và thêm Báu Ngọc hầu, Luân Quý Lợi với 4 Tổng binh khác.

[379] Lời dụ khuyến nông khai khẩn đất: “Gia Định phì nhiêu mà lương chưa chứa đủ” (Thực lục q6, 4ab).

[380] Thực lục q4, 16ab, 17b, 23a; q5, 18a: “Cho dân các doanh trưng đất ruộng hoang”.

[381] Thực lục q5, 6b, 7a, 21b. Về việc cấp lúa giống, Thực lục q5, 22a ghi đã phát đến 1 vạn đấu cho nông dân

[382] Thực lục q5, 15a

[383] Thực lụcq4, 12a: “Sai 4 doanh công đường quan nhóm lưu dân gốc từ Bình Thuận trở ra, biên danh tánh, niên quán để miễn thuế”. Cùng quyển, 17ab ở Ba Thắc: “Bọn phiên dân mới về, vận gạo 500 vuông cho vay để canh tác”. Quyển 6, 2a: “Dân Phú Yên, Bình Khang, Bình Thuận khổ vì giặc tàn bạo, dắt díu vợ con vào Bà Rịa. Sài Gòn, vua khiến cấp đất làm ăn” (Xuân 1792).

[384] Thực lục q4, 10b: “Xiêm hạn hán, (Vua) cho 8.800 vuông gạo”. Xem thêm q6, 37b; q5, 2a: “Từ mùa hạ 1789, nghe quân Thanh đánh Tây Sơn, (Vua) sai Phạm Văn Trọng đem thư đi Quảng Đông và lấy 50 vạn cân gạo giúp. Ghe bị chìm”.

[385] Thư ngày 29-12-1791. G. Taboulet, La geste française, sđd, t. 242, 243.

[386] Thực lục q4, 24b: “Nước Tà-nê (Chà-và) sai sứ hiến phương vật”. Cùng quyển, 28b: “Nước Tam-hoạt sai sứ thần Giáp-tất-đơn, Điền-hoà tới cho binh khí (Vua) tặng lại quốc trưởng họ một chiếc lọng vàng và một vạn cân gạo”. Lưu ý rằng tuế cống, triều cống theo kiểu tương tự là một hình thức buôn bán chính thức ở Đông phương (Jacques Lacour Gayet. Histoire du commerce, t. II, phần về thương mại Trung Hoa: phát triển thương mại và chính sách triều cống, t. 358, 359. Sách Thực lục cũng đầy rẫy các chuyện ta cho Xiêm gạo, kỳ nam, sáp, đường, Xiêm cho lại diêm tiêu, súng ống, voi. Ý nghĩa buôn bán thực quá rõ ràng.

[387] Barrow (BSEI, 1926, t. 208) có ghi chuyện Gia Long để phát triển các vườn trầu lấy phẩm vật xuất cảng. Đây chắc là Thập bát Phù Viên, 18 thôn Vườn Trầu ở Hốc Môn mà Trịnh Hoài Đức cũng có nhắc tới.

[388] Thực lục q4, 25b; q8, 29a. Xin xem lại tình hình thị trường đường cát ở Quảng Nam đã nói về vùng Tây Sơn để so sánh.

[389] Thực lục q4, 18a, 19a; q5, 6a, 17b.

[390] Thực lục q4, 11a

[391] “Nội viên Thuyền chủ Huấn Đức hầu là tôi tâm trường. Vả lại gia tư ấy lai khứ tiện thông ... ” (Phụ lục, thư chữ Nôm số 11).

[392] Thực lục q4, 12b. Tỷ lệ đổi chác $3/1$ là ở hai đầu tối đa và tối thiểu, còn các mốc ở giữa thì tỷ lệ cao hơn: $3, 6/1$ ($22/6$). $3, 7/1$ ($15/4$). Chắc người ta cũng sợ hết gạo!

[393] Thực lục q5, 18a. Điều thương chắc là loại arquebuse, súng lớn 60kg chắc là loại đại bác di động mà L. Barizy có nói tới trong trận Đông Cây Cầy 1801 sau này. Hoả tâm đạn chắc là đạn nổ mảnh.

[394] Suzanne Kapelès. “Un cas de droit maritime international en 1797”. BSEI, XXIII, t 126-131

[395] Thực lục q7, 26a, q9, 3a, 8a

[396] Thực lục q4, 36a

[397] Thực lục q4, 11a, 29b; q5, 4a, 18b; q8, 7b

[398] Thực lục q4. 8b, 9b, 17b; q6, 32b, 33b

[399] Phủ binh là chế độ binh vụ có từ đời Bắc Chu sang Tùy, Đường, bắt dân trong sổ bộ làm lính, miễn cho các thứ thuế tô, dung, điệu, phải chịu huấn luyện trong những khi rảnh việc nông, phải tự lực sản xuất. Gia Định tổ chức theo chế độ Hán, Đường chắc cũng đã sử dụng phủ binh theo ý nghĩa này.

[400] BAVH, 1936. t. 111, 112. Xem thêm Trịnh Hoài Đức tả trại súng kể sau

[401] Thực lục q6. 25a.

[402] G. Taboulet trích lại trong *La geste française*, sđd t. 270. “Quelques notes sur Gia Long par un contemporain”, BSEI 1926. t. 208. Chử dùm của Barrow: Fentan.

8. Thực lục q4, 5a.

[403] Trịnh Hoài Đức, Thành trì chí đã dẫn, Đại học, 12-1961. t. 30-40.

[404] Thực lục q4, 17a chuyện tháng 6 Kỷ Dậu (1789); 22a, chuyện tháng 9, 26a chuyện tháng 12 cùng năm; q5, 10b, chuyện tháng 12 Canh Tuất (1790).

[405] L. Malleret. “Eléments d’une monographie des anciennes fortifications et citadelles de Saigon”. BSEI, 1935, t. 5-108. Thực lục q4. 31a; q5, 10b. Bản hoạ đồ thâu hẹp thành phố Sài Gòn xây năm 1790 do Cai

đội V. Olivier, trong *Iconographie historique de l'Indochine française*, fig. 40, pl. XXI.

[406] G. Taboulet dẫn trong *La geste française ...* sđd, t. 242

[407] Thực lục q6, 9b

[408] Liệt truyện q10, 6b

[409] G. Taboulet, *La geste française*, sđd, t. 250. Thư Dayot đã dẫn

[410] Thực lục q4, 12a

[411] Theo thứ tự, Thực lục q4, 21a, tháng 8 âl. 1789; q6, 1a, 6a, 12a, tháng 1 âl. 1793; q10, 2b, tháng 2 âl. 1798

[412] Thư của J.Liot ở Tân Triệu, 18-7-1792, BEFEO. 1912, t. 28

[413] Thư của L.M.J. de Jésus Maria cho L.M Trương tỉnh. Chợ Quán, 4-3-1790, BSEI, 1940, t. 101, 102

[414] Thực lục q4, 30b, tháng 3 âl. 1790; q5, 21b, tháng 3 âl. 1791

[415] Vùng Trà Dương hay Tà Dương thuộc quận An Phước (Ninh Thuận), giáp giới Bình Thuận, vùng nội địa của Cà Ná

[416] Phố Châm chắc là vùng gần Tánh Linh mà Aymonier (“Notes sur l’Annam Le Binh thuận”, *Excursions et Reconnaissances*, 1885, t. 210) gọi là Patjam chiếm 2, 3 xóm Chàm và 2, 3 xóm Thượng Chrou (hay Ka-hơ). Ba Phủ chắc là dân Đê (Thượng) Ba-vô của ĐNNTC, tỉnh Bình Thuận, mục núi Phố Châm (Bộ QGGD, t. 28) vì ở đây có nhắc đến cuộc loạn năm 1797 của bộ lạc này. Ba Phủ hay Ba Vô cùng gần nhau về chuyển âm cũng như về chữ viết (nếu dùng chữ phủ = thủ + vô).

[417] Vùng quận lỵ Tuy Phong, Bình Thuận. hiện gọi là Liên Hương

[418] Lá Buông? Vùng rừng Lá bây giờ?

[419] Thực lục q5, 4b, 6a, chuyện tháng 10 âl. 1790; q6, 10b, 19b, tháng 12 âl. đầu 1792; q7, 2ab, 12a, tháng 2 âl. 1794; q8, 11a, tháng 11 âl. 1795; q9, 5ab, 8a, 12ab, 34ab, 35ab, 37ab chuyện tháng 11 âl. 1796, tháng 12 âl, cùng năm, tháng 2 âl. 1797, tháng 8, tháng 9, tháng 10, tháng 12 âl. cùng năm.

[420] Thực lục q5, 21b; q6, 10b, 31b; nhất là q7, 2a, 12b, 13a; chuyện Hà Công Thái: Thực lục q7, 4a, Liệt truyện q28, 4b

[421] Thực lục q4, 35a, q5, 17a

[422] Thư Lelabousse cho một người trông coi Chủng viện các Phái đoàn Truyền giáo 13-12-1790 (A. Launay, III, t. 290).

[423] Thực lục q5, 9a, 32b; q6, 2b, 3ab; q7, 12ab

[424] Thực lục q7, 24ab

[425] Những bằng chứng về sinh hoạt kể ở đây, nếu không chú rõ xuất xứ, thì đều lấy từ những điều mà nhân viên phái bộ Macartney quan sát ở Tourane

[426] Tờ sức về việc thu thuế lâm sản ngày 9-4-1790 đã dẫn. Tự Do, số 1757, 19-1-1963.

[427] Thực lục q5, 17b, tháng 5 âl. 1791

[428] Bộ Quốc gia Giáo dục VNCH xuất bản, 1962, t. 89

[429] Thư ngày 3-12-1790 (A. Launay III, sdd, t. 280).

[430] Tuyết Trang Trần Văn Ngoạn dịch trong “Tồn cổ lục”, Nam Phong, V, t. 137.

[431] Vũ trung tùy bút”, Nam Phong, XXI, t. 462, 463 hay “Tồn cổ lục, IV, t. 206.

[432] 10. Hoàng Lê. t. 36

[433] Các số Nam Phong trên IV, t. 205, XXI, t. 461, 462, Phạm Đình Hồ kể các thứ nón riêng cho từng hạng người: ở kinh kỳ (nón cổ châu), trẻ (tiểu liên diệp), lính (trạo lạp), người hầu hạ, vợ con (viên đầu sư), có tang (xuân lôi đại) ... nhưng trước đó soạn giả có nói tới việc thay đổi ăn mặc, giao tiếp dưới đời Trịnh Sâm

[434] Thực lục, q10 37b

[435] Chuyện trộm cắp của “Vũ trung tùy bút”, Nam Phong, XXI, t. 561

[436] P. Boudet và A. Masson. Iconographie historique de l’Indochine française, ang VIII, hình 11.

[437] Dẫn của G. Taboulet. La geste française ... sđd, t. 257

[438] Hoàng Lê, t. 30

[439] Hoàng Lê, t. 76

[440] Thực lục q4, 1b, 14a; q6, 12b; q7, 30b; q8, 7a, 13b; q10, 14a

[441] Iconographie historique ... sđd, bảng VII, hình 10

[442] Thực lục q8, 28b mục tháng 8 âl 1796: “Văn võ thần ... ăn thua cả hàng trên ngàn”.

[443] Thư ông Guérand gửi ông Blandin, 20-7-1796 (Sử Địa số 9-10. t.159, 160).

[444] V. Imbert. Le séjour de l’ambassade ... sđd, t. 11, 12

[445] Thực lục q4, 32a, mục tháng 4 âl 1790. Lời can lúc Nguyễn Ánh muốn đánh Bình Thuận (xem sau).

[446] A. Laborde. “La province de Quang ngai”, BAVH, Juil-Sept 1924. Trong bài có chụp phía ngoài tờ sắc của Nguyễn Nhạc, giữa có 3 chữ thảo “Thính chấp bằng” (giấp cho giữ làm cớ), chữ đỏ, hàng bên phải một cột chữ: “Thự Thục lang Vũ Văn Lợi, Hà Nghĩa phủ, Mộ Hoa huyện, Tứ chính tư đô vạn”. Bên trái: “Thái Đức thập nhị niên, tam nguyệt, nhị thập ngũ nhật (20-4-1789). Ta biết tỉnh Quảng Ngãi lấy nước vào ruộng bằng xe nước. Theo P. Guillemet (“Une industrie annamite: les noria du Quảng Ngãi”, BAVH, Avr- Juin 1926, phụ lục), ở nhà Lão Diệm làng Bồ Đề, huyện Mộ Đức còn giữ ngoài những tờ ghi niên hiệu Cảnh Thịnh, Minh Mạng, Tự Đức có một tờ đơn (số 6 trong phụ lục) của dân 2 xã thôn Thiện Đề, An Mỹ, huyện Mộ Hoa, phủ Hoà Nghĩa xin cho được miễn sưu dịch. Đơn đề ngày 2-12 Thái Đức thứ 12 (16-1-1790)

[447] Một chợ ở Phan Rang tên Chàm là Dac niên

[448] Cà Ná?

[449] Liệt truyện q27, 4a, 5b. Thực lục q4, 32a, 34a, 35b, 38ab; q5, 1ab. Phước Hưng, chữ của Thực lục là Hưng Phúc vùng cửa Xích Ram.

[450] Các thư của Pigneau 26-5-1791, 1-8-1791, 14-9-1791, của J. Liot 17-12-1791, của Lavoué ở Lái Thiêu 16-6-1792 (A. Launay, III, t. 297).

[451] Thư của Pigneau gửi cho ông Boiret 20-6-1792 (A. Launay, III, t. 297).

[452] Thực lục q6, 1b, chú, sử quan ghi những lời mà ta tin chắc là của Nguyễn Ánh, vì đối với họ lời vua là trọng nên không được sơ sót bỏ qua

[453] Thư ngày 16-6-1792 (A. Launay, III, t. 223).

[454] Thực lục, q6, 2b, 3ab. Chính nhân dịp này Xiêm đòi cho Mạc Công Bính giữ luôn Long Xuyên, Kiên Giang và cho Chiêu-thuỳ Biện đất Ba Thắc nhưng Ánh từ chối

[455] Thư Lelabousse cho ông Letondal, 17-6-1792 (A. Launay, III, t. 297).

[456] Thực lục q6, 6ab, 7ab

[457] Thư của L.M Jean de Jesus Maria kể chuyện Thi Nại tháng 8-1792. La révolte et la guerre des Tay son ... , bđd, t. 102

[458] Ch. Maybon. La relation sur le Tonkin et la Cochinchine de Mgr De La Bissachère, Ed. Champion, Paris, 1920, t. 173-176.

[459] Nguyễn Nhạc bị lầm một lần khi vợ chính của Quang Trung mất mà người ta đồn lầm là chính Huệ thương cảm quá rồi cũng chết theo luôn. Lần đó Nhạc tính đem quân chiếm cả Phú Xuân, Bắc Hà (thư ông Sérard gửi ông Letondal, Sử Địa, số 13, t. 171). Không trách bây giờ Quang Toàn ngăn không cho đi điều cha mình

[460] Thực lục q6, 13b.

[461] Địa điểm Hoa Vông còn thấy trên bản đồ bây giờ nơi bờ phía bắc sông Cái, đối diện với thành Diên Khánh. Chắc trước khi xây thành, Hoa Vông đã nằm cả 2 bờ sông nên lúc Võ Tánh giữ Diên Khánh, có tên “cầu Hoa Vông”.

[462] Thực lục q6, 17ab, 18ab

[463] Thực lục viết La Thai. Chỉ cần thêm chữ 二 sau chữ 台 là ta có La Hai, tên Nôm đúng

[464] Úc Sơn tên của Thực lục

[465] ĐNNTC, tỉnh Bình Định, (q9, 14a) có ghi: “Thổ Sơn cổ tháp tục gọi là tháp Thị Thiện”. Vậy địa điểm Thổ Sơn chỉ ngọn đồi trọc bên cạnh quốc lộ số 1 cũ, gần cầu Bà Di, mà người Pháp gọi là Tours d’Argent. Tên thông thường gọi là tháp Bánh Ít.

[466] Ha Nha của Thực lục

[467] Phú Quý Cương cửa Thực lục, ngọn đèo thấp đưa tới đồng Cây Cầy

[468] Lam Kiều, Thạch Yển của Thực lục.

[469] Ở núi Càn Dương, có lẽ là kho lúa gạo Tây Sơn đã lấy hồi tháng 9-1773

[470] Ngoài Thực lục còn có thư của ô. Lavoué gửi các ô. Boiret và Descourvière từ Tân Triệu 13-5-1795 (BEFEO, 1912, t. 33), thư của Jean de Jesus Maria (BSEI, XV, t. 102, 103)

[471] Thuộc làng Vân Tướng, quận Bình Khê

[472] Đồng Khánh, quyển hạ, 233, có ghi “Cù Huân đại tấn khẩu” ở ngay cửa Nha Trang. Trên vùng thành phố bây giờ là “Cù Huân tấn sở”. Vậy kho Cù Huân mà Nguyễn Ánh lập ra chứa lương là địa điểm thành phố Nha Trang. Cùng trong sách trên, một cửa biển nhỏ về phía nam được gọi là “Cù Huân tiểu tấn khẩu”. Đây đúng là địa điểm cửa Bé ở cách thành phố 2km. Phía tây nam cửa Bé là núi Cầu Hin và địa điểm Cầu Hin (còn gọi là Con Hin, Bà Hin, khác biệt vì sự chuyển âm lơ mờ ra chữ viết cố định). Vậy Cù Huân của Thực lục là Cầu Hin.

[473] Hình số CXV ở BAVH, Juil-Sept 1926, “Les Français au service de Gia Long”, L. Cadière lấy tài liệu của thư viện ông Le Fèvre de Béhaine

[474] Chiến tranh vây Qui Nhơn, ngoài những tài liệu khác có ghi, đều lấy từ Thực lục q6, 21a-30a.

- [475] Bức hình có in lại nơi trang bìa 2 của quyển Việt Nam thời bành trướng: Tây Sơn. Đôi câu đối ở trang bìa 3
- [476] “Tây sơn thuật lược”: Tạ Quang Phát dịch, Sử Địa số 9-10, t. 165
- [477] Hoàng Lê, t. 92
- [478] Hoàng Lê, t. 82
- [479] Thư Labartette gửi cho Letondal, 6-10-1797 (A. Launay, III, 1. 244).
- [480] Hoàng Lê, t. 89, 90, t. 162, 163, t. 167
- [481] Hoàng Lê, t. 252
- [482] Liệt truyện , q30, 17b.)
- [483] Có trích trong các sách đã dẫn: La Sơn phu tử, Quốc văn đời Tây Sơn
- [484] Do An Khê sao lục trong Nam Phong, XIV: Fév, 1924, có trích lại ở Việt Nam văn học sử yếu, sđd, t. 73-75
- [485] La Sơn phu tử, sđd, t. 42, đạo sắc phong thần Đỗ công đại vương trưng bày ở Hội chợ Hà Nội 1941
- [486] Le séjour de l’ambassade ... sđd, t. 28
- [487] Thư Le Roy ở Kẻ Vĩnh (Ninh Bình), 6-12-1796 (BEFEO 1912, t. 8). Tờ phụng truyền được dịch trong Le peuple annamite. E. Langlet, 1912. t. 50, 51.
- [488] Thư ngày 12-5-1787 (RI, XIV, Juil-Déc. 1910, t. 44).
- [489] La Sơn phu tử, t. 160
- [490] Liệt truyện q30, 47b. Thực lục q6, 7b, 8a.

[491] Hoàng Lê t. 272. Liệt truyện q30, 45b. Quang Toản tên là Trát. Thư các giáo sĩ vẫn ghi là “Hoang trot”. Tên Trát chắc là chuyển biến theo giọng Quảng Nam của một dấu vết thân xác của Toản (Toản môi trớt, theo Tây Sơn thuật lược, bđd, t. 165. P. Ký cũng xác nhận tên Hoàng Trớt trong “Souvenirs historiques sur Sai gon et ses environs”, Excursions et Reconnaissances, 1885 t 26). Phái bộ Macartney có tham dự lễ sinh nhật Vua ngày 4-6. Tính ra 4-6-1793 là ngày 26-5 Quý Sửu; ngày 26-5 Quý Mão tương đương với ngày 25-6-1783. Đó là ngày tháng, năm sinh của Quang Toản.

[492] Thư J. Liot ở Tân Triệu, 18-7-1792

[493] Thư Lavoué, Saigon ngày 31-7-1793

[494] Thư Lavoué cho các ông Boiret và Descourvières, Tân Triệu, 13-5-1795, thư G.M Gortyne, Tonkin Occidental, 22-4-1794 (BEFEO, 1912, t. 32, 33). Hoàng Lê. t. 277, 78. Thực lục q6, 31ab. Liệt truyện q30, 16a.

[495] Thực lục nói Quang Toản sai nhưng ta biết (q6, 8a) mọi việc đều do Bùi Đắc Tuyên, cậu Toản quyết định. Vả lại Hoàng Lê cũng nói khi đi Qui Nhơn có Đắc Tuyên theo làm Tán nghị giữ thành. Vậy chính Tuyên vào Qui Nhơn để trông coi việc đánh phía nam, chia quyền quân quốc với Phạm Văn Hưng (Liệt truyện q30, 44b).

[496] Thực lục q6, 35b. Trước đó, tháng 11 âl (3/12/1793-27/1/1794), Nguyễn Văn Thành từ Bình Khang về. Hoàng tử Cảnh ra trấn Diên Khánh với Mạc Văn Tô, Nguyễn Đức Thành, Tống Phúc Đạm, Phạm Văn Nhân. Sau đó, Ánh kêu Nguyễn Huỳnh Đức về, lưu quân Chân Lạp, Chà và lại Diên Khánh. Tôn Thất Hội cũng về để Võ Văn Lượm. Nguyễn Long, Nguyễn Văn Nhân trấn Phú Yên có Mạc Văn Tô, Nguyễn Đức Thành của Cảnh sai phụ giúp. Thư Pigneau gửi cho Letondal từ Phú Yên, 16-6-1794 (A. Launay, III, t. 287) nói bị vây vào cuối tháng Avril. Thư Lavoué cho

Letondal (A. Launay III, t 233-34) nói rõ hơn vì Lavoué lúc bấy giờ ở Nha Trang có chứng kiến trận đánh.

[497] Thư Lavoué cho Letondal 27-4-1795 (A. Launay, III, t. 287).

[498] Theo ĐNNTC, tỉnh Bình Định, tả sông Vân Sơn thì đó là trung lưu sông Hà Thanh. Vùng này có một cái chợ nổi danh là chợ Vân Hội (chợ Cây Gia), không biết có phải địa điểm Vân Sơn này không

[499] Gian Nan là núi Cụt Kịch. Còn khi nói Đại Lãnh, chắc sử quan muốn chỉ một hòn núi, vì lẽ đó có thể gọi là “đèo Cả” chứ không phải địa điểm Đại Lãnh hiện tại ở dưới chân đèo Cả, phía tỉnh Khánh Hoà

[500] Vùng Vạn Ninh bây giờ?

[501] Thực lục: Đà Diễn; nhưng ĐNNTC, q10, Phú Yên, 11b: “Đà Diễn cũng gọi là Đà Rằng”.

[502] Một nhánh tả ngạn của sông Luỹ, thượng lưu được gọi bằng một tên quen thuộc vì chảy qua một nhà ga cùng tên: sông Mao

[503] Thực lục q7, 33ab; Liệt truyện q30, 46ab; Hoàng Lê, t. 278. gọi trạm Hoàng Giang, Thái bảo Hoá thay vì Mỹ Xuyên, Nguyễn Văn Huân. Một chứng nhân đương thời, Lapavée, thì lại cho rằng Bùi Đắc Tuyên muốn giết 3 con Quang Trung (Quang Thuỳ, Quang Toản, Quang Bần?) để cướp ngôi cho con ông (Bùi Đắc Thận?) nên mới âm mưu với Ngô Văn Sở để hành động. Sứ giả gởi đi bị Vũ Văn Dũng chặn lại. m mưu vỡ lở (Sử Địa số 13, t. 160-161).

[504] Có thể là Karom, tiếng Việt bây giờ là Du Long (Ninh Thuận). Ta biết địa điểm Ma Lâm (Bình Thuận) cũng được bình dân gọi là Măng Long.

[505] Núi Kho là hòn Trại Thủy ở Nha Trang, hiện có đặt Kim thân Phật tổ. Sông Ngư Trường là phân lưu của sông Cái chảy xuống cầu Hà Ra (Nha Trang). Xét theo diễn tiến trận đánh và vị trí các nơi liên hệ thì quân Nguyễn từ mặt bắc đánh vào.

[506] Chữ của Thực lục là Tu Hà 修蝦. Chúng ta nghĩ Tu Hà giống chữ Tu Hoa đã sinh ra chữ Tu Bông bây giờ. Vậy Tu Bông không phải từ chữ Tụ Phong mà ra.

[507] Sơn Tùng Hoàng Thúc Trâm. Quốc văn đời Tây Sơn. sdd, t. 26-31, đề là “Dụ Nhị Suý Quốc âm chiếu văn”.

[508] Thư Le Gire gửi các ông Boiret, Chaumont, Blandin, từ Kẻ Tương (nam Quảng Bình), 12-1-1796 (BEFEO, 1912, t. 36).

[509] Hoàng Lê, t.211.

[510] Thư Giáo sĩ Serard, 6-1783, RI, XIII, t. 521

[511] Thư trích trong La guerre et la révolle, bdd, t. 91

[512] Thư J. Liot cho các Giám đốc Chủng viện Phái đoàn Truyền giáo, ngày 20-6-1795 (A.Launay, III, t.237).

[513] Thực lục chẳng hạn, q6, 10a, đầu 1793; đáng chú ý ở q8, 27a, tháng 8 âl 1796: “Giặc Chà-và đánh Kiên Giang. Nguyễn Ánh sai Nguyễn Đức Xuyên đánh ở Hòn Tre giết giặc, đoạt thuyền; từ ấy Chà-và sợ mất vía không dám xâm phạm, đường thương mại được thông suốt vậy”. (chính chúng tôi nhấn mạnh).

[514] Rất nhiều trong A. Launay, tập III, sdd

[515] Thư Lelabousse cho Letondal, 24-5-1791 (A.Launay, III, t. 291, 292); Thực lục q5, 18b, chuyện tháng 2 âl 1791; lời chú (a) của De la Bissachère

về bài hịch của Quang Trung đã dẫn.

[516] Thư Pigneau cho Letondal, 11-8-1789, thư Lelabousse cho M ... 13-12-1790 (A, Launay, III, t. 277-281).

[517] Thư Lelabousse cho Grine, 6-1792, cho Letodal, 17-6-1792; thư Pigneau cho Boiret, 18-6-1792; thư Guillet cho Boiret, 20-6-1793, Lelabousse cho Boiret 6-1793 (A.Launay. III, t. 283-285).

[518] Thực lục q6, 14b, 15ab

[519] Thư Lelabousse cho Letondal, 12-6-1793 (A-launay, III, t.289) có câu Nguyễn Ánh bảo Cảnh: “Le Maitre est plus ton père que Moi”, đó là thứ bực Sư, Phụ của Nho giáo: Thực lục, q11, 16a

[520] Việc xác định danh tính Tổng Phúc Đạm trong vụ cũng như sự việc xảy ra lấy ở Thực lục q6, 35a, Liệt truyện q8, phần cuối: truyện Tổng Phúc Đạm, thư Lavoué cho Letondal, 21-4-1795 thư Pigneau cho Boiret, 30-5-1795 (A.Launay. III t. 301-305)

[521] Thư Gpigneau cho Letondal, 17-8-1789 (A.Launay, III, t.320, 321).

[522] Thư Pigneau cho Boiret, Saigon, 12-4-1797 (A.Launay, III, t. 311).

[523] Thư Boisserand, 11-8-1789, thư Pineau cho Boiret, 15-6-1798, Pineau - Labartette, 5-6-1796, Labartette (ở Bồ Chính) cho các Giám đốc trường Dòng của Phái đoàn Truyền giáo, 12-11-1800 (A.Launay, III, t. 322, 328, 332, 335)

[524] Thư J.Liot gửi cho Giám đốc trường Dòng của Phái đoàn Truyền giáo, 20-6-1795) (A.Launay, III, t.336 - 338). Thực lục, q7, 3b, mục tháng 2 Giáp Dần (1794) có nói đến việc trùng tu Văn Miếu ở Trấn Biên đúng vào chuyện này

[525] Thư Pigneau cho Boiret, 20-6-1792; thư Lavoué cho Giám đốc trường Dòng (A.Launay, III, t.306, chú (I)).

[526] Xem lại tiết trước. Chuyện xảy ra vào đầu năm 1795. Tên Nguyễn Huỳnh Đức và Nguyễn Văn Thành được xác nhận vì một đăng so với Thực lục (q7,23b, 24a, 27b), một đăng thư Lavoué kể trước có nói: (Ánh) đến nhà Bá-da-lộc trước khi đi đánh Tây Sơn và 2 trong những người tố cáo đang làm quan lớn bị tổng giam vì đã bỏ rơi 2 quan khác khi Tây Sơn tiến đánh

[527] Thực lục, q8, 12b, 13a, 15a

[528] Hình chụp lại trong Iconographie historique ... , sdd, IX, 13

[529] Thư Lelabousse cho Boiret, 12-7-1796 (A.Launay, III, t.225).

[530] Thực lục, q8, 14b, 23ab

[531] Thực lục, q9, 21ab

[532] Thực lục q5, 9ab. 33a.

[533] Thực lục q8. 26b, q9, 5b

[534] Chi tiết về số lượng thủy quân do bức thư của Olivier gửi cho St. Lefèbre de Tranquebar, 16-4-1798, trích của A.Slles. “Les Français au service de Gia Long. J.B.Chaigneau”, BAVH, Janv-Mars 1923

[535] Thư Labarlette cho Letondal, 6-10-1797 (A. Launay, III, t.242)

[536] Thư Labartette cho Letondal. 6-10-1797 kể trước. Chuyện tiến quân lấy ở Thực lục, q9, 19b - 27a

[537] Thực lục q9, 37a, q19, 2a

[538] Thư Lelabousse cho Boiret, 5-1797 (A.Launay, III, t.288)

[539] Thực lục q10, 3a

[540] Thư Pigneau cho Boiret, 12-4-1797 (A.Launay, III, t.310, 311).

[541] Thực lục q10, 12b, 13a

[542] Thực lục q10, 14b-20a

[543] Pháp không thi hành được hiệp ước Versailles chỉ để bốn phiếu lưu giúp nên cạnh tranh nhau, tố cáo nhau làm mất mặt Tây phương trước dân bản xứ. Chúng ta đã thấy vụ Mãn-noài chứng tỏ sự xung đột Bồ - Pháp về Đạo cũng như về Đời trên đất Gia Định. Xung đột còn mãi đến 1801 khi người Bồ tố cáo L.Barizy đầu độc chủ tàu tên R.Henderson, và làm cho Barizy phải bị tù (Chuyện từ thư của Barizy cho Letondal, BAVH, Oct-Déc, t.380-384).

[544] Thư giáo sĩ Longer cho Giám đốc nhà Dòng các Phái đoàn Truyền giáo, Tonkin, 3-6-1799 (A.Launay, III, t.250.)

[545] Thư Longer gửi cho Dufresne, 1-5-1786, cho Letondal, 9-8-1786, Labartette cho Descourvières, 16-5-1788, cho Letondal, 18-6-1788 (A.Launay, III, t 162).

[546] Thư Le Gire gửi cho cha mẹ, 11-1-1796, cho Boiret từ Kẻ Lường, Thượng Cochinchine, 12-1-1796, có câu: “Chúng tôi nóng đọi Vua tới ... người ta quá hi vọng Vua từ Đồng Nai tới khiến chúng tôi sai lầm ... (A.Launay, III t 239, 240).

[547] ... Thư Longer cho Giám đốc Nhà dòng các Phái đoàn Truyền giáo 14-4-1792 (A.Launay, III, t.239).

[548] vụ Nguyễn Bảo kể sau

[549] Giáo sĩ Labartette kể lại (A.Launay, III t.251-256), thư Longer 3-6 kể trên

[550] Hai tờ chiếu sai của Nguyễn Ánh, một có ghi chi tiết lễ vật, tất cả để ở từ đường họ Nguyễn Huỳnh, xã Khánh Hậu, tỉnh Long An

[551] Thực lục q10, 13b

[552] Chuyện Nguyễn Bảo tổng hợp của Thực lục q10, 16ab, 17b, Liệt truyện q30, 17ab, 46b, 47ab, Hoàng Lê, t.279, 280, thư của Lelabousse cho Giám đốc Nhà Dòng các phái đoàn Truyền giáo, tháng 6-1799, thư khác ngày 24-4-1800 (A.Launay, III, tr.259, 260).

Về nguyên nhân, Hoàng Lê ghi Diệu đưa mật thư bảo Lê Trung phò Bảo. Trung đã kéo quân về đến Quảng Nam “trong ngoài khiếp sợ”. Còn Liệt truyện cho biết nhân dịp Lê Trung vắng mặt ở Qui Nhơn, Nguyễn Bảo mới chiếm thành. Có lẽ ở Phú Xuân người ta hoảng lên vì cuộc điều động quân của Nguyễn Bảo và Lê Trung chớ chắc Trung chưa có hành động nào rõ rệt là theo Bảo mới dám theo Diệu về ra mắt Quang Toản rồi đi vây Qui Nhơn. Tuy nhiên, thư Lelabousse có câu “(Bảo) profitant de la division qui était entre les grands mandarins”, ta mới có câu kết tạm như trên. Về tên người và diễn biến, Thực lục cho Lê Trung chết ở Thuận Hoá vì Trần Văn Kỷ xúi giục Quang Toản giết. Hoàng Lê cho là vì Thái phủ Mân, và Trung chết ở Qui Nhơn. Liệt truyện cho Trung chết vì Lê Văn Ứng (Thái phủ Mân) dèm pha. Lelabousse không nói đến tên, nhưng nói đến một người bị cách chức rồi bị chết thảm khốc: “chặt 4 chân tay, chém sả đầu, bêu lên, mình đốt ra tro vứt khắp nơi”, là một “chiến tướng có tài, lên chức cao bằng sức mình” - chắc ông chỉ Lê Trung.

Người giữ thành khi Nguyễn Bảo làm loạn, Thực lục ghi Nguyễn Văn Hưng (Phạm Văn Hưng), Hoàng Lê cho là Lê Trung thay Thái bảo Hóa (Nguyễn Văn Huân) từ khi Trần Quang Diệu, Vũ Văn Dũng giảng hoà, Liệt truyện nói Diệu xin Lê Trung giữ Qui Nhơn thay Huân. Khi Trung dẫn

quân về Phú Xuân thì để lại thành cho Uyên Thanh hầu ở lại giúp Bảo, Bảo nghe lời mẹ xúi và tin lời hứa của Nguyễn Ánh “tội cha không bắt đến con” nên mới nổi lên bắt giam Thanh Uyên hầu, chiếm Qui Nhơn. Lelabousse kể chuyện viên trấn thủ ở đó phải cạo đầu chạy trốn trên rừng, rồi sau ra lệnh giết Lê Trung “thay mặt Thượng đế trừng phạt ông này” về tội bắt giáo sĩ(!). Riêng chứng cứ này còn tỏ rằng Trung chết ở Qui Nhơn.

Liệt truyện dùng lẫn lộn Uyên Thanh hầu và Thanh Uyên hầu nhưng chắc cũng chỉ một người, có thể là Lê Văn Thanh, người được Quang Toản cho giữ Qui Nhơn khi dẹp Bảo xong (Tây Sơn cũng từng có 2 tên Hồ Hồ hầu và Đô đốc Hồ chắc cũng chỉ một người). Chắc Thanh nghe lệnh giết Trung, nhưng vẫn giữ cảm tình đồng liêu, nên che chở cho Lê Chắt khi Chắt giả chết bị lộ về đầu. Mọi oán thù trút cho Lê Văn Ứng nên Thanh, Diệu, Dũng lập mưu giết Ứng (xem sau) và sau này Lê Chắt hàng Nguyễn Ánh mới tìm Ứng đánh đuổi để lịch sử ghi lại cả ở Hoàng Lê lẫn Thực lục.)

[553] Trúc Khê của Thực lục, một nhánh của sông La Tinh chảy vào đầm Nước Ngọt

[554] ĐNNTC, tỉnh Bình Định, gọi là “Phúc Lộc”. Chữ của Thực lục là “Ngốc Lộc, Thốc Lộc”. Hình như chính chữ là “Trọc Lóc”.

[555] Các giáo sĩ cho biết thành có 40.000 quân tinh nhuệ ra hàng với vũ khí và 120 chiến tượng (A.Launay, III, t.292).

[556] Nhà thờ này ở làng Mỹ Cang quận Tuy Phước (Bình Định).

[557] Ch. B. Maybon, La relation sur le Tonkin ... , sđd, t.112, 113

[558] Liệt truyện q13, 10a. Lê Chắt (Liệt truyện, q24) cũng phải chịu cảnh nhục nhã đó tuy không thể phản bội được: khi Bắc phạt, Chắt được coi Hậu quân, phong Bình Tây tướng quân, có người nói “Chắt bình Tây thì ai bình Chắt?”

[559] Chi tiết theo lời dẫn bằng chữ Nho đặt trên đầu bài dụ trích trong Quốc văn đời Tây Sơn, sđd, t.44 - 49.

[560] Thư của L. Barizy gửi cho Letondal, Marquini, 16-4-1801, dẫn bởi G.Taboulet, La geste française, sđd, t. 253, 254, bởi L. Cadière trong BAVH, Oct-Déc, 1926, t. 397-400. Taboulet trong lời chú (1) của ông cho rằng nơi nói đến là thành Qui Nhơn, dựa trên lễ Barizy trong thư 16-7-1801 có dẫn thư ngày 8-5 nói chuyện lấy Tourane hôm 8-3 mà cho ông này có tham chiến ở đây. Thực ra, thời gian viết thư 16-4, Barizy còn ở Gia Định, mới ở tù ra. Ngày 17-5 dl, ông mới theo quân tiếp viện Gia Định ra tới Qui Nhơn. Có lẽ ngày 8-3 là ngày âm vì tuy Barizy có viết rõ “8 Mars”, nhưng vẫn kể chuyện trong các thư bằng ngày tháng âm lịch khi có liên quan đến trận đánh (như chuyện đồng Cây Cày), vì lẽ giản dị là quan, dân ta dùng âm lịch, 8 Mars tương đương với 21-1 Tân Dậu không hợp với trận đánh nào hết ở Quảng Nam. Chỉ có 8-3 âm (20-4-1801) mới hợp với trận Tourane mà sử quan ghi vào đầu tháng 3 âm thôi. Và thành Qui Nhơn chưa giải vây thì Barizy có ở Thi Nại cũng làm sao vào trong đó được? Thực lục q12, 16a ghi: “Cho Ba-la-di về nước, cấp 1 thuyền” là chỉ việc cho chiếc thuyền chìm đã làm ông ấm ức chớ ông vẫn còn có mặt ở Thi Nại ngày 27-5 như đã nói, và ở Đà Nẵng sau đó.

[561] Thực lục, q12, 4b, 5a.

[562] Không phải Nguyễn Văn Vân, con Nguyễn Văn Trương, bị bạt gió năm 1793, về năm 1797. Nguyễn Ánh tổ chức 5 đồn quân Ngự lâm quân, lấy hàng tướng chỉ huy lính cũ Tây Sơn, dưới quyền tướng Ánh. Trong danh sách có tên Lương Văn Chương, nhưng không có Nguyễn Văn Vân, vì ở đây (Thực lục q11, 10a 0 12b) chỉ liệt kê Đô thống chế, Thống chế đồn, Trưởng, Phó chi mà không nói đến Trưởng hiệu, cấp bậc của Vân. Trưởng hậu chi của Vân là Nguyễn Văn Lân

[563] Thời điểm “21-11 âm lịch”, “27-11 âm lịch” là của Barizy trong bức thư kể sau.

[564] Theo ước lượng của L. Barizy trong bức thư gửi cho Letondal ngày 11-4-1801. Đáng lưu ý là Barizy không có dự vào trận Thi Nại. Cũng trong thư này ông phàn nàn về việc bị các quan bắt đóng gông, nhưng hai tháng sau ông đã có mặt ở Quảng Nam trong đoàn thuyền với Chaigneau, Vannier, de Forçan ...

Trận Thi Nại sắp kể đây dựa vào các tài liệu: Thực lục q13,3b-6b, thư của Chaigneau (có dự trận) cho Barizy, 2-3-1801, ngay ngày sau lúc đánh nhau, thư của Lelabousse cho Nhà Chung từ Nha Trang, 20-4-1801 (G. Taboulet, *La geste française ...*, sdd, t. 259, 260. Thư Barizy kể trên L.Cadière “*Les Français au service de Gia Long - II - Leur correspondance*” BAVH, Oct - Déc 1926, t,373- 391) có kèm bản đồ vẽ cửa Thi Nại.

Về thực lực đôi bên, Barizy đã ước lượng Tây Sơn như sau: 1.800 thuyền với 6.000 khẩu đại bác? Ta phải ước giảm bớt vì nhớ rằng Barizy không dự trận và vốn có tính dễ xúc động. Chaigneau viết thư cho ông chỉ tỏ vẻ ngạc nhiên vì khả năng chống cự của thủy quân Tây Sơn thôi. Lelabousse kể chuyện có những điểm sát với Thực lục. Ví dụ ông đã chỉ đích trận từ 10 giờ đêm đến 10 giờ sáng, việc thuyền Nguyễn nhờ đêm tối và gió tiến đến gần thuyền địch đốt cháy theo kế hoả công.

[565] Sử quan viết là Nan Dự. ĐNNTC, tỉnh Phú Yên gọi là Bàn Than Dự, và còn chỉ thêm một hòn đảo khác tên là Than Dự trên có khắc chữ “nan” “không biết từ thời nào”. Hòn Bàn Than và hòn Nần là một vì đều được xác nhận là một hòn đảo bên trong vùng Cù Mông, có miếu Công thần. Nguyễn Ánh ở đó điều khiển quân tướng tránh được sóng gió mà cũng cách biệt với quân thù hơn. Duy lúc đánh trận Thi Nại thì chắc ông phải dời ra đóng ở hòn Đất ngoài cửa biển Qui Nhơn. L. Barizy chỉ “Ile ông Datte”, L.Cadière gọi theo âm đọc “hòn Đạt” là sai. Đó là một trong 3 hòn: hòn Khô, hòn Đất, hòn Ngang (Khô dự, Thổ dự, Hoàn dự) của ĐNNTC. q9, 15b.

[566] Biệt hiệu của người Tây gọi Võ Di Ngụy, theo Barizy. Cũng Barizy cho biết người ở tiền tuyến là “ông Yun koun” (Giám quân) mà Cadière chỉ

là Phạm Văn Nhân, người giữ chức Giám quân của 5 đội quân Thần Sách (Thực lục, q10, 8a). Thực ra, Nguyễn Ánh đã bắt Nhân nằm ở Cù Mông. Người ở tiền đạo, như ta đã biết, là Nguyễn Văn Trương và Tổng Phúc Lương. Nguyễn Văn Trương có hồi cũng làm Giám quân dinh Trung thủy, rồi coi dinh Trung thủy, kiêm cả Tiền, Hậu thủy (Thực lục, q7,26b), coi cả thủy quân suốt các chiến dịch về sau. Cho nên, ông Giám quân Barizy nói ở đây là Nguyễn Văn Trương vậy.

[567] L.Barizy còn viết thư ngày 11-4-1801 nhận Nguyễn Ánh mất 4.000 người, Tây Sơn mất 50.000 người, toàn bộ thủy quân và thuyền bè chuyên chở trên 1.800 chiếc, 6.000 khẩu đại bác. Tưởng chỉ nên lưu ý đến tính cách tiêu diệt hoàn toàn thủy quân Tây Sơn mà thôi.

[568] Barizy ghi tên trên bản đồ đầm Thi Nại là “port de Qui nhon autrement Choya” (Chợ Giã). Thị xã Qui Nhơn hiện vẫn thường được dân quê gọi nôm na là “Giã”, tên một thứ thuyền, lưới bắt cá dân chài thường dùng

[569] Tiết này, ngoài những chứng dẫn khác có ghi rõ, đều lấy từ Thực lục q10, q12, q13, 1a-6b

[570] Có Thạch cốc tự, gọi nôm là “chùa Hang” nổi danh, thuộc xã Mỹ Hoà, quận Phù Mỹ, Bình Định.

[571] Liệt truyện, q10, từ tờ 6b, truyện Đặng Đức Siêu

[572] L.Barizy trong thư 11-4-1801 dẫn việc Nguyễn Ánh có mặt ở trận “Dung thi” (Đồng Thi, đồng Cây Cầy) tháng 11, 12 âm năm ngoái, “tay mang ống viễn kính”. Barizy lúc bấy giờ còn ở Gia Định, mới vừa ra tù nhờ lệnh hoàng tử Cảnh trước khi chết (20-3-1801), không biết có được tin đích xác không. Vì sau trận đồng Cây Cầy, Vân Sơn thuộc về quân Nguyễn, nhưng Thi Nại chưa bị phá, Nguyễn Ánh có bỏ hòn Nân lên bộ thám sát không? Cho nên chuyện lần này có vẻ đáng tin hơn chuyện lần trước.

Còn địa điểm Vân Sơn theo lời tả của ĐNNTC, tỉnh Bình Định, mục “Vân Sơn giang” thì chắc là vùng Vân Hội, quận Tuy Phước (đã nói) chứ không phải gò Vân Sơn (có nhà ga cùng tên), gần Chà Bàn, nơi nổi tiếng nhờ Chế Lan Viên ngồi khóc dân Chàm

[573] Thư Barizy cho các ông Marquini, Letondal, 16-7-1801 (BAVH, Oct - Déc 1926, t. 401) kể trận đánh lấy Huế, có nhắc trận Đà Nẵng hôm 8-3 lấy 30 voi, 84 đại bác, kho gạo, áo quần. So với số súng và voi thu được với Thực lục ở đây, ta chắc 2 trận của 2 tài liệu chỉ là một.

[574] Thư Barizy đã kể, danh xưng về các thuyền lộn xộn quá: galère, chaloupe canonnière, demi-canonnière rồi “ghequienne”! Chuyển tiếp viện này không thể lẫn với chuyển đầu năm do Trần Công Thái dẫn Hậu quân Gia Định ra (Thực lục, q10, 3b). Số lượng 10.900 quân ghi ở đây, 10.000 ghi ở thư khác, ngày đến Qui Nhơn cho ta quyết chắc là chuyển chuyển quân vào tháng 4 âm lịch của Thực lục (q13,22a)

[575] Trận Huế, ngoài Thực lục, thư Barizy kể trên, còn có tài liệu ở Liệt truyện q7, 17b, về Phạm Văn Nhân, q8, 8a về Nguyễn Văn Trương, q21, 20b, Nguyễn Văn Thành, q22, 6b Lê Văn Duyệt, q24, Lê chất, q30, 51ab Nguyễn Quang Toản.

[576] Thư Girard gởi cho Letondal, 25-6-1801, thư Barizy cho Marquini, 15-7-1801 (A. Launay, III, t. 422, 423).

[577] Thời điểm lấy của Barizy vì chi tiết vẽ rõ hơn, Thực lục có nói đến lúc rời Qui Nhơn ngày Canh Ngọ (5-6-1801), đến Đà Nẵng ngày Quý Dậu tháng 4 âl (8-6-1801).

[578] Theo Barizy tả biến chuyển thì 3 giờ chiều 13-6 trùng với 3-5 của Thực lục (q14, 1b). Nhưng Nguyễn Ánh ở dưới thuyền ngựa đến 8 giờ sáng 15-6 mới vào Kinh thành có lẽ vì muốn chờ tết Đoan Ngọ (tốt ngày? long trọng?). Vì lẽ đó nên Girard mới nói đến chuyện giải phóng Huế ngày 15-6.

[579] Thực lục q14, 10ab, Liệt truyện q22, 7ab. Thư Barizy do Cadière đã kể có nhắc tên 3 Đô đốc hàng là Do Doue Cane (giải thích là Lương Văn Canh như Cadière là sai), Boune và Banaa. Lê Quốc Cầu và Lê Văn Từ bị bắt trong trận không có âm tên giống như vậy, Duy Boune có lẽ là Tống Phúc Phượng (Liệt truyện, q25) hơn là Nguyễn Bá Phong như Cadière đã theo lời chỉ dẫn của Ch. Maitre. Phượng cầm cánh quân riêng 1.000 người và tự đi đầu hàng trước.

[580] Liệt truyện q8, 9a.

[581] La relation sur le Tonkin ... , sđd: t.108, 109. Thư Langlois cho Boiret. 3-9-1802 (BEFEO, 1912, t.55)

[582] Con số 52.000 là của Barizy. Thực lục q14, 16b - 18b, Liệt truyện q13, 9b, 10ab

[583] Trường hợp Nguyễn Văn Tồn (Liệt truyện q28, 3ab) khi thành Bình Định mất theo Tây Sơn đánh rất hăng, quân Nguyễn kêu không ngó lại, đến khi trở về, người ta hỏi, ông trả lời: “Đánh hăng cho giấc khỏi nghi”. Ấy vậy mà không biết sử quan nghe ở đâu lại nói có người khen là “có trí”.

[584] Theo sự kiện kể ở đây thì chắc là hòn Chà vùng nam sông Vân Sơn (Vân Hội) chứ không phải núi Trà (Trà Sơn), Chà Rang (Trà Lang Sơn) ở Phù Cát, tây bắc Chà Bàn của ĐNNTC.

[585] Thực lục q15, 1b, 17a, 20ab

[586] Trần Trấn Ninh: Thực lục, q15, 28ab, q16; Liệt truyện q8, 11b-13a, q30, 53ab, 54a; La relation sur le Tonkin ... sđd t.108-111. Tuy De la Bissachère quá tán tụng Bùi Thị Xuân nên mới lo sợ giùm cho Nguyễn Ánh, nhưng đã có những chi tiết đúng như: voi phá vài nơi của lũy Thầy (Liệt truyện: “Bùi Thị Xuân suất tượng khu chúng”), đánh tới 2 giờ chiều (“quá trưa” của Liệt truyện). Duy ông không biết đến tên viên tướng phản

bội mà ta gán cho Nguyễn Văn Kiên vì ông này có mặt trong trận và có tên trong danh sách hàng tướng.

[587] La relation sur le Tonkin, sdd, t. 113. Có thể vì toan tính đánh ở Phú Yên trong dịp này mà người ta đồn tới tai De la Bissachère rằng Trần Quang Diệu muốn vào lấy Đồng Nai chăng?

[588] Thực lục, q9, 6a

[589] Thực lục q16, 17b.

[590] Thực lục q14, 20b, 22b

[591] Số lượng quân trong thư Barizy gửi cho Marquini và Foulon, 15-6-1802 (BAVH, Oct-Déc 1926). Chuyện Bắc phạt: Liệt truyện q8, 13ab, q30, 54ab, Thực lục q17, 11b-18a.

[592] Tác giả Vũ Huy Dao, trích trong Morceaux choisis ... t.254, 255.

[593] La relation sur le Tonkin, sdd, t.114, 117; Liệt truyện q.30, 54b, 55a. Trong tập Bình Định (1964), Ty Thông tin Bình Định, trang 13, 24 có đoạn xác nhận rằng Vũ Văn Dũng là người địa phương (thôn Phú Mỹ, xã Bình Phú, quận Bình Khê), sau khi bị bắt bèn trốn thoát, cải danh là Vũ Văn Độ, mất ở An Khê năm 1853. Nếu ông Độ có thật thì chắc là một người bà con lưu lạc chớ chuyện Vũ Văn Dũng trốn thoát là điều khó tin (Dũng không quá trẻ để đến mãi năm 1853 mới chết!). Trần Quang Diệu nhờ tha chết cho binh tướng Võ Tánh mới được đặc ân uống thuốc độc, khỏi bị voi xé như vợ con. Còn Vũ Văn Dũng mà đầu cũng treo giá đồng thời với của quan Thái phó thì làm cách nào thoát khỏi nanh vuốt của Nguyễn đang thắng được? Dũng là người Hải Dương đã có bằng cứ hằn hoi nơi tước Chiêu Viễn hầu như ta đã nói trước.

[594] Đại diện cho thái độ đầu là Hoàng Quang (Hoài nam khúc), các bề tôi nhà Nguyễn, đại diện cho thái độ sau là một số người chịu ảnh hưởng trào

lưu dân chủ, cách mạng ngày nay. Không đâu vẽ rõ sự xung đột của những ý kiến chủ quan của sử gia bằng ở quyển Hoàng Lê nhất thống chí: Ngô Thì Chí hiểu chữ “nhất thống” theo với nghĩa gồm một về vua Lê nên cùng với Ngô Du hết sức ca tụng Nguyễn Huệ, Du càng tăng độ ca tụng khi Tây Sơn thịnh. Thế mà tác giả viết các hồi sau chót lại cố lái chữ nhất thống về phía Nguyễn nên gọi “ngụy Tây” đối chọi với “quan quân”

[595] Đào Duy Anh - Việt Nam lịch sử giáo trình, Thời kỳ tự chủ, quyển hạ, Liên khu IV xuất bản, 1950. trang 25, 26, chú số 1.

[596] Hoàng Lê, t. 64. Chính chúng tôi nhấn mạnh

[597] Thực lục q10, 34b, 35a. U-bon trên sông Se Mun, phụ lưu sông Mékong trên phần đất Thái, Khon khaen trên sông Se San, phụ lưu của Se Mun, chứ không phải làng Khu-khang phía bắc dãy Dangrek. Sứ bộ chắc đã rẽ trái qua các phụ lưu này tới Vạn Tượng chứ không đi nốt phần sông Mékong trên đất Lào

[598] Thực lục q9, 11b, q10, 14b, q11, 15ab

[599] Histoire de l'Indochine, PUF, 1950, t. 62

[600] Chúng tôi rất tiếc là đã không biết chữ La tinh để đọc bản dịch mà ông Nguyễn Khắc Kham bảo đánh máy cho chúng tôi. Nhưng theo lời ông thì trong thư có những đoạn hơi khác với bức thư số 5 đưa ra ở đây, và ngày tháng ghi cũng khác: ngày 4-9 Cảnh Hưng thứ 46 (1785) chứ không phải 14-9 Cảnh Hưng 47 (1786). Chúng tôi đi trong mù để mà nghĩ rằng thư viết năm 1785 sao có thể nói chuyện tàu Goa mà Thực lục q3, 1a, ghi vào đầu 1787? Và trong bản chữ Nôm hiện có ghi ngày tương đương với 23-10-1786? Paul Nghi khi dịch đã bỏ mất 10 ngày (14 thành 4) và lui lại một năm chẳng? Sai lầm trên có thể vì quáng mắt khi dịch nhưng còn sai lầm thứ hai?

[601] L.M Cadière đánh số bản chụp ảnh theo hai loại. Ở đây chúng tôi chỉ lưu lại con số thứ tự các bức thư mà thôi (theo ngày viết).

[602] Các tên Gia-cô-bê (thư thứ IV, IX), Gia-bê-sa (VIII), Nha-cô-bê (X), Nhã-ca-bá (XI), Gia-cô-vi (XIII), Li-ốt (XIV) đều là tên của Jacques Liot (1751-1811). Giáo sĩ này rời Paris tháng 11-1776, đến Tourane, đến Sài Gòn 1779, coi trường Dòng 1780, qua Chanthaburi (Chantaboun) 1784, đi Bangkok 1786, rồi về Chanthaburi, về Tân Triệu (gần Biên Hòa).

[603] Chữ 買 đọc “mới” ở đây, đọc “mãi” ở “biện mãi lương mẽ” cho hợp giọng văn Hán, lại vì lẽ cho hợp giọng văn Việt, đọc “mua” ở “bằng mua được bao nhiêu”, “như mua rồi”, nhưng lại đọc “mấy” ở thư IX (“tri ngô mấy lâu”). Chữ Nôm ở đây thật đã giản dị hết mực.

[604] Nguyễn Ánh đang theo 20.000 quân Xiêm dưới quyền Chiêu Tăng, Chiêu Sương. Vì vậy mới có thư gọi J. Liot về Long Xuyên

[605] Phiên âm Nôm của tên một ấp, một con rạch quen gọi là Mang Thít trong quận Minh Đức, tỉnh Vĩnh Long hiện tại.

[606] Địa điểm còn lại ở tên quận Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long

[607] Xiêm binh tha hồ cướp bóc, hiếp phụ nữ, lấy của người, giết bừa không chừa già trẻ”.

[608] 18-1-1785

[609] 26-12-1784. L.M Cadière đọc thiếu chữ “một” thành “tháng mười bữa rằm” chuyển qua dương lịch là 27-11-1784 (không hiểu sao L.M lại ghi ngày 25-11-1784?). Từ thời điểm này, ông so với ngày Pigneau đến Malacca 19-12-1784 (thư ở Pondichéry ngày 20-3-1785), A. Launay, III, t. 91, 92) để tính chuyển hành trình là 24 ngày. Thực ra có phải ngày rằm tháng 11 Giáp Thìn là ngày Cảnh từ già Ánh đi cầu viện không? Tất là không vì khởi hành 26-12 mà sao 19-12 tới Malacca? Thư Bá-đa-lộc kể

trên có nhắc chuyện gặp Ánh vào tháng 12 ở cù lao Thổ Châu khi Ánh bỏ quân Xiêm, trao Cảnh cho Bá-đa-lộc, để mình lại theo quân Xiêm đến đón ở Coal (Réam, Trùng Kè). Như vậy, ngày Cảnh đi, Ánh có mặt. Ngày “ông Cả giá hải nhi hành” này chắc là ngày rời Malacca vì Bá-đa-lộc cho biết toán đi cầu viện đến Pondichéry khoảng cuối tháng 2-1785 và mặt khác, ta thất sử quan vẫn gọi vùng Ấn thuộc Pháp là Tiểu Tây Dương quốc.

“An ổn như cũ”: bình an như cũ.

[610] Sứ đi Xiêm gồm Mạc Tử Sanh (con Mạc Thiên Tứ) và Cai đội Trung (Thực lục q2. 15b).

[611] Tiền quân Nguyễn Văn Thành sau này. Chúng ta lưu ý rằng tước phong của một người được hợp bằng tên chính của họ đăng trước rồi tiếp theo một tính từ, trạng từ, toàn bộ thành một ý nghĩa tốt đẹp như “Đức Nhuận hầu” Nguyễn Huỳnh Đức, “Thắng Toàn hầu” Nguyễn Văn Thắng (J. B. Chaigneau).

[612] “Đưa thư nơi Linh mục Gia-cô-bê Cai trưởng chiếu xét: thăm ông những ngày vừa qua có được bình an không? Nay nhân việc binh, riêng sai Khâm sai Thống binh Cai cơ Thành Tín hầu thăng đến để dò xét binh tình bao quát; cho nên đưa thư (này) để (ông) tiện biết tận tường. Phàm các lý lịch như thế nào thì chỉ giáo Thành Tín hầu cho đầy đủ. Chẳng phải nói nhiều. Xét cho”.

[613] Tự tôn sư nhận lời gửi gắm việc nước nặng nề, ra sức đi xa, phân cách Nam Bắc đến nay. Quả nhân thường hướng gió mà nhớ mong như là đói khát vậy. Kỳ hẹn tháng 6 năm trước đến mà không tin tức gì hết khiến kẻ quê này tưởng nhớ buồn phiền không chịu được”. Để hiểu thư này cùng ba thư sau, ta phải nhắc tới việc Bá-đa-lộc đi cầu viện. Lên đường khoảng tháng 12-1784, Giám mục với Hoàng tử Cảnh và đoàn tùy tùng đến Malacca rồi Pondichéry. Ở đây, Coutenceau des Algrains, người Xử lý Toàn quyền thuộc địa Ấn Độ của Pháp không nghe lời Giám mục.

Charpentier de Cossigny, Toàn quyền thực đến quyết định gửi Pigneau của Pháp trên tàu Malabar. Đi theo Hoàng tử Cảnh có 43 người tùy tùng, trong đó có Phạm Văn Nhân, Phó vệ úy, Nguyễn Văn Liêm, cai cơ. Một số người khác ở lại Pondichéry trong đó có Paul Nghị (Bảo-lộc Nghị, Hồ Văn Nghị) và Trần Văn Học.

De Cossigny đồng ý với Chevalier d'Entrecasteaux coi thủy quân Đông Ấn, gửi chiếc tàu Marquis de Castries dưới quyền De Richery đi dò tình hình. Lệnh trao ra có điều khoản rước Nguyễn Ánh nếu ông ta muốn. Bọn Hồ Văn Nghị theo tàu trở về ghé lại Thổ Châu dâng sớ xin đón Nguyễn Ánh. De Richery tiếp tục nhiệm vụ dò xét. Có lẽ thấy Tây Sơn đang khuynh đảo Bắc Hà thế lên như cồn, nên lúc trở về, ông không chờ đón Nguyễn Ánh cùng đi mà chở Hồ Văn Nghị đi luôn Pondichéry (xem thư thứ VIII).

[614] Như lời chú trước, Khiêm Quang hầu, Long Chính hầu, Quý Ngọc hầu là tước của các tướng có tên Khiêm, tên Long, tên Quý, L.M Cadière thấy Thực lục (q2, 5a) có tên Nguyễn Văn Liêm đi theo Hoàng tử Cảnh vội cho đó là chữ Liêm viết lộn qua. Thực ra Khiêm Quang hầu thuộc lớp người ở lại với Hồ Văn Nghị (Bảo-lộc sử: Thầy Paul). Thư De Richery gửi cho Bộ trưởng Hải quân Pháp ngày 5-6-1786 (A Launay. III, t. 167) báo Cảnh có 43 người theo. Vậy theo Cảnh là 1 vị Hoàng thân (Cai cơ Nguyễn Văn Liêm), 42 người hầu và bộ tốt. Sử quan nhà Nguyễn chép việc theo lối biên niên nhưng vì sau này mới lập sách nên kể rõ Phạm Văn Nhân, Nguyễn Văn Liêm là những người đã qua Pháp thật sự. Khiêm Quang hầu ... là những kẻ ở lại dưới quyền của Hồ Văn Nghị, nên sớ dâng về, sử quan chỉ ghi tên Nghị là đủ (Thực lục q2, 21b). Kẻ đi người ở thực tách biệt rõ ràng.

Có một tên Nguyễn Văn Khiêm cùng Lê Văn Duyệt theo thuyền vua long đong ở Hòn Chông, hòn Thổ Châu rồi cũng Nguyễn Văn Khiêm và Lê Văn Duyệt bị lưu lại sau trận Đồng Tuyên (tháng 4 âm 1783), đến bãi yết ở hành

tại lúc Ánh theo Xiêm binh về (Thực lục q2, 14a, mục tháng 11 âl 1784). Sự việc lẫn lộn nhưng cũng chỉ một người. Vậy Khiêm Quang hầu chắc là Nguyễn Văn Khiêm này vậy.

Cũng vì cho Nguyễn Văn Khiêm là Nguyễn Văn Liêm, nên Cadière mới đoán Phạm Văn Nhân là Quý Ngọc hầu hoặc Long Chính hầu, trái với nhận xét lấy tên người đặt tên trước như ông đã thấy. Quý Ngọc hầu là Ngô Công Quý, người được Ánh sai rước Quốc mẫu (Thực lục q2, 10a). Có một tên Nguyễn Văn Quý, Cai cơ, đánh Đông Sơn với Phan Văn Tuyên tháng 5 âl nhuận 1781 (Thực lục q1, 4a), cùng với Dương Văn Trường đánh Bến Lức của Tây Sơn tháng 5 âl 1782 (Thực lục, q1, 19a), nhưng lại bị Tây Sơn giết trong trận Đồng Tuyên tháng 4 âl 1783 trong khi đang cầm quân cánh hữu (Thực lục, q2, 2a). Còn Long Chính hầu có lẽ là Thượng đạo tướng quân Nguyễn Long sau này. Nguyễn Long là bộ tướng của Châu Văn Tiếp theo ông này từ Phú Yên vào trong chuyến đánh Gia Định chống Hộ-bộ Bá, Đỗ Nhân Trập (Thực lục, q1, 19ab). Tiếp chết ở Mang Thít, Lê Văn Quân lên thay làm Tổng nhung, đến tháng 5 âl 1785 thì mang 600 người vào Vọng Các lập đồn điền để lấy lương chi dụng (Thực lục, q2, 17ab). Vậy Nguyễn Long có thể ở vào đám người này để chịu quyền sai phái của Nguyễn Ánh

[615] “Xảy nghe tường mất, mới hay quốc tộ vẫn còn; Nguyễn Gia phúc lớn nhờ tôn sư đem về chín đỉnh, tận tình khức nôi, ráng sức cứu vớt cho nên (ngọc thành) vẻ đẹp; cái ơn cao dày ấy khắc in trong lòng, đến già (mất răng) không quên ...”. Đoạn này Cadière dịch hơi khác: (Nous sommes rendus compte) que le respectable Maitre nous ramènera les 9 urnes, en traitant avec tout son coeur cette affaire difficile en nous aidant de toutes ses forces. Vous êtes parfait comme un jade qu’on a façonné ...”

[616] “Ai hay ý người muốn vậy mà ý Trời không chịu”.

[617] Theo Cadière, Từ hải ghi “bính” là cứng, chắc, Génibrel viết chữ Bính không có bộ Kim bên cạnh, coi là một chữ Nôm và giải là “súng

binh” An-tôn-lôi (hay nôi) là Antonio Vincente de Rosa. Cô-á là Goa. Bút-tu-kê là Portugal

[618] “Vải tây nhỏ mịn 100 tấm”.

[619] De Richery

[620] India

[621] “ ... nhị vị là đấng văn trị võ tài, gồm đủ nhơn trí, khảng khái vui làm, có chí lớn cứu hiểm phò nguy ... ”

[622] “Cao rao khen ngợi”

[623] Vì lúc gấp gáp, một giọt nước là một giọt cam lộ quý báu, huống là mưa lớn làm sinh sôi nảy nở lúa má khô khan của Ta. Tạ ơn quyết định cao cả; mang đức như núi Hoa, Tung, gánh ơn như sông Giang, Hồn của nhị vị ... ”

[624] Có thể là Berneron, tên người phụ tá của De Richéry

[625] “Phò nguy giữ ngã là sự tốt đẹp của người có lòng nhân, là cái diệu dụng của sự bài nạn gỡ rối, cứu trị. Nhân nay Ta gặp thời tao loạn tối tăm ở nước ngoài (mà) nhị vị có lòng bất nhẫn, chẳng nề cái nhọc nhằn, lặn lội phụng mệnh sai vượt biển ngàn dặm mà lòng vui đẹp chẳng thường, chẳng ngại sóng to, gió cả, đội mưa, chải gió, chẳng những đồ hành lý mất đi, lại thêm thông ngôn cùng ghe phải mất (công?) lặn lội sang để nghinh giá. Ước khốn khổ công lao ấy, Quả nhân lấy chi báo cho cùng. Tuy nhị vị khảng khái vui làm chưa từng mong báo, nhưng lễ tiếp sơ sài, Quả nhân từng then lòng lúc rồi ren không thể thù tiếp, cảm tạ, tất mong nhị vị lượng thứ cho. Từ hưng khởi dựng lập căn bản đều là công nhị vị, (Ta) há quên sự thành tựu đâu”.

[626] ... Ở đây chữ “ắt” đọc là (ắt) (琰 không tìm được chữ) ; thư thứ X, chữ “ắt” (“như thủy binh Ta thời ắt còn trụ ...”) viết là (ắt) Z. Chữ (không tìm được chữ) (ốt) dùng ở thư XIV phiên âm tên J.Liot (Li-ốt) rất đúng, không hiểu sao Cadière viết “Li-ồn

[627] Có lẽ Cai bạ Nguyễn Thiệm, người cùng Giám quân Tổng Phúc Đạm, Thị giảng Nguyễn Đô ... đến hành tại trình bày tình hình “đơn nhược” của Gia Định và xúi bảo Ánh về nước (Thực lục q3, 1b). Hai chữ “chiêm” 瞻 và “thiệm” 瞻 rất gần nhau và có thể lẫn lộn. Khiêm Hòa hầu chắc là Nguyễn Văn Khiêm nay đổi tước

[628] Chúng tôi phiên chữ “trở” từ 呂 (lữ) cùng như “luống trông” từ 隴 寵 (lũng lung). Địa điểm Thán Lung được hiểu là Thang Trông (không cần đến chữ Vọng Thê) là từ nhận xét này.

[629] “Lẽ trời, việc người nhất loạt cùng làm cho có đầu có đuôi, ban đầu thì rũ cánh (bại) nhưng cuối thì sẽ vươn lên”.

[630] “Nhớ đốt tay để lại” (J. Liot).

[631] “Chẳng ghìem nhảy nhót” (nóng nảy).

[632] Nguyễn Văn Nhân. Tên được xác định vì ở đây có nêu tước vị “Bảo hộ” thấy hầu hết suốt những đoạn Thực lục có nhắc đến viên tướng này

[633] Lời tự xưng đã thay đổi vì Nguyễn Ánh đang chiến thắng

[634] Vàm (沈 trầm), Cadière dịch embouchure rất đúng vì đó là danh xưng địa phương chỉ nơi sông con đổ ra sông lớn hay sông đổ ra biển

[635] Cadière âm là “cố”, giải là “từ ngữ dùng gọi các linh mục: ông cố”. Chữ “cố” đó là khuất, xưa, viết khác 故 trong khi chữ “cố 固 trong bản văn luôn luôn phải đọc là “có” mới có nghĩa (thư V, IX, XIII). Trong suốt các bức thư chỉ thấy Nguyễn Ánh gọi các L.M là Thầy Cả, gọi J. Liot là Cai

trường, Thầy Cai trường, chớ không gọi là “ông cố” như danh xưng người bình dân ta gọi các L.M tây, phân biệt với các “cha” L.M ta.

Câu văn nếu nhận chữ “có”, tránh được các thắc mắc trên mà vẫn giữ được ý nghĩa: “ ... ớn có Cai trường (đưa, thảo) bầm văn về ... ”

[636] Cadière dịch: “ ... ou si le pilote Điểm est en retour ... ”. Không thể biết rõ ràng hơn. Bên cạnh chữ “hỏi” có âm thêm chữ “nói”.

[637] “Quan sơn ngàn dặm, tấm lòng bày tỏ (trong) nửa tờ thư”.

[638] Chữ viết như vậy nhưng có lẽ phải đọc Vũng Tàu mới đúng hơn

[639] “Kéo tới tiết gió ngược, tổn phí lương binh hàng ngày. Ngàn dặm khói sóng, một tắc lòng thành”.

[640] Hòa-lan-sa ở đây, Hoa-lang-sa ở thư VIII, Ba-lang-thê thư VI, Đại-tây-dương quốc thư IX đều chỉ nước Pháp

[641] Thực lục q.3, 19b gọi là sứ “báo tin chiến thắng” (báo tiếp) song ở đây rõ ra là chủ tâm đi cầu viện.

[642] Tước của J.M. Dayot nhận từ tháng 6-1790. Đại ý toàn bức thư: “Trí Lược hầu phục vụ lưu động cho Bộ Lại theo lệnh sai thầy Tấn nên đến đạo Long Xuyên lãnh một chiếc ghe đã chuẩn bị (ở đấy) từ tháng trước với hai khẩu súng, 4 tay chèo, đi đến xứ Châu-bôn đón thầy Cai trường Li-ốt cùng toàn trường đưa về Sài Gòn, yết kiến ở hành tại. Việc nên làm mau, chớ chậm trễ. Nay sai”.

[643] Bản chụp ảnh viết rõ ngày tháng “ ... chính nguyệt, thập bát nhật”, không hiểu sao Cadière đã dịch “1 lère lune, 18e jour” mà lại chuyển qua Tây lịch là 19-6-1791. Chuyển đúng thì đó là ngày 20-2-1791 như trên. Ngày 19-6 là ngày 18-5 âm lịch. Cadière nhìn lộn chữ “chính” 正 thành chữ “ngũ” 五 chẳng?

[644] Nghiên cứu Huế, tập 1-5, Trung tâm Nghiên cứu Huế, Huế 1998-2003

[645] Hoa Bằng, Quang Trung Nguyễn Huệ, Anh hùng dân tộc 1788-1792, Saigon: Thư Lãm ấn Thư Quán, 1958

Table of Contents

LỜI GIỚI THIỆU

MỞ ĐẦU

PHẦN THỨ NHẤT - TAN RÃ Ở NAM HÀ (1771 - 1785)

Chương 1. CÁC LỰC LƯỢNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC
ĐẾN KHOẢNG 1775

Tiết 1

Tiết 2

Chương 2 - GIA ĐỊNH, ĐẤT TRANH CHIẾM QUYẾT LIỆT

Tiết 3

Tiết 4

Tiết 5

Tiết 6

PHẦN THỨ HAI - SỰ TAN RÃ Ở BẮC HÀ VÀ PHẢN ỨNG DỘI
NGƯỢC KHI TỶ SƠN BÀNH TRƯỚNG (1786 – 1789)

Chương 3 CHIẾN TRANH BẮC HÀ 1

Tiết 7

Tiết 8

Tiết 9

Chương 4 - HỌ NGUYỄN TRUNG HƯNG

Tiết 10

Tiết 11

Tiết 12

PHẦN THỨ BA - GIAI ĐOẠN THANH TOÁN NGUYỄN - TỶ
SƠN (1789-1802)

Chương 5. SỰ CÙNG CỐ ĐÔI BÊN Ở THẾ GIẢNG CO

Tiết 13

Tiết 14

Tiết 15

Chương 6 - GIA ĐỊNH VÀ PHÚ XUN ĐỐI ĐẦU

Tiết 16

Tiết 17

Tiết 18

Tiết 19

Chương kết

Tiết 20

Chú thích